

ẤN QUANG PHÁP SƯ
VĂN SAO TAM BIÊN
QUYỂN IV

Hán văn: Đại sư Ấn Quang
Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa
Giáo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

MỤC LỤC QUYỂN IV

580. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ nhất)	7
581. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ hai)	7
582. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ ba)	8
583. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ tư)	8
584. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ năm)	9
585. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ sáu)	10
586. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ bảy)	11
587. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ tám)	12
588. Thư trả lời cư sĩ Lý Thiếu Viên (thư thứ nhất)	13
589. Thư trả lời cư sĩ Lý Thiếu Viên (thư thứ hai)	15
590. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ nhất)	17
591. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ hai)	17
592. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ ba)	19
593. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ tư)	22
594. Thư trả lời cư sĩ Diễm Uẩn	25
595. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Cơ	27
596. Thư trả lời cư sĩ Đặng Huệ Châu	27
597. Thư trả lời cư sĩ X...	27
598. Thư trả lời cư sĩ Vương Tôn Liên	28
599. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Tử Bình	29
600. Thư trả lời cư sĩ Chu Thạch Tăng (thư thứ nhất)	30
601. Thư trả lời cư sĩ Chu Thạch Tăng (thư thứ hai)	32
602. Thư trả lời cư sĩ Phí Phạm Cửu	33
603. Thư trả lời cư sĩ Trần Tân Nho	33
604. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ nhất)	35
605. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ hai)	36
606. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ ba)	38
607. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ tư)	39
608. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ năm)	41
609. Thư trả lời cư sĩ Từ Bình Hiên	42
610. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ nhất)	43
611. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ hai)	44
612. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ ba)	45
613. Thư trả lời cư sĩ Tàn Minh Quang	46
614. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ nhất)	47
615. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ hai)	48
616. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ ba)	48
617. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ tư)	49
618. Thư trả lời cư sĩ Trương Nhân Bồn	50
619. Thư trả lời cư sĩ Vương Vũ Tịch và Vương Tuyết Tịch	51
620. Thư gởi luật sư Trương Tăng Thuận	53
621. Thư trả lời hai vị cư sĩ Tiết Anh Huệ và Lưu Nhất Hạc	54
622. Thư trả lời cư sĩ X...	56
623. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho	57
624. Thư trả lời cư sĩ Dương Chấn Nhân	59

625. Thư trả lời cư sĩ Trương Như Chiêu	60
626. Thư trả lời cư sĩ Thái Cát Đường	61
627. Thư gởi hòa thượng Tâm Tịnh	62
628. Thư trả lời cư sĩ Cát Khải Văn	62
629. Thư trả lời cư sĩ Lý Cần Đan	62
630. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị	63
631. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ nhất)	64
632. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ hai)	65
633. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ ba)	68
634. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ tư)	68
635. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ nhất)	69
636. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ hai)	69
637. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ ba)	72
638. Thư trả lời cư sĩ Phương Gia Phạm	72
639. Thư trả lời đại sư Viên Chuyết	73
640. Thư trả lời cư sĩ Trần Tiếp Hòa	75
641. Thư gởi cho hai cư sĩ La Khanh Đoan và Trần Sĩ Mục	76
642. Thư trả lời cư sĩ Trí Mục	77
643. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ nhất)	79
644. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai)	82
645. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ ba)	83
646. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tư)	84
647. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ năm)	88
648. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ sáu)	92
649. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ bảy)	92
650. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tám)	93
651. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ chín)	93
652. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười)	95
653. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười một)	99
654. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười hai)	102
655. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười ba)	103
656. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bốn)	103
657. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười lăm)	105
658. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười sáu)	106
659. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bảy)	108
660. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười tám)	109
661. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười chín)	109
662. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai mươi)	110
663. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai mươi mốt)	110
664. Thư trả lời cư sĩ Chu Quân Tranh	111
665. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ nhất)	120
666. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ hai)	121
667. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ ba)	121
668. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ tư)	122
669. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ năm)	122
670. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ sáu)	123

671. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ bảy)	124
672. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ tám)	125
673. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ chín)	125
674. Thư trả lời cư sĩ Lý Tông Bồn	126
675. Thư gởi hòa thượng Diệu Chân	127
676. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ nhất)	128
677. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ hai)	129
678. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ ba)	130
679. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ tư)	132
680. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ năm)	132
681. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ sáu)	132
682. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ bảy)	134
683. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ tám)	134
684. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ nhất)	136
685. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ hai)	139
686. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ ba)	140
687. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ tư)	141
688. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ năm)	142
689. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ sáu)	143
690. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ bảy)	143
691. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ nhất)	160
692. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ hai)	161
693. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao	162
694. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ nhất)	164
695. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ hai)	167
696. Thư trả lời hòa thượng Nhữ Ngu	168
697. Thư trả lời cư sĩ Lý Tế Hoa	169
698. Thư trả lời cư sĩ Hạng Tử Thanh	169
699. Thư trả lời cư sĩ Đức Nguyên	169
700. Thư gởi cư sĩ Trác Hoằng Vinh	170
701. Thư trả lời bà Bạch Huệ Đạo	171
702. Thư trả lời cư sĩ Huệ Trung	173
703. Thư gởi cư sĩ Dương Huệ Thông	173
704. Thư trả lời cư sĩ Vương Thủ Thiện	175
705. Thư trả lời cư sĩ Triệu Dung	175
706. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ nhất)	176
707. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ hai)	177
708. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ ba)	178
709. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ tư)	178
710. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ năm)	179
711. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ sáu)	180
712. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ bảy)	181
II. TỰ (lời tựa)	182
1. Lời tựa cho sách Danh Sơn Du Phỏng Ký	182
2. Lời tựa tái bản kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bồn Nguyên Công Đức	183
3. Lời tựa cho tác phẩm Quảng Trường Thiệt	184

4. Lời tựa ấn hành tác phẩm Tư Quy Tập	185
5. Lời tựa cho sự việc kính cẩn chép đại kinh Hoa Nghiêm nhằm trọn hết lòng hiểu thảo	187
6. Lời tựa lưu thông phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm	189
7. Lời tựa cho tác phẩm Hám Sơn Đại Sư Niên Phổ Sớ	192
8. Lời tựa cho tập sách Khuyến Giới Sát Phóng Sanh Văn	193
9. Lời tựa quyền mộ lập hội Một Vạn Người Kết Duyên Cùng Sanh Tây Phương của chùa Kim Đài tại Đan Dương	196
10. Lời tựa cho lưu thông bộ Phật giáo Tịnh nghiệp xã (bộ phận phát hành kinh sách của Phật giáo Tịnh nghiệp xã)	199
11. Lời tựa cho tờ niên san số thứ hai của Phật giáo Tịnh nghiệp xã ở Vô Tích	201
12. Lời tựa cho Hoằng Hóa Nhật Ký	202
13. Lời tựa cho sách Gia Đình Bảo Giám	204
14. Lời đề từ và bài tựa cho sách Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận Giảng Nghĩa	206
15. Lời tựa cho tác phẩm Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh Tân Sớ	208
16. Lời tựa ấn hành sách Tịnh độ Sanh Vô Sanh Luận Giảng Nghĩa	209
17. Lời tựa mừng thọ vợ chồng tiên sinh Lý Phụng Kỳ	211
18. Lời tựa cho cuốn Văn Sao Trích Yếu	214
19. Lời tựa tái bản cuốn Bát-nhã Dung Tâm Luận	214
20. Lời tựa cho sách Phổ Khuyến Học Phật Đàm	215
21. Lời tựa sách Nhân Quả Thực Chứng	217
22. Lời tựa sách Triều Mộ Khóa Tụng Bạch Thoại Giải Thích	218
23. Lời tựa cho lễ truyền giới tại Viên Giác thiền viện ở Ngư Sơn, huyện Sào	220
24. Lời tựa ấn hành bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên	223
25. Lời nói đầu dành cho bản báo cáo kết toán thu nhập lần thứ sáu của Hoằng Hóa Xã ở Tô Châu	226
26. Duyên khởi niệm Phật bốn mươi chín ngày của lan-nhã Thường Tịch Quang núi Vân Cư, Hàng Châu	227
27. Duyên khởi của liên xã Hải Môn tại Phước Châu	227
28. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Lạc Thanh	229
29. Duyên khởi của phân xã Đường Áp thuộc Phật giáo Cư sĩ lâm Nam Thông	231
30. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Nam Kinh	231
31. Duyên khởi của Niệm Phật xã Hồ Tây	232
32. Duyên khởi của liên xã Phổ Tế thuộc am Quán Âm, Hoài An	233
33. Duyên khởi của Phật giáo Cư sĩ lâm Tĩnh Giang	234
34. Duyên khởi của Phật học liên xã Cao Đông	236
35. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp liên xã tại miếu Viên Gia thuộc Dư Đông, Nam Thông	237
36. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Nghi Hưng	238
37. Duyên khởi của duyệt kinh thất Huệ Tế Cư	240
38. Lời tựa nhỏ cho một trăm bài kệ ca ngợi A-di-đà Phật	242
39. Lời tựa nhỏ cho một trăm bài kệ luận về Niệm Phật Già Đà Giáo Nghĩa của thiền sư Triệt Ngộ	243
40. Tiểu dẫn (lời dẫn giải ngắn) về hai điều lợi ích do vẽ tượng Phật	243

41. Tiểu dẫn về việc quyên mộ để kiến lập đạo tràng Siêu Độ Cô Hồn Tiêu Tai Phật Thất ở Như Cao	243
42. Lời tiểu dẫn cho Phật học hội Như Cao	244
43. Lời tiểu dẫn cho tập sách Danh Hiền Đề Vịnh (<i>viết thay cho thường trụ Linh Nham</i>)	245

QUYỂN IV

580. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ, nhưng vì gặp đúng kỳ thiện tín tới Phổ Đà dâng hương nên bận rộn chẳng thể trả lời ngay được. Hôm trước, tôi đã nhờ phòng kế toán chùa Thái Bình ở Thượng Hải gửi cho ông một trăm bộ Văn Sao. Nếu sách sắp hết thì có thể giảm số lượng xuống một nửa, đều gửi bằng thư bảo đảm, họ sẽ gửi ngay. Nếu ở Tân Giang có nhiều người muốn thỉnh thì khi Quang sang Thượng Hải sẽ gửi một trăm bộ nữa để mong kết duyên, khoản tiền ấy không cần phải gửi trả. Nhưng ai có thể đứng ra in Quán Âm Bồ-tát Tụng thì không nguyện nào chẳng được chu toàn, sẽ dần dần cảm hóa được quyến thuộc, lâu ngày họ sẽ đều được cảm hóa mà không hay không biết, nhưng điều ấy tùy thuộc cái tâm của chính mình có chân thành hay không? Nếu chính mình vẫn theo thói sáo rỗng, bày vẽ giả dối bề ngoài thì sẽ không có sức cảm hóa, ngược lại còn chuốc lấy nổi nhục bị phỉ báng. Bởi lẽ pháp thế gian hay xuất thế gian đều lấy thân làm gốc.

Thư từ bình thường chỉ nên dùng những chữ dễ nhận biết là được rồi, cần gì phải cố ý dùng từ ngữ tinh xảo, bóng bẩy, đến nỗi người đọc không hiểu trọn vẹn. Hết thấy những thiện sự đều xin tùy hỷ, làm được những việc ấy quả thật là tâm đại Bồ-đề. Đợi sau này khi có lúc rảnh rỗi, sẽ trình bày cặn kẽ nhân duyên thành lập viện mồ côi chùa Pháp Vân, xin ông hãy tùy tâm tán trợ. Trong Văn Sao đã có hai bài sơ về chuyện này, đọc hai bài sơ ấy chắc sẽ hiểu được ý [của những người đứng ra xướng suất]. Chuyện ấy không do Quang đề xướng, mà là do các vị như Ngụy Mai Tôn v.v. (Mai Tôn giữ chức quan Hàn lâm vào đời Thanh trước kia, đến thời Dân Quốc bèn ẩn cư, đủ biết tánh tình khăng khái của ông ta) lôi kéo Quang vào đấy để giúp phần nào nhiệt vậy.

581. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ. Ông nói đến bệnh cũ, chắc đã lành hẳn rồi. Đã nhận được hồi phiếu, đừng lo. Sự vắng sanh của Không Tam tuy kỳ lạ, nhưng thật ra hết sức bình thường, chẳng có mảy may lạ lùng đặc biệt gì, như người trở về nhà, hễ muốn đi liền đi. Nếu trước hết chẳng quét dọn tâm địa cho sạch sẽ thì sẽ bị nghiệp lôi kéo, chính mình cũng chẳng thể làm chủ được mảy may nào, chỉ đành theo nó đi. Chuyện ấy nếu là thật thì ngài Đế Nhàn và sư Đàm Hư sẽ tự ghi chép để làm rạng rỡ môn đình, chẳng cần đến ông và tôi nhọc lòng lo thay cho họ.

Còn đối với chuyện cưới gả của con cái hiện thời thì một khi nó đã tự quyết định, chỉ đành thuận theo nó. Nếu không, sau này bọn chúng chắc sẽ buông lời oán trách. Tuy nói là “không thốt ra lời oán trách nào”, nhưng một mai tình yêu gần cận thì những kẻ ly hôn, đi lấy người khác chẳng biết số đến bao nhiêu! Nước nhà sắp hưng thịnh thì luân thường, kỷ cương ắt sẽ chấn hưng; nước nhà sắp suy bại ắt luân thường, kỷ cương sẽ lỏng lẻo, bỏ phế. Đã chẳng nói gì đến luân thường, kỷ cương thì còn nói gì đến gia giáo nữa? Gia giáo (giáo dục trong gia đình) đã không có thì đất nước há có người hiền được ư? Đây là một điều đại bất hạnh cho nước ta. Nếu chuyện con cái đã xong xuôi rồi thì hãy để mặc cho chúng nó tự chủ trương nhằm chống đỡ thể diện theo kiểu mới của bọn chúng, còn chúng ta hãy chuyên tâm niệm Phật để tu pháp môn cũ kỹ của chúng ta thì đôi bên đều được thoải mái, ngõ hầu chẳng đến nỗi phải lo lắng quá sức về chuyện con cái để rồi đại sự sanh tử của chính mình xoi hỏng hỏng không!

582. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ ba)

Niệm kinh, niệm Phật đều có thể siêu độ vong nhân, chỉ có điều niệm Phật thì có thể không gián đoạn, chứ niệm kinh chẳng thể không gián đoạn như niệm Phật được. Hơn nữa, niệm kinh tốn sức hơn niệm Phật, do vậy Quang thường khuyên người khác niệm Phật. Ông phát nguyện niệm kinh Địa Tạng rất tốt.

Gần đây Mai Tôn rất chân thật niệm Phật, lo toan thực hiện những nghĩa cử tốt lành. Nói ông ta xuất gia chính là lời đồn. Chí thành, cung kính quả thật là cái gốc để mong thành hiền, thành thánh, học Phật, học tổ, hễ tâm con người chú trọng nơi cung kính thì hết thấy những cái tâm phóng túng, tà vạy, xa xỉ sẽ tự không còn do đâu dấy lên được nữa. Ông đã chân thật hành trì như thế, cũng phải nên khuyên vợ con tùy phần tùy sức tu trì thì mới đúng là đạo “tự lợi, lợi người từ thân đến sở”, ngõ hầu ai nấy tâm đều được tương ứng với Phật.

583. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ tư)

Nhận được thư cho biết Hoàng Đích Viên sẽ sang Thượng Hải thăm viếng. Ngày hôm qua ông ta có tới đây, tán gẫu về duyên do giữa Tịnh và Mật. Căn bệnh của người học Mật tông là “muốn đắc thần thông, muốn thành Phật ngay trong thân hiện tại”, hễ hỏi đến thì ai cũng nói không có ý niệm ấy, nhưng thật ra thì không một ai chẳng có ý niệm đó. Bởi lẽ, trước hết người xướng suất hướng dẫn đã dùng thần thông để thu hút, lay động kẻ khác thì người học sao lại chẳng có ý niệm ấy cho được? Ngày hôm qua có khoảng năm sáu vị, chứ không phải một mình ông Hoàng. Bọn họ có tin tưởng hay không, tôi chẳng bận tâm! Bọn họ học Mật mà hồi hướng Tịnh độ cố nhiên là chánh lý, chỉ sợ bọn họ đã coi rẻ sự vắng

sanh Tịnh độ, chỉ muốn thành Phật ngay trong thân hiện tại thì chắc sẽ đến nỗi mắc bệnh.

Nếu bọn họ không có thứ tri kiến ấy sẽ trọn chẳng đến nỗi khen ngợi Đại Ngu¹, đã khen ngợi Đại Ngu tức là coi những gì Đại Ngu đã nói là lời luận nghị hết sức xác đáng. Nhưng đệ tử “thành Phật” của Đại Ngu hoàn toàn không có những biểu thị cho thấy họ đã thành Phật. Đủ thấy ông ta hứa khả người khác đã chứng đắc bừa bãi để mong được người đời cung kính cúng dường, tôn xưng mình là vị cao tăng đã thành Phật. Ông ta phạm đại vọng ngữ, mắc tội “đem phàm lạm thánh” quả thật chẳng nhỏ!

Chúng ta chỉ nên giữ lấy cách tu trì Tịnh độ, nhường cho hết thảy mọi người đều được thành Phật để độ bọn ta thì may mắn chi hơn? Hai đứa con trai ông cùng đến Bắc Bình (Bắc Kinh), hãy cực lực khuyên chúng nó học hành giỏi giang. Muốn học hành giỏi giang thì trước hết phải bắt đầu bằng lập chí, lập phẩm đức, biết nhân rõ quả. Không lập chí thì sẽ không có gì để hướng về; không lập phẩm đức thì việc làm bị kém hèn, nhơ bẩn; không biết nhân quả thì không thể ngăn chặn tà niệm hồng giữ được lòng thành, ắt sẽ đến nỗi lọt vào phùng tiểu nhân mà không hay biết.

584. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ năm)

Nhận được thư đầy đủ, ông đã ăn chay niệm Phật, hãy nên làm cho quyến thuộc cùng được hưởng vô thượng lợi ích ấy thì mới là đạo tự lợi lợi tha. Thế đạo hiện thời là thế đạo hoạn nạn, nếu chẳng tu trì sẵn, rồi cuộc chẳng biết sau này sẽ nguy hiểm ra sao. Nếu có thể chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm thì sẽ được gia hộ ngấm ngầm. Trước đây, tôi sợ Văn Sao đã phát ra hết, nay thầy Chân Đạt từ chùa Thái Bình trở về núi, cho biết hãy còn mấy trăm bộ. Nếu ông muốn kết duyên thì tôi sẽ gởi tới ba bốn chục gói (mỗi gói là ba bộ), chẳng cần phải thỉnh từ Thương Vụ Ấn Quán là loại sách in bằng giấy có độ bóng.

¹ Đại Ngu tên thật là Lý Thúc Bồi (còn có tên là Lý Tông Đường), quê ở Vũ Hán. Thoạt đầu xuất gia tại chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, tu pháp môn Tịnh độ, sau nghiên cứu Giáo học. Theo đồ tôn của Đại Ngu là lão nhân Nguyên Âm, Đại Ngu từng tu ban-chu tam-muội đến nỗi đầu gối sưng phù, không bước đi được, nhưng vẫn tinh tấn, dùng tay bò đi để tiếp tục thực hành ban-chu tam-muội. Tương truyền, trong khi tu tam-muội này, ông ta cảm được Phổ Hiền Bồ-tát hiện thân quán đánh, truyền trao một loại mật pháp gọi là Tâm Trung Tâm Mật Pháp, tức chú pháp Đại Tùy Cầu Đà-la-ni và Phật Tâm Kinh trong Đại tạng. Sau sáu năm tu tập, ông hạ sơn và truyền dạy pháp môn này, trở thành tổ sư tông phái Ấn Tâm tông (còn gọi là Tâm Mật), để tóc và trở lại đời sống cư sĩ. Ông ta thường hiển thị thần thông lôi kéo tín đồ. Đương thời, tín đồ đông đến năm sáu vạn người. Phái này cho tới hiện nay vẫn còn tại Hoa Lục và Đài Loan, họ tôn Vương Tương Lục làm đệ nhị tổ, lão nhân Nguyên Âm là đệ tam tổ.

Đối với những lời tôn kính thừa thãi thì ở nơi xa bất tiện, chẳng cần phải bắt chước theo thói tục sáo rỗng ấy. Ngay như với những bộ Văn Sao đã gởi, cũng đừng gởi tiền thỉnh sách tới, vì những sách ấy vốn nhằm để kết duyên. Nếu có thể khiến cho người nơi đất Cáp (Cáp Nhĩ Tân: Harbin) đều cùng sanh lòng tin thì lợi ích lớn lao thay! Đợi đến mùa thu khi Quang sang Thượng Hải sắp chữ cuốn Đại Sĩ Tụng xong, thương lượng giá thành ổn thỏa thích đáng thì sẽ in một chương trình gởi kèm theo thư để ông tự đứng ra bỏ tiền in, hoặc khuyên người khác bỏ tiền ra in, ngõ hầu sách được lưu truyền rộng rãi thì sẽ vô cùng lợi ích.

Ông đã trì tụng các kinh như Kim Cang v.v. thì cũng chẳng cần phải bỏ không trì tụng nữa, nhưng phải đều đem hết công đức trì kinh tụng chú hồi hướng vãng sanh thì lực độ vạn hạnh sẽ đều trở thành trợ duyên vãng sanh. Đây chính là viên tu vậy!

585. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ sáu)

Năm mới² đã đến, chúc ông đứng - ngồi hưởng phước, các duyên như ý. Ngày 29 tháng Chạp, Ngụy Mai Tôn từ Nam Kinh gởi thư đến có kèm theo thư ông, cho biết đã đảm nhiệm in hơn ba ngàn cuốn Đại Sĩ Tụng, tôi cảm thấy vui mừng, may mắn khôn cùng! Ông nói đến chuyện lệ phí chuyển tiền, bưu phí v.v. thì Quang đã ứng ra rồi. Do Cáp Nhĩ Tân xa xôi, dầu không có ai đứng ra bỏ tiền in, cũng sẽ gởi chừng đó bộ để sự giáo hóa từ bi của Đại sĩ được biết đến rộng rãi. Món tiền ấy bất quá một hai trăm đồng, cần gì phải tính toán chi ly vậy?

Đại Sĩ Tụng đã được sắp chữ xong, tổng cộng 206 trang, thêm 2 trang ghi tên công đức, thành ra 208 trang. Mỗi bộ sẽ tốn thêm một xu thì một ngàn bộ sẽ phải tốn thêm mười đồng, nhưng chẳng cần phải gởi bù khoản tiền ấy. Như sau này có ai muốn bỏ tiền ra in, hỏi tới thì hãy đem chuyện này bảo với họ để họ biết nguyên do.

Đối với khoản tiền đã gởi, nếu lần này Trung Hoa Thư Cục đã giao biên nhận thì thôi. Nếu như sau này có ai gởi tiền thì bất luận bao nhiêu người cũng chỉ gởi một biên lai chung cho người đứng ra gởi tiền, chẳng cần phải giao biên lai cho

² Nguyên văn “Hiên Tuế”. Hiên Tuế (獻歲) là tên gọi khác của tháng Giêng, nên chữ Hiên Tuế thường được dùng trong các lời chúc tết. Có lẽ trong 12 tháng của âm lịch, tháng Giêng được gọi với nhiều tên khác nhau nhất, ngoài tên thông dụng nhất là Chánh Nguyệt ra, còn có các tên sau đây: Nguyên nguyệt, đoan nguyệt, mạnh nguyệt, chinh nguyệt, sơ nguyệt, gia nguyệt, tam vi nguyệt, tư nguyệt, mạnh xuân, khai tuế, phát tuế, hiên tuế, phương tuế, hoa tuế, tảo xuân, xuân vương, mạnh dương, mạnh tư, thủ dương, tân chánh, hạ chánh, thanh dương, tam dương, sơ xuân, thi xuân, khai xuân, đại thốc, thủ xuân, nguyên dương, chánh dương, dân nguyệt, thái nguyệt...

từng người, bởi lẽ chuyện này khác với quyên mộ để làm thiện sự. Chuyện này sẽ có sách để giao cho người ta thì cần gì phải giao biên lai nữa? Người đứng ra gởi tiền hẳn nhận được biên lai liền biết món tiền đem gởi đã được giao tới nơi không bị thất lạc là được rồi. Lúc sách in xong, đa số sách ấy sẽ do công ty chuyển vận gởi đến tận chỗ ở. Xin hãy dựa theo danh sách quyên mộ để phân phát thì so ra sẽ ổn thỏa thích đáng hơn.

Mai Tôn chẳng ở tại Thượng Hải, vì thế gởi thư của ông cho Quang, nhờ báo với Trung Hoa Thư Cục rằng: “Đối với chuyện ghi tên người làm công đức, hãy nên dùng biện pháp đỡ tốn giấy: Từ mười đồng trở lên thì đề tên, còn dưới mười đồng thì chỉ ghi tổng cộng in bao nhiêu bộ là được rồi.” Do mỗi bộ đỡ tốn một trang giấy thì hai vạn bộ sẽ tiết kiệm được 30 đồng, mười vạn bộ sẽ tiết kiệm được 150 đồng. Huống chi đã có sách giao cho họ, chẳng đến nỗi bị dị nghị, cho là đã mất tiền suông v.v.. Nêu tên người làm công đức và số sách đứng in thì một là để nêu rõ thiện tâm của người đứng ra bỏ tiền in, hai là để nêu rõ người ấy đã lưu thông bao nhiêu đó cuốn.

586. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ bảy)

Hôm qua cư sĩ Kiêm Thanh đến đây, cầm theo thư ông, khôn ngăn vui mừng an ủi. Lễ giáo thế gian suy vi, chuyện cưới gả phần nhiều chú trọng sát sanh để phô trương, chẳng biết nam nữ lập gia đình là đầu mối của nhân luân, là chuyện vui mừng đẹp đẽ nhất. Do tổ chức cuộc lễ vui mừng tốt đẹp ấy mà đến nỗi có vô số con vật bị lâm vào tử địa để cung cấp cho con người ăn nuốt; hung ác, xui xẻo đến cùng cực! Nhưng người đời vẫn cứ coi đó là sang vì quen thói xấu ác mà ra. Nếu suy nghĩ, ắt cái tâm hồi hộp bất an sẽ tràn trề nảy sanh. Phong tục chuyên biến đều do một hai người đứng ra đề xướng mà được bắt đầu. Ông gả con gái như thế (tức là đãi khách bằng cỗ chay) chắc sẽ có người bắt chước làm theo, chắc là lẽ thói xa xỉ cũng sẽ do đây mà dần dần giảm bớt!

Tôi thường nói “thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm”, trách nhiệm ấy ở nơi đâu? Chính là trong gia đình khéo dạy dỗ con cái, nhưng dạy dỗ con gái lại càng thiết yếu hơn! Bởi lẽ, nếu con gái hiền ắt sẽ có thể giúp chồng thành tựu đức hạnh, nêu gương mẫu cho con cái. Từ đây con cháu sẽ nối tiếp nhau làm người hiền thiện. Hãy nên dạy cho lệnh ái³ hiểu căn kẽ nghĩa này, trong Văn Sao đã nhiều lần nhắc đến, nếu cô ta đọc thuộc rồi tận lực thực hành thì lợi ích lớn lắm.

Cư sĩ Kiêm Thanh đạo tâm chân thật, thiết tha, thật chẳng dễ có; nhưng do thời gian ngắn ngủi, chỉ ở lại một đêm rồi đi, thất vọng không chi hơn. Đã gởi đi

³ Danh xưng tỏ vẻ kính trọng con gái của người khác.

năm gói Đại Sĩ Tụng trong hôm 18 tháng 4, chắc đã nhận được rồi! Tổng cộng là 35 bộ, sau đó lại gởi bao nhiêu bộ đó nữa. Số còn lại thì đợi sách được in ra trong lần thứ hai, thứ ba mới có thể giao trọn hết số lượng được. Văn Sao đã cho sắp chữ, ước chừng trong năm nay có thể ra sách, so với lần trước tăng thêm ba bốn vạn chữ, nhưng chỉ là “gom lá, đắp cát” mà thôi, rốt cuộc đều chẳng liên can gì tới Phật pháp lẫn tâm pháp.

587. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ tám)

Nhận được thư, biết ông từ chức, về ở nhà, hằng ngày cùng quyến thuộc tu trì tịnh nghiệp để mong cùng thoát khỏi thế giới khổ sở này, lên cõi Cực Lạc kia, thường được thân cận A-di-đà Phật, Quán Âm, Thế Chí và các vị thượng thiện nhân, khôn ngăn vui mừng an ủi.

Mùa đông năm ngoái, công ty Chiết Giang Ấn Loát ở Hàng Châu gởi tới 20 gói Tăng Quảng Văn Sao bản in mới bằng thư bảo đảm, mỗi gói là 3 bộ, 4 gói Thọ Khang Bảo Giám, mỗi gói là 25 cuốn; tôi đã bảo gởi tới chỗ ông tại đường Hoa Viên, chẳng biết ông đã nhận được hay chưa? Những sách ấy tặng cho ông để kết duyên. Nếu chưa nhận được, xin hãy đến bưu cục hỏi xem những sách này rốt cuộc đã giao tới chỗ nào? Lại nữa, đã gởi tới Cáp Phụ Tuyên Giảng Đường 50 gói An Sĩ Toàn Thư, mỗi gói 4 bộ, 20 gói Thọ Khang Bảo Giám.

Sợ rằng chưa thể gởi được Văn Sao. Vì trong hôm 20 tháng Chạp năm ngoái, ấn quán gởi hóa đơn giao hàng tới cho biết có lẽ ba bốn bữa sau sẽ gởi sách đi. Nào ngờ đến hôm 24, ấn quán bị chạm điện, gian nhà chánh bị cháy sạch nhà cửa lẫn đồ đạc. Sách Quán Âm Tụng, An Sĩ Toàn Thư, Văn Sao, Bảo Giám, bốn bức chỉ bản của Quang đều bị cháy ra tro. Tôi đã thỏa thuận với công ty ấy để in một vạn cuốn Văn Sao và ba vạn cuốn Bảo Giám. Họ in trước năm ngàn bộ Văn Sao, hai vạn cuốn Bảo Giám nhưng báo với Quang đã in xong xuôi toàn bộ, đã phát ra một nửa, đòi phải giao tiền. Quang bảo họ gởi hóa đơn giao sách tới, nhưng khoản tiền ấy tôi chưa trả. Đến khi chùa Thái Bình ở Thượng Hải sắp đem tiền tới, họ mới đem tờ hóa đơn ấy gởi tới, khi ấy tôi mới biết họ chỉ in một nửa, nhưng đã dùng lỗ tiền ấn loát hơn một ngàn đồng. Ngày hôm trước nhận được tờ hóa đơn ấy thì ngày hôm sau liền nhận được tin họ bị hỏa hoạn. Đây là vì họ một mực gian trá, điêu ngoa khiến cho thần nổi giận mà ra. Nếu ước theo lương tâm để nói, sách của Quang không đến nỗi bị cháy nhiều lắm, vì những sách đã đóng bìa xong đều được cất trong một căn nhà nhỏ ở phía sau, căn nhà nhỏ ấy chưa cháy, còn những sách chưa hoàn tất thì để ở chỗ đóng bìa.

Nếu bọn họ không thiếu lương tâm, giao hết số sách đã in xong cho Quang, Quang vẫn phải chịu thiệt trên dưới một ngàn đồng (đây là món tiền họ xài lố). Nếu bọn họ thiếu lương tâm, Quang sẽ tổn thất khoảng hai ngàn ba trăm đồng, không tính bốn bức chỉ bản bị cháy trong khoản tiền thất thoát ấy. Đây là vì Quang không có đạo đức, bọn họ vô lương tâm, hết thầy học nhân tính nghiệp thiếu duyên đọc những sách ấy cho nên mới có tai nạn này.

Trong tháng Nhuận, tôi sẽ sang in ở Thượng Hải. Phàm những ai đã bỏ tiền đều căn cứ theo số tiền mà giao đủ sách, chẳng thiếu sót mảy may nào. Phàm những sách để kết duyên thì đành lượng sức mà thôi, chẳng thể như trước được. Xin hãy đến Tuyên Giảng Đường hỏi xem An Sĩ Toàn Thư, Thọ Khang Bảo Giám như tôi đã nói trong phần trên đã gởi tới hay chưa? Văn Sao gởi tới bao nhiêu đồ bộ, nếu chưa gởi tới trọn hết thì vẫn còn thiếu họ 66 đồng, trong mùa hạ sẽ gởi tới. Nếu đã gởi đủ số thì dư ra hơn 200 đồng.

Lệ phí chuyển tiền ở đất Cáp Nhĩ Tân quá nặng, bất luận là Tuyên Giảng Đường hay ông đều đừng nên gởi tiền tới. Tuy Quang gặp phải nạn này nhưng vẫn chưa đến nỗi túng quẫn không làm gì được! Trong khoảng xuân hạ sẽ có đôi ba gói Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú và Gia Ngôn Lục được gởi tới. Hai loại sách này Quang đều cho tạo thành bốn bức chỉ bản, tính gởi một bức sang Cáp Tuyên Giảng Đường hoặc chùa Cực Lạc, ngõ hầu sau này chẳng cần phải thỉnh sách từ phương Nam nữa.

Thế đạo hiện thời không có cách nào vẫn hồi. Nếu muốn cứu đời, ngoại trừ đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, không thể nào thực hiện được. Giáo dục trong gia đình rất cần chú ý đến nhân quả báo ứng, nhưng dạy dỗ con gái lại là thiết yếu nhất. Bởi lẽ, không có hiền nữ sẽ không có hiền mẫu, không có hiền mẫu làm sao có con cái hiền lương cho được? Đây chính là pháp luân căn bản. Những điều con người hiện thời đề xướng toàn là cành nhánh, từ thuở bé đã chẳng biết đến đạo làm người và sự lý nhân quả báo ứng thì một khi bị kẻ tà vạy dụ dỗ sẽ mặc sức làm càn. Những đứa phé luân thường, vứt bỏ lòng thẹn, giết cha, gian mẹ đều do thuở ban đầu không được mẹ hiền un đúc mà ra.

588. Thư trả lời cư sĩ Lý Thiếu Viên (thư thứ nhất)

Mấy hôm trước, nhận được thư do Lý Viên Tịnh chuyển đến, biết cư sĩ gần đây tu trì khá thiết tha, mà cái tâm lợi người lại càng hết sức chân thật thiết tha, tôi khôn ngăn vui mừng an ủi. Chương trình của Niệm Phật Đoàn khá hay, chỉ có lời khai thị trong khi trợ niệm không hợp lẽ cho lắm nên tôi sửa đổi đại lược và nêu nguyên do, đã giao cho Lý Viên Tịnh cầm đi, chắc ông đã đọc qua rồi.

Gần đây, Quang bận bịu đến tột bậc do phải giáo chánh, đối chiếu Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỳ. Sách ấy do Quang từng khuyên Ngụy Mai Tôn biên tập vào năm Dân Quốc 13 (1924), ông ta cũng hết sức hoan hỷ, nhưng do tinh lực không đủ, phải bỏ dở giữa chừng. Năm trước, Nhiếp Vân Đài thỉnh Hứa Chỉ Tịnh biên tập, hoàn thành bản thảo vào tháng 8. Nhiếp Vân Đài bị bệnh, chẳng thể lo toan được. Do muốn thỏa mãn ý nguyện xưa của mình, Quang liền một mình gánh vác chuyện ấy, nay đã sắp chữ gần xong. Lại còn sắp xếp một bản in khác với cỡ chữ Tứ Hiệu Tự, cho in bằng giấy báo; ước chừng cuối tháng 11 sẽ có thể sắp chữ xong. Xong chuyện, sẽ ở ẩn lâu dài.

Bộ sách ấy thu thập những sự tích cảm ứng trong 24 bộ sử, lại còn có thêm lời bình luận sao cho phù hợp với nhân quả ba đời như đức Phật đã nói. Nếu hạng nhất-xiển-đề chẳng thèm để mắt tới thì không biết làm sao; chứ nếu ngó tới, ắt sẽ có ngày cải tà quy chánh. Do vậy Quang chẳng tiếc sức nhọc nhằn để lo liệu. Hiện thời đã quyên mộ đủ tiền in hai vạn bộ (trọn chẳng phải là đặc biệt quyên mộ, mà là có những người biết được liền xin bỏ tiền giúp đỡ ấn hành), một đồng có thể in được hai bộ. Sách được chia thành bốn cuốn, gồm ba trăm năm chục, sáu chục trang. Hiện thời, do vẫn chưa sắp chữ xong nên chưa thể biết chắc số trang được, nhưng ước chừng là như thế, dầu bao nhiêu đi nữa cũng không vượt quá số trang ấy.

Nói tới chuyện quy y thì do ông đã quyết định, Quang cũng chỉ đành tùy duyên. Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Viên, nghĩa là dùng cái trí vô ngại viên dung để tu chân ngay trong cõi tục, hiểu trọn vẹn các pháp, chuyên tu tịnh nghiệp hòng tự lợi lợi tha (tuy hiểu trọn vẹn các pháp, nhưng quyết chẳng thể không chuyên tu tịnh nghiệp; nếu không sẽ chẳng phải là tịnh nghiệp hành nhân mà chính là người tu pháp môn tự lực theo đường lối thông thường).

Những bậc đại thông gia hiện thời phần nhiều muốn cho môn đình cao lớn, nên phần nhiều giảng thuyết những pháp chẳng hợp căn cơ, hoặc chỉ bàn nói điều huyền lẽ diệu, chuyên ý vào tự lực, chắc sẽ đến nỗi chân lẫn tục đều ngoắt ngoéo, bị cõi đời cười chê (Phàm là người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Chẳng y theo điều này để dạy người thì sẽ chẳng hợp căn cơ! Muốn học Phật pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận. Nếu không, còn là tội nhân trong thế gian, làm sao đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp ư?) Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ. Xin hãy sáng suốt suy xét thì may mắn thay!

Ông nói người vãng sanh ít ỏi, quả thật là do tín nguyện chẳng chân thật thiết tha mà ra. Nếu tín nguyện chân thật thiết tha, dầu lúc lâm chung mới niệm thì được vãng sanh vẫn là hợp lẽ. Nếu hời hợt, phù phiếm, trong tâm vẫn mơ màng phước báo đời sau, làm sao vãng sanh được? Gốc bệnh ở nơi ấy, chớ nên không biết!

(Ngày 23 tháng 10 năm Dân Quốc 18 - 1929)

589. Thư trả lời cư sĩ Lý Thiệu Viên (thư thứ hai)

Nhận được thư và Tự Tri Lục, biết tâm mộ đạo của cư sĩ và các vị hết sức chân thật thiết tha, tiếc là chưa biết gương mẫu tu hành tốt đẹp, bèn coi những lời nói nhăng nói càn, đơm đặt bịa chuyện là quý báu nhất (chỉ Tự Tri Lục) rồi muốn lưu thông [những lời do kẻ khác bịa đặt], ngõ hầu ai nấy đều đạt được cảnh ấy, chẳng biết đây chính là lời lẽ ma mị đáng ghét bậc nhất, dẫn dắt người khác lọt vào cảnh ma.

Đầu mùa hạ năm ngoái, cư sĩ La Tế Đồng ở Thượng Hải có được cuốn sách ấy liền cho in thạch bản một ngàn cuốn để biếu tặng người khác. Cư sĩ Đinh Quế Tiều muốn lưu truyền rộng rãi bèn bảo Tế Đồng gởi cho Quang một gói; còn Quế Tiều tự viết thư cho Quang, xin Quang đọc để “hề sách chẳng đến nỗi làm cho người khác bị lầm lạc thì sẽ viết lời phê bình tường tận”, còn cậy Quang viết lời tựa để mong được lưu truyền rộng rãi. Quang đọc xong, khôn ngăn kinh dị, bèn đề nguyên gói sách gởi trả lại cho Quế Tiều, cực lực thuật rõ những cái họa của cuốn sách ấy.

Bởi lẽ, sách ấy sẽ lôi kéo những kẻ sơ tâm chẳng dụng công nơi nhất tâm chí thành nghĩ nhớ, mà chỉ thường muốn thấy cảnh giới tốt đẹp. Nếu họ vừa thấy cuốn sách này sẽ liền chẳng học theo bà Hồ chân thật dụng công mà cứ chuyên muốn đạt được cảnh giới tốt đẹp giống như bà Hồ. Do cái tâm cuồng vọng, gấp rút, thiết tha, thường khởi ý niệm như thế ấy, ắt sẽ đến nỗi dẫn khởi oán gia trong đời trước biến hiện những cảnh kẻ ấy hâm mộ, và khi vừa được thấy cảnh ấy liền sanh lòng hoan hỷ lớn lao, oán gia sẽ liền dựa vào thân. Kẻ ấy liền mất trí điên cuồng, Phật cũng chẳng thể làm sao cứu giúp người ấy được. Quang cũng chẳng thể bảo “lời bà Hồ kẻ toàn là bịa chuyện”, nhưng cũng chẳng dám bảo là chân thật không dối trá. Vì sao vậy? Nếu bà ta thật sự đạt đến loại cảnh giới ấy, há lẽ nào chẳng biết những lời lẽ ấy sẽ khiến cho người khác bị lầm lẫn. Xin hãy nói với ông La Tế Đồng, từ nay đừng gởi tặng cho người khác nữa. Những sách còn lại hãy nên giao cho ngọn lửa để diệt mầm họa.

Chưa đầy một tháng sau, ông Vương Mưu Phụng ở Hàng Châu lại nhận được cuốn sách ấy, khôn ngoan hoan hỷ, cũng cho in thạch bản một ngàn cuốn. Có người bảo hãy gửi cho Quang xin chứng minh, giám định. Do vậy ông ta viết thư và gửi sách đến, Quang liền lấy đại ý những lời đã nói với ông Đình Quế Tiêu để phúc đáp. Vương Mưu Phụng mới ngưng in, đem thư Quang đăng trên tờ Phật Học Châu San, sao các vị vẫn chưa đọc? Mùa thu năm ngoai tôi sang đất Hồ, hỏi Tế Đồng đã phân phát hết hay chưa? Ông ta nói hãy còn hai ba trăm cuốn, chẳng dám phân phát, tính đốt đi. Quang khen ngợi: “Ông thiêu đi sẽ có công đức vô lượng vô biên!”

Mùa hạ năm nay tôi đến đất Hồ, Tế Đồng từ kinh đô trở về, hỏi dò thực chất của bà Hồ mới biết con người ấy rất thông minh nhưng phiền não rất nặng. Bà ta sống trong am Cực Lạc, hề có chuyện nào hơi chẳng vừa ý bèn chửi bới người khác. Về sau bị bệnh thổ huyết, chẳng lâu sau đã chết. Lúc chết chẳng biết có phải là vì thổ huyết hay không? Cũng chẳng biết cảnh tượng lúc mất ra sao? Mà văn tự của bà ta cũng không được lưu loát như thế đâu, đấy là do một cư sĩ ở Tứ Xuyên soạn ra, Quang biết người ấy, nhưng chẳng muốn nêu tên. Đến tháng 6, có một cư sĩ người Hồ Nam từng sống tại am Cực Lạc, kể về bà Hồ chẳng khác gì lời Tế Đồng đã thuật. Đủ thấy bọn họ chỉ muốn dối đời trộm danh, chẳng đoái hoài đã dẫn dắt người khác vào cái họa ma mị. Than ôi, đau đớn thay!

Chư vị muốn được lợi ích thật sự, hãy nên dựa theo lời Phật, Bồ-tát, tổ sư để tu, quyết sẽ được lợi ích chân thật. Cổ đức dạy người, chỉ giảng cho người khác cách dụng công, ai lại lười hết cảnh giới của chính mình đã thấy để bảo ban người khác. Đại sư Viễn công là sơ tổ Liên tông đến lúc lâm chung thấy Phật mới nói với môn nhân: “Ta đã thấy thánh tượng ba lần, nay lại được thấy, ta vãng sanh đây!” Nếu luận về thân phận của Viễn công thì cao hơn bà Hồ đâu phải chỉ như sự cách biệt giữa trời với vực! Há phải ngài chỉ ba lần thấy thánh tượng, chẳng có một tí cảnh giới tốt đẹp nào khác ư? Nếu đạt đến lúc “tâm không, cảnh tịch” thì còn có cảnh giới chi nữa! Ấy gọi là “tâm và Phật tương ứng, tâm lẫn Phật cùng mất, bốn tướng chẳng còn, ba tâm⁴ há được?” “Vô niệm mà thường niệm” chính là niệm mà trọn chẳng có cái tâm để niệm và chẳng thấy có đức Phật được niệm. Nơi ấy nào có cảnh giới? Nếu niệm đến mức như thế thì chẳng ngại gì tịnh cảnh Tây Phương sẽ phô bày trọn vẹn triệt để. Nhưng do “niệm tịch, tình vong” nên lại càng được lợi ích nơi đây, quyết chẳng đến nỗi sanh lòng hoan hỷ lớn lao, hiểu lầm tin tức đến nỗi ma dựa phát cuồng.

⁴ Bốn tướng: tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Ba tâm: tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai.

Nếu lúc chưa đạt đến nhất tâm mà trong tâm cứ niệm niệm mong tưởng cảnh giới thì khi cảnh giới ấy hiện, chắc chắn sẽ gặp họa. Kinh Lăng-nghiêm dạy: “Chẳng nghĩ là thánh cảnh thì gọi là cảnh giới tốt lành, nếu coi là thánh cảnh thì sẽ lạc vào các loài tà.” Đây tuy vẫn chưa phải là cảnh ma được cảm vờ bởi cái tâm bộp chộp vọng động, nhưng hễ sanh lòng hoan hỷ cho là “đã chứng thánh quả” thì sẽ trở thành gã ma con. Huống chi ngay từ lúc ban đầu tâm đã như vậy, tâm ma chiêu cảm cảnh ma, cứ tưởng là cảnh thánh ư? Xin hãy đọc kỹ Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục thì sẽ có cái để noi theo, không cách chi bị ma dựa được.

590. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ nhất)

Nghề y dễ khuyên hóa người khác nhất, phàm là kẻ có bệnh không ai chẳng mong bệnh chóng lành, bảo họ “ăn chay niệm Phật sẽ tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn” thì tự họ sẽ chịu tin theo. Tin rồi niệm thì bệnh sẽ chóng lành. Hơn nữa đừng học theo Tây y, nói chung Tây y dạy người ta ăn thịt vì thịt giàu chất dinh dưỡng; những hạng người ấy trong tương lai đều phải làm thức ăn cho kẻ khác bởi nói đạo lý ngược ngạo, tự hại, hại người! Ông chịu giữ tấm lòng tốt đẹp ấy thì y đạo ắt sẽ tiến triển lớn lao. Sách Nhị Khóa Hiệp Giải⁵ đã không còn, tôi bảo gởi cho ông một bộ Văn Sao. Quang già rồi, chỉ nên y theo Văn Sao tu trì, chẳng cần phải gởi thư tới nữa do không có sức để thù tiếp.

591. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ hai)

Mỗi người nhập đạo đều có thời tiết, nhân duyên. Những sách thuộc loại khuyên răn kiêng giết, phóng sanh thường chép truyện ông Triệu X... là huyện lệnh xứ Bồ Thành, Phước Kiến, ăn chay trường thờ Phật. Bà vợ trợn chẳng có lòng tin, nhằm dịp sanh nhật 50 tuổi bèn mua rất nhiều con vật còn sống, tính giết để đãi khách. Ông Triệu bảo: “Bà muốn chúc thọ nhưng lại khiến cho những con vật này đều bị chết, có yên lòng được chăng?” Bà vợ đáp: “Ông toàn nói những câu vô ích! Nếu nghe theo lời Phật dạy, nam nữ cũng không được ngủ chung,

⁵ Sách Nhị Khóa Hiệp Giải do ngài Quán Nguyệt Hưng Từ biên soạn vào đầu thời Dân Quốc, nhằm giải thích ý nghĩa của hai thời công khóa sáng tối trong Thiền môn, chủ yếu dùng giáo nghĩa tông Thiên Thai để biện định, sách có những đồ biểu rất chi tiết nên rất hữu ích cho người sơ cơ để nhớ hiểu các thuật ngữ Phật học phức tạp. Ngài Hưng Từ quê ở huyện Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang, tự là Quán Nguyệt, là một vị cao tăng trong tông Thiên Thai, tuy sùng phụng giáo nghĩa Thiên Thai nhưng đặc biệt hâm mộ Tịnh độ, giáo hóa rộng khắp các nơi từ Thượng Hải đến Hàng Châu. Sư chuyên hoằng dương Giáo quán, nhưng chuyên tu tịnh nghiệp không lười nhác, nghiêm trì giới luật, sống hết sức đạm bạc, được tôn xưng là bậc tôn túc đệ nhất ở Thượng Hải. Sư soạn cuốn Nhị Khóa Hiệp Giải vào năm 1912. Sư còn soạn cuốn Kim Cang Kinh Dị Tri Sớ cũng được lưu hành rộng rãi.

những con vật này cũng không giết thì chưa đầy mấy chục năm, trọn khắp thế giới sẽ đều là súc sanh hết!” Ông Triệu không biết làm sao, đành để mặc bà ta.

Đến đêm, bà vợ mộng thấy đi xuống bếp, trông thấy người ta giết lợn, tự mình đã biến thành con lợn. Đầu bếp trói chặt bốn vó con lợn, đặt lên bàn mổ để giết, đầy tớ đứng bên cạnh xem, bà ta vội kêu họ cứu nhưng chẳng một ai nghe tiếng. Giết rồi mổ bụng, móc ruột ra, vẫn cảm thấy đau đớn. Giết xong con lợn lại giết những con vật khác thì chính mình lại biến thành những con vật khác, đau đớn không thể nào nói nổi! Tạm ngưng một khắc, lại thấy một đĩa đầy tớ cầm một con cá chép vào, nha đầu⁶ nói: “Đem con cá chép này giao cho đầu bếp nấu canh cá cho bà chủ, để khi bà chủ thức dậy sẽ dùng làm món điểm tâm.” Họ liền chặt đầu đuôi, lóc vảy, chặt thành từng miếng nhỏ. Mỗi một miếng đều cảm thấy đau đớn, thống khổ cùng cực, choàng tỉnh dậy, kinh hồn vỡ mật. Ngay lúc đó, nha đầu bưng canh cá lên mời ăn điểm tâm, chẳng nỡ lòng ăn nữa, sai đem những con vật đã mua phóng sanh hết. Do đích thân ném mùi vị thống khổ vì bị giết chóc, bèn theo chồng ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Vợ ông chắc cũng được oai thần tam bảo gia bị, cũng đích thân ném mùi vị ấy rồi cõi lòng mới xoay chuyển.

Lời đồn Lộc Uyển là nơi Ngô Vương nuôi hươu chưa đủ để làm căn cứ. Sợ rằng xưa kia có Lộc Uyển Tự, do lâu năm nên đã mất dấu, nhà Nho bèn đem ý nghĩa tên vườn Linh Hữu⁷ của Văn Vương ghép vào. Còn trong danh xưng Lộc Uyển Liên Xã thì Lộc Uyển (Mrgadāva) là nơi đức Phật thuyết pháp khi mới thành đạo. Liên Xã chính là pháp để người tu hành lúc lâm chung được vãng sanh Tây Phương. [Như vậy thì danh xưng Lộc Uyển Liên Xã] đã nêu bật ý nghĩa “bao gồm hết thấy những nghĩa từ đầu đến cuối trong giáo pháp của suốt cả một đời đức Phật”.

Hiện thời chiến tranh liên miên, tai họa kết lại, há nên khởi công xây dựng lớn lao? Xây dựng chính là chuốc lấy họa bị bọn thổ phỉ cướp đoạt, là nền tảng chuốc lấy cái họa bị phi cơ oanh tạc. Xây dựng càng đẹp đẽ, tai họa càng lớn! Nếu thật sự hoằng pháp lợi sanh thì dù trong gia đình hay nơi đất trống đều là chỗ để diễn

⁶ Nha đầu: đứa tớ gái. Vì thuở xưa những đứa tớ gái thường để tóc búi thành hai trái đào hai bên nên gọi là “nha đầu” hoặc “nha hoàn” (thường bị đọc trại thành “a hoàn”). “Nha” (丫) là vật gì có ngạnh xòe ra. Đôi khi, người ta cũng gọi những đứa con gái còn bé là “nha đầu”.

⁷ Linh Hữu vốn là vườn nuôi thú của Chu Văn Vương. Tên gọi này được nhắc đến trong bài thơ Linh Đài, thiên Đại Nhã của Kinh Thi: “*Vương tại Linh Hữu, ưu lộc du phục*” (vua ở vườn Linh Hữu, hươu cái, hươu đực tung tăng vầy quanh). Sách Mao Truyện giảng: “Hữu (囿) là nơi nuôi dưỡng các loài cầm thú, vườn của thiên tử rộng một trăm dặm, vườn của chư hầu rộng bốn mươi dặm.” Về sau, Linh Hữu thường được đồng nhất với Thượng Uyển của nhà vua. Thậm chí, Thượng Uyển trên cõi tiên cũng được gọi là Linh Hữu.

thuyết lợi ích của pháp môn Tịnh độ. Tu trì có chia ra mấy chỗ cũng đâu có trở ngại gì, vừa chẳng tốn tiền, tốn sức mà cũng chẳng bỏ lỡ công việc, cũng giống như đi ra chợ mua gom các thứ đem về nhà dùng⁸.

Mở mang một đạo tràng hoằng pháp lớn lao thì phải đợi sau này nhằm lúc tình thế hòa bình mới có thể làm được. Hiện thời, các tỉnh bị hạn hán dữ dội, sắp xảy ra thảm trạng con người ăn thịt lẫn nhau. Một mai võ đề thì sẽ dùng cách nào để kiềm chế? Tri kiến của Quang trọn chẳng giống với người khác. Y theo cách người ta làm trong hiện thời chắc sẽ có lợi ích nhỏ nhoi, nhưng sẽ chuốc lấy họa lớn. Làm theo cách của Quang, tuy không nổi tiếng, chói ngời lớn lao được, nhưng trọn chẳng phát sanh hiểm họa nhỏ nhất nào. Ông yêu cầu Quang soạn bài tựa duyên khởi thì đã có bài tựa cho Phật giáo Cư sĩ lâm Triều Dương do Bàn Đức Siêu đã khắc để làm gốc, chỉ cần sửa đổi đôi chút địa danh và tên người cũng như những đặc điểm đặc biệt mà thôi, chuyện này không cần Quang phải đích thân soạn. Người thông văn lý đợi đến khi xây dựng xong xuôi sẽ châm chước mà sử dụng bài tựa duyên khởi ấy. Hiện thời do không nhắc đến chuyện xây cất thì cũng không cần phải soạn văn sẵn.

Các vị Thiện Đạo, Thiếu Khang hoằng dương Tịnh tông, tiếng Phật hiệu vang khắp ngõ hẻm đường phố. Như xướng khúc hát gieo mạ, ai nấy đều muốn nghe; như truyền thánh chỉ của nhà vua, ai nấy đều tuân hành. Ai bảo là “không có chùa miếu sẽ chẳng thể hoằng pháp được?” Cần biết rằng, hễ có chân tâm thì sẽ tự khuyến hóa được, lấy thân làm gương để mong ai nấy trọn hết bốn phận, lấy cổ nhân làm khuôn phép, ngõ hầu nhà nhà đều trở thành đạo tràng. Đang trong cõi đời đại loạn này, tốt nhất là nên hoằng pháp một cách không dấu vết. So với những kẻ xây dựng lớn lao, tốn sức, bó tay, nhọc lòng gánh vác nỗi lo thì sẽ khác biệt lớn lao vời vợi.

592. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ, cổ nhân nói: “Sau khi đại loạn, dân sẽ dễ trị.” Đang trong lúc loạn lạc đến cùng cực này, nếu có người đức cao vọng trọng đề xướng Phật pháp, dạy họ kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, nói với họ về nhân quả ba đời và luân hồi trong lục đạo thì kẻ có lòng nhân ai mà chẳng bội phục? Nho giáo nói: “Đối xử nhân từ với dân, yêu thương loài vật”, trong một

⁸ Ý nói: Đạo tràng chỉ là nơi để tụ tập diễn thuyết về lợi ích của pháp môn Tịnh độ, sách tán nhau tu tập, cùng nhau niệm Phật để biết quy củ niệm Phật rồi sau đó mỗi người phải tự tu tập trong nhà của chính mình. Giống như ra chợ mua đồ dùng về sử dụng trong nhà, hành nhân đến đạo tràng thu thập những lợi ích, những lời cảnh sách, pháp tắc tu tập để đem về thực hành trong nhà.

đòi người cần phải bắt đầu thực hiện lời này kể từ khi còn đang độ tuổi thơ ấu, có vậy thì sự đối xử nhân từ với dân mới có thể thực hiện tốt được. Nếu chẳng thực hiện từ lúc còn thơ ấu thì đối xử nhân từ với dân không đúng cách chắc sẽ đến nỗi trở thành gây phiền cho dân, lòng yêu thương ấy sẽ trở thành nói suông.

Nay tôi sẽ nói nguyên do: Trẻ nhỏ vô tri thấy những con vật bay, chạy v.v. ắt giết ngay hoặc bắt lấy rồi nghịch ngợm khiến chúng bị chết. Nếu bất luận là con vật nào, người lớn đều không cho trẻ giết, bởi lẽ hễ giết thì chính mình sẽ bị tổn phước giảm thọ đến nỗi thiên địa quỷ thần đều chẳng che chở, gia hộ. Từ lúc bé tẹo đã dưỡng thành thói quen ấy, lớn lên quyết chẳng đến nỗi coi tàn sát lẫn nhau là vui.

Mười mấy năm trước, có người nước Anh tên là Lâm X... sống ở Nam Kinh, đến Phổ Đà gặp Quang, tặng cho Quang mấy cuốn sách bảo do chính ông ta soạn. Ông ta nói tiếng Trung Quốc còn chưa sôi lắm, sao lại có thể viết được những văn tự rất hay ấy? Trong số ấy có một cuốn chuyên đề xướng phép giữ gìn sức khỏe, chuyên môn chú trọng sát sanh. Những cuốn khác tôi đều đem tặng cho người ta, chỉ có cuốn sách nói về phép giữ gìn sức khỏe ấy thì Quang xé nát, tống vào giỏ giấy vụn, sợ kẻ vô tri cầm đi thì hại người, hại vật chẳng thể cùng tận!

Ông Chu đã lặn sâu chất độc của người Tây Dương, chẳng biết đạo “bảo vệ sanh mạng, lợi người”. Con người là “vạn vật chi linh”, nhưng cũng là một loài động vật, ta và vạn vật cùng sống trong vòng trời đất, chúng nó không đòi mạng ta, sao ta lại muốn đoạt mạng chúng? Nhà nào đập ruồi, ruồi sẽ càng nhiều; kẻ nào giết rết, thường bị rết cắn. Những kẻ thường muốn bảo vệ sức khỏe trong đời này, chưa chắc đã được hưởng ích lợi ngay trong đời hiện tại. Do cả một đời này tâm thường ôm lòng giết chóc thì tương lai đời đời kiếp kiếp thường bị kẻ khác giết, nhưng do chưa đích thân thấy nên vẫn vui sướng giết chóc quên mệt.

Trong sách cổ có chép chuyện kẻ ghét kiến, kiến xúm đen xúm đỏ xác hấn ta; kẻ ghét ruồi, ruồi bu trên thân, không làm cách nào được, than thở suông cũng chẳng làm gì được. Quang thấy chuyện giết chóc ấy chính căn bản của đại sát kiếp. Nếu vẫn muốn noi theo ý kiến của chính mình để làm thì trộm sợ rằng sau này có lúc hối hận chẳng kịp, đáng xót, đáng thương lắm, không có cách gì cứu giúp được! Bậc quân tử sẵn lòng nhân sao nỡ chuyên chú trọng giết hại loài vật khiến cho hết thấy những kẻ vô tri đều bắt chước theo ư?

Mười mấy năm trước, một đệ tử quy y có một đứa con nhỏ, mua một cái đập ruồi để làm đồ chơi, nó liền thường hay đập ruồi. Một bữa nọ ruồi nhiều đến cùng cực, nó bèn cực lực đập, chợt thấy cả nhà đều tối om. Người lớn bèn mở toang cửa cái, cửa sổ, niệm Phật sám hối, chẳng mấy chốc ruồi bay đi hết. Từ đấy đem

đốt cái đập ruồi, ruồi cũng không bu đến nữa. Đây chính là vì đệ tử Phật được gia bị bởi lòng từ của đức Phật khiến cho sát nghiệp chấm dứt. Nếu là kẻ không có lòng tin, sợ rằng sẽ chẳng gặp được điềm báo như vậy thì đời kế tiếp, đời sau há thể tưởng tượng được ư?

Nếu chỉ gói gạo Đại Bi thì rất tốn công, nay gói cho ông hai gói tro hương Đại Bi, so với gạo càng dễ cất giữ hơn mà lợi ích cũng giống như gạo, để lâu không bị hư. Nếu gặp phải căn bệnh thầy thuốc chẳng thể chữa lành, hãy lấy hai phần tro đổ vào một cái tô lớn, pha bằng nước sôi, khuấy lên, đợi khi chất tro lắng xuống sẽ gạn lấy nước trong đổ vào đồ đựng, chia ra uống mười lần. Mỗi ngày uống ba hay bốn lần. Hễ lành bệnh thì không cần phải uống nữa, hễ chưa lành lại pha tiếp. Bao tro ấy nên để thờ ở phía dưới khám thờ Phật hoặc treo ở chỗ cao sạch, chớ nên khinh nhờn. Đây là loại tro hương được gia trì hơn một vạn biến chú Đại Bi. Phàm bị bệnh nguy hiểm, [uống nước tro Đại Bi vào] dầu chẳng lành cũng thấy giảm bớt rồi mới chết. Chất tro đã pha xong nên thêm nước vào để tưới cây hoặc trát lên nóc nhà.

Nay đem Vật Do Như Thử, Súc Chung Tân Lương, Thọ Khang Bảo Giám, Tức Tai Khai Thị, Liễu Phàm Tứ Huấn, mỗi thứ hai cuốn, lèn chặt thành một bưu kiện. Những thứ giấy dùng để chèn chỗ trống cũng đừng vất đi, bởi đây chính là Sớ Lễ Quán Âm Cầu Con và Ba Điều Trọng Yếu Để Cầu Con, cũng là bài văn có quan hệ lớn lao cho hết thầy kẻ thanh niên. Bất luận già hay trẻ đều chớ nên không biết! Nếu không, chẳng biết tiết dục mà mong sanh con thì chưa sanh được con mà cha đã chết trước rồi. Hoặc mẹ do ân ái quá nhiều bị mắc bệnh lao sái⁹, chẳng biết là bao nhiêu.

Đồ Hữu Sanh khá thông minh, những con em thông minh hiện thời phần nhiều mắc bệnh thủ dâm, hãy bảo chúng nó đọc Thọ Khang Bảo Giám và Liễu Phàm Tứ Huấn thì sẽ chẳng đến nỗi mắc phải những mối họa đau khổ như trở thành tàn tật và đoản mạng mà chết. Xưa kia, thánh vương sai quan bố cáo khuyên mọi người không nên ăn nằm khi sắp sắp động vào đầu xuân, nay thì cha mẹ, thầy bạn nhất loạt chẳng nói đến chuyện này, cũng là do ác nghiệp của mọi người cảm thành.

Có kẻ càng ngu hơn, hễ con cái bị bệnh liền cưới vợ cho nó, ý muốn cho con mau được lành bệnh, thật ra là làm cho nó chóng chết. Chẳng đáng buồn ư? Một người ở Hồ Nam có hai đứa con đều chết vì lý do này, đứa con thứ ba mắc bệnh vẫn muốn làm như thế, bị một người bạn quả trách mới thôi. Ấy chính là quả báo

⁹ Lao sái: lao (癆) và sái (瘵) là hai từ đồng nghĩa cùng để chỉ bệnh lao (Tuberculosis), nhưng thường được ghép chung với nhau thành một từ ngữ.

do đòi trước dụ dỗ kẻ khác chơi bời bừa bãi đến chết. Một đứa đã chết còn chưa ngộ, hai đứa chết luôn mà vẫn chưa ngộ, nếu không bị người bạn quả trách chắc sẽ bị tuyệt tự! Rốt cuộc vì lẽ nào mà tâm kẻ ấy ngu như thế? Nếu không phải do oán quỷ xui khiến, ắt chẳng đến nỗi ngu như thế. Xin hãy sáng suốt thì may mắn thay!

593. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ tư)

Ông nói hai vấn đề (chỉ có điều thứ nhất là đáng bàn bạc, chứ điều thứ hai là nói nhăng nói càn. Khi điều thứ nhất đã hoàn toàn đả phá được thì không cần phải nói tới điều thứ hai nữa. Nhưng lời này chỉ nên truyền miệng, đừng nên đăng báo kéo người xứ... trông thấy sẽ làm hại. Thiết yếu đến cùng cực). Vợ ông chẳng chịu ăn chay niệm Phật, hãy thử hỏi bà ta: “Bà có muốn thường bị bọn người xứ... đánh chửi, làm nhục hay không?” Ất bà ta sẽ chẳng nói là “thường muốn”.

Ở Vô Tích, bọn người xứ... giết huyện trưởng, vây thành ba ngày, lùng bắt những kẻ chống đối khiến cho cả nhà đều phải bỏ trốn. Bọn chúng bắt được món đồ gì tốt đẹp liền tịch thu, chẳng ai dám hó hé. Trong nhà ông Viên Lệ Đình có rất nhiều người niệm Phật, lính xứ... chẳng tới nhà ấy. Có nhà bị chúng lùng sục mấy lượt, những món đồ tốt đẹp đều bị cướp đi hết. Lúc Tô Châu thất thủ, bọn lính xứ... gian dân phụ nữ, thậm chí nữ nghe! Một nữ đệ tử vì mẹ chết, linh cữu (quan tài) còn đang quản tại nhà, chẳng nỡ bỏ trốn, bèn đóng cửa niệm Phật. Lính xứ... phá cửa, thấy cô ta đang niệm Phật nên không làm nhục. Chúng chỉ vào cái rương, bắt đồ ngược hết ra, nhưng chẳng lấy một món nào, rồi bỏ đi! Nếu cô ta không niệm Phật thì bà già sáu bảy chục tuổi vẫn bị ô nhục, hưởng hồ thiếu phụ ấy mới ba mươi mấy tuổi ư?

Nơi cửa thành, bọn chúng kiểm soát rất ngặt (thoạt đầu do binh lính lục soát, về sau mới sai phụ nữ lục soát), nữ nhân cũng bị sờ nắn khắp mình. Những người cầm chuỗi niệm Phật đa số không bị xét gắt gao như vậy; cũng có người chẳng bị xét, cho đi luôn. Niệm Phật chính là diệu pháp cứu nạn cứu mạng trong đời loạn. Người xứ... tin Phật, đối với nam nữ cầm chuỗi đều không ngược đãi quá đáng, sẽ khiến cho hết thảy mọi người đều niệm Phật. Phàm những ai đi ra ngoài đều cầm chuỗi niệm Phật, dầu là kẻ chúng muốn bắt làm phu phục dịch cũng sẽ thả cho đi.

Một đệ tử ở Vu Hồ tên là Ngô Thương Châu làm sĩ quan, năm Dân Quốc 24 (1935), ông ta tham chiến tại Tuy Viễn, bị lính xứ... bắt được, lột quần áo khám xét, thấy ông ta cổ đeo chuỗi niệm Phật liền tỏ vẻ kính trọng, không xét nữa, dẫn đến gặp viên Tư lệnh. Viên Tư lệnh do thấy ông ta vốn làm giáo viên ở trường

X..., nói: “Ông cũng đến đây rồi!” Ông Ngô nói: “Tôi đến đây để ngắm phong cảnh.” Viên Tư lệnh liền ra lệnh thả cho ông ta đi. Nếu chẳng đeo chuỗi niệm Phật ấy, chắc tánh mạng đã mất trong tay bọn lính rồi, có còn gặp được viên Tư lệnh hay chăng? Đây chính là vô thượng diệu pháp để gặp dữ hóa lành trong hiện tại. Vợ ông không chịu niệm, lỡ xảy ra những chuyện như khám xét v.v. thì sẽ xử sự như thế nào? Đây là mối họa do con người gây ra, nếu gặp phải oán gia đòi đầu trong đời trước mà nếu không niệm Phật sẽ đành bỏ mặc cho nó làm gì thì làm, có cách nào để trốn tránh được đâu!

Dưới triều Tống, Trần Xí lỡ giết người. Một hôm thấy kẻ ấy đi tới, biết là hẳn đến đòi mạng, vội vã niệm Nam-mô A-di-đà Phật, oán quỷ liền đứng sững không tiến lên được. Càng niệm rất gấp, oán quỷ liền bỏ đi. Trần Xí liền sốt sắng niệm Phật, lại sống được mấy chục năm rồi mới vãng sanh Tây Phương. Vãng sanh rồi còn trở về, nhập vào thân đứa cháu nội gái nói chuyện ông ta đã vãng sanh. Người nhà nói: “Lúc cụ còn sống chưa kịp vẽ hình tượng, nếu cụ chịu hiện thân, sẽ vẽ hình tượng để thờ”, liền hiện hình thân hình của người cõi Tây Phương.

Năm Dân Quốc 19 (1930), một thanh niên 24 tuổi ở Tô Châu tên là Quách Chấn Thanh nhà ở đường Cảnh Đức, Tô Châu, mở tiệm bán giấy Hợp Pháp, theo một người già trong gia đình đến chùa Báo Quốc quy y. Quang bảo anh ta: “Hiện thời đang nhằm tình thế hoạn nạn, hãy thường niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm.” Chàng trai 24 tuổi béo phúc phịch ấy liền chịu nghe theo. Tháng Chạp năm sau sang Thượng Hải, chiến sự nổ ra, chẳng thể trở về đất Tô được. Đến Tết vẫn còn đánh nhau, chẳng biết tới bao giờ mới kết thúc. Đường xe lửa đã bị cắt đứt, liền ngồi tàu thủy nhỏ vòng qua ngã Gia Hưng trở về Tô Châu. Tàu thủy tới lui đều bị cường đạo cướp bóc, anh ta bèn thường niệm thánh hiệu Quán Âm, nhưng chỉ niệm thầm chứ không niệm ra tiếng. Ban đêm cường đạo đến cướp, anh ta đang ở dưới cabin. Trong cabin có rất nhiều người nghèo. Bọn cướp lục soát trên boong xong xuôi liền xuống hầm tàu, tiền bạc của những kẻ nghèo cùng đều bị tước sạch. Anh ta người béo phúc phịch, lại mặc một cái áo da, nhưng bọn cướp trọn chẳng thèm hỏi tới. Cả tàu đều bị cướp sạch, chỉ mình anh ta là không buồn hỏi tới. Ấy chính là do Phật quang gia bị nên lũ cường đạo chẳng thấy anh ta.

Một nữ nhân ở Hồ Nam sanh nở, oán quỷ dựa vào thân, phát cuồng, cười ngặt nghèo, cắn đứt thịt trên tay mình mấy chỗ mà miệng vẫn cười. Cha mẹ chồng thấy vậy không biết làm cách nào, bèn lớn tiếng niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát. Cô ta liền như si ngốc, không cười nữa, sanh đứa con ra. Ấy là do chí thành niệm Quán Âm, oán quỷ bỏ đi.

Vợ ông không biết “trong hiện tại chẳng biết chắc lúc nào sẽ có họa lớn tày trời”, nếu hiểu được đạo lý ngựa sắt tai họa, dù có cấm cản bà ta đừng niệm, bà ta vẫn cứ muốn lén lút thầm niệm, cần gì ông phải khuyên? Do bà ta là kẻ hồ đồ thiếu hiểu biết nên chẳng biết mình đang hoàn toàn sống trong cảnh họa hoạn, ngược ngạo tưởng là yên vui. Tới khi đại họa giáng xuống thân, không cách nào tránh né, hoảng sợ như sét nổ long trời, bùng tai chẳng kịp! Người như vậy đáng gọi là “kẻ si dại đáng thương xót, là phường ù ù cạc cạc chẳng thể cứu được, là kẻ sống oan uổng một đời”. Chẳng đáng buồn sao? Chẳng đáng xót sao?

Ông hãy đưa thư của tôi cho bà ta xem, nếu bà ta không biết chữ thì hãy giảng nói cho bà ta, chắc sẽ phát tâm. Nếu không, đành mặc cho bà ta vào địa ngục A-tỳ, thường hưởng thụ những món cúng dường thượng diệu của đại vương Diêm-la như giường sắt, cột đồng, rừng gươm, núi đao, vạc sôi, lò than, coi đó là sung sướng, sung sướng không chỉ hơn được! Thử hỏi bà ta có muốn hưởng thụ những thứ cúng dường tốt đẹp ấy và muốn nhận lãnh sự yên vui ấy hay không? Nếu bà ta muốn thì cũng đáng coi là một hảo hán. Sợ rằng dầu chỉ nghe nói tới chuyện ấy mà bà ta cũng chẳng muốn nghe. Chẳng chấp nhận làm gã hảo hán ấy thì phải làm một bà cụ già vô dụng chỉ biết niệm Phật.

Ông làm nghề y, đừng nên học theo bọn thầy thuốc tầm thường “đau đầu bèn chữa đầu, đau chân bèn chữa chân” hiện thời. Bất luận nam hay nữ hễ bị bệnh đều nên dạy họ ngưng ân ái, mãi cho tới khi bình phục hoàn toàn, vẫn phải đợi hơn cả tháng rồi mới có thể ân ái một lần. Nếu không, dầu chẳng đến nỗi chết ngay, nhưng cũng trở thành kẻ tàn phế vô dụng. Trừ khuê nữ, quả phụ là chẳng nên nói ra, đối với những kẻ khác đều phải nên nói chuyện này, chớ nên ngượng miệng.

Hễ ai cầu con thì dạy họ ngưng ân ái nửa năm để bồi bổ tiên thiên cho đầy đủ, đợi khi vợ sạch kinh nguyệt rồi, vào đêm khí trời trong trẻo, nhằm ngày tốt không xui xẻo mới ân ái thì sẽ thụ thai. Từ đấy vĩnh viễn ngưng ăn nằm, chắc chắn đưa con sanh ra thân thể mạnh khỏe, tâm thức thông minh, mẫn tiệp, tánh tình hiền thiện. Lại dạy vợ chồng họ thường niệm thánh hiệu Quán Âm, chắc chắn sẽ sanh được con cái phước đức, trí tuệ, rạng rỡ đất nước lẫn gia đình.

Thầy thuốc hiện thời chỉ biết chữa bệnh, còn điều kiêng kỵ lớn lao đối với bệnh tật là ân ái đều nhất loạt chẳng chịu nhắc tới. Họ chẳng biết do đây mà bao nhiêu thanh niên nam nữ bị chết mất. Đây chẳng phải là do thầy thuốc chữa bệnh làm chết bệnh nhân, nhưng vì chẳng chịu nói những điều kiêng kỵ trong bệnh tật đến nỗi người bệnh phải chết, thì cũng chẳng thể nào không gánh cái tội làm hại tánh mạng của người ta. Nếu bất luận là bệnh nào, đều dạy họ thôi ăn nằm thì

công đức lớn lao giống như ban cho người ấy sức khỏe, trường thọ, yên vui vậy! Lại còn khuyên người ta ăn chay niệm Phật, niệm Quán Âm thì còn có thể làm cho người ấy liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, tức là “làm nghề mà tăng tấn đạo” vậy. So với những kẻ chỉ trị bệnh thì công đức càng lớn lao hơn nhiều lắm!

Nữ nhân khi sanh nở niệm Quán Âm chắc chắn chẳng bị khó sanh. Trong Một Lá Thư Trả Lời Khấp đã có nói rồi. Con gái từ nhỏ phải học tánh từ thiện, chẳng nóng giận thì những điều tốt lành sau này sẽ chẳng thể nào nói trọn; nếu ưa nổi nóng thì những nỗi khổ sở sau này cũng chẳng thể nào nói trọn. Nếu cho con bú sữa mà nổi nóng dùng dùng thì đứa nhỏ ắt sẽ chết, nếu như nổi nóng vừa vừa thì đứa nhỏ ắt bị bệnh. Đây chính là điều các danh y, thần y từ xưa tới nay chưa hề nói rõ. Nữ nhân tánh tình nhu hòa thì gia đạo cũng sẽ hòa thuận, con cháu nhìn theo bắt chước làm lành, lợi ích vô cùng.

Bài thuốc trị bệnh sốt rét trong Dược Phương dẫn người đã bị bệnh hơn mấy chục năm chẳng trị được cũng đều hết trị liền lành. Năm ngoái, một đệ tử trị lành bệnh cho một người ở Thường Châu mắc bệnh sốt rét suốt 14 năm, suốt 14 năm không biết người ấy đã qua tay bao nhiêu thầy thuốc chữa trị. Toa cai thuốc phiện trị được bệnh khí thống nơi gan, nơi bao tử. Dẫn ai bị bệnh khí thống mấy chục năm cũng hết trị liền lành. Do mắt Quang chẳng dám nhìn vào giấy trắng ngần để viết nên ghi vào đây.

Toa thuốc trị chó dại cần có nhiều vị thuốc đắt tiền, các tiệm thuốc đều đem thuốc giả thay vào, đến nỗi gây nguy hiểm cho tánh mạng người khác. Còn phương thuốc này hết sức tiện lợi, nhưng trong ấy có *địa ngao trùng*¹⁰, nhà người bệnh phải niệm Phật siêu độ cho loài trùng ấy sanh về Tây Phương thì đôi bên đều được lợi ích. Quang già rồi, từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa do không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp.

594. Thư trả lời cư sĩ Diễm Uẩn

Hôm qua nhận được thư của cha ông, cho biết đối với hai gói sách Quang gởi cho cụ vào năm ngoái, ông đọc xong rất hoan hỷ, cũng muốn cùng với vợ quy y. Đối với những sách đã gởi vào năm ngoái, nếu ông đọc kỹ lưỡng thì chẳng những biết pháp tắc tu trì tịnh nghiệp, mà ngay cả cách giữ mình cư xử trong cõi đời, thờ cha mẹ, dạy con, đều có pháp tắc.

¹⁰ Địa ngao trùng (eupolyphaga sinensis walker) chính là một loại bọ hung.

Hiện thời sát kiếp ngập tràn, nhân dân lầm than, xét tới cội nguồn thì vẫn là do chính mình gây nên, chính mình phải hứng chịu. Vì sao vậy? Do người đời tham ăn ngon cho sướng bụng, giết các loài vật sống trong nước, trên mặt đất, bay trên không để thỏa thích bụng miệng. Sát nghiệp kết lại lâu ngày nên to dần, trở thành sát kiếp. Đối với cái nghiệp đã qua, chỉ có chí thành niệm Nam-mô A-di-đà Phật để siêu độ những sanh mạng bị giết ăn trong nhiều đời nhiều kiếp. Từ nay kiêng giết, ăn chay để vừa dứt sát nghiệp vừa rất phù hợp với cách thức giữ gìn sức khỏe lớn lao.

Chẳng biết cha ông đã ăn thuần món chay hay chưa? Ông hãy nên thuận theo chí cha mà ăn chay. Nếu cha ông chưa ăn chay trường thì hãy nên khuyên cụ ăn chay trường. Đã không ăn thịt thì một ngày sẽ đỡ giết bao nhiêu đó mạng, vui sướng chi hơn? Ngay cả con cái cũng nên khuyên chúng ăn chay. Đây là yêu thương chân thật vậy.

Ông đọc tờ thông cáo rộng rãi về chuyện sửa độc giết chết trẻ con sẽ biết ăn thịt có hại, đã gây trở ngại lớn lao cho phép giữ gìn sức khỏe hiện thời, huống chi lại còn phải đền trả thân mạng trong đời sau, đời sau nữa!

Thời cuộc hiện thời chẳng biết sẽ biến chuyển ra sao, ngoài lúc niệm Phật ra, hãy nên niệm thêm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát để dự phòng. Nếu thật sự chí thành, chắc chắn sẽ có cảm ứng. Hãy nên đem lời tôi báo với hết thầy mọi người thì công đức vô lượng.

Tôi đã quên mất tựa đề những cuốn sách đã gởi trong năm ngoái, nay gởi cho ông một cuốn Đồng Mông Tu Tri (trẻ nhỏ nên biết), ở đầu cuốn sách này có bài tựa “Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của việc dạy dỗ con cái” và bài tựa “Nêu bày những ý nghĩa ẩn kín của chữ người”, cuối sách lại có Khuyên Niệm Quán Âm Văn, Bồ Cáo Về Chuyện Sửa Độc Giết Chết Trẻ Con. Đây là điều các vị danh y, thần y nước ta từ xưa chưa hề tìm ra, hãy nên đem nói với hết thầy mọi người. Ai có tài lực hãy nên ấn tống rộng rãi để mong cả cõi đời đều biết.

Nay đặt pháp danh cho vợ chồng ông, đặt pháp danh cho ông là Huệ Uẩn. Uẩn (蘊) là những điều chất chứa trong lòng, những điều chất chứa trong lòng đều hợp với trí tuệ thì sẽ là người hiền, người lành. Vợ ông pháp danh là Huệ Tồn, tồn (存) tức là uẩn, niệm niệm hợp với trí tuệ thì sẽ có thể giúp chồng dạy con, làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, vinh hiển chi hơn?

Quang già rồi, tuổi đã 78, sẽ chết trong sáng tới. Con người sắp chết, ắt thốt lời tốt lành. Nguyên vợ chồng ông đều nghe theo lời tôi thì sẽ là đệ tử thật sự của

đức Phật. Từ nay đừng gởi thư tới nữa do không có mục lục lẫn tinh thần để phúc đáp vậy!

595. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Cơ

Huệ Mẫn đã có huệ căn từ đời trước nên có thể vừa niệm liền được tương ứng. Cần biết rằng, người học Phật hãy nên trọn hết bốn phận của chính mình, ắt phải hiếu thuận với cha mẹ ruột, cha mẹ chồng, khuyên họ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Đối với anh em trai, chị em gái, chồng, vợ, chị em dâu, con cái, tôi tớ, đều nên đem những điều này để khuyên răn. Người làm được như thế mới là đệ tử thật sự của đức Phật.

Pháp danh chỉ là cái tên suông, làm được những điều như vừa nói trên đây thì mới có thật đức. Phải chăm chú thật sự thực hiện “thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, niệm Phật cầu sanh” và “giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành”. Tự hành như thế mà dạy người cũng như thế, đây chính là quy củ, khuôn mẫu lớn lao để tu chân ngay trong cõi tục. Xin hãy nói bà ta. Quang già rồi, chớ nên thường gởi thư tới, cũng như đừng giới thiệu người khác quy y, do không có mục lục lẫn tinh thần để thù tiếp!

596. Thư trả lời cư sĩ Đặng Huệ Châu

Lòng người hiện tại khó lường, chuyện gì cũng đều có thể làm giả. Đối với chuyện quy y và truyền ngũ giới, Quang đều chẳng ghi sổ, nên không có cách nào tra cứu được. Huống chi tuổi già tinh thần suy vi, chuyện gì đã qua liền quên ngay. Hai người ở Kim Sa [xung họ là đệ tử quy y của Quang] chẳng biết là thật hay giả. Còn mười người ở Song Đôn khoe họ cùng thọ giới một lúc thì từ trước đến nay chưa hề có chuyện ấy. Nếu là cùng thọ giới trong một lần thì sợ rằng chẳng thật. Nếu mười người ấy không thọ giới cùng một lúc, sẽ khó phán định là thật hay giả. Lòng người khó lường!

Từ nay, nếu những ai không biết cặn kẽ tánh tình và không do người rất thân quen giới thiệu thì nhất loạt không thuyết giới cho họ. Nếu thông báo cho các vị lâm trưởng thì cũng khá nhọc lòng, hãy nên cầu Vi-đà Bồ-tát răn nhắc những kẻ giả dối để họ sửa lỗi hướng lành thì sẽ là thỏa đáng rất ráo nhất. Những sách ông cần, tôi đã bảo gởi đi rồi. Quang già rồi, hễ có ai quy y thọ giới đều bảo họ xin thọ với vị tăng nơi họ đang ở, do không có mục lục lẫn tinh thần để thù tiếp vậy.

597. Thư trả lời cư sĩ X...

Con người sống trong thế gian, thời hạn được mấy chục năm, chớp mắt liền qua. Nếu chỉ sống uổng mà muốn có lại thời gian này, quyết sẽ chẳng khi nào có được nữa! Con người thành hay bại hoàn toàn do lúc bé, nếu từ lúc thơ ấu đã sống luống uổng thì đến năm hai mươi tuổi đã đánh mất nhiều cơ hội rồi. Cha mẹ con đều coi ta là thầy, ta rất hy vọng con sẽ thành một người chân chánh thuần thiện để an ủi tấm lòng cha mẹ yêu thương con. Con hãy nên lập chí hướng lớn lao, học làm người tốt, đừng a dua những kẻ trẻ tuổi xấu xa, làm càn làm quấy. Phàm làm một chuyện gì, nói một lời nào, đều phải có ích cho mình lẫn người.

Hiện thời con đã trưởng thành, đã lập gia đình rồi, không đầy một hai năm nữa sẽ là cha của kẻ khác. Nếu con không có chí hướng chân chánh, ắt trong tương lai, con cái của con sẽ học theo con mà đọa vào phường tầm thường, chẳng có thành tựu gì. Cha mẹ là tấm gương cho con cái, ví như đúc vàng, cái khuôn đã không đẹp thì chắc chắn chẳng thể đúc ra vật đẹp dễ được. Con người tuy chí ngu, quyết không ai chẳng muốn cho con cái tốt đẹp.

Chẳng biết con cái sẽ tốt đẹp hay không ư? Hãy cầu tìm ngay trong tâm hạnh của chính mình. Huống chi con sanh trong nhà phú quý, trọn chưa từng trải qua gian khổ. Cần biết rằng, con được yên vui hơn 20 năm chính là do công sức của cha con gìn giữ. Nếu con không lập chí, lúc cha con còn sống thì còn dựa dẫm được, nhưng cụ đã ngoài 60 rồi, trọn chẳng thể chăm chút cho con suốt đời được. Lúc này không lập chí, một khi cha con mất đi, chuyện gì con cũng không đảm đương được, ắt sẽ phải lo khuynh gia bại sản, chẳng tránh khỏi đói rét. Đến lúc ấy dẫu có biết hối, vẫn chẳng kịp nữa rồi!

Hằng ngày con hãy nên đọc Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Âm Chất Văn, Quan Đế Giác Thế Chân Kinh dăm ba lượt, tối thiểu là phải đọc một lượt, và cũng bảo vợ con hãy đọc hằng ngày thì sẽ tự biết đạo lý làm người. Đã biết được đạo lý làm người thì sẽ kế thừa được gia phong của cha con. Hết thầy mọi người sẽ đều khâm phục ngưỡng mộ con, cho rằng cha con là một người tốt lành trọn vẹn nên có được một đứa con trai như thế. Điều ấy vinh hiển chi hơn? Rạng rỡ tỏ tông, thành gia lập nghiệp chỉ là do biết lập chí học hỏi những điều tốt lành mà thôi. Há có chỗ nào khó làm, khó thực hiện chi đâu? Xin hãy suy nghĩ cẩn kễ!

(Ngày 16 tháng 11 năm Dân Quốc 18 - 1929)

598. Thư trả lời cư sĩ Vương Tôn Liên

Nhận được thư, biết sở học của cư sĩ là cái học cho chính mình, chứ chẳng phải chỉ muốn làm một bậc đại thông gia phô trương thanh thế sáo rỗng mà thôi,

khôn ngăn vui mừng an ủi. Kinh điển Tịnh độ rất nhiều, trong Văn Sao đã nhiều lần ghi chép đầy đủ như Quán Kinh Thiện Đạo Sớ (hiện thời có bản khắc mới ở Quán Âm Am tại Nam Kinh, chánh xác hơn nhiều so với bản do cụ Dương Nhân Sơn đã khắc trước đây), Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Sớ Sao Hiệt (bản này do ông Phạm Cổ Nông trích yếu). Kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên là bốn kinh Tịnh độ. Đối với Vãng Sanh Luận Chú thì cần phải thỉnh bản khắc mới ở Bắc Kinh, một là ít sai ngoa, hai là trình bày rõ ràng, sách này hay tuyệt vời.

Di-đà Kinh Sớ Sao tuy rộng lớn, tinh vi, nhưng văn rườm, nghĩa lắm, đâm ra khiến cho kẻ sơ cơ khó được lợi ích, nhưng Di-đà Yếu Giải quả thật là bản chú giải tuyệt diệu bậc nhất từ xưa đến nay, chính là bản chú giải độc nhất vô nhị xưa nay, đừng nên xem thường thì sẽ may mắn lắm! Đại Minh còn có hơn một ngàn bộ sách này, tính muốn gởi hết sang Quan Trung để thỏa mãn ước nguyện pháp thí của ông ta, cho thỏa lòng ngu thành muốn báo ơn quê nhà của tôi. Điều quan trọng trong học đạo là đối trị tập khí. Thường có những kẻ học vấn càng sâu, tập khí càng mạnh, đây chính là vì coi học đạo như học nghề, cho nên học đạo càng nhiều, nghịch đạo càng sâu. Đây chính là nguồn cội khiến cho đạo Nho lẫn đạo Thích đều suy vi ở nước ta. Nếu cư sĩ chẳng xuôi theo xu hướng ham thích hời hợt của xã hội trong hiện thời thì quê ta sẽ may mắn lắm thay!

599. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Tử Bình

Hôm qua nhận được thư đề ngày mồng 1 tháng 11, khôn ngăn đau thương. Hiện thời các xứ đều có chiến tranh, trừ tính cứu trợ rất khó. Quang đã bảo một đệ tử đem khoản tiền in Văn Sao (hai ngàn) và tiền xây dựng đại điện chùa Pháp Vân (một ngàn) gộp thành ba ngàn đồng, chắc sẽ có người cùng chí hướng giúp cho bao nhiêu đó nữa cũng không biết chừng. Đã cậy nhà đại từ thiện ở Thượng Hải là cư sĩ Vương Nhất Đình gọi điện hỏi thăm tình hình đường sá, nếu thông suốt sẽ gởi sang cho ông. Lại cậy ông ta tìm cách giúp đỡ, hoặc nhiều hoặc ít, chắc chắn sẽ có. Quang cũng chẳng dám hướng về mọi người quyên mộ, bởi hiện thời đâu đâu cũng bị tai nạn và đủ mọi nghĩa cử đều cầu xin Quang giúp sức. Nếu Quang thường khuyên người khác quyên góp thì chẳng những Quang không thể làm người, mà người ta còn coi Quang như kẻ đáng sợ, chẳng dám gặp mặt Quang nữa!

Món tiền ba ngàn đồng này đã là cắt thịt để đắp vết thương, là biện pháp vết sạch không còn sót gì nữa! Từ nay về sau, bất luận như thế nào, đừng cầu Quang lo liệu nữa, nếu vẫn muốn lo liệu thì chỉ là một bức thư sông. Ở chỗ ông Vương Nhất Đình và hòa thượng Chân Đạt đều có bản sao lá thư của ông, bọn họ sẽ giúp

đỡ. Dương Thúc Cát mở một bệnh viện ở Nam Kinh, kinh doanh cũng èo uột. Hãy nên gửi thư hỏi ông Vương Ấu Nông, ông ta biết địa chỉ của Thúc Cát.

Con người hiện thời phần nhiều chẳng biết nhân quả, năm Quang Tự thứ hai (1876), phạm những ai đứng ra phát chẩn ở quê tôi, không một ai chẳng bị tuyệt tự hoặc mắc họa lớn vì bọn họ lấy tiền bạc, lương thực cứu mạng để tự xài, ngồi nhìn dân đang đói bị chết đói. Dẫu có phân phát thì cũng đều là gây đủ mọi nỗi tệ hại lớn lao, dùng chuyện phát chẩn để che chắn thể diện. Há trời đất dung cho những kẻ ấy được tồn tại ư? Vì thế bọn chúng đều tử vong, tuyệt diệt hết.

Nghe nói lần trước ở Thiểm Tây bị hạn hán, tại Thượng Hải từ tính gửi đi cứu trợ một hai chục vạn đồng, những kẻ cầm quyền ở Thiểm Tây đều phát tài, dùng tiền ấy để mở đường xe hơi nhằm che giữ thể diện. Thứ tâm hạnh ấy so với cạp, beo, sài lang còn ác độc hơn gấp vạn lần, chỉ biết cái lợi trước mắt, chẳng sợ hậu họa, thật đáng xót thương! Ông đừng mang ý niệm ấy nhé! Nếu nhờ vào chuyện cứu trợ này để tự thủ lợi thì chẳng những chính mình sẽ đọa thẳng vào ác đạo mà sẽ còn gây lụy khiến lệnh từ và tổ tiên đã khuất đều bị đọa ác đạo. VỢ con, anh em ông cũng đều sẽ bị tử vong, đọa lạc đấy!

Xem khắp những kẻ lo phát chẩn xưa nay: Phạm kẻ nào cắt xén, quyết chẳng có thiện báo; phạm ai tận tâm tận lực thì con cháu chắc chắn phát đạt. Ông và tôi chưa từng gặp mặt, do nỗi khổ của dân đất Thiểm mà Quang đem món tiền muôn phần chẳng thể dùng vào việc khác để chuyển sang cứu trợ. Ông hãy nên do việc này mà vun bồi đức, đừng do việc này mà giờ trò làm bậy. Nếu đã làm bậy thì tuy người không biết, thiên địa quỷ thần há bị lường gạt ư? Bởi lẽ, tâm chính mình vừa động, thiên địa quỷ thần thấy đều biết rõ. Muốn thiên địa quỷ thần không biết, trừ phi chính mình chẳng sanh cái tâm ấy. Nếu vừa sanh tâm dù thiện hay ác, không chuyện gì chẳng rõ rệt như nhìn vào ngọn lửa. Quang yêu mến, bảo vệ ông nên mới nói lời này. Nếu thực hành được thì may mắn chi hơn, còn nếu như giờ trò sai trái, sau này sẽ hối không kịp đấy!

600. Thư trả lời cư sĩ Chu Thạch Tăng (thứ thứ nhất)

Doãn Vương Thị trọn chẳng ăn chay niệm Phật, vừa nghe pháp môn Tịnh độ bèn có thể sốt sắng tu trì, lại còn biến điền trang của chính mình thành Từ Vân Liên Xã để mong những phụ nữ có chí tu trì đều cùng được nương tựa tu trì nơi đây, quả thật là khó có! Nếu chẳng phải do đời trước đã có thiện căn, làm sao được như thế? Thật có thể gọi là “chín phẩm hoa sen” vậy.

Sợ rằng bà ta chưa nghe thông suốt pháp môn Tịnh độ, nên đương nhiên phải làm cho bà ta sanh lòng tin chân thật, phát tâm nguyện thiết tha, quyết định cầu

mong lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đừng xen tạp công phu luyện đan vận khí của ngoại đạo để cầu trường sanh và đừng mong được thành thần tiên nơi cõi trời Đại-la v.v. thì sẽ chẳng uổng cuộc sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này.

Nay đặt pháp danh cho bà ta Huệ Đạo, nghĩa là dùng trí tuệ để dẫn dắt những người cùng hàng cùng sanh Tây Phương. Lại phải khuyên người niệm Phật ai nấy trọn hết bốn phần của chính mình, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, giữ tâm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt, đừng làm các việc ác, vâng làm các việc lành. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để dạy người khác thì kẻ vô tri chẳng dám sanh hủy báng xằng bậy. Nếu chẳng thể trọn hết bốn phần của chính mình, dầu có tu trì cũng khó tương ứng với Phật, lại còn gọi cho kẻ vô tri lầm lạc bảo: “Phật pháp vô ích cho luân thường, thế đạo.”

Xem khắp xưa nay, những vị đại trung, đại hiếu, lòng nhân sâu xa, phẩm đức sâu dày, đa phần đều do học Phật đắc lực mà ra. Do vậy, trong ba thứ chánh nhân tịnh nghiệp của Quán kinh, điều thứ nhất là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng (sư trưởng chính là người có đức), từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp. Có thể “hiếu, đễ, từ” thì có thể khiến cho ba nghiệp nơi thân (ba nghiệp nơi thân là giết, trộm, dâm), bốn nghiệp nơi miệng (bốn nghiệp nơi miệng là nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, ác khẩu), ba nghiệp nơi ý (ba nghiệp nơi ý là tham sân si) thảy đều lành. Người như thế chính là vật báu cho quốc gia xã hội, sẽ khiến cho kẻ thấy người nghe nhìn theo bắt chước làm lành. Đây gọi là: “Dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy, người khác sẽ thuận theo.”

Mọi chuyện trong thế gian đều phải lấy thân làm gốc. Huống chi hiện thời tà thuyết dị kiến không thứ lạ lùng nào chẳng có. Chúng ta học Phật nếu chẳng nghiêm túc suy xét từ luân thường, từ khởi tâm động niệm thì công phu của chính mình cũng khó được lợi ích. Người khác thấy nghe chắc sẽ thốt lời xàm xì, do vậy cần phải xét bàn từ luân thường, suy xét từ nơi khởi tâm động niệm, hễ lập được cái gốc thì đạo sẽ sanh. Người đời thấy nghe sẽ học theo mà không hay không biết. Ví như gió lửa cỏ rạp, nước chảy thành khe. Những điều cần phải nói khác đã có đầy đủ trong lá thư gửi cho ông Mã Tuấn Khanh [trong bộ Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên], đều nên đem những điều ấy nói với bà ta.

Giới thiệu người khác quy y quả thật là chuyện tốt đẹp nhất, nhưng nếu là kẻ không có lòng chánh tín, đừng nên giới thiệu tràn lan. Sợ rằng mai sau kẻ ấy sẽ lui sụt tạo nghiệp, đâm ra chẳng tốt đẹp gì. Nhân tâm khác biệt như thế đó! Nếu

gặp kẻ có tức căn, cố nhiên hãy nên hướng dẫn, còn kẻ không có thiện tâm thì chớ nên dẫn dắt bừa bãi vì sợ đâm ra họ sẽ làm cho pháp môn bị nhục lây.

601. Thư trả lời cư sĩ Chu Thạch Tăng (thư thứ hai)

Phàm người quy y Phật pháp, bất luận nam hay nữ, đều phải giữ vey luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Chớ nên dùng công phu luyện đan vận khí của ngoại đạo để cầu trường sanh và sanh lên trời làm thần tiên cõi trời Đại-la v.v.. Hãy quyết định phát nguyện cầu khi lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu tín nguyện chân thật, thiết tha, ai nấy đều có thể vãng sanh. Nếu được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Nhưng muốn vãng sanh, ắt phải nghiêm túc trọn hết bốn phận của chính mình, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, dựa theo chức phận của chính mình để trọn hết nghĩa vụ của chính mình. Lại còn đem pháp môn này khuyên bảo gia đình cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con và bằng hữu thân thích, xóm giềng, làng nước, để hết thầy mọi người đều biết pháp này, đều tu pháp này, như vậy thì do cái công khuyên người ấy mà chính mình sẽ đạt được lợi ích càng sâu xa, lớn lao hơn.

Nữ nhân lấy “*tương phu giáo tử*” (giúp chồng dạy con) làm thiên chức, “tương” (相) là giúp, “tương phu giáo tử” là giúp chồng thành tựu đức hạnh, khéo dạy bảo con cái, khiến cho bọn họ đều thành hiền nhân, thiện nhân, đấy chính là chức phận của nữ giới. Nữ nhân hiện thời thường nuông chiều con cái quen thói kiêu căng, chẳng lấy đạo lý làm người và nhân quả báo ứng để răn dạy, vì thế con cái phần nhiều khó thành người đàng hoàng.

Do vậy, những kẻ đại thông minh mù quáng nhiều loạn cõi đời và những phường giặc cướp làm càn làm quấy trọn khắp thế gian khiến cho nước không ra nước, dân chẳng thành dân, căn bản đều là do cha mẹ chúng nó chẳng biết trọn hết chức phận giáo huấn con cái của người làm cha mẹ mà ra, cho nên loạn lạc không có lúc nào yên. Nếu ai nấy đều khéo dạy dỗ con cái thì thế đạo sẽ tự nhiên thái bình. Những điều khác hãy xem trong Gia Ngôn Lục v.v., đều có viết đầy đủ về những điều ấy.

Hơn nữa, công đức niệm Phật tiêu trừ hết thầy ác nghiệp, phàm gặp những tai nạn như đao binh, nước, lửa, ôn dịch, sâu rầy, hạn hán, lụt lội v.v. mà nếu có thể chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, ắt sẽ gặp dữ hóa lành. Nữ nhân sanh nở, nếu sanh không được mà chịu chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, chắc

chấn sẽ lập tức an nhiên sanh nở. Lúc bình thường chịu niệm thì càng có lợi ích lớn lao hơn.

Đừng nên bảo “lỗi lầm bất tịnh, niệm sợ mắc tội”. Cần biết rằng Bồ-tát sẵn lòng cứu khổ, đây chính là lúc liên quan đến tánh mạng, do vì không làm sao khác được, chứ không phải là có thể cung kính, khiết tịnh, mà chẳng chịu gắng hết sức cung kính, khiết tịnh. Chẳng những sản phụ phải niệm ra tiếng rõ ràng, mà những người sản sóc bên cạnh cũng phải niệm giúp cho người ấy. Dầu khó sanh đến nỗi sắp chết cũng đều có thể ngay lập tức an nhiên sanh nở. Hãy nên nói với hết thầy mọi người về chuyện này, đây chính là cứu vớt sẵn sự hoạn nạn và tánh mạng của người khác, công đức rất lớn.

602. Thư trả lời cư sĩ Phí Phạm Cửu

Nhận được thư đầy đủ. Tôi soạn được lời tựa gồm 806 chữ, nhưng câu chữ vụng về, chất phác, không có vị đại thông gia nào đọc đến chẳng chê bai, phê bình! Nếu có thể dùng được thì xin hãy cậy người viết chữ đẹp chép lại cho trang trọng rõ ràng, cũng nên thêm dấu chấm câu để tránh cho những người chữ nghĩa ít ỏi không đọc thành câu được. Nếu không đọc được thành câu, làm sao hiểu nghĩa? Vì thế bất luận là thứ văn tự nào đều phải nên chấm câu. Khi Quang viết thư cho ai, ngay cả khi người nhận là bậc đại thông gia, vẫn một mực chấm câu, vì chẳng muốn người khác phải tốn chút công suy nghĩ nào để hiểu những lời lẽ hủ bại của tôi. Trong lời tựa đều không sử dụng lối dài đầu¹¹, nếu sử dụng lối dài đầu trong mọi chỗ sẽ quá phiền phức, không dài đầu cũng được. Nếu muốn dài đầu thì chỉ cần áp dụng trong câu nói về bức thánh tượng Quán Thế Âm do vị danh gia vẽ là được rồi.

(Mùng 4 tháng 9 năm Dân Quốc 27 - 1938)

603. Thư trả lời cư sĩ Trần Tân Nho

Thư nhận được đầy đủ, trong 48 nguyện, có nguyện thứ 18 là “mười niệm xưng danh liền được vãng sanh, chỉ trừ kẻ ngu nghịch, phỉ báng chánh pháp”. Đây là nói về lúc bình thường, bởi lẽ ngu nghịch đại tội, báng pháp chẳng tin, thứ tội chương ấy há có thể dùng sự tu trì hồi hột, hờ hững để tiêu diệt được ư?

Theo Quán kinh, kẻ ngu nghịch thập ác lúc sắp mạng chung, tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức (ở đây bất luận là tăng hay tục, nam hay nữ, chỉ cần dạy

¹¹ Dài đầu là một cách viết trong công văn, thư từ, thể hiện sự cung kính: Trước khi bắt đầu một danh xưng hay tên người thì bèn xuống dòng. Tức là danh xưng ấy trở thành chữ đầu dòng trong câu văn.

người ấy niệm Phật thì cũng được gọi là thiện tri thức) dạy niệm Phật, hoặc chỉ niệm mười tiếng hoặc niệm chưa đến mười tiếng đã mạng chung, cũng sẽ được cày vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Mười niệm ấy so ra có khí thể dừng mãi, thiết tha hơn hẳn mười niệm lúc bình thường một trời một vực, do vậy bèn được vãng sanh. Do bị nổi khổ cùng cực nơi địa ngục bức bách nên vừa được nghe danh hiệu Phật bèn dốc hết toàn bộ tinh thần xưng niệm. Trừ niệm ấy ra, trọn chẳng có niệm gì khác! Tuy chưa đích thân chứng được nhất tâm bất loạn, nhưng tâm đã rất ráo chẳng còn có niệm nào khác. Đang trong lúc ấy, trọn chẳng có tam tâm, nhị ý, chẳng có tâm tướng tin tưởng - nghi ngờ xen lẫn. Vì thế chẳng gọi là “báng pháp”.

Dẫu lúc bình thường là kẻ báng pháp thì khi lâm chung ắt cũng sẽ giống như té vào nước lửa cầu xin cứu vớt, rảnh đâu để sanh lòng nghi, khởi lòng báng bỏ ư? Vãng Sanh Luận nói “kẻ báng pháp chắc chắn không được vãng sanh”, vì đã báng chánh pháp thì sẽ không có lòng chánh tín, làm sao vãng sanh cho được? Đây là lời lẽ nhằm cực lực khuyên con người phải phát lòng chánh tín. Nếu trước kia đã từng báng pháp, về sau biết cải hối thì sẽ được vãng sanh. Ví như lành bệnh liền trở thành người mạnh khỏe, kẻ quy hàng chính là người dân đã quy thuận.

Nếu nói: “Kẻ báng pháp dù sau này có cải hối cũng chẳng được vãng sanh”, đây là đã hoàn toàn hiểu sai chuẩn mực tu trì. Đối với Nho giáo còn chẳng hợp, huống hồ đức Phật thấy “hết thấy chúng sanh đều có đủ Phật tánh, đều sẽ thành Phật” ư? Kinh Thư chép: “Chỉ vì thánh mất niệm mà thành cuồng, cuồng do khắc chế được ý niệm mà thành thánh.” Do vậy biết rằng Nho và Phật đều lấy sửa lỗi hướng lành để chăm chú mong thành thánh, thành hiền, đoạn hoặc, chứng chân. Người đời chẳng khéo hiểu ý này, chỉ chấp vào lời văn, tự sanh chướng ngại, chẳng đáng buồn ư?

Quang là một ông tăng tầm thường, trọn chẳng có ưu điểm nào, gặp gỡ thì có ích gì? Chẳng gặp đâu bị tổn hại gì? Nếu muốn gặp thì lại có khó khăn chi? Ước chừng vào nửa sau tháng 7, ắt tôi sẽ sang chùa Thái Bình, phải lẩn quẩn ở đó hai ba tháng đợi cho việc in sách xong xuôi rồi sẽ liền diệt tung tích ẩn náu lâu dài để vĩnh viễn chẳng còn qua lại với hết thấy mọi người nữa.

Ông muốn quy y thì nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tân, nghĩa là trí tuệ sẵn có vốn là vật cũ của chính mình, nhưng do hoặc nghiệp chướng lập nên chẳng thể thọ dụng được. Nay dùng sức niệm Phật để tiêu trừ hoặc nghiệp, khiến cho trí tuệ ấy lại được tỏ rạng. Tuy là vật cũ, nhưng chẳng khác gì mới đạt được, cho nên gọi là Huệ Tân.

Lại mong ông sẽ đem pháp môn niệm Phật này hóa độ hết thầy để bọn họ sẽ đều tự làm cho đức ấy được trở thành mới mẻ thì may mắn lắm thay. Điều trọng yếu trong tu trì là giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, xin hãy tìm đọc, ở đây không viết cặn kẽ.

604. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết ông tới chỗ ngụ ở Thượng Hải an toàn, hết thầy đều như thường, vui mừng an ủi đến cùng cực. Thời cuộc chẳng yên, đừng nên bắt đầu tiến hành làm những chuyện đã định, nên đợi đến khi thái bình thì mới tiến hành. Nếu không cẩn thận, sẽ hối chẳng kịp đấy! Vì vậy, đừng hạn định ngày tháng mà hãy nên dựa theo thời thế để ứng biến. Thế đạo hiện thời chính là thế đạo hoạn nạn. Tuy nói “niệm Phật diệt được túc nghiệp”, nhưng cần phải sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sanh lòng kinh sợ lớn lao, chuyển cái tâm “tổn người lợi mình” của chúng sanh thành “hành hạnh Bồ-tát lợi khắp các chúng sanh”, thì dù là túc nghiệp (nghiệp trong quá khứ) hay hiện nghiệp (nghiệp hiện tại) đều bị quang minh của Phật hiệu trong cái tâm đại Bồ-đề ấy tiêu diệt sạch sành sanh.

Nếu đời trước và xưa kia từng tạo nghiệp lớn, nay tuy đã thôi làm ác, nhưng chưa thể tận lực tu các điều lành và chỉ niệm Phật hời hợt, hờ hững thì công chẳng cự được lỗi, cho nên khó tránh vướng phải ác báo ấy được. Chẳng phải là niệm Phật uổng công, mà là vì chưa phát tâm Bồ-đề, nhưng ác nghiệp lại đặc biệt rộng lớn nên công đức niệm Phật chẳng thể che lấp ác nghiệp được. Nếu có thể phát tâm đại Bồ-đề thì sẽ như mặt trời rực rỡ giữa hư không, sương móc tan ngay lập tức. Người đời phần nhiều nửa đời làm ác, rồi sau này mới cải hối, do chưa thể hoàn toàn không có ác báo, bèn bảo: “Phật pháp chẳng linh, tu trì vô ích!”

Cư sĩ đã chẳng coi Quang là người ngoài, nên cố nhiên Quang chẳng thể không trình bày đại lược nguyên do với cư sĩ để mong ông thoát khỏi đường mê, lên bờ giác. Pháp môn niệm Phật lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, lấy tâm Bồ-đề làm căn bản, do bởi thật nghĩa “tâm này là Phật, tâm này làm Phật, nhân trùn biến quả, quả thấu nguồn nhân”, cho nên dùng “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” làm công phu thực hiện tối thiết yếu. Dùng điều ấy để hành, lại còn tứ hoằng thệ nguyện thường chẳng rời tâm, vậy thì tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo, lúc đang còn sống sẽ dự vào bậc thánh, lâm chung lên thẳng thượng phẩm, ngộ hầu chẳng phụ cuộc sống này. Phải thường nên giảng nói với Chí Thường những điều vừa nói trên đây, khiến cho tập khí nữ nhi hẹp hòi, hèn kém của cô ta biến thành chánh trí Bồ-đề thì công đức lớn lao lắm. Người tu tịnh

ngiệp ắt phải khuyên khắp người đời cùng tu tịnh nghiệp, “làm gương cho vợ mình rồi đến anh em, cho đến khắp đất nước”¹², cho nên chẳng khác gì sự giáo hóa của các vị vua.

605. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ. Đất Tần rét buốt, Tịnh Nghiệp Cư chỉ nên mở tiệm cơm chay thì mới có đôi chút khả quan. Nếu chiếu theo biện pháp của Công Đức Lâm ở phương Nam, ắt sẽ bị cụt vốn. Ở nơi ấy đã mang tên là Tịnh Nghiệp Cư thì hãy nên nhờ người viết chữ đẹp dùng lối chữ khải chánh thức đang thông dụng hiện thời để sao chép công đức, lợi ích của tịnh nghiệp và pháp tắc tu trì, rồi đem treo những bài viết ấy trên các bức tường để người ta đọc tới sẽ dấy lòng cảm kích. Ở nơi ấy chẳng thể tổ chức diễn giảng vì sợ có đông người đến nghe sẽ không đủ chỗ chứa, đừng nên làm theo kiểu đó. Nếu cứ làm thì sẽ đâm ra bị chướng ngại mà cũng gây trở ngại cho việc làm ăn.

Tịch Viên Liên Xã ắt phải thanh tịnh, thơm sạch. Chủ nhân ắt phải cung kính, chí thành, chớ nên ngạo mạn đối với người khác, cũng chớ dùng phô trương tỏ vẻ mình là người có đức hạnh. Phàm có ai đến đều phải đối đãi ôn hòa, cung kính, khiêm tốn (Xét trong hiện thời, các hội Phật giáo các nơi hễ có quy mô hơi lớn thì thường phạm phải thói xấu là ngạo mạn đối với người khác. Đọc đến đây hãy nên đau đầu răn dè. Hãy chớ nên phân biệt sang hèn, khiến cho khắp mọi người cùng được thấm nhuần pháp vị, gieo thiện căn). Còn như khi chưa niệm Phật và lúc đã niệm Phật xong, nhất loạt chẳng cho những người đến niệm Phật bàn tán chuyện trong gia đình. Nếu có những nghĩa trọng yếu có thể bàn luận được thì hãy bàn; nếu không, ai về nhà nấy. Kẻ nào tuổi quá nhỏ thì chỉ nên niệm trong nhà của chính mình. Nếu thường đến mà ở gần thì còn được, chứ như đường xa sợ sẽ có chuyện xảy ra ngoài ý muốn, chẳng thể không cẩn thận. Nơi đây bất quá là chỗ để đề xướng tu tịnh nghiệp trong địa phương mà thôi, vẫn phải chú trọng chuyên niệm Phật tại gia.

¹² Đây là một đoạn thơ trích từ bài Tư Tề thuộc tiểu loại Văn Vương Chi Thập trong phần Đại Nhã của kinh Thi: “Hình vu quả thê, chí vu huynh đệ, dĩ ngự vu gia bang.” Câu nói này cũng được Mạnh tử nhắc lại trong thiên Lương Huệ Vương, sách Mạnh Tử. Theo cách giải thích của Tứ Thư Bạch Thoại giải thì: “*Quả thê* là đích thê (vợ cả, vợ chánh), *hình* là nêu gương, *ngự* là cai trị. Theo Tập Sớ thì ‘*hình quả thê, chí huynh đệ, dĩ ngự gia bang*’ chính là đạo tu thân, tề gia, trị quốc. Ý nói Văn Vương ở trong chôn riêng tư thì hết sức hòa nhã, đối với tông miếu hết thủy kính cẩn’. Do vậy, câu này phải hiểu là: Văn Vương dùng lễ pháp để nêu gương cho vợ con, đối xử nhân ái với anh em, khiến anh em nêu gương, khiến cho cả nước phải tuân phụng theo.” Do vậy, chúng tôi chỉ dịch gọn là: “Làm gương cho vợ mình, lan đến anh em, rồi truyền khắp đất nước.”

Ông đã đề xướng liên xã thì người lớn kẻ nhỏ trong nhà đều phải đoạn trừ rượu thịt. Nếu vẫn cứ ăn uống tùy tiện giống như người đương thời thì sẽ mất đi thể cách đề xướng. Chương trình giản lược của Tịnh Nghiệp Cư văn lẫn lý đều hay, nhưng chữ huân (葷) bị viết sai thành chữ vừng (暈: Quảng sáng quanh mặt trời, mặt trăng. Chữ 暈 đọc giống như âm vận) thật là thất cách, xin hãy sửa cho đúng. Chữ huân (葷) vốn chỉ những thứ hành, họ, kiêu, tỏi, cho nên viết bằng bộ thảo (艸). Kinh Phạm Võng giảng rõ ngũ tân (五辛: năm thứ cay nồng) là *đại toán thông* (大蒜蔥: tức họ), *từ thông* (慈蔥: hành), *lan thông* (蘭蔥: tức là tiểu toán 小蒜, chính là kiêu), *huân vật* (葷物: tỏi). Phương này (Trung Hoa) chỉ có bốn thứ ấy, ở Tây Vực có thêm *hưng cừ*¹³ (興渠: củ nén) nên gọi là ngũ tân, cũng gọi là ngũ huân. Cũng có ngoại đạo coi *nguyên tuy* (芫荽)¹⁴ là huân (rau có mùi tanh hôi), lại có phái ngoại đạo coi *hồng la bồ* (củ giềng) là huân, đều là bịa đặt!

Năm thứ huân này vốn thuộc thảo mộc, nhưng do có mùi hôi dơ nên không được ăn. Ăn vào thì tụng kinh niệm Phật đều không được hưởng lợi ích lớn lao¹⁵.

¹³ Hưng cừ (hingu): Còn phiên âm là huân cừ, hưng cừ, hưng cự, hưng nghi, hình ngu, hoặc hình cụ, vốn chỉ mọc ở Tân Cương, Hòa Điền (Khotan), Tây Tạng, Ấn Độ, Iran, A Phú Hãn v.v., là một loại thảo mộc, có tên khoa học là asafetida, cao tới đa hai mét, thân củ mập, sắc trắng, mùi hôi như tỏi, nhưng củ nhỏ hơn, thường dùng làm gia vị. Khi bẻ thân loại cây này, chỗ gãy sẽ tiết ra dịch nhờn, dịch nhờn ấy có thể dùng làm thuốc với tên gọi được gọi là a-ngụy (thường bị đọc trại thành a-ngù). Do cây củ nén (hoặc củ nén?) của Việt Nam cũng có hình dáng gần giống như vậy và có mùi tỏi nên chữ hưng cừ thường được dịch tạm là củ nén.

¹⁴ Nguyên tuy (coriander) là một loại rau thơm, thường được biết dưới tên thông dụng là cilantro, trông hơi giống như rau ngò (rau mùi, ngò rí) của Việt Nam, nhưng lá to hơn và không thơm bằng (có lẽ vì thế một số người gọi nó là ngò Tây). Do hạt của nó có hương vị khác biệt, thơm nồng hơn lá, nên thường được người Ấn Độ dùng làm thành phần chủ yếu cho hương liệu garam masala và cà ri. Người Ấn còn nướng hạt ngò Tây để nhai cho thơm miệng. Hạt ngò Tây cũng được dùng để tạo hương vị đặc biệt cho các loại bánh mì cứng làm bằng hắc mạch (rye) của Nga.

¹⁵ Theo kinh Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm (quyển tám) thì năm thứ hôi nồng này, tuy là thảo mộc, nhưng ăn chín sẽ khiến lòng dâm nảy sanh, ăn sống sẽ khiến cho người thích ăn hay nóng giận. Hơn nữa, thiên tiên mười phương không thích mùi hôi hám của năm loại này nên thường tránh xa, các loài ngạ quỷ lại đặc biệt ưa thích nên thường đến liếm môi mép của người ăn. Do quỷ thường lui tới nên phước đức của người ăn bị tiêu giảm. Đại lực quỷ vương thừa cơ hiện thân Phật dối gạt thuyết pháp, dạy người ăn ngũ tân phạm giới, khen ngợi dâm - nộ - si, khiến cho kẻ ấy mạng chung sẽ làm quyến thuộc của ma, vĩnh viễn đọa trong địa ngục Vô Gián. Vì thế, người cầu Bồ-đề phải đoạn dứt ngũ tân. Tuy ngũ tân bị cấm ăn, nhưng trong trường hợp bị bệnh phải ăn để trị bệnh thì đức Phật cũng đặc biệt hứa khả. Theo kinh Yếu Tập quyển 20 dẫn các bộ luật Tăng-kỳ, luật Thập Tụng, luật Ngũ Phần v.v., nếu tỳ-kheo bị bệnh đành phải ăn ngũ tân thì trong bảy ngày phải ở riêng trong một phòng nhỏ, không được nằm trên giường đệm của tăng, không được ở lẫn lộn với tăng chúng, không được lên giảng đường, nhiều tháp Phật, hoặc vào tăng đường, phải ngồi dưới chiều gió nếu có chuyện cần thiết phải

Huống chi thịt là thứ lấy từ thân thể chúng sanh, con vật đang sống sờ sờ bèn giết đi để mong thỏa thích cái miệng. Người đời quen thói chẳng thấy đó là chuyện kỳ quái, hễ nghĩ tưởng thì sẽ thấy đúng là vô lý đến cùng cực, đáng sợ thay! Quang chưa thể định trước được thời hạn trở về, cần gì phải có người đón tiếp; chỉ để Quang đi một mình thôi là được rồi, nếu đón tiếp đâm ra trở thành chướng ngại. Ngàn vạn phần đừng đến, nếu đến thì tôi chẳng trở về!

606. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ ba)

Nhận được thư, kính và bài minh trên tháp thờ mẹ của ông, khôn ngăn vui mừng an ủi. Một thiên tự thuật đã bộc lộ khá thành khẩn, nhưng những điều được trình bày ắt phải là những hạnh ta thấy rõ thì mới là thật nghĩa, nếu không thì sẽ trở thành vọng ngữ, lừa mình gạt người.

Chẳng biết tháp của lệnh từ được xây theo cách thức như thế nào. Theo chế định của Phật, Luân Vương (Chuyển Luân Thánh Vương) mới được xây tháp nhưng không có tầng cấp. Đối với bậc xuất gia chứng Sơ, Nhị, Tam, Tứ quả thì tùy theo quả vị của họ đã chứng để phân định được phép xây bao nhiêu tầng cấp.

Nếu là phàm phu, chớ nên xây tháp! Trong thời gần đây, các tăng đều xây tháp, nhưng chỉ có hình dáng chứ không phân tầng cấp thì vẫn còn chấp nhận được; chưa hề nghe nói xây tháp cho người tại gia. Các đệ tử của ông Dương Nhân Sơn xây tháp cho thầy, cách thức gần giống như tháp Phật, chẳng đáng để bắt chước theo, nhưng do ông ta có công lưu thông, hoằng dương Phật pháp, nên các đệ tử tôn xưng quá mức. Lệnh từ tuy suốt đời thanh tu, lâm chung chánh niệm vắng sanh, nhưng sở chứng của cụ chưa biết ra sao. Ở phương này (cõi Sa-bà), quyết chớ nên mạo xưng là thánh nhân. Hễ nghĩ như vậy tức là đã “đem phàm lạm thánh”.

Nếu cụ có chứng đắc sau khi vắng sanh thì chẳng thể coi đó là sở chứng trong khi cụ còn sống ở phương này. Vì thế, đối với chuyện ở phương này hay chuyện sau khi đã sanh sang cõi kia, đều phải dựa theo nơi chốn mà phân chia rạch ròi thì mới chẳng trái nghịch cấm chế của đức Phật. Nhưng cụ đã tu hành tốt đẹp thì cũng chỉ nên tùy ý lưu truyền, nhưng chớ nên nghĩ làm như vậy là đúng, khiến cho những kẻ có tâm đều bắt chước làm theo. Quang chẳng thể không nói rõ điều này! Ông chép kinh Bát Đại Nhân Giác rất đẹp, khiến cho người đọc sanh lòng hoan hỷ.

hợp mặt với tăng chúng. Sau bảy ngày phải tắm gội súc rửa sạch sẽ, dùng hương xông áo khử mùi hôi hám rồi mới được nhập chúng.

Ngày 26 tháng 9, Quang xuống núi. Đến cuối tháng, đến Thượng Hải, tưởng là ông và gia quyến đều trở về nhà hết rồi, vì thế trọn chẳng hỏi đến. Tới mùng 5 tháng Chạp, ông Lý Cấp Nhân tới thăm, mới biết là gia đình ông chưa trở về hết. Chuyện Quang trở về đất Thiểm quả thật chẳng dễ dàng, do đất Thiểm loạn lạc, lại còn rét buốt. Nếu quần áo, đồ đạc đều bỏ lại hết thì khi tới đất Tần sẽ sắm sửa không được, nếu cầm theo hết thì hành lý sẽ công kênh, thật khó khăn cho cả đôi bên. Vì thế, Quang trọn chẳng có lòng trở về đất Tần.

Huống chi hiện thời tại Phò Đà đang tu chỉnh Sơn Chí, tuy không do Quang chủ trương nhưng cố nhiên Quang chẳng thể bỏ mặc được. Lại còn môn loại Đại Sĩ Bồn Tích, Quang đã cậy một người bạn ở Giang Tây biên soạn tám chín tháng rồi, chuyện ấy vãn muôn phần chẳng thể nhờ tay người khác lo liệu được. Phải đợi cho ông ta tu chỉnh xong xuôi, Quang đọc qua rồi mới đem ghép vào Sơn Chí, hoặc cho lưu hành riêng, Quang đều phải tự lo liệu.

Ông đã biết “hết thầy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai”, vậy thì tất cả quyến thuộc chánh phụ¹⁶ trong nhà đều nên vĩnh viễn thôi ăn mặn, đây mới là thật sự tu hành. Nhà Nho trong cõi đời do thói quen cố kết coi ăn thịt là lẽ đương nhiên, trọn chẳng nghĩ đến nỗi đau khổ khi những con vật bị giết hại, huống là bàn đến chuyện quá khứ và vị lai ư? Buồn thay! Đời này chẳng độ được thân này thì đến đời nào mới độ được? Sửa đổi nếp sống để tu thì chẳng thích hợp cho lắm.

Hiện thời, trời đang chuyển sang vận khí tốt đẹp, con người vui vẻ, mùa màng sung túc, nghĩ tưởng năm mới đã đến, chúc ông mọi duyên như ý, đứng ngồi hưởng phước, Chí Thường và các cháu đều cát tường yên vui, khôn ngăn vui mừng an ủi. Viết thư này để mong ông được an vui thuận lợi và chúc mừng năm mới, mong sao cả nhà đều yên vui. Nếu không có chuyện gì quan trọng thì đừng tới núi, vì e rằng trong tháng 3 Quang sẽ qua Hàng Châu, nếu thuận tiện sẽ gặp mặt một phen.

607. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ tư)

Chuyện vui chơi giải trí tổn hại nhiều, lợi ích ít, vĩnh viễn tránh không lo tính đến chuyện này sẽ hợp lẽ nhất. Hôm trước, từ An Huy gửi tới tờ báo Giáo Dục số ra mỗi quý (ba tháng) cũng có bàn đến chuyện này. Khéo sao, nay ông lại gửi thư này! Người nước ta chỉ biết học theo cách thức của ngoại quốc, chẳng tính đến

¹⁶ Nguyên văn “bồn chi quyến thuộc” (quyến thuộc gốc và nhánh), tức những người thân thuộc trực hệ như vợ, con, cháu nội, cháu ngoại, dâu, rể... (thì gọi là gốc), và những người có quan hệ gián tiếp như cháu gọi bằng cô, cậu, chị dâu, anh rể, dì, dượng... thì gọi là nhánh. Do vậy, chúng tôi dùng chữ chánh và phụ để diễn tả ý này.

lợi hại, nên chỉ thường bị thua thiệt. Há có nên thuận theo ý mình để lập ra pháp tắc ư? Ất phải chuẩn theo khuôn mẫu của thánh nhân đời trước cũng như tình cảm con người, sao cho đôi bề đều chẳng trái nghịch thì mới không vương thói tệ.

Gần đây, những kẻ làm đại sự trong bao nhiêu năm đều chuyên lập dị, coi học theo người ngoài là đúng, coi Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng đều chẳng đáng để noi theo. Hễ chưa đắc chí bèn thành gã dân cuồng vọng, ương ngạnh khó giáo hóa, kẻ đã đắc chí bèn thành phường rồi nước hại dân. Vì thế thiên tai nhân họa liên tục dấy lên, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống.

Điều quý nhất nơi người học Phật là phải đổi trị tập khí, sửa lỗi hướng lành. Nếu không có chuyện gì bận bịu thì dốc hết sức học Phật; nếu có chuyện gì bèn gác bỏ học Phật thì sẽ trở thành kẻ mang cái danh suông, chẳng có mấy may ích lợi thật sự nào. Trong tháng 4, Đại Minh gửi thư đến cho biết ông ta muốn đưa mẹ xuống chơi miền Nam trong mùa hạ, Quang tận lực ngăn cản. Ông ta nói đầu mùa thu sẽ đến Thượng Hải, rốt cuộc chưa từng đến.

Trong kinh sử Nho gia, nhân quả báo ứng cực nhiều, tiếc rằng các Nho sĩ chẳng bận tâm đến sanh tử, vì thế có thấy cũng giống như không thấy. Ngụy Mai Tôn ty nạn tại Thượng Hải, nghĩ đến cuộc sống người dân khốn khổ là vì các tướng lãnh, quan lại cai trị hà khắc gây nên. Do vậy, sao lục trong sử sách được 36 câu chuyện dẫn dắt đến điều tốt lành, và quả báo không ham giết chóc hay ham giết chóc của các tướng lãnh, quan lại. Ông ta muốn cấp tốc ân hành những chuyện ấy nên thưa với Quang.

Quang nói:

- Mỗi họa hiện thời đã thành, không có thuốc chữa, muốn tiêu trừ mỗi họa cho tương lai thì hãy nên biên tập rộng rãi những chuyện nhân quả báo ứng từ 22 bộ sử để truyền bá khắp cả nước thì sẽ có lợi ích lớn lao.

Do vậy, tôi đem bộ Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục của Bành Lan Đài gửi cho ông ta. Ông ta bèn nghe lời Quang nói, tận lực sưu tập. Quang bảo ông ta cậy nhiều người giúp sức sao chép, lấy tối thiểu một năm làm hạn. Khi nào cuốn sách ấy soạn xong sẽ in mấy vạn bộ để làm nền tảng gây dựng thái bình cho vị lai. Đã bảo gửi trước Văn Sao cho ông và Vương Tôn Liên, mỗi người mấy chục gói, hãy nên tùy duyên mà biếu tặng để làm pháp thí cho Đại Minh.

Câu chữ trong chú Vãng Sanh là do ông Vương Long Thư dựa theo bản chép trong Đại tạng để chấm câu. Tiền nhân cho rằng chú văn ghi trong Đại tạng rời rạc (ý nói: cách chấm câu thiếu mạch lạc, không hợp lý), chẳng thể dựa theo cách chấm câu ấy được, cứ chiếu theo bản đang được lưu thông là đúng.

Chớ nên dùng chữ “A-di-đà Phật” ở cuối thư. Ba năm trước, Phạm Cổ Nông dùng chữ A-di-đà Phật viết theo lối triện văn của sư Hoằng Nhất để in theo lối *câu ấn*¹⁷. Quang biết được, cực lực quở trách ông ta khinh nhờn, do vậy Cổ Nông mới ngừng in. Hãy nên in những ngôn từ có tác dụng cảnh tỉnh, nhắc nhở người đời mạnh mẽ nhất thì sẽ hữu ích, không phạm lỗi. Nếu in danh hiệu Phật rồi viết bừa bãi trên đó, xét về lý sẽ chẳng thích đáng!

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), Ứng Đức Hoằng gửi thư cho Quang, trên tờ thư phông theo kiểu chữ viết thiếp đời Tần. Khi viết tới hai chữ Di-lặc, lại vẽ thành hình đức Di-lặc; Quang lập tức quở là sai trái. Người đời nay thích lập dị, nếu chẳng biết kiểm điểm, sẽ tràn lan, hỗn loạn, không còn khuôn phép gì nữa! Con trai Vu Tịch Âm là Hóa Nhất có tín tâm tốt bậc, có hành trì, nhưng lại vẽ hình A-di-đà Phật đủ mọi kiểu cọ. Tịch Âm đã dọa giá, muốn đem khắc in. Con trai thứ của Vu Tịch Âm là Hóa Tam đến núi gặp Quang thưa trình, Quang cực lực quở trách lỗi ấy mới thôi. Xin hãy xét tường tận!

608. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ năm)

Nhận được thư đầy đủ. Dương Thúc Cát đến đây cho biết nỗi khổ của dân đất Tần (Thiểm Tây) chẳng khác gì ở trong địa ngục cho mấy. Đang trong lúc kiếp trước đời loạn này, cố nhiên hãy nên đề xướng nhân quả báo ứng và pháp môn Tịnh độ thì mới có ích lợi thật sự. Những kẻ ham cao chuộng xa sợ rằng hễ đề xướng như vậy thì tiếng tăm, giá trị sẽ bị hủy hoại. Vì thế, thà mặc kệ kẻ khác chẳng hiểu, chứ quyết chẳng chịu hạ thấp môn phong của ta.

Thử hỏi: Đối với những vật bên ngoài dùng để điều hòa nuôi dưỡng thân tâm tánh mạng, há bọn họ có thể cố chấp một lối, chẳng cầu biến - thông hay không? Mùa hạ mặc áo mỏng, mùa đông mặc áo cừ, khát uống, đói ăn. Trong suốt một ngày, ắt vẫn phải cầu sao cho thích nghi, nhưng trong trí bọn họ đối với chuyện hoằng pháp lại ngược ngạo chẳng tính kế sách ôn hòa giống như nuôi nấng cái thân, há có đáng gọi là “thật sự muốn tạo lợi ích cho người khác” hay sao?

Văn Sao tặng cho người có tín tâm, thông văn lý là được rồi, cần gì phải kê khai một danh sách gửi tới? Há chẳng phải là vô sự lại sanh sự đó chăng? Trịnh

¹⁷ Câu ấn, gọi đủ là *đới câu ấn*, tức là một loại con dấu cá nhân, thường dùng để mang theo mình, mỗi khi viết lách thư từ hoặc vẽ vờ, đề thơ, thường đóng dấu bên cạnh sau khi đề tên. Thoạt đầu, do ấn làm bằng đồng hoặc bằng ngọc có đuôi cong như cái móc để dễ cầm khi đóng dấu nên gọi là câu ấn. Do ông Phạm Cổ Nông cho in những tờ giấy có in sẵn hình câu ấn, trên ấn viết chữ A-di-đà Phật, tức là lấy danh hiệu A-di-đà Phật thay cho tên hiệu của chính mình, nên tổ mới quở là “khinh nhờn”. Tương tự, Vu Hóa Nhất vẽ hình A-di-đà Phật theo đủ mọi kiểu lập dị chứ không chú trọng diễn tả phước tướng trang nghiêm của Phật nên mới bị tổ quở trách, ngăn cản đừng in, vì sợ kẻ khác nhìn thấy sẽ bắt chước làm theo.

Tử Bình có tín tâm, sao chẳng bái vị đại pháp sư hiện đang hoằng pháp làm thầy, cứ muốn tôn Quang làm thầy? Cũng là do kiến địa chưa đến nơi đến chốn!

Gần đây Quang bận bịu đa đoan, đúng là sức chẳng thể chống chọi được nổi, hãy nên bớt gởi thư từ tới thì hơn. Nếu ông ta tin tưởng thì chỉ nên y theo Văn Sao hành trì là được rồi, cần gì phải chuyên gởi thư thỉnh giáo. Há lẽ nào Quang sẽ nói thêm những điều nào khác với những ý đã được nói trong Văn Sao ư? Ông ta chịu quy y cao nhân thì may mắn không chi lớn bằng! Nếu ông ta vẫn cố chấp không chuyển ý thì xin hãy thay tôi đặt cho ông ta một cái tên là được rồi, chẳng cần phải gởi thư đến khiến cho đôi bên đều nhọc sức.

609. Thư trả lời cư sĩ Từ Bình Hiên

Nhận được thư, biết đích xác chuyện lệnh từ nắm chặt xâu chuỗi sau khi đã mất, quả thật là chẳng thể nghĩ bàn. Sở dĩ tôi phải hỏi cặn kẽ chuyện ấy là do người đời nay hay giả dối, toàn là bồng dung bịa chuyện. Quang chỉ muốn truyền thuật sự thực, chẳng muốn nói cho dễ nghe đến nỗi đem phạm lạm thánh. Để yên thì thể cụ ba ngày rồi mới chuẩn bị nhập liệm, rồi mới tắm rửa, thay quần áo cho cụ, hết sức đúng! Bởi lẽ, tôi một mực nói đừng động đến thân thể người đã khuất trong hai ba tiếng đồng hồ là vì kẻ chẳng hiểu chuyện sẽ chẳng chịu chờ đợi lâu đến như thế. Nếu đúng ra, theo đúng lý, nên đổi thành ba ngày, rồi mới “cử ai” (cất tiếng khóc), tắm rửa, thay áo. Đến 49 ngày mới “cử ai” thì về lý không bị trở ngại gì, nhưng xét về mặt sự thì dường như quá sức lộn lộn, chẳng đáng để noi theo. Ba ngày sau sẽ “cử ai” quả thật là thích đáng đến cùng cực.

Vùng Giang - Chiết đại chiến bốn mươi mấy ngày, trăm họ trôi giạt khắp các nẻo đường, thảm chẳng nỗi nghe! Nhà cửa dân chúng nếu nằm trong vùng giao tranh thì những vật dụng để sanh sống chẳng còn một thứ gì. Ngay như những kẻ lánh được ra ngoài dẫu không bị chết thì cũng chẳng thể nào ổn định cuộc sống được. Mỗi phen nghĩ đến thật đau lòng. Thượng Hải vừa mới đề xướng xong công cuộc từ thiện nên không có cách nào nhắc đến chuyện cứu trợ nơi khác được đâu.

Trước kia, ông Nữ Nguyên Bá cho biết tại Giang Tây nước ngập ba mươi mấy huyện, đem sổ vàng cứu trợ gởi cho Quang, mong Quang khuyên người khác quyên mộ. Quang chỉ đành tự quyên tặng khoản tiền một trăm đồng cho trọn hết lòng tôi, quý hội cũng giúp đỡ một trăm đồng. Do Quang vốn chẳng có tiền của tích góp, đây vẫn là khoản tiền tính dùng để góp phần in Đại Sĩ Tụng nhằm mong sao các trưởng quan thống lãnh binh lính biết “người cùng nhà đánh nhau sẽ là tự chặt tay chân và giết hại thân mạng của chính mình”, từ đây buông xuống cái tâm tàn độc tranh giành, kèn cựa, phát khởi ý niệm nhân từ “chung sống hòa bình” thì

nước nhà may mắn lắm thay, nhân dân may mắn lắm thay! Nếu không, “ngao - cò tranh nhau, ngư ông hưởng lợi”. Muốn chẳng cùng lọt vào bụng kẻ khác, há có được chăng? Buồn thay! Ngoài thời khóa chánh thức ra, xin hãy niệm thêm Quán Thế Âm để chuẩn bị dự phòng.

610. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết ông đại nguyện vô lượng, lại còn có thể tùy duyên, rất hợp thời hợp thế. Muốn kiến lập pháp hóa trong lúc đất nước khốn đốn, nhân dân nghèo cùng mà trước hết bèn xây dựng pho tượng thì sẽ tốn sức chẳng ít, sẽ khiến cho bọn tiểu nhân bắt chước thủ lợi, kẻ giàu có kiêng mặt tránh xa.

Nếu gặp hết thấy mọi người, chỉ nên dạy họ ai nấy trọn hết luân thường, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì các tai nạn sẽ biến mất không còn dấu vết. Do đôi bên chẳng bị trở ngại chức trách, công việc, chẳng hao tổn tiền tài, có lẽ người ta sẽ dễ tiếp nhận sự giáo hóa mà mình cũng nhẹ phần gánh vác, Phật pháp càng dễ lưu hành phổ biến hơn.

Ông phát nguyện lập trường học nơi đất trống, lập liên xã nơi đất trống, có nhiên là đỡ tốn công, nhưng vẫn là chẳng biết tùy địa phương, tùy duyên để tạo phương tiện cho dễ thực hiện. Trên là nơi thanh miếu, minh đường¹⁸, dưới là bên nước, bên cội cây, hẳn gặp được ai có thể trò chuyện liền dùng những chuyện này để khuyên nhủ. Văn Lộ Công¹⁹ phát nguyện “*sẽ khiến cho mười vạn người niệm*

¹⁸ Theo ý nghĩa nguyên thủy, minh đường (明堂) là một dinh thự để thiên tử nhà Chu hội kiến chư hầu và cử hành tế lễ, cũng như tuyên cáo chánh sách. Minh đường đã có từ thời Hoàng Đế, nhưng không có quy định kiến trúc rõ rệt. Đến nhà Hạ gọi là thế thất (世室), nhà Thương gọi là trùng ốc (重屋), đến nhà Chu mới gọi là minh đường, và từ đây minh đường mới mang chức năng của một trung tâm tôn giáo, nghị luận chánh sự và giáo hóa (nhưng đến cuối đời Chu, minh đường chỉ còn dùng vào mục đích tế lễ). Thoạt đầu chỉ ở kinh đô mới có minh đường, nhưng sau này, minh đường được xây dựng ở bất cứ một địa phương nào khi cần thiết. Chẳng hạn khi Hán Vũ Đế dự định làm lễ Phong Thiên ở Thái Sơn đã cho xây minh đường tại đấy. Và từ đó, mô hình kiến trúc của minh đường cũng tuân thủ theo một quy cách chặt chẽ hơn: Một tòa đại điện trên tròn dưới vuông, có nước vây quanh bốn phía. Riêng trong đoạn văn này, minh đường lẫn thanh miếu chỉ là những từ ngữ phiếm chỉ các cơ sở thờ tự hay hội họp trong vùng.

¹⁹ Văn Lộ Công chính là Văn Ngạn Bác (1006-1997), tự là Khoan Phu, hiệu Y Tẩu, người xứ Giới Hư, Phần Châu (nay thuộc thành phố Giới Hư, tỉnh Sơn Tây), là một vị Tể tướng trải suốt bốn đời vua nhà Tống (Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông), tước phong là Lộ Quốc Công, nên thường được gọi là Văn Lộ Công. Ông được người đời coi là một vị Tể tướng hiền năng, có công giữ yên đất nước, đánh thắng Tây Hạ, chuyên cần chánh sự, tiết kiệm, nhân từ, giám tô thuế. Đến già ông mới quy hướng Phật pháp. Lời thề nguyện trên đây được phát ra khi ông xướng suất lập liên xã.

Phật cầu sanh Tây Phương” bèn kết liên xã. Tôi cho rằng: “Từ một người cho đến vô lượng người đều nên làm cho họ vãng sanh Tây Phương trong đời này, há nên lấy mười vạn người làm hạn định?”

611. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ hai)

Hôm trước nhận được thư, ông cho biết muốn trở về đất Tương (Hồ Nam), nhưng chưa biết dự định trở về vào lúc nào. Hiện thời, thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, nhưng bưu điện thông tin thuận tiện, một ngày đi được ngàn dặm. Thường có những gã vô lại tiểu nhân, nếu có hiềm khích với ai liền bịa đặt rêu rao, gởi truyền đơn khắp nơi và đăng trên báo chí, chỉ muốn hủy hoại danh dự của người khác, chẳng bận tâm chính mình bị tổn phước giảm thọ, và tương lai sẽọa lạc trong tam đồ, hứng chịu các nỗi khổ cùng cực. Đáng thương xót quá!

Bọn chúng đã thỏa lòng ham muốn, còn những vị chánh nhân quân tử nhận phải những tờ truyền đơn hay đọc những tờ báo ấy cố nhiên hiểu rõ mười mười gan ruột bọn chúng; nhưng đối với những kẻ phạm tục sẽ do một người lan truyền dối trá, qua tay một vạn người lan truyền thì lời đồn đãi sẽ được coi như sự thật. Chẳng riêng gì những người chân chánh trong thế gian bị coi như kẻ hết sức tầm thường, kém hèn, ngay cả những vị thánh hiền lỗi lạc thời cổ cũng bị coi như những kẻ hết sức tầm thường, kém cỏi. Do vậy mới có thuyết đề xướng Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Khởi Tín Luận v.v. là ngụy tạo. Nếu chẳng xét đúng sai, chỉ nghĩ những gì mình được nghe đều là đúng thì kinh điển của thánh hiền trong tam giáo sẽ đều phải giao cho ngọn lửa hết.

Quang sanh ra vốn là kẻ ngu ngốc, vụng về, nhất loạt chẳng dự vào những chuyện kết xã lập hội. Do vì không phụ họa nên bèn oan uổng bị bọn họ vu báng, gán cho cái danh hiệu đẹp đẽ là “đệ nhất ma vương”, còn ngài Đế Nhàn là đệ nhị, Phạm Cổ Nông là đệ tam. Những lời vu báng ấy do Mã Nhất Phù²⁰ là gã tội phạm

²⁰ Mã Nhất Phù (1883-1967) vốn tên là Phù, tự Nhất Phù, hiệu Trạm Ông, về già lấy hiệu là Quyên Tẩu và Quyên Hỷ lão nhân. Được coi là một bậc thầy lừng danh về Quốc học, đồng thời là một thư pháp gia, triện khắc gia, cũng như là người đứng đầu về học phái Tân Nho. Họ Mã quê ở huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, năm lên 6 tuổi đã đỗ đầu kỳ hương thí tại Thiệu Hưng. Năm 1903 sang Mỹ du học, theo đuổi ngành văn chương châu Âu. Sau đó, ông từng du học nước Đức và Nhật Bản để nghiên cứu triết học Tây Phương, đặc biệt sùng bái cuốn Tư Bản Luận của Karl Marx. Năm 1911, trở về nước, tham gia Quốc Dân Đảng, trở thành một trong những đồng chí thân cận của Tôn Văn, rồi chuyển sang gia nhập đảng Cộng Sản. Sau khi quân Nhật bị đánh đuổi khỏi Trung Hoa, ông ta dạy học tại đại học Chiết Giang, làm đại biểu Quốc Hội tại Hoa Lục. Kể từ năm 1964, ông đảm nhiệm chức Quán trưởng Trung Anh Văn Quán. Ông trước tác rất nhiều, viết về Phật học với những quan điểm quá khích, sùng bái những lý luận triết học của Tây Phương cũng như đề cao Tống Nho gần như mù quáng, đến nỗi tuy mang

đầu sỏ phá hoại Phật pháp đệ nhất, truyền đơn của hắn dài đến ba ngàn mấy chữ, chắc là ông đã sớm từng đọc qua rồi. Quang một là không có môn đình, hai là không quyền thuộc, ba là không làm một chuyện gì. Dẫu bị gieo lời vu báng lệch trời, cũng chẳng được mất gì, mà còn nhờ vào đó sẽ tiêu được tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn, chẳng những không bị phá hoại mà còn được hưởng lợi ích. Nhưng những vị như Đế Nhân, Cổ Nông là các bậc hoàng pháp hiện thời, kẻ chẳng biết đạo lý vừa trông thấy những thứ ngôn luận ấy, sẽ tưởng là chân thật rồi lui sụt lòng tin, tăng các khẩu nghiệp thì đúng là đáng thương đến cùng cực. Do vậy, hễ trông thấy truyền đơn, bài viết trên báo chí, chớ nên vừa đọc liền tưởng là thật rồi viết vào sách đến nỗi xoay vần truyền bá khiến cho cả mình lẫn người đều bị tổn hại.

612. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ ba)

Hôm trước, tôi đến chỗ một người bạn, thấy lá thư của ông gửi cho Đại Hưu được đăng trong báo Hải Triều Âm số ra thứ 4 trong năm thứ 5 khiến cho người khác kinh ngạc, than thở khôn cùng. Đây là những lời lẽ vu báng hẹp hòi, thù hận của kẻ tiểu nhân, nhưng thói đời bạc bẽo, ưa phô bày cái xấu của kẻ khác, liền trở thành hiện tượng “một con chó sủa sông, vạn con chó sẽ sủa theo”. Nào ngờ ông chẳng suy xét, cho sao lục những lời xướng họa ấy đăng trên Hải Triều Âm, sao khỏi khiến cho người có đủ chánh nhãn bảo tri kiến của ông chẳng khác lũ phạm tục, chẳng xét thị phi, chỉ dựa theo lời đồn đãi để làm căn cứ phán định ư?

Chuyện đã như vậy thì lời vu báng của Nhất Phù đối với Quang, đối với ngài Đế Nhân và Cổ Nông cũng sẽ có cơ sở. Như vậy thì trước đây hắn ta bảo Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Khởi Tín v.v. là nguy tạo cũng sẽ có căn cứ. Nếu không, thì như Hàn Thoái Chi²¹ tuy được gọi là nhà viết sử, nhưng thuật sự thiện ác của người khác không đúng sự thật, nếu chẳng mắc nhân họa thì cũng bị trời giáng tai ương. Ông phát tâm đại Bồ-đề, muốn độ hết chúng sanh, nhưng làm lẫn truyền tụng lời lẽ vu báng người khác ấy trên tờ Hải Triều Âm, há chẳng làm ô nhục tiếng tăm của tờ Hải Triều Âm cũng như gây tổn thương cho cái tâm Bồ-đề của

tiếng là xiển dương, nghiên cứu Phật học nhưng gần như triệt hạ Đại thừa, coi những kinh luận trọng yếu trong Phật giáo Đại thừa như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Khởi Tín v.v. đều là do người Trung Hoa nguy tạo. Điều đáng ngạc nhiên là tuy đã phá, giải thích Phật học, Nho học theo lối lập luận khiên cưỡng, máy móc, một chiều, đầy thiên kiến, ông ta vẫn được đề cao là “Nho - Thích - Triết nhất đại tông sư” tại Hoa Lục.

²¹ Thoái Chi là tên tự của Hàn Dũ (768-824). Hàn Dũ là một văn gia lỗi lạc cuối đời Đường. Họ Hàn mang tư tưởng chống đối đạo Phật, khi viết về những nhân vật hữu danh tín tưởng Phật giáo đương thời thường xuyên tạc họ như những kẻ mê tín, dị đoan.

ông hay sao? Do ông lầm lẫn coi Quang là thầy nên chẳng thể không khuyên răn, khích lệ. Nếu chẳng nghĩ là đúng thì xin hãy tuyệt giao ngay!

613. Thư trả lời cư sĩ Tàn Minh Quang

Pháp môn Tịnh độ là pháp môn bình thường nhất nhưng cao sâu nhất trong Phật pháp, nếu không phải là người đã có huệ căn từ đời trước, quả thật khó thể sanh lòng chánh tín sâu xa. Đừng nói Nho sĩ chẳng dễ sanh lòng tin, ngay cả những vị tri thức thông Tông thông Giáo cũng thường đem những nghĩa thuộc bên Tông bên Giáo để luận định, phán đoán, đến nỗi chẳng những không chịu tu pháp “khiến cho kẻ phàm phu sát đất chưa đoạn phiền hoặc liền có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời hiện tại” chẳng thể nghĩ bàn này mà còn chẳng chịu dạy cho người khác. Ấy là vì họ chẳng biết pháp này chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Bọn họ lấy những nghĩa bên Tông bên Giáo làm chuẩn nên mới phạm phải sai lầm ấy. Nếu ngay từ đầu bọn họ đã biết được nghĩa này thì sẽ được lợi ích lớn lao.

Người thông minh phần nhiều lấy “hiểu lý, ngộ tâm” làm chí hướng, sự nghiệp, nhưng chẳng biết niệm Phật chính là đường tắt để hiểu lý, ngộ tâm. Nếu niệm niệm có thể tương ứng thì sẽ tự hiểu lý, ngộ tâm. Dầu chưa làm được, nhưng cấy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương; so với những kẻ hiểu lý, ngộ tâm, nhưng chưa đoạn phiền hoặc, vẫn bị luân hồi trong sanh tử trọn chẳng có lúc thoát ra, thì sự cách biệt giữa trời và đất đã chẳng đủ để ví dụ cho sự bế tắc và hanh thông giữa hai đường lối tu tập vậy. Huống hồ sau khi vãng sanh sẽ thân cận đức Di-đà và thánh chúng, sẽ liền đích thân chứng được Vô sanh pháp nhẫn, há nào phải chỉ có hiểu lý, ngộ tâm mà thôi ư?

Pháp môn Tịnh độ chỉ có bậc thượng thượng căn và ngu phu ngu phụ mới được hưởng lợi ích thật sự, còn kẻ thông minh thông Tông thông Giáo đa phần vì chí hướng to tát, lời lẽ lớn lối, chẳng chịu cấy vào Phật từ lực, cứ lấy “cấy vào đạo lực của chính mình” làm chí hướng sự nghiệp, cam phận nhường cho ngu phu ngu phụ sớm dự vào dòng thánh. Chắc ở quý ấp cũng có những người mang thứ kiến giải ấy, cho nên tôi mới nói đại lược nguyên do.

Đã muốn quy y thì nay tôi đặt pháp danh cho ông là Khế Quang. Tiếng Phạn “A-di-đà”, ở đây (Trung Hoa) dịch là Vô Lượng Thọ, cũng dịch là Vô Lượng Quang, nếu có thể nhất tâm niệm Phật thì chính là lấy quả địa giác làm nhân địa tâm. Nếu tâm tâm tương ứng thì nhân trùn biến quả, quả tốt nguồn nhân, cực bình thường mà cực huyền diệu. Nếu có thể tin nhận được thì sẽ đáng gọi là bậc đại trượng phu lỗi lạc.

Do túc nghiệp, Quang vừa sanh ra liền bị bệnh mắt, may là còn được thấy bầu trời bảy mươi mấy năm. Nay thì mắt đã cực quáng lòa, cự tuyệt hết thấy những chuyện bút mực thù tiếp, sợ ông sẽ bị những người xướng suất, hướng dẫn những tông khác lay động, đoạt mất chí hướng, nên mới đặc biệt nói đại lược hai nghĩa thông thường và đặc biệt, ngõ hầu ông chẳng đến nỗi biến khéo thành vụng, cầu thăng lên đâm ra bị đọa xuống.

Hãy nên thường đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh thì sẽ biết pháp môn Tịnh độ là pháp môn tổng trì để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Đối với những điều tôi chưa nói, hãy đọc Tịnh Độ Thập Yếu thì mọi mối nghi sẽ tan tác, được cởi gỡ, vàng trắng nhất tâm rạng ngời. Tuy Văn Sao lời lẽ vụng về chất phác, nhưng đã giảng rõ được đại lược nguyên do giữa Thiên và Tịnh, cũng như dùng luân thường xử thế hằng ngày để hỗ trợ tịnh nghiệp, cho nên cũng có thể giúp cho tự lợi lợi tha được.

614. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ nhất)

Muốn nêu rõ sự linh thiêng, tốt lành của xá-lợi, hãy nên gởi thư đến hòa thượng phương trượng chùa A-dục Vương ở huyện Cẩn, Ninh Ba, xin ban cho một bộ A-dục Vương Sơn Chí, đọc sách ấy sẽ tự biết đầu mối.

Mùa xuân năm Quang Tự 21 (1895), Quang đến chùa Dục Vương lễ bái xá-lợi gần ba tháng. Từ đây về sau, hằng ngày thường theo người đến chiêm bái tới nhìn xá-lợi, thấy màu sắc giống như hạt Bồ-đề ở Thiên Thai pha sắc hồng, mấy chục ngày không đổi. Nhưng lớn nhỏ khác nhau, tùy theo từng lúc nhìn mà biến đổi, chột lớn, chột nhỏ. Lớn thì bằng hạt đậu xanh, nhỏ thì kích thước giảm bớt một phần ba.

Đến năm Quang Tự 31 (1905), do có việc đến chùa A-dục, lại nhìn lần nữa thì xá-lợi lớn bằng hạt đậu đen, có màu sắc giống như hạt đậu đen nổi mốc trắng, dính chặt vào đáy chuông²² không lay động. Quang nghĩ mình thấy xá-lợi có sắc đen nổi mốc trắng, chắc là năm ấy mình sẽ phải chết, nhưng rốt cuộc cũng không có chuyện lành hay chuyện dữ gì. Đấy đều là những tướng thông thường do người bình phàm thường thấy được, chứ trọn chẳng phải là chuyện cảm ứng lạ lùng, đặc biệt gì. Có sao lục ra để in thì cũng chẳng có ích lợi gì đâu! Đừng nên lầm lạc bịa chuyện, biến chuyện không cảm ứng thành có cảm ứng thì tội lỗi chẳng cạn đấy.

²² Hạt xá-lợi này được thờ trong một cái chuông bằng pha lê hàn kín. Xin xem chi tiết trong bài “Ghi chép sự thật về tháp thờ xá-lợi đức Phật tại chùa A-dục Vương” (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 5).

615. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ hai)

Hôm trước nhận được thư ông hỏi: “Làm thế nào để phân biệt được tam tôn Phật?” Thích-ca Phật kết ấn hàng ma, tức là tay trái đặt trong lòng, lưng bàn tay hướng xuống dưới, lòng bàn tay ngửa lên trên, tay phải úp trên gối, lưng bàn tay hướng lên trên. Dược Sư Phật kết ấn đại tam-muội, tức bàn tay phải đặt trên lòng bàn tay trái, hai tay đặt ở trong lòng. Di-đà Phật kết ấn Di-đà, tức lòng bàn tay trái đặt trên lòng bàn tay phải, hai tay đặt ở trong lòng. Nay gởi cho ông 50 đồng, xin ông lại mua hai tờ giấy Tuyên sáu thước để vẽ hai tượng Quán Âm và Thế Chí ngồi theo thể kiết già²³ trên hoa sen (*song già phu*²⁴), bạch hào vẽ thành hình tròn. Quang vốn muốn tự bỏ tiền ra, ông phát tâm quyên tặng để kết duyên, nay vẽ bức khác thì Quang cũng được mãn nguyện. Hai đồng còn dư dùng để chi phí mua giấy, đi tàu xe và gởi tượng. Xin hãy sáng suốt soi xét.

616. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ ba)

Dương Âm Hồng phát tâm hộ quốc, văn hồi kiếp vận, nhưng chỉ dạy người khác kiêng giết, ăn chay, chẳng đề xướng niệm Phật hay niệm danh hiệu Bồ-tát một câu nào; đủ biết đối với Phật pháp, ông ta vẫn chưa có đủ lòng chánh tín! Nếu thật sự biết Phật lực, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, đang trong lúc đại kiếp đổi đầu này mà chỉ muốn dùng cái nguyện kiêng giết, ăn chay để tiêu trừ thì sở kiến sẽ giống như chỉ thấy được đầu mảy lông mùa thu mà chẳng thấy được hòn Thái Sơn (quyết chẳng thể có lẽ ấy).

²³ Nói cho đủ là “kiết già phu tọa” (結跏趺坐: *nyasīdat-paryavkam ābhuja*). Trong “Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chân” (Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển 1), tổ Ấn Quang đã giảng rõ: “Thứ năm, “kết già phu tọa” (ngồi kiết già): Trước hết dùng chân phải đè lên đùi trái, dùng chân trái đè lên đùi phải, gọi là “già phu”. Chữ già (跏) vốn viết là chữ gia (加), có nghĩa là hai mu bàn chân dẫm vào nhau. Phu (趺) là mu bàn chân. Nhưng ngồi lâu thì có thể thay đổi trái và phải cho nhau, đừng chấp chặt phải luôn luôn như vậy. Nếu chẳng thể xếp cả hai chân thì chỉ cần dùng chân trái đè lên chân phải là được rồi. Cách này còn gọi là “bán gia” (thường đọc trại thành *bán già*).” Như vậy, gọi là “ngồi kiết già” thì không chánh xác lắm, nhưng do thói quen của người Việt từ trước đến nay vẫn gọi thế ngồi như vậy là “ngồi kiết già” (đúng ra phải đọc là “kết già”, chữ kết (結) đã bị đọc trại thành kiết), nên chúng tôi vẫn dùng chữ “kiết già”. Cách ngồi này được coi là viên mãn nhất, cát tường nhất. Tùy theo cách đặt chân nào lên trên mà chia thành hai loại:

1. Chân phải đè lên chân đùi trái, rồi dùng chân trái đè lên đùi phải (tức là chân trái ở bên trên), tay trái đè lên tay phải, cùng ngửa lên, thì gọi là hàng ma tọa. Thiên Thai, Thiền tông v.v. thường sử dụng cách ngồi này.

2. Nếu theo thứ tự ngược lại thì gọi là cát tường tọa. Mật tông đa phần sử dụng cách này, gọi là liên hoa tọa; còn cách thứ nhất thì gọi là kim cang tọa.

²⁴ Tức hai chân đan vào nhau, lật ngửa bàn chân trên như trong lời giảng của tổ Ấn Quang vừa được trích dẫn trên đây, gọi là “song già phu” để phân biệt với “bán già”.

Trong tờ thông cáo gửi xã viên, vàn muôn phần chớ nên sử dụng bốn chữ “Bồ-tát thị hiện”. Hễ sử dụng thì tội lỗi vô lượng, lại còn khiến cho người có đầy đủ con mắt sẽ bảo Ấn Quang và ông đều là phường cuồng vọng, dám xằng bậy xưng tụng gã phàm phu sát đất là Bồ-tát. Nếu điều này không mắc lỗi khơi gợi người khác tạo tội thì cũng còn có thể tiêu trừ được tội nghiệp cho ông và tôi. Nhưng kẻ vô tri trông thấy sẽ lấy đó làm lẽ và hết thấy tăng tục đều xưng là “Bồ-tát thị hiện”, vậy thì thứ tội lỗi lớn lao ấy sẽ do ông và tôi khởi xướng, sẽ gây ra thói tệ không cùng tận. Hãy nên dùng mực bôi bốn chữ ấy đi, viết bên cạnh là “xét rõ thời cơ”, ngõ hầu đối với sự lẫn lý, đối với mình lẫn người đều chẳng gây trở ngại gì. Xin hãy sáng suốt soi xét. Từ nay về sau, hễ có ai nhắc đến văn tự của Quang thì chỉ nên chú trọng trích lục thẳng thừng, đừng đội xằng thêm cái mũ cao cho Quang. Trong ý ông, tưởng đó là vinh dự, chẳng biết: “Nếu chẳng phải là cái mũ của chính mình mà cứ đội bừa thì người khác sẽ cho là giả mạo, là mù quáng mạo danh”, nhục nhã lắm!

Năm Dân Quốc thứ chín (1920), ông Trang Uẩn Khoan ở Thường Châu đến chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà có làm một bài thơ. Quang đến phòng ông ta, ông ta liền đưa cho Quang, Quang đọc xong, cười khan, đặt xuống bàn, chẳng cầm đi. Vì sao vậy? Cái mũ quá cao, muôn phần chẳng dám đội! Nhưng kẻ ham danh trong cõi đời vẫn cầu người khác chế mũ cao cho mình. Tâm tướng của Quang khác với bọn họ, bọn họ cho là vinh, Quang thấy là nhục. Xin hãy đem lời này nói với khắp các đồng môn, hãy nhớ kỹ nhé!

617. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ tư)

Ngày hôm qua, thầy Diệu Chân giao cho tôi 6 đồng hương kính nói do ông gửi. Pháp danh của năm người xin quy y được viết trong một tờ giấy khác, xin hãy nói với họ: Quy y Phật pháp thì chẳng thể lại quy y tà ma, ngoại đạo nữa. Ai nấy hãy nên trọn hết chức phận của chính mình, phải hiếu thuận với cha mẹ ruột và bố mẹ chồng, phải giúp chồng thành tựu đức hạnh, phải dạy dỗ con cái khiến chúng đều trở thành hiền nhân, thiện nhân. Phải ăn chay, phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu sanh lên trời hay sanh vào nhà phú quý. Chớ nên niệm kinh Huyết Bồn, phá huyết hồ, trả tiền thọ sanh, gởi kho. Đây là những chuyện nguỵ tạo. Chớ nên học theo ngoại đạo luyện đan, vận khí. Nếu vẫn chiếu theo kẻ vô tri vô thức để làm như thế thì sẽ chẳng vãng sanh Tây Phương được đâu. Bởi lẽ đã nhất tâm làm một con quỷ giàu có, hoặc muốn thành tiên, sanh lên trời, làm sao hưởng lợi ích vãng sanh Tây Phương lớn lao cho được? Xin hãy nói với bọn họ thì sẽ có lợi ích lớn lao.

Sách Đồng Môn Tu Trì tôi chưa đọc qua, sợ rằng sẽ giống như Tiểu Nhi Ngữ, Tiểu Học Vận Ngữ có những lời lẽ báng Phật trong ấy nên tôi chẳng dám viết lời tựa. Nhưng bài nêu bày ý nghĩa ẩn kín “giáo dục trong gia đình chính là căn bản để thiên hạ thái bình” chắc cũng có thể giúp nêu rõ ý nghĩa của sách Đồng Môn Tu Trì. Xin hãy cẩn thận trình bày, giáo duyệt, cũng nên thêm dấu chấm câu. Trong gói sách đã gởi lần trước, tôi có viết bài “Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của chữ người”. Phía sau đính kèm đôi câu đối ghi trước bàn thờ Phật của đại sư Liên Trì. Hai câu đối ấy hay tuyệt, không chi hơn được nữa! Sao lại còn cậy tôi soạn câu đối làm gì? Tôi viết lại ở đây:

Chủ Cực Lạc lục bát đại nguyện chi từ tôn, tuyệt hạn lượng thọ mạng quang minh, bất ly đương xứ.

Quá Sa-bà vạn triệu Phật bang chi Tịnh độ, diệu trang nghiêm lâu đài tri chiều, nguyên thị ngô hương.

(Đức Từ Tôn chủ cõi Cực Lạc bốn mươi tám đại nguyện, thọ mạng, quang minh không hạn lượng, chẳng rời chỗ này,

Cõi Tịnh độ vượt khỏi Sa-bà vạn triệu cõi nước Phật, lâu đài, ao chuôm đẹp trang nghiêm, đích thị quê ta.)

Sợ thư trước bị thất lạc, nên chép thêm vào đây!

618. Thư trả lời cư sĩ Trương Nhân Bồn

Qua thư ông và bài Sanh Tây Ký đã biết cặn kẽ, như thế thì cha ông chắc chắn sẽ được vãng sanh. Nhưng con người khi lâm chung, điều khẩn yếu nhất là quyền thuộc cả nhà phải trợ niệm sẵn cho người sắp mất. Nếu gia cảnh dư dả, hãy nên thỉnh tăng tục, liên hữu đến trợ niệm. Niệm đến sau khi tắt hơi vẫn không động chạm tới thân thể của người đã mất, cứ niệm Phật như thường cho tới ba tiếng đồng hồ sau thì mới lo liệu những chuyện như tắm rửa, thay quần áo v.v.. Trợ niệm như thế nhất định người đã mất sẽ được vãng sanh. Chớ nên thường dùng tay thăm dò nóng lạnh, nếu thần thức của người chết chưa rời khỏi thân xác, hễ bị tay người khác đụng vào chắc sẽ phát sanh sân niệm, sẽ làm hỏng chuyện chẳng nhỏ nhoi đâu! Quang nói điều này để mong lúc mẹ ông lâm chung chẳng đến nỗi bị làm lẫn như thế.

Chết rồi hỏa thiêu là tốt nhất, chỉ có điều nếu mua cái chum để thiêu có hình tượng Di-lặc Bồ-tát thì quả thật là khinh nhờn. Hãy nên mua cái chum có hình hoa sen, đừng mua chum có khắc hình tượng Di-lặc Bồ-tát hay tượng Phật. Lại hãy nên nói điều này với hết thảy mọi người tin Phật. Cha ông đã được vãng sanh thì hãy nên khuyên mẹ ông cũng nên ăn chay trường, dẫu ông và vợ con chưa thể

ăn chay trường thì cũng nên bớt ăn đồ mặn, cần biết rằng: Họa hại chiến tranh liên tiếp trong nhiều năm qua đều do mọi người sát sanh ăn thịt cảm thành. Trong nhà vĩnh viễn cấm ngặt sát sanh thì tự nhiên hết thảy mọi chuyện đều tốt lành. Trong đám tang, phàm cúng thần, đãi khách, đều chẳng dùng rượu thịt.

Nay gởi cho ông một cuốn Tang Tế Tu Tri (những điều cần biết trong ma chay, cúng bái), một cuốn Đồng Mông Tu Tri (trẻ nhỏ nên biết), một cuốn Quán Âm Từ Lâm Tập²⁵, xin hãy đọc kỹ để nhất cử nhất động sau này đều tự được Phật, Bồ-tát gia bị, gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chỉ riêng thư từ gởi đến, gởi đi này, đã phải dùng cả hai cái kính lão lẫn kính lúp để đọc và viết. Từ nay về sau đừng nên gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y, do mục lực chẳng thể thủ tiếp được.

(Ngày Mồng 8 tháng 7 năm Dân Quốc 27 - 1938)

619. Thư trả lời cư sĩ Vương Vũ Tịch và Vương Tuyết Tịch

Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, không một pháp môn nào chẳng lấy giới làm cơ sở, chẳng lấy Tịnh độ là chỗ quy túc. Hai người các vị đã muốn quy y tam bảo thì hãy nên sốt sắng giữ tịnh giới của đức Phật. Người tại gia lấy ngũ giới làm căn bản. Bốn giới đầu trong ngũ giới, tức “giết, trộm, dâm, dối”, chính là tánh giới, bất luận đã thọ giới hay không đều chớ nên phạm. Kẻ chưa thọ giới mà phạm thì dựa theo sự đề luận định tội lỗi; kẻ thọ giới mà phạm thì ngoài việc dựa trên sự đề luận tội ra, còn phạm thêm một tầng tội lỗi nữa, tức là phạm giới. Giới “không uống rượu” gọi là giá giới, nghĩa là đức Phật ngăn cấm, chẳng cho phép con người uống rượu. Kẻ chưa thọ giới mà uống sẽ không phạm lỗi, nhưng nếu uống rồi làm càn thì sẽ dựa theo chuyện kẻ ấy đã làm đề luận tội. Vì thế, tuy chưa thọ giới cũng chớ nên uống. Nếu đã thọ giới mà uống thì chỉ mắc tội phạm giới.

Nhưng đã phát tâm quy y tam bảo, cố nhiên nên giữ trọn cả năm giới. Tuy Phật đại từ đại bi có lệ cho con người tùy ý thọ một, hai, ba, bốn giới, nhưng đây là dành cho những người lâm vào tình thế có những chuyện chẳng thể giữ được, đừng nên viện cớ đó để rồi dễ dãi. Nói đến những chuyện khiến cho người thọ

²⁵ Quán Âm Từ Lâm Tập (3 quyển) do ngài Hoàng Tán soạn vào năm Khang Hy thứ bảy (1668) đời Thanh, thu thập tất cả những đoạn kinh sách có liên quan nói về đức Quán Âm cũng như sự linh cảm của ngài. Quyển thượng trích lục những kinh điển chủ yếu về đức Quán Âm như Bi Hoa, kinh Quán Thế Âm Đại Thế Chí Bồ-tát Thọ Ký, kinh Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương, Thỉnh Quán Thế Âm Bồ-tát Tiêu Phục Độc Hại Đà-la-ni Chú... Quyển trung và quyển hạ chép những sự tích cảm ứng, gồm 154 câu chuyện.

giới chẳng thể giữ được là như kẻ đồ tể chẳng thể giữ giới sát sanh, tửu bảo chẳng thể giữ giới không uống rượu v.v..

Người quy y Phật pháp tu trì tịnh nghiệp ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dạy người, sao cho trong là cha mẹ, anh em trai, vợ chồng, con cái, chị em gái, chị em dâu, tôi trai, tớ gái, ngoài là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu cùng với hết thảy những người quen biết hữu duyên đều dùng những điều này để khuyên lơn họ. Phàm muốn khuyên ai, chính mình ắt phải thực hành chuyện ấy thì người ta sẽ tự làm theo. Chuyện thế gian hay xuất thế gian không gì chẳng lấy thân làm gốc, đây gọi là “dùng lời lẽ để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy thì người ta sẽ thuận theo”.

Lại cần phải biết, một pháp niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt trong hết thảy các pháp do đức Phật đã nói trong suốt cả một đời ngài, đạo lý ấy siêu việt hết thảy Thiên Giáo, Luật, Mật. Trong hết thảy pháp môn, muốn liễu sanh tử thì ắt phải đoạn sạch phiền hoặc mới có phần liễu sanh tử. Nếu phiền não hoặc nghiệp chưa đoạn, mặc kệ anh kiến địa cao siêu, công phu sâu đậm, trí tuệ to lớn, đều chẳng giúp được gì cả. Do các pháp môn ấy đều cậy vào tự lực cho nên khó khăn, pháp môn Tịnh độ hoàn toàn cậy vào Phật lực nên dễ dàng. Nếu là kẻ có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, chí thành niệm Phật thì lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh Tây Phương thì phiền não chẳng mong đoạn mà tự đoạn. Do tất cả cảnh giới trong Tây Phương đều khiến cho con người tăng trưởng công đức, trí tuệ, trọn không có gì khiến cho con người khởi tham sân si. Vì thế, Long Thọ Bồ-tát xưng tụng là “đạo dễ hành”, Mã Minh Bồ-tát xưng tụng là “phương tiện tối thắng”; nhưng pháp này chẳng phải chỉ để độ phàm phu, mà thật ra còn phổ độ hết thảy phàm thánh. Nay gởi cho các ông các thứ kinh sách, đọc rồi sẽ tự biết.

Quang già rồi, mục lực thật suy yếu, chẳng thể khai thị tường tận được, những sách này là những khai thị phổ biến, tôi dùng 20 đồng hương kính của các ông dâng cúng để làm tiền thỉnh sách và bưu phí. Trừ những cuốn tự giữ ra, những cuốn còn dư đều đem tặng cho những ai thông văn lý, biết cung kính. Nếu là kẻ luông tuông, không cung kính, đừng tặng cho họ để họ khởi tạo tội khinh nhờn, đâm ra bị tổn hại, không có lợi ích. Do xưởng cơ giới chế tạo dụng cụ giết chóc, nếu như có thể từ chối không làm, hoặc sửa thành những đồ vật sử dụng cho việc khác thì là thượng sách.

Nay đặt pháp danh cho hai người các ông, Vũ Tịch pháp danh là Trí Trạch, Tuyết Tịch pháp danh là Trí Tịnh. Dùng pháp môn Tịnh độ để nhuần thấm hết thảy, thanh tịnh hết thảy, ngõ hầu chẳng phụ cuộc sống này và dịp gặp gỡ này. Người niệm Phật gần đây phần nhiều chẳng biết tới tông chỉ của pháp môn Tịnh độ, cho nên nếu không xen tạp Thiền tông thì cũng tôn sùng, đề cao Mật tông. Ở chỗ ông Thư Thứ Phạm xin hãy nói với ông ta về lời nhắc nhở này, những nơi khác đừng nói.

(Ngày 26 tháng 6)

620. Thư gửi luật sư Trương Tăng Thuận

Hôm trước Vương Tông Nhất cầm đến thư của các hạ và thư của ba anh em ông ta, biết các hạ đã sớm tu trì Tịnh độ, nhưng sau đây lại bỏ lửng. Nay lại phát tâm, đủ thấy đã có thiện căn từ đời trước. Nói “dè dặt kinh sợ đối với nghiệp” là vì “dễ tạo tội”. Nếu ước theo tri kiến thế tục thì quả thật là thật đúng như vậy. Nếu chẳng chú trọng tiền bạc, chỉ ôm lòng giải oan gỡ rối, khuyên dạy lẫn nhau, chỉ biết luận định theo lý, chẳng nhìn mặt “ông anh lỗ vuông”²⁶ thì so với những nghề nghiệp khác càng dễ tích công lũy đức hơn. Nhưng tiền bạc có thể làm cho con người bị mê muội, những kẻ vừa thấy “ông anh lỗ vuông” liền chôn vùi đức hạnh của tổ tiên chẳng tiếc nuôi gì, chính mình bị tổn phước, con cháu bị diệt tuyệt, và chết đi đọa lạc trong ác đạo trong vạn người có đến mười ngàn kẻ. Vì thế, chẳng thể không luôn luôn đề phòng “ông anh lỗ vuông” dụ dỗ mê hoặc!

Ông đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thuận, nếu có thể thuận nung theo Phật huệ thì “ông anh lỗ vuông” chẳng làm gì được ta. Lấy công đức giải oan gỡ rối để làm trợ hạnh cho niệm Phật vãng sanh sẽ như ngồi thuyền to vào trong biển cả, căng chiếc buồm lớn, lại được thuận gió, hành trình ngàn dặm chỉ trong một buổi đã đến nơi, may mắn chỉ hơn? Theo như ông nói thì trong 49 ngày niệm Phật trước kia đã có chút sở chứng, đấy chính là căn bản khiến cho đạo tâm bị lui sụt. Mới có đôi chút tương ứng và cảm ứng, há nên tưởng đấy là đã chứng ư? Được chút ít đã cho là đủ, rồi vì đó liền lười nhác, buông bỏ, kẻ sơ tâm thường hay như thế. Từ nay về sau, hãy nên thuận nhất cái tâm, càng có cảm ứng bèn càng cảm thấy thiếu sót thì sẽ tránh được căn bệnh ấy.

Quang già rồi, chẳng thể khai thị tường tận, nay gửi cho ông một bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Sách này chính là sách thiết yếu nhất trong pháp môn Tịnh độ, hãy nên lắng lòng đọc tụng thì nguyên do của pháp môn, pháp tắc tu trì và tất cả những

²⁶ Không phương huynh: Do đồng tiền thời cổ thường có đục lỗ vuông ở giữa cho tiện xỏ thành khâu xích đi, nên mới có tên gọi như thế.

điều tự lợi lợi tha, đạo “tự hành dạy người” đều biết rõ ràng. Một bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, một bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, một cuốn Gia Ngôn Lục. Muốn biết những ý đại cương này thì tìm kiếm trong Gia Ngôn Lục là dễ thấy nhất. Có những sách này thì những ý chánh yếu của Tịnh tông sẽ rõ ràng rành rõi. Ngoài ra còn kèm thêm Đạt Sanh Biên, Thọ Khang Bảo Giám để ngăn ngừa những tai ương cho con cháu khi sanh nở và có những khuôn phép để giữ thân lập phẩm đức. Một Lá Thư Trả Lời Khấp chính là những điều cấp thiết mà hết thảy mọi người đều phải nên chú trọng, hành theo đó thì không điều nào chẳng tốt lành.

Quang già rồi, từ nay về sau vĩnh viễn đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y, do tinh thần, mục lực, công phu đều chẳng đủ. Trong mùa đông năm ngoái, tôi đã cự tuyệt hết thảy, phàm thư từ gởi đến đều dùng lời này để cự tuyệt cho họ khỏi gởi thư đến nữa, ngõ hầu khỏi bị quá phiền rộn không thể chống chọi được, chắc sẽ đến nỗi mù mắt hay mất mạng!

(Ngày 19 tháng Giêng)

621. Thư trả lời hai vị cư sĩ Tiết Anh Huệ và Lưu Nhất Hạc

Nhận được thư đầy đủ. Quang là một ông tăng vô tri vô thức chỉ biết cơm cháo, chỉ yên phận ngu hèn, chỉ biết tu trì tịnh nghiệp để mong cậy vào Phật lực mang nghiệp vãng sanh. Nếu hai vị chẳng muốn làm đại thông gia thì sẽ chẳng đến nỗi vì Quang tầm thường, kém cỏi khiến cho những điều quý vị mong mỏi bị lỡ làng. Nếu muốn làm đại thông gia thì đã hoàn toàn trông cậy không đúng người rồi! Tuy nhiên, làm bậc đại thông gia há phải là chuyện dễ nói hay sao? Dầu có đạt được mà chẳng nương theo tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì thật sợ sẽ từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn luân hồi trong lục đạo. Ấy là vì cậy vào tự lực để liễu sanh tử đem so với cậy vào Phật lực để liễu sanh tử thì sẽ giống như sự khác biệt giữa ngày và kiếp vậy.

Kẻ biết tốt xấu chớ nên phỏng theo chí nguyện của bậc hành Bồ-tát đạo đã liễu sanh tử, mà cần phải chắc chắn được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Đã vãng sanh Tây Phương rồi mới học theo [chí nguyện những bậc hành Bồ-tát đạo đã liễu sanh tử] thì sẽ hữu ích. Nếu chưa vãng sanh mà đã bắt chước ngay thì sẽ giống như chén bát chưa nung, vừa gặp trận mưa sanh tử liền vỡ thành bùn đất. Trong cõi đời thường có những kẻ thích ăn to nói lớn, tự coi mình có thân phận giống như Phật, Bồ-tát, chỉ trở thành hạng tự làm, làm người mà thôi. Xin hai vị hãy suy nghĩ sâu xa!

Người học Phật ắt phải ai nấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Nói đến “bổn phận”, chính là cha hiếu, con từ, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành v.v.. Nếu ai nấy đều trọn hết phận mình thì thiên hạ sẽ tự thái bình, nhưng trong ấy chỉ có chức phận cha mẹ là có quan hệ trọng yếu nhất. Nếu những kẻ làm cha mẹ trong cõi đời ai nấy đều khéo dạy dỗ con cái thì những kẻ quấy rối mù quáng và những kẻ ương bướng kém hèn, chẳng tuân theo pháp tắc sẽ đều trở thành hiền nhân, thiện nhân, đâu đến nỗi có chuyện xâm lăng, cướp đoạt, tàn sát lẫn nhau? Câu nói “thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm” chính là nói về sự giáo dục trong gia đình sao cho con cái đều thành lương thiện. Những điều vừa nói trên đây tuy là những lời lẽ tầm thường, nhưng hễ phân tích rõ ràng thì cố nhiên đã bao quát sạch hết không còn.

Hai vị đang là sĩ quan, càng phải nên giữ nghiêm kỷ luật, nêu gương tốt đẹp cho quân lính, ấy chính là như thường nói: “Dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy người ta sẽ thuận theo”, không một chuyện nào trong thế gian chẳng lấy thân làm gốc. Đối với binh sĩ, hãy nên đối đãi bằng lòng chân thành, ra rả răn nhắc, khiến cho bọn họ ai nấy đều giữ chí “trừ bạo, an lương, bảo vệ trăm họ”, coi người khác như chính mình, coi mình giống như người khác, đừng khinh lãn, xâm đoạt lẫn nhau, coi phụ nữ của người khác như chị em gái của chính mình, chẳng dám khởi vọng niệm trái phận. Ất mong sao chẳng cô phụ chức phận “bảo vệ đất nước, dân chúng” thì đội quân ấy chẳng đáng gọi “đạo đức quân, nhân nghĩa quân” ư? Dùng quân đạo đức nhân nghĩa để chế ngự địch quân thì không ai đối địch được, ắt sẽ luôn đắc thắng. Vì thế Khổng tử nói: “*Ngã chiến tắc khắc*” (Ta cầm quân chắc chắn thắng trận), chính là nhằm diễn tả ý này. Trong cõi đời gần đây, năm nào cũng có chiến sự, đa phần những ai hơi mang lòng nhân từ trung tín và niệm kinh, niệm Phật thì tuy ở trong rừng súng mưa đạn vẫn trọn chẳng bị thương vong. Đây chính là hiệu quả vậy.

Hai vị đã muốn quy y thì nay tôi sẽ thuận theo ý muốn mà đặt pháp danh. Nếu sau này biết tôi vô tri vô thức, chẳng đáng làm thầy, lại bái bậc cao nhân khác thì quả thật tôi cũng rất vui lòng. Tiết Anh Huệ pháp danh là Tông Huệ, tông là chủ, nghĩa là nhất cử nhất động đều lấy trí tuệ làm chủ thì không gì chẳng tốt lành, không gì chẳng khế hợp với tâm tích của thánh nhân thế gian và Phật, Bồ-tát xuất thế gian. Lưu Nhất Hạc pháp danh là Tông Nhất, nhất là thuần nhất, không vọng, trong tâm thường thuần đạo đức nhân nghĩa, không có vọng niệm nào khác trái nghịch với đạo đức nhân nghĩa thì sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của Nho, của Phật. Dùng những điều ấy để dắt dìu người khác, cố nhiên sẽ chẳng khó gì khiến cho đây kia đều có cùng một đức vậy.

Hiện nay thiên tai nhân họa thường liên tiếp xảy ra, ắt phải thường lấy tín nguyện niệm Phật và niệm Quán Âm để tự hành, dạy người, để mong khi sống sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, cao dự vào bậc thánh hiền, khi mất sẽ cậy vào Phật từ lực lên thẳng cõi Cực Lạc, ngõ hầu chẳng phí cuộc đời này và chẳng uổng dịp gặp gỡ này. Những điều khác đã nói tường tận trong các sách như Văn Sao v.v., ở đây không viết cặn kẽ. Nếu muốn xem các sách thì có thể thỉnh từ chỗ ông Điền Thân Phủ ở số 86 phường Thái An, thành phố Hán Khâu.

Ba phương thuốc cai nghiện á phiện, trị bệnh sốt rét, chó dại cắn v.v. đã in trong tháng Chạp năm ngoái rất linh nghiệm, mà bệnh sốt rét là bệnh thường phát ra nhiều nhất trong khoảng hạ - thu, toa thuốc này chẳng tốn một đồng mà chẳng ai không được trị lành. Do vậy, đính kèm hai trương để bảo rộng rãi với mọi người, đây cũng là một cách làm lợi cho người khác. Quang đã 72 tuổi rồi, sáng chẳng đảm bảo được tới. Hơn nữa, vẻ suy tàn đã hiện, tinh thần chẳng đủ, chỉ mong hai ông dựa theo Văn Sao để tu trì, đừng gởi thư tới nữa do sức khó thể thù tiếp được, chứ không phải là chẳng muốn nói với người khác. Dầu có nói tường tận thì làm sao đầy đủ bằng một bộ sách cho được?

(Mùng 5 tháng 4)

622. Thư trả lời cư sĩ X...

Người niệm Phật trước hết phải hiểu duyên do của pháp môn Tịnh độ rồi mới đọc khắp các kinh luận thì sẽ thấy rõ các kinh luận đều nhằm nêu tỏ ý nghĩa Tịnh độ, cũng như sẽ thiết tha tu hạnh Tịnh độ. Nếu chẳng hiểu duyên do của pháp môn Tịnh độ thì hễ nghiên cứu kinh giáo đến tột cùng sẽ nghĩ nghĩa lý của kinh giáo ấy là cao sâu, coi nghĩa lý Tịnh độ là thiển cận, đến nỗi đảo ngược vị trí của chánh hạnh và trợ hạnh, hoặc vứt Tịnh độ ra sau ót, chỉ gieo được ích lợi sẽ đắc độ trong đời vị lai, quyết khó thể liễu sanh thoát tử, góp mặt cùng các vị thượng thiện nhân ngay trong đời này.

Niệm Phật nếu chẳng hân trầm sẽ tán loạn, đây chính là hiện tượng chứng tỏ cái tâm niệm Phật hời hợt, hờ hững cho xong việc. Nếu niệm Phật với cái tâm như bị té vào lửa nước, như đang gặp phải giặc cướp mong gấp được cứu giúp thì sẽ tự chẳng có căn bệnh ấy. Hãy nên sắp xếp thời gian, lúc nào sẽ nghiên cứu, lúc nào sẽ trì tụng. Khi nghiên cứu thì chẳng được vượt quá thời gian hạn định, vì nếu không thì sẽ cảm thấy nghiên cứu thú vị, sẽ trở thành nghiên cứu suốt ngày, chẳng những gây trở ngại cho niệm Phật, mà còn sợ rằng do dụng tâm quá độ sẽ bị thương tổn. Đây gọi là “ngược ngạo ghét dễ dàng, đơn giản, tìm cầu khó khăn, khéo quá hóa vụng”, thật đáng xót thương!

Trong hiện thời, lòng người bại hoại đến cùng cực, đi lại bên ngoài dầu không mắc họa cũng rất nguy hiểm. Nếu ông biết được ý này thì tâm niệm Phật sẽ tự thiết tha, tâm nghiên cứu giáo nghĩa sẽ tự nhật bút. Vì sao vậy? Vì trong khi hoạn nạn, chẳng thể nào gởi lòng nơi phương diện tri kiến, hiểu nghĩa được. Lại còn thường nên đem những điều này để nhắc con cái, con dâu, khiến cho bọn họ ai nấy đều niệm Phật và niệm Quán Âm mỗi ngày. Nếu cả nhà đều sanh lòng kiêng sợ, chí thành niệm Phật và niệm danh hiệu Quán Âm sẽ chẳng đến nỗi mắc họa. Nếu không, muốn vĩnh viễn không gặp tai họa quả thật rất khó thể đạt được.

Chuyện dạy dỗ con cái có quan hệ rất lớn, dạy con gái lại càng khẩn yếu hơn dạy dỗ con trai. Bởi lẽ, nếu con gái hiền thì khi còn ở nhà sẽ khiến cho anh em trai, chị em gái đều nhìn theo bắt chước làm lành; khi xuất giá sẽ giúp chồng dạy con đúng phép tắc, khiến cho chồng lẫn con đều thành hiền thiện. Nếu con gái chẳng được dạy dỗ sẽ gây họa chẳng thể nói trọn hết đâu nhé!

623. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho

Tam tôn Phật: đức Thích-ca kết ấn thí vô úy, tức là bàn tay phải ngửa lên đặt trong lòng, tay trái úp xuống đặt trên gối trái. Dược Sư Phật và Di-đà Phật tay kết ấn tương tự nhau, nhưng Dược Sư Phật kết ấn đại tam-muội, tức là bàn tay phải đặt trên bàn tay trái; còn Di-đà Phật kết ấn Di-đà, bàn tay trái đặt trên bàn tay phải.

Tượng Phật vẽ trên vải hay giấy bị nhăn rút (xếp nếp) thì nên dùng bàn ủi để ủi cho thẳng lại, phía dưới bàn ủi lót khăn trải bàn, còn tượng Phật thì đặt trên bàn dưới tấm khăn trải bàn. Một người dùng hai tay căng cho tượng thẳng thớm, người kia cầm bàn ủi để ủi. Vần muôn phần chớ nên dùng khăn trải giường để lót! [Nếu không dùng khăn trải bàn thì] dùng những tờ giấy dài, trải mấy lớp cũng được. Hãy đốt bàn ủi bằng than sạch bỏ thêm hương. Nên chùi mặt bàn ủi cho sạch sẽ, đừng để bàn ủi quá nóng. Nóng quá sẽ làm tượng Phật bị hư hại, chỉ ủi cho thẳng mà thôi!

Hiện thời, các nước Tây Dương đang đánh nhau dữ dội, nếu chẳng mau kết thúc, chắc sẽ lan sang nước ta. Các nước trong ngoài mạnh yếu khác nhau, nhưng đều bị tổn hại giống hệt như nhau; chứ chẳng phải là nước thua trận bị thiệt hại, còn nước thắng được lợi. Xét theo sự thực để luận thì người bị kẻ khác giết có nhiên đáng thương, nhưng kẻ chuyên giết người càng đáng thương hơn. Đối với kẻ chỉ biết chuyện trước mắt thì kẻ thắng dường như được lợi, chứ nếu nhìn vào đời kế tiếp hay đời sau nữa thì kẻ giết người càng khổ sâu xa hơn người bị hãm giết gấp vạn lần. Tiếc rằng người đời đều chẳng biết như vậy.

Thanh Lương Sơn Chí có chép: Vào đời Tùy, ở Đại Châu, Triệu Lương Tướng giàu nứt đổ đổ vách, sanh được hai đứa con, trưởng là Doanh, thứ là Mạnh. Doanh mạnh mẽ, còn Mạnh yếu đuối. Ông bố sắp chết, chia gia sản làm hai phần, Mạnh được phần hơn. Cha chết rồi, Doanh cướp sạch gia nghiệp của Mạnh, chỉ để lại cho Mạnh mảnh vườn và căn nhà. Mạnh phải làm thuê để kiếm sống. Không lâu sau Doanh chết đi, đầu thai làm con của Mạnh, có tên là Hoàn. Lại chẳng bao lâu sau, Mạnh chết, đầu thai vào nhà Doanh làm cháu nội của Doanh, tên là Tiên. Hoàn làm đầy tớ trong nhà Doanh. Tiên muốn triều bái Ngũ Đài, sai Hoàn theo hầu. Hoàn biết bác mình cướp sạch tài sản, tính muốn giết Tiên, nay may mắn được dịp thuận tiện; đến chỗ vắng vẻ ở Ngũ Đài, rút con dao đã ngâm giấu, bảo Tiên: “Ông nội mày cướp gia nghiệp của tao khiến cho đời tao khổ cùng. Nay tao giết mày để vui hận!” Tiên chạy lẹ, Hoàn đuổi theo, chạy vào một am tranh. Một vị lão tăng ngăn lại bảo: “Không được hành hung ở chỗ này!” Hoàn nói: “Tôi giết kẻ oán mà thôi!” Vị lão tăng mời ngồi, đưa cho mỗi người một chén trà để uống, uống xong liền biết chuyện đời trước, đều cùng khóc òa lên, bèn xuất gia trong núi ấy. Nếu các nước đều thấy chuyện đời trước, đời sau, há vẫn cứ chuyên coi giết người là chánh sách trọng yếu để làm cho đất nước hùng mạnh nữa ư?

Xét theo ý nghĩa thì nên xây dựng sơn môn (cửa chùa) theo lời tam quan, hàm nghĩa tam giải thoát môn, một cửa mà đủ ba nghĩa:

1. Không giải thoát môn.
2. Vô tướng giải thoát môn.
3. Vô nguyện giải thoát môn.

Do ba môn giải thoát mà vào thẳng được điện báu Niết-bàn. Do không nên vô tướng, do vô tướng nên vô nguyện. Hiểu rõ bản thể của hết thảy các pháp chính là không thì không và có đều chẳng thể gọi tên được, cho nên là vô tướng. Hễ vô tướng thì chẳng có tâm nguyện chấp không lẫn chấp có.

Đề xướng Phật học, hãy nên lấy “giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành” làm gốc. Được như thế thì đối với pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng trái nghịch. Nếu không, còn là tội nhân nơi danh giáo, làm sao kham học Phật để mong liễu sanh thoát tử ư? “Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành” chính là giới đại lược trong Giới Kinh nhà Phật; Văn Xương Âm Chất Văn trích dẫn hai câu này. Người đời chỉ biết Âm Chất Văn có lời ấy, chẳng biết xuất xứ của nó sâu xa đến thế.

Học Phật trong đời mạt thì phải nên chú trọng nơi biết nhân quả và tu Tịnh độ. Bởi lẽ, biết nhân quả thì chẳng dám dối mình lừa người, làm chuyện thương

thiên hại lý, tổn người lợi mình. Tu Tịnh độ thì dầu là phàm phu đầy dẫy triền phược vẫn có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Trong các pháp môn khác đều phải đoạn sạch phiền não rồi mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu không, dầu cho đại triệt đại ngộ, có đại trí tuệ, đại biện tài, biết được quá khứ, vị lai, muốn đi liền đi, muốn tới liền tới vẫn chẳng thể liễu được, huống là kẻ đầy dẫy phiền não ư?

Hôm qua nhận được thư của hội Phật giáo ở quý địa gửi đến bằng đường hàng không, biết đất Cam (Cam Túc) bị hạn hán chẳng khác gì Thiểm Tây, khôn ngăn cảm thương! Quý hội cầu đảo đã tròn 21 ngày vẫn chưa đổ mưa. Ngụy Huệ Tư do thấy tăng chúng núi Linh Nham đều là hạng chân thật tu hành liền gửi thư xin mở Phật thất cầu mưa, nhưng tình trạng tai nạn quá dữ dội chỉ đành tận tâm tận lực mà làm thôi, chứ được mưa trồn khắp hay không thì chẳng thể nào lo toan trái nghịch được. Thư của Huệ Tư gửi tới bằng đường hàng không cũng nhận được vào buổi chiều, tôi liền gửi thư cho Linh Nham. Trong hôm 16 thỉnh 20 vị tăng niệm thánh hiệu Quán Âm suốt 7 ngày, để cầu các nơi bị hạn đều được mưa trút xuống. Theo lệ, để mời 20 vị thì phải tốn 200 đồng, Quang đã thay mặt quý hội bỏ tiền ra, chẳng cần phải gửi khoản tiền ấy đến nữa.

Quý hội hãy nên thông cáo khắp nhân dân trong vùng cùng niệm thánh hiệu “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát”, chứ không cần phải làm nhiều nghi thức rườm rà, chỉ đem công đức niệm Bồ-tát để hồi hướng cho các vị linh hiển, thần thông trong chốn núi non được tăng trưởng oai phước, hồi hướng cho các cô hồn đều được vãng sanh Tây Phương, so ra sẽ hữu ích hơn. Ngay như tế lễ thần thánh cũng đừng dùng đồ huyết nhục, chuyện gì cũng lấy thành kính làm gốc, chứ không phải là do nghi thức trịnh trọng cho đẹp mắt.

624. Thư trả lời cư sĩ Dương Chấn Nhân

Cổ nhân nói: “Xử thế nên như tướng quân chống địch, làm người nên như cô gái còn trinh giữ thân. Tướng quân hễ thua trận ba quân đều tan vỡ, cô gái trinh trắng hễ thất thân thì muôn sự đều như ngôi vỡ.” Hãy nên dè dặt kính sợ sao cho giữ vẹn được di thể của cha mẹ ta để lại, bảo vệ được Phật tánh sẵn có của ta.

Trong ngũ giới chẳng nói đến chuyện hút thuốc là vì trong thời đức Phật chưa có nạn ấy, thói nghiện ngập ấy bắt đầu thịnh hành từ cuối thời Minh. Tăng sĩ không tu hành chính là hạt giống địa ngục, nên những hành vi hạ lưu không gì chẳng trồn đủ, huống chi ai nấy đều hút thì bọn họ còn có gì kiêng dè nữa ư? Ông đã biết bọn chúng là lũ bại hoại, sao còn hỏi tại sao không có giới ấy? Há có phải

là trong hết thầy hành vi bọn chúng đều chẳng trái giới, chỉ phạm mỗi một giới này ư?

Cái hại của thuốc lá thơm còn quá thuốc lá Tây, nước ta cùng quần quá nửa là vì lẽ này! Quang đã nghĩ sâu xa về những chất độc hại ấy, thường khuyên người khác đừng hút. Trong ấy có những chất độc như morphine, heroin v.v., nếu phụ nữ trẻ tuổi hút vào chắc chắn sẽ không sanh nở được! Điều này do một đệ tử quy y tên là Triệu Nguyệt Tu, tự Hằng Quang, đích thân nghe một nữ giáo viên ngoại quốc răn nhắc các nữ sinh. Xin hãy nói rộng rãi với mọi người thì công đức ấy sẽ giống như bảo toàn dòng dõi cho người ta vậy!

625. Thư trả lời cư sĩ Trương Nhữ Chiếu

Ông Trúc Thụy Liên là người cực trung hậu, có chí hoằng pháp lợi người, sẽ nhận lời mời. Cách học ở nơi đây chớ nên dựa theo chương trình trong nhà trường, hãy nên dựa theo sự tu trì để truyền dạy. Thoạt đầu, hãy nên dạy học sinh đọc chánh văn của kinh Tứ Thập Nhị Chương, kinh Phật Di Giáo, kinh Bát Đại Nhân Giác, lại còn dùng những bản chú giải của đại sư Ngẫu Ích để giảng diễn. Tiếp đó, dạy họ đọc Tịnh độ ngũ kinh để hiểu căn kẽ nguyên do của môn Tịnh độ, vậy thì sẽ dám đối trước mọi người khuyên tu tịnh nghiệp, chẳng bị dao động mê hoặc bởi những giáo lý cao sâu huyền diệu của các tông khác. Tiếp đây là học kinh Phạm Võng, rồi nghiên cứu Tịnh Độ Thập Yếu và đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Kẻ thông minh thì chẳng ngại gì xem nhiều sách của Tịnh tông, mà cũng chẳng cần đặc biệt vì cái tiếng tăm mở mang quốc học²⁷ mà phải học văn chương.

Kinh Phật, chú giải và các trước thuật của cổ nhân đều là văn chương, hãy nên dạy cho họ suy gẫm tường tận ý nghĩa của từng lời lẽ, từng lời hỏi đáp giữa chủ và khách cũng như ý nghĩa cùng tột, vậy thì suốt ngày xem kinh sách chính là suốt ngày tập tành văn chương. Trước kia, pháp sư Nguyệt Hà giảng kinh Hoa Nghiêm, lại thỉnh một vị lão nho dạy quốc văn, lại thỉnh một vị chuyên giảng nói văn chương để giảng nghĩa chữ. Quang nghe chuyện, không nghĩ pháp sư Nguyệt Hà làm như vậy là đúng lắm, bởi lẽ kinh chẳng phải là văn chương hay sao? Chú giải chẳng phải là văn chương hay sao? Suốt ngày xem kinh đọc chú giải, chẳng đủ là phương pháp để tập luyện cách viết văn hay sao? Chưa đầy một năm sau, do chi phí quá tốn kém phải giải tán, bèn dời sang chùa Hải Triều ở Hàng Châu.

²⁷ Quốc học là thuật ngữ của người Trung Hoa dùng để chỉ một môn học nghiên cứu về văn hóa, học thuật, tư tưởng, triết học của Trung Hoa như một tổng thể và chia ra nhiều chuyên ngành như nghiên cứu kinh học, huấn hũ, lục nghệ (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số), kể cả những môn như bói toán, phong thủy, tướng số v.v..

Sư có gởi thư mời những người từng theo học nơi học viện cũ đến học tại học viện mới, do vậy Quang đem ý ấy nói với sư.

Ông cho rằng hàng bạch y làm thầy của tỳ-kheo-ni và giảng giải giới luật chắc sẽ trái nghịch với cấm chế của đức Phật; chỉ cần vị cư sĩ ấy chẳng coi mình là thầy mà giữ địa vị đồng học, cùng nhau nghiên cứu thì trọn chẳng bị trở ngại gì. Nhưng cần phải chú trọng thực hành, đừng chỉ chú trọng học tập văn tự, văn tự chỉ là thứ dùng kèm thêm cho cái thân, còn đức hạnh mới là cái gốc của con người. Huống chi bọn họ đều chẳng phải đang trong lứa tuổi thơ ấu, nếu lấy đường lối học tập quốc học, quốc văn như cư sĩ Trúc đã lập đề làm tông chỉ chủ yếu thì sẽ thành chương trình của một trường học dạy chữ thông thường, chứ không phải là căn bản của một học viện nhằm huấn luyện tu trì. Ông ta không hiểu rõ chuyện này cho lắm, hãy nên đem lời Quang thưa rõ cùng ông ta, ắt ông ta sẽ chẳng đến nỗi không nghĩ như vậy là đúng.

Sau này, phàm hề có ai cầu xin soạn truyện ký, sẽ lấy có có lời thề không viết tiểu truyện cho ai để từ chối. Nếu không, kẻ ham danh ghét thật sẽ hằng ngày cầu xin viết tiểu truyện để mong khi chết đi được coi là cao tăng, tức là đã biến giả thành thật, khiến cho người ta đối với chuyện thật cũng chê là giả tạo, Phật pháp sẽ bị suy bại sát đất cũng đều do hạng người thông minh ấy gây nên.

626. Thư trả lời cư sĩ Thái Cát Đường

Ngày 26 tháng 4, Quang từ Dương Châu trở về Thượng Hải thấy ông gởi cho quế viên²⁸ và hương, cảm ơn lắm! Bản thảo Quán Âm Đại Sĩ Tụng tuy đã gởi tới, nhưng vẫn cần phải giáo chánh tường tận thì mới cho sắp chữ được. Sợ là chưa thể in ra sách trong năm nay được đâu! Chuyện vận động quyền mộ đóng góp cho viện mồ côi hãy cứ tùy duyên lo liệu, được nhiều thì tốt, ít cũng không sao. Dầu chẳng thể giúp đỡ, chỉ gởi suông sổ quyền mộ trở lại cũng không sao cả. Đối với hết thảy mọi chuyện, Quang đều tùy duyên, trọn chẳng vì nhiều hay ít, có hay không mà khởi lên tâm phân biệt, suy tính. Thầy Chân Đạt gởi lời hỏi thăm ông. Cư sĩ Vu Tịch Âm còn chưa di chuyển, chẳng bao lâu nữa sẽ xuống miền Nam, địa chỉ cư ngụ vẫn chưa định được. Đợi đến khi nào ông ta tiến hành công việc cho Quang thì sẽ gởi tới. Đang trong lúc thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống này, hãy nên phát khởi lòng thành niệm Phật để cầu được che chở, ngõ hầu chẳng phụ thời gian tốt đẹp này. Nếu không, sẽ như người vào biển cả, đã không có người hướng dẫn, lại không có la bàn, muốn khỏi bị chìm đắm, há có được ư?

²⁸ Quế viên là tên gọi khác của quả long nhãn.

627. Thư gửi hòa thượng Tâm Tịnh

Hôm nay có người từ Như Cao đến, trao giùm thư của Thôi Tông Tịnh. Cái chuông như thầy đã nói, lớn nhỏ có thích hợp hay chẳng? Nếu thích nghi thì hãy nên bảo những người trong nhóm mua. Nếu giá chuông hãy còn, chưa bị mục nát thì cũng nên mua luôn để khỏi phải làm cái khác, cũng nên gõ thử chuông ngay để coi xem tiếng chuông có vừa ý hay không. Trống lớn nếu có người phát tâm cúng dường là được rồi. Nếu không, hãy bảo họ quyên mộ để đặt làm, nhưng hãy nên làm sao cho thích hợp, đừng nên làm quá to. Hãy nên cho họ biết kích thước đại lược để họ tiện quyết định đặt làm. Chi phí thỉnh chuông trống đều phải do chính người phát tâm ấy bỏ tiền ra, chẳng cần chùa Pháp Vân phải bù tiền thêm. Hãy nên nói trước với họ về chuyện đó để chẳng đến nỗi phải lo lắng khó lòng đáp ứng được.

628. Thư trả lời cư sĩ Cát Khải Văn

Túc nghiệp của mọi người đã cảm thành ác quả ấy, ông có thể ở chùa Hộ Quốc tụng kinh lễ sám quả thật là may mắn lớn. Lúc này, trừ niệm Phật và niệm Quán Âm cầu gia bị ra, không có cách tốt đẹp nào khác. Đừng vọng tưởng đạt được chuyện tốt lành, nếu có thể chí thành khẩn thiết tụng kinh lễ sám thì chính mình cũng đạt được lợi ích không chỉ lớn bằng. Nếu chỉ mong cho xong chuyện mà muốn được Phật Bồ-tát gia bị sẽ khó như lên trời. Trừ chí thành niệm Phật, niệm Quán Âm và chí thành khẩn thiết tụng kinh, lễ sám ra, không có phương pháp thứ hai nào cả. Xin hãy sáng suốt soi xét!

629. Thư trả lời cư sĩ Lý Cẩm Đan

Nhận được thư, biết các hạ có lòng bảo vệ đạo tốt bậc chân thật, tha thiết. Những gã chủng tử địa ngục muốn làm cao nhân bậc nhất từ ngàn xưa đến nay cực đáng thương xót. Ngụy thuyết “Khởi Tín Luận là ngụy tạo” không phải do Lương Nhậm Công (Lương Khải Siêu) đề xướng, mà là do Nhậm Công lấy ma thuyết của Âu Dương Cánh Vô²⁹ làm căn cứ, coi đó như luận thuyết quyết định

²⁹ Âu Dương Cánh Vô (1871-1943), tên thật là Âu Dương Tiệm, tự là Kính Hồ, năm 40 tuổi đổi tên tự thành Cánh Vô, còn có tên tự khác là Cánh Ngộ, người huyện Nghi Hoàng, tỉnh Giang Tây, là hậu duệ của Âu Dương Tu. Ông được coi là một triết gia nổi tiếng thời cận đại, do theo học với Dương Nhân Sơn nên hâm mộ ý chỉ kinh Hoa Nghiêm bèn chuyên nghiên cứu Phật giáo, ẩn cư tại tịnh xá Kỳ Hoàn để chuyên nghiên cứu kinh luận. Ông từng sang Nhật du học. Năm 1912, cùng với Lý Chứng Cương thành lập hội Phật giáo, chủ trương tách rời chánh quyền và tôn giáo, sa thải những tăng sĩ dốt nát. Ông rất thích nghiên cứu Duy thức học, đặc biệt tôn sùng Hoa Nghiêm và luận Du-già Sư Địa, nhưng về sau lại đề xướng thuyết “Hoa Nghiêm, luận Đại Thừa Khởi Tín, Lăng-nghiêm v.v. đều là do người Trung Hoa ngụy tạo!” Ông chủ trương các tờ báo Dung Truyền, Khổng Học Tạp Chí v.v.. Năm 1922, sáng lập Chi

nhằm phô phang “ta là kẻ học rộng có thể phân định chân, ngụy”. Âu Dương Cánh Vô là hạng ma chủng đại ngã mạn, mượn cái danh hoàng pháp để cầu danh cầu lợi. Ông ta cho Lăng-nghiêm, luận Khởi Tín là ngụy tạo, chính là vì muốn mê hoặc hàng sĩ đại phu vô tri vô thức nhằm mong họ sẽ sùng phụng mình như một vị đại pháp vương. Ông ta mượn cái danh thông suốt Tướng tông (Duy thức) để ngạo mạn cổ kim. Phàm những gì các vị cổ đức tông Thiên Thai, Hiền Thủ đã nói chẳng hợp với ma kiến của ông ta thì đều bài xích là “thả rắm”, nhưng những kẻ thông minh do thấy ông ta thông hiểu Tướng tông liền đua nhau sùng phụng là bậc thiện tri thức. Tướng tông lấy nhị vô ngã³⁰ làm chủ yếu, ông ta chỉ hoại một thứ là ngã kiến, chứ trọn chẳng có khí phận vô ngã của Tướng tông. Kẻ ma mị mà ai nấy vẫn tin, đáng buồn thay!

Chưa thọ giới, chớ nên đắp mạn y năm điều hoại sắc. Y năm điều ấy không chia thành khối (y năm điều, mỗi một điều cắt ra thành một miếng dài một miếng ngắn, mỗi một miếng nhỏ ấy gọi là một khối), cũng không phải là hải thanh, hải thanh là áo dài rộng tay. Ngày nay trong pháp môn không có người nên ai nấy mặc sức làm càn. Vì thế, người thọ ngũ giới đều đắp y ngũ điều³¹, trái nghịch cấm chế của đức Phật, nhưng tăng lần tục đều bình chân như vại, cũng đáng cảm khái lắm thay!

630. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị

Ngày hôm qua, thầy đương gia đưa thư của ông cho Quang, Quang đọc thư, biết tuy cường đạo đến cướp đồ đạc của ông mà ông chẳng bị mất một vật nào,

Na Nội Học Viện với tông chỉ hoàng dương Phật giáo, bồi dưỡng nhân tài hoàng pháp lợi sanh. Đại sư Thái Hư từng viết bài phê phán đường lối cũng như cách diễn giải Phật pháp lệch lạc của Chi Na Nội Học Viện, gây nên cuộc tranh luận sôi nổi giữa Cánh Vô và Thái Hư qua nhiều chủ đề trong nhiều năm.

³⁰ Nhị vô ngã là nhân vô ngã và pháp vô ngã, còn gọi là nhân không và pháp không, hoặc ngã pháp nhị không.

1. Nhân vô ngã: Hiểu rõ thân người do ngũ uẩn giả hợp, chứ thật không có bản thể của cái ngã tự chủ tự tại. Đây là phép quán của Tiểu thừa để đoạn phiền não chướng, đặc Niết-bàn.

2. Pháp vô ngã: Hiểu rõ các pháp do nhân duyên sanh ra, không có thực thể, tự tánh. Đây chính là phép quán của Đại thừa để đoạn sở tri chướng, trở thành Bồ-tát.

³¹ Xin đừng hiểu lầm y ngũ điều của tăng sĩ trong đoạn này với ngũ điều mạn y trong đoạn trước. Mạn y là y không chia thành từng điều (tổ Ấn Quang gọi một miếng lớn là điều, mỗi điều cắt ra thành miếng nhỏ hơn gọi là khối). Vì thuở xưa khổ vải khá hẹp, để may mạn y phải ghép bằng năm miếng vải. Nay thì mạn y là cả một khổ vải không cắt thành miếng nhỏ. Còn y ngũ điều của chư tăng thì gồm năm miếng lớn may lại. Mỗi một miếng lớn cắt thành hai miếng: một dài, một ngắn (tổ gọi mỗi miếng nhỏ ấy là “khối”). Y này là loại y chư tăng thường mặc để làm lưng hoặc tụng kinh lễ Phật thường ngày, cư sĩ không được tiếm dụng. Do thời ấy mạn y cũng có năm miếng nên cư sĩ thường đắp y ngũ điều của chư tăng mà không biết mình đã phạm cấm chế của đức Phật.

còn bà cụ ở phòng đối diện bị cướp mất một cái rương và các thứ quần áo. Đây chính là chứng cứ rõ ràng tam bảo gia hộ cho ông. Chỉ nên gắng sức niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, há nên làm lạc sanh lòng sợ hãi, muốn dời đi chỗ khác! Ông xem có chỗ nào là nơi yên vui đâu? May mắn là chỗ ấy nghèo nàn nên vẫn còn chưa gặp họa lớn. Nếu ở nơi am giàu có, sợ sẽ càng nguy hiểm hơn.

Năm Dân Quốc 19 (1930), ông Quách Chấn Thanh, chủ tiệm giấy Hợp Pháp ở đường Cảnh Đức, Tô Châu, theo một người già trong nhà ông ta đến quy y. Quang bảo ông ta: “Hiện thời là tình thế hoạn nạn, hãy nên chí thành niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm, sẽ liền có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn mà được hên.” Tháng Chạp năm sau, ông ta qua Thượng Hải. Chiến sự nổ ra ở Thượng Hải, chẳng thể không trở về đất Tô được. Đến mùa xuân năm Dân Quốc 21 (1932) vẫn còn chiến tranh, chẳng thể quay về được. Do đường xe lửa bị cắt đứt, Chấn Thanh liền ngồi tàu thủy nhỏ đi vòng theo ngã Gia Hưng trở về Tô Châu. Nhưng thuyền bè qua lại thường bị cường đạo cướp bóc, Chấn Thanh sợ bị cướp, trong tâm thầm niệm thánh hiệu Quán Âm. Không lâu sau, cường đạo kéo đến, cả thuyền đều bị cướp sạch sành sanh. Chấn Thanh là một kẻ mập mạp, mặc một cái áo da, nhưng ở giữa bao người, bọn cường đạo trọn chẳng thèm hỏi tới ông ta. Đủ biết niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát quyết định được Bồ-tát gia bị, chẳng đến nỗi gặp tai họa ngoài ý muốn.

Quang đọc qua thư ông, bỏ trong ngăn kéo của bàn viết, nay muốn phúc đáp, tìm khắp nơi không thấy. Do vậy nghĩ đây là do Bồ-tát thị hiện cho ông một dấu hiệu để ông nhất tâm niệm Phật, niệm Bồ-tát hồng ngửa họa giữ thân. Nếu ông chí thành, cường đạo thấy ông mà như không thấy, hoặc thấy những đồ đạc của ông là thứ chúng chẳng cần, chẳng đến nỗi gây tổn thương cho ông. Hiện thời bất luận là ai, đều phải niệm A-di-đà Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để làm quả núi nương tựa. Chỉ nhất tâm thường niệm, chẳng cần phải sợ hãi. Xin hãy sáng suốt suy xét!

631. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ nhất)

Chương trình của hội niệm Phật rất hay, nhưng đối với phụ nữ đang độ tuổi thanh xuân hãy nên bảo họ ở yên trong nhà niệm Phật, đừng đến dự hội. Bởi lẽ hiện thời lòng người quá bại hoại, lại còn có binh sĩ trấn đóng khắp nơi, sợ giữa đường gặp chuyện chẳng đúng pháp thì người ấy lẫn hội niệm Phật đều mất thể diện. Đây chính là ý nghĩa trọng yếu để né hiểm lánh họa. Dương Thúc Cát đã xuống núi vào hôm 13 tháng trước. Hiện thời thiên hạ rối beng, đất Thiểm càng rối ren quá mức. Há nên đang vô sự lại manh nha tâm niệm du hành? Há chẳng

phải là đang ở trong yên ổn lại tìm kiếm nỗi nguy hiểm ư? Ngàn muôn phần chớ nên đi ra ngoài! Dầu muốn cùng mọi người đi du lịch ngắm cảnh, cũng nên đợi tới lúc thái bình không có chiến tranh thì mới nên. Ở nhà tuy phiền, nhưng chẳng đến nỗi phải có chuyện lo nghĩ chi khác. Đang trong thời loạn này, dầu đi ra ngoài thân chẳng gặp phải họa ương thì vẫn phải suốt ngày lo nghĩ cho gia quyến, há chẳng nên giữ cho cõi lòng thanh tịnh, không phải bận tâm chuyện gì ư?

Cái chết của Hy Chân là do bị trời phạt, ông ta nhận được một lá thư “tiền bộ” liền muốn giết sạch hết thầy những người thuộc giới chánh khách. Do vậy, chưa đến được kinh đô liền ngã bệnh, tới kinh đô chết liền. Nếu người ấy không chết, ắt sẽ đến nỗi đại loạn! Ông trời có mắt, khiến cho ông ta bị chết trước để ông ta chẳng đến nỗi bỗng dưng gây nhiều loạn được. Hùng Đại Minh có một đứa con hết sức có thiện căn (chưa đầy nửa tuổi đã biết lời kéo bà nội và cha mẹ, ép họ lễ Phật, nếu họ thuận theo thì nó sẽ vui vẻ). Do tham dự cuộc Bắc Chiến và chiến trận Hồ Hám³², đứa con ấy liền chết; ông ta gần như cuồng si, gởi thư kêu khổ. Quang bèn chỉ thẳng nguyên nhân là do bị trời phạt, nếu chẳng sửa đổi hành vi, hình phạt ấy đâu phải chỉ có như thế! Các ông đã tin phụng Phật pháp, hãy nên lấy tâm Phật làm tâm của chính mình thì sẽ hữu ích. Nếu cứ hành xử giống như Đại Minh và Hy Chân thì đáng gọi là “uổng làm đệ tử Phật” vậy! Mắt Quang không tốt, chứ không phải là thường sanh bệnh.

632. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ hai)

Trước kia đã gởi cho ông những sách cho chính Quang giáo duyệt in ra, nay lại muốn nói rõ ý Quang, bởi lẽ mọi việc cần phải suy nghĩ sâu xa thì mới thành được. Tiếp đó tôi suy nghĩ, nói tới sự giải trí thì chẳng thể làm như vậy được. Hơn nữa, trẻ nhỏ vừa mới hiểu biết liền dạy cho nó đóng tuồng, sợ nó sẽ chẳng vận dụng tâm tư nơi hành hiếu hành đễ; cứ chăm chú đồ công tô son trát phấn làm

³² Bắc Chiến còn gọi là Bắc Phật hoặc Đại Cách Mạng lần thứ nhất, kéo dài từ năm 1926 đến năm 1928. Đây là cuộc chiến được phát động bởi Quốc Dân Đảng Cách Mạng Quân. Cánh quân này do Tưởng Trung Chánh chỉ huy từ phương Nam kéo lên phương Bắc với ý định đánh bại chính quyền Bắc Dương nhằm thống nhất sơn hà. Chính quyền Bắc Dương là chính quyền quân phiệt cai trị phía Bắc Trung Hoa từ năm 1912 tới năm 1928 sau khi lật đổ Thanh Triều, mưu toan tách Bắc Trung Hoa khỏi sự quản trị của chính quyền Dân Quốc tại Nam Kinh. Chính phủ này khởi đầu bằng Tổng thống Viên Thế Khải và kết thúc bằng chấp chánh Đại nguyên soái Trương Tác Lâm.

“Hồ Hám chi chiến” (hay còn gọi là Lạc Dương chiến đấu) là cuộc giao tranh giữa Hồ Cảnh Dực và Hám Ngọc Côn kéo dài từ ngày 20 tháng 2 đến ngày 13 tháng 3 năm 1925 tại Lạc Dương (tỉnh Hà Nam). Nguyên nhân là do Hồ Cảnh Dực được chánh quyền Dân Quốc cử làm Tổng đốc tỉnh Hà Nam, tướng chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam là Hám Ngọc Côn bất mãn, liền đem quân vây đánh họ Hồ. Đôi bên giao tranh dữ dội tại Lạc Dương, rốt cuộc Hám Ngọc Côn thua trận phải vượt Hoàng Hà chạy trốn rồi tự sát.

đào, kếp, kếp nhỏ, hề³³... sẽ trở thành bỏ gốc chạy theo ngọn, biến khéo thành vụng! Thuở nhỏ, Quang nghe người già kể trong làng của Quang vào ba bốn chục năm trước, chỗ nào cũng đều véo von những ca khúc Tạp Hý³⁴ (tức là con em bình dân và những người làm ruộng, làm thợ v.v. hề rảnh rang đều hát xướng), nhưng chẳng hát tuồng Vũ Hý³⁵, còn những mặt khác đều giống như hát tuồng. Hề có ai mời hát thì người mời đều phải tự sắm sửa hết thầy rương tráp, trang phục, vật dụng, còn họ (tức người nhận lời đến hát) chỉ đi tay không tới. Lại còn

³³ Nguyên văn “sanh, đán, tịnh, sũ”, là bốn loại diễn viên trong một vở tuồng của Trung Quốc, nhất là trong thể loại kinh kịch.

1. Sanh (gọi đủ là sanh hạnh): Tức vai diễn viên nam, hóa trang vừa phải, không bôi đen mặt. Chia ra làm các loại tu sanh (hoặc lão sanh, tức vai nam trung niên, thường đeo râu dài hay râu ba chòm, năm chòm), hồng sanh (những vai kếp đẹp, hào hùng, thường tô mặt đỏ nhưng không có vằn như vai Quan Công, Triệu Tử Long v.v.), tiểu sanh (những vai nam nhỏ nhả, trẻ trung. Tiểu sanh lại chia ra thành *linh tử sanh*, tức vai võ tướng đội mào có đuôi trĩ; *sa mao sanh*, tức vai quan văn thường đội mào ô sa; *phiến tử sanh*, tức văn nhân (do thường cầm quạt nên gọi như vậy); *cùng sanh*, tức vai học trò nghèo...); vũ sanh (vai võ tướng, mặt đẹp, hào hoa, không có vằn dữ dằn) như La Thông, Tiết Đinh San v.v..

2. Đán (gọi đủ là hoa đán): Tức các vai diễn của nữ (trước thời Dân Quốc, hầu như không có nữ diễn viên, những vai nữ đều do nam diễn viên đóng), chia thành thanh y (vai tỳ nữ, đầy tớ, phụ nữ bình dân; tuy thế, trong thể loại côn khúc, thanh y lại là đào thương), hoa đán (đào đẹp, hay đào thương, tức nữ diễn viên đóng vai tiểu thư, công chúa, vương phi, hoàng hậu, bà chủ, thôn nữ xinh đẹp... Trong thể loại côn khúc, hoa đán gọi là tiểu đán, là vai nữ nhỏ tuổi), vũ đán (nữ tướng), lão đán (đào mẹ, tức vai bà già, thái hậu) v.v..

3. Tịnh (gọi đủ là tịnh hạnh, hoặc hoa kiểng): Tức các vai nam bôi mặt đen hay đỏ với nhiều họa tiết kỳ quái nhằm diễn tả tánh cách anh hùng, chánh trực, mạnh mẽ, hào sảng, nhưng thô lỗ, hoặc những vai tướng cướp hay anh hùng hảo hán v.v., tức các vai diễn những nhân vật như Hạng Vũ, Trương Phi, Lý Quỳ, Đôn Hùng Tín, Uất Trì Cung v.v..

4. Sũ (gọi đủ là sũ hạnh) tức những vai hề, thường vẽ mặt với những nét hoạt kê, lại chia làm văn sũ (hề văn) và vũ sũ (hề võ).

Đến cuối đời Thanh, nghệ thuật tuồng còn tăng thêm một loại diễn viên nữa là mặt, chuyên đảm nhiệm vai dẫn truyện (gần giống như người giữ vai giáo đầu trong tuồng chèo của ta).

Do không có chữ tương ứng để diễn tả ý nghĩa chữ tịnh, chúng tôi phải tạm dịch *tịnh* thành “kếp nhỏ”, vì vai này thường bôi mặt đen thui, vằn vện.

³⁴ Tạp Hý là một loại nghệ thuật tuồng dân gian, gọi đủ là La Cổ Tạp Hý hoặc Nã Cổ Tạp Hý, do nhạc đệm chủ yếu dùng bộ gõ (như thanh la, nã bạt, trống, phách, mõ...) chứ không dùng đàn sáo nên gọi là La Cổ. Tạp Hý thường diễn tấu từ ngày Trùng Dương (mùng 9 tháng 9 âm lịch) trở đi. Kịch bản của tuồng thường là các mẫu chuyện lịch sử như Tam Quốc Chí, Thuyết Đường v.v., nhưng thường diễn để cúng thần, cúng hội đình chùa, hoặc khánh thành nhà mới. Trước khi diễn, ban hát thường đốt một đồng lửa to, toàn thể diễn viên ra chào khán giả rồi mới diễn. Mỗi một vai diễn trước khi ra sân khấu thường có người hát giới thiệu trước.

³⁵ Vũ Hý còn gọi là Vũ Đả là một hình thức diễn xướng chú trọng biểu diễn những động tác của võ thuật theo tiếng nhạc, tuy có nội dung cốt chuyện hản hoi, nhưng phần diễn xướng và ca từ thì ít mà chú trọng nhiều vào kỹ thuật biến diễn các thế võ sao cho thật đẹp mắt, linh hoạt, hoa mỹ. Thể loại này bắt đầu từ màn biểu diễn “đơn tiên đoạt sóc” (một chiếc roi cướp giáo) từ đời Nguyên, rồi phát triển thành những vở đặc biệt mô tả những màn giao đấu như Tam Anh Chiến Lã Bố (ba anh em Lưu Bị - Quan Vũ - Trương Phi đấu với Lã Bố), Quan Công Quá Lục Quan (Quan Công vượt sáu ải) v.v..

phải có đầy đủ thiếp mời, dập đầu phụng thỉnh, vì diễn viên chẳng nhận tiền, được đãi đằng như khách. Rước đến, tiễn đi mọi người đều vui vẻ như vậy. Về sau, do mỗi lần diễn xướng Tạp Hý ắt bị hạn hán, từ đấy mới thôi! Đủ thấy viện lễ giải trí để tập tành hát xướng chẳng thể không biến thành diễn tuồng thật sự.

Tình cảm của phàm phu bị xoay chuyển theo vật, đối với hình hài đất gồ hể trang sức đẹp dễ liền sanh tâm tham nhiễm. Huống chi con em đang độ thơ ấu, hóa trang cho nó thành thân gái, tuy nói là đề cao giáo hóa, nhưng thật ra là dạy cho con em phạm lỗi khinh bạc. Huống chi muốn diễn xuất cho thật giống, nếu chẳng để hết tâm trí vào vai diễn thì làm sao có thể khiến cho người khác sững mắt được?

Quang vốn là tăng nhân, sao lại hỏi đến chuyện giáo dục của người khác? Chỉ vì ông và tôi có duyên, chẳng thể không trọn hết lòng lo tính một phen. Chỉ nên giảng nói với chúng về đạo hành hiếu, hành đức. Chứ nếu muốn cho chúng diễn tuồng thì khoan hãy nói đến tệ đoan, chỉ riêng chuyện uổng phí thời gian công sức đã kể sao cho xiết? Sĩ tử chuyên tập luyện cử nghiệp mà còn chưa thể chuyển hóa được khí chất thành người tốt đẹp nữa là! Mượn dịp vui chơi bèn dạy cho con đóng tuồng với ý định nhờ vào tuồng tích để chuyển hóa khí chất của con cái thì sợ rằng sẽ chuyển thành xấu thì nhiều, chứ ít có đứa nào sẽ chuyển biến thành tốt đẹp. Đừng mượn lời thánh nhân giảng về sự giải trí để khơi ra đầu mối khinh bạc cho con em.

Mấy năm trước có mấy chục đứa học sinh theo học nghệ thuật diễn xuất ở tại chùa Pháp Vũ, đêm nào cũng diễn tuồng, giáo viên ngồi một bên xem. Bọn chúng liền hóa trang thành hòa thượng đón tiếp khách thập phương đến dâng hương, quả thật là khinh nhục tăng sĩ! Quang nghe chuyện, khôn ngăn đau tiếc! Đường đường là một nhà trường lại để cho học sinh làm chuyện vô ích ấy. Chẳng ngờ ông quy y Phật pháp, phát tâm vun bồi nhân tài mà cũng cực lực tán đồng chuyện đó. Có nhiên, Quang chẳng sợ bị người khác chê là cố chấp, không thông hiểu, mà quả thật là vì không chịu được nên mới phải nói.

Đối với những trước tác của học sinh, nếu nhìn một cách thiên cận thì đâu có trở ngại gì, nhưng những kiểu ăn nói “vãi rắm âm ỉ v.v.” rốt cuộc có ích gì đâu? Chỉ khiến cho kẻ sáng mắt đau lòng mà thôi! Dầu giấy không mất tiền mua, cũng chớ nên in những lời lẽ bậy bạ ấy. Tri kiến của Quang như thế đấy, nếu chấp nhận là đúng thì hãy làm theo. Nếu không, cũng nên coi như Quang ăn nói nhảm nhí, bỏ mặc đó. Ông tự thực hiện chương trình, quy củ giáo dục của ông, Quang nào dám buộc ông đừng làm!

Một ngàn đồng để in Văn Sao của Hùng Đại Minh sẽ in được hai ngàn bộ. Nghe nói đã gởi chín trăm bộ sang hai nơi là Thiểm (Thiểm Tây) và Biện (tức thành phố Khai Phong). Xin hãy hỏi thăm xem Đại Minh đã trở về đất Tần (Thiểm Tây) hay chưa? Nếu ông ta trở về đất Tần, tôi sẽ gởi hơn một ngàn bộ sang đây để chia ra tặng cho người có tín tâm ở đất Tần. Xin hãy hồi âm ngay để tiện báo với thư quán Thượng Hải gởi sách. Đối với thời cuộc hiện nay, sợ rằng sẽ còn biến động lớn lao. Hãy nên bảo gia quyến và hết thầy những kẻ hữu duyên kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay niệm Phật và niệm Quán Thế Âm ngũ hầu gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên. Nếu không, hễ đao binh xảy tới thì nỗi thảm thương sẽ chẳng nữ nào nói được đâu!

633. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ ba)

Đã nhận được thư viết trong tháng 6, do hành tung bất định nên chẳng trả lời. Tôi chỉ nhận được thư này mà thôi, những thư khác đều chưa nhận được. Hiện nay cuộc chiến tàn sát bùng nổ, dân không lẽ sống; đang trong thời buổi này, cố nhiên hãy nên nhất tâm niệm Phật để cầu xuất ly cũng như khuyên nhủ người hữu duyên.

634. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết ông và người trong đất Tần đều nằm mộng. Đang nhằm lúc dân đất Tần không còn lẽ sống mà cứ muốn mở đạo tràng, hoằng dương pháp hóa, thỉnh pháp sư Đế Nhân sang đây hoằng pháp, há sư chịu được sự gian nan ấy hay chẳng? Sao lại nói chẳng thể không khẩn khoản thỉnh cầu, dùng cách vòng vo ấy để làm gì? Vị sư X... (người này quyết chớ nên thỉnh) chỉ biết ăn nói lớn lối, trợn chằng chân thật hành trì. Thỉnh loại pháp sư ấy đến hoằng pháp là muốn cho người khác học theo khuôn sáo ăn nói lớn lối, hay là muốn cho họ chân thật hành trì? Trước kia, Quang đã từng nói với ông, chắc là ông cho rằng tôi chèn ép bậc hiền triết chứ gì?

Nếu bảo Quang chỉ cho ông người nào đáng thỉnh thì Quang thường ở trên biển cả, trọn không một ai qua lại với Quang, biết ai là người phát tâm Bồ-đề muốn lợi khắp hết thầy mọi người đây? Chuyện này quả thật là chuyện khó nhất trong những chuyện khó! Nếu cầu những tăng sĩ chỉ biết ăn cơm mặc áo thì quả thật là có, nhưng bọn họ vẫn chẳng muốn lên phương Bắc là nơi rét buốt để ăn cơm mặc áo, hưởng hồ hoằng pháp lợi sanh ư? Hãy làm thế nào để chinh đón tăng sĩ cũng như Nho sĩ ở đất Tần khiến cho ai nấy đều y theo đạo của thánh nhân Nho - Thích mà hành. Than thở sùen sụt khôn xiết vậy thay! Sở quyn góp và thư ngỏ đã gởi trả lại trong ngày hôm qua rồi.

635. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết cư sĩ đạo niệm tinh thuần, thân yên tâm vui, tôi an ủi lắm! Đối với chuyện giới giáo dục đòi biến chùa miếu ở Giang Tô thành trường học, Quang đã sớm gửi thư cho hai ông Ngụy Mai Tôn và Vương Ấu Nông xin họ hãy xoay sở. Ông Ngụy cầm thư Quang đến gặp tỉnh trưởng họ Hàn và trưởng ty giáo dục họ Tưởng. May sao, ông Tưởng cũng thuộc giới Phật giáo nên nói vun vào, ông Hàn liền chấp thuận bãi bỏ lệnh này. Ông Tưởng thương lượng với Ấu Nông, gợi ý nếu kiến nghị này không do các tông lâm liên danh thưa trình thì sẽ không xong. Ấu Nông bèn lôi kéo hòa thượng Diệu Liên ở am Quán Âm tại ngũ Dương Bì (vị này rất có khí khái lão thành), cậy sư liên lạc. Diệu Liên tới các nơi kêu gọi, các nơi đều co cụm chẳng dám lộ đầu ra! Về sau, sư nói chuyện với hòa thượng chùa Tỳ Lô, hòa thượng Tỳ Lô cực lực tán thành chuyện ấy. Sư Diệu Liên sang Vu Hồ thu tô, đi ngang qua chỗ hòa thượng Tỳ Lô lại liên lạc, họ bèn ước định ngày 24 cùng nhau tới Kim Lăng (Nam Kinh) trình bẩm. Đơn thỉnh cầu ấy do Diệu Liên cậy bạn bè soạn thảo, được cụ Mai Tôn sửa chữa. Lại đưa cho ông Tưởng đọc qua trước.

Do thấy kỳ hạn còn sớm, Ấu Nông bèn đem văn bản ấy gửi cho Quang xem, nghĩ rằng chuyện này đã được bãi bỏ rồi. Ấu Nông (nhận được văn bản ấy trước ngày 15) cho là chuyện này nhất định đã được giải quyết xong; nhưng vẫn ngại người trong hội giáo dục thế lực khá lớn, nếu họ ngấm ngầm âm mưu chắc sẽ gây ra chuyện đáng lo ngại, liền liên lạc với hai vị pháp sư Đế Nhàn và Đạo Nguyên, xin họ gửi thư cho bộ Nội vụ để vĩnh viễn tránh được hậu họa. Quang nhận được thư của Ấu Nông liền gửi thư cho ngài Đế Nhàn. Tới bốn năm ngày sau mới nhận được thư báo rằng: “Bị bệnh, chẳng thể gắng gượng được.” Trước đây Quang đã gửi thư cho cư sĩ Trang Tư Giam, cậy ông ta đến Nam Kinh chạy vạy, trình báo rõ ràng cho bộ Nội vụ. Chắc là chẳng đến nỗi vì sức Quang kém hèn mà sự việc bị vùi lấp vậy! (Cư sĩ La Suồng Sinh tới núi cho biết Tư Giam sang đất Hàng sắp trở về kinh đô, cùng đi với ông ta. Tới Nam Kinh phải ở lại một ngày, vì thế Quang liền gửi thư cho ông Trang. Ngày 19, ông La xuống núi, ước chừng hôm 24 thì Tư Giam đã đến Nam Kinh rồi.)

636. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ hai)

Nhận được thư biết ông đã lành bệnh, an ủi lắm! Chuyện Giang Tô hoàn toàn do công sức của ba vị Ngụy Mai Tôn, Tưởng Trúc Trang, Vương Ấu Nông, nhưng cư sĩ Trang Tư Giam lại có mặt đúng lúc. Thế là Quang gửi thư cậy ông ta gặp tỉnh trưởng để trình bày rõ ràng, vì thế sự việc được hoàn toàn giải quyết xong. Nếu bảo là công của Quang thì chẳng qua chỉ là gửi thư cho các vị ấy cậy họ xoay

sở mà thôi, nào đáng để nhắc đến? Nếu coi đó là công, tức là đã mạo nhận công của người khác làm công của chính mình vậy!

Lệnh thích³⁶ chôn con, chết cháu, ước theo mặt tình cảm con người thì cũng chẳng thể nào không cảm động, nhưng bi thương đến nỗi gần như điên cuồng tức là chỉ biết có con có cháu, chẳng màng tới cái thân. Sao lại mê chấp đến mức như thế ấy? Thử nghĩ, con cháu chịu ơn tổ phụ, dầu tan xương nát thân cũng chẳng thể báo đáp được; nhưng con cháu khi phải chôn tổ phụ có đau đớn như cuồng hay chẳng? Nếu là hạng con cháu biết luân lý thì cũng buồn bã đôi chút, bày ra nghi lễ đại lược thì vẫn còn có thể khiến cho vong linh của tổ phụ được an ủi vui sướng. Chứ nếu là hạng con cháu từ nhỏ đã quen thói kiêu căng, phóng túng, tà vạy, xa xỉ thì sáng chiều chỉ mong cho tổ phụ chóng chết hòng được tùy ý chơi bời, cờ bạc, tiêu dao, không ai quản thúc. Nếu tổ phụ chết thật, ắt trong tâm chúng nó sẽ hoan hỷ chẳng thể dùng ngôn ngữ nào để hình dung được! Từ đấy, chúng nó sẽ dùng hết gia nghiệp do tổ phụ tận lực duy trì để tạo những ác nghiệp địa ngục cực nặng; còn đối với chuyện vun bồi đức, tu phước thì bỏ ra một đồng sẽ giống hệt như phải cắt thịt trên thân của chính mình, thà chết cũng không chịu bỏ ra. Do vậy, hạng chôn vùi thanh danh của tổ phụ, gây nhục cho tổ phụ đến trăm ngàn đời đông lắm! Trong mắt ông cha, loại con cháu ấy cố nhiên vẫn được nâng niu như châu báu. Xét tới nguyên nhân, nói chung là do quá coi trọng cái tâm của chính mình, chẳng biết tới lý rộng lớn sâu xa mà ra. Chẳng đáng buồn sao!

Xưa kia, Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yên) coi người khác như chính mình, coi kẻ sơ hệt như người thân, coi thiên hạ là một nhà, coi cả Trung Quốc như một người. Vì thế từ đầu đời Tống cho đến cuối đời Thanh, trọn một ngàn năm, con cháu đỗ đạt chẳng dứt. Họ Bành ở Trường Châu tận lực làm lành, từ đầu đời Thanh đến nay, đỗ đạt đứng đầu thiên hạ; nhà ấy có bốn năm vị trạng nguyên, anh em ruột thịt cùng đỗ tam đỉnh giáp³⁷. Do họ đời đời thờ Phật, phụng hành Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên, sẵn chí muốn tạo lợi lạc cho người khác lâu dài nên trời ban cho sự báo ứng sâu dày lâu dài.

Nếu lệnh thích là người thông hiểu, sẽ tự thẹn đức bạc cho nên gặp phải quả báo ấy. Từ đấy, nỗ lực tích đức để mong trời thương xót ta thì con quế cháu lan sẽ tiếp nối nhau sanh ra. Hiện thời thế đạo nhân tâm chìm đắm tới tột cùng, thiên tai nhân họa cũng lắm phen đến mức tột cùng. Nếu lưu truyền những thiện thư có ích cho thế đạo nhân tâm để mong ai nấy cùng lên bờ giác, hoặc cứu vớt những người dân cùng quần đang mắc nạn lũ lụt, bão tố, để mong họ được sống sót trong

³⁶ Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng người bề trên về bên ngoại của kẻ khác.

³⁷ Tam đỉnh giáp là ba vị tiến sĩ đỗ đầu khoa thi đình, tức trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa.

cảnh chết chóc; so với để lại tài sản cho con cháu ăn nhậu, chơi bời, cờ bạc, khiến cho kẻ khác thóa mạ, thì sao bằng chính mình làm chuyện cứu người, cứu đời để vun bồi phước cho chính mình trong đời sau ngõ hầu con cháu sẽ được thọ dụng tới trăm ngàn đời ư? Trong mùa hạ này, tai ương bão tố thâm nhất! Trong 20 huyện thuộc quyền quản hạt của đạo Cối Kê³⁸ có đến 18 huyện báo cáo gặp nạn bão. Trong ngày mùng 10 tháng 8, Đài Châu lại bị lụt lớn, có chỗ nhà dân bị ngập sâu dưới mấy thước nước. Những chỗ gần sông đều ngập nước, thuyền bơi được trên cầu, tình trạng thâm thảm chắc cứ tưởng tượng sẽ hình dung được.

Đạo doãn Hoàng Hàm Chi tên là Khánh Lan, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, ăn chay trường, niệm Phật. Năm trước, Đài Châu bị tai nạn, ông ta đã quyên mộ cứu chẩn rộng rãi. Năm nay tai nạn càng nghiêm trọng hơn, do quyên mộ khó khăn, dân chúng bị tai nạn thật đáng thương, ông Hoàng tính muốn đốt ngón tay để lo cứu trợ, chắc sẽ cảm động được lòng người. Cứu được một người, công đức vô lượng, huống là nhiều người ư? Nay ông ta bảo Quang đứng ra quyên mộ thay, Quang tự thẹn đức bạc, ai chịu nghe lời mình nói? Nhân nỗi lo buồn của lệnh thích khiến Quang động lòng trắc ẩn, Quang cho rằng nếu ông ta xót thương con cháu bị chết yểu giữa độ tuổi trung niên, hãy vì họ mà lo liệu chuyện cứu tế dân chúng đang bị tai nạn nhằm cầu siêu cho linh hồn họ, vun bồi phước đức cho chính mình, tạo duyên chiêu cảm con lan cháu quế, hoặc cầu siêu cho cha mẹ, tổ tông, họ hàng, hoặc cầu cửa nhà bình yên. Chỉ cần xuất phát từ lòng thành thì trọn không một ai chẳng được phước báo.

Con người hiện thời phần nhiều mượn chuyện công để lo chuyện tư, vì thế người ta khó tin tưởng được. Nếu luận về tư cách làm người của ông Hoàng Hàm Chi thì có thể nói là trong số các trưởng quan hiện thời không có được đôi ba người như ông ta. Ở Ninh Ba, mỗi năm ông ta thí thuốc hơn hai vạn đồng, huống là thí tặng thiện thư và làm đủ thứ chuyện tốt lành ư? Ông ta làm quan chỉ đem tiền của trong nhà bù đắp cho chuyện công ích, chứ không phải là phường bóc lột dân chúng, gây hại cho nước nhà nhằm vinh thân phì gia. Ông Trương Thụy Tăng là bạn thí tặng thiện thư của ông ta. Thụy Tăng lập một cơ sở cho kẻ bình dân vay tiền tại Dương Châu (không cần trả tiền lời, chỉ cần trả đủ vốn), gửi thư xin Hàm Chi thành lập một cơ sở giống như vậy tại Ninh Ba. Hàm Chi liền thành lập ngay. Nhờ vậy, phàm những người buôn bán nhỏ không có tiền vốn đều không phải lo nghĩ nữa. Chỉ qua một chuyện này đã biết được đại khái. Trong số những người

³⁸ Theo quy chế đời Thanh, một tỉnh được chia thành nhiều phủ. Mỗi phủ sẽ gồm nhiều đạo (gồm nhiều huyện). Chức quan đứng đầu một đạo gọi là Đạo đài hay Đạo doãn. Thời Dân Quốc, Ninh Thiệu (Ninh Ba - Thiệu Hưng) đạo đặt trụ sở của quan Đạo doãn tại Cối Kê, nên đạo Ninh Thiệu còn gọi là đạo Cối Kê.

bản thân các hạ quen biết có rất nhiều nhà giàu có. Như các ông Trương, Hoàng v.v. sanh trưởng trong nhà phú quý, cố nhiên chẳng biết đến nỗi khổ vì bần cùng mà vẫn làm những chuyện cứu tế rộng rãi.

Nếu chịu phát tâm vì khắp mọi đứa con của trời đất mà hành cứu tế, cố nhiên sẽ chẳng có những chuyện gia đình bất hạnh, chôn con, chết cháu, con cháu bại hoại thanh danh gia đình khiến tổ phụ phải ngậm hờn nơi chín suối! Nếu chịu phát tâm, hãy giao trực tiếp cho Đạo doãn Hoàng Hàm Chi ở dinh thự quan Đạo doãn Ninh Ba thu nhận. Cố nhiên Quang trọn chẳng nhúng tay vào, Quang nghèo không tác đất cắm dùi, trong năm trước đã hai lần đem món tiền in Văn Sao là 500 đồng để cứu đói; năm ngoái cũng quyên tặng mấy chỗ 100 đồng. Mùa hạ năm nay lại đem khoản tiền 100 đồng do bạn bè tặng để in Văn Sao gửi cho Đạo doãn Hoàng nhằm cứu trợ tai nạn. Dùng tiền của người khác để giải bày tấm lòng của tôi mà thôi!

637. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ ba)

Nhằm tiết Trung Thu khí trời trong mát, nghĩ vàng trăng tròn vành vạnh trong tâm cư sĩ cũng giống như vàng trăng trên bầu trời, rạng ngời trong trẻo, không cảnh nào chẳng chiếu, vui mừng an ủi lắm. Chuyện hội giáo dục mưu chiếm đoạt chùa miếu ở Giang Tô bị dẹp tan. Trong chuyện này Ngụy Mai Tôn dốc sức xoay xở rất nhiều, nhưng Vương Ấu Nông cũng khá phí tâm lực, nhưng chỗ hay nhất vẫn là nhờ ông Tưởng Trúc Trang chỉ vẽ.

638. Thư trả lời cư sĩ Phương Gia Phạm

Muốn sanh về Tịnh độ, trước hết phải hiểu rõ ràng tông chỉ. Tu trì theo đường lối thông thường thì không pháp nào chẳng lấy khai ngộ làm điều mong mỏi, nhưng chuyện khai ngộ cũng chẳng phải là dễ dàng! Nếu biết tông chỉ của Tịnh độ, quyết chẳng mong đợi khai ngộ. Nếu chẳng chú trọng tín nguyện, dầu khai ngộ cũng khó liễu thoát được. Nếu có thể nhất tâm niệm Phật thì chẳng ngộ vẫn được vãng sanh. Trong thư ông viết “tuy đã sẵn lòng chán nhàm cõi uế, nhưng chưa hiểu tự tánh như thế nào”, tức là ông dốc chí nơi khai ngộ. Khai ngộ mà có tín nguyện thì chính là Thiền Tịnh song tu, là cao thượng nhất; nhưng trong cõi đời rất ít ai thật sự khai ngộ.

Thế nào gọi là thật sự khai ngộ? Đây chính nói về minh tâm kiến tánh, tức là trong tự tâm thấu hiểu triệt để, chứ không phải chỉ biết nói mà thôi. Nếu chỉ biết nói thì chẳng thể gọi là khai ngộ được. Chớ nên hiểu lầm! Thật sự đạt đến địa vị minh tâm kiến tánh, cũng vẫn phải tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Người đời cứ hễ cầu khai ngộ đều chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh, cứ muốn

nương vào cái ngộ ít ỏi, loáng thoáng ấy để liễu sanh tử thì chính là tự làm, làm người. Cố nhiên, chẳng bằng kẻ chất phác niệm Phật sẽ ổn thỏa, thích đáng hơn.

Quang già rồi, chẳng thể nói tường tận với ông được. Nay lại gởi cho ông hai gói sách, ông hãy lắng lòng đọc sẽ có thể biết rõ tông chỉ Tịnh độ. Nếu chẳng thể sanh lòng tin nơi các sách ấy, lại cầu minh tâm kiến tánh, cầu thành Phật trong thân hiện tại, Quang cũng chẳng trách ông. Chỉ sợ ông từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn luân hồi trong lục đạo. Nhưng muốn liễu sanh tử, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền, người thiện trong thế gian. Nếu luân thường khiếm khuyết, tam nghiệp lấm lәм lỗi, muốn khi lâm chung được Phật tiếp dẫn thì do khí phận trái nghịch với Phật, làm sao có cảm để ứng đây? Phạm gặp kẻ hữu duyên, hãy đều nên bảo với họ điều này.

Nay gởi cho ông Tịnh Độ Ngũ Kinh, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Liễu Phàm Tứ Huấn, Ấn Quang Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Lịch Sử Cảm Ứng Thông Kỳ, Quán Âm Tụng, Sức Chung Tân Lương, Niệm Phật Khẩn Từ, Sơ Cơ Tiên Đạo Hợp Biên, mỗi thứ một bộ. Đối với chuyện thọ giới thì hãy nên dựa theo lá thư gởi cho bà Từ Phước Hiền trong Văn Sao để tự thọ giới trước đức Phật. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Phạm, nghĩa là dùng pháp môn Tịnh độ được nói từ trí tuệ của đức Phật để tự hành, dạy người, tạo khuôn phép cho cõi đời. Xin hãy nhìn vào cái tên, nghĩ đến ý nghĩa rồi thực hành thì may mắn lắm thay!

(Ngày 16 tháng 7)

Từ nay về sau, đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y. Dầu thỉnh kinh sách từ Hoàng Hóa Xã cũng đừng thừa dịp thuận tiện gởi thư cho Quang vì không có sức để thù tiếp vậy.

639. Thư trả lời đại sư Viên Chuyết

Nhận được thư khôn ngăn than thở, người đời chỉ biết phỏng theo dấu tích, chẳng xét đến đúng sai, lợi hại, thường là đối với chuyện làm phước lại ngạo ngược tạo thành nghiệp lớn. Đừng nói gì người thế tục, ngay cả tăng nhân đa số cũng giống như thế. Cuốn Tây Phương Công Cú được lưu hành trong cõi đời, phía trước có khắc hình Pháp Hội³⁹, phía sau khắc kinh A-di-đà, chú Vãng Sanh,

³⁹ Tức cảnh Tây Phương Cực Lạc, có hình A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát ngự trên tòa sen ở chính giữa, xung quanh có các vị thượng thiện nhân nghe pháp, cúng dường, tu tập, trong ao báu có ngọc ma-ni tuôn nước báu, những người vãng sanh từ hoa sen báu bước ra, chiêm ngưỡng, lễ kính Phật, chư thiên rải hoa trời cúng dường trên hư không v.v..

cuối cùng khắc chữ phẩm liên đài, trên mỗi đài sen là một đức Phật ngồi, chung quanh khắc những chấm tròn để người ta chấm vào. Hễ chấm kín hết các vòng tròn đó sẽ đem kinh ấy thiêu đi. Một người bạn tôi (tức hòa thượng Chân Đạt) muốn sửa chữa lại để ấn hành rộng rãi. Quang nói: “Người niệm Phật chấm xong ắt sẽ thiêu sách, cả kinh lẫn hình Phật đều bị thiêu theo. Do sách đã bị chấm đen đúa lem luốc thì cũng chẳng thọ trì được nữa.” Do vậy bèn bàn định biện pháp, chẳng khắc kinh, tượng, chỉ vẽ hình chín phẩm đài sen và những chấm tròn xung quanh để người niệm Phật chấm vào hòng nhớ số.

Việc sửa chữa, sắp xếp ấn hành đều do Quang lo liệu, sao lại nói là có chuyện Đại Báo Ân Tháp? Do vậy, tôi liền qua nhà kho tìm kiếm phụ bản của sách ấy, quả thật có chuyện đó! Số trang của phụ bản được đánh số tới 20 thì ngừng, còn trang in hình tháp ấy được đánh số một và hai. Đủ biết là về sau này, do muốn khế hợp lòng ưa thích của người đời, người đứng in bèn thêm vào. Đủ thấy khó lay chuyển được lòng ưa thích của người đời! Vương Đại bán hương Ấn Độ, bốn mặt hộp đựng hương in tổng cộng hình của năm mươi mấy vị Phật. Quang chẳng bằng lòng người ta bán loại hương đó, đã nói rõ lẽ lợi hại với người quản lý tiệm hương ấy, hai lượt gửi thư bảo đảm, mong họ ắt sẽ trả lời, nhưng rốt cuộc họ không trả lời. Chúng ta không có quyền, làm gì được họ?

Kinh Huyết Bồn, kinh Thọ Sanh chính là do những tăng sĩ hèn kém ngụy tạo ra để cầu lợi khiến cho những kẻ chẳng biết Phật pháp tưởng kinh Phật đều toàn do lũ tăng sĩ kém hèn ngụy tạo! Đối với hàng thiện tín vô tri, nếu không phá huyết hồ, không trả nợ thọ sanh sẽ không được. Ngay trong những tông lâm nổi danh nhất nước, cũng không một chùa nào chẳng tán thành làm chuyện ấy, bởi đây là cái nguồn kiếm lợi nhuận, chẳng ai bận tâm chuyện ấy chính là cái gốc họa hủy diệt Phật pháp. Hiện thời chẳng thể gửi sách được!

Một người bạn sao lại lời bàn luận của Quang với Lý Huệ Trừng về chuyện đốt kinh, nay tôi đem bản sao ấy gửi kèm theo thư. Ông Lý dựa theo lời người khác bảo “đốt kinh có công đức”, nên mở đầu thư tôi liền bắt đầu bằng chuyện “có công đức” để nói đến tội lỗi, chớ nên hiểu lầm, tưởng Quang tán thành “đốt kinh có công đức”! Pháp môn bước vào buổi chiều tà, sai ngoa quá nhiều, nếu thường tranh luận với người khác, sợ sẽ đến nỗi bị kẻ khác nhao nhao công kích, đâm ra chẳng có ích gì cho người ta, lại có hại cho pháp, cho mình vậy. Qua mấy chuyện này thì đã đủ biết rồi! Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ,

Bức vẽ này còn được gọi bằng những danh từ như Cực Lạc Thế Giới Biến Tướng Đồ, thế giới Tây Phương Cực Lạc Y Chánh Trang Nghiêm Đồ, Tây Phương Pháp Hội Đồ v.v..

xin đừng gởi thư tới nữa, gởi đến quyết không trả lời. Xin hãy sáng suốt soi xét thì may mắn lắm thay!

(Ngày mồng 2 tháng 10)

640. Thư trả lời cư sĩ Trần Tiếp Hòa

Nghe nói Sĩ Mục sắp sang Vân Nam bởi cảm thấy thiếu sót vì cha già đã 82 tuổi mà chính mình chẳng thể thường hầu hạ dưới gối hồng bào bạn niệm Phật với cha. Quang quyết diệt tung tích trong tháng 9 này, ông và tôi có tình thầy trò, chẳng thể không giải bày cùng ông một phen. Con người sống đến 70 tuổi xưa nay đã hiếm, huống chi ông đã 82 rồi! Nếu đã chứng được bất sanh bất diệt thì cố nhiên chẳng cần tới Quang phải đông dài một phen. Nếu chưa đạt được, cố nhiên phải như chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy để sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, trì A-di-đà Phật vạn đức hồng danh để cầu sanh Tây Phương. Hiện nay, cõi đời đã loạn đến cùng cực, đúng là thời buổi đại loạn phá toang đất trời kể từ thuở có trời đất đến nay. Huống hồ đang lúc già suy, sáng chẳng bảo đảm được tối, há có nên giống như bọn thiếu niên vô tri, cứ chần chừ để ngày tháng trôi qua đến nỗi sống uổng chết phí, tuy gặp Phật pháp mà vẫn không có cách nào hưởng được lợi ích lớn lao ư?

May mắn là Trí Dục, Tịnh Anh v.v. vẫn sốt sắng niệm Phật, hãy nên trong lúc này lập ra một quy ước: Nếu đến lúc lâm chung, chớ nên thay áo, lau rửa sẵn (xin coi lời dạy về lúc lâm chung trong Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ) và khóc lóc đến nỗi nhiễu loạn cái tâm trong lặng của người sắp mất đến mức mất chánh niệm, chẳng khế hợp với Phật, không cách gì được Phật tiếp dẫn, vẫn phải luân hồi trong tam đồ lục đạo y như cũ. Đây gọi là lòng hiếu kiều “đã té giếng còn quăng thêm đá”. Nỗi hại ấy không sao nói xiết! Hãy nên đọc mấy chương dạy về đại sự sanh tử trong Gia Ngôn Lục sẽ tự biết rõ. Nếu trong lúc này chẳng nỗ lực, chỉ mong an nhàn thanh thoi thì ngàn đời vạn kiếp trọn chẳng có ngày nào thoát khổ được đâu. Nếu như tâm lực suy nhược, hãy nên bảo con trai, con dâu, cháu gái v.v. luân phiên trợ niệm. Chuyện này có rất nhiều điều lợi ích:

1. Một là phụ trợ cho chánh niệm của chính mình.
2. Hai là khéo léo gieo thiện căn tới thắng cho bọn họ.
3. Ba là mở mang phong thái nhằm mong mọi người bắt chước làm theo.
4. Bốn là nếu đến lúc lâm chung thân quyến sẽ tự chẳng đến nỗi bày vẽ hay hoảng loạn quá mức, phá hoại chánh niệm của người sắp mất.

Cửa ải lâm chung khẩn yếu cùng cực, dầu cho lúc thường ngày công phu đắc lực, nếu gặp phải cảnh con cháu phá hoại chánh niệm do chẳng biết pháp môn thì sẽ phải ở lại trong thế giới này, chẳng thể vãng sanh. Nếu biết nghĩa này, con cháu trợ niệm Phật hiệu nhằm thành tựu chánh niệm, tuy công phu thường ngày của người sắp mất ấy chẳng thích đáng cho lắm cũng vẫn được vãng sanh. Do vậy đối với người già, Quang đặc biệt chú ý, đừng cho là viên vông, hủ bại thì may mắn lắm thay!

641. Thư gửi cho hai cư sĩ La Khanh Đoan và Trần Sĩ Mục

Hôm trước nhận được thư biết Phật pháp ở quý địa có vẻ phục hưng. Lời duyên khởi do các ông đã soạn chưa thể làm cho người ta cảm ân đức của Phật, Quang soạn riêng một bài khác, lời văn khá rườm rà, sử dụng được hay không tùy các ông. Quang chẳng ép ai! Nếu sử dụng thì hãy nên làm một tấm bảng bằng gỗ, thỉnh người viết chữ đẹp, dùng lối chữ cung kính, mực thước viết trên hai tờ giấy Tuyên rộng tám thước, hoặc dán, hoặc khắc bài duyên khởi ấy trên tám bảng gỗ, chắc sẽ tồn tại lâu dài. Hoặc chia tám bảng đã khắc hay dán bài duyên khởi ấy làm bốn miếng hay sáu miếng (tính luôn cả bài viết “*Trình bày những điều ẩn kín của Văn Trung Công*” chắc sẽ chia thành tám miếng) để ngừa khi thời cuộc không tốt, sẽ đem cất.

Bài viết nêu bày ý nghĩa ẩn kín cuốn sách Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Trung Công⁴⁰ có quan hệ rất lớn, cũng nên theo biện pháp ấy. Bài văn ấy nhằm giải bày trọn hết những điều ẩn tàng của bậc cổ đại nhân thuở trước, chứ không phải chỉ riêng mình Văn Trung Công. Văn Trung Công là người đất Mân (Phước Kiến). Có được bài văn ấy thì những kẻ hẹp hòi, câu nệ sẽ chẳng dám buông lời báng bổ xằng bậy. Ông nói đến chuyện chùa Lâm Dương định chiếu theo chương trình của Linh Nham thì vắn muôn phần sẽ làm không được đâu! Đừng nói người khác đến đây làm không được, ngay cả thầy đương gia Linh Nham là Diệu Chân đến đây cũng làm không được. Các ông thiếu sự từng trải nên chẳng biết nỗi khó khăn, Quang do trải đời năm mươi mấy năm nên mới nói thẳng thừng với các ông.

Đôi câu đối ở niệm Phật đường của đại sư Liên Trì đã soạn vào thời Minh hay tuyệt, trọn chưa từng thấy ai dùng đến. Quang nhiều lượt sao lại bảo người khác treo, do đức của đại sư sẽ cảm được người rất sâu. Các ông bảo Quang viết giùm đôi câu đối ấy là vì chẳng biết Quang một mực không viết được chữ lớn, gần đây mực lực suy đến cùng cực, không dùng kính lão lẫn kính lúp sẽ chẳng thể xem và

⁴⁰ Xin đọc bài này trong phần Những Bài Viết Khác của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 2. Lâm Văn Trung Công chính là Lâm Tắc Từ.

viết được chữ. Tôi vốn muốn gửi thư từ sớm, nhưng do ngày hôm qua mới có giấy đưa đến nên bây giờ mới trả lời. Từ nay về sau không có chuyện gì quan trọng thì đừng gửi thư tới nữa, bởi không có mục lực lẫn tinh thần để phúc đáp. Hoàng Hóa Xã trước kia có ba người, đều do thời cuộc biến động lớn lao đã đi hết rồi, nên cũng phải biến đổi sao cho thật hợp thời nghi, Quang chẳng hỏi tới nữa. Thầy Đức Sâm qua chùa Thái Bình ở Thượng Hải để lo giáo chánh sách, sợ rằng có lẽ chẳng thể xong được trong năm nay. Khi nào thầy ấy trở về, sẽ tùy thầy ấy lo liệu.

Những sách các ông cần sẽ gửi tới. Hiện thời chỉ theo biện pháp căn cứ vào giá vốn, không còn cho thỉnh nữa giá hay biểu không nữa. Lần này gửi biểu, lần sau đều chiếu theo giá vốn để lo liệu. Nay gửi cho các ông Đồng Mông Tu Tri, Quán Âm Từ Lâm Tập hai cuốn, đem tờ thông báo rộng rãi về chuyện sửa độc giết chết trẻ con gửi cho các ông là vì mong các ông hãy nói với hết thầy mọi người về chuyện ấy. Xin hãy sáng suốt soi xét thì may mắn lắm thay!

(Ngày 12 tháng 8)

Chủ Cực Lạc lục bát đại nguyện chi từ tôn, tuyệt hạn lượng thọ mạng quang minh, bất ly đương xứ;

Quá Sa-bà vạn triệu Phật bang chi Tịnh độ, diệu trang nghiêm lâu đài trì chiếu, nguyên thị ngô hương.

(Đại sư Liên Trì đời Minh soạn)

(Đức Từ Tôn chủ cõi Cực Lạc, bốn mươi tám đại nguyện, thọ mạng, quang minh không hạn lượng, chẳng rời nơi đây;

Cõi Tịnh độ vượt khỏi Sa-bà vạn triệu cõi nước Phật, lâu, đài, ao chuôm tuyệt trang nghiêm, đích thị quê mình.)

642. Thư trả lời cư sĩ Trí Mục

Nhận được thư khôn ngăn vui mừng an ủi. Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh, nếu không có ai đề xướng thì thiện căn không cách gì phát hiện được. Như hạt giống gieo xuống đất, chẳng có mưa đúng thời sẽ không cách nào nảy mầm, tăng trưởng được. Cha ông đã có thiện căn từ đời trước, cho nên vừa được thúc đẩy liền chuyển biến, những chấp trước làm lạc trước kia bèn tiêu diệt ngay, ắt có hy vọng được vãng sanh trong tương lai. Nay đặt pháp danh cho cụ là Đức Hòa, bởi Tiếp (變) chính là Hòa⁴¹ vậy. Nếu chẳng biết tự tâm sẵn có minh đức thì chẳng thể trên hòa với hoàng thế đại nguyện của chư Phật hồng quyết chí ức niệm

⁴¹ Cha của ông Trần Sĩ Mục là cư sĩ Trần Tiếp Hòa.

cho đến khi tâm và Phật tương ứng, như nước hòa lẫn vào sữa; mà cũng chẳng thể dưới là phát khởi cho những người cùng hàng tin tưởng sâu xa, nguyện thiết tha rồi nhất tâm trì A-di-đà Phật vạn đức hồng danh để mong thoát khỏi cõi Sa-bà này lên được cõi sen kia ngay trong đời này, như mẹ với con hòa hợp, vĩnh viễn không chống trái.

Nếu có thể lắng lòng đọc Văn Sao, rồi lại xem Tịnh Độ Tam Kinh, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục v.v. thì sẽ tự biết được cương yếu của đạo “tự lợi lợi người”. Lại còn khẩn thiết, chí thành, ra rả nói cùng với gia quyến, xóm giềng, thân thích, bè bạn. Dùng công đức ấy để hồi hướng vãng sanh ắt sẽ cao đăng thượng phẩm. Do đây, cha ông sẽ được lợi ích thật sự bởi thiện căn nhiều đời. Đạo thờ cha mẹ của ông đã đạt được lớn lao, vẫn mong ông khuyên dụ nhiều cách để cụ tăng trưởng tín tâm thì sẽ có lợi ích lớn lao. Xin hãy thấu hiểu rõ ràng thì may mắn lắm thay!

Cháu dâu là Tâm Chi sẵn đủ thiện căn, vừa nghe liền tin, lại muốn quy y, nay đặt pháp danh cho cô ta là Tâm Phúc. Do cái tâm sẵn có cực kỳ thanh tịnh mà cũng cực kỳ thơm tho⁴², chỉ vì đủ mọi vọng niệm nối tiếp nhau dấy lên nên biến thành cảnh tượng ô uế, mất đi bản thể thơm sạch. Cô ta đã phát tâm tu trì lại còn đem tâm hương ấy xông ướp chồng và con cái, khiến cho ai nấy đều trừ được tâm niệm ô uế, khôi phục bản thể thơm sạch. Công đức bậc nhất của nữ giới chính là hiếu thảo với bố mẹ chồng, giúp chồng dạy con. Đã là đệ tử Phật mà chẳng biết hiếu thảo với cha mẹ, giúp chồng dạy con thì chưa tròn hết bổn phận trách nhiệm của chính mình, chắc người khác sẽ do vậy liền chỉ trích những sai trái, chẳng thể nào khiến cho người ta nhìn theo bắt chước làm lành được. Nếu có thể dốc sức trọn hết bổn phận của chính mình, lại còn tu trì tịnh nghiệp thì kẻ thấy người nghe khắp xa gần sẽ đều sanh lòng ngưỡng mộ. Đây chính là “dùng lời lẽ để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy, người khác thuận theo”. Thất phu thất phụ nếu tốt lành thì cũng có thể thay đổi phong tục; nếu chẳng lành cũng sẽ khiến cho phong tục thay đổi!

Giới giáo dục hiện thời chẳng biết tới nghĩa này, cứ hờ ra là khuyên nữ nhân học tập những nghề nghiệp của nam giới, chẳng biết răn nhắc thiên chức giúp chồng dạy con. Cái học ấy là học để gây loạn, chứ không phải là cái học để đạt đến bình trị. Tôi thường nói: “Dạy con là căn bản để trị quốc bình thiên hạ, nhưng dạy con gái lại càng thiết yếu hơn”, ấy là vì con người lúc bé hăng ngày ở cạnh mẹ được mẹ hiền un đúc thì chưa có ai chẳng trở thành hiền nhân. Vì thế tôi

⁴² Phúc (馥) có nghĩa là thơm ngào ngạt, thơm ngát.

thường lái nhải về chuyện này, hãy nên làm cho hàng nữ nhân của thân hữu đều biết thì may mắn lắm thay!

643. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ nhất)

Nhận được thư và bản thảo Phật Học Đại Từ Điển, khôn ngăn vui mừng. Các hạ soạn ra cuốn sách ấy khiến cho những người nghiên cứu Phật học nhập môn dễ dàng, thật giống như người chỉ cho kẻ lạc lối đi đúng đường, công đức ấy làm sao cân lường được? Nhưng cần phải khảo sát tỉ mỉ, xin đừng đem sai ngoa lan truyền sai ngoa.

Những chuyện xa xưa và chuyện xảy ra ở ngoại quốc được thuật dưới từ ngữ “*nhất thiết kinh*” (hết thầy kinh) Quang đều không biết, nhưng những chuyện được tường thuật [trong mục ấy mà Quang được biết thì] phần lớn đều sai lầm, như Minh Thành Tổ ghi là Minh Thế Tổ. Năm Vĩnh Lạc 18 (1420), Minh Thành Tổ cho khắc Đại tạng kinh suốt 21 năm, tới năm Chánh Thống thứ năm (1440) mới hoàn tất. Đây là Minh Bắc tạng (Đại tạng kinh đời Minh, bản khắc in ở phương Bắc) vậy. Nam tạng được khắc vào thời Minh Thái Tổ, nhưng do chưa có lời đề từ và lời bạt nên không thể khảo chứng được năm tháng, nhưng chắc chắn phải là được khắc dưới thời Minh Thành Tổ. Tuy có thuyết nói Minh Thành Tổ đã cho khắc Đại tạng kinh ở cả hai kinh đô (Nam Kinh và Bắc Kinh) và cho khắc trên đá, nhưng thật ra Minh Thành Tổ chỉ khắc bản Bắc tạng. Vì sao biết? Do xét theo quy củ của Nam tạng, số hòm⁴³ và số quyển đều chẳng theo thứ tự [như trong bản Bắc tạng], há lẽ nào cùng do một người khắc kinh mà Nam tạng lại lập riêng một quy củ ư? Hơn nữa, trong Bắc tạng có những bản kinh mà Nam tạng không có, hoặc trong Nam tạng có những bản kinh mà Bắc tạng không có. Đủ biết Bắc Minh tạng được khắc trong niên hiệu Hồng Vũ thời Minh Thái Tổ không còn nghi ngờ gì nữa! Bản khắc trên đá hoàn toàn chưa được thực hiện.

Đối với chuyện ni sư Pháp Trân khắc Đại tạng kinh thì ni sư là người thuộc triều Nguyên, tạng được ni sư khắc thuộc loại Phạn bản⁴⁴. Trong mục từ ngữ nói

⁴³ “Hòm” (có nghĩa là cái tráp, cái rương nhỏ, xin đừng lầm là quan tài) thường được dùng để dịch chữ hàm (hay còn gọi là lang hàm). Lang hàm vốn là một cái hộp nhỏ để đựng cả một bộ sách, vừa giữ cho sách khỏi hư bìa, vừa để những quyển trong một bộ sách bị thất lạc. Khi xưa, sách thường được in thành từng quyển, mỗi quyển độ 40 trang. Đối với những tác phẩm lớn, cứ mỗi 10 quyển lại gộp thành một hàm, cho dễ kiểm nhận, tra cứu, giống như hình thức chia thành tập (volume) hiện thời.

⁴⁴ “Phạn bản” theo nghĩa thông thường có nghĩa là nguyên văn chép bằng tiếng Sankrit (tiếng Bắc Phạn), nhưng từ ngữ này được dùng ở đây để chỉ một lối in kinh. Trong cách in kinh này, mỗi trang gồm 12 dòng, mỗi dòng độ 17 chữ, được chia thành hai nửa trang, có vạch phân cách

về Tạng tạng (Đại tạng kinh Tây Tạng) ở trước đó, từ điển cho biết tạng kinh của Tây Tạng được khắc từ năm Khang Hy 23 (1684) đến năm Ung Chánh thứ 6 (1728), nhưng Thanh tạng (Hán truyền Đại tạng kinh khắc dưới đời Thanh) của nước ta được khởi công vào năm Ung Chánh thứ 13 (1735), hoàn tất vào năm Càn Long thứ 3 (1738) sao lại hoàn toàn chẳng nhắc tới?

Hơn nữa, Thạch Kinh Sơn⁴⁵ ở Tây Kinh là nơi pháp sư Uyển Công đời Tấn khắc kinh trên đá, chứa trong thạch động, vì lo rằng thời mạt pháp kinh Phật diệt hết, mong sẽ có bậc Đại sĩ thừa nguyện mở động ấy in kinh lưu truyền rộng khắp. Từ đời Tấn đến cuối đời Minh, vẫn có người khắc kinh để cất giữ trong động ấy, phía ngoài dùng những song sắt niêm phong cửa động, chỉ có thể đứng bên ngoài nhìn vô chứ không thể vào được. Những bản khắc đá ấy chất đầy kín trong động, có khá nhiều động. Trong Văn Tập của các vị Tử Bách và Hám Sơn đều chép về chuyện này.

Hơn nữa, hai chữ “từ điển” nếu nói tổng quát thì toàn bộ giáo pháp trong cả Đại tạng đều có thể gọi là từ điển. Nếu nói hạn cuộc thì chỉ những sách chuyên giảng rõ về danh tướng mới đáng gọi là từ điển, như Giáo Thừa Pháp Số, Đại

chính giữa, nhưng vẫn chỉ đánh số như một trang (chỉ in một mặt giấy). Do vậy khi xếp lại thành quyển để đóng gáy, hai mặt giấy trắng đầu lưng vào nhau, mỗi một trang giấy của quyển sách đã đóng chỉ là nửa trang giấy ban đầu (tức mỗi trang chỉ gồm 6 dòng; đúng ra phải gọi là cột), cứ mỗi hai mặt của một trang giấy mới gọi là một trang (vì thế lối in này còn gọi là *chiết tử*). Đây là cách in mô phỏng cách chép kinh theo hàng ngang trên lá bối của Ấn Độ nên gọi là Phạn bản. Đôi khi có những bản in như Thực bản được in theo lối quyển tử, tức mỗi trang được in trên một tờ giấy dài, mỗi một tờ như vậy gồm 23 hàng, mỗi hàng 16 hay 17 chữ, bộ kinh in xong được cuộn thành cuộn chứ không xếp giấy đóng thành sách. Về sau này, khi kỹ thuật ấn loát tiến bộ hơn, đã in được cả hai mặt giấy, nếu mỗi trang bị cắt ra như vậy thì bản in ấy vẫn gọi là Phạn bản.

⁴⁵ Thạch Kinh Sơn có tên cũ là Bạch Đới Sơn, hay Vân Cư Sơn, thuộc huyện Phòng Sơn, tỉnh Hà Bắc. Do sư Tịnh Uyển (Minh Báo Ký ghi là Trí Uyển) khởi xướng khắc kinh trên đá cất giữ trong động mà núi được gọi là Thạch Kinh Sơn. Do thế núi ngoằn ngoèo kỳ vĩ nên núi còn có tên nữa là Tiêu Tây Thiên. Trong lá thư trên đây, sư Trí Uyển được ghi là sống vào đời Tấn có lẽ là do người sao lục chép nhầm. Theo từ điển Phật Quang Sơn, trong niên hiệu Đại Nghiệp (605-616) nhà Tùy, do các vua thuộc triều đại Bắc Chu, Bắc Tề nối tiếp nhau phế Phật, trục xuất sa-môn, đốt phá nhà chùa, sư Tịnh Uyển chùa Trí Tuyên ở U Châu liền phát nguyện tạo khắc Đại tạng kinh trên đá để kinh điển khỏi bị diệt mất. Được sự hỗ trợ của vợ vua Tùy Dạng Đế, sư đã liên tục khắc kinh cho đến khi viên tịch vào năm Trinh Quán 13 (639) đời Đường. Tiếp nối chí nguyện của sư có các vị Huyền Đạo, Nghi Công, Huệ Tiêm, Huyền Pháp, Khả Nguyên, Hưng Tông, Triệu Tuân Nhân, Đạo Tông, Tông Lý v.v.. Toàn bộ Đại tạng kinh được khắc xong vào năm Đại An thứ mười (1094) nhà Liêu. Hậu nhân vẫn tiếp tục khắc thêm những bản kinh hoặc trước tác, ngữ lục, chú giải cho mãi đến năm Khang Hy 30 (1691) mới thật sự ngưng khắc.

Minh Tam Tạng Pháp Số⁴⁶ chẳng hạn. Còn như những ngữ lục trong nhà Thiền chính là những cơ phong chuyển ngữ chuyên xiển dương pháp hướng thượng, còn chưa thể gọi là giáo, há nên gọi là từ điển? Các vị đại thiền sư kể từ sau thời ngài Mã Tổ trở đi đều có ngữ lục, ngài Vân Môn còn về sau nữa, sao đối với ngữ lục của những vị trước đây chẳng gọi là từ điển, lại gọi riêng ngữ lục của Vân Môn là từ điển?

Hơn nữa, ngài Vân Môn thuyết pháp như mây trôi mưa dội, trọn chẳng thích người khác ghi chép lại. Vì thế Hương Lâm Viễn, Song Tuyền Khoan mỗi vị đều lấy giấy làm áo để lên ghi chép lại, [những ghi chép của hai vị ấy được tập hợp thành] ngữ lục của ngài Vân Môn được lưu truyền hiện thời vậy! Các hạ không trình bày thật rõ ràng thì chắc rằng kẻ không biết sẽ tưởng ngài Vân Môn tự mình lên ghi, hóa ra là chính ngài tự ngăn cấm rồi lại làm.

Tổ Đình Sự Uyển⁴⁷ là sách ghi chép những ngôn hạnh trong nhà Thiền, cũng như những sách Lâm Gian Lục, Tông Môn Vũ Khố⁴⁸ cũng chẳng nên gọi là “từ điển” trong bản sửa chữa lần thứ hai. Bởi lẽ những sách ấy ghi chép những câu nói và những câu chuyện trực chỉ nhân tâm. Trong lời tựa cho thiên thứ hai, có lẽ nên đổi chữ *tông* thành chữ *giáo*! Như Lai thuyết kinh, chư tổ hoằng truyền, lưu

⁴⁶ Giáo Thừa Pháp Số do Viên Tịnh biên tập vào đời Minh. Do thấy các sách Đại Thừa Pháp Số, Hiền Thủ Pháp Số còn thiếu sót nhiều nên ngài Viên Tịnh đã dựa trên quan điểm của tông Thiên Thai thu thập tất cả những pháp số (những thuật ngữ trong Phật giáo như tam quy, nhất thừa, ngũ giáo, lục độ v.v.) trong các kinh điển Phật giáo và trước tác của bách gia chư tử biên soạn thành sách này. Sách bắt đầu bằng từ ngữ “nhất tâm” và kết thúc bằng “bát vạn tứ thiên pháp môn”. Trong ấy, cũng giải thích những danh số của các ngoại điển (những kinh sách không thuộc Phật giáo).

Đại Minh Tam Tạng Pháp Số do sư Nhất Như biên soạn, thường được gọi tắt là Đại Minh Pháp Số, hoặc Tam Tạng Pháp Số, nội dung gồm những pháp số xuất phát từ Tam tạng kinh điển, cũng khởi đầu bằng từ ngữ “nhất tâm” và kết thúc bằng “bát vạn tứ thiên pháp môn”, tổng cộng 1.555 từ ngữ, ghi rõ xuất xứ từ kinh luận trước thuật nào, đồng thời cũng dẫn giải những cách giải thích khác nhau của các tông.

⁴⁷ Tổ Đình Sự Uyển gồm 8 quyển, do Mục Am Thiện Khanh soạn vào đời Tống, ghi lại ngữ lục, hành trạng tóm tắt của các vị thiền sư nổi tiếng thời ấy như Vân Môn Văn Yển, Tuyết Đậu Trọng Hiền... Đồng thời sách còn giảng giải những từ ngữ khó nên trong thuở trước, sách này thường được coi như một cuốn tự điển trong nhà Thiền.

⁴⁸ Lâm Gian Lục do ngài Giác Phạm Huệ Hồng (1071-1128) soạn vào đời Tống. Sách có tên gọi đầy đủ là Thạch Môn Hồng Giác Phạm Lâm Gian Lục. Đây chính là ngữ lục của ngài Giác Phạm, ghi chép những lời bàn luận, tán dương hạnh đẹp của các vị tôn túc, cũng như những di huấn trong thiền lâm, những ý chỉ của chư Phật, Bồ-tát v.v..

Tông Môn Vũ Khố do Đạo Khiêm soạn vào đời Tống, có tên gọi đầy đủ là Đại Huệ Phổ Giác Thiền Sư Tông Môn Vũ Khố. Sách này là phụ lục của cuốn Đại Huệ Phổ Giác Thiền Sư Ngữ Lục, tập hợp lời ngài Đại Huệ Tông Cảo luận về nhân duyên, hành trạng, giáo huấn, cơ phong chuyển ngữ nhằm tùy cơ tiếp độ người học của các cổ đức trong nhà Thiền, kèm thêm những lời bình chú của Đạo Khiêm.

truyền khắp trong ngoài nước, những danh tướng, pháp số trong ấy nếu không đọc nhuyễn như toàn bộ tạng kinh sẽ chẳng dễ gì biết được. Do vậy cổ đức bèn soạn ra các sách Giáo Thừa Pháp Số, Đại Minh Tam Tạng Pháp Số. Đây chính là cội nguồn của những sách này vậy.

Quang mục lực quá suy, lại thêm tinh thần chẳng đủ. Thoạt đầu vừa mới về đến núi thì do bị trúng gió trong khi ngồi thuyền, cả mười mấy ngày chẳng được khỏe khoắn; sau đấy tuy đã khỏi bệnh nhưng hằng ngày lại phải trả lời thư hoặc giáo duyệt sách, gần như không rảnh rỗi chút nào. Đối với bộ Lục Tổ Đàn Kinh, chỉ xem ba tấm bìa của Vương, Liễu, Lưu, những phần khác chưa xem. Các hạ chỉ mong lợi người, muốn dùng một bộ sách để chú thích trọn khắp các kinh thì hãy nên dốc sức khảo sát nghiên cứu hai ba năm, ngõ hầu người đọc đoạn sách mới mỗi nghi thì công đức lớn lắm. Nếu chỉ muốn ra sách cho nhanh, chắc chắn khó thể không sai lầm! Đối với bậc thông gia thì không trở ngại gì, nhưng kẻ sơ cơ chắc sẽ không biết nguyên do. Quang tức nghiệp sâu nặng, chẳng thể dốc chút sức mọn cho các hạ được, nhưng trọn một niềm ngu thành. Chỉ vì sợ lỡ ra người trong cả cõi đời chẳng được hưởng lợi ích cho nên mới ăn nói phiền phức, lộn vụn như thế.

644. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được thư và cuốn Phật Học Cơ Sở, khôn ngăn vui mừng, biết các hạ chỉ mong cho ai nấy đều xây lâu cao vạn tượng mau được thành công, vĩnh viễn không bị nghiêng đổ. “Sanh tạng” chính là bộ vị nơi thức ăn chưa được tiêu hóa⁴⁹, còn “thực tạng” là bộ vị nơi thức ăn đã tiêu hóa. Do vậy, con nằm trong bụng mẹ sẽ ở phía dưới sanh tạng, phía trên thực tạng⁵⁰. Các hạ thông hiểu y học sâu xa, những hình vẽ giải phẫu bụng v.v. đều thuộc nằm lòng, ắt sẽ biết rõ từng bộ vị, còn Quang chỉ biết danh nghĩa mà thôi. Tác phẩm Phật Học Cơ Sở của các hạ xếp đặt khá xác đáng, nhưng đem những lời lẽ hủ bại của Quang xếp vào thể loại quỳnh lâm⁵¹ (rừng quỳnh) thì thể loại, khí phạm chẳng xứng, cảm thấy xấu

⁴⁹ Sanh tạng là nơi thức ăn mới được nghiền nát, chưa được tách ra thành các đường chất dưới tác dụng của các enzymes tiêu hóa. Như vậy sanh tạng bao gồm thực quản, dạ dày. Thực tạng gồm ruột non, ruột già.

⁵⁰ Đây là lời thắc mắc của ông Đinh Phước Bảo về một câu trong kinh Phật Thuyết Phụ Mẫu Ân Trọng Nan Báo (ta thường gọi là kinh Báo Ân Phụ Mẫu), “con nằm trong bụng mẹ, ở phía dưới sanh tạng, phía trên thực tạng”.

⁵¹ Quỳnh lâm: Vốn gọi đủ là “quỳnh lâm ngọc thụ” (rừng quỳnh cây ngọc). Quỳnh (瓊) là một loại ngọc quý và đẹp. Do vậy, “quỳnh lâm ngọc thụ” thường dùng để chỉ chung những gì thanh cao, đẹp đẽ, nhất là những lời nói tuyệt diệu. Từ ngữ này vốn trích từ một câu nói trong tác phẩm Hoắc Tiểu Ngọc Truyện của Tường Phòng đời Đường: “Đản giác nhất thất chi trung, nhược quỳnh lâm ngọc thụ, hỗ tương chiếu diệu, chuyển phán tinh thái xạ nhân” (Chỉ nhận

hổ khôn ngăn! Lời tựa của hòa thượng Thiền rất hay, đủ để khơi gợi lòng tin tưởng, kính ngưỡng của người khác rồi, cần tới lời bình hủ bại của Quang làm chi nữa?

645. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ ba)

Hôm qua nhận được một bộ Phật Học Tiểu Từ Điển do ông ban tặng, đọc rồi khôn ngăn cảm kích (chẳng qua là lật xem qua mà thôi, chứ ngay cả một trang cũng không xem trọn). Cư sĩ Tôn Kế Chi phát đại tâm hướng dẫn làm lợi kẻ sơ cơ như thế ấy công đức vô lượng, nhưng cỡ chữ quá nhỏ, đọc lâu ắt sẽ hư mắt. Đối với người nghiên cứu Phật học đã lâu thì xem sách này hay không đều được. Tôi trộm sợ người chỉ có tín tâm, chưa từng nhập môn, trông thấy sách này sẽ dựa vào đấy như ngôi thành quan trọng, như hòn Thái Sơn, sẽ dẫn đến tình thế “nếu mắt chẳng bị tổn thương thì chẳng chịu tạm buông sách ra”. Các hạ và ông Tôn đều cùng sẵn lòng lợi người nhưng do đấy làm hỏng con mắt của người khác thì tuy kết pháp duyên mà cũng gây nên cái họa mắt bị tật trong đời vị lai.

Ấn Quang sanh ra liền bị bệnh mắt, nay tiếc cho con mắt của người khác còn hơn chính mình, thường thấy những thiếu niên thông minh, mẫn tiệp đa số đều cận thị, hỏi tới thì họ nói do đọc sách chữ nhỏ mà ra. Trộm nghĩ những kẻ buôn bán tại các tiệm sách chỉ thích những sách hiếm lạ, phô phang chuyện dị thường để được lời to, chẳng cần biết sẽ có lợi hay gây hại cho người khác! Tôi lòng mờ lý, tận lực tìm cầu phương cách để thu lợi, hạng người ấy nào đáng để nói tới, chỉ đành mặc kệ họ làm gì thì làm! Quả thật Quang chẳng dám nghĩ các hạ và ông Tôn đã phát tâm đại Bồ-tát mà cũng bắt chước phương thức của bọn chúng! Hơn nữa, là bạn tâm giao với nhau đã lâu, vì thế chẳng thể không giải bày tấm lòng ngu thành để mong sao nhục nhãn lẫn pháp nhãn của hết thảy những người cùng hàng đều cùng sáng ngời, các hạ và ông Tôn sẽ đạt được quả báo ngũ nhãn viên minh, vĩnh viễn dứt được nỗi lo âu mắt quáng. Nếu tái bản sách này, hãy nên sửa đổi phương thức trình bày.

Bộ Phật Học Đại Từ Điển muôn vàn đừng dùng kiểu chữ làm hỏng con mắt này thì Ấn Quang được đội ơn nhiều lắm. Trong phương thức trình bày sách Giản Ma Biện Dị Lục giữa Nam Kinh và Dương Châu thì những chữ được in lớn hay nhỏ đều giống như nhau, nhưng trong ấy có những đoạn in hàng đôi, người già đọc sẽ cảm thấy tốn sức, Ấn Quang đều sửa thành hàng đơn để mong người đọc được lợi ích, không bị tổn hại.

thấy trong căn phòng khác nào rừng quỳnh cây ngọc, chiếu ngời lẫn nhau, đưa mắt nhìn thấy màu sắc tinh xảo lóa mắt).

Trong mùa xuân, các hạ đã ban tặng cuốn Phật Học Chỉ Nam, sai Quang chăm chú, sửa chữa. Quang gắng vâng theo nhã ý, nhưng giữ đã lâu vẫn chưa duyệt cặn kẽ được. Ấy là vì cư sĩ Từ Ủy Như có một người bạn sao được bản Thập Nhất Diện Thần Chú Kinh Số⁵² từ Đại tạng kinh Nhật Bản, do bản này được lưu truyền đã lâu, có nhiều chỗ sai ngoa. Vì năm ngoái ông ta đã dựa theo Đại tạng kinh Nhật Bản để khắc cuốn Tùy Tự Ý Tam-muội, đem gởi cho Quang. Quang đọc cặn kẽ, tâm cảm thấy không yên, liền làm càn sửa chữa rồi gởi đi. Ông ta hết sức tán thành, tính khắc in lại ngay; lại bảo Quang viết lời tựa trình bày rõ nguyên do. Chắc các hạ đã để mắt xanh đọc lời tựa ấy trên tờ Thời Sự Tân Báo rồi. Do bởi lẽ ấy, lại phải sửa chữa bản Thập Nhất Diện Số theo lời yêu cầu của ông Từ. Chữ của bản sao ấy quá nhỏ, Quang chỉ đọc mười mấy tờ, chưa viết lách gì mà mắt đã bị tổn thương nặng nề! Suốt hai mươi mấy ngày chẳng dám dùng đến mắt chút nào. Đến nay, Phật Học Chỉ Nam lẫn Thập Nhất Diện Số đều chưa ngó tới, sợ các hạ phải đợi lâu chắc sẽ trách móc, nên trần thuật nguyên do. Gần đây, ngoài chuyện phải thù tiếp chuyện của người khác ra, còn có hơn 700 trang sách chưa duyệt. Vì thế chẳng thể nhanh chóng đáp ứng lòng mong đợi cao nhã. Thợ khắc chữ ở Dương Châu cứ kéo dài dây dưa, trong tháng 4 này tôi lại phải qua đó lo liệu. Nay tôi tính ra đi vào đầu tháng 7, chứ đi sớm sẽ vô ích.

646. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tư)

Vừa nhận được thư, biết các hạ tuy học rộng lại chẳng thẹn hỏi xuống⁵³. Quang thật sự là kẻ vô tri vô thức, chẳng ngại dâng lên những điều mình hay biết. Dựa theo cuốn Đại Minh Trùng Khắc Phương Sách Đại Tạng Duyên Khởi (Duyên Khởi Khắc Lại Đại tạng kinh của nhà Đại Minh theo lối in phương sách), trong lời tựa của Lục Quang Tổ⁵⁴ nơi thiên thứ nhất có đoạn: “Xưa kia có người nữ tên là Thôi Pháp Trân chặt tay để quyên mộ khắc Đại tạng kinh, 30 năm mới hoàn

⁵² Tức bản Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm Kinh Nghĩa Số, không rõ ai là tác giả, được đánh số 1802 trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Đây là bản số giải bộ Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú Tâm Kinh (Mukhadaśaikaṣaṣṭya-mantra-hṛdaya) do ngài Da-xá-quật-đa dịch dưới thời Bắc Chu.

⁵³ Nguyên văn “hạ vấn”, đây là cách nói khiêm hư, ngụ ý tỏ chẳng có học vấn gì, không hiểu biết gì mà ông Đinh Phước Bảo vẫn hạ mình hỏi ý kiến.

⁵⁴ Lục Quang Tổ (1521-1597), tự Dữ Thăng, hiệu Ngũ Đài Cư Sĩ, người Bình Hồ, tỉnh Chiết Giang, đỗ tiến sĩ năm Gia Tĩnh 26 (1547), làm quan tới chức Lại bộ thượng thư. Ông tánh tình trung trực, cứng cỏi, nên va chạm rất nhiều với những gã xu nịnh trong triều, thường phải xin về nghỉ nhiều lần. Trong thời gian xin về nghỉ, ông chuyên tâm nghiên cứu Phật học, phát nguyện hoằng pháp, chẳng màng tiếng khen chê. Ông từng phát tâm quyên mộ khắc in bộ Ngũ Đăng Hội Nguyên, trùng tu tháp chùa Dục Vương, cũng như xướng suất khắc Đại tạng kinh theo kiểu rút nhỏ. Về già, ông chơi rất thân với đại sư Từ Bách, tu tập niệm Phật tam-muội. Đến lúc mất, tay kết ấn, chú tâm niệm Phật, an nhiên vãng sanh.

thành. Đương thời có đàn-việt hy sinh hết tài sản, đem con đi gán nợ để lấy tiền cung ứng. Thánh triều hoàng đạo pháp rộng lớn, hơn hẳn những triều đại trước rất xa, há chẳng có bậc hào kiệt có lòng cao trỗi hơn Pháp Trân ư? Đã không đề xướng cho việc khắc kinh được thành tựu mà khi được khuyên dụ lại viện cớ khó khăn, như vậy thì chí của kẻ trượng phu chẳng bằng được một người nữ!”

Nơi thiên thứ hai, trong lời tựa của Phùng Mộng Trinh⁵⁵ có đoạn: “Trong thời Tống - Nguyên, trừ bản được khắc ở kinh đô ra, như bản Đại tạng kinh được khắc bởi chùa Tích Sa ở Bình Giang, một ngôi chùa nọ ở Ngô Hưng hoặc ngôi chùa kia ở đất Việt đều có tàng bản, không ít hơn bảy tám bản Đại tạng kinh khác nhau. Đây là một đầu mối khiến cho pháp đạo thịnh hành. Đến quốc triều chỉ có hai bản Đại tạng được khắc ở kinh đô.”

Lại còn viết: “Do vậy, ghi chép duyên khởi của bản Tích Sa Tạng⁵⁶: Ni sư Hoàng Đạo chặt tay để quyên hóa. Hoàng Đạo khuyến hóa xong, đồ đệ của ni sư lại nói chí chặt tay, phải qua ba đời mới mãn nguyện ấy. Bọn ta là trượng phu, chẳng thể dùng thâm tâm gánh vác đại pháp, khắc bản lưu thông, đâm ra chẳng bằng một nữ nhân! Nay sanh đúng cõi đời Phật pháp được thanh lặng, vào núi báu lại về tay không, há chẳng thẹn đến chết ư?”

“Người nữ tên Thôi Pháp Trân” như ông Lục đã viết chính là “vị ni sư tên Hoàng Đạo ở chùa Tích Sa” trong bài viết của ông Phùng. Hai cái tên Pháp Trân và Hoàng Đạo thì một là nêu pháp tự, hai là nêu pháp hiệu, chứ không phải là hai người. Nói “nữ nhân” để tăng khí thế cho câu văn ở phía sau: “Chí của kẻ trượng phu chẳng bằng được một người nữ!” Ghi “Thôi Pháp Trân” là theo cách viết tên trên độ điệp⁵⁷ thời cổ, đều ghi họ ngoài đời trước pháp danh. Vì thế mới có kiểu

⁵⁵ Phùng Mộng Trinh (1548-1595), tự Khai Chi, quê ở Tú Thủy (Gia Hưng, Chiết Giang), là một danh sĩ đời Minh, hiếu học, thông thạo rộng rãi kinh sử, trước tác rất nhiều. Ông đỗ tiến sĩ năm Vạn Lịch thứ năm (1577), giữ chức Hàn lâm biên tu. Về già, ông lập biệt thự tại Tây Hồ, đặt tên là Tây Hồ Thảo Đường, thường thích đọc kinh Phật, ngao du thăm viếng những chùa miếu quanh vùng Tây Hồ. Những trước tác nổi tiếng nhất của ông như Khoái Tuyết Đường Tập, Khoái Tuyết Đường Mạn Lục, Lịch Đại Công Cử Chí đều được đưa vào Tứ Khố Tổng Mục thời Minh.

⁵⁶ Tích Sa Tạng là bản Đại tạng kinh được khắc từ năm Thiệu Định thứ hai (1229) đời vua Tống Lý Tông nhà Nam Tống cho đến năm Chí Trị thứ hai (1322) đời vua Nguyên Anh Tông, tổng cộng gồm 592 hòm, tức 6.362 quyển, gồm tất cả 1.532 bộ kinh. Do kinh được khắc in ở chùa Tích Sa Diên Thánh Viện thuộc Trần Châu, phủ Bình Giang (nay là Ngô Huyện tỉnh Giang Tô) nên bản in này được gọi là Tích Sa Tạng.

⁵⁷ Độ Điệp (度牒): Giấy chứng minh một vị tăng đã thật sự thọ giới cụ túc (đắc độ) trong một giới đàn được triều đình công nhận, tuân thủ đúng theo quy chế thọ giới của nhà Phật. Độ điệp thường do triều đình cấp. Quy chế này được lập ra từ thời Bắc Ngụy. Đến đời Đường, vào năm Khai Nguyên 17 (729) triều đình hạ lệnh tăng ni trong toàn quốc cứ mỗi ba năm phải đăng ký vào sổ bộ. Đến năm Thiên Bảo thứ sáu (747), nhà Đường lập riêng chức quan *Công đức sứ*

gọi pháp danh kèm theo họ ngoài đời, như Mã đại sư, Vương lão sư, Trầm Liên Trì v.v., chứ chẳng phải Thôi Pháp Trân là một nữ nhân tại gia, không phải là ni sư.

Câu tiếp theo là: “Thánh triều hoàng dương đạo pháp rộng lớn, hơn hẳn những triều đại trước rất xa.” Lại dựa theo lời tựa của ông Phùng thì biết ni sư không phải là người đời Minh. Vì sao biết ni sư không phải là người đời Tống mà là người đời Nguyên? Do căn cứ trên phương pháp khắc ván. Bắt đầu từ thời Ngũ Đại, Phùng Đạo⁵⁸ cho khắc ván chín bộ kinh Nho giáo phải mất mấy chục năm mới khắc xong. Đến đời Tống tuy đã tinh xảo, nhanh chóng hơn, nhưng dựa trên sự kiện sách Long Thư Tịnh Độ Văn chỉ gồm hơn một trăm trang, lúc ấy đang nhằm thời Nam Tống mà vẫn phải khắc mất mấy tháng. “Do một người nữ đứng ra đề xướng, ba mươi năm mới khắc xong toàn bộ Đại Tạng” thì rõ ràng là dưới triều Nguyên chứ không còn nghi ngờ gì nữa!

trực thuộc Thượng thư tỉnh để trông coi việc cấp chứng minh thư cho tăng nhân. Đến năm Đại Trung thứ 10 (856), độ điệp được gọi là giới điệp và theo những quy định rất ngặt nghèo. Tăng nhân không có giới điệp sẽ không được triều đình thừa nhận, có thể bị bỏ tù bất cứ lúc nào. Dưới đời Minh để được cấp độ điệp, tăng nhân phải thi đậu kỳ khảo hạch về kinh điển mới được phép xin thọ giới cụ túc. Mỗi một lần truyền giới phải được triều đình chấp thuận. Ai tự tiện mở giới đàn không xin phép triều đình, cho dù là quốc sư, cũng sẽ bị phạt vạ rất nặng.

⁵⁸ Phùng Đạo (882-954), tự Khả Đạo, hiệu Trường Lạc Lão, người huyện Cảnh Thành, Doanh Châu (nay là huyện Giao Hà, tỉnh Hà Bắc), làm Tể tướng trải suốt năm triều đại, tám dòng họ, phục vụ mười ba vị vua, thường bị các sử gia coi là một gã hoạt đầu chính trị bậc nhất trong lịch sử Trung Hoa. Trong bộ Tư Trị Thông Giám, Tư Mã Quang đã miệt thị Phùng Đạo là “gian thần bậc nhất”; còn Âu Dương Tu thì phê phán nặng hơn: “Chẳng biết liêm sỉ là vật gì!” Thoạt đầu, ông ta vốn là thủ hạ của Lý Tồn Úc. Khi Lý Tồn Úc diệt Hậu Lương, lập ra nhà Hậu Đường (năm 923), liền cho Phùng Đạo giữ chức Hộ bộ thị lang, rồi thăng lên làm Tể tướng dưới đời vua Hậu Đường Minh Tông (Lý Tự Nguyên). Tuy là Tể tướng, nhưng tới khi Lý Tùng Kha (con nuôi của Mẫn Đế) dấy loạn đoạt ngôi vua của Đường Mẫn Đế (Lý Tùng Hậu), trở thành Đường Mạt Đế (Xuất Đế), Mẫn Đế phải chạy sang nương tựa Thạch Kính Đường, ông ta không theo vua hộ giá, mà lại thống lĩnh bá quan tiếp rước tân hoàng đế. Tới khi Thạch Kính Đường diệt nhà Hậu Đường, lập ra nhà Hậu Tấn (năm 936), với tài luân lợt, Phùng Đạo lại trở thành Tể tướng của nhà Hậu Tấn. Tới năm 946, quân Khiết Đan dưới sự thống lĩnh của Gia Luật Đức Quang của nhà Liêu kéo quân xuống phía Nam, sát nhập lãnh thổ Hậu Tấn vào Đại Liêu, Đức Quang vẫn cho Phùng Đạo giữ chức Thái phó. Không lâu sau, bộ hạ cũ của Thạch Kính Đường là Lưu Trí Viễn chiếm lại lãnh thổ nhà Hậu Tấn, đuổi quân Liêu về Bắc, lập ra nhà Hậu Hán (năm 947). Nhờ khéo luân lợt, Phùng Đạo lại được Lưu Trí Viễn phong làm Thái sư. Bốn năm sau, bộ hạ của Lưu Trí Viễn là Quách Oai soán ngôi, lập ra nhà Hậu Chu, Phùng Đạo vẫn được Quách Oai cho giữ chức Thái sư Trung thư lệnh cho đến khi mất. Trong suốt thời gian làm Tể tướng, Phùng Đạo chỉ đóng góp được mỗi một việc có ý nghĩa cho cõi đời là ra lệnh khắc ván quy mô chín bản kinh điển trọng yếu của Nho gia dưới sự bảo trợ của triều đình.

Vì sao biết kinh được khắc thuộc dạng Phạn bản?⁵⁹ Trong lời tựa thứ năm của đại sư Mật Tạng có ghi: “Thái Tổ đã khắc toàn bộ Đại tạng tại Kim Lăng (Nam Kinh), Thái Tông lại cho khắc bản đích xác hơn ở Bắc Bình (Bắc Kinh). Ấy chính là ý nguyện hoàng pháp của thánh nhân chỉ mong kinh điển nhà Phật được phổ biến. Vì thế, Đại tạng được khắc để lưu hành trong cõi đời, chẳng ngại phải khắc đi khắc lại. Về sau, chùa Chiêu Khánh ở Vũ Lâm thuộc Chiết Giang vâng theo đức ý⁶⁰ liền cho tạo phương sách⁶¹, nhưng năm tháng đã lâu, bản khắc bị thất lạc.” Đây chính là khởi nguồn của việc in kinh Phật theo lối phương sách vậy. Xưa kia, hễ là sách Phật thì đều dùng lối in Phạn bản. Ở kinh đô, Quang từng được thấy bản lưu thông của các sách Lăng-nghiêm Hội Giải⁶², Hoa Nghiêm Sớ Sao⁶³ đều

⁵⁹ Phạn bản theo nghĩa thông thường có nghĩa là nguyên văn chép bằng tiếng Sankrit (tiếng Bắc Phạn), nhưng từ ngữ này được dùng ở đây để chỉ một lối in kinh. Trong cách in kinh này, mỗi trang gồm 12 dòng, mỗi dòng độ 17 chữ, được chia thành hai nửa trang, có vạch phân cách chính giữa, nhưng vẫn chỉ đánh số như một trang (chỉ in một mặt giấy). Do vậy khi xếp lại thành quyển để đóng gáy, hai mặt giấy trắng đầu lưng vào nhau, mỗi một trang giấy của quyển sách đã đóng chỉ là nửa trang giấy ban đầu (tức mỗi trang chỉ gồm sáu dòng; đứng ra phải gọi là cột), cứ mỗi hai mặt của một trang giấy đã xếp ấy mới gọi là một trang (vì thế lối in này còn gọi là chiết tử). Đây là cách in mô phỏng lối chép kinh theo hàng ngang trên lá bói của Ấn Độ nên gọi là Phạn bản. Đôi khi có những bản in như *Thực bản* lại được in theo lối quyển tử, tức mỗi trang được in trên một tờ giấy dài, mỗi một tờ như vậy gồm 23 hàng, mỗi hàng 16 hay 17 chữ, một bộ kinh in xong được cuộn thành cuộn chứ không xếp giấy đóng thành sách. Về sau này, tuy kỹ thuật ấn loát tiến bộ hơn, đã in được cả hai mặt giấy, nhưng nếu mỗi trang bị cắt ra như vậy thì bản in ấy vẫn gọi là Phạn bản.

Còn phương sách chính là lối in sách theo truyền thống Trung Hoa, mỗi mặt giấy được tính là một trang gồm năm hay sáu dòng, mỗi dòng là 16 chữ, sách luôn được xếp giấy đóng gáy như mọi sách vở trong cõi đời.

⁶⁰ Đức ý (德意): Ý nguyện cao đẹp hoàng pháp lợi người.

⁶¹ Tức trình bày kinh Phật theo lối phương sách như đã nói trong chú thích trên đây.

⁶² Lăng-nghiêm Hội Giải (gọi tên đầy đủ là Lăng-nghiêm Kinh Viên Thông Hội Giải Sớ) do thiền sư Duy Tắc soạn vào đời Nguyên, chọn lọc tất cả những chú giải kinh Lăng-nghiêm của các vị cổ đức từ thời Đường, Tống, Nguyên, thêm phần bình chú của chính mình mà soạn thành. Thiền sư Duy Tắc (?-1354) thuộc tông Lâm Tế, quê ở Cát An (tỉnh Giang Tây), hiệu Thiên Như, lúc bé xuống tóc ở Hòa Sơn, sau sang núi Thiên Mục nhập chúng, đắc pháp với thiền sư Trung Phong Minh Bồn, được ngài Trung Phong chọn làm pháp tử. Sư chấn hưng Tông phong, hoàng dương pháp Thiền mạnh mẽ, nhưng lại chuyên tu tịnh nghiệp, soạn sách *Tịnh Độ Hoặc Vấn đề phá trừ các nghi hoặc về Tịnh độ*. Sư được Nguyên Thuận Đế ban mỹ hiệu “Phật Tâm Phổ Tế Văn Huệ Đại Biện Thiền Sư”, tặng y kim lan. Ngoài hai bộ sách nói trên, sư còn có những tác phẩm nổi tiếng khác như *Ngũ Lục*, *Thập Phương Giới Đồ Thuyết* v.v..

⁶³ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao (80 quyển): Thoạt đầu, ngài Thanh Lương Trừng Quán soạn Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sớ từ năm Hưng Nguyên nguyên niên (784) đến năm Trinh Nguyên thứ ba (787) gồm 60 quyển nhằm giảng giải kinh Hoa Nghiêm. Sau đấy, các đệ tử của ngài như Tăng Duệ v.v. hơn một trăm người soạn Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao (gọi tắt là *Diễn Nghĩa Sao*, gồm 90 quyển) nhằm giải thích bộ sớ này. Đến đời Tống, Tịnh Nguyên mới phối hợp chánh kinh với lời sớ, tạo thành bộ Hoa Nghiêm Sớ Chú gồm 120 quyển. Sau đấy, người ta mới ghép Sớ và Sao chung thành một bộ, lược bớt những ý kiến trùng lặp trong phần Sao, tạo thành bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao gồm 80 quyển.

được in theo lối Phạn bản. Chẳng phải chỉ có thế mà thôi, ngay như cuốn Quảng Nguyên Giáo Luận do Trầm Sĩ Vinh soạn được in theo lối Phạn bản. Đủ biết sách nhà Phật thời cổ đều nhất loạt được in theo kiểu Phạn bản. Từ khi lối in phương sách được lưu hành trở đi, do muốn thuận tiện, bất luận kinh, luật, luận, hay trước thuật, đều dùng kiểu phương sách. Chẳng biết các hạ có cuốn Duyên Khởi Khắc In Đại Tạng Kinh này hay không? Mùa thu năm nay tôi đã nhờ người viết chữ đẹp chép lại, cho khắc ván, có thể ra sách vào mùa xuân năm sau. Khi in ra, sẽ đem mấy cuốn dâng lên các hạ và một hai người bạn quen biết để kết pháp duyên. Quang hiểu biết như vậy đó. Vì thế liền đem điều mình biết trình lên, những sự tích khác thì tôi chẳng được biết.

Sách Duyên Khởi Khắc Đại Tạng Kinh gồm 18 thiên tất cả. Mỗi tác giả trình bày theo một quy củ riêng; vì thế có người viết liên tiếp, có người chừa một ô trống, có người chừa trống hai ô để thay cho cách viết đài đầu⁶⁴. Ngoài 18 thiên ra còn có quy ước khắc tạng, giáo đối v.v., tổng cộng tám mươi mấy trang. Quang chiếu theo cách khắc kinh hiện thời: Cứ mỗi trang là 10 hàng, mỗi hàng 20 chữ, chép liên tiếp, nên bản mới gồm tổng cộng 50 trang. Lời văn giữ theo đúng nguyên văn, nhưng phương thức trình bày tuân theo cách thức hiện thời. Do vậy, bớt được ba mươi mấy trang giấy cho dễ lưu thông.

Phật Học Đại Từ Điển là cửa ngõ đầu tiên để vào Phật pháp, chỉ nên biên soạn thông thả trong hai ba năm, chớ nên muốn mau ra sách kéo bị sai ngoa. Tuy các hạ huệ quang chiếu khắp như mặt trời mọc lên soi trọn hoàn vũ, nhưng kẻ thấy cạn nghe ít chẳng ngại gì đem kiến thức thấy cạn nghe ít để dâng lên nhằm tỏ lòng ngu muội khăng khăng chí thành ngưỡng mộ mà thôi. Hơn nữa, Pháp Trân và Hoằng Đạo quyết không phải là hai người, nếu là hai người thì vì sao ông Lục lại chỉ nhắc đến Pháp Trân, ông Phùng chỉ nói đến Hoằng Đạo? Chuyện đặc biệt ấy sao lại bỏ sót không nêu lên? Huống hồ hai ông đều muốn nhờ vào đây để phát khởi cái tâm thù thắng gánh vác pháp của bậc trượng phu ư?

647. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ năm)

Hôm qua nhận được thư và cuốn Phật Giáo Tông Phái Chú (ghi chú về các tông phái Phật giáo), khôn ngăn vui mừng an ủi. Quang gần đây bận việc túi bụi,

⁶⁴ Đài đầu là cách viết theo lối cổ nhằm thể hiện ý tôn kính. Nếu nói chi tiết thì có hai cách dùng:

1. Na đài: Phía trước tên người được xưng hô sẽ bỏ một ô trống. Cách này vẫn còn sử dụng trong những văn kiện chánh thức của Đài Loan.

2. Bình đài: Nhằm thể hiện ý tôn trọng tột bậc. Mỗi khi gặp danh xưng của một người liền xuống hàng, bắt đầu một dòng mới bằng danh xưng ấy.

không rảnh rỗi để đọc kỹ được, chỉ đọc lời tựa tổng quát mà thôi, những phần khác đều là tùy tiện xem qua. Nơi dòng thứ bốn trong trang 26, phần chữ nhỏ, chữ sách (冊) trong từ ngữ thiên sách (天冊: sách trời) bị viết sai thành đan (丹), chữ Vũ (武) trong Vũ thị (武氏: họ Vũ) bị viết sai thành từ (慈). Đây là do kẻ sắp chữ không cẩn thận mà ra. Ông Vạn làm thầy dạy học đã lâu⁶⁵, những kẻ được ông ấy chỉ dạy chắc sẽ chẳng đến nỗi phạm những sai lầm nhưc mắt ấy.

An Sĩ Toàn Thư được các hạ nhận lãnh làm sách tài liệu và lưu thông, Quang sẽ thay cho quốc dân đối trước tam bảo lễ tạ hằng ngày. Thoạt đầu, tiên sinh An Sĩ quyết định cách trình bày bản in cũng chưa tốt lành tốt bậc, bởi lẽ những lời văn giáo huấn của cổ nhân, cũng như những sự việc dùng để dẫn chứng, những lời bàn luận về cái tâm do ông ta viết ra v.v. đều in đánh cách⁶⁶ hết, cho nên không phân biệt được chủ và khách. Các hạ bảo đổi thành cỡ chữ Nhị Hiệu Tự quả là chí lý danh ngôn, nhưng sợ làm theo cách ấy sẽ khó thể điều chỉnh được, lỡ ra chẳng được như pháp! Quang tính trừ những đoạn văn ghi sự tích ra, những phần khác đều in thấp xuống một chữ ngũ hầu chẳng bị lẫn lộn. Đối với bốn câu “Vu Công...” tiên sinh An Sĩ không giải thích, trong năm ngoài khi vị Đô đốc đất Điền (Vân Nam) phát tâm khắc ván bộ An Sĩ Toàn Thư, Quang đã sao lại hành trạng trong đời cuối cùng của Đế Quân tại nhân gian (tức Trương Á đời Tấn) và những sự tích được nhắc tới trong bốn câu ấy đem gởi đi⁶⁷. Ông Đường tuy đã

⁶⁵ Nguyên văn “*Vạn quân cửu thân hàm trượng*” (ông Vạn đích thân dạy học đã lâu). Chữ hàm trượng (函丈) vốn là một từ ngữ để gọi thầy dạy học một cách cung kính. Quan Huyền khi chú giải sách Lễ Ký đã giảng câu “*nhược phi ẩm thực chi khách, tắc bố tịch, tịch gian hàm trượng*” (nếu không phải là khách đến ăn uống thì trải chiếu, chiếu được trải trong khoảng một trượng) như sau: “Người giảng và kẻ nghe giảng ngồi cách nhau trong vòng một trượng nên gọi là hàm trượng.”

⁶⁶ Đánh cách (頂格) là in một cột chữ cao hơn những cột khác một chữ. Cách này thường áp dụng để nhấn mạnh phần chánh văn trong một bài viết nhằm chú giải một đoạn kinh hay một thiên sách nào đó.

⁶⁷ Đây là bốn câu trong Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn không được Chu An Sĩ giải thích chi tiết: “*Vu công trị ngục đại hưng tứ mã chi môn, Đâu thị tế nhân cao chiết ngũ chi chi quế, cứu nghị trúng trạng nguyên chi tuyến, mai xà hướng Tể tướng chi vinh*” (Vu công coi ngục cửa công đường to lớn, rộn ràng xe tứ mã, họ Đâu cứu người bẻ năm cành quế trên cao, cứu kiến đậu trạng nguyên, chôn rấn được hiển vinh làm Tể tướng). Tổ Ân Quang đã ghi phần bổ khuyết như sau:

“Tiên sinh An Sĩ soạn tập cuốn sách này, sự lý, văn nghĩa thầy đều chu đáo. Chỉ có đời cuối cùng của Đế Quân và bốn chuyện Vu Công coi ngục, họ Đâu cứu người, Tống Giao cứu kiến, Thúc Ngao chôn rấn đều chưa từng sao chép. Chắc là do các sách khác đã chép đầy đủ, đời sau đều biết nên lược đi, nhưng kẻ chưa từng đọc rộng rãi sẽ không biết được. Quả thật là một điều đáng tiếc nuối. Do vậy, tôi bèn dựa theo Âm Chất Văn Chú Chứng chép bổ sung vào đây để sự thật được sáng tỏ bởi chẳng tiện sửa đổi nguyên văn...”

Đời Hán, Vu Công là người Đông Hải, làm Đề lại coi ngục. Trong quận có người đàn bà hiếu thảo, ở góa thủ tiết, nuôi mẹ chồng rất chu đáo. Mẹ chồng thương con dâu còn trẻ, sợ con

rút lui, nhưng sách đã khắc xong, chỉ là chưa gởi đến. Sẽ sao ra một bản khác, cho đính kèm vào sau phần mục lục trong đầu quyển sách và soạn một lời tựa ngắn để nêu rõ nguyên do, ngõ hầu chẳng phạm đến nguyên văn mà lại khiến cho dù văn hay nghĩa đều không bị thiếu sót gì. Chẳng biết các hạ nghĩ như thế nào?

dâu lỡ dịp đi lấy chồng khác bèn tự thắt cổ chết. Người em chồng liền vu cho nàng dâu đã bức chết mẹ, nàng dâu không biện bạch được. Vu Công bào chữa cũng không được, nàng dâu bị xử tội chết. Xứ Đông Hải liền bị hạn hán ba năm. Về sau, quan Thái thú đến, Vu Công thưa bày nỗi oan, tể lễ trước mộ người con dâu hiếu thảo, trời liền đổ mưa. Phàm những vụ án do Vu Công xét xử, mọi người đều phục. Cửa công đường hư, dân chúng tính sửa chữa. Ông nói: “Cửa này cao lớn có thể lọt long, xe tứ mã được! Ta coi ngục nhiều âm đức mà cũng không oan uổng, con cháu ắt sẽ hưng thịnh.” Sau này, con ông là Định Quốc quả nhiên làm Thừa tướng, tước phong Bình Tây Hầu. Cháu là Vĩnh Lữ làm Ngự sử đại phu.

Đậu Vũ Quân thời Ngũ Đại, người ở Yên Sơn, ngoài 30 tuổi vẫn không con. Một mộng thấy ông nội bảo: “Chẳng những ngươi không có con mà còn chẳng thọ! Hãy nên sớm tu đức để xoay chuyển lòng trời.” Do vậy, Vũ Quân tận lực làm lành. Có kẻ ăn trộm hai trăm ngàn đồng, tự viết tờ bằng khoán buộc vào lưng đứa con gái bé, viết: “Bán vĩnh viễn đứa con gái để đền tiền nợ”, rồi bỏ trốn. Ông thương xót, đốt bằng khoán, nuôi lớn đứa bé gái cũng như chọn nơi đáng hoàng giả chồng cho nó. Trong họ nội, họ ngoại, có ai bị tang ma không lo liệu được, ông bèn bỏ tiền chôn cất. Có người có con gái không lấy chồng được vì thiếu tiền hồi môn, ông bèn bỏ tiền làm đám cưới. Đối với thu nhập mỗi năm, ông tính toán trừ khoản tiền chi dụng ra, phần còn lại đều dùng để giúp người khác. Trong nhà chỉ một mực tiết kiệm, thanh bản, chẳng trang sức vàng ngọc, vợ chẳng có quần áo lượt là. Dựng thư viện ở phía Nam nhà mình, chứa mấy ngàn quyển sách, mời thầy dạy dỗ trẻ nghèo hèn bốn phương, chu cấp tiền cho học trò. Không lâu sau, sanh được năm đứa con trai, đều thông minh, tuấn tú, khôi ngô, lại mộng thấy ông nội bảo: “Mấy năm qua, công đức ngươi rộng lớn, tên đã được ghi trên thiên tào, được tăng thọ ba kỷ (một kỷ là 12 năm). Năm đứa con trai đều vinh hiển. Ngươi hãy càng thêm cố gắng, đừng biếng nhác cái tâm ban đầu.” Về sau con trưởng là Tử Nghi làm Thượng thư bộ Lễ, con thứ là Tử Nghiễm làm Thị lang bộ Lễ, con thứ ba là Tử Khản giữ chức Tả bộ khuyết, con thứ tư là Tử Xung làm Hữu gián nghị đại phu tham đại chánh, con thứ năm là Tử Hy làm Khởi cư lang. Tám đứa cháu nội đều quý hiển. Ông thọ 82 tuổi, không bệnh, nói cười qua đời. Phùng Đạo tặng bài thơ: “Yên sơn Đậu Thập Lang, dạy con trọn nhân nghĩa, linh xuân một cõi lão, quế đồ năm canh thơm.”

Đời Tống, anh em Tống Giao, Tống Kỳ cùng học trong trường Thái học, có một vị tăng coi tướng bảo: “Tiểu Tống đồ đầu thiên hạ, Đại Tống chỉ vừa đủ điểm khỏi rớt mà thôi!” Mùa xuân năm sau, thi xong, vị tăng trông thấy Đại Tống bèn chúc mừng: “Chắc là anh đã từng cứu sống mấy trăm vạn sanh mạng!” Giao cười bảo: “Nhà Nho nghèo làm gì có sức được như vậy.” Tăng nói: “Loài vật cựa quậy đều là sanh mạng.” Giao nói: “Có tổ kiến bị mưa xoáy vỡ, tôi bèn ghép tre bắc cầu cho chúng thoát thân, chắc là chuyện ấy đấy.” Tăng nói: “Đúng vậy! Năm nay Tiểu Tống sẽ đồ đầu, nhưng rốt cuộc ông vẫn chẳng thua kém nó đâu!” Đến lúc xưng tên người đậu, quả nhiên Tống Kỳ đồ trạng nguyên; thái hậu Chương Hiến bảo: “Em không được vượt anh”, quan *Chánh chủ khảo* bèn lấy Tống Giao đồ đầu, đổi Tống Kỳ thành đồ hạng mười. Mới tin lời vị tăng nói chẳng sai.

Tôn Thúc Ngao người nước Sở, thường ra ngoài chơi, thấy rắn hai đầu, bèn giết đem chôn. Lúc trở về, buồn bã không ăn. Mẹ hỏi duyên cớ, khóc thưa rằng: “Con nghe nói thấy rắn hai đầu ắt phải chết. Nay con trông thấy, sợ sẽ phải chết, bỏ mẹ lại.” Mẹ nói: “Rắn nay ở đâu?” Thưa: “Con sợ người khác lại trông thấy đã giết đem chôn rồi.” Mẹ nói: “Không lo gì! Ta nghe nói kẻ có âm đức ắt được thiện báo. Ắt con sẽ khiến cho nước Sở được hưng thịnh.” Về sau, ông Tôn làm Lệnh doãn (Tể tướng), chấp chánh nước Sở.”

An Sĩ Toàn Thư chính là bộ sách trọng yếu để vấn hồi thể đạo nhân tâm. Tuy nói là tính in một vạn bộ, nhưng in càng nhiều càng hay, há nên tự vạch giới hạn? Hơn nữa, bảo người ta xuất tiền thì tợ hồ cắt thịt kẻ ấy vậy! Ngay trong hiện thời với số tiền đã gởi tới sẽ in được sáu ngàn bộ, nếu trọn chẳng có một ai chịu bỏ tiền ra nữa thì cũng tạm để an ủi tấm lòng đau đáu của các vị. Vạn sự tùy duyên, bất tất phải chấp chặt thì mới là cách thức yên vui.

Bản kinh Lăng-nghiêm do bà Ngô Nghệ Anh chép được chồng bà ta lưu thông. Bản kinh Pháp Hoa do bà Trang Nhân chép (bà này là em gái của Trang Tư), chồng bà ta là Lục Giá Hiên cũng muốn lưu thông, cậy cư sĩ Cao Hạc Niên cầm kinh đến xin Quang xem xét, sửa chữa và xin viết lời bạt. Do vậy tôi đọc đại lược, thấy nét chữ mạnh mẽ, thanh tú, từ đầu đến cuối giống hệt như nhau, nhưng kiểu chữ đa phần vướng phải tập khí văn nhân: hoặc là viết theo lối tục thể, phá thể, thiếp thể, biến thể v.v., hoặc là ngược ngạo coi lối chữ chánh thể đang được lưu hành hiện thời là sai nên đổi sang dùng lối cổ thể. Quang cho rằng viết như vậy là theo thói tục, trái thời, chẳng đáng theo khuôn phép ấy, liền viết thư chê trách⁶⁸, bảo bà ta viết lại, cũng như phải sửa cho nét chữ hơi lớn hơn ngỗ hầu người thợ trì lần kẻ ứng phó⁶⁹ đều vui thích thỉnh mua. Bà ta đọc thư Quang khá bội phục, ngày hôm sau liền cùng chồng đến bái kiến. Quang bảo bà ta hãy chép kinh giống như tiên sĩ viết đối sách⁷⁰ thì công đức sẽ lớn lao. Nghe nói bà ấy tuân thủ Nữ Huấn⁷¹ khá tốt, phàm những nơi vui chơi đều nhất loạt không tới, rất được phu

⁶⁸ Xin xem chi tiết những chỗ tỏ phê phán lối chép kinh của bà Ngô Nghệ Anh trong “Thư trả lời cư sĩ Lục Giá Hiên” trong bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, thư số 72.

⁶⁹ Chỉ những vị sư chuyên làm kinh sám, Phật sự, cúng quải theo lời thỉnh cầu của tín chủ (thường gọi là “ứng phó đạo tràng”).

⁷⁰ “Đối sách” chỉ bài viết trong trường thi. Do đề thi thường là một câu nói hay một đoạn văn trích từ kinh điển Nho gia, thí sinh phải viết thành một bài văn giảng giải ý nghĩa câu nói ấy cũng như trình bày quan điểm, sách lược hồng giải quyết vấn đề, nên bài viết ấy thường gọi là đối sách. Khi viết đối sách, phải viết chữ rõ ràng, đủ nét, thận trọng để tránh phạm húy, lời văn không được có giọng điệu vô lễ, khinh cuồng v.v..

⁷¹ Nữ Huấn là một bài minh do Thái Ung soạn, có nội dung giáo hóa phụ nữ về bổn phận, phẩm đức của nữ giới. Nội dung như sau: “Tâm ví như đầu mặt. Do vậy, phải hết sức trau sửa. Mặt một ngày không trau rửa, ắt bụi bám dơ bẩn. Tâm một ngày chẳng nghĩ tới điều lành, ắt tà ác chen vào. Phàm mặt không trang điểm, kẻ ngu chê là xấu. Tâm không tu, người hiền chán ghét. Làm sao chịu đựng được? Do vậy, khi soi gương phải nghĩ xem cái tâm có trong sạch hay chẳng? Lúc bôi kem thơm phải nghĩ sao cho cái tâm nhu hòa. Lúc gội phần phải nghĩ sao cho cái tâm tốt lành. Lúc làm mượt tóc phải nghĩ sao cho cái tâm an thuận. Khi dùng lược phải nghĩ sao cho cái tâm phù hợp với lý. Lúc búi tóc lên phải nghĩ sao cho cái tâm chánh đáng. Lúc cuộn những sợi tóc mai phải nghĩ sao cho cái tâm được tề chỉnh.”

Thái Ung (132-192), tự Bá Giai, là một danh sĩ sống vào cuối đời Hán, học rộng, giỏi thư pháp, từng được cử giữ chức *Tả trung lang tướng* dưới thời Hán Hiến Đế. Ông là người đầu tiên chỉnh lý kinh điển Nho gia và san định thành một bản tiêu chuẩn. Bài minh trên đây chủ

nhân Thịnh Hạnh Tôn khâm phục kính trọng. Không biết cuốn sách của Trang Ngô là viết cho chị em gái hay là dành cho cô và cháu? Ai là chị, là cô? Ai là em, là cháu? Nếu sách được sửa chữa lần thứ hai xong, Quang chẳng thể không viết lời đề từ, sợ vẫn phải phiền các hạ lưu thông. Gần đây, phong khí Phật học rộng mở, những bậc anh hiền chốn khuê các cũng đẩy lên nhiều lắm, cũng giải được nỗi lo đau đầu của những người bận tâm tới đất nước, nhân dân vậy.

648. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ sáu)

Chuyện nhân quả báo ứng trong cuốn Phật Học Khởi Tín Biên do ông rộng lòng ban cho trước đây đủ để chấn động kẻ điếc, mở mắt cho người mù. Do vậy, tôi bèn tùy tiện nói với một hai người bạn, bọn họ cũng vui thích muốn xem, nhưng phiền một nỗi là không có ai tiện dịp sang đất Thân (Thượng Hải) để nhờ thỉnh sách. Do vậy Quang tính thuận theo ý họ, xin ông đọc thư rồi sẽ gởi cho một gói Phật Học Khởi Tín Biên. Gói sách ấy chỉ lấy kích thước của bưu kiện do bưu cục đã quy định làm chuẩn, không cần biết là bao nhiêu cuốn. Hãy ghi một tờ hóa đơn, thỉnh một bản phải tốn bao nhiêu tiền, đợi khi Quang tới Thượng Hải vào cuối tháng 6 sẽ trả lại theo đúng số, ắt chẳng đến nỗi sai chạy vậy!

649. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ bảy)

Lá thư tôi dâng trình lần trước chắc ông đã nhận được rồi. Ngày hôm qua, ông Bao Ngọc Đường đến thăm, cầm theo thư của các hạ và một gói Phật Học Toát Yếu. Sách này từ chỗ cạn tiến vào sâu, giảng giải nhân quả sự tích, luân hồi báo ứng cũng như sự vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, đúng là đã trao cho người ở trong nhà tôi một ngọn đèn khiến cho tu nhân kết quả nơi thân trước, thân sau đều có thể quyết đoán sẵn được. Vì thế, kẻ có tín tâm đều cùng yêu thích, chẳng tiếc tiền tài để lưu thông.

Các hạ gạt bỏ lời ông Ngũ nói thì cũng là chuyện hay lắm. Phàm muốn đoạn nghi, khơi gợi lòng tin, chớ nên dùng những lời lẽ nửa tin nửa ngờ, cũng như trích dẫn những lời lẽ giảng giải nghĩa lý nhưng chẳng nương theo thật lý. Bởi lẽ, những lời nói ấy có thể khơi gợi tín tâm cho người khác mà cũng có thể khơi gợi lòng nghi ngờ của kẻ khác vậy! Có lẽ nên đưa chương thứ tám ra phía sau thì thể tài của cuốn sách sẽ hợp lý hơn, mà cũng có thể khiến cho người khác biết có những loại sách ấy để thỉnh về đọc. Những điều nào nên cắt bỏ hoặc nên thêm vào, xin ông hãy tự cân nhắc. Quang gần đây bận bịu đa đoan, hằng ngày không rảnh rỗi, xin ông hãy rủ lòng thông cảm. Khi ông Bao đến, Quang đã khuyên ông

yếu để dạy hai cô con gái của ông. Về sau, nó được coi như một bài minh cần phải thuộc nằm lòng của nữ giới.

ta hãy tu tại gia, tu chân ngay trong cõi tục, không cần phải xuất gia. Sợ rằng sau khi xuất gia do hằng ngày ở chung với bọn tăng lữ nhác biếng trễ, lâu ngày chảy thảng sẽ chỉ trở thành một gã ăn bám cửa Phật. Chẳng biết ông ta có chịu nghe theo hay không?

650. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tám)

Vừa nhận được thư và 18 cuốn Phật Học Khởi Tín Biên, còn Lục Đạo Luân Hồi Lục vẫn chưa nhận được. Mỗi lần gửi sách và thư thì thường được chia thành hai lần gửi đến. Quang cũng chẳng thể đọc Lục Đạo Luân Hồi Lục nhiều được, trong những phần tôi đã xem thì thấy không có gì sai sót lớn lao. Nhưng loại sách này nên lấy chuyện nêu rõ nhân quả báo ứng làm chủ yếu, những bài dịch từ các báo ngoại quốc như tờ Linh Học Chí v.v. đăng ở cuối sách cũng có thể dùng để chứng minh nhân quả báo ứng. Gần đây ngoại quốc cũng tin có quỷ thần, đã có quỷ thần thì đời trước lẫn đời sau đương nhiên chẳng phải là không có, mà liễu sanh thoát tử lại càng là nhiệm vụ cấp bách; nhưng người đọc chẳng suy tới chỗ ấy, bèn học theo thói phù phiếm, chẳng thân thiết.

Từ nay trở đi, hễ sao lục những chuyện xưa chuyện nay, hãy đều nên chú trọng sao cho nhân quả báo ứng được nêu tỏ rạn rõ thì sẽ có thể làm cho người thấy kẻ nghe không ai chẳng kinh sợ rét buốt tận xương, lông tóc dựng đứng, sanh lòng kiêng nể, sợ hãi. Đối với những lời bàn luận chung chung về chuyện có ma quỷ, hãy nên dành cho những tiểu thuyết gia thu thập hòng tô vẽ, lưu truyền. Có người bảo các hạ tính viết sách về Phật pháp để kiếm lợi cũng chẳng phải là không có nguyên nhân. Các hạ đã lấy hoàng pháp lợi sanh làm trách nhiệm của chính mình, đừng nên bắt chước những kẻ buôn sách: Hễ in ra một cuốn sách mới liền áp dụng cách định giá của các loại sách mới, chẳng bận tâm tới số trang, công thợ! Các loại sách do các hạ in ra hãy nên căn cứ vào giá vốn rồi tính giá tiền đôi ra đôi chút ngõ hầu đại pháp được lưu thông mà cũng chẳng bị hụt vốn. Nếu giá sách cao gấp mấy lần giá vốn lẫn công thợ, sẽ bị người khác công kích, chê gièm (ngay như Phật Học Tiểu Từ Điển cũng bị định giá quá cao). Do tôi lạm nhận là người cùng chí hướng với các hạ nên mới dám nói thẳng như vậy, xin hãy rủ lòng tha thứ!

651. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ chín)

Quang trọn chẳng có học vấn lại thêm mắt lòa, vì thế đối với trước thuật của các bậc danh nhân xưa nay đều chưa từng ghé mắt vào. Tôi chưa đọc bài văn bia

của Ma-cật⁷² nên ý nghĩa, ngữ mạch trong phần văn trên và dưới tôi đều không biết. Nếu chẳng vâng lời thừa trình, sợ các hạ trách móc. Nay tôi dựa theo bốn phận của kẻ lừa thốt lời sớ voi cho xong trách nhiệm, chứ chưa chắc đã hoàn toàn đúng, mà cũng chưa chắc đã hoàn toàn sai bét. Xin bậc sáng mắt hãy cân nhắc để chọn hay bỏ thì may mắn lắm thay!

“Cổ duệ hải sư” (鼓柁海師: bậc thầy đẩy mái chèo trong biển cả) là từ ngữ thường được dùng trong kinh để chỉ người vào biển cả tìm vật báu. Từ ngữ “hành giả chẳng biết Bồ-đề” là nói về Thiền tông, ngụ ý: Chỉ ra trí thể của chư Phật ở ngay trong phiền hoặc của chúng sanh. Ý nói: Kẻ vào trong biển cả tìm của báu, chẳng biết nhà mình sẵn có đồ quý, cao sang nhất, quý báu nhất, có thể sanh ra vô lượng các món báu, cứ rong ruổi tìm cầu bên ngoài, nào khác kẻ ôm của báu lạc nẻo, đang cười trâu lại đi tìm trâu. Cần biết rằng, thật tánh của tham sân si chính là Phật tánh! Nếu có thể triệt ngộ Phật tánh ấy thì trọn chẳng thể tìm được tham sân si. Chân giới, chân định, chân tuệ ở ngay trong bản thể, nhưng cũng chẳng thể tìm được tướng của chân giới, chân định, chân tuệ. Đại ý của lời Lục tổ nói là như thế đấy. Lấy hai câu này làm câu văn để soi ngược lại, nhằm tỏ rõ sự thẳng diệ. Đây là sự sớ sầm mù lừa của Quang vậy! Chẳng biết các hạ nghĩ như thế nào?

Hơn nữa, Thiền tông chuyên trọng tham cứu, chứ không chú trọng giảng giải. Pháp Bảo Đàn Kinh tuy có những chỗ giảng nói ý nghĩa, nhưng nếu chưa mở được con mắt nhà Thiền thì nếu chẳng biến Tông thành Giáo cũng sẽ tưởng mê là ngộ. Vì thế ông Bùi Công Mỹ⁷³ nói: “Hễ hiểu được ý chỉ thì mau thành Phật đạo, hễ lạc mất ý chỉ, sẽ mau vào nê-lê⁷⁴.” Quang thì Giáo cũng chẳng thông,

⁷² Vương Duy (701-761), tự là Ma-cật, người huyện Kỳ, tỉnh Sơn Tây, là một thi nhân nổi tiếng dưới đời Đường, thường được xưng tụng bằng mỹ hiệu Thi Phật do những bài thơ Đường Luật của ông mang đậm sắc thái thiền vị. Vương Duy tinh thông Phật pháp, đặc biệt hâm mộ kinh Duy-ma-cật nên lấy hiệu là Ma-cật. Ông đậu tiến sĩ năm Khai Nguyên thứ 9 (721), làm quan đến chức Thái tử trung doãn, Thượng thư hữu thừa. Ông cũng nổi tiếng về tài hội họa. Những sách viết về hội họa thời cổ như Lịch Đại Danh Họa Ký, Đường Triều Danh Họa Ký v.v. đều đánh giá rất cao tài năng hội họa của ông.

⁷³ Bùi Hưu (791-864), tự Công Mỹ, người xứ Tế Nguyên, Mạnh Châu (nay thuộc huyện Tế Nguyên, tỉnh Hà Nam), học Phật từ nhỏ, người đời thường gọi ông là cư sĩ Hà Đông (vì tổ tiên ông vốn là người Hà Đông). Làm quan đến chức Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự, rồi được bổ làm Tiết Độ Sứ ở nhiều nơi, tánh tình khoan dung, rộng rãi, nghiêm cẩn, cai trị đúng mực, không ra oai mà dân chúng hết sức kính sợ, yêu mến. Ông nổi tiếng về tài thư pháp, văn chương trầm ổn, mạnh mẽ, lay động lòng người. Gia đình ông đời đời sùng Phật, nhưng ông là người tu học Phật pháp nhiệt thành nhất. Ông từng dựng chùa Mật Ấn để làm trụ xứ cho thiền sư Linh Hựu. Về già, dựng am ẩn cư tại làng Quy Sơn ở Hồ Nam.

⁷⁴ Nê-lê (niraya) là tên gọi khác của địa ngục (naraka: thường phiên âm là nại-lạc-ca hoặc nà-lạc-già), dịch nghĩa là bất lạc, khả yếm (đáng chán), khổ cụ, khổ khí, vô hữu.

huống hồ là Tông ư? Nhưng cũng hơi biết lối vào môn đình hai tông ấy. Tiếc đã không chân, lại chẳng có mắt, nên chẳng thể bén mảng nơi phen giầu được!

Kinh ấy (tức Pháp Bảo Đàn Kinh) cũng có thể lợi người mà cũng có thể khiến cho người khác bị làm lẫn. Nếu có thể đối với pháp nào, chuyện nào cũng đều nêu rõ tông chỉ “trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật”, lại chẳng trái nghịch giáo nghĩa thì dầu có nói “Lục tổ xuất thế” cũng không phải khen ngợi quá lớn. Nếu không, đã chẳng làm cho người khác thấy được tánh, lại còn đến nỗi do Tông mà trái Giáo thì lợi ích nơi Tông lẫn Giáo hai đảng đều bị mất, sẽ ứng với ý nghĩa trong câu nói thứ hai của Công Mỹ (tức câu “hễ lạc mất ý chỉ sẽ mau vào nê-lê”), cố nhiên vẫn chẳng bằng để nguyên diện mục sẵn có của nó⁷⁵ thì hay hơn. Các hạ có tâm lợi người tha thiết, Quang cũng ôm lòng tha thiết ngửa cho người khác khỏi bị sai lầm, vì thế chẳng thể không thưa trước để tận tâm lòng ngu thành khăng khăng trọn hết tình tri kỷ vậy.

Câu chữ trong nhà Thiền cần phải có con mắt khác để lãnh hội, nếu chẳng khéo hiểu ý sẽ chưa khỏi “*y văn giải nghĩa, tác tam thế Phật oan*” (dựa theo văn tự để hiểu ý nghĩa khiến cho ba đời chư Phật phải bị oan uổng). Lỡ như trái nghịch giáo nghĩa, chỉ thành “*ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết*” (rời kinh một chữ, sẽ giống như lời ma nói). Dễ thì dễ như trở bàn tay, khó thì khó như lên trời. Nếu không phải là bậc Tông lẫn Giáo đều thông, hai mắt viên minh, cố nhiên chẳng nên khinh thường, dễ đuổi theo đuổi việc chú giải kinh ấy!

652. Thư trả lời cư sĩ Đình Phước Bảo (thư thứ mười)

Quang bám tánh ngu bướng, đã không hiểu biết, lại chẳng hiểu đời nên chẳng thể mềm mỏng thuận theo tình người. Vì thế, phát nguyện suốt đời làm một tăng nhân ăn nhờ ở đậu mãi mãi, may được cư sĩ chẳng chê bỏ Quang là hạng không ra gì. Phạm nói ra điều nào dầu cuồng ngạo, trái nghịch, cũng đều được cư sĩ khen ngợi, cảm thấy hổ thẹn đến cùng cực! Tục ngữ có câu: “Nhặng xanh bám vào đuôi ngựa Ký bèn đi được ngàn dặm”, lòng Quang ngu thành, nhờ sức của các hạ mà khiến cho hết thấy những ai có tín tâm đều cùng sanh lòng kính nể kính trọng, ngõ hầu diệt được tội khiên của tôi, tăng thêm phước tuệ cho họ. Xét tới nguồn cội, đều là được thành tựu bởi các hạ vốn là một bậc thiện tâm vui đạo vậy. Hết sức cảm ơn!

⁷⁵ Ý nói nếu chú giải mà không nêu được ý chỉ viên dung, chỉ khiến cho người đọc chấp vào lý tánh, bác bỏ sự tu, thiên chấp đề cao Thiền tông, bài xích, miệt thị các tông khác thì đã trái nghịch với ý chỉ viên đôn của tổ. Chú giải như vậy sẽ có hại hơn là có lợi, thà cứ để nguyên không chú giải cho người đọc tự lãnh hội ý tổ thì hay hơn.

Quý môn nhân⁷⁶ là cư sĩ Vạn hởi về Bảo Hoa Tam-muội Truyền, chùa Pháp Vũ không có sách ấy. Ở quý cục (tức Y Học Thư Cục) đã không có thì cũng khó thể tìm được ở nơi nào khác. Hãy nên hỏi ở Bảo Hoa chắc sẽ tìm được. Vị này⁷⁷ chính là Bồ-tát thị hiện chứ không phải là người thường, sư là học trò của Huệ Vân Hình Công, là thầy của Kiến Nguyệt Thử Công. Vào năm Sùng Trinh thứ mười (1637), Kiến Nguyệt thọ giới dưới tòa của vị ấy xong liền nối pháp. Đến năm Thuận Trị thứ mười (1653), ngài đã làm trụ trì tại Hoa Sơn, vẫn chẳng biết ngài đã vào chùa bao nhiêu năm? Do điều này có thể biết ngài là người sống vào cuối đời Minh. Người được Linh Ẩn Hối Công nhắc đến chính là vị này vậy.

Kẻ mờ mịt Phật tánh, mù mờ chân như bèn bài xích người kiến đạo là chuyện thường thấy, cần gì phải hỏi tới xuất xứ? Dẫu có chỉ ra xuất xứ thì cũng chưa chắc người ấy đã là kẻ đầu tiên thốt ra lời ấy. Do vậy chẳng thà không chỉ ra xuất xứ thì hơn! Bồ-đề-đạt-ma truyền y bát tại Trung Quốc nhằm thời Ngũ Đại, đến đời Lục tổ chỉ truyền pháp ấn, chứ không truyền y bát. Hãy nên tra trong Lục Tổ Đàn Kinh sẽ biết được nhân duyên. Nguồn tâm sẵn có của chúng ta đều bị tình thức ngăn lấp nên chẳng thể hiển hiện được, nếu có thể phản chiếu hồi quang, thấy ngay được tình thức huyền vọng ấy thì nó sẽ còn khởi từ đâu được nữa? Như vậy thì trong chẳng do tâm, ngoài chẳng do cảnh, hai đàng đều bị cắt đứt, chính giữa cũng chẳng lập. Cái gọi là “tình thức” hóa thành trọn chẳng còn gì, tình thức chướng lấp đã trừ thì nguồn tâm triệt để hiển lộ. Đây chính là cảnh tượng đại triệt đại ngộ trong Tông môn vậy!

Tiểu (剿) là diệt, theo đao chẳng theo sức, hễ theo sức thì chẳng phải là đúng nghĩa⁷⁸. Càng về sau càng thua kém đời trước cũng là chuyện thường được Giáo

⁷⁶ Tiếng gọi học trò của người khác một cách trang trọng.

⁷⁷ Luật sư Tam-muội (1580-1654), người huyện Quảng Lăng, năm 21 tuổi, xin xuất gia với pháp sư Tịnh Nguyên tại am Di-đà trong làng, rồi thọ giới cụ túc tại chùa Cam Lộ ở Nhuận Châu vào năm 29 tuổi, y chỉ luật sư Huệ Vân để chuyên tâm nghiên cứu Luật tông, nghiêm trì tịnh giới, rất được ngài Huệ Vân coi trọng, thường sai thay mặt Huệ Vân diễn giảng. Sau đây, sư bế quan ba năm tại núi Cửu Tử. Sau khi xuất quan, sư chủ trì pháp hội Long Hoa tại núi Ngũ Đài, cảm được Văn-thù Bồ-tát phóng quang, hiện thân cưỡi sư tử trên hư không. Năm 1639, khi ngồi thuyền trở về Thạch Tháp, đi ngang Long Đàm, thuận chân viếng thăm núi Bảo Hoa (huyện Cú Dung, tỉnh Giang Tô) thấy tổ đình điêu tàn, sư liền phát tâm trùng tu chùa này. Năm sau, sư chống tích tượng sang Bảo Hoa, sai học trò là Kiến Nguyệt làm giám viện, mỗi năm tổ chức truyền giới đàn hai lần. Ngày 26 tháng 6 năm 1654, sau khi truyền giới xong tại giới đàn chùa Tam Tháp (Thiệu Hưng), sư trở về Bảo Hoa, bảo học trò trong vòng từ ba đến bảy ngày nữa sư sẽ vãng sanh. Ngày mùng 1 tháng 6 nhuận, sư giao phó chùa Bảo Hoa cho Kiến Nguyệt. Mùng 4 tháng 6, sư tự tắm rửa, ngồi xếp bằng trong nước, mỉm cười qua đời trong tiếng trợ niệm Phật hiệu của môn nhân.

⁷⁸ Ý nói: Thuận theo thế để diệt trừ, ví như vung đao chém xuống, do đà đi của lưỡi đao, vật sẽ bị cắt đứt không cần phải ra sức bổ xuống. Cũng giống như vậy, hễ chứng ngộ, phiền não sẽ

nói đến. Nếu chẳng thể chỉ ra lời nói ban đầu do ai nói, chẳng thà không nêu ra thì hơn. Nói chung, hết thấy mọi sự được tiền nhân sáng lập, người đời sau kế thừa. Tuy càng về sau, càng tinh vi, càng màu nhiệm, nhưng công hiệu vẫn chẳng thể vượt trội lúc ban đầu, bởi điều ấy do tiền nhân sáng lập. Huống chi các vị tiền nhân sáng lập, trước thuật trong Phật pháp phần nhiều là hạng Pháp thân đại sĩ thừa nguyện tái lai. Người đời sau kế thừa, đâu có đổ công sức làm cho pháp ấy tinh vi, nghiêm mật trội vượt tiền nhân, nhưng đại cương, yếu chỉ, những lời bàn luận sâu xa thâm nhập được lý, không có gì chẳng phải do tiền nhân đã tìm ra. Dầu chưa nêu rõ ra thì những gì người đời sau nêu ra vẫn là suy luận dựa theo ngữ mạch của những lời tiền nhân đã nói. Vì thế, tuy những gì về sau này trội hơn những gì thuộc thuở ban đầu, quả thật vẫn kém hơn thuở ban đầu vậy!

Từ ngữ “quang ảnh môn đầu” (光影門頭) chỉ cho tình trạng “kiến đạo chẳng chân thật”. Ấy là vì lấy mặt trăng trên bầu trời và thân hình con người để ví cho đạo, những kẻ chỉ thấy được ánh trăng và bóng người bèn cho là đã đắc, há có được chăng? Hơn nữa, nếu dùng mặt trăng để ví cho đạo, lấy ánh trăng, bóng trăng để ví với chỗ đạo lưu lộ thì cũng được. Ánh trăng, bóng trăng chính là chỗ lưu lộ của mặt trăng, nhưng hãy nên từ ánh trăng, bóng trăng mà ngẩng lên nhìn vàng trắng trên trời, đừng ngỡ ánh trăng và bóng trăng trong nước là vàng trắng thật sự.

Chuyện Huệ Quả chưa được chép trong Tống Cao Tăng Truyện. Từ sau Tống Cao Tăng Truyện, tiểu truyện của những vị tăng trong các triều đại kế tiếp chưa được biên soạn. Bộ Minh Cao Tăng Truyện, hai cuốn, chỉ sao chép hành trạng của một hai vị đã biết, chẳng đáng gọi là sách tiếp nối bộ Tống Cao Tăng Truyện. Hiện thời, pháp sư Đạo Giai ở Bắc Kinh đang thỉnh người sưu tập rộng khắp, tính chép nối tiếp hành trạng của các vị cao tăng sau thời những vị được nêu tên trong Tống Cao Tăng Truyện cho đến hiện tại. Như vậy thì số quyển sẽ không thể dưới 110 quyển được.

Mật tông lấy tam mật gia trì khiến cho phàm phu được chứng thánh ngay trong hiện đời, công đức lực dụng ấy chẳng thể suy nghĩ được, chẳng thể bàn bạc được, nên gọi là “lực dụng chẳng thể nghĩ bàn”. Tuy Mật tông đề xưng tông chỉ ấy, nhưng cần phải là đúng người thì mới có thể làm được. Hạng người ấy là hạng

đoạn diệt, không cần phải chú tâm dụng công. Thật ra vẫn là dụng công, nhưng không còn phân biệt đối đãi nên giữ giới, diệt phiền não không cần phải hết sức chú tâm dụng công.

người nào? Chính là các vị như Kim Cang Trí⁷⁹, Thiện Vô Úy⁸⁰ v.v.. Nếu không phải là hạng như vậy thì đạo chẳng thể không hành suông. Những kẻ học Mật tông hiện thời đều chỉ học được ngoài da, hoàn toàn không có giới lực Kim Cang lần đạo tâm Bồ-đề. Họ chẳng chú trọng trì chú để đoạn hoặc chứng chân mà phần lớn bắt chước hiện chữ, hiện hình tướng, để hỏi cát hung họa phước, nhân trước quả sau, giống như tác dụng của linh quỹ. Đấy gọi là làm cho Mật tông bị bại hoại; tôi sợ quả tội họ còn chẳng xuể, nói chi là thành thánh ngay trong cõi phàm! Chúng ta chỉ nên lấy pháp môn Tịnh độ làm một tòa núi Tu-di lớn lao để dốc hết toàn thân nương tựa, ngõ hầu chẳng bị hết thầy tri thức lay động hòng có thể liễu

⁷⁹ Kim Cang Trí (Vajrabodhi, 671-741) là vị tổ phó pháp thứ năm của Mật tông Ấn Độ, được coi là Sơ tổ Mật tông Trung Hoa (theo truyền thống Kim Cang Giới). Sư xuất thân từ giai cấp Bà-la-môn, năm lên 10 tuổi xuất gia ở chùa Na-lan-đà, 20 tuổi thọ cụ túc, nghiên cứu tu tập rộng rãi các kinh điển Đại Tiểu thừa. Năm 31 tuổi, theo học Mật giáo với ngài Long Trí. Nói gót ngài Thiện Vô Úy, sư dẫn đệ tử là Bất Không theo đường biển đi qua Tích Lan, Sumatra, tới Quảng Châu của Trung Hoa vào năm Khai Nguyên thứ bảy (719) đời Đường, kiến lập đạo tràng Quán Đảnh Đại Mạn Noa La, hóa độ tứ chúng. Năm Khai Nguyên thứ tám (720), sư lên Lạc Dương rồi qua Trường An, lo phiên dịch kinh điển Mật giáo và truyền thụ bí pháp quán đảnh. Ngài dịch được các bộ kinh Kim Cang Đảnh, Du-già Niệm Tụng Pháp, Quán Tự Tại Du-già Pháp Độ Bát Bộ... Sư cùng với Bất Không và Thiện Vô Úy được cõi đời xưng tụng là Khai Nguyên Tam Đại Sĩ. Sư tính trở về Ấn Độ, nhưng rồi thị hiện bệnh nhẹ, viên tịch tại chùa Quảng Phước, Lạc Dương, thụ hiệu Đại Hoàng Giáo Tam Tạng. Những vị đệ tử người Trung Hoa nổi tiếng nhất của sư là Nhất Hạnh, Huệ Siêu, Nghĩa Phước, Viên Chiếu v.v..

⁸⁰ Thiện Vô Úy (Śubhakarasiṃha, 637-735). Đôi khi còn dịch là Tịnh Sư Tử, cũng được coi là Sơ tổ của Mật tông Trung Hoa (tùy theo hệ thống truyền thừa là Thai Tạng Giới hay Kim Cang Giới mà sẽ coi ngài Thiện Vô Úy hay ngài Kim Cang Trí là Sơ tổ). Sư vốn người nước Ô-trà (Odra, Đông Ấn Độ), thuộc giai cấp sát-đế-lợi, hậu duệ của Cam Lộ Phạn Vương (Cam Lộ Phạn Vương là chú của Phật Thích-ca). Sư nối ngôi vua năm 13 tuổi, do gặp nội loạn, sư bèn nhường ngôi đi xuất gia. Đến bờ biển Nam Ấn, sư thấy ngôi chùa thờ Phật thù thắng bèn ngộ được Pháp Hoa Tam-muội. Ngài đến chùa Na-lan-đà ở Trung Ấn theo học với ngài Đạt-ma-cúc-đa (Dharmagupta), nghiên cứu Du-già Tam Mật, lãnh hội rốt ráo, được ngài Đạt-ma-cúc-đa truyền quán đảnh. Năm Khai Nguyên thứ tư (716) đời Đường, tuân theo lời thầy truyền, sư theo ngà Trung Á đến Trường An, được vua Huyền Tông tôn làm quốc sư, trụ tại chùa Hưng Phước. Năm sau, sư phụng chiếu dịch kinh tại chùa Bồ-đề, dịch các bộ Hư Không Tạng Bồ-tát Năng Mãn Chư Nguyên Tới Thắng Tâm Đà-la-ni Cầu Văn Trì Pháp, Đại Nhật Tỳ-lô-giá-na Thành Phật Thần Biến Gia Trì Kinh (những lời giảng về kinh Đại Nhật của ngài được Nhất Hạnh biên tập thành bộ Đại Nhật Kinh Sớ), Tô Bà Hô Đồng Tử Kinh, Tô Tất Địa Yết La Kinh. Do những kinh này thuộc hệ thống Thai Tạng Giới trong Mật thừa nên sư được coi như Sơ tổ Mật tông Trung Hoa (nếu xét theo hệ thống Thai Tạng Giới). Sư là người chủ xướng việc để nguyên những bài thần chú bằng tiếng Phạn, dùng những chữ Hán có âm đọc gần giống với Phạn âm để ghi cách đọc, khiến cho Phật giáo Trung Hoa đẩy lên phong trào nghiên cứu chữ mẫu tự *tất đàm* (siddham). Do rất khéo tay, ngài cùng các đệ tử tự chế tạo các hình mạn-noa-la (mandala), tượng, pháp khí, tháp bằng đồng. Năm Khai Nguyên 20 (730), sư xin trở về Ấn Độ, nhưng không được vua chấp thuận. Sư thị tịch năm Khai Nguyên 23, thọ 99 tuổi. Huyền Tông hết sức thương tiếc truy tặng tước Hồng Lô Khanh, chôn ở chùa Quảng Kỳ tại núi Long Môn. Các đệ tử đặc pháp gồm Bảo Tư, Nhất Hạnh, Huệ Siêu, Nghĩa Lâm, Trí Nghiêm, Hỷ Vô Úy, Bất Khả Tư Nghị (người Đại Hàn), Đạo Từ (người Nhật)...

thoát ngay trong đời này. Nếu không, sóng sẽ theo gió dấy lên, trọn chẳng có lúc nào ngưng thì buồn thay!

Tôi chưa từng thấy sách Đại Tạng Bí Yếu, chắc là sách được lưu truyền bởi người Nhật. Bốn câu “*đoạt nhân cảnh...*” chính là lời lẽ trong bài Tứ Liệu Giản của ngài Lâm Tế. “Đoạt” có nghĩa là dứt bật dấu tích, hình tượng vậy, “bắt đoạt” có nghĩa là “hiển thị lý thể”, “nhân cảnh” chính là cảnh trí của nhân và pháp. “*Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi*”, tức là “đoạt cảnh bắt đoạt nhân”, nêu rõ người đi vắng sanh, dứt bật cảnh được sanh về. “*Đi thì quyết định đi, nhưng sanh thì thật sự chẳng sanh*” chính là “đoạt nhân bắt đoạt cảnh”, nêu rõ cảnh được sanh về, diệt người đi vắng sanh. “*Đi thì thật sự chẳng đi, sanh cũng thật sự chẳng sanh*” chính là “nhân lẫn cảnh đều đoạt”, tức nhân lẫn cảnh đều vắng lặng vậy. “*Đi thì quyết định đi, sanh cũng quyết định sanh*” chính là “nhân lẫn cảnh đều chẳng đoạt”, bởi nhân lẫn cảnh cùng được hiển thị vậy. Tuy có bốn câu, nhưng chỉ nhằm nói lên ý “tuy về mặt sự thì quả thật có sanh, nhưng xét trên mặt lý thì thật sự vô sanh”, cũng là diệu chỉ “nêu chiếu, diệt tịch; nêu tịch, diệt chiếu; tịch lẫn chiếu cùng diệt; tịch lẫn chiếu cùng nêu”. Hễ sanh thì ắt phải có người thực hiện hành động đó, vì thế gọi là nhân. Hễ đi thì ắt phải có cảnh để đến nên gọi là cảnh. Lý này rất sâu, hãy nên sớt sáng niệm Phật hồng đích thân thấu hiểu được. Nếu không, sẽ trở thành khẩu đầu thiên, bàn xằng bát-nhã đấy!

653. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười một)

Hôm qua nhận được thư và bản chú giải Quán Thế Âm Kinh, cũng như tác phẩm lớn lao của các hạ là Phật Học Đại Từ Điển, khôn ngăn cảm kích, cảm ơn lắm! Nhưng do nét chữ quá nhỏ, chẳng thể đọc kỹ được, chỉ xem đại lược lời tựa và mấy điều thuộc phần phạm lệ⁸¹ mà thôi, giống như Hà Bá dõ nhìn biển cả, khôn ngăn than dài sườn sượt! Tự thẹn cô lậu quả văn (học kém, nghe ít), sống luống uổng nơi cửa Phật chẳng có ích gì, cảm thấy hổ thẹn không thể cùng cực được. Nay có người khẩn cầu: Cư sĩ Tôn Ngọc Tiên ở Phụng Hóa gần đây khá sanh lòng tin tưởng nơi Phật học, do thấy Di-lặc Bồ-tát từng thị hiện giáng trần ở

⁸¹ Phạm lệ: Phần nêu những nguyên tắc biên soạn và trình bày tự điển, như nguyên tắc tra chữ, cách sắp xếp hệ thống phân loại từ ngữ, cách đánh số ghi chú và bản thư mục trích dẫn, cách ghi tắt từ loại (chẳng hạn bên cạnh một chữ mở ngoặc ghi một chữ “danh” trong ngoặc thì từ ấy là một danh từ), tên những tác phẩm trích dẫn thường được ghi tắt bỏ trong ngoặc vuông, chẳng hạn trích từ quyển 2, phẩm Thuần Đà, kinh Niết-bàn thì ghi là [Niết - Thuần Đà - q.2] v.v..

huyện Phụng Hóa⁸², chí càng tha thiết muốn lưu truyền sự tích của ngài để mong khơi gợi lòng tin cho hết thầy mọi người. Năm trước, ông ta đã khắc cuốn sách Tích Lục Hoàn do ông nội của ông ta soạn. Mùa xuân năm ngoái đến núi tặng cho Quang một bộ. Quang đọc, thấy những điều được nói trong ấy đều là dùng tri kiến phàm phu để suy lường, chứ trọn chẳng phải là những lý đương nhiên trong Phật pháp, cũng như chẳng nêu được nguyên do vì sao Di-lặc Bồ-tát ứng thế. Lại còn sử dụng từ ngữ giống hệt như lời lẽ thông tục chốn quê mùa, làm lạc khinh nhòn xằng bậy khiến cho người khác đau đớn, bị thương. Quang vạch rõ căn kẽ khuyết điểm ấy, bảo ông ta: “Ông lưu thông sách này nhằm tôn vinh ông nội, nhưng đối với Phật pháp, đối với chúng sanh đều chẳng có ích gì mà chỉ có hại, xin đừng lưu thông!” Ông ta nghe lời Quang nói liền hủy bản in ấy.

Về sau, ông Ngọc Tiên lại khắc Di-lặc Truyện, sách ấy rất hay. Đầu xuân ông ta liền gửi thư cho Quang, cho biết là tìm được ngữ lục tại đạo tràng của đại sĩ Phó, cũng muốn khắc ván. Quang từng được thấy một bản do pháp sư Hưng Từ bảo đệ tử quy y của thầy ấy khắc in, bản ấy sai ngoa nhiều khôn kể xiết! Sợ bản do ông Tôn tìm được chính là bản ấy, cho nên bèn hỏi có phải là bản ấy hay không? Ông ta bèn gửi sách ấy tới. Đây là bản in theo lối thạch ấn, so với bản do pháp sư Hưng Từ đã khắc sai ngoa càng nhiều hơn nữa. Vì thế bảo ông ta hãy khoan khắc. Năm trước Quang đã khuyên pháp sư Hưng Từ nên in bản khác, sư cũng chấp thuận. Nếu sư khắc in thì ông Tôn không khắc bản này cũng được, còn nếu khắc thì hãy chiếu theo bản của sư đem khắc trong lần này cho đỡ bị sai ngoa.

Ngọc Tiên lại nói bi ký của đại sĩ Phó vốn do Từ Lăng⁸³ đã soạn dưới đời Trần, văn sâu, nghĩa uyên áo, người đọc phần nhiều chẳng hiểu được ý nghĩa, bảo Quang hãy khẩn cầu các hạ chú giải tường tận thì hết thầy người đọc sẽ liền phát tâm Bồ-đề mong được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này, dự hội Long Hoa trong tương lai. Quang nói khi chú giải ắt phải xem kỹ ngữ lục hầu biết cội nguồn, sự việc, cũng như biết đại lược những điều ngài đã đề xướng.

Bản khắc hiện thời sai ngoa quá nhiều, nếu chẳng xét kỹ chắc sẽ khó khỏi phạm sai lầm! Đợi cho bản khắc lần thứ hai của thầy Hưng Từ được in ra rồi mới chú giải thì một là sẽ đỡ tốn tâm lực, hai là không sai ngoa, ngõ hầu có thể dẫn

⁸² Di-lặc Bồ-tát hóa thân làm hòa thượng Bồ Đại ở huyện Phụng Hóa vào đời Minh. Hình tượng Di-lặc Bồ-tát thường được thờ hiện thời ở Trung Hoa chính là hình trạng của hòa thượng Bồ Đại: bụng to, mặt lớn, tai dài, luôn mỉm cười, tay luôn cầm một chiếc túi vải.

⁸³ Từ Lăng (507-583), tự Hiếu Mục, người Đông Hải Đàm (nay thuộc huyện Đông Đàm, tỉnh Sơn Đông), là một văn nhân nổi danh thời Trần - Tùy. Được ca ngợi là “tám tuổi thông văn chương, mười hai tuổi thông hiểu Lão - Trang, đến lớn đọc khắp các sử sách, biện tài vô ngại”. Ông từng giữ chức Đông các học sĩ, làm thầy dạy học của Lương Giản Văn Đế (Tiêu Cương) khi vua còn là Thái tử.

chúng đích xác, mở mang chánh nhãn cho người khác. Tấm lòng ấy thật ân cần! Đến hôm qua ông Tôn lại gọi thư tới, ý muốn thực hiện ngay chuyện này để mong sao Phó Đại Sĩ Ngũ Lục sẽ được lưu hành cùng với Di-lặc Truyện, bảo Quang gọi thư xin các hạ hãy vì chúng sanh mà phát tâm Bồ-đề, ngõ hầu mọi người đều được biết tới đạo uyên áo của đức Di-lặc, cầu khẩn khôn ngần! Do vậy, bèn đem bản Phó Đại Sĩ Tập do Quang đã châm chước sửa đổi gửi đi bằng thư bảo đảm và bỏ luôn thư của Ngọc Tiên vào phong bì, mong ông hãy thỏa mãn ý nguyện nhỏ nhoi của Ngọc Tiên và Quang mà vung ngọn bút lớn lao khiến cho quang minh của ngài Di-lặc được chiếu trời soi đất đến tận đời vị lai.

Đạo tràng của đại sĩ Phó ẩn sâu trong xó núi, gần đây thật ít cao nhân tới trụ, nên bản ngũ lục ấy qua nhiều lần sao chép, khắc ván thường tăng thêm phần sai ngoa, hoặc thêm phần thừa thãi, hoặc bị sai sót. Quang thấy vậy khôn ngần đau tiếc, bèn dùng tri kiến kém hèn để châm chước, sửa chữa. Bản khắc lại của pháp sư Hưng Từ sẽ dựa theo bản sửa chữa này. Nhưng trong cõi đời không có bản nào hoàn chỉnh, Quang lại không có sự hiểu biết chân chánh, chưa chắc mỗi một điều đều đúng pháp. Những chỗ được sửa cho đúng chiếm hơn một nửa, dầu có những chỗ bị sửa đúng thành sai thì cũng chỉ chiếm chưa tới một nửa. Do trong cõi đời không có một bản hoàn chỉnh nên không thể dựa vào đâu để châm chước, cân nhắc sửa đổi được. Do vậy, nếu giữ chết cứng thái độ thận trọng, theo lệ chẳng dám sửa đổi một chữ thì tấm lòng đau đáu của Đại sĩ sẽ bị phong kín bởi văn tự sai ngoa, thiếu sót, thừa thãi, sẽ không có cách nào phô bày rõ rệt được! (*Đây chính là nỗi khổ tâm “chẳng lượng sức, cứ làm chuyện châm chước, giáo định” của Quang.*)

Dựa theo mặt sau trang ba trong quyển bảy sách Phật Tổ Thống Kỷ thì tôn giả Pháp Hoa⁸⁴, tổ thứ sáu của tông Thiên Thai, chính là hậu thân của Từ Lăng. Ngài

⁸⁴ Tôn giả Pháp Hoa (?-680) là cao tăng đời Đường, pháp danh là Trí Oai. Sư là người xứ Tân Vân, Xứ Châu (nay là Chiết Giang). Thuở nhỏ học Nho, tới năm 18 tuổi đã giữ chức Đường trưởng trong quận ấy. Cũng trong năm đó, tuân theo lời cha mẹ, sư trở về quê nhà lo cưới vợ, giữa đường chợt gặp một vị Phạm tăng cất vấn: “Sao ông lại bội nghịch lời trọng thệ khi xưa?” Vị Phạm tăng cho biết sư đời trước là Từ Lăng, từng nghe tổ Trí Giả giảng kinh Pháp Hoa, liền phát nguyện đời sau xuất gia từ bé để hoằng dương tông Thiên Thai. Do vậy, sư bèn sang chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai, thờ ngài Quán Đảnh làm thầy. Sau khi thọ cụ túc liền được thầy truyền tâm yếu, định tuệ trọn đủ, chứng được Pháp Hoa tam-muội. Năm Thượng Nguyên nguyên niên (674), sư rời Quốc Thanh, vào núi Thương Lãng Phổ Thông ẩn cư, tuyên giảng kinh Pháp Hoa. Do cuộc đất chật hẹp, Sư bèn dời sang ngọn núi Hiên Viên Luyện Đan, chặt phá gai góc, đặt tên nơi ấy là Pháp Hoa. Ngày diễn giảng, đêm hành thiền. Đạo chúng theo học đông dần, thiền tập đến 300 người, thánh chúng hơn 700 người. Tôn giả biện tài uyên bác, văn chương lưu loát, soạn rất nhiều văn bia. Người đời tôn xưng sư là tôn giả Pháp Hoa. Sư thân cao lớn, khi lên giảng tọa thường có áng mây tím che trên đỉnh đầu. Từ chỗ sư ẩn cư đến chỗ thiền hội, thọ trai xa cả tám chục dặm, nhưng sư chưa hề chậm trễ vắng mặt nên mọi người đều

Trí Giả hoảng pháp ở kinh đô vào đời Trần, Từ Lăng quy y dưới tòa, phát nguyện hoảng pháp trong đời sau.

Trong một cuốn sách Phó Đại Sĩ Ngũ Lục có tới ba bốn tên, trong phần Thư Thiêm và bìa sách đều ghi là Tập. Quyền một và hai lại ghi là Truyện Lục. Quyền ba ghi là Thi Kệ. Quyền bốn hoàn toàn chẳng đề danh xưng chánh thức của sách. Phần văn bìa thì ghi là Phụ Lục Bi Văn, những chỗ khác chỉ có hai chữ Phụ Lục. Quang châm chước đặt ra một tên gọi, gọi chung toàn bộ cuốn sách là Phó Đại Sĩ Tập. Hai quyền đầu ghi kèm thêm hai chữ Truyện Lục, quyền ba ghi là Thi Kệ, quyền bốn thì trước phần văn bìa ghi thêm dòng chữ “phụ lục bi văn”. Các truyện thì ghi là “phụ lục truyện này nọ”. Trong bản của pháp sư Hưng Từ tôi đã viết rõ cách thức trình bày cho thầy ấy, còn bản này vốn để Quang giữ cho nên chưa ghi rõ.

654. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười hai)

Mấy hôm trước, em trai ông Mạnh Do là Quần Tranh tính thí tặng các sách nói về nhân quả do các hạ đã soạn và Long Thư Tịnh Độ Văn cũng như bộ Văn Sao của Quang, nhưng vì người đọc sách trong hiện thời trọn chẳng chú trọng cung kính kinh sách của thánh hiền, sợ người được tặng sách sẽ đọc với thái độ như đọc sách Nho thì tội lỗi vô lượng. Do vậy Quần Tranh gởi thư cho Quang, xin soạn một bài văn khuyến cáo, tính cho khắc ván, in vào đằng sau bìa sách, ngõ hầu những kẻ hiểu biết sẽ chẳng đến nỗi giữ mãi thói quen khinh nhờn ấy. Quang liền viết một bài gởi cho ông ta, nhưng do học thức kém cỏi, thật khó thể cảnh tỉnh kẻ khác được! Tuy thế, ắt sẽ có người do vậy mà sửa đổi đôi chút thói quen cũ ấy.

Lại nghĩ, sách đã đóng bìa xong, nếu in thêm vào sẽ thật khó, nếu hơi chẳng lưu tâm sẽ trở thành bôi lem nhem. Nhân đấy nghĩ: Trên bìa của những cuốn sách do các hạ biên soạn, nếu các hạ chịu in những lời này, cố nhiên sẽ có ích lớn lao cho người đọc. Đấy cũng là một đầu mối để dùng pháp giáo hóa người khác. Nay tôi đem bài văn ấy gởi kèm theo thư để trình lên. Nhưng đấy bất quá chỉ là nói đại lược mà thôi, nếu các hạ chịu vận dụng tài viết lách lớn lao để soạn một bài văn khiến cho người đọc vừa nhìn vào sẽ kinh hồn thì càng tốt đẹp hơn nữa. Do vậy không nhất định phải dùng bài văn của Quang. Chỉ mong cho người khác biết kiêng sợ hồng ai nấy đều được lợi ích vậy! Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, phải hướng về cung kính mà cầu, đấy chính là thường pháp chẳng thể thay

nói là sư có thần túc thông. Sư từng được vua phong tước Triều Tán Đại Phu. Sau này, Ngô Việt Vương dâng tặng thụy hiệu Huyền Đạt Tôn Giả. Đệ tử nổi pháp có ngài Huệ Oai cũng rất nổi tiếng nên người đời thường gọi hai thầy trò là Nhị Oai.

đổi trong suốt mười phương ba đời vậy. Tiếc cho người đời nay phần nhiều coi thường chuyện này, do vậy chỉ mang cái danh nghiên cứu suông, chẳng đích thân đạt được thực chứng.

655. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười ba)

Quang vô tri vô thức, bị ép vào thế bất đắc dĩ, bất chước cách thức gom lá nhóm cỏ cho xong trách nhiệm, Ủy Như làm lạc lưu truyền, cũng chẳng qua là tạm thời mà thôi, lâu ngày ắt sẽ diệt mất! Nay được các hạ sao lục đưa vào trong những trước tác lớn lao, quyết sẽ được lưu truyền rộng khắp thiên hạ hậu thế. Đúng như câu nói: “Nhặng xanh bám đuôi ngựa Ký nên đi được ngàn dặm”, cảm kích, hồ thẹn khôn sánh!

Trong lá thư lần trước, ông đã nói đại lược về kinh Huệ Mạng, Quang chưa hiểu được ý. Nay nhận được thư, biết các hạ muốn nhờ trộn các cội rễ tà kiến, nêu đích danh sách ấy là kinh điển tà vạy của ngoại đạo giả danh Phật pháp và dẫn lời Quang đả phá, bài xích, có thể nói lòng từ sâu xa, lòng bi lớn lao đến cùng cực không gì hơn được nữa, cảm tạ! Bộ Văn Sao hủ bại của Quang nhờ được các hạ tán dương quá mức sẽ được lưu thông tận phương xa, sẽ có ích lớn lao cho kẻ sơ cơ học Phật. Đợi đến khi người ấy đã biết được đường lối sẽ chẳng ngại gì coi Văn Sao như chó rơm⁸⁵. Nếu vẫn coi như khuôn thước thì cũng không phải là chẳng được! Bởi lẽ pháp không có hơn kém, được lợi ích tùy nơi mỗi người mà thôi.

656. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bốn)

Nhận được thư, các hạ ra rả rần nhắc Quang phải đọc trọn Phật Học Đại Từ Điển, càng chứng tỏ lòng các hạ vô ngã rộng rang dường như biển cả, dung nạp khắp mọi dòng chảy, trộn chẳng khi nào đủ! Quang mục lực suy đồi gần như lò, thẹn chẳng thể ra sức dò theo từng hàng mực, hồ thẹn khôn sánh! Ngày 23 mới nhận được bài chú giải Đại Sĩ Bi (văn bia thuật hành trạng của đại sĩ Phó) do ông Hoàng Hàm Chi biên soạn. Trộm nghĩ văn tự, điển cố trong bài văn bia ấy cực khó thấu hiểu tường tận được. Vì thế, ông Tôn Ngọc Tiên tính cậy các hạ chú giải nhằm phát khởi thiện căn của hết thầy người đọc, ngõ hầu được sanh về Tịnh độ ngay trong đời này, tương lai sẽ phụ trợ đức Di-lặc trong hội Long Hoa. Lợi ích

⁸⁵ “Chó rơm” (sô cầu: 𪛗狗) vốn là con chó bện bằng rơm thường dùng để cúng tế cho người chết trong thời cổ. Sau khi cúng xong sẽ đốt hoặc vứt đi nên từ ngữ sô cầu thường dùng để chỉ những vật vô ích. Ở đây, tổ dùng từ ngữ này để sánh ví Văn Sao, sau khi đã hoàn thành vai trò dẫn nhập kẻ sơ cơ thâm nhập pháp môn Tịnh độ thì chẳng cần đến Văn Sao nữa cũng không sao.

ấy quả thật chẳng nông cạn! Nay thấy trong bản chú giải của ông Hoàng, phàm những điển tích người khác chẳng dễ biết mỗi mỗi đều được nêu ra, chẳng những Quang và Ngọc Tiên vui mừng, an ủi khôn cùng, mà Di-lặc Bồ-tát nơi cõi Thường tịch quang và trời Đâu-suất cũng mỉm cười bảo ông Hoàng đã nêu bày thông suốt được bản hoài xuất thế của ngài. Nếu bài văn ấy được khắc, ắt sẽ được lưu truyền khắp cõi, vĩnh viễn không ngừng.

Quang do vô tri lại muốn giúp lưu thông nên bèn dùng lối đánh số để chỉ ra những chỗ sai ngoa do lưu truyền sao chép trong ấy và những chỗ chưa được giảng giải hết sức thông suốt, viết riêng vào một tờ giấy khác để mong ông ta sẽ lại sửa chữa. Cổ nhân soạn sách chẳng hiếm ba bốn lượt sửa đổi bản thảo. Biết ông Hoàng và các hạ là bạn tâm giao, sẽ trọn chẳng trách móc Quang phiền phức vụn vặt, mà sẽ vui vẻ sửa chữa để mong sao trong hội Long Hoa thường được Di-lặc Thế Tôn đề cao là bậc đa văn trí tuệ đệ nhất.

Điều đáng tiếc là núi sông xa xôi cách trở chẳng thể gặp mặt trong khi các vị biên soạn nhằm trọn hết tình bằng hữu thiết tha dùi mài. Những điều tôi đã nêu ra chưa chắc đã đều đúng cả, nhưng ngu kiến của Quang chỉ được như thế mà thôi. Ví như kẻ thôn dã dăng rau cần, đưa bé dăng cát, chỉ trọn hết phận mình, há cứ ắt muốn người khác phải sử dụng ư? Tưởng nghĩ các hạ vô ngã, ông Hoàng cũng sẽ vô ngã, chỉ muốn thành tựu thiện căn cho người lẫn mình, sẽ chẳng đến nỗi chê Quang lắm chuyện. Nếu ông Hoàng chịu sửa đổi thành bản khác thì may mắn chi hơn! Nếu như không chịu, tôi sẽ đem nguyên cáo gởi lại, bảo Ngọc Tiên khắc in thì cũng được.

Trong quyển bảy của bộ Phật Học Đại Từ Điển, trang 1.029, phía dưới từ ngữ “ấn hoại thành văn” (ấn nát nhưng dấu khắc trên ấn đã hiện) chú rằng “*đúc sáp thành ấn, in trên bùn đất*”, chưa đích xác! Ở đây là nói về kim nê⁸⁶, dùng ấn đúc hay khắc bằng sáp áp vào kim nê đang nóng chảy. Do kim nê chưa nguội nên còn mềm mại có thể đóng ấn vào được. Tuy đã bị ấn sáp đóng xuống thành vết, nhưng vì sức nóng của kim nê nên ấn sáp bị chảy tan. Tuy ấn sáp bị chảy tan, nhưng mỗi một nét khắc trên mặt ấn sáp đã đều hiện rõ trên kim nê. Như vậy thì ấn bị hoại, nhưng nét khắc trên mặt ấn đã hình thành, hai chuyện này xảy ra cùng một lúc. Nếu hiểu là đem ấn sáp in trên bùn đất thì làm sao ấn có thể bị hư hoại cho được?

⁸⁶ Kim nê (金泥): Hòa thủy ngân lẫn với bột vàng (hoặc kim loại), đem nung nóng thành chất bột sền sệt thì gọi là kim nê. Kim nê thường dùng trong kỹ thuật đúc ấn hoặc niêm phong. Thuở trước, người ta làm khuôn bằng sáp rồi in vào chất bột kim nê để lấy dấu. Hiện ở Tây Tạng vẫn còn dùng phương cách tương tự để đúc những bức tượng nhỏ gọi là melting wax technique.

Điều này tuy không quan trọng khẩn yếu, chẳng qua là giải bày tấm lòng ngu thành của Quang mà thôi!

657. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười lăm)

Vừa nhận được thư, khôn ngăn hổ thẹn, sợ hãi, Ấn Quang là hạng người nào mà dám nhận lấy lời khen ngợi ấy! Các hạ muốn cho kẻ sơ cơ dễ được nhập đạo bèn dùng phương tiện khéo léo, Quang thật sự khâm phục ngưỡng mộ khôn cùng. Đối với chuyện ông đã rộng thí pháp tài, cảm phục đến cùng cực. Tuy thân Ấn Quang chẳng dư tiền, nhưng gần đây do khắc ván, ấn loát v.v. cũng chẳng ngại vì các hạ làm công đức. Hôm nay nhận được thư của Úy Như cho biết sẽ in Ấn Quang Văn Sao, lại bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ để tái bản. Khoản tiền này do các hạ biếu tặng ắt phải cầm sang cho ông ta. Đợi khi sắp chữ thỏa đáng, sẽ dùng khoản tiền ấy để thỉnh sách Văn Sao hủ bại của Quang nhằm kết pháp duyên. Lại xin ông ta gởi mấy chục bộ theo đường bưu điện tới Phổ Đà để làm pháp thí rộng rãi cho các hạ. Lại nhờ các hạ dặn Thương Vụ Ấn Quán hãy giữ lại bản in để khi cần in lần thứ hai sẽ đỡ phải tốn công sắp chữ lại. Thêm nữa, xin ông dặn họ dùng loại giấy có độ bóng, hãy dùng đúng loại giấy mà ông Từ Úy Như đã dùng để in trong những lần trước. Ngày 24, Úy Như đã lên Bắc Kinh, xin các hạ hãy để tâm dặn dò.

Hơn nữa, trong sách Quán Âm Linh Cảm Lục, nơi mặt trước của trang 22 trong chương thứ 5, đoạn chép về Lương Cung Thần⁸⁷, Quán Âm nói với Phạm Vương về mười thứ tướng mạo danh nghĩa của chú tâm, thứ nhất là “*đại từ bi tâm thị*” (tâm đại từ bi là tướng mạo danh nghĩa của chú Đại Bi), cho đến thứ mười là “*vô thượng Bồ-đề tâm thị*”. Năm trước, trong sách Phật Học Chỉ Nam, ông đã từng sử dụng cú pháp như thế này: Dem chữ *thị* đặt trên đầu mỗi câu, Quang đã từng nói cặn kẽ. Nay lại sử dụng cú pháp như thế, biết các hạ bận bịu nhiều việc trọn chưa thể kiểm nghiệm từng điều. Chuyện này tuy nhỏ nhặt, nhưng để cho bậc thông gia trông thấy ắt sẽ chê cười, còn kẻ chẳng phải là bậc thông gia trông thấy sẽ bắt chước. Cố nhiên Quang lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, thường muốn làm hòn đá mài nơi ngọn núi khác nhằm dồi mài cho viên ngọc xứ Kinh⁸⁸, cho nên lại thưa rằng: Với từ ngữ a-già-la trong hàng thứ 12, chữ la (羅)

⁸⁷ Lương Cung Thần (1814-?), quê ở Phước Châu, tỉnh Phước Kiến, là một văn học gia nổi tiếng về tài làm câu đối dưới đời Thanh. Cung Thần là con trai thứ ba của đại văn học gia Lương Chương Cự. Những trước tác nổi tiếng nhất của Lương Cung Thần là Bắc Đông Đường Bút Ký, Doanh Liên Tứ Thoại, Xảo Đối Tục Lục...

⁸⁸ Nguyên văn “Kính bích”, chỉ viên ngọc của Biện Hòa (Kính là tên gọi khác của đất Sở, tức Hồ Nam). Biện Hòa tìm được một khối đá có ngọc dâng lên vua Sở, thợ ngọc lười, chỉ chặt một góc rồi bảo là đá thường. Vua tức giận chặt một chân Biện Hòa. Một thời gian sau, vì tiếc

chính là chữ đà (𡗗) bị viết sai, [a-già-la] tức là thuốc a-già-đà vậy. Có người bạn tặng cho Quang bức tranh vẽ chùa Vạn Niên núi Thiên Thai, nay xin tặng lại để ông có cái ngao du tinh thần.

658. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười sáu)

Vừa nhận được thư, biết các hạ có chí mong lợi người nhưng lại thận trọng nơi sự, sợ rằng có chỗ không thích đáng sẽ gây trở ngại cho pháp đạo, đáng gọi là “chân tâm hộ pháp, chân tâm lợi người”. Lại do thấy Quang nghèo nàn tiền bạc, liền đặc biệt gởi cho mười tám bưu phiếu, cảm ơn lắm! Đòi mạt ít có tri thức thật sự, thường có những gã tục tăng vô tri dạy người khác niệm Phật, bảo: “Cứ niệm Phật một tiếng thì sẽ có một đồng trong cõi âm!” Nhưng kẻ ngu thấy biết nhỏ nòi, nói: “Mỗi ngày niệm Phật mấy vạn tiếng liền có mấy vạn đồng. Buôn bán trong thế gian nhọc nhằn gian nan, trọn chẳng có được chuyện lợi ích lớn lao như thế ấy”, liền phát tâm niệm Phật coi như phương kế tích tụ tiền tài, trọn chẳng biết tới nguyên do niệm Phật. Do kẻ ấy tâm niệm niệm dùng lòng chí thành để mưu tính tích tụ tiền bạc nên sẽ tùy tâm tùy nghiệp mà hiện thành tiền.

Chuyện của Trương Bân đích xác chẳng phải là ngụy tạo, điều đáng tiếc là ông ta chưa gặp được bậc tri thức sáng mắt dạy cho biết nguyên do niệm Phật. Nếu biết được nguyên do, dùng cái tâm khẩn thiết ấy để phát nguyện tự lợi lợi người, chắc ông Bân sẽ cao đăng chín phẩm, chứng quả Vô sanh. Há còn lo tích trữ mấy kho kim tiền để đợi sau này sử dụng trong cõi âm nữa ư? Còn như vua cõi âm bảo: “Phàm ai thọ bát quan trai giới chí tâm niệm Phật một tiếng thì cũng đức được một đồng tiền bằng bạc”, cho thấy người đời dùng niệm Phật để tích trữ tiền nhằm sử dụng sau khi chết nhiều lắm! Họ chẳng biết tới công đức niệm Phật, chỉ mong có tiền để dùng sau khi chết, giống như đem bảo châu như ý đổi lấy một tấm áo, một bữa ăn. Há chẳng đáng tiếc ư?

Tuy nhiên, do vị Thượng thư khẩn cầu người thợ bện dép cỏ bồ nên liền được sống lại để chuộc tội⁸⁹. Tri kiến phàm phu trong thế gian chẳng thể suy lường

ngọc quý không ai dùng đến, Biện Hòa lại đem khối đá ấy dâng lên vua, thợ ngọc lại phát một góc khác, bảo chỉ là đá. Vua tức giận, ra lệnh chặt nốt chân còn lại của Biện Hòa. Biện Hòa ôm phiến đá ngồi khóc ngoài đồng. Có viên quan thương tình tâu lên vua. Vua sai xem xét cẩn thận, quả nhiên bên trong có viên ngọc quý giá vô cùng. Về sau, Tần Thủy Hoàng cướp lấy viên ngọc này để làm ấn truyền quốc. Chữ Kinh bích về sau thường dùng như một từ ngữ phiếm chỉ các loại ngọc quý.

⁸⁹ Theo Hiện Báo Tùy Lục (quyển 1) của pháp sư Giới Hiền, ở Ninh Ba có một kẻ thường dân sống nhờ trong nhà kho của một vị Thượng thư họ Thôi, bện hài bằng cỏ bồ để bán kiếm sống. Ông ta thích tu hành, ăn chay trường, niệm Phật. Mỗi khi niệm Phật cứ niệm xong một xâu chuỗi lại lấy một cọng cỏ bồ bỏ vào giỏ tre để nhớ số. Đến hôm 30 tháng Chạp mỗi năm sẽ

công đức của sự phát khởi tâm đại Bồ-đề niệm Phật. Vì thế ngài Tĩnh Am nói: “Tạm trì thánh hiệu còn hơn bố thí suốt một trăm năm, vừa phát đại tâm sẽ vượt trời tu hành suốt kiếp.” Hai câu này đều dựa theo những điều kinh luận đã nói mà nêu rõ, chứ không phải là bịa đặt. Phàm sao lục những sự thật ấy, hãy nên nói rõ chánh lý Phật pháp ở đằng sau mỗi chuyện và chỉ rõ: Phàm phu thấy biết nhỏ nhoi, chỉ biết niệm Phật để tích góp tiền thì tiền ấy sẽ theo cái tâm mà cảm vơi, theo cái nghiệp mà hiện ra, cho nên thật sự có mấy kho tiền vàng trữ trong chốn âm phủ!

Phàm là người niệm Phật, ắt phải phát tâm đại Bồ-đề phổ độ chúng sanh thì trong hiện tại các duyên sẽ thuận thảo, thích đáng, lúc lâm chung chánh niệm vãng sanh. Từ đây thoát khỏi hàng phàm phu, dựa vào hội thánh hiền, nương theo Phật từ lực và nguyện luân của chính mình trở vào Sa-bà hiện khắp các sắc thân độ thoát chúng sanh. Há nào phải khur khur như viên Thượng thư chỉ mong được nhờ ân hồng diệt tội ư? Dẫn giải như thế sẽ khiến cho người đọc đoạn trừ được những tri kiến kém hèn, mở mang, khơi gợi tín tâm chân thật.

Nếu chỉ sao lục nguyên văn, trọn chẳng bình luận thì kẻ ngu sẽ tưởng niệm Phật chính là một pháp để tích trữ tiền bạc trong cõi âm! Từ đây một người xướng, trăm kẻ họa, chỉ mong làm quý có tiền, đánh mất chỗ nương dựa để tạo lập công phu vãng sanh Tây Phương. Người trí thấy vậy sẽ chê kẻ biên soạn trọn chẳng có chánh nhãn. Nếu bình luận nguyên do thì đôi điều đều đạt được. Nếu không, cả hai điều đều mất. Những sách vở trong thế gian đều có những chỗ giúp nêu tỏ

đem đốt số cỏ ấy nơi miếu Địa Tạng. Làm như vậy được mấy năm, chợt thượng thư Thôi bị nhọt mọc trên lưng, chết xuống âm phủ. Diêm vương trừng mắt, tra hỏi sự thiện ác lúc còn sống. Ông Thôi thưa: “Nếu ngài cho con được sống lại, con sẽ một mực tu phước nghiệp chuộc tội được chăng?” Diêm vương nói: “Tiền của nhà ngươi đã tích trữ đều là do tạo nghiệp mà có, không dùng được ở nơi này. Gã thường dân Trương Bản ở đầu nhà ngươi có trữ tiền vàng cả mấy kho ở đây. Hãy đem tiền thật đổi lấy một vạn tiền cõi âm thì sẽ tiêu được tội!” Họ Thôi đáp: “Chỉ cần con về lại dương gian thì sẽ làm chuyện ấy dễ dàng. Nhưng Trương Bản nghèo kiệt xác, sao lại được như thế?” Diêm Vương nói: “Phàm người giữ trai giới chí tâm niệm Phật một tiếng, dầu cho tán tâm niệm Phật một tiếng cũng để dành được một đồng bằng bạc. Trương Bản chí tâm niệm Phật, dùng cỏ bò để ghi số, đã tích được mấy kho tiền rồi.” Ông Thôi sống lại, gọi Trương Bản bảo: “Ông tích trữ được mấy kho tiền ở âm phủ, có thể đổi cho ta một vạn được chăng.” Ông Trương sững sờ, câm lặng! Họ Thôi bảo: “Ông dùng cỏ bò để nhớ số câu niệm Phật, đem thiêu trong lò đốt giấy tiền ở miếu Địa Tạng, chính là khoản tiền ấy đấy.” Trương đáp: “Nếu thật sự như vậy, nếu quả thật hữu dụng, xin tùy ý ngài.” Ông Thôi bèn sai viết bằng khoán, đem một vạn bạc thật để đổi lấy tiền cõi âm, thỉnh họ Trương đốt bằng khoán tâu với âm phủ, quả nhiên lành bệnh. Trương Bản nói: “Tôi tuổi đã già rồi, chẳng dùng tiền để làm gì”, bèn đem số bạc ấy dựng một cây cầu lớn, tốn đến mấy vạn bạc, lại dựng một cái am cho người khác tu tập. Do ông Đinh Phước Bảo dẫn câu chuyện này nên tổ Ấn Quang khuyên ông Đinh hãy ghi thêm lời chú thích hoặc giảng giải cận kề kẻ kéo người đọc chỉ lo niệm Phật hồng trữ tiền trong cõi âm, không cầu được vãng sanh.

Phật pháp, nhưng do người soạn chưa mở được chánh nhãn nên thường đến nỗi dẫn đến hiệu quả trái nghịch. Như Kỷ Văn Đạt, Viên Tử Tài cực lực muốn làm cho người khác tin sâu nhân quả, nhưng chưa hiểu rõ tự tâm, nên thường viết những câu tự mâu thuẫn, hoặc hiểu lầm tin tức, ngộ ma cảnh là Phật cảnh, hướng là những kẻ khác ư?

659. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bảy)

Vừa nhận được thư và Đại Sĩ Tập, khôn ngăn mừng rỡ. Bài văn Đại Sĩ Bi đã được ông Hoàng Hàm Chi chú giải thì ân trách của đại sĩ Phó sẽ thâm nhuần khắp mọi quần manh. Tôi gởi thư ngay cho Ngọc Tiên, nói rõ nguyên do và gởi kèm theo thư của các hạ. Chú giải đã xong, nếu cho khắc ván chẳng cần phải nói đến nữa! Nếu không khắc thì sao ông ta lại miệt mài muốn xin các hạ chú giải. Nhưng sau khi chú giải đã soạn xong, sẽ đem nguyên cáo từ chỗ Quang gởi đi, đợi cho ông ta đọc xong thì mới quyết định khắc ván hoặc đúc bản kẽm. Lời hỏi của ông Vạn nên ghi vào phía sau.

Tác phẩm lớn lao của ông là Phật Học Đại Từ Điển chữ quá nhỏ, mắt Quang chẳng thể đọc được. Ngẫu nhiên đọc một hai đoạn, tựa hồ có chỗ cần phải thương lượng, châm chước, nên cũng viết vào sau thư này. Những điều ông giảng giải về từ ngữ “*được Phật tiếp dẫn*” không sai, nhưng Thiên Thân Luận chính là Vô Lượng Thọ Kinh Luận, cũng còn gọi là Vãng Sanh Luận. Trong mục lục Đại tạng gọi là Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-ba-đề-xá. Ưu-ba-đề-xá⁹⁰ chính là từ ngữ tiếng Phạn để chỉ *luận* vậy.

Trong từ ngữ “*cách ám chi mê*” thì ám có nghĩa là sắc thân, tức ngũ ấm. Do điều này, bậc Bồ-tát chưa đoạn sạch kiến tư hoặc trong tam giới hể thọ sanh thì vẫn còn có cái làm cho họ bị mê hoặc, vì thế gọi là “*cách ám chi mê*”. Rất nhiều vị đại căn khí lúc thoát đầu cũng mê muội trái nghịch giống như phàm phu, nếu gặp được duyên hoặc vừa nghe khai thị liền ngộ ngay lập tức, thật giống như người thuộc hai cuộc đời khác nhau, đầy đủ là do đời trước đã gieo thiện căn sâu xa nhưng chưa đoạn được phiền hoặc, hể vừa chuyển sang đời sống khác liền trở thành mê trái. Kinh luận thường gọi lúc chưa chết là hiện ám, gọi lúc chết rồi nhưng chưa thọ sanh là trung ám, thọ sanh rồi thì gọi là hậu ám. Hậu ám là ước theo lúc chưa chết mà nói, chứ nếu ước theo lúc đã thọ sanh để nói thì phải gọi là hiện ám. Thuyết “*cách ám*” chỉ cho điều này.

⁹⁰ Ưu-ba-đề-xá (Upadeśa) là một thể tài trong kinh điển, còn được phiên âm là ô-ba-đê-thước, dịch nghĩa là “chỉ thị, hiển thị, tuyên thuyết, luận nghị” hoặc “chú giải chương cú kinh”, đều hàm nghĩa: Đây là những trước tác của các đệ tử Phật hoặc các luận sư đời sau nhằm chú giải, diễn giảng những lời Phật đã nói.

Gạt bỏ Tây Phương Di-đà, coi đó là chấp lấy pháp ở ngoài tâm, đây chính là căn bệnh chung của những kẻ tham thiền nhưng không hiểu được ý, chỉ chấp có tâm, chẳng biết có Tịnh độ, cũng như chẳng biết có vị giáo chủ cõi Tịnh độ. Ý họ cho rằng: “Hết thấy duy tâm mà Di-đà ở Tây Phương tức là chấp lấy pháp ở ngoài tâm”, chẳng biết: Do hết thấy duy tâm nên Sa-bà chỉ là do sự nhớ uế trong tâm cảm thành, Cực Lạc cũng chỉ do sự khiết tịnh trong tâm cảm thành! A-di-đà Phật ở Tây Phương chính là đức Phật thiên chân nơi tự tánh của chúng ta, đức Phật thiên chân trong tự tánh của chúng ta chính là A-di-đà Phật trong thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chẳng thấu hiểu nghĩa lý “duy tâm”, lầm lạc sanh ý niệm lấy bỏ, lỗi ấy kẻ sao cho xiết? Ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm, do tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, do tâm uế thì cõi Phật uế. Cảnh thiện hay ác là do tâm thiện hay ác cảm thành. Trọn chẳng có chuyện thiện tâm, tịnh tâm lại cảm ác cảnh, uế cảnh, hoặc ác tâm uế tâm lại cảm được thiện cảnh, tịnh cảnh. Do bởi lẽ ấy cho nên nói “ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm”.

660. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười tám)

Nhận được thư, biết sách Phật Học Toát Yếu đã được sửa chữa, ấn hành, rộng kết pháp duyên, khôn ngăn mừng rỡ, vui thích. Ông gửi tới 20 cuốn, tôi chưa hề nhận được. Thoạt đầu sợ là được gửi riêng trong một bưu kiện khác, nên chắc sẽ chậm trễ một hai ngày. Vì thế tính khi nào nhận được sách mới dâng thư phúc đáp. Đến nay vẫn chưa nhận được, sợ bưu cục đã để lạc mất rồi! Nhưng thiện thư ấy hễ có ai xem thì cũng được rồi, cũng chẳng cần phải áy náy vì Quang không được xem. Nhưng gửi nhiều đồ vật qua bưu cục mà vẫn bị như thế, chẳng biết họ đã bao lần làm hư chuyện lớn của người khác? Xin hãy nói rõ với bưu cục để họ lưu tâm.

Đối với những bộ Nhị Thập Sử Cảm Ứng Lục đã được khắc bản, các hạ có được sáu bảy loại thì những chuyện lạ lùng hiếm nghe được ghi chép trong các bộ sử sẽ chẳng bị thiếu sót. Nếu các hạ chịu chọn lọc hết ra để lưu truyền trong vũ trụ sẽ khiến cho những kẻ thiên chấp đoạn kiến và những kẻ chỉ tin vào sử sách chẳng tin vào nhân quả báo ứng được nói tới trong các sách vở khác đều được lợi ích. Ấy là công đức chẳng thể nghĩ bàn, chẳng những có ích cho Phật pháp mà quả thật còn là khuôn mẫu lớn lao cho việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ vậy! Nguyên sau khi đã soạn thành sách rồi sẽ đặc biệt ban cho Quang một bộ nhằm thỏa tấm lòng ngu muội thì tôi cũng chẳng ngại phiền phức, sẽ hướng đến khắp mọi người hữu duyên để tuyên nói.

661. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười chín)

Vừa nhận được Quán Âm Linh Cảm Lục và Phật Học Sơ Giai do ông gửi tới, khôn ngăn cảm phục. Năm Mậu Ngọ (1918), Quang nhận lời thỉnh của ông Trần Tích Châu tu chỉnh Phổ Đà Sơn Chí, Quang tính sưu tầm khắp mọi sự tích linh cảm của ngài Quán Âm trong Đại tạng để đưa vào trong Sơn Chí, nhằm nêu rõ thật nghĩa nơi bốn vách và tích của vị chủ nhân núi này. Hiềm rằng mắt vẫn lòa như cũ, không cách nào viết lách được, nay thấy bản biên tập của các hạ, khôn ngăn mừng cho chúng sanh không nơi nương tựa trong cõi Sa-bà đã có được nơi che chở. Tôi sẽ cất giữ cuốn sách này trong phòng chứa kinh. Nếu vạn nhất được toại nguyện, mắt được sáng lại, sẽ thực hiện ý nguyện sửa chữa, tu chỉnh Sơn Chí lần nữa, ắt sẽ chọn lọc sử dụng tài liệu trong cuốn sách này nhằm đáp tạ ân lớn lao của Đại sĩ, hòng an ủi nỗi khổ tâm của các hạ, mà phẩm sen của lệnh nghiêm, lệnh từ cũng sẽ được chuyển cao lên hơn nữa.

Cuốn Phật Học Sơ Giai tôi sẽ đem tặng cho người có tín tâm để rộng kết pháp thí cho các hạ. Kinh Bát Đại Nhân Giác do ông gửi khi trước tôi đã nhận được rồi. Ông sai tôi viết lời đề từ cho cuốn Phật Học Sơ Giai thì tôi vẫn từ thô lậu quê mùa, chẳng thể nêu tỏ ý nghĩa của cuốn sách ấy được. Do vậy chẳng qua là làm chuyện tắc trách mà thôi!

662. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai mươi)

Quang vốn là chủng tử địa ngục hủy báng Phật pháp, may mắn nhờ vào thiện căn đời trước, giữa chừng giấc ngộ xuất gia tu trì tịnh nghiệp để mong thoát khỏi cõi khổ não này mà thôi. Nào ngờ Mã Khê Tây cứ muốn ép tôi vào địa ngục A-tỳ, biến tôi vốn là chủng tử địa ngục rớt cuộc thành một vị Bồ-tát sống! Hay thì hay thật đấy, nhưng đại vương Diêm-la quyết chẳng chấp nhận đem phạm lạm thánh, ắt sẽ phải mời tôi là một vị Bồ-tát giả tới hiển hiện thần thông trong vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao v.v. nơi ấy. Sợ rằng sẽ phải đem đầu mặt giao nộp mà thôi! Chẳng những không thể sanh về Tây Phương, mà còn sợ rằng sẽ phải thường ở mãi trong địa ngục A-tỳ không thể thoát ra. Nếu ông thương xót tôi, quyết sẽ đem truyện⁹¹ ấy đốt sạch hết đi, khiến cho ông ta chẳng còn làm những chuyện bịa đặt sáo rỗng ấy nữa thì may mắn muôn phần, vạn phần vậy!

663. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai mươi một)

⁹¹ Tức cuốn Ấn Quang Đại Sư Truyện do Mã Khê Tây soạn.

Nhận được thư và sách Tam Tạng Pháp Số⁹², khôn ngăn vui mừng. Nhưng Quang cứ một mực muốn in phần thư căn⁹³, sau này hễ in sách, đều cần phải in chữ nơi phần thư căn để tiện kiểm tra phòng ngừa sách bị mất trang. Cách ấy chính là cách tốt đẹp để bảo tồn sách vở vậy. Cao Tăng Truyện còn phải đợi ba năm nữa mới khắc ván được, năm năm nữa mới in ra sách được. Sách ấy bị sai ngoa rất nhiều vì Dụ Muội Am nghề nghiệp bận bịu, cậy người khác biên soạn giùm, khi biên chép, trình bày đều không giáo duyệt tường tận. Ông ta lại đòi ba lần cậy Quang giáo chánh, nhưng Quang quả thật suốt ngày không có lúc rảnh rỗi. Hôm nay ông ta gởi thư đến nói: “Dù phải chậm trễ ba năm cũng không đáng lo ngại!” Nhưng các sách ông ta đã đọc phần nhiều đều là các tỉnh phủ huyện chí, những sách được liệt kê tuy không nhiều lắm, nhưng những sai sót trong ấy có nhiên chẳng ít. Ông đáng gọi là bậc đọc rộng rãi các sách, phạm những điều nào không có trong các truyện về những bậc cổ đức lỗi lạc xin hãy đều sao ra, phán đoán thời đại của các vị ấy để lúc khắc ra sẽ tùy theo từng loại mà ghép vào phần trước hay phần sau bộ sách này.

Hơn nữa, tập sách này không có lời bình luận, Quang tính thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh viết lời bình luận dưới mỗi truyện cho giống với thể tài của ba tập trước. Hơn nữa, ba tập cao tăng truyện các đời Lương - Đường - Tống đều có thiếu sót, nếu ông đọc các sách cổ thấy có vị cổ đức lỗi lạc nào mà trong Cao Tăng Truyện chưa có thì cũng nên sao ra để soạn thành phần bổ di⁹⁴ in kèm sau sách. Ông Hứa Chỉ Tịnh bút lực vượt trội vạn người, văn chương lừng lẫy một thuở, hiện đang biên soạn bộ Quán Âm Cảm Ứng Tụng cho Quang. Phần chánh văn đã biên soạn xong, Quang bảo ông ta viết thêm lời chú, sẽ hoàn tất vào tháng 3 năm sau thì ân trạch của Đại sĩ sẽ được thấm nhuần khắp hoàn vũ vậy.

664. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh

Hòa thượng Liễu Thanh đưa thư của ông cho tôi đọc, cảm kích sâu đậm tấm lòng chân thật vì pháp của cư sĩ. Ông yêu mến tôi tới tột bậc, nhưng chẳng biết cách yêu mến, nên chẳng thể không trình bày đại khái để dứt nghi tình. Bộ Phật Môn Vựng Tãi được biên soạn nhằm chấn hưng pháp đạo, chỉ dạy kẻ ngu mê, nếu tác phẩm nào lý không đạt tới mức uyên thâm, bút mực không siêu diệu như biển rộng trời cao, chuông vàng khánh ngọc, khiến cho người khác vừa đọc sẽ

⁹² Tức cuốn Thông Kiểm Bản Tam Tạng Pháp Số do Đinh Phước Bảo soạn. Ông Đinh dựa theo Đại Minh Tam Tạng Pháp Số và Giáo Thừa Pháp Số chọn lọc lấy những danh từ Phật học thông dụng nhất để giải thích.

⁹³ Tức phần in tên sách, số quyển, số chương, số trang trong mỗi trang sách.

⁹⁴ Bổ di (補遺): Phần bổ sung nhằm bù đắp những chỗ thiếu sót trong phần sách chính.

sanh lòng tỉnh ngộ mạnh mẽ như trong đêm tối nghe tiếng chuông sẽ tỉnh ngay giấc mộng hư huyền thì làm sao đáng đưa vào trong ấy! Ấn Quang là một ông tăng tầm thường, trăm sự chẳng làm được một, mắt lại còn bị tật đã lâu, chẳng thể đọc khắp các kinh luận, lại trọn chẳng có tánh nghe, nghe xong liền quên sạch, trọn chẳng nhớ được tí ti nào, làm sao có thể dự vào trong hội tốt lành ấy cho được? Trong mấy chục năm qua, không có chuyện gì cần thiết thì tôi chẳng gán gửi bút mực. Ủy Như sưu tập những bản văn hủ bại đem khắc ván là đã quá phận rồi, huống chi nay lại giao cho Thời Sự Tân Báo Quán ư?

Tục ngữ có câu: “Không gạo không sao nấu cơm được!” Không phải là Quang chẳng muốn được thể diện, nhưng do không có gạo nên chẳng thể đem đất, đá, trấu, tấm giả làm món ăn ngon lành khiến cho người khác chê cười. Đối với dòng họ ngoài đời, năm tháng xuất gia, những chỗ đã trụ, những chuyện đã làm, đây chính là những dữ liệu về bậc đại thông gia có công đối với pháp đạo nên được người đời sau sao chép để nêu gương nhằm phát khởi cái tâm kính ngưỡng, mong mỗi, hăm mộ của người khác nên không thể nào chẳng làm như vậy. Còn như Quang là một ông tăng tầm thường, ngoài chuyện ăn ngủ ra, trọn chẳng biết gì cả, trọn chẳng làm được gì. Sao đáng để noi theo khuôn sáo ấy? Dùng khuôn sáo ấy sẽ trở thành khác phân người giả làm chiêm-đàn, đẹp thì đẹp mặt thật đấy, nhưng chỉ thói tha, không thơm tho gì. Cũng giống như đem đất, gỗ giả làm vàng ngọc, choáng lộn thì choáng lộn thật đấy, nhưng chỉ có sắc chứ chẳng thể tỏa sáng được. Khi chưa xuất gia, Quang đã coi chuyện hư trương thanh thế là điều đáng thẹn, huống chi nay đang muốn theo gót các vị thượng thiện nhân ưu du trong thế giới An Dưỡng. Há chịu biến không thành có để lừa đời, dối mình ư?

Một câu Nam-mô A-di-đà Phật chỉ cần niệm cho thuần thực thì thành Phật còn có thừa, không học Mật pháp nào phải áy náy gì? Mỗi ngày niệm Phật ba chục vạn câu thì ý căn lẫn lộn thiệt căn đều nhay bén, nhưng đừng chỉ hăm mộ niệm cho nhiều. Hãy nên dốc sức nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà thôi! Hơn nữa, những kẻ tu hành phù phiếm, hời hợt hiện thời phần nhiều đều chẳng tu hành chân thật, chỉ mong được hư danh. Quang từng thấy rất nhiều kẻ công khóa hằng ngày niệm Phật tới mười vạn câu Di-đà, nhưng đều là phô phang thanh thế sáo rỗng nhằm dối mình lừa người mà thôi. Hễ nhiệm phải thứ tập khí ấy thì sẽ chỉ nhọc nhằn chứ không có công hiệu gì đâu. Nhỏ thì sẽ biến không thành có, lớn thì đem phạm lạm thánh, chẳng những không có công lao gì mà tội lỗi cũng chẳng thể nói trọn hết được.

Hiện nay tăng nhân tuy nhiều, nhưng kẻ có thể hoàng pháp thật ít. Do thỉnh pháp sư chẳng dễ, cho nên đến nỗi như thế. Nhưng nghe kinh giống như tu trì tịnh

ngiệp, hễ nêu rõ nguyên do của tự lực và tha lực thì sẽ có lợi lớn lao. Nếu chỉ cầu thông đạt giáo nghĩa, chẳng chú trọng Tịnh độ thì sợ rằng sẽ không có sức đoạn hoặc chứng chân. Muốn mang nghiệp vãng sanh mà lại chẳng sanh tín nguyện thì tuy có Phật lực nhưng không có cách nào nương cậy, sẽ trở thành kẻ có nhân không quả, nghiệp thức mờ mịt. Cần biết rằng, những giáo pháp được nói trong suốt một đời đức Phật đều thuộc về pháp môn tự lực, chính là giáo lý theo đường lối thông thường; còn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt, hoàn toàn cậy vào Phật lực. Nếu có thể đoạn hoặc chứng chân ngay trong đời này thì chẳng cậy vào Phật lực cũng chẳng mắc lỗi gì, chứ nếu đã không thể đoạn hoặc chứng chân ngay trong đời này mà lại chẳng cậy vào Phật lực thì nếu không ngu ất cũng là cuồng. Những bậc đại thông gia hiện thời thường là như thế đấy, buồn thay!

Người học đạo chuyện gì cũng phải noi theo thật tình, cuối thư há nên dùng chữ “trăm lạy” sáo rỗng? Chắc là ông nghĩ khuôn phép sáo rỗng ấy là cung kính đầy chẳng? Từ nay về sau đừng nên như thế nữa, chỉ nói “đảnh lễ” là được rồi.

Thư của Lâm Tâm Liên hỏi về Lý Trác Ngô, người này cũng thuộc hạng “tưởng chừng là đúng mà thật ra là sai”. Xét ra, ông ta xuất gia nhưng không thọ giới, liền tự nói pháp, tới khi người trong vùng chê là tà thuyết, nông cuồng, trái nghịch, bèn đội mũ làm nhà Nho. Xét theo học thức của Trác Ngô, làm sao có thể phô bày, đề cao tâm pháp của Thích - Nho được? Ông ta đột ngột hoàn tục tức là hành vi không có đường lối nhất định, cứ làm bừa theo ý mình. Há còn đáng gọi là bậc quân tử hiểu lý, thấu hiểu tận cùng tánh hay chẳng? Cuốn *Cư Sĩ Truyện*⁹⁵ đặc biệt viết truyện về ông ta, quả thật là đề cao quá đáng! Sợ ông Lâm vẫn chẳng chấp nhận lời Quang là đúng, vì thế tôi viết kèm thêm vào thư gửi cho ông.

Ông muốn xuất gia đã lâu, chẳng biết khẩn thiết như thế nào? Nay thấy cách xử sự khi ông ở chùa Thái Bình thì cũng là phùng hời hợt, hờ hững. Tức là ông muốn xuất gia chỉ nhằm cầu được thanh nhàn, tự tại mà thôi. Nếu thật sự muốn tu trì sẽ chẳng đến nỗi thông dong, lửng lơ như thế!

Kinh Lăng-nghiêm có gì mà chẳng thể nghiên cứu được, nhưng cần phải lấy Tịnh độ làm chủ thì hết thảy kinh sẽ xiển dương lợi ích của Tịnh độ. Phần mở đầu kinh Lăng-nghiêm gạn hỏi cái tâm khó khăn như thế thì biết chúng sanh đời mạt

⁹⁵ *Cư Sĩ Truyện* (56 quyển) do Bành Thiệu Thăng (Bành Tế Thanh) soạn, chép về ngôn hạnh của hơn 200 vị cư sĩ ngoại hộ Phật pháp từ đời Hậu Hán cho đến niên hiệu Càn Long nhà Thanh được sưu tập từ các bộ sử truyện, văn tập của các vị danh sĩ cho đến những sách chuyên viết về Phật giáo như Hoàng Minh Tập, Quảng Hoàng Minh Tập, Phật Pháp Kim Thang Biên, Truyền Đăng Lục, Ngũ Đăng Hội Nguyên, Phật Tổ Thông Kỷ, Phật Tổ Thông Tài v.v.. Sách được khởi đầu bằng các vị Mâu Dung, An Huyền, Trúc Thúc Lan v.v.. Hai vị cuối cùng là Chu An Sĩ và Tri Quy Tử.

nếu cứ muốn nghiên cứu kinh điển suông để giải quyết sự việc thì sẽ tự làm, làm người lớn lao. Huống chi trong phần hai mươi lăm pháp viên thông, kinh xếp pháp viên thông của ngài Thế Chí trước pháp viên thông của ngài Quán Âm, hàm ý lấy Tịnh độ làm pháp môn chủ yếu cũng lớn lao thay! Đến phần giảng rõ về cảnh ngũ ấm ma, Phật dạy kẻ phá được hai ấm sắc và thọ mà vẫn còn có chuyện bị ma dựa, đủ thấy sự khó khăn khi dùng tự lực để liễu sanh tử, sự dễ dàng khi dùng Phật lực để liễu sanh tử. Nghiên cứu được như thế thì sẽ có lợi ích lớn lao.

Phàm khi nghiên cứu, ắt phải lắng lòng, dứt bất suy nghĩ, ngưng thân đọc kỹ thì sẽ như vào trong đảo châu báu lớn, ắt sẽ có thu hoạch. Nếu chỉ mong đọc ào ào cho nhanh, hận chẳng vừa đọc là xong ngay, thì chẳng những không hiểu được nghĩa lý của kinh mà lâu ngày chắc sẽ bị bệnh đến nổi tổn khí, thổ huyết v.v.. Người khéo được lợi ích, không gì chẳng tạo lợi ích; kẻ cam chịu tổn hại, không gì chẳng phải là tổn hại. Kinh Lăng-nghiêm quả là bản kinh màu nhiệm để hoằng dương Tịnh độ, nhưng kẻ chưa hiểu pháp môn Tịnh độ thường do kinh Lăng-nghiêm mà ngược ngạo coi thường pháp môn Tịnh độ. Đây gọi là “kẻ nhân thấy là nhân, kẻ trí thấy là trí”, do chính mình chưa có đủ chánh nhãn, cứ cậy vào ý kiến của chính mình để hiểu ý kinh mà ra.

Lăng-nghiêm quán nhiếp⁹⁶ khá rõ ràng, nhưng giải thích kinh văn dễ dàng, rõ ràng nhất thì không gì bằng sách Lăng-nghiêm Chi Chương; nhưng đa số những chỗ trọng yếu trong Chi Chương lại không theo sát kinh văn, đây là do mỗi người khéo hiểu mà thôi. Thoạt đầu cần phải nghiên cứu Tịnh tông đến chỗ không còn bị dao động, mê hoặc thì mới có thể đọc rộng rãi các kinh luận. Nếu chưa hiểu rõ Tịnh tông, hễ đọc rộng rãi các kinh luận sẽ khó khỏi bị kinh giáo hoặc lời lẽ của tri thức xoay chuyển, ngược ngạo gác bỏ Tịnh độ ra ngoài. Người đời nay hễ hiểu kinh giáo đôi chút bèn chú trọng nơi nghiên cứu, hễ hơi hiểu thiền ý bèn chú trọng nơi tham cứu. Nguyên nhân nói chung là do họ không biết chính mình là nghiệp lực phàm phu chẳng thể tự chứng giải thoát được. Cái cực thâm diệu nằm ở chỗ cực bình thường, ví như một câu Phật hiệu vốn cực bình thường, nhưng niệm tới cùng tốt thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa đều có thể hiểu được. Lại như gốc cây, vốn cực bình thường, nhưng sanh rễ, nảy mống, đâm cành, trổ nhánh, nảy lá, đơm hoa, kết quả, thật màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế kẻ biết nhìn vào, biết thực hiện cái bình thường thì chính mình mới thật sự có sở đắc. Nếu chỉ

⁹⁶ Quán nhiếp: Nói tắt của “quán thông nhiếp thọ” (貫通攝受), tức gồm thấu, thấu nạp xuyên suốt, không để sót điều gì. Ý nói kinh Lăng-nghiêm dạy về lý tánh lẫn sự tu rất rõ ràng, chỉ vì người đọc do chấp trước quá nặng nên không thể hiểu viên dung ý Phật.

biết thâm diệu thì phần nhiều khó thể tận tụy thực hiện được, trở thành kẻ chỉ biết nói những lời lẽ thâm diệu mà thôi.

Lệnh hữu bị bệnh, chỉ nên khuyên ông ta trở về nhà dưỡng bệnh, và muốn phần chớ nên để ông ta tới Phở Đà; do ông ta quen thói kẻ cả, thức ăn phải nấu nướng khéo léo, nhà cửa phải lộng lẫy, người hầu hạ phải lanh lợi, hễ gặp một chuyện gì không vừa ý liền sanh phiền não. Ở Pháp Vũ chẳng có một điều nào hợp ý ông ta được đâu! Huống chi ông ta tự cao tự đại, trọn chẳng có tín tâm, tuy anh ông đã ghi tên xin quy y giùm ông ta, thế mà khi Quang đến Thượng Hải, ông ta trọn chẳng có một lần nào đến thăm hỏi (Quang không trách ông ta bất kính, nhưng do vậy biết ông ta tự đại cũng như thiếu hẳn tín tâm). Làm sao tới núi dưỡng bệnh cho được? Nếu chẳng nói rõ những chuyện này, chắc ông ta sẽ nghe theo lời hai anh em ông khuyên, đường đột chẳng nghĩ thân phận, tánh tình của mình như thế nào, Pháp Vũ là nơi chốn như thế nào để rồi đến ngay, sẽ trở thành chướng ngại, không bao lâu sẽ phải bỏ đi, đâm ra bị tổn hại vô ích. Ngàn vạn phần đừng khuyên ông ta tới núi kéo đến nỗi đôi bên đều bất an.

Sư Hoằng Nhất chỉ muốn làm một gã tự giải thoát, muốn phần chẳng thể đảm nhiệm sự việc được! Do thầy ấy tâm hạnh tỉ mỉ, tinh tế, hễ phải đảm nhiệm công việc sẽ bị tổn thương, hễ bị tổn thương sẽ phải bỏ cuộc giữa chừng. Nếu tự mình dụng công thì sẽ được yên vui.

Mua loài vật phóng sanh, nếu dựa theo lý rốt ráo “tự thương, thương người” để luận, [khi con vật bị chết trước lúc được phóng sanh] cố nhiên nên đem chôn, chớ nên đổ xuống nước khiến xác con vật đã chết trôi lênh bênh trong nước, rốt cuộc chẳng phải là kế sách tốt đẹp. Nếu bảo là vì nó đã chết, liền đem cho người khác ăn và thí cho người nghèo ăn thì cũng không phải là không được. Hãy nên bảo người ăn niệm Phật cho con vật đã chết ấy thật nhiều, bởi nó là con vật được phóng sanh; nếu không, ăn vào sẽ bị mắc tội. Nếu có thể niệm Phật cho nó thì đôi bên đều được lợi ích. Dùng điều này để khuyên bảo thì cũng có thể dẫn dụ người ăn kia gieo được chút thiện căn. Dầu chưa thể thả được sanh vật thì đối với những thức ăn do chính mình sắm sửa, hãy nên niệm Phật cho nó thì đôi bên cũng đều được lợi ích. Ông chấp chặt hẹp hòi như thế, cho rằng đã nói quy y niệm Phật thì không được ăn, tức là dạy kẻ ăn thịt nhất loạt chẳng niệm Phật. Những kẻ ăn thịt ấy chỉ biết thịt là thứ có vị ngon, chẳng biết sau này khi chính mình cũng sẽ là thức ăn có vị ngon để cho người khác giết ăn thì trong tâm họ mới cảm thấy khó chịu. Kẻ ấy đã chẳng hiểu sự việc như thế thì đành để mặc cho kẻ ấy sau này đợi người khác giết ăn là được rồi, cần gì phải phí sạch tâm tư khuyên nhủ hẩn. Hẩn đã mong cầu được người khác ăn hẩn, ông khuyên hẩn đừng muốn tìm cầu sự

khổ ấy, đâm ra trong tâm hẩn lại chẳng yên vui! Cứ để mặc hẩn đi, để cho hẩn đem thân làm món ăn cho người khác; đến lúc ấy, dầu tâm can đau xé cũng vô ích. Khi ấy hẩn sẽ tự hiểu sự sai lầm trong lúc này và lời ta đã nói với hẩn chẳng phải là dọa dẫm thì cũng đã muộn rồi.

Thuốc là vật dùng để trị bệnh, hễ bị bệnh do nghiệp gây ra thì thuốc men chẳng làm gì được cả! Huống hồ sắp chết thì thuốc có thể hồi sanh được hay chẳng? Dầu không phải là do nghiệp gây ra mà chí tâm niệm Phật thì cũng sẽ tự chẳng sanh bệnh. Mắc bệnh thì uống thuốc cũng được! Nếu chuyên trông cậy vào thuốc thì nhà phú quý, nhà thầy thuốc sẽ không có ai bệnh tật, đều trường thọ cả rồi.

Những kẻ ăn thịt kia do tâm tham sai khiến, muốn bảo họ đừng ăn thì phải từ nhân quả báo ứng và nỗi đau khổ, oán kết phát sanh vì bị giết hại mà nói thì mới dễ lay động lòng người được. Nếu chỉ biện minh là tịnh hay bất tịnh thì đấy chỉ là sự việc nơi cảnh nhánh. Hơn nữa, người ta đã muốn ăn thì đâu cần bận tâm thịt là thứ bất tịnh. Trước kia có một vị đại cư sĩ hoàng pháp mấy chục năm, nhưng hằng ngày vẫn ăn thịt (tên của vị này Quang chẳng nói, ông cứ suy ra là biết liền), huống chi những kẻ hời hợt, hờ hững ư? Nếu ông thật sự muốn làm lợi người khác, hãy nên lưu truyền những lời răn dạy cực thống thiết của cổ nhân. Còn như trong bài văn ông đã soạn, ông nêu ý nghĩa “một người phóng sanh thì mười nhà được hưởng lợi ích” và thuyết “những thứ ấy chẳng phải là tam tịnh nhục⁹⁷” thì đấy chính là những nghĩa lý chi ly, vụn vặt, phiền phức của các vị giảng sư. Nghe nói về những nghĩa ấy, kẻ có tín tâm thì còn sanh được thiện tâm, chứ kẻ không có lòng tin chắc sẽ phỉ báng.

Tôi đã nhận được bài văn Mười Thứ Lợi Ích, đem tặng hết rồi. Suy nghĩ cặn kẽ thì thấy những điều được nói trong bài văn ấy sẽ có thể khiến cho những gã đứng ngoài cửa dấy lên lời dị nghị, hễ tặng hết bài văn ấy xong hãy đừng in nữa thì hơn. Tôi chẳng bảo những lời ông nói không đúng, chỉ là chưa nói được cương lĩnh trọng yếu. Cương lĩnh trọng yếu là ở chỗ nào? Chính là ở chỗ sát sanh sẽ kết oán thù triền miên, đời đời kiếp kiếp tàn sát lẫn nhau. Ông chỉ nên chí tâm niệm Phật để làm phương kế siêu thoát cho những kẻ giết chóc và những con vật bị giết chóc thì sẽ có lợi ích lớn lao. Nếu khăng khăng đem bài văn ấy đăng trong các tờ báo Phật giáo thì rốt cuộc có được mấy ai xem?

Vợ và em gái ông nhất định muốn dùng thịt để đãi khách, hai người ấy chết đi chắc chắn phải biến thành lợn, dê, gà, vịt, tôm, cá. Nếu chẳng biến thành những

⁹⁷ Theo Thập Tụng Luật, quyển 37, có ba thứ thịt cho phép người có bệnh được ăn, gọi là “tịnh nhục”: chẳng chính mắt thấy giết, chẳng nghe tiếng giết, chẳng vì ta mà giết.

thứ bị người khác giết để ăn thì trời đất cũng sẽ đổi vị trí, mặt trời, mặt trăng sẽ xoay sang phương Đông. Vì sao vậy? Do nhân như vậy nên phải cảm quả như vậy. Xin hãy đem lời này của Quang đưa cho họ xem, chắc còn có thể cứu được! Nếu không, chắc họ sẽ thường biến thành món ăn ngon nhất cho người ta đãi khách, chẳng biết họ sẽ vừa lòng thỏa ý hay đau khổ mong mỏi được cứu nhưng vạn phần chẳng có cơ duyên được cứu?

Trong cõi đời, những người ăn chay phần nhiều khỏe mạnh, những ai ăn thịt thường lắm bệnh tật. Do ăn thịt trược ác nên dễ sanh dục tâm, ăn chay thanh tịnh nên dục tâm nhẹ ít. Kẻ ngu chẳng hiểu lý, tưởng ăn thịt để bổ dưỡng con người, đây là muốn cho cả mình lẫn người sẽ đều biến thành súc sanh trong đời kế tiếp và đời sau, chẳng đáng buồn ư?

Ông nay muốn cầu được vãng sanh Tây Phương ngay lập tức, ý niệm ấy cũng tốt, nhưng chỉ nên thuận theo nhân duyên của chính mình. Nếu đặc biệt khởi lên cái tâm quyết liệt, cứ mong được vãng sanh ngay thì sẽ trở thành cái gốc để bị ma dựa đầy, cái họa mai sau làm sao tưởng tượng được! Sách Trung Dung có câu: “*Quân tử tổ kỳ vị nhi hành, tổ hoạn nạn hành hồ hoạn nạn*” (Quân tử hành xử theo đúng địa vị, gặp cảnh hoạn nạn bèn cư xử theo đúng cảnh hoạn nạn). Cách cư xử theo đúng cảnh hoạn nạn ấy nay ông hãy nên bắt chước làm theo. Gặp cảnh tật bệnh, phiền não bèn cư xử theo đúng cảnh tật bệnh, phiền não, coi chính mình là kẻ thường bị bệnh tật thì không có cái tâm bộp chộp mong gặp được lành, cứ nhất tâm niệm Phật thì mới chóng lành. Thấy quyền thuộc đáng giận hay đáng yêu liền nghĩ những người ấy chính là hòn đá thử vàng để ta trui luyện công phu, nên đặc biệt đối với kẻ đáng giận sẽ chẳng sanh lòng giận, đối với kẻ đáng yêu sẽ chẳng sanh lòng yêu. Đây gọi là “chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển bệnh khổ thành an lạc”. Nhất tâm niệm Phật cầu mau được vãng sanh, nếu như chẳng thể vãng sanh được ngay, chớ nên khởi lên tâm niệm bộp chộp, mong gặp đạt được thì bệnh khổ sẽ tự tiêu diệt, quyền thuộc sẽ tự hòa thuận tốt lành. Xin ông hãy suy nghĩ sâu xa. Bệnh chưa hoàn toàn bình phục hẳn, trọn chớ nên gần nữ sắc!

Hiện thời trừ đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình ra, sẽ chẳng thể nào cứu vãn được đâu! Giáo dục trong gia đình phải rất chú trọng tới nhân quả báo ứng. Các vị Lưu, Trì đáng gọi là biết bệnh, biết thuốc, nhưng chưa đề cập đến giáo dục trong gia đình thì vẫn chưa thể viên mãn đầy đủ. Xin hãy nói tường tận với các vị ấy.

Đức Như Lai thuyết pháp đều thuận theo tình người, chẳng ép người khác làm chuyện khó khăn. Như kẻ thọ giới ưu-bà-tắc, hoặc thọ một, hoặc hai, hoặc ba,

hoặc bốn điều, hoặc thọ trọn đủ, đều tùy theo ý muốn của con người. Ngay như giới dâm, kẻ xuất gia phải đoạn hoàn toàn, chứ với người tại gia chỉ ngăn cấm tà dâm. Bởi lẽ nam nữ lập gia đình có quan hệ lớn với luân thường nên chẳng ngăn cấm, nhưng đã thọ giới nhà Phật thì ắt phải tiết dục. Nếu chẳng vì có người nối dòng để thờ phụng tổ tiên, chỉ mong vui sướng, tuy chẳng phạm giới vẫn phạm lỗi lớn, chẳng qua so với tà dâm thì giảm nhẹ hơn mà thôi.

Bồ-tát sống trong cõi tục tuy cũng có vợ con nhưng không có dục niệm, cũng vì thuận theo tình cảm con người mà có lúc làm chuyện vợ chồng, bởi phạm phu chẳng thể vô tình. Nếu muốn trọn chẳng thân ái, chắc sẽ tạo thành oán hận đến nỗi khởi lên họa hại hủy báng Phật pháp. Chẳng những không thể tăng trưởng thiện căn mà còn tạo thành nghiệp hủy báng, đọa lạc trong ác đạo. Vì thế, trước hết phải dùng dục để lôi kéo, sau mới làm cho con người tiến nhập trí Phật. Đây chính là lòng đại từ bi uyển chuyển thuận theo tình cảm của con người, khéo bày phương tiện. Chỉ nên tiết dục, bất tất phải tuyệt dục. Mỗi quý (ba tháng) gần gũi một lần, ngõ hầu vợ chẳng đến nỗi mang nỗi khổ oán vọng mà sự tu trì của ông cũng chẳng bị trở ngại, lại còn có thể dẫn dụ vợ tu trì tịnh nghiệp.

Hãy nên nói: “Nếu chẳng tu hành tịnh nghiệp sẽ vĩnh viễn tuyệt giao!” Cô ta sẽ gắng sức thực hành. Đối với chuyện có sanh con hay không, chẳng cần phải bàn đến nữa! Bởi lẽ anh em ông thật đông con, há cứ cần chính mình phải có con thì mới chẳng tuyệt dòng nối dõi tổ tiên ư? Ấy là vì vợ chồng ăn ở với nhau bởi có túc duyên. Chẳng thể làm cho vợ mình gieo thiện căn, nở lòng bỏ mặc cô ta đọa trong ác đạo ư? Kinh Thi có câu: *“Thê tử hảo hợp, như cổ cầm sắt. Huynh đệ ký hấp, hòa lạc thả trạm. Nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa”* (Vợ con hòa hợp, như gảy đàn cầm, như đánh đàn sắt. Anh em hòa thuận, vui sướng, yên ổn. Gia đình êm ấm, vợ con vui vầy). Khổng tử nói: *“Phụ mẫu kỳ thuận hỷ hồ”* (Cha mẹ đẹp lòng vậy thay!) Ông nhất ý tu hành, đoạn tuyệt dục sự, chắc cô ta sẽ oán hận triền miên, hoặc đến nỗi uất ức mà chết. Nếu ông quả thật đạt được thượng phẩm thượng sanh thì không bị trở ngại lớn lao gì. Nếu không, sẽ mắc lỗi trái ý cha mẹ, trở thành kẻ oán đối của vợ thì cũng là phiền lụy lớn lao, so với nỗi phiền lụy do nói lỏng dục sự đôi chút thì sẽ sâu đậm hơn nhiều lắm.

Quang là tăng nhân, trọn chẳng khuyên người khác tạo nghiệp. Người ta đã đem thân giao phó cho ông thì hãy nên trọn hết đạo vợ chồng. Chuyện này chính là nghĩa trọng yếu trong đường tu hành, là điều chí tình nơi luân thường. Xin ông hãy phát tâm Bồ-đề, dẫn dắt cô ta là kẻ chẳng biết “dục chính là cội khổ” cùng sanh về thế giới Cực Lạc vô dục, ngõ hầu chẳng phụ đời trước có duyên với nhau, đời này làm vợ chồng vậy.

Lại nữa, nếu vợ sanh con thì sẽ là phiên luy lớn lao, không con thì sẽ yên vui tốt bậc! Nhưng cháu cả một bày, chứ đâu phải chẳng có đứa con nào. Luận sát sao theo sự thật thì ông có phước thù thắng hơn anh em ông nhiều lắm, nhưng người đời phần nhiều chẳng thấy được điều này, nên suốt cả đời làm đầy tớ cho con cái. Thử suy nghĩ sẽ thấy quả thật là một điều may mắn lớn lao. Lời này tuy trái nghịch tình cảm, nhưng thật ra là chí lý chí tình.

Bảy anh em của ông nội lệnh hữu do cùng một cha sanh ra, con cháu của ông nội thứ năm⁹⁸ đều là hậu duệ của cùng một ông cố. Vì hai gian nhà cho thuê thu nhập hơn 300 đồng liền muốn kiện nhau nơi cửa quan, chắc sẽ tốn bọn tiền. Chuyện kiện tụng chỉ là khoe tài cãi lý, muốn biến vô lý thành chuyện hữu lý. Nếu họ khởi lên ác tâm, thốt ra lời ác chửi bới, tranh chấp nhau, sẽ khiến cho người chung quanh cũng như người đời xâm xì: “Nhà ấy tổ đức đã suy nên lũ con cháu trong cùng một nhà tranh chấp lẫn nhau, anh em bêu riếu nhau!” Nhục lây đến tổ tiên, tội không chi lớn hơn nữa. Chuyện nhỏ tí tẹo trong gia đình, hãy nên nghĩ đến ân đức tổ tiên mà đặc biệt rộng lượng, chớ nên xử sự giống như tranh chấp cùng người đời. Dầu là đối với người trong cõi đời đi nữa, vẫn nên làm chuyện nghĩa, chỉ mong cho ai nấy được sống yên vui, dầu ngàn vàng cũng chẳng nuôi tiếc. Huống chi ai nấy đều là hậu duệ của cùng một cụ cố hay sao?

Bảy chi họ đều có sản nghiệp, chi dụng trong nhà cố nhiên chẳng cần phải nhờ vào mỗi thu nhập ấy để sống còn, sao lại ăn thua đủ với nhau, chẳng ai chịu nhường ai? Vì tranh chấp món tiền mấy chục đồng ấy mà kiện nhau ra cửa quan, chưa chắc bảy chi họ đã khỏi phải tốn một đồng nào. Dầu chẳng phải tốn một đồng nào đi nữa, không gì bằng chôn vùi tổ đức, nỗi nhục ấy còn quá bại gia phá sản. Chỉ vì một chi họ tuy vẫn đủ ăn, nhưng toan độc chiếm tài sản chung do tổ tiên để lại, đến nỗi sáu chi họ kia cùng dấy lên cái tâm bất bình, tức là đã vứt bỏ tổ tiên ra ngoài, chỉ muốn mưu tính cho con cháu của chi họ mình được giàu có, trái nghịch tổ đức, phạm các điều ác. Đừng nói là hơn 300 đồng, dầu cho 300 vạn đồng đi nữa cũng chẳng phải là điều phước cho con cháu, mà chính là chuốc họa cho con cháu để mong cho chúng bị tuyệt diệt đấy! Đọc sách hiểu lý, sao lại tầm tòi đến như thế?

Hãy thử xét xem, xưa nay những ai giúp người lợi vật, tôn kính tổ tiên, thương yêu cho dòng họ, con cháu không ai chẳng nắm địa vị cao, hưởng phước dày, đời đời kế thừa tổ đức triền miên chẳng dứt? Kẻ chỉ biết lợi mình, chẳng đoái hoài tổ tông, đất nước, nhân dân, không ai ba đời chẳng nối tiếp nhau tuyệt diệt hay chẳng?

⁹⁸ Đây là cách gọi theo lối xưa, gọi anh em ruột của ông nội mình theo thứ tự, ông nội thứ năm (ngũ tổ) chính là ông chú hay ông bác đứng hàng thứ năm trong các anh em của ông nội.

Vì sao vậy? Do căn bản tâm địa đã hoại, giống như dùng nước có chất độc để tưới tắm cây hoa, lúa, đậu, chẳng những vô ích mà còn có hại. Nếu một chi họ đã như vậy thì sáu chi họ kia há nên bắt chước ăn thua đủ, cứ muốn “cá đổi bằng đầu” với họ, trọn chẳng muốn chiếm địa vị cao cả, cứ nhất quyết phải cùng với họ chen chân vào chốn hèn hạ ô uế ư?

Hãy nghĩ xem, nếu tổ tiên chẳng để lại căn nhà ấy thì có còn làm người được hay chăng? Lại may mắn là tổ tiên để lại lắm của cải, chứ nếu nghèo trắng tay thì sẽ tranh giành với ai? Suy nghĩ đến điều ấy thì nhường cho bọn anh em trong họ mấy chục đồng có gì mà không được? Phạm Văn Chánh (Phạm Trọng Yên) còn tận nghĩa điền cho cả họ, huống là anh em cùng một nhà ư? Họ Phạm từ đầu đời Tống cho đến cuối đời Thanh đồ đạc chẳng dứt, ấy là do đức dày của Văn Chánh Công và con cháu đời đời vâng giữ, tu tập tổ đức mà ra.

Bọn anh em cùng một chi họ của lệnh hữu đều là con em nhà thư hương, đâu chẳng nghe tới đạo lý rất sâu của Phật pháp, nhưng những chuyện ấy (tức gương tốt đẹp của Phạm Trọng Yên) chắc đã từng nghe, sao chẳng “thấy người hiền mong được bằng” để chú trọng vun bồi tổ đức? Xin hãy đưa thư này của Quang cho khắp các chi họ của lệnh hữu được xem, chắc ai nấy sẽ nghĩ đến tổ đức, noi theo dấu vết cũ. Nếu không, hãy khuyên lệnh hữu đem món tiền của mình dùng vào việc công để mong chấm dứt được chuyện ấy. Ông ta không có con cái, vẫn nên coi như dùng món tiền ấy cho con cái mình thì sẽ rạng rỡ tổ đức, rạng rỡ pháp đạo. Mai sau được tốt đẹp như thế nào chẳng phải là điều Quang có thể biết được nổi!

665. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hồ thẹn. Quang là ông tăng chỉ biết com cháo, trừ mặc áo, ăn cơm ra, chẳng làm được gì khác, may là vẫn chịu học theo thói ngu phu ngu phụ nên chẳng đến nỗi than thở suông, chẳng biết làm sao! Các hạ muốn thọ tam quy ngũ giới, sao chẳng chọn vị nào đạo đức học vấn cao siêu, lại chọn một ông tăng chỉ biết com cháo thì các hạ cũng muốn dự vào đội ngũ ngu phu ngu phụ, chẳng muốn gia nhập hàng ngũ của những vị cao siêu, lạ lùng, đặc biệt ư? Tuy nhiên, đang trong thời thế này, hành theo ngu phu ngu phụ vẫn thực tế hơn! Nếu kẻ cao siêu kỳ đặc chịu buông xuống những chuyện cao siêu, lạ lùng, đặc biệt, ắt sẽ có kết cuộc cao siêu, lạ lùng, đặc biệt lớn lao. Nếu không chịu buông xuống thì cũng chỉ đạt được kết cuộc là hư danh cao siêu, lạ lùng, đặc biệt, quyết chẳng đạt được sự cao siêu, lạ lùng, đặc biệt thật sự. Pháp niệm Phật lý cực cao sâu, sự thật bình thường, muốn cầu tâm tương ứng với Phật thì điều thứ nhất là phải chí thành khẩn thiết, điều thứ hai là lắng nghe. Quay trở lại nghe nơi tiếng

niệm Phật, cùng giữ được lòng thành và lắng nghe thì sẽ tự trừ được hôn mê tán loạn.

666. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết cư sĩ tự đảm nhiệm và quyên mộ người khác đảm nhiệm in Đại Sĩ Tụng, lấy hai ngàn bộ làm chuẩn, khôn ngăn vui mừng an ủi. Cư sĩ cảm khái vì lòng người chẳng bằng thuở trước, biếu tặng thiện thư rất ít đạt hiệu quả, nhưng người trong nước ta gần đến năm vạn vạn người! Trước đây, Quang đã cho khắc ván An Sĩ Toàn Thư, sau đây lại bảo Trung Hoa Thư Cục sắp chữ ấn hành, quyên mộ chỉ được bốn vạn cuốn. Trung Hoa Thư Cục in kèm và in riêng tổng cộng được một vạn hai ngàn bộ. Nếu luận về hiệu quả thì cũng chỉ được một hai phần. Ấy là vì con người chưa suy xét kỹ, đa số không biết. Quan Quýnh Chi tin tưởng Phật pháp là do bản khắc ván của An Sĩ Toàn Thư phát khởi; Chí Viên giảng thuyết cho ông ta nên từ đây bèn sanh lòng chánh tín. Nếu đất Hồ (Thượng Hải) không có Quýnh Chi thì sợ rằng cảnh tượng nơi đất Hồ sẽ kém xa hiện thời.

Chúng ta chỉ cần phát khởi cái tâm làm lành cho người khác, còn người ta có phụng hành hay không thì tùy họ. Ấn Quang sanh lòng tin đối với pháp môn Tịnh độ là nhờ quyền hạ của Long Thư Tịnh Độ Văn, đủ biết sách ấy có ích cho con người vừa sâu vừa xa vậy! Quán Thế Âm là chỗ nương tựa cho pháp giới chúng sanh, nếu ai nấy đều biết, sẽ có đông đảo người do vậy mà cầu mong tiêu tai thoát họa cho đến liễu sanh thoát tử. Tiếc cho cõi đời chưa có một bản sưu tập đến nỗi những kẻ chẳng tu tập Phật pháp đều chẳng được biết. Đây chính là nguyên do vì sao Quang thỉnh ông Hứa Chi Tịnh soạn sách Đại Sĩ Tụng này vậy.

667. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ ba)

Hôm trước sư Minh Đạo đến đây, cho biết đã đưa bộ Đại tạng kinh bản đời Tống của ông qua chùa Hiển Ninh, công đức vô lượng. Thầy ấy chẳng lượng sức, tiếp nhận bốn ngôi chùa hoang tàn ở Hàng Châu, đều do các vị cư sĩ đất Hồ và thầy của ông ta giúp đỡ duy trì. Về sau, Tam Thánh Đường ở trên núi Phổ Đà bị hỏa hoạn, cháy rụi một nửa, vị thầy ấy không thể lo liệu thêm các nơi khác được. Hiện thời còn thiếu tiền công thợ và các hóa đơn phải chi phí hơn 3.000 đồng, không làm cách nào được. Những khoản tiền dư ra ở chỗ Quang phần lớn đều để giúp cho hai chùa Linh Nham và Thọ Lượng, cũng chẳng thể giúp đỡ thầy ấy. Thầy ấy chỉ mong các vị đã bỏ tiền làm công đức trước kia mỗi người sẽ cho mượn 300 đồng, nhưng sợ chưa thể lo liệu mỗi việc vẹn toàn được. Nếu cư sĩ chịu giúp cho sự cấp bách cháy mảy này thì trong năm sau vẫn còn tiến hành sửa chữa

cho xong được. Nếu không, chắc là phải bỏ cuộc giữa đường, há có phải là thất bại khi sắp thành công hay chẳng?

668. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ tư)

Những lời nói trong nhà Thiền tốt nhất là chỉ nên bỏ mặc, đừng bàn đến. Nếu muốn biết hiểu rõ ý nghĩa nguyên do của những lời lẽ ấy thì phải ngộ đôi chút. Nếu không, dầu có đọc sách thiền thì cũng như nói chuyện với người ngoại quốc, hoàn toàn chẳng thấu hiểu được cái hay trong ấy. Huống chi ông tuổi đã cao rồi, thời thế lại như thế này, há nên dùng thời gian đáng quý báu nhất để nghiên cứu những câu nói không thể suy luận ấy ư? Thường có những kẻ ở trong nhà Thiền mấy chục năm vẫn chẳng hiểu được những câu nói ấy có ý nghĩa gì. Dầu có dùng ý tưởng để suy đoán đi nữa thì cũng là nói mớ trong mộng mà thôi, xin hãy bỏ ý niệm ấy đi!

Hãy nhất tâm niệm Phật, niệm đến mức Phật lẫn tâm đều mất thì vừa nhìn vào những câu nói ấy sẽ khôn ngoan bật cười. Nếu chẳng được như thế thì chỉ cần vãng sanh vẫn có thể đích thân chứng được lý ấy, huống là hiểu được những lời lẽ ấy ư? Nếu chẳng coi lời Quang là đúng, cứ suốt ngày đọc ngữ lục nhà Thiền thì Tông cũng chẳng thể thông mà Tịnh cũng chẳng chú trọng. Khi sanh tử xảy đến, chỉ đành theo nghiệp thọ sanh!

669. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ năm)

Hôm qua nhận được thư, biết Thánh Định đã vãng sanh Tây Phương, lâm chung chánh niệm, chết rồi đánh đầu vẫn ấm, vẻ mặt càng đẹp, đang lúc nắng gắt mà chẳng hơi thôi. Chỉ ngay từ mấy tướng lành ấy đã có thể quyết đoán bà ta được vãng sanh, còn về phẩm vị vãng sanh thì nói chung là trung phẩm. Do trung phẩm đều là phẩm vị vãng sanh của người trọn vẹn điều lành nơi giới và điều lành thế gian; cũng chẳng cần phải nói cho dễ nghe, cứ khẳng khẳng bà ta thượng phẩm vãng sanh. Dầu cho hạ phẩm hạ sanh thì nghiệp đã vượt trội chư thiên trong tam giới rồi, huống hồ vãng sanh trong bậc hạ thuộc trung phẩm ư? Bốn mươi chín ngày không ngớt tiếng niệm Phật, chẳng những hữu ích cho người đã khuất mà quyền thuộc hiện tại cũng được lợi ích lớn lao.

Linh Nham theo lệ không niệm kinh, bái sám, phóng Diệm Khẩu, làm pháp sự hệ niệm, làm đàn Thủy Lục, truyền pháp, thu nhận đồ đệ, giảng kinh, truyền giới, làm pháp hội. Công khóa hằng ngày giống như *Phật thất phổ thông*. Chỉ những ai có tín tâm, chẳng chú trọng màu mè, hoa dạng, xin mở Phật thất thì liền chấp nhận. Nếu chèo kéo thân hữu rộng rãi và dẫn nữ quyền trẻ tuổi đến trước hôm mở thất và xong thất mới đi thì cũng không chấp nhận.

Năm Dân Quốc 17 (1928), Trương Minh Kỳ (là đệ tử quy y) mở Phật thất 49 ngày, không một ai bỏ đi. Năm Dân Quốc 18 (1929) cũng mở Phật thất 21 lần, cũng không một ai bỏ đi. Năm Dân Quốc 19 (1930), có hai mươi mấy lần mở Phật thất cũng không quá năm sáu gia đình đến dự, nhưng cũng chỉ ở một hai ngày hoặc đôi ba ngày mà thôi. Năm Dân Quốc 20 (1931) do người đông phòng hẹp, liền cho xây cất lớn, Phật thất càng đông hơn. Nay gởi cho ông một tờ sao bài bi ký, ông đọc sẽ biết.

Nếu ông muốn tạo lợi ích giúp cho Thánh Định, do bà ta lúc sống thường ăn chay, khi làm ma chay chắc ông cũng chẳng đến nỗi dùng rượu thịt. Trong khi tang ma và cúng giỗ sau này, xin ông hãy bảo lệnh lang đừng bắt chước thói tục. Trong khóa tụng sáng tối, lúc hồi hướng Quang sẽ đọc pháp danh của bà ta để hồi hướng trong 21 ngày cho trọn hết tình thầy trò.

670. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ sáu)

Ông nói trong khi làm việc cũng không quên niệm Phật, ấy là tướng cái tâm niệm Phật thuần thực, sao lại bảo là hôn trầm, thuộc về vô ký (không thiện, không ác)? Nhưng cũng chưa phải là “vô niệm mà niệm”, mới chỉ có hơi hướng của “vô niệm mà niệm” đó thôi! Nếu tướng đấy chính là “vô niệm mà niệm” thì sẽ giống như dùi gỗ thấy khói bốc lên liền bảo là đã được lửa, thôi không dùi nữa, sẽ không có cách nào được lửa cả.

Ông công phu khá tốt, đạt đến cảnh giới ấy cũng chẳng phải là dễ dàng, nhưng cần phải chuyên tinh dụng công, đừng học theo thói ham cao chuộng xa, thấy lạ nghĩ khác của con người hiện thời thì tương lai sẽ đạt được lợi ích, sẽ tự có những điều chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng đấy là chuyện thuộc về hạnh môn, chứ trong tín nguyện môn càng phải nên dốc sức nỗ lực quyết định đạt được lợi ích sâu xa do niệm Phật. Nếu bắt chước các tông khác, chuyên chú trọng vào công phu, bỏ mặc tín nguyện chẳng nhắc tới thì sẽ trở thành pháp môn cạy vào tự lực, mất mát lớn lắm.

“Tam luân thể không” chính là chẳng cạy công, chẳng nghĩ đó là đức, nếu như lời ông nói thì sẽ thành hỗn độn, vô tri. Thế nào gọi là *thể không*? Nói thể không nghĩa là rành rẽ phân minh, phân biệt rõ đối tượng nhận lãnh đáng nên bố thí hay không nên bố thí, nhưng chẳng thấy mình có công đức đối với người ta, cũng chẳng thấy người ta nhận lãnh ân đức của mình. Kinh Kim Cang dạy: “Chẳng chấp vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để bố thí”, chính là nhằm diễn tả ý này vậy! Nếu chẳng phân biệt kẻ tốt lẫn người xấu, cứ tận lực thí cho người xấu thì sẽ khiến cho kẻ ấy tạo nghiệp, sẽ trở thành tội lỗi, chẳng gọi là công đức được.

671. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ bảy)

Phật pháp rộng lớn vô lượng vô biên, chúng ta mang tư cách kẻ phàm phu sát đất, muốn ngay trong đời này giải quyết xong xuôi chuyện khó thể giải quyết trong trăm ngàn vạn ức kiếp thì phải trù tính sức lực của chính mình nhỏ hay lớn để tu tập, đừng làm lạc ngõ mình là thông gia. Đối với pháp này còn chưa thật sự hiểu chắc mà lại đi nghiên cứu dùi mài trong những tông khác đến nỗi ngược ngao coi chuyện dễ được lợi ích nhất này như chuyện thừa thãi, vất vả thì trong trăm ngàn vạn kiếp vẫn y như cũ, chẳng thể liễu thoát được.

Phật pháp giống như hư không, trọn không có Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới. Nói Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới là ước theo địa vị chính mình đang đứng để nói. Chính mình đã chẳng thể khế hợp với thái hư thì ắt phải luận theo địa vị nơi mình đang đứng; chẳng ngại gì ở trong nơi không có Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới mà ước theo Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới do chính mình đã định. Thiền tông, Tướng tông, Mật tông không một tông nào chẳng hay, nhưng là người niên kỷ đã ngoài 50, có được pháp cấy vào Phật lực để phàm phu dày dầy triền phược có thể liễu sanh tử mà lại dốc sức nơi pháp môn cấy vào tự lực, thì tuy có thể giúp cho sự thấy hiểu tịnh nghiệp một cách viên thông, nhưng tôi thật sợ ông tâm lực chẳng đủ, sẽ lấy pháp đó làm chánh, coi pháp này là lệ thuộc không quan trọng, chắc sẽ khó đắc lực.

Chẳng phải là Quang cự tuyệt không cho người ta nghiên cứu những tông khác, chỉ vì có những kẻ chẳng thông cảm nên mới giáng cho Quang những lời chê bai ngạt ngào, bảo Quang cấm ngặt người khác không được nghiên cứu những tông khác. [Bị gieo tiếng ác như vậy] thì Quang sẽ ngấm ngấm được phước, còn đại chúng cho Quang là kẻ oan gia nơi cửa Phật. Xin ông hãy tự cân nhắc để quyết định.

Thêm nữa, sau khi viện mồ côi ở Nam Kinh được thành lập, ông bỏ ra 300 đồng, nhưng trong năm ấy viện vẫn chưa hoạt động, đến năm sau mới hoạt động, cho nên vẫn chưa nhận tiền thêm. Nghe nói năm trước ông vẫn bỏ ra 300 đồng, năm ngoái lại gởi thư nói sẽ quyên tặng riêng, cho nên năm nay cũng chẳng dám gởi thư tới nữa. Trước kia, ông Dư Trĩ Liên có cho biết tính xin ông quyên tặng suốt năm, hoặc mấy chục đồng, hoặc một trăm đồng, tùy ý. Từ năm ngoái tới nay, học sinh chùa Pháp Vân ngày càng chăm chỉ tiến bộ. Có Vương Kiến Bình là một thương nhân tài sản chưa hơn ba vạn mấy đồng, nhưng nghe nói tới viện mồ côi chùa Pháp Vân liền tới thăm, hết sức vui thích, bèn may quần áo, mền đắp cho các học sinh. Tất cả những em học sinh nào đủ trình độ có thể ra đời mưu sinh

được, ông ta liền đỡ đầu giới thiệu tới làm việc trong các tiệm buôn, bởi lẽ những môn sinh của ông ra mở tiệm có đến hai ba chục người cũng như ông ta có các bạn bè khác trong nghề kinh doanh. Vì thế ông ta nhận lãnh trách nhiệm nặng nề ấy. Từ năm ngoái cho đến mùa hạ năm nay đã giới thiệu 48 em. Thế mà vẫn có người cần xin thêm, do có những em trình độ quá yếu, ông ta không bằng lòng cho đi. Vì thế số học sinh tăng lên đến 160 em.

Tất cả những phòng ốc cũ chẳng đủ dùng, lại phải cất thêm mười mấy gian nữa để làm xưởng thợ. Vương Kiến Bình còn bảo thợ làm khay trong tiệm ông ta đến viện mò côi dạy nghề, không lấy tiền học. Học sinh học được nghề sẽ liền dựa theo số lượng hàng làm ra để trả tiền công. Đường lối này chẳng cần tiền vốn, khá hữu ích. Hơn nữa, những món đồ do chùa Pháp Vân làm ra ai nấy đều tranh nhau mua, bởi chúng chắc chắn, sử dụng được. Tuy vậy trong mấy năm gần đây, dần có thêm những người đảm nhận quyền tặng, nhưng do những người đã quyền tặng trước kia hoặc chuyển đi phương xa, hoặc có người đã qua đời, kinh phí trong viện tốn kém hơn trước, cảm thấy khá tốn sức.

672. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ tám)

Pháp môn vào buổi cuối thu, sai ngoa quá nhiều, nhưng chỉ nên sanh lòng chánh tín, trì các tịnh giới thì là đã đạt được căn bản, còn những thứ cành nhánh khác hãy để thông thả. Nếu một mực noi theo lối cổ thì người đời nay đã không thông hiểu sâu xa những cấm chế của đức Phật, mà mỗi một việc làm trong hiện thời đều chẳng thể theo đúng như lời Phật dạy, sẽ trở thành ngôn luận cự tuyệt người khác bước vào Phật pháp. Nếu mỗi một việc đều phải theo đúng như cấm chế của đức Phật thì tăng nhân hiện thời đều là kẻ bạch y học đạo, chưa chắc mỗi một điều đều có thể hợp pháp, hợp luật, huống là hai chúng tại gia ư?

Hơn nữa, cấm chế nhà Phật cũng có lệ tùy theo nơi chốn, tùy theo thế tục để lập. Ngay như tăng y ngày nay cũng đâu phải là tăng y đã được chế định tại nước Phật, nhưng do được lưu hành đã lâu bèn coi là đúng pháp. Vả nữa, Phật quy định tăng luôn để đầu trần, chân đất. Để đầu trần thì mùa hạ tuân theo được, chứ mùa đông mà tuân theo sẽ chẳng được mấy ai. Đi chân đất càng khó thấy mấy ai tuân theo. Do vậy, chớ nên cố chấp những điều cành nhánh để luận, hãy nên nương theo cội nguồn để tu thì sẽ có ích. Nếu mỗi một điều đều chuẩn theo nguyên tắc như trong thời Phật thuở trước thì những kinh hiện thời đều chẳng nên thọ trì, mà phải thọ trì những kinh văn tiếng Phạn được viết trên lá bối thì mới là chẳng trái nghịch Phật pháp vậy!

673. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ chín)

Đại tạng kinh bản đời Tống ở Linh Nham là do Quang thỉnh, còn Đại tạng kinh ở chùa Phật Nhật là do một đệ tử ở Thiên Tân thỉnh cho Linh Nham, nhưng vì Linh Nham đã có nên giao về chùa Phật Nhật. Một đệ tử ở Phước Kiến cậy Quang thỉnh cho ngôi chùa trong làng ông ta một bộ Đại tạng kinh. Tới khi thỉnh xong, đã giao tiền (đã ước định sẵn phải thanh toán trọn vẹn trước), ông ta hỏi một người bạn thì biết chùa ấy đã thỉnh rồi nên bộ Đại tạng kinh do Quang thỉnh giùm cho ông ta được giao về chùa Long Cư. (Trước khi thỉnh kinh cho chùa Phật Nhật), Quang đã tự bỏ tiền thỉnh hai bộ, bộ ở chùa Pháp Vân do ông Lý Kỳ Khanh thỉnh, còn bộ để ở Phật Quang xã thuộc Giang Loan, tỉnh An Huy cũng có người thỉnh rồi. Nếu ông bằng lòng gởi bộ Đại tạng kinh của ông đi nơi xa thì xin đợi hơn một tháng nữa để Quang hỏi thăm một hai chỗ. Nếu họ đã có thì chẳng gởi sang, nếu không sẽ gởi đi.

Hôm trước thầy đương gia chùa Linh Nham nói chùa hiện có hơn 50 vị đang trụ, người đến niệm Phật có 40 vị, những người khác đều có công việc. Phật thất chỉ thỉnh 40 người hoặc 34 người đều được cả. Thêm nữa, thầy Minh Đạo lại tiếp nhận chùa Hiền Ninh, phong cảnh rất đẹp (cách chùa Phật Nhật bảy tám dặm), hòa thượng Chân Đạt tính dưỡng lão tại đó, chắc sẽ gởi kinh sang nơi ấy sẽ đỡ tốn công. Nếu gởi sang nơi đó thì xin đợi tới khi thầy Minh Đạo trở về, sẽ bảo thầy ấy thỉnh bộ kinh đã được gởi tới đây đưa sang chùa Thái Bình. Sau này, nếu tái bản sẽ bảo Ấn Kinh Hội đem bản kinh của ông cúng dường tặng cho chùa Thái Bình.

Kinh ở hai chỗ Phật Nhật và Long Cư đều đưa sang chùa Thái Bình. Long Cư là đạo tràng cổ, tăng chúng sống ở đó không kham được bèn đem bán cho trường học. Hai ba vị tín sĩ ở địa phương chẳng nỡ, ép một vị tăng ở Giang Tây tiếp nhận. Vị này đối với Phật pháp chưa hiểu rõ ràng, do vậy thỉnh vị tăng từng sống tại chùa Báo Quốc trước đây là Liễu Nhiên về cùng ở đó. Vì vậy, Quang đem bộ kinh do vị sư ở đất Mân đã thỉnh đưa sang đó. Trước kia, thầy Liễu Nhiên chú trọng tu Thiền, mười năm gần đây lại chuyên đề xướng Tịnh độ.

674. Thư trả lời cư sĩ Lý Tông Bồn

Ông học Phật pháp sao lại học thói khoa trương rỗng tuếch, hời hợt của bọn thương nhân trong thế gian? Ông nói gởi một hộp bánh là được rồi, há nên nói thật bùi tai như thế? Quý trọng như vậy mà lại bảo Quang nếu cần nữa hãy viết thư xin gởi thêm, đúng là ông coi Quang như đứa trẻ nít, ông chẳng hiểu việc đời quá mức!

Từ nay phải ngăn dè thói xấu hèn khoa trương rỗng tuếch hời hợt kiêu đó thì niệ̣m Phật sẽ được lợi ích thật sự. Nếu không, dẫu có tu trì cũng đều bị thói khoa trương rỗng tuếch hời hợt chôn vùi hết sạch. Rốt cuộc chẳng giúp được gì mà vẫn chẳng biết là tự chuốc lấy họa, ngược ngạo đổ thừa Phật chẳng từ bi, Phật pháp không linh. Chẳng biết là do chính mình khoe khoang mà cảm thành, buồn thay!

Quang già rồi, mục lực chẳng đủ nên cự tuyệt hết thảy thư từ. Nay xem thư ông, khôn ngăn đau lòng. Ông đọc thư tôi, nếu sửa được lỗi trước thì mai sau nhất định được vãng sanh. Nếu không, cứ theo thói hư giả thì làm sao đạt được lợi ích thật sự? Nghe theo hay không tùy ông, tôi chỉ trọn hết tấm lòng tôi mà thôi.

Ông nói đến chứng miêu ôn⁹⁹, không biết là bệnh gì, cũng chẳng biết thuốc nào trị được. Hãy nên bảo gia đình người ấy chí thành niệ̣m Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, kiêng giết, ăn chay thì sẽ có hiệu quả. Từ nay về sau chớ nên gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y. Nếu gởi thư đến quyết định chẳng trả lời, do mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ. Những điều đã nói trong Một Lá Thư Trả Lời Khấp bất luận hạng người nào cũng đều có thể nương theo đó để hành và truyền cho con cháu. Nếu có thể hành theo đó thì gia đạo sẽ được hưng thịnh, con cháu sẽ hiền thiện. Nếu coi đó là những lời bàn hủ bại viển vông của một ông tăng già nua mà muốn chấn chỉnh thanh danh gia đình sẽ như phá băng để tìm lửa, quyết chẳng có hy vọng gì cả.

675. Thư gởi hòa thượng Diệu Chân

Trưa hôm qua, Vương Ấu Nông tới nói: Hôm trước ông ta qua nhà ông Lý Bách Nông bảo: “Linh Nham muốn dựng niệ̣m Phật đường.” Bách Nông nói: “Đang gặp tuế sát¹⁰⁰ chớ nên kiến tạo!” Nhân thời cuộc, Quang nói: “May mà chưa khởi công xây dựng đại điện chùa Pháp Vân, hãy đợi đến khi thời cuộc bình yên.” Ấu Nông nói: “Linh Nham chớ nên xây cất, dẫu có nên xây đi nữa thì trong thời cuộc thế này cũng nên để thông thả.”

⁹⁹ Miêu ôn (feline distemper) là một chứng bệnh dịch của mèo do loại virus Canine Parvovirus type 2 gây ra. Khi bị virus này tấn công sẽ ho hen, chảy mũi, nhiều đờm rãi, đau cổ họng, ói mửa, thổ tả, sốt cao. Mèo bị nhiễm căn bệnh này có tỷ lệ tử vong rất cao (75-90%). Căn bệnh này có thể lây cho người.

¹⁰⁰ Tuế sát (歲煞) là một hình thức khắc kỵ trong cách bói toán năm xung tháng hạn theo cổ lịch. Theo kinh Thần Xu của Đạo giáo, có tam sát phải kiêng kỵ trong khi xây cất là kiếp sát, tai sát và tuế sát. Sách ấy giảng: “Tuế sát nghĩa là âm khí rất độc, nên gọi là sát, xảy ra khắp bốn mùa, nên còn gọi là âm khí của bốn mùa, trôi nổi khắp bầu trời. Cuộc đất nào bị trúng hạn tuế sát, không được động thổ, xây cất. Nếu phạm thì con cháu, lục súc (gia súc) sẽ bị tổn thương, tử vong.” Ở đây, chữ tuế sát được dùng với nghĩa bóng: “Thời cuộc bất ổn, chiến tranh hoành hành.”

Nay gỗ dùng để xây dựng đã đưa đến, hãy nên chất quanh nền nhà phía sau niệm Phật đường. Cần phải dùng đá xếp cao hai thước để làm bệ lót ngõ hầu gỗ chẳng bị ẩm thấp mục nát. Hai mặt gỗ đều phải để cho nắng rọi vào, trên mặt mỗi phiến gỗ dùng phủ cỏ, phủ cỏ sẽ vĩnh viễn ngăn che ánh mặt trời. Hãy mua mấy tấm liếp tranh lớn che phía trên. Lời của Bách Nông và Địch Dân nói tuy đều có lý, nhưng do ảnh hưởng bởi thời cuộc, cố nhiên nên nghe theo lời Âu Nông. Đợi tới mùa thu năm sau mới khởi công so ra sẽ ổn thỏa, tốt lành hơn. Xin hãy sáng suốt suy xét thì may lắm thay!

676. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết tâm ông mộ đạo khá chân thật, thiết tha, ý muốn quy y, nhưng Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, quả thật chẳng đáng làm thầy một ai. Nhưng nếu có thể chuyên chí tu trì, y theo những lời Quang đã nói để hành thì cố nhiên chẳng có chuyện gì ông không được mãn nguyện. Ví như kẻ không chân ngồi ở ngã ba đường, có người hỏi nẻo về nhà liền chỉ thẳng nên đi theo đường nào. Quyết định vì kẻ ấy không thể đi được mà chẳng chịu nghe lời để rồi tự mình lạc mất lối về. Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Tịnh, tông là chủ, tịnh là hiện thời tu tập pháp môn Tịnh độ, trong tương lai sẽ vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc.

Pháp môn Tịnh độ là pháp rộng lớn hết sức giản tiện, hết sức sâu xa trong Phật pháp. Nếu nương theo các pháp khác để tu trì thì ai có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này? Nếu y theo pháp môn Tịnh độ, chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, không một ai chẳng được vãng sanh. Đây chính là nghĩa lý lớn lao phải nên chuyên chú nơi pháp môn Tịnh độ vậy.

Hơn nữa, phàm muốn học Phật thì tâm địa phải thanh tịnh. Phàm hết thảy những tâm bất thiện đều là cấu nhiễm, ắt phải dọn trừ sạch sành sanh. Phàm hết thảy thiện tâm ắt phải mở rộng ra, tức là: đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, tự hành như thế mà dạy người khác cũng như thế. Đối với người trong cõi đời còn nên khuyên bảo rộng khắp, hướng là cha mẹ, vợ con v.v., há chẳng làm cho họ được thấm gội Phật ân, vẫn luân hồi y như cũ, lỗi đạo làm con, làm cha, làm chồng lắm thay!

Thế đạo hiện thời đã loạn đến cùng cực, nguồn cội đều do con cái từ thuở bé chẳng được cha mẹ khéo dạy dỗ về nhân quả báo ứng, cũng như “lợi người chính là lợi mình, hại người chính là hại mình”. Hãy nên nói tường tận lợi hại với vợ để cô ta sẽ tận tụy giáo huấn con cái, đừng mặc cho chúng quen thói khiến tật xấu trở thành tánh đến nỗi gây hại cho gia đình, cho đất nước, cho thiên hạ vậy.

677. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ hai)

Trước kia đã nhận được thư ông hỏi về chuyện quyên mộ đúc chuông, do bận bịu nên không thể trả lời ngay được. Tôi chuyển thư ông cho Mai Tôn, ông ta cực lực tán thành. Lại gởi thư bàn định về kích thước của cái chuông đồng tính đúc. Do thầy Diệu Liên sang Xích Sơn nên phải chậm mất hai mươi mấy ngày. Mai Tôn gởi thư cho tôi biết: “Thoạt đầu do thầy Diệu Liên đi vắng, nay phải bàn bạc cho thỏa đáng sử dụng loại đồng nào và kích thước của chuông thì mới có thể gởi thư xin thầy soạn sớ.” Hôm qua nhận được thư ông, biết ông còn chưa biết rõ chuyện này, ắt là phải nói rõ chuông nặng bao nhiêu cân và dùng loại đồng nào. Loại đồng ấy mỗi cân phải tốn bao nhiêu tiền thì mới làm cho người khác tin tưởng được.

Phàm đúc chuông, nên dùng loại hưởng đồng¹⁰¹ thì âm thanh mới hay. Hưởng đồng rất đắt, nếu chẳng thể sử dụng hoàn toàn thì cũng nên dùng một nửa. Ước chừng tính gộp chung tiền công và vật liệu thì mỗi cân phải tốn một đồng trở lên. Nếu ông thấy khó khăn quá thì hãy bãi bỏ ý định này. Nếu như dù tốn đến hai ba ngàn đồng cũng vẫn phải đúc thì đợi khi Nam Kinh gởi thư đến sẽ viết sớ gởi cho ông.

Cháu ông chẳng biết nỗ lực làm người, ấy là do chẳng được dạy dỗ từ bé mà ra. Lúc bé không được dạy dỗ thì lớn lên sẽ khó trở thành người đàng hoàng được! Ông gặp cảnh ngộ như thế chỉ nên thường nghĩ nhớ tới cha mẹ ông và anh của ông, đừng sanh phiền não, hãy sốt sắng niệm Phật, cầu Phật gia bị cho nó, ngõ hầu nó sẽ hiểu biết, tự có thể làm người tốt. Nếu chính mình sanh phiền não thì vô ích cho nó lẫn thân ông cũng như công lao nuôi dạy đứa cháu đều bị tổn hại. Nếu ông chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm, nhất tâm khẩn cầu Phật Bồ-tát gia bị cho nó, lòng thành đến cùng cực thì sắt đá cũng cảm động, dần dần nó sẽ chuyển biến thành người tốt, chẳng đến nỗi cứ mãi là gã lãng tử hoặc kẻ vút đi. Hãy nên đừng phân biệt, hãy nghĩ đứa cháu ấy giống như đứa con bất tài của chính mình, chỉ cầu Phật Bồ-tát xót thương gia bị. Đây chính là diệu pháp độc nhất vô nhị để chuyển biến.

Tôi sẽ gởi hai bài văn do cư sĩ Sa soạn sang Tịnh nghiệp xã Thượng Hải để họ đăng trên tờ nguyệt san. Bài văn khuyên kiêng giết ăn chay của Quang có

¹⁰¹ Hưởng đồng (bell bronze, hoặc bell metal) là một loại hợp kim gồm đồng, chì, thiếc phối hợp theo một tỷ lệ nhất định (thông thường tỷ lệ đồng và thiếc là 3:1). Hưởng đồng thường dùng để chế các loại nhạc khí có độ ngân vang như chuông, khánh, linh, cồng, chiêng, thanh la, náo bạt, lục lạc v.v.. Tùy theo cách chế tạo của từng vùng, đôi khi còn thêm vào các thành phần khác như manganese, bạc hay vàng (nhưng do tỷ trọng quá khác biệt, lượng vàng hay bạc hòa tan vào hợp kim sẽ chiếm một số lượng rất nhỏ).

phạm vi khá rộng, ông Nhiếp Vân Đài từng chiếu theo đó in thành truyền đơn để tặng cho người khác, Quang cho đăng kèm sau cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn. Ông ta in ba ngàn cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn, có giữ lại bản in, nhưng in lần ấy đắt quá, mỗi bộ tốn hơn ba cắc; sau này in lại sẽ giảm được chi phí một nửa. Quán Âm Tụng có hơn bảy vạn bộ, Văn Sao cũng cho sắp chữ riêng. Bài văn ấy tuy văn chương không hay nhưng đã nói rất rõ hết thấy những lý do vì sao không nên giết chóc.

Lạy kinh được lành bệnh chính là điềm lành chứng tỏ nghiệp tiêu, tai diệt. Chuyện đi qua Thân Giang (Thượng Hải) thì do thời cuộc không yên, tính đợi tới tháng 9, tháng 10, hoặc sang năm sau. Đại Sĩ Tụng vẫn chưa sắp chữ, tôi muốn qua Thân Giang chính là vì chuyện này. Nếu thời cuộc biến động, sợ sẽ bị lỡ làng, vì thế chẳng dám cho sắp chữ. Nếu cho sắp chữ ngay thì tôi thiếu cũng phải tới khoảng tháng 10 mới in ra sách được. Nếu sách được in ra sẽ gởi cho ông và ông Sa. Các ông Phạm và Lý chẳng cần phải nói nữa.

Quan Đế quy y với đại sư Trí Giả (dưới thời Tùy Văn Đế) mở ra đạo tràng núi Ngọc Tuyền, chuyện này được chép trong sách Phật Tổ Thống Kỷ. Phật giáo coi Quan Đế là thần hộ trì già-lam cũng vốn vì lẽ này. Đợi khi nào rảnh rỗi, tôi sẽ đem bài văn ấy thuật rõ.

Ăn chay chẳng khó, khó là vì chẳng chịu bỏ cái tâm tham sung sướng bụng miệng. Nếu chẳng tham thỏa thích bụng miệng thì ăn chay có bất tiện chi đâu? Tuy thỉnh thoảng ăn chay, nhưng trong những ngày không ăn chay cũng phải ít ăn mặn đi, bởi hết thấy loài vật đều tham sống sợ chết, đều biết đau đớn khổ sở, chỉ vì miệng chẳng thể nói được, nên phải làm thức ăn cho con người. Nếu chúng nói được thì nổi niềm bi ai, oán hận của chúng khi sắp bị giết há còn nữa nghe ư? Nghĩ đến điều này thì sẽ chẳng nuốt thịt xuống khỏi họng được.

Lạy kinh niệm Phật nên lấy cung kính chí thành làm gốc, cung kính lớn lao thì công đức, lợi ích lớn lao, cung kính nhỏ nhoi công đức, lợi ích sẽ bé tẹo. Nếu chẳng cung kính, chỉ làm ra vẻ đạo mạo thì chính là tự dối mình, chứ muốn dối người cũng không được, huống là dối Phật Bồ-tát ư? Xin hãy chân thật cung kính hành trì thì lợi ích sẽ không chỉ lớn bằng!

678. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ ba)

Chuyện đúc chuông đã nói với ông Mai Tôn, bảo ông ta châm thước kích thước lớn nhỏ, nhưng chưa thấy gởi thư tới. Hôm qua, tôi sang lầu chuông của Phật Đảnh Sơn, thấy chuông ở chỗ ấy cũng không lớn lắm. Họ nói nặng hơn bốn ngàn cân, như vậy thì chuông chùa Pháp Vân cũng nên nặng ba ngàn cân. Huống

chi mỗi cân hưởng đồng ước chừng hơn một đồng. Ông phát tâm quyên mộ cũng không nhất định phải đủ số, nhiều cũng hay, ít cũng được. Hễ được nhiều thì đúc thêm khánh, báo chung, hỏa bản¹⁰², ít thì sẽ quyên góp thêm tại đất Nam Kinh. Do vậy, không nhất định phải hoàn toàn là quyên góp sao cho không thừa không thiếu. Họ đã không gởi thư tới, chắc là ước chừng ba ngàn cân, đợi sau này khi thật sự đúc mới lại định chuẩn cân lượng. Tôi sẽ viết lời tựa. Mồng 1 tháng 8, Quang sẽ xuống núi sang Thượng Hải, đến ngụ tại chùa Thái Bình nơi bên Trần Gia. Ước chừng phải hai ba chục ngày mới trở về được, qua đây để tìm cách in Đại Sĩ Tụng. Công nhân của Trung Hoa Thư Cục bãi công, nếu chẳng tìm cách chẳng biết sẽ phải chờ đến khi nào!

Chuyện thả lợn trước đây đã được ông Mai Tôn gởi thư cho biết rồi, sẽ gởi cho Tịnh nghiệp xã để đăng tải trên tờ nguyệt san ngõ hầu mọi người đều sanh lòng kính sợ. Lý Trọng Hòa đã muốn quy y thì chẳng ngại đặt pháp danh cho ông ta. Ông ta tên là Thọ Bình; phạm cái thật sự thọ (sống lâu) thì chỉ có tự tánh, tánh ấy nếu chẳng có trí sẽ chẳng hiển được, có trí ấy thì sẽ biết nhất niệm tâm tánh của hết thấy chúng sanh và ba đời chư Phật, lục đạo chúng sanh thấy đều bình đẳng. Cái trí bình đẳng ấy thật sự là tối thượng, tối diệu. Nay đặt pháp danh cho ông ta là Trí Thượng, dùng cái trí tối thượng ấy để tự hành, dạy người tu trì tịnh nghiệp, ngõ hầu hết thấy chúng sanh cùng sanh về Tây Phương, cùng chứng được cái vốn sống mãi bình đẳng vô nhị ấy. Đây chính là chuyện quan trọng nhất, làm được như thế sẽ chẳng thẹn là đệ tử của Như Lai, xin hãy nói với ông ta.

¹⁰² Đối với Phật môn Trung Hoa, khánh (磬) là từ ngữ chỉ chung cho các loại nhạc khí bằng đồng để gõ làm hiệu, có hình bát ngửa lên, được đặt trên đệm hoặc có cán cầm; chẳng hạn chuông gia trì (chuông dùng để tụng kinh) gọi là đại khánh, khánh nhỏ cầm tay (thủ khánh, hay dẫn khánh) để làm giữ nhịp dẫn lễ v.v.. Chỉ những loại có hình quả chuông treo mới được gọi là “chung”. Riêng ở miền Bắc Việt Nam lại thường gọi loại nhạc khí có hình dạng đĩa phẳng, trông như một đám mây cuộn, đúc bằng đồng, gõ như chiêng trong các buổi lễ là khánh. Loại này thường được Phật môn Trung Hoa gọi là vân bản.

Báo chung là loại chuông cỡ vừa, thường được treo trong thiền đường, tăng đường, hoặc trai đường, dùng với mục đích báo hiệu bắt đầu thọ trai, niệm Phật, nghỉ ngơi hay thức dậy. Báo chung còn dùng để ra hiệu cho đại chúng cất giọng tán xướng trước khi ngồi thiền hay thọ trai. Riêng trong thiền đường và trai đường trung hoa, báo chung luôn đi kèm với bản (板, còn gọi là chung bản, là một tấm gỗ hình chữ nhật được treo phía dưới báo chung, khác với một loại bản khác treo gần chung bản, gọi là thôi bản, chỉ đánh để làm hiệu lệnh bắt đầu chạy hương; thôi (推) có nghĩa là thúc giục). Tùy theo mỗi tông phái mà quy tắc đánh chung bản được quy định khác nhau, nhưng thông thường, đánh bản trước khi khởi báo chung, đánh thành ba hồi, trước chậm sau nhanh dần để đại chúng có đủ thời gian vận tập.

Hỏa bản (tuần hỏa bản) đúc bằng đồng hay thau, thường được vị chịu trách nhiệm hộ liệu vừa đánh vừa lắc hỏa linh (một loại chuông lắc nhỏ) trong lúc đi tuần phòng sau khi hiệu lệnh chỉ tịnh (nghỉ ngơi) đã đánh lên, nhằm nhắc nhở đại chúng đề phòng hỏa hoạn, dập tắt củi lửa, hương đèn v.v..

679. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết cả nhà niệm Phật, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Lúc niệm Phật đột nhiên khởi vọng tưởng, chỉ cần chẳng xoay chuyển theo vọng niệm ấy, lâu dần nó sẽ tự chẳng dấy lên nữa. Không nói dối cũng phải luyện tập dần dần, lâu ngày sẽ tự chẳng còn nữa. Nói đến ảnh chụp thì Quang một mực chẳng thích chụp hình, vì chỉ hao tốn tiền bạc, trọn chẳng có ích gì! Nếu cứ muốn có thì tôi sẽ sang Thượng Hải chụp rồi gửi tới. Ở đây đã qua kỳ dâng hương, không có thợ chụp ảnh. Nay gửi cho ông một gói Văn Sao, xin hãy trao cho Lý Miễn và con ông ta. Chỉ chịu nương theo sách này để tu tập sẽ tự có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu chỉ nhìn vào mặt văn chương thì thật là gai mắt, chẳng thể đạt được lợi ích thật sự.

680. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ năm)

Lúc này không rảnh rỗi để viết lời tiểu dẫn cho Phật thất, đợi tới tháng 6, sớm muộn gì cũng sẽ gửi tới. Có lẽ nên cử hành Phật thất vào đầu mùa đông, vì khi ấy gặt hái đã xong, ai nấy đều nhàn rỗi thì người niệm Phật sẽ nhiều, nhưng chỉ nên chú trọng niệm Phật, chớ nên bày vẽ phô trương, thêm thất lung tung. Nói tới chuyện đến núi Phổ Đà dâng hương thì hãy nên thôi đi, bởi lẽ nhà ông không dư dả lắm, lại còn phải làm việc dưới quyền người khác, đi về hơn cả tuần, tốn kém mấy chục đồng mà vẫn chẳng thể tùy ý làm công đức khiến cho những người mình giao thiệp đều sanh hoan hỷ.

Quán Thế Âm Bồ-tát chỗ nào cũng có, há chỉ ở tại Phổ Đà ư? Nếu chưa từng đến thì tới chiêm ngưỡng đạo tràng một lần, chứ đã tới rồi mà nhà nghèo, lắm việc, chẳng cần phải tới nữa! Con trai ông đã sẵn có túc duyên với ông, hãy nên khéo dạy dỗ. Đừng mặc cho nó quen thói kiêu căng đến nỗi thành phường hư hỏng. Những đứa con em không ra gì trong cõi đời đều là do cha anh chẳng khéo nuôi dạy mà ra.

681. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ sáu)

Nhận được thư, biết cư sĩ Sa Kiện Am quy Tây, khôn ngăn mừng cho cư sĩ, nhưng lại than cho dân vùng Như Cao (đã mất bậc hướng dẫn). Tôi thấy cụ Sa Kiện Am bình sanh có tín tâm, lâm chung chánh niệm. Tuy chưa nghe cụ nói thấy Phật, nhưng có thể thâm niệm theo người nhà thì cụ cũng được sanh Tây. Do xưa kia đức Phật có lời thề: “Nếu có chúng sanh chí tâm tin ưa, muốn sanh về nước ta, thậm chí mười niệm, nếu chẳng được sanh, sẽ chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Lại còn: “Mười phương chúng sanh phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh về cõi ta. Nếu lúc lâm chung, ta không cùng đại chúng vây

quanh hiện diện trước mặt người ấy thì sẽ chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Cư sĩ Kiện Am suốt đời tu trì, lâm chung chánh niệm, đủ để vãng sanh. Huống chi lại có những chuyện như mùi hương lạ, đỉnh đầu vẫn còn ấm để làm chứng ư? Đây là do nương theo Phật lực vãng sanh, vãng sanh tức là đã liễu sanh thoát tử rồi. Đây là chuyện quyết định, trọn chẳng hàm hồ! Nếu tu các pháp môn khác, đừng nói có các cảnh tượng như thế vẫn chẳng thể liễu sanh tử; dầu là bậc có đại trí tuệ, có đại thần thông, muốn đi liền đi, muốn tới liền tới thì người chẳng thể liễu sanh tử vẫn chiếm hơn một nửa. Do vậy phải chuyên chí tu trì pháp môn Tịnh độ.

Tôi tính dựa trên tình hình thực sự như trong bài viết đã gửi tới để viết một bài khác đăng kèm vào sau bộ Văn Sao trong ấn bản mới. Hãy nên nói với con ông cụ sớm đem tờ cáo phó gửi tới. Có những chuyện gì tôi chọn lọc được sẽ trích lược để dùng. Hơn nữa, cụ vẫn áy náy vì chưa từng gặp được Quang, nay tôi ghép sự tích của cụ vào trong Văn Sao cũng nhằm cởi gỡ nỗi áy náy ấy. Trong khi hồi hướng vào khóa tụng sáng tối, Quang còn đọc tên hồi hướng cho cụ trong 21 ngày nhằm trọn hết tình giao du với nhau trên mặt tinh thần trong pháp môn.

Văn Sao ấn bản mới có thể in thành sách trong tháng 3 hoặc tháng 4. Ông hãy bảo con cụ Sa chịu đảm nhiệm in chừng đó bộ để thí tặng cho những người có tín tâm, thông văn lý, một là cởi gỡ nỗi tiếc nuối của cha, hai là có thể lưu truyền sự tích của cha. So với những kẻ in ra những tờ thiệp gửi cho người khác, người ta xem xong liền quăng đi, sẽ vượt trội vạn lần! Nếu chịu phát tâm thì hãy mau báo cho biết để tiện viết tên vào sau sách. Bản in lần này nhiều hơn những lần trước 130 trang, tổng cộng là 430 trang. Nay đang đợi tới khi Thọ Khang Bảo Giám sắp chữ xong (sẽ cho in đồng thời) sẽ ngưng không đưa thêm bài vào Văn Sao nữa. Vì thế vẫn chưa thể ấn định chuẩn xác số trang. Lần này sẽ in một vạn bộ. Sau này sẽ để cho thư cục tự in, tự bán. Nếu thỉnh từ thư cục sẽ mắc hơn lần này. Ước chừng mỗi bộ trên dưới 8 các, Quán Âm Tụng 210 trang còn phải tốn 3 các 4 xu mỗi bộ. Đây là ước định theo giá hồi tháng 8 năm trước. Gần đây do chiến sự, giấy đắt hơn nhiều lắm.

Hơn nữa, cư sĩ Kiện Am thông hiểu Nho lễ sâu xa. Năm trước, Trần Chánh Hữu đã gửi cho tôi bài cụ viết bàn về tề dùng rượu thịt trong tang lễ, đọc thật thông khoái; biết cư sĩ hoàn toàn lấy việc bảo tồn đạo Nho làm trách nhiệm của chính mình. Huống chi gần đây lại tin tưởng Phật pháp sâu xa, chuyên chí tu trì. Con cụ Sa hãy nên vâng nôi chí và đạo của cha, nhất loạt chẳng noi theo thói tục dùng rượu thịt nhằm mãn chí nguyện của cha. Nếu cứ làm theo thói tục, không những chẳng tương ứng Phật pháp mà còn chống đối cha nữa! Xin hãy nói với

các con của cụ, nếu không, sợ rằng họ sẽ bị những kẻ vô tri mê hoặc, lay động thì đâm ra chẳng tốt đẹp gì.

682. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ bảy)

Bài văn ông yêu cầu viết tôi đã soạn xong rồi, đặt tên là *Phổ khuyến giới sát khiết tố vãn hồi kiếp vận thuyết*¹⁰³ (Khuyên khắp mọi người kiêng giết, ăn chay nhằm vãn hồi kiếp vận), nói trọn khắp những chuyện cúng tế trời đất, Khổng tử, Quan Đế, tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, tự cung phụng v.v. đều chẳng nên sát sanh, ăn thịt. Lại còn nói kèm chuyện cưới vợ, sanh con, chúc thọ cũng chớ nên sát sanh, ăn thịt. Chánh văn hơn 2.600 chữ, in kèm vào cuối quyển nhất sách Quán Âm Tụng (do quyển này có đoạn liên quan đến chuyện Đại sĩ thị hiện trong loài vật) vừa đúng 3 trang, đã gửi cho Trung Hoa Thư Cục cho họ sắp chữ. Sắp chữ xong, in ra, sẽ gửi sang cho ông xem.

Quán Âm Tụng in hai vạn bộ, mỗi trang 30 đồng, khoản tiền này ông không cần phải bù. Ông nguyên in 50 bộ tức là 17 đồng (mỗi bộ 3 cắc 4 xu, thêm vào mười mấy trang đó thì thêm 1 xu vẫn thiếu, phải tăng thêm 1 xu nữa), ông muốn bù đắp cho khoản tiền in những trang này thì hãy chịu trách nhiệm in 200 hoặc 300 bộ Quán Âm Tụng nữa là được rồi. Nếu muốn lưu hành rộng rãi bài văn này mà ấn hành riêng thì cũng vô ích, hãy nên in kèm vào sau cuốn Đại Sĩ Tụng. Nếu Đại Sĩ Tụng in được mười vạn cuốn thì bài văn này cũng được in mười vạn lần. Nếu ông chịu bỏ tiền, cứ tăng thêm một trang cho hai vạn bộ sẽ tốn thêm 30 đồng, hai trang là 60 đồng. Nếu ông không có sức thì cũng chẳng cần phải bỏ tiền ra. Tôi sẽ tự lo liệu được, lại đưa kèm vào trong Văn Sao thì in bao nhiêu bộ Văn Sao, bài văn này cũng có bấy nhiêu, sẽ thực hiện trong đầu tháng Giêng, đừng lo!

683. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ tám)

Mùng 3 tháng này, nhận được thư của Lý Trọng Hòa và thư của ông, do bận bịu không rảnh rỗi nên chưa trả lời. Hôm qua mới soạn xong bài ký về sự vãng sanh của cư sĩ Sa, nay gửi cho ông một bản, xin hãy đưa cho Sa Quân Nghị và Hạng Tử Thanh xem. Trong bản cáo phó và tờ ai khải (báo tin buồn) do ông, Trọng Hòa, Tử Thanh cùng với con ông ta hợp soạn đều chẳng ghi tên, lại còn trọn chẳng nhắc tới hành trạng của cụ Sa lúc đương thời. Nay tôi dựa theo những lời ông Hạng, lời ông cùng lời Trọng Hòa đã kể để suy theo tình, dựa theo lý, lược thuật những nét đại lược. Tuy các ông chưa nói, Quang trọn chưa được gặp gỡ cư sĩ Sa lần nào, nhưng dùng tâm ý để nhìn thì cũng biết được.

¹⁰³ Bài viết này được đánh số 10 trong phần tạp trước của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4.

Những sự lý được trình bày trong bài ký về sự sanh Tây của cụ Sa do Quang soạn trọn chẳng phải là bồng dung hư cấu. Nếu có chỗ nào sai lầm, xin hãy mau chỉ cho biết để tiện sửa đổi cho đúng. Nếu không, tôi sẽ xếp bài viết này¹⁰⁴ vào Văn Sao để mong lưu truyền rộng rãi khuôn mẫu tốt đẹp, khiến cho những kẻ câu nệ hẹp hòi trong mai sau sẽ do đây mà bỏ được tri kiến lầm lạc, đạt được chánh tri kiến. Triệu Tôn Nhân cũng soạn một bài ký. Ông Phác muốn soạn truyện thì được, nhưng toan dựng tháp thì chớ nên. Cư sĩ tại gia chỉ nên xây mộ, hưởng chi đang lúc con người đa số làm cần, chẳng tuân giữ bốn phận này, nếu xướng suất như thế thì sẽ phá hoại khuôn mẫu trong pháp môn. Xin hãy nói với ông Phác.

Về chuyện ấn hành Văn Sao thì do Thượng Hải trong thời gần đây xảy ra chiến sự nên không mua được giấy mao thái, còn giấy mao biên thì trước kia Trung Hoa Thư Cục ước lượng giá phải hơn một đồng (tạm thời tính in mỗi bộ 400 trang thì sẽ tốn hơn 9 cắc. Ước chừng sắp chữ xong, nói chung sách sẽ gồm hơn 420 trang, do vậy giá thành của mỗi bộ phải hơn một đồng). Đây vẫn là giá in dành cho năm ngàn bộ. Nếu in ít hơn sẽ càng mắc hơn, do họ đem các thứ tiền công chế bản sắp chữ, chỉ bản và bản kẽm tính luôn vào trong ấy. Gần đây, nghe nói quân đội phương Bắc đã rút, nếu không đánh nhau thì giấy mao thái sẽ tiếp tục được chuyển đến. Hễ có giấy mao thái sẽ nhất định dùng giấy mao thái, đỡ tốn tiền hơn!

Ông Sa Quân Nghị muốn chịu tiền in một trăm bộ thì hãy gửi một trăm đồng sang xưởng chính của Trung Hoa Thư Cục nằm trên con đường chùa Tịnh An, Thượng Hải, giao cho tiên sinh Du Trọng Hoàn thu nhận. Ông ta nhận được sẽ gửi biên lai ngay. Đợi khi sách được in ra, sẽ căn cứ theo số tiền đã giao để gửi sách.

Nếu dùng giấy mao thái sẽ gửi được mỗi gói ba bộ, còn dùng giấy mao biên chỉ gửi được hai bộ cho mỗi gói. Theo quy định gửi sách bằng thư bảo đảm của thư cục (mỗi gói là 1 cắc 5 xu, gửi thư bảo đảm 5 xu nữa nên thành 2 cắc. Thư cục quy định gửi sách bằng thư bảo đảm để ngừa tệ nạn kẻ giao sách lên đem sách bán đi. Gửi thư bảo đảm sẽ có chứng từ, họ không giở trò tòi tệ được. Vì thế bất luận bưu kiện lớn hay nhỏ, thư cục đều gửi thư bảo đảm) thì bưu phí của 50 gói sẽ mất 10 đồng. Nếu có thể cậy ai ở Thượng Hải lãnh giùm đem đi thì sẽ đỡ tốn tiền nhiều lắm. Nếu chậm lại đôi chút chờ giấy mao thái được chuyển tới thì giá sách lẫn bưu phí đều đỡ tốn tiền.

¹⁰⁴ Đây chính là “Bài ký về sự vãng sanh của cư sĩ Sa Kiện Am” được đánh số 36 trong phần Ký thuộc quyển thứ 4 của bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên.

Ông Hạng muốn quy y, sao chẳng chọn bậc đạo đức cao siêu để làm thầy, cứ muốn tôn Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo làm thầy? Chủ kiến đã sai lầm, nhưng sợ nếu không chấp thuận, sẽ bảo Quang là kẻ chẳng biết đếm xỉa tới tình người! Nay bèn đem làm đáp lạc, đặt pháp danh cho ông ta là Trí Nguyên. Ông ta tên là Bồn Nguyên, nay đặt pháp danh là Trí Nguyên. Cần biết rằng, trí nguyên (nguồn trí) chính là chân như Phật tánh của chính mình, hết thấy phước đức trí tuệ đều phát xuất từ cái nguồn này. Người đời mê trái bồn tánh nên chân trí chẳng thể hiện được. Tất cả tri kiến đều thuộc suy tính vọng tưởng, nếu thật sự biết được cái nguồn này, niệm niệm phản chiếu thì sẽ dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, lại còn tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, vậy thì trong đời hiện tại sẽ dựa vào bậc hiền thánh, lúc lâm chung quyết định vãng sanh cõi Cực Lạc. Như thế thì sẽ có thể gọi là bậc đại trượng phu đệ tử thật sự của đức Phật. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ. Xin hãy đưa thư này cho ông ta đọc. Nếu chẳng nghĩ như vậy là đúng thì cũng chẳng quan trọng, khẩn yếu chỉ hết.

684. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ nhất)

Quang là người huyện Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây. Ông đọc Văn Sao, há chưa từng thấy lời bạt của ông Ủy Như (tên ngoài đời là Văn Ủy) ư? Câu “*tại Hợp chi dương*” (ở phía Nam sông Hợp) trong kinh Thi chính là nói về nơi ấy đấy, bởi huyện Cáp Dương nằm ở phía Nam¹⁰⁵ sông Hợp Thủy, nên có tên là Hợp Dương (合陽). Sông bị cạn nước vào thời Hán nên bỏ bộ thủy [trong chữ hợp] thêm bộ áp (邑), do vậy Hợp Dương trở thành Cáp Dương (郿陽). Chữ hợp (合) trong cái tên Hợp Dương phải đọc âm hợp (合), đừng nên đọc là hiệp (狹), còn trong những chỗ khác đều đọc là hiệp, chứ không thể đọc là hợp. Cáp Dương chính là nơi Y Doãn đích thân cày ruộng, nên còn có tên là Cỏ Tân (còn đọc là *sân* hay *sản*).

¹⁰⁵ Theo bộ Hợp Dương Huyện Toàn Chí của Tôn Dật Phong viết dưới đời Thanh: “Hợp (合) là do sông hợp dòng lại mà có tên.” Sông Hợp Thủy bắt nguồn từ vùng Tây Nguyên của Thiểm Tây, chia thành hai dòng, chảy đến thôn Tân Lý bèn hợp thành một nên sông có tên là Hợp Thủy. Năm 429 trước Công Nguyên, Ngụy Văn Hầu đi đánh nước Trịnh trở về, đã dựng thành ở phía Bắc sông Hợp Thủy. Do thời cô thường gọi phía Nam núi hoặc sông là Dương, nên thành ấy được đặt tên là Hợp Dương. Tân Lý chính là nơi Y Doãn từng cày ruộng trước khi ra giúp vua Thành Thanh nhà Thương. Về sau do Hoàng Hà đổi dòng, phù sa tích tụ lại khiến cho Hợp Thủy bị nghẽn dòng, khô cạn một thời gian, nên người ta mới bỏ bộ thủy trong chữ hợp của tên gọi Hợp Dương. Bộ áp (邑) khi viết kèm vào bên phải một chữ sẽ được viết gọn thành “阝”.

Thuở bé, tôi học chữ với anh ruột, thoát đầu gặp lúc loạn lạc nên phải đình hoãn hai năm. Tiếp đấy lại lâm bệnh nên học hành chẳng ra gì. Mới sanh ra được nửa năm liền mắc bệnh mắt, suốt sáu tháng chưa từng mở được mắt; trừ lúc ăn ngủ ra, cứ khóc suốt ngày đêm không ngừng. Về sau, mắt được lành, vẫn còn thấy được ánh mặt trời. Năm mười mấy tuổi, đọc lời văn báng Phật của Hàn - Âu rất thích, lại còn muốn học Lý học. Cho nên đối với thơ văn đều chẳng muốn làm. Anh ruột tôi thấy tôi vốn bệnh tật đã lâu nên mặc kệ. Năm 20 tuổi xuất gia (nhằm năm Quang Tự thứ bảy - 1881). Tu tịnh nghiệp là do kinh Di-đà, Tịnh Độ Phát Nguyên Văn và Long Thư Tịnh Độ Văn phát khởi, chứ tuyệt không được một tri thức nào khai thị. Bởi lẽ, tiên sư và những người giao du đều hâm mộ ý chỉ nhà Thiền, Quang trọn chẳng được chỉ dạy, tự lượng chính mình không có được trí thức ấy nên chẳng dám tu thiền.

Năm 26 tuổi (nhằm năm Quang Tự 12 - 1886), rời Thiểm Tây đến núi Hồng Loa ở Bắc Kinh. Năm Quang Tự 19 (1893), từ Bắc Kinh đến chùa Pháp Vũ, tới nay đã 31 năm rồi. Làm một kẻ nhàn rỗi vô tích sự tại Pháp Vũ (do trụ trì chùa Pháp Vũ là hòa thượng Hóa Văn lên Bắc Kinh thỉnh Đại tạng kinh, tôi làm người kiểm giáo cho ngài nên ngài bảo tôi cùng theo về chùa. Do biết Quang chẳng muốn đảm nhận chuyện gì bèn cho ngồi chơi không. Các đời trụ trì sau đây đều y theo lệ cũ, cho nên mới được rảnh rỗi lâu dài như thế). Phàm những chuyện thuộc về thường trụ đều nhất loạt chẳng tham dự hoặc nghe biết. Thoạt đầu, hễ trong núi có nhân duyên gì cần phải viết lách thì đa số sai Quang viết, Quang liền dùng giọng điệu của người sai viết ấy. Nếu chẳng tiện dùng giọng điệu của người ấy, bèn dùng danh xưng khác. Suốt hai mươi mấy năm, hai chữ “Ẩn Quang” chưa từng bao giờ lộ ra ngoài. Do vậy không một ai thăm hỏi và gởi thư.

Từ năm đầu Dân Quốc (1912), cư sĩ Cao Hạc Niên lén đem bản cáo đăng trên Phật Học Tùng Báo. Do ông ta thấy Quang chẳng muốn cho người khác biết đến nên đề tên tác giả là Thường Tàm (thường hổ thẹn), đấy không phải là tên thật sự. Từ Ủy Như, Chu Mạnh Do trông thấy những bài viết ấy rất thích, cho là hợp với tri kiến của họ, bèn hỏi han khắp mọi người, nhưng ai nấy đều không biết. Đến năm Dân Quốc thứ tư (1915), Ủy Như hỏi pháp sư Đế Nhàn, ngài Đế Nhàn liền nói với Quang: Sư cũng không biết Thường Tàm là ai. Do Hạc Niên đem bản cáo tới cho pháp sư Đế Nhàn xem qua, nên sư mới biết! Từ đấy, Ủy Như sưu tập những văn cáo của Quang, đem in ra (tại Bắc Kinh); tới năm Dân Quốc thứ bảy (1918), cầm Văn Sao Sơ Biên đến núi xin quy y. Quang một mực không chịu thu nhận đệ tử quy y, bảo ông ta hãy quy y với pháp sư Đế Nhàn. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông ta lại in Ẩn Quang Văn Sao Sơ Biên, Thứ Biên. Năm Dân Quốc

thứ chín (1920), lại bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán ở Thượng Hải ấn hành, giữ lại bản in gốc.

Từ đấy, ngày càng thấy phiền phức, muốn có một ngày thanh nhàn cũng không được. Từ đó trở đi chẳng thể không dùng cái tên Ấn Quang. Vì thế, phàm có ai xin viết lời bạt, đều ghi là Thường Tầm Quý Tăng Thích Ấn Quang. Tôi bầm tánh cương trực nên trọn chẳng nảy sanh ý niệm trụ trì đạo tràng, thế độ đồ đệ. Gần đây có kẻ dốc hết tánh mạng muốn xin Quang cho xuất gia, Quang cũng dốc hết tánh mạng từ chối. Thoạt đầu cự tuyệt người xin quy y, nay chỉ đành mặc kệ mà thôi!

Tôi vốn chẳng chuộng bày vẽ màu mè, dầu là chữ viết, tranh vẽ của bậc danh nhân cũng chẳng màng. Đã từng hơn ba lần chụp ảnh, hề bị ép buộc thì cho người ta chụp. Trừ những tấm kẻ ấy giữ lấy ra, Quang trọn chẳng cần đến! Hễ họ gởi hình tới thì cũng tùy tiện tặng cho người khác, nhất loạt chẳng giữ lại. Nếu ông có thể nghe theo lời tôi thì sẽ là bạn thiết của tôi, cần gì phải muốn có hình dạng xấu xa của tôi vậy? Người niệm Phật hãy nên chuyên ròng lễ Phật, chứ lạy một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo có lợi ích gì đâu?

Năm nay tôi đã 63 tuổi, người cùng quê và Đốc quân tỉnh Thiểm Tây nhiều lần giục già trở về quê nhà. Quang thoát đầu viện có mình là kẻ tầm thường dễ thoái thác. Đến khi lâm vào tình thế chẳng từ tạ được nữa, bèn nài có đang phải lo toan công việc, chẳng thể đi xa được. Năm sau Phổ Đà Sơn Chí hoàn thành, Văn Sao ấn hành xong xuôi, sẽ trở về đất Thiểm một chuyến, sợ vẫn còn phải trở lại nơi đây. Do phải đợi cho đến khi nhân duyên các chùa Phạm Thiên, Pháp Vân hoàn thành thì mới có thể không quan tâm được; nhưng mạng người vô thường, lỡ ra chết trước khi ấy nên chẳng thể định sẵn theo ý mình được.

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ông Trần Tích Châu xin Quang tu chỉnh Phổ Đà Sơn Chí. Quang muốn sưu tập thật hoàn bị các sự lý cảm ứng thuộc về mặt bốn lẩn mặt tích của Đại sĩ rồi dùng lối tụng văn để ca tụng, dưới mỗi câu còn ghi chú các sự tích; nhưng do mục lực chẳng đủ nên vẫn phải sám hối, cầu Đại sĩ gia bị, rồi mới xem khắp các nhân duyên của Đại sĩ trong Đại tạng. Nào ngờ từ đấy trở đi, thư từ, công việc ngày càng thấy nhiều hơn, trọn không có lúc nào rảnh rỗi. Ba năm trước, Tri sự huyện Định Hải muốn Quang tu chỉnh Sơn Chí, Quang đã đem ý ấy để ngăn trở. Năm ngoái, Tri sự cực lực hộ trì Phổ Đà cũng muốn tu chỉnh gấp. Thoạt đầu, tuy Quang đã đem ý ấy bảo rồi, ông ta vẫn chẳng chịu nguôi lòng, liền bảo ông ta cậy người khác tu chỉnh, chứ Quang không rảnh rang để lo liệu, không cách nào thỏa mãn nguyện của tôi được.

Há chẳng phải là Đại sĩ cảm ứng, khiến cho một vị cư sĩ từ Giang Tây đến đây? Ông ta vốn làm quan Hàn lâm dưới triều Thanh trước kia, bút mực siêu diệu. Gặp mặt Quang, Quang hỏi: “Ông ăn chay hay chưa?” Ông ta thưa: “Con ăn chay kỳ.” (Nghiên cứu Phật học đã tám chín năm, nhất tâm niệm Phật, nhưng chưa ăn chay trường). Quang lớn tiếng quở mắng, ông ta cực lực bội phục. Do vậy, bảo ông ta hãy soạn sách, ông ta hết sức vui lòng. Thỉnh một vị văn học gia tu chính Sơn Chí, còn phần nói về công hạnh của Đại sĩ thì do cư sĩ Hứa tu chính, khi tu chính xong sẽ hợp chung lại. Lại còn cho in riêng phần ấy để lưu truyền rộng rãi ngõ hầu người trong thiên hạ đều được gọi ân đức của Đại sĩ. Chuyện này có thể hoàn thành trong năm nay, rõ ràng là sớm hay muộn gì đều có thể in ra sách. Bộ Phổ Đà Sơn Chí đứng đầu Sơn Chí của các danh sơn trong thiên hạ, may mắn chi hơn? Những câu trả lời cho điều ngờ vực và sở ngộ của ông được viết trong một tờ giấy khác.

685. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết ông có thể quay lại tự kiểm điểm, khá cảm thấy vui mừng! Nhưng những câu hỏi đa số là cố chấp, thiên kiến, chẳng thấu hiểu đạo “giữ lẽ thường, biết quyền biến”. Nếu mỗi một điều đều giải thích thì không viết tới mười mấy trang giấy sẽ chẳng thể nói hết được! Nay chỉ nói đại khái với ông thì ông sẽ tự thấu hiểu, bởi gần đây Quang đúng là suốt ngày chẳng được rảnh rỗi. Do mục lực không đủ, suốt 20 năm qua chẳng dùng đến mắt vào ban đêm, bởi lẽ nếu ban đêm dùng đến mắt, hôm sau sẽ chẳng thể nhìn được. Giữa tháng 10, do thư từ, giáo chánh, đối chiếu sách, giám đính, người khác nhờ cậy sai khiến viết lời bạt chồng chất tích tụ, chỉ đành phải lo liệu trong ban đêm cho xong. May được tam bảo gia bị, ban ngày vẫn có thể chiếu theo lệ thường được; còn đây là chuyện ngoài ý muốn. Từ đây mỗi đêm lo viết lách suốt hai ba giờ rồi mới tụng công khóa, ngủ ba tiếng mấy, đoạn thức dậy tụng công khóa, mắt vẫn chẳng đến nỗi mệt mỏi lắm, nhưng vẫn chẳng thể xong hết việc được. Trong tháng 10, tháng 11, thư từ lên tới một trăm mấy chục bức, chỉ riêng một chuyện ấy đã chẳng lo xuể rồi, huống là những chuyện như giáo chánh, đối chiếu v.v. ư?

Ông nhàn rồi vô sự, đối với những chuyện hợp lý lại nêu lên đủ mọi câu hỏi chẳng hợp lý! Tuy là ham học, nhưng cũng thấy rõ ông chẳng biết suy nghĩ sâu xa. Vì sao vậy? Trong thế gian, con người nhờ vào thức ăn, y phục để giữ mạng sống, nếu chẳng biết chọn lựa sao cho thích hợp với chính mình thì thức ăn, y phục đều trở thành thứ giết người. Nếu chúng đã gây ra cái chết thì có nên bảo người trong thế gian bỏ sạch thức ăn, y phục hay chẳng? Hay là hãy nên bảo người ta chiêm chước, lượng định những thứ thích hợp để ăn, để mặc vậy? Phật

pháp không gì lớn lao chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng nêu lên, há nên luận bàn theo kiểu chấp nhất? Những câu hỏi của ông tựa hồ có lý, nhưng thật ra đều thuộc loại chẳng khéo dụng tâm. Nếu ông tin tới nơi tới chốn, xin hãy sốt sắng hành trì, đợi tới khi nghiệp tiêu trí rạng sẽ khôn ngoan tự cười mình ngu dại chấp trước, hờn thẹn khôn cùng vậy! Nếu chẳng tin tưởng, nếu chẳng lại lấy Phật làm thầy, vẫn cứ dán thân vào phường ngoại đạo y như cũ thì cũng đành để mặc ông mà thôi!

“*Hồi dã, văn nhất dĩ tri thập; Tứ dã, văn nhất dĩ tri nhị*” (Nhan Hồi nghe một biết mười, còn Tứ Công nghe một chỉ biết được hai)¹⁰⁶, “biết hai” là do cái này mà thấu hiểu cái kia, chứ không phải là Tứ Công chỉ hiểu biết hẹp hòi có hai, chẳng biết được tới ba. Nghe một biết mười thì nghe phần đầu sẽ biết được phần cuối. “*Cử nhất ngưng, bất dĩ tam ngưng phản, thánh tắc khí chi*” (Nêu lên một góc mà không biết suy luận ra ba góc kia thì thánh nhân sẽ buông bỏ, [không dạy người ấy nữa])¹⁰⁷. Ông cứ muốn mỗi một điều đều chấp chặt hẹp hòi rồi hỏi han cặn kẽ thì Quang già suy, lẩm việc, há rảnh rồi để viết lách tán gẫu với ông ư? Đối với những lời lẽ báng Phật của ngoại đạo, há nên căn cứ vào đấy, coi là đúng ư? (Nếu ông đã thấy những sự tích ứng hóa của Phật Thích-ca, ắt sẽ biết được đại khái. Dầu chưa thấy, há nên nghe lời báng bỏ liền hoài nghi ư?) Chẳng thấy Đạo Chích chửi bới: “Vua Nghiêu bắt nhân, vua Thuấn bắt hiếu, vua Đại Vũ đâm dật, Thành Thang, Chu Vũ Vương giết chóc bừa bãi, Khổng tử trộm đạo” đó ư?

Hơn nữa, những câu ông hỏi phần nhiều chẳng hợp lý, tôi đã chỉ bày đại khái rồi, chẳng muốn giải thích cặn kẽ nữa. Tiếp đây, nghĩ ông chánh tín chưa vững vàng, chánh trí chưa mở mang, nếu bị quở trách chắc sẽ ôm lòng oán hận rồi đâm ra ngã lòng. Vì thế chẳng thể không chỉ bày đại lược để trọn hết tấm lòng tôi, giống như một bà già dụ con hãy quay về nhà vậy.

686. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết ông lại mất một đứa con, đau lòng thở dài sườn sượt! Tuy nhiên, người hiểu lý quyết chẳng vì cảnh ngộ của chính mình mà bảo “đạo trời

¹⁰⁶ Đây là một câu nói trích từ thiên Công Dã Trường sách Luận Ngữ. Nguyên văn: “*Tứ vị Tử Công viết: ‘Nhữ dữ Hồi dã thực du?’ Đối viết: ‘Hồi dã, văn nhất dĩ tri thập; Tứ dã, văn nhất dĩ tri nhị’. Tử viết: ‘Ngô dữ nhữ phát như dã’*” (Khổng tử hỏi Tử Công: ‘Người với Nhan Hồi ai vượt trội hơn?’ Tử Công thưa: ‘Nhan Hồi nghe một biết mười, còn Tứ nghe một chỉ biết được hai’. Khổng tử bảo: ‘Ta với người đều chẳng bằng anh ta’). Tử Công tên thật là Tứ, họ Đoan Mộc.

¹⁰⁷ Đây là một câu nói trích từ thiên Thuật Nhi sách Luận Ngữ. Cụ Lý Bình Nam giảng: “Ngưng là góc. Giống như cái nhà có bốn góc, đã chỉ ra một góc mà không biết suy luận tương tự để hiểu được ba góc còn lại thì không còn cách nào chỉ dạy người như vậy được nữa.”

vô tri, Phật pháp chẳng linh!” Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đã tạo đủ thứ ác nghiệp, làm sao kết liễu được? Cái quả xưa kia đã chín, cái nhân ngày nay còn chưa chín, há nên vì con cái lần lượt chết mà bảo là “không có nhân quả”.

Hơn nữa, ông là phàm phu sát đất mong được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, nếu chẳng có cảnh khổ bức bách sẽ rất khó thành tựu cái tâm “ưa tịnh, chán uế” chân thật! Sanh, già, bệnh, chết, yêu thương phải chia lìa, oán ghét mà cứ phải gặp gỡ, mong cầu chẳng được toại nguyện, ngũ âm lòng lầy, tám nỗi khổ ấy cùng nung nấu, những ai có chí khí quyết chẳng sanh tâm tham luyến ràng buộc thế giới này.

Nhưng đã làm người trong thế gian, cũng quyết chớ nên vứt bỏ những chuyện mình đáng nên làm, cứ một mực mang quan niệm yếm thế. Chẳng do chuyện này mà tấn đức tu nghiệp, lại ngược ngạo sanh lòng oán hận, tức là cái tâm vẫn còn có ý niệm kiêu căng. Ngay từ chuyện này, đủ thấy rằng ông là kẻ khí lượng hẹp nhỏ, chưa thể gánh vác đạo “hành xử thuận theo địa vị” của thánh nhân thế gian, huống là vô thượng đại đạo muốn phổ độ hết thảy chúng sanh cùng sanh về Tây Phương liễu sanh thoát tử ư? Bởi lẽ, kiến thức ấy hoàn toàn là kiến thức của kẻ chưa hề nghe tới đại đạo thế gian xuất thế gian vậy.

Qua tướng trạng lúc chết của cháu Chuẩn, dường như nó sẵn có túc căn. Ông hãy nên vì chuyện này mà hiểu sâu xa rằng “nhân quả quyết chẳng luống uổng”. Nếu ông không biết niệm Phật, làm sao Hiền Chuẩn có được tướng tốt lành khi lâm chung ấy? Cũng như chẳng biết: Nếu không có nỗi đau đớn này để đâm một nhát vào cái tâm thương yêu đăm đuổi con cái của vợ chồng ông thì làm sao mong thành tựu được cái tâm chán lìa Sa-bà hòng đạt được đại lợi ích quyết định vãng sanh?

687. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ tư)

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn than thở. Mười mấy năm qua ông hoàn toàn chẳng dụng công nơi tâm địa của chính mình, chỉ gắng gượng chống giữ bề ngoài. Con người sống trong thế gian ai nấy đều có chức phận, ông trên có cha mẹ, giữa có em trai, bọn họ đã chẳng thể nghe theo ông thì chỉ đành để mặc họ. Chính mình hãy vì cha mẹ, các em... mà niệm Phật siêu độ cho những con vật bị giết nhằm cởi gỡ oán kết cho cha mẹ, các em v.v.. Há nên sanh cái tâm sân hận cực lớn ấy? (Tâm hiếu để ở chỗ này.) Cái tâm ấy chính là tâm mạnh mẽ nhất để đọa trong ác đạo, độc trùng đây! Nếu do vậy mà mạng chung, ông chẳng sanh làm rắn độc, thú dữ thì sẽ sanh vào đâu đây? Học Phật phải giải thoát phiền não (cứ trợn hết lòng mình, chẳng bận tâm người khác có nghe theo hay không), ông

lại ngược ngạo tăng trưởng phiền não. Thử nghĩ, nếu ông không được nghe Phật pháp, há có thể nào khác biệt với cõi đời hay chăng? (Sợ rằng tâm ông còn hiếu sát, ham ăn còn mạnh mẽ hơn họ nữa kia.) Mong từ đây hãy chỉ xét nghĩ tự tâm, đừng màng người khác sai trái.

Đối với kẻ mang tri kiến thông tục, nếu khuyến hóa được thì hãy thiện xảo khuyến hóa. Nếu chẳng thể, hãy nhất tâm niệm Phật; chỉ sanh lòng thương xót bọn họ, bất luận họ là kẻ sát sanh hay là sanh mạng bị giết. Lại cần phải sanh lòng vui mừng, cảm thấy may mắn: “Nếu ta không được nghe Phật pháp thì hiện tại sẽ giống như những kẻ giết loài vật để ăn ấy, tương lai sẽ đọa làm loài vật sẽ bị chúng nó giết.” Sanh được hai tâm ấy rồi cực lực niệm Phật thì sân hận chẳng sanh, thiện duyên tăng trưởng, trong tương lai ắt có cảnh đại tương ứng, chẳng đến nỗi suốt ngày dùng Phật pháp để kết ác duyên. Hoa Nghiêm Hạnh Nguyên Toàn Kinh (tức phẩm Hạnh Nguyên trong bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm) có câu: “Bò uống nước thành sữa, rắn uống nước thành nọc độc. Kẻ trí học sẽ liễu sanh tử, kẻ ngu học sẽ vào mê-lê.” Tôi dứt lời nơi đây!

688. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ năm)

Con người sống trong thế gian, hãy nên trọn hết những nghĩa vụ đáng phải nên trọn. Như lời ông nói thì vẫn cứ muốn xin Quang giám định và soạn lời tựa cho Vân Du Tập Ai Văn Lục, đúng là ông muốn ép tôi làm nô lệ! Đối với những thói xấu kiêu căng, xa hoa, rộng tuếch, hời hợt ấy, tuy chúng ta chẳng thể đẩy lùi phong thái suy đồi xấu xa đó được, há nên phụ họa, bắt chước làm theo để lũ hậu sinh ưa phô trương thanh thế giả dối, ghét sự nhàm chán sẽ đua nhau coi đó là cách tối thượng hòng mua danh chuốc dục, chẳng đáng buồn ư? Ông đừng nên làm như vậy! Nếu ông cứ nhất định muốn làm vậy, đừng gởi sách ấy đến cho tôi, buộc tôi phải đốt đi. Ông hãy đốt ngay ở chỗ mình để đôi bên khỏi phải nhọc lòng. Ông học Phật đến nỗi có tri kiến kiêu đó thì không học Phật sẽ còn như thế nào? Vợ con ông trợ trọi, khổ sở, không nơi nương tựa, mà vẫn cứ muốn dấy lên cái thói xa xỉ ấy, tức là trên tuyết lại thêm băng, đối với kẻ sống lẫn người chết đều tổn hại vô ích.

Mấy chục năm qua, đối với tiên phụ, tiên mẫu, tiên sư, tiên huynh (tiên huynh chính là vị thầy dạy chữ cho Quang), Quang trọn chẳng ghi thuật một chữ nào, bởi chẳng muốn hòa theo thói xấu hư trương thanh thế, cũng như chẳng muốn người ta bảo: “Sợ rằng đây là những lời lẽ tô vẽ, chưa chắc đã là chuyện thật!” Há tôi chịu để xướng chuyện này cho kẻ đã quy y với mình ư? Thử hỏi người ấy chỉ có thể không thẹn với chức vị của mình mà thôi, chứ rốt cuộc đối với nước nhà, đối với dân tộc có công đức gì đáng cho người khác ca tụng chăng? Hề phong

thái này dấy lên thì những kẻ hèn kém tới mức chẳng chịu đựng được sẽ đều bắt chước làm theo, có thể nói là kẻ bày trò gây tội chẳng phạm tội lỗi gì chẳng? Dẫu cho em trai ông muốn làm thì cũng nên khuyên anh ta thôi đi, huống hồ ông còn muốn khuyến khích em trai mình nữa ư? Ông có trang trải được chi phí ăn loát ấy hay chẳng? Huống chi ông trọn chẳng có tài lực ấy mà lại khuyên bảo em trai hãy làm chuyện ấy ư?

Cư sĩ sống trong chùa miếu, bất quá chỉ là một đạo nhân trông coi miếu mà thôi, ông bảo người ấy trụ trì pháp đạo thì tiếm lạm cũng lớn lắm đấy! Thế tục gọi vị tăng sống trong miếu là trụ trì, là đương gia, kẻ ấy cũng xưng hô như thế, do thuận theo thế tục cho nên chẳng trái nghịch cho lắm. Ông bảo là “trụ trì pháp đạo” tức là ăn nói sai lầm hoàn toàn, đem phạm lạm thánh. Hẳn ta có đức gì để trụ trì pháp đạo vậy? Chỉ trông coi miếu mà thôi!

689. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ sáu)

Trước đây, Trí Thanh và Trí Mục có gởi thư đến, cậy tôi xem xét, sửa chữa bài “Duyên khởi thành lập thư viện” do họ soạn. Do Quang thấy bài duyên khởi ấy trọn chẳng nêu ra ân đức lợi sanh giúp đời của đức Phật nên viết một bài khác. Vì số chữ quá nhiều, sợ khó thể sử dụng cho thích hợp được, nên lại sao lục bài “Nêu bày những ý nghĩa ẩn kín qua tác phẩm Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công”, mượn oai đức, danh vọng của Văn Trung Công để chiết phục những kẻ chấp nhặt hẹp hòi, thiên chấp, tà kiến, đây cũng là một tấm gương lớn lao để làm lợi người khác vậy!

Tôi chưa từng thấy những bài tán dương các vị tổ sư Liên tông. Bài tán của ông Đồng rất hay, Quang cũng soạn một bài tán. Tuy chẳng hay bằng bài của ông Đồng, nhưng cũng có thể dùng được. Tịnh độ tông khởi đầu từ đức Phổ Hiền, Viên công tiếp nối nguồn pháp nơi Chấn Đán (Trung Hoa), lưu truyền rộng rãi khắp trong ngoài nước khiến cho khắp mọi thánh phàm đều chứng Niết-bàn trong hiện tại. Cuối bộ kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Tây Phương, đây là lần xướng suất đầu tiên trong giáo pháp của đức Phật Thích-ca vậy (Tiểu thừa đoạn sạch kiến tư hoặc liền liễu sanh tử, chứng chân đế Niết-bàn, do vậy coi liễu sanh tử là chứng Niết-bàn. Trong Đại thừa thì thành Phật mới là Niết-bàn rốt ráo, chẳng thể coi loại Niết-bàn ấy (*tức chân đế Niết-bàn của Tiểu thừa*) là Niết-bàn rốt ráo của Phật được).

690. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ bảy)

Quang một mực chẳng thích chụp hình, bởi lẽ chụp hình luôn luôn là chuyện hao phí tiền bạc của tín thí, dùng tiền tài hữu dụng để làm chuyện vô ích hoa mỹ

rỗng tuếch, người tu hành há nên làm ư? Ông hãy xét kỹ lời tôi, thấu hiểu sâu xa lòng tôi, tuy chưa gặp mặt mà đã gặp nhau bằng tấm lòng, nào còn thiếu sót, áy náy chi? Nếu không, đâu có cùng ở chung một nhà với Phật mà tâm chẳng vâng theo, như Điều-đạt (Đề-bà-đạt-đa)¹⁰⁸, Thiện Tinh¹⁰⁹ vẫn phải đọa vào địa ngục A-tỳ ngay trong lúc sống, huống hồ những kẻ hời hợt, hờ hững hiện thời ư? Xin hãy tận tụy thực hiện nhằm nêu gương cho học trò và người trong làng nước, đây chính là điều tôi mong mỏi vậy. Sáng chiều lễ Phật là được rồi, há nên sau khi lễ Phật liền lễ Quang? Lễ Quang rốt cuộc có ích chi đâu? Nếu cứ nói “vì nhớ đến ân chỉ dạy” thì hãy lễ trong khóa lễ sáng tối mùng 1, hôm Rằm, còn thường ngày chẳng cần phải lễ!

¹⁰⁸ Đề-bà-đạt-đa (Devadatta), đôi khi còn phiên âm là Địa-bà-đạt-đa, Đề-bà-đạt-đâu, hoặc gọi tắt là Điều-đạt, dịch nghĩa là Thiên Nhiệt, Thiên Thọ, Thiên Dữ. Ông là con của vua Hộc Phạn (em trai vua Tịnh Phạn), là anh ruột của A-nan. Từ lúc nhỏ, khi học các kỹ thuật bắn tên, cưỡi ngựa, toán pháp... chung với đức Phật và Nan-đà (em cùng cha khác mẹ của đức Phật, con bà Kiều-đàm-di), ông luôn tỏ ra ganh tỵ, luôn tìm cách vượt trội hai người. Đến khi đức Phật thành đạo, ông xin theo xuất gia, trong suốt 20 năm thiện tâm tu hành, siêng ròng không lười nhác, do chưa đắc quả A-la-hán bèn ngã lòng, sanh ý niệm ác, muốn học thần thông để được lợi dưỡng. Không được đức Phật chấp thuận, ông tìm đến Thập Lực Ca-diếp xin học thần thông. Ông rất được thái tử A-xà-thế tin tưởng, kính phục. Do vậy, Đề-bà-đạt-đa càng thêm kiêu mạn, liên kết với A-xà-thế tìm cách hãm hại để giành quyền lãnh đạo tăng đoàn. Vì thế, Đề-bà-đạt-đa bèn dẫn 500 đồ chúng tách rời tăng đoàn, tự xưng là đại sư, chế định năm pháp, dối xưng hành theo năm cách ấy sẽ mau chóng đạt tới Niết-bàn. Ông ta đã phá hòa hợp tăng, lại xui A-xà-thế giết cha, tính dùng thế lực của tân vương để hại Phật ngộ hủ chính mình sẽ trở thành pháp vương. Ông sai 500 người cầm nỏ đá bắn Phật nhưng không thành công. Ông lại đích thân lăn một tảng đá to từ đỉnh núi Kỳ-xà-quật xuống để mưu giết chết Phật, nhưng do thần Kim-tỳ-la dùng chày Kim Cang đánh nát hòn đá, nên chỉ một mảnh đá nhỏ văng trúng chân Phật, chảy máu. Ông lại sai người đem voi say toan giẫm chết Phật tại thành Vương Xá, nhưng voi vừa trông thấy Phật liền tỉnh rượu, mọp đầu quy y. Trong khi ấy, hai vị Xá-lợi-phất và Mục-liên dùng biện tài khiến cho 500 đệ tử của Đề-bà-tinh ngộ trở về với Phật, A-xà-thế cũng được Phật giáo hóa, tỉnh ngộ, sám hối, quy y. Đề-bà-đạt-đa tức tối, tìm có đánh chết tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc, nhuộm chất độc vào mười móng tay, giả vờ đến đánh lễ để cào chân Phật, nhưng chân Phật nghiêm nhiên không bị tổn hại, còn Đề-bà-đạt-đa rụng sạch mười ngón tay. Đất liền nứt ra, đọa thẳng vào địa ngục A-tỳ. Tuy vậy, theo kinh điển Đại thừa, đây là những nghịch hạnh do Điều-đạt thị hiện để Phật có cơ hội chế giới và hóa độ những kẻ tà kiến, ngũ nghịch thập ác. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật từng nói rõ nhân duyên: Trong quá khứ, Đề-bà-đạt-đa là tiên nhân biết được pháp Đại thừa, Phật là một vị quốc vương đã bỏ ngôi vua theo hầu hạ tiên nhân để cầu pháp và học kinh Diệu Pháp Liên Hoa nơi vị tiên nhân ấy. Phật cũng thọ ký Đề-bà-đạt-đa sẽ thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai.

¹⁰⁹ Thiện Tinh (Sunaksatra), còn được phiên là Tu-na-ha-đa, hoặc Tu-na-sát-đa-la, còn dịch là Thiện Túc, là con trai của đức Phật khi ngài còn là Thái tử. Sau khi xuất gia, ông đã đoạn được phiền não, đắc *đệ tứ thiền định*. Về sau, do thân cận bạn ác, liền bị lui sụt quả giải thoát, khởi tà kiến nhân quả bất định, sanh tâm ác đối với Phật, nên đọa vào địa ngục Vô Gián ngay trong khi còn sống. Do vậy, thường được gọi là tỳ-kheo xiển-đề. Theo Pháp Hoa Huyền Tán, Phật có ba người con là Thiện Tinh, Ưu-bà-ma-đa và La-hầu-la. La-hầu-la nhỏ nhất nhưng là con của chánh phi Da-du-đa-la nên hầu như người đời chỉ biết đến La-hầu-la.

Chỉ cần ông có thể nghe theo lời Quang nói thì sẽ là đứa con thật sự của đức Phật, Quang và ông sẽ cùng sanh về Tịnh độ ngay trong cuộc đời này, là bạn thiết nơi Liên Bang, may mắn vô cùng! Câu đối treo nơi đại điện hãy nên lấy đạo lý trong nhà Phật để soạn thành văn, chứ văn của người ấy và văn của ông đều là những thứ văn chương thù tạc trong khi nhàn rỗi. Nay tôi nghĩ ra một đôi câu đối như sau:

*Nguyên trọng, bi thâm, cử tam căn nhi phổ độ,
Chân cùng, hoặc tận, siêu Thập địa dĩ độc tôn.*

(Nguyên nặng, bi sâu, độ trọn khắp cả ba căn,
Chân cùng, hoặc hết, độc tôn trỗi hết Thập địa.)

“Tam căn” chỉ khắp lục đạo, tam thừa. “Chân cùng” là lý để chứng đã được chứng đến mức cùng cực. “Hoặc tận” là hoặc (phiền não) cần phải đoạn đã đoạn đến hết sạch. “Thập địa” là Thập địa Bồ-tát, là bậc đã gần thành Phật. “Duy” là chỉ một. Dùng chữ “độc tôn” thì cảm thấy rõ nghĩa hơn một chút. Chứ nếu dùng chữ “duy tôn”, chắc kẻ kém chữ nghĩa sẽ không hiểu rõ lắm nên tạm dùng chữ “độc tôn”, tuy chữ độc chẳng đúng luật bằng - trắc cho lắm. Xin hãy châm chước để sử dụng; nhưng loại câu đối này cũng không phải là viết thiếp, đề thơ dùng trong thi cử nên không tuân thủ luật bằng - trắc chặt chẽ cũng không quan trọng lắm.

Trong hai ba năm qua, vợ chồng Lâm Hồng Do cùng bị bệnh nặng, ấy là do tức nghiệp chiêu cảm, cố nhiên hãy nên nghiêm túc sám hối. Lại còn phải suy xét hành vi của chính mình, nếu có điều nào chẳng đúng pháp hãy cực lực sám trừ, sửa đổi lỗi cũ, từ nay tu tập, ngõ hầu liền được từ ân gia hộ. Xin hãy đem ý Quang nói với họ.

Phàm những pháp thuộc về ngoại đạo đều là trộm cắp những câu văn từ kinh Phật, lời tổ, rồi thay đầu đổi mặt để soạn thành kinh sách của chính họ. Nước ta kể từ khi Phật pháp được truyền sang phương Đông, chỉ có Sơ tổ, Nhị tổ, Tam tổ, Tứ tổ, Ngũ tổ, Lục tổ được cả cõi đời xưng tụng là tổ. Pháp tôn của Lục tổ tên là Đạo Nhất¹¹⁰, họ ngoài đời là Mã. Do vị tổ thứ 27 ở Tây Thiên (Ấn Độ) có câu sấm ngữ “*mã câu đạp sát thiên hạ*” (con ngựa non đạp chết thiên hạ)¹¹¹, đương

¹¹⁰ Ngài Mã tổ Đạo Nhất đắc pháp nơi Nam Nhạc Hoài Nhượng, được phó chúc nối tiếp đạo mạch của ngài. Hoài Nhượng lại là đồ đệ của Lục tổ Huệ Năng nên mới nói “pháp tôn của Lục tổ tên là Đạo Nhất”.

¹¹¹ Đây là một câu kệ trong Bích Nham Lục nhắc đến câu sấm ngữ của vị tổ thứ 27 ở Ấn Độ (tức ngài Bát-nhã-đa-la) khi dạy tổ Bồ-đề-đạt-ma hãy sang Đông Độ truyền pháp Thiên, tiên đoán về sự nổi pháp của Mã tổ.

thời đều gọi ngài là đại sư Mã. Khi mất rồi, người đời đều gọi ngài là Mã tổ. Ngoài ra, không một vị nào được gọi thẳng là tổ. Ngay như Sơ tổ, Nhị tổ, Tam tổ, Tứ tổ, Ngũ tổ, Lục tổ cũng là do người đời sau tôn xưng, chứ chẳng phải là ngay trong đời các ngài đã được gọi là tổ.

Trong vòng trời đất, số lượng con người thật đông, túc căn mỗi người mỗi khác. Dầu được đức Phật giáo hóa, nhưng những kẻ do chủng tánh chẳng lành liền nảy sanh tà kiến, giống như trời đất lấy hai khí âm dương để hóa sanh vạn vật, tuy khí âm và dương là một, nhưng vạn hữu được sanh ra chẳng giống nhau. Thứ ngọt ngào, thứ độc địa đều tùy theo chủng loại. Những kẻ nói “vì ngoại đạo lẫn nhà Phật đều cùng có những lời lẽ nói về niệm Phật nên bảo là giống nhau” thì có khác gì nói “do cùng nhận chịu khí âm dương liền bảo là giống hết như nhau” ư?

Quê ông không có ai thông hiểu Phật pháp khiến cho những thứ tà thuyết như thế dấy lên mạnh mẽ. Ông đã không có con mắt trí tuệ chân chánh, chỉ nên “ngươi là ngươi, ta là ta, ai giữ pháp này, ai hành đạo này”, chẳng gia nhập bè đảng của bọn họ, mà cũng chẳng công kích, phê bình họ sai trái thì dù có sống chung với họ vẫn chẳng có những chuyện tiêm nhiễm, đổ kỵ nhau v.v.. Hòa quang nhưng không đồng trần chính là phương cách để giữ mình. Nói “hòa quang” không có nghĩa là tu trì theo kiểu của họ, mà chỉ là không công kích, không phê bình, mà cũng chẳng khen ngợi. Nếu bị họ xoay chuyển thì sẽ trở thành “đồng trần”, nếu “đồng trần” thì sẽ trở thành tội nhân trong Phật pháp.

Phàm phu tu hành hãy nên phát tâm đại Bồ-đề lợi người lợi vật. Chuyện lợi người lợi vật chính là điều gì sức mình có thể làm được thì hãy gắng sức làm, chuyện gì chẳng thể làm được thì ắt phải thường giữ tấm lòng ấy, như vậy thì sẽ chẳng trái nghịch với nguyện tâm Đại thừa vậy.

Căn bệnh nổi bثور của ông chẳng cần phải dùng tơ nhện, chỉ niệm Quán Âm cũng được lành. Do ông hoàn toàn thiếu chánh tín nên lòng luôn rong ruổi theo thuốc men. Những vị vĩ nhân lỗi lạc trong thế gian thường do bị bệnh vật liền dùng thuốc đến nỗi mất mạng. Bọn họ dốc sức nơi thuốc men, mà cũng chưa chắc đã dùng sai thuốc, chỉ vì túc nghiệp sai khiến nên thành ra như vậy. Phàm với những bệnh cực khó trị, hãy đều nên trị bằng cách niệm Quán Âm. Nếu kiên thành, ắt sẽ có hiệu nghiệm lạ lùng. Sao tâm ông lại sân hận hừng hực đến mức như thế ấy? Đủ biết, chắc chắn đời trước ông là kẻ có quyền thế lớn lao, cho nên tập khí đã trở thành tánh. Nay hãy nên học tánh khiêm tốn, kiềm chế, luôn biết mình chẳng đúng, chẳng thấy người khác sai trái, lâu ngày chầy tháng sẽ hàm dưỡng thành tánh, tập khí tiêu diệt.

Bàn đến số mạng thì hãy nên lấy thiên Lập Mạng của Viên Liễu Phàm làm gốc, bất luận là ai đều có thể đạt được lợi ích. Lưu tâm nơi ấy thì lợi ích ấy lớn lắm! Nhưng ý nghĩa trong ba thiên Cải Quá (sửa lỗi), Tích Thiện và Khiêm Đức (vun bồi đức khiêm nhường) đều phù hợp với mọi căn cơ để có thể nói với người khác được. So với thầy thuốc cứu sống người, công đức càng lớn hơn!

Nếu ông giữ được cái tâm “gốc chánh, nguồn trong” để làm chuyện vun bồi nhân tài thì sẽ “chẳng giữ địa vị mà thực hiện sự cai trị, chẳng lên tòa mà thuyết pháp”, vui sướng chi bằng, há gây trở ngại gì cho niệm Phật? Sáng tối hãy tùy sức xưng niệm; ngoài những lúc ấy ra, khi nào chẳng cần phải dùng tới tâm, hễ thuận tiện bèn niệm niệm. Chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, sẽ tự được vãng sanh. Nếu cứ nói “đích thân cày ruộng để niệm Phật”, tức là chẳng biết lúc phải tự cày ruộng do nhọc nhằn nên quyết chẳng thể niệm được. Ông nghĩ như vậy đều là vì chẳng tự phản tỉnh, mang tình kiến “đứng núi này trông núi nọ”, chẳng phải là trí thức thấu hiểu sâu xa tự tâm, thấu hiểu triệt để cõi đời vậy.

Ông chỉ nên “đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tin sâu nhân quả, tận lực giữ vey luân thường”, kiêm dùng tín nguyện để trì danh cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, mà cũng dùng những điều ấy để hóa độ người khác. Dầu chẳng thể có bản lãnh lớn lao, vẫn có thể đội trời đạp đất, chẳng thẹn làm người, chẳng thẹn làm thầy vậy.

Ông là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân, làm sao khỏi ngủ, thôi ăn cho được? Chỉ không tham ngủ, chẳng tham ăn, chỉ cốt dưỡng sức, khỏi đói mà thôi. Nếu như ông nói, cày vào thần chú để thôi ngủ, nếu thật sự trì chú được linh cảm lớn lao chắc sẽ có thể không ngủ. Ngay trong đêm đầu tiên trì chú ông đã không ngủ, tức là tâm thiết tha đến cùng cực, tinh thần đã hơi bị tổn thương, cho nên không ngủ. Nếu để tinh thần bị tổn thương lâu ngày thì sẽ ngủ vùi chẳng tỉnh dậy được. Kẻ sơ tâm thường vì nhất thời tinh tấn quá độ, về sau ngã lòng biếng nhác.

Buông thông ông quần là tập quán của phương Nam, chứ nếu là người phương Bắc thì cũng không có thói quen ấy, huống là một vị cư sĩ học Phật ư? Vì thế, cư sĩ cũng nên buộc chặt ông quần lại thì mới nên. Những vị chân tu trong tăng chúng, khi ngủ cũng không tháo dây buộc ông quần ra, huống là trong ban ngày ư?

Biết có những điều không thể làm được nhưng vẫn dốc hết khả năng để thực hiện thì chính là tâm hạnh đại từ đại bi của Bồ-tát. Biết có những điều chẳng nên làm nhưng cứ nhất loạt chẳng kiêng giữ thì sẽ trở thành chủng tử địa ngục. Kẻ tà kiến thường đem những điều chẳng thể thực hiện để ngăn trở người khác, bảo: “Con người mỗi một hơi hít vào có vô số trùng nhỏ nhoi bị hút vào bụng, đều là

sát sanh, đều là ăn thịt, làm sao ông chẳng sát sanh, chẳng ăn thịt cho được?” Điều ấy thật giống như toàn thân vùi lấp trong hầm xí rồi cũng muốn lôi kẻ khác vào trong ấy. Người ta chẳng chịu nghe theo, bèn nói: “Người chê ta là hôi thối, vậy trên thân người thường có ruồi, muỗi, rận tuôn phân vãi tiểu, mà vẫn chẳng phải là ở trong hầm xí, vẫn chê ta hôi thối ư?” Những loại tri kiến ấy đều thuộc tà kiến, đều phát sanh từ những kẻ thông minh, đáng sợ thay!

Phật pháp coi trọng chuyện lợi người, đạo lợi người nên khởi đầu từ nơi người thân. Nếu chẳng đem đạo này khuyên lơn cha mẹ, anh em, vợ con trước mà lo khuyên người khác tức là bỏ gốc chạy theo ngọn. Cần phải cùng thực hiện, cùng hành cả hai thì mới nên.

Dùng văn tự để khuyên người khác là chuyện cực hay, nhưng cũng phải có phương cách. Như những chữ ông đã viết lúc ban đầu thì đúng là người nghiên cứu dầu dùng để ghi sổ cũng chẳng chịu dùng. Gần đây tuy chẳng noi theo thói cũ, nhưng lại nói bừa viết loạn thật giống như điên cuồng. Nếu gặp phải bậc cao minh, chắc họ sẽ coi thường ông. Hơn nữa, hãy nên y theo chương trình của phàm phu để tu trì, đừng mong vượt trội người khác thì sẽ có lợi ích thật sự. Nếu không, sau này nhất định sẽ có ngày nổi cơn điên cuồng lớn lao đấy! Do vậy sẽ đâm ra khiến cho kẻ vô tri lui sụt lòng tin. Xin hãy đọc kỹ Văn Sao và các trước thuật Tịnh độ của cổ đức ngõ hầu trừ khử được tập khí ấy, chẳng đến nỗi bị ma dựa. Nếu không, khó bảo đảm chẳng bị ma dựa. Bịt tai trì chú làm sao bằng dứt vọng trì chú? Bịt tai cũng là lẽ thói của ma đấy¹¹².

Nghiệp thông ba đời, phàm phu bèn né tránh chẳng dám đón đầu, còn thánh nhân thị hiện giáng sanh trong thế gian lại lãnh nhận nghiệp giống như trả nợ. Các ngài đã vượt thoát ra ngoài sanh tử, nhưng chẳng ngại thị hiện lãnh nhận túc nghiệp trong đời này giống như người đời hòng dứt cái tâm giết chóc của người đời sau. Ông hiểu như thế, thật có thể nói dùng lòng phàm phu để làm lạc suy lường thánh nhân, tội lỗi vô lượng. Tuy chẳng thể biết được sở chứng của vị tăng ấy, nhưng chớ nên chấp chết cứng “*sư chắc chắn không có nghiệp báo*”, đến nỗi người đời chẳng sanh lòng kính sợ, tận lực trì thánh hiệu.

Do có những vị thị hiện làm kẻ ác gặp khổ liền dứt ác, hoặc do gặp ác báo mà sanh thiện niệm liền tự đổi mới, cho nên những sự tích làm súc sanh, làm ngựa quỷ

¹¹² Như vậy là ngay từ thời ấy tà ma ngoại đạo đã áp dụng lối bịt tai trì chú. Hiện thời có một phái tà đạo mạo danh Phật giáo tự xưng tu pháp môn Quán Âm, bịt tai trì thần chú của đạo Sikh để nghe được những âm thanh của tự tánh. Chúng gọi đó là pháp môn Quán Âm, thật chẳng hiểu ý nghĩa “phản văn văn tự tánh” như thế nào mà “thánh mẫu” của phái ngoại đạo ấy còn ngông cuồng tuyên bố mình chính là Quán Âm thị hiện, Phật Thích-ca đã lỗi thời. Đáng sợ thay!

thật nhiều. Hiện thân nga quý Diện Nhiên¹¹³ để rộng mở môn tế độ; những khoa nghi Mông Sơn, Diệm Khẩu, Thủy Lục hiện thời đều bắt nguồn từ đây. Những chuyện Phật Bồ-tát hiện thân súc sanh, đến cuối cùng mới hiển lộ bản khiến cho những kẻ trong hiện tại hoặc đời sau đều sẽ do đây mà sanh lòng tin niệm Phật, đoạn ác tu thiện chẳng thể đếm xuể, ông trọn chẳng để mất tới, nên bảo là có ích gì, chẳng đáng buồn hay sao?

Phật tuy từ bi rộng lớn, nhưng muôn độ chúng sanh đều cần phải chiết phục, nhiếp thọ. Dầu khinh mạn Phật, hủy báng Phật, Phật thật sự chẳng sanh lòng yêu, ghét, nhưng nếu không chiết phục sẽ không thể khuyên can được. Vì thế, thần hộ pháp ắt phải gieo họa cho kẻ ấy để những ai bắt chước kẻ ấy làm ác đều kinh sợ, lòng từ bi ấy không chi bằng. Lời ông nói chính là lời lẽ chẳng hiểu sự vụ, ăn nói lẫn lộn! “Hết thầy duy tâm” quả thật là lời luận tội cùng, nhưng cũng chẳng thể không nêu rõ ý chiết phục, chỉ chuyên nói duy tâm được.

Nếu ai thấy cảnh Tây Phương thù thắng rành rành ngay trước mắt, kẻ ấy phải tâm tâm niệm niệm tương ứng với Phật thì mới nên. Nếu không, vừa trông thấy cảnh ấy sẽ ngược ngạo phát sanh ma sự! Ví như thân chưa lành bệnh, chẳng dám hưởng sự vui sướng vì mất mẻ. Nguyên của ngài Liên Trì là nhất tâm niệm Phật¹¹⁴, cố nhiên là chánh lý; còn như lời ông nói thì chẳng niệm mà được thấy ngay thánh cảnh Tây Phương nên trở thành nói nhăng nói càn. Kẻ mù từ lúc sanh ra chẳng thấy được mặt trời rực rỡ, chim cú ban ngày chẳng thấy được Thái Sơn, chứ nào phải mặt trời rực rỡ chẳng mọc, Thái Sơn chẳng tồn tại, mà do chính kẻ mù, chim cú bị nghiệp ngăn chướng nên chẳng thấy được đây chứ!

“Trái giác, hợp trần” là nói theo bản thể, chứ không phải là nói về sự tu (tu hành trên phương diện sự tướng). Bản thể khi chưa tu giống như vàng chưa tách

¹¹³ Đại dĩ Diện Nhiên chính là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát, đại biểu cho quý vương trong nghi Du-già Diệm Khẩu. Theo Phật Thuyết Cứu Diện Nhiên Nga Quý Đà-la-ni Thần Chú Kinh, Diện Nhiên chính là tên của một nga quý mặt xanh, nanh nhọn hoắt, nét mặt dữ tợn, miệng bốc lửa, lưỡi thè ra cả tấc, nên có tên là Diện Nhiên (về mặt đáng sợ), còn gọi là Diệm Khẩu (miệng bốc lửa), hoặc Tiêu Diện (mặt cháy nám) do ngài Quán Âm biến hóa ra nhằm điểm hóa A-nan. Nga quý Diện Nhiên báo cho A-nan biết ba ngày sau A-nan sẽ chết, chết rồi sẽ đọa làm nga quý. A-nan kinh sợ, cầu Phật chỉ dạy phương pháp thoát nạn. Nhân đó, Phật nói phương cách thí thực, hồi hướng cho các nga quý được thoát khỏi ác đạo. Các khoa nghi Thủy Lục, Diệm Khẩu đều dựa theo những bài thần chú được nói trong bài kinh trên đây thêm vào các nghi thức cúng dường, bố thí, tán thán, hồi hướng trích từ các Mật điển khác. Còn khoa nghi Mông Sơn thì dựa theo ý nghĩa của bài kinh này để thí thực cho các nga quý, cô hồn hằng ngày.

¹¹⁴ Ông Trắc Trí Lập do thấy trong bài Tịnh Độ Phát Nguyên Văn của tổ Liên Trì có lời nguyện: “Nguyện trong khi thiền quán, hay trong lúc mộng寐 được thấy thân sắc vàng của Phật A-di-đà, được đạo qua cõi báu trang nghiêm của Phật A-di-đà, được Phật A-di-đà dùng cam lộ rưới đánh, quang minh chiếu đến thân, tay Phật xoa đầu con, y ngài trùm thân con”, nên mới hiểu lầm lời nguyện ấy là chuyên cầu thấy được thánh cảnh Tây Phương.

ra khỏi quặng, sợ con người chẳng biết là Phật tánh nên gọi là giác. Tu rồi bản thể sẽ tỏ lộ giống như vàng tách khỏi quặng, đấy chính là do tu mà hiển tánh, do thì giác hợp với bản giác vậy. Như vậy thì giống như đã thành vàng ròng, chẳng còn là quặng nữa. Ông chỉ biết nói bừa đạo lý, trọn chẳng chịu suy nghĩ nghĩa lý sâu xa, nhọc công tôi uổng phí biết bao nhiêu bút mực để rồi ông biến thành trò trẻ con đùa bỡn, biết bao giờ mới thôi!

Như Lai sanh ra từ hông phải, sau bảy ngày mẹ Ngài liền mất, sanh lên trời Đao-lợi. Về sau đức Phật thành Phật, lên cõi trời Đao-lợi thuyết pháp cho mẹ, an cư một hạ (ba tháng) trên cõi trời, vua Ưu-Điền¹¹⁵ nghĩ nhớ đức Như Lai do vậy mới tạo tượng. Ông đã đọc Văn Sao mà sao không biết chuyện này? Còn khi lâm chung thì đức Phật do lòng đại từ bèn thị hiện tướng nằm cát tường¹¹⁶ giống như người đời. Vì muốn nhắc nhở chúng sanh nên cũng làm như kẻ bệnh thân thể chẳng được thoải mái, thanh thoi, bảo: “Nay lưng ta đau nhức.” Sau đấy, do sợ phạm phu tưởng là thật, lại bay vọt lên hư không, hiện mấy chục thứ thần biến¹¹⁷ rồi mới nhập diệt. Đã nhập kim quan, khi Phật mẫu từ trên trời xuống, lại từ kim quan ngồi dậy, an ủi mẹ. Xong xuôi, vẫn nằm trong quan tài. Đến khi Ca-diếp từ núi Kỳ-xà-quật đến, từ trong quan tài Phật lộ hai chân ra, Ca-diếp nâng chân Phật ve vuốt. Những chuyện này hãy xem chi tiết trong phần sau (tức 2 quyển cuối) kinh Đại Niết-bàn (bản 40 quyển). Ngoại đạo hủy báng nói lời như vậy, bọn họ giống như con chó chỉ biết phân thơm, ngược ngạo chửi bới thức ăn ngon là hôi thối. Nếu là chó thì cố nhiên sẽ tin tưởng như vậy chẳng ngờ, nếu chẳng phải là chó thì sẽ cảm thấy bản tai, dơ miệng, há nhắc đến những lời ấy hay chẳng? Lời lẽ hủy báng của ngoại đạo phần nhiều là như vậy đấy, chỉ có người hiểu lý mới không bị mê hoặc.

¹¹⁵ Vua Ưu-điền (Udayana) có tên gọi đầy đủ là Ưu-điền-diễn-na Phật-tha (Udayana-vatsa), dịch nghĩa là vua Nhật Tử hoặc vua Xuất Ái, vua nước Kiêu-thường-di (Kausāmbī, còn phiên là Kiêu-diễm-di) thời ấy. Theo kinh Tăng Nhất A-hàm quyển 28 (cũng như kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, kinh Quán Phật Tam-muội Hải, kinh Đại Thừa Tọa Tượng Công Đức), do Phật an cư ba tháng trên cõi trời Đao-lợi để thuyết pháp báo ân mẹ, vua Ưu-điền không thể lễ Phật, sanh lòng ưu sầu, ngã bệnh. Quân thần bèn dùng gỗ ngưu đầu chiên-đàn tạo một bức tượng Phật cao năm thước. Vua nhìn thấy tượng Phật, lòng hoan hỷ liền lành bệnh. Khi đức Phật từ thiên cung giáng hạ đã tán thán và hứa khả bức tượng này.

¹¹⁶ Tướng nằm cát tường còn gọi là *sur tīrṇa*, tức nằm nghiêng bên hông hữu, tay phải lót dưới mặt, tay trái để xuôi theo thân.

¹¹⁷ Thần biến (vikurvana): Chư Phật Bồ-tát vì hóa độ chúng sanh liền dùng sức chẳng thể nghĩ bàn siêu việt nhân gian (tức sức thần thông) biến hiện các thứ hình trạng và động tác. Hiểu theo nghĩa hẹp, thần biến chính là thần túc thông trong lục thông. Hiểu theo nghĩa rộng thì thần biến bao gồm thân, ngữ, ý.

Ông đúng là kẻ chẳng thông hiểu sự việc trên đời. Khổng tử ghét kẻ xướng suất bày trò giết người khác để tuần táng nên bảo: “*Kỳ vô hậu hử*” (Kẻ ấy không có người nói dối). Ông lại bảo sử dụng mộc ngư (mỡ) thì cũng giống như vậy. Ăn nói kiểu đó đúng là trò đùa trẻ nít! Người trong khắp cõi đời đều coi cá là thức ăn ngon, há lẽ nào khi chưa chế ra mộc ngư thì chẳng có chuyện người đời từng ăn cá hay sao? Lỗi ăn nói ấy vốn chẳng đáng trả lời, bởi nó thuộc kiểu nói giỡn chơi. Nhưng nếu không đáp, ông sẽ tưởng rằng: “Ta có tài ăn nói khiến cho ông sư lòa vô tri vô thức phải cứng lưỡi!”

Đối với câu nói “tỳ-kheo hành đạo chẳng lay Đế Thích”, sao ông lại gạt bỏ hai chữ “tỳ-kheo”? Do tỳ-kheo là đệ tử Phật, lay Đế Thích sẽ không hợp lẽ, chứ không phải là người tại gia học Phật đều chẳng được phép lay. Người tại gia tuy thông hiểu Phật pháp, nhưng tạm thời lễ bái một vị thần chân chánh trong thế gian thì cũng chẳng phải là không được. Nhưng nếu ngày đêm thường lễ bái thần thánh giống như lễ Phật thì cũng chớ nên. Đây chính là như thường nói “*kính nhi viễn chi*” (kính trọng nhưng tránh xa) vậy.

Đối với thuyết “[lễ bái thần thánh thì cũng giống như lễ bái] cha mẹ trong nhiều đời”, đây cũng là cưỡng nói. Cha mẹ trong nhiều đời trọn khắp lục đạo, sao ông không lễ khắp ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn? Do vậy, đức Phật dạy con người kiêng giết phóng sanh là vì chúng sanh đã bao kiếp sanh ra lẫn nhau cho nên dạy con người hãy phát khởi cái tâm từ bi để thực hiện chuyện cứu vớt.

Ông chỉ chuyên biết chấp trước tà kiến, coi đó là chánh pháp. “Bờ bên kia” quả thật phải tự lên, nhưng nếu chẳng niệm Phật đến mức “tâm tịnh, cõi nước tịnh”, làm sao tự lên được? Ông nghe lý tánh liền muốn phé sự tu. Chỉ có chí thành đến mức cùng cực, tâm tương ứng với Phật thì mới có thể *cam lộ quán đánh*, há nên bảo là do sức tác động từ bên ngoài? Do một khắc công phu mà khiến cho chúng sanh trọn khắp pháp giới đều ngộ thì mới chính là sức tác động từ bên ngoài¹¹⁸. Khi chính mình chưa đạt đến mức tâm tương ứng với Phật thì làm sao được Phật gia bị?

¹¹⁸ Do đoạn này hơi khó hiểu nên chúng tôi xin giải thích thô thiển như sau: Ông Trác Trí Lập quan niệm *cam lộ quán đánh* (trong Mật pháp) chính là dùng nghi lễ quán đánh để mượn sức gia bị của Phật, Bồ-tát khiến cho hành nhân được giác ngộ, chứng nhập. Do vậy, gọi là “ngoại thược” (外鑠: tức sức tác động từ bên ngoài). Tổ Ấn Quang nhấn mạnh để nhận được sức gia bị của Phật, Bồ-tát thì chính tâm mình phải tương ứng với Phật mới cảm ứng đạo giao, cho nên cam lộ quán đánh chỉ có tác dụng khi hành nhân đã dụng công tu tập đến mức tâm tương ứng với Phật. Nói cách khác, nếu không có sự nỗ lực tu trì của cá nhân để cảm thì sẽ không tiếp nhận được tha lực, cũng như gương đã phủ bụi thì không thể soi bóng. Do vậy, sự chứng nhập của hành nhân khi được cam lộ quán đánh không phải là do tác động một chiều từ bên ngoài, cho nên không thể gọi là “ngoại thược”. Còn nếu như hành nhân chỉ dụng công một khắc mà

Tiền âm, hậu âm¹¹⁹ thì có, tuy có nhưng không dùng đến. Trong 32 tướng của đức Phật, tướng “không môn đầy đủ”¹²⁰ chính là hậu âm, tướng mã âm tàng chính là tiền âm. Mã âm tàng¹²¹ nghĩa là giống như bộ phận sinh dục của con ngựa, ẩn kín chẳng lộ ra ngoài. Người sanh về cõi Tây Phương ai nấy đều có đủ 32 tướng, cứ suy từ tướng Phật mà có¹²². Nhưng ở Tây Phương không có nữ nhân, nghĩ đến đồ ăn liền được đồ ăn, những thứ để ăn đều là thức ăn được biến hóa ra; ăn vào cũng không có cặn bã nên tiền âm, hậu âm chẳng qua là để giống với người đời mà thôi.

Ông hỏi: “Khi hóa sanh có hiểu biết rõ ràng hay chẳng?” Vậy đủ biết là ông đọc sách Tịnh độ và Văn Sao đều theo kiểu nuốt trọn quả táo, trọn chẳng quan tâm mùi vị ra sao? Người niệm Phật khi lâm chung biết trước lúc mất, há chẳng thể nhận biết rõ ràng ư? Dẫu chẳng thể kể với người khác nhưng đã được tiếp dẫn bởi lòng từ của đức Phật thì có lẽ nào lại mơ hồ mờ mịt, như đang nằm mộng nhưng chẳng biết là mộng, cũng chẳng biết làm thế nào để tỉnh ư? Ông đúng là biết nói những lời lẽ thiếu đạo lý!

Giận tức học trò, sao lại nổi đóa đến nỗi chẳng thể nguôi được? Chẳng qua là tạm hiện tướng nghiêm khắc cho chúng nó kiêng sợ mà thôi. Nếu nghiêm khắc quá đáng, bất quá lũ học trò cũng chỉ kiêng sợ tới mức như thế mà thôi, đâu còn kinh sợ hơn nữa được. Phương cách dạy dỗ là nghiêm nghị, chánh đáng. Mỗi một lời nói, mỗi một hành động đều chẳng cầu thả, khinh bạc mảy may nào thì học trò sẽ như đến chỗ thầy dạy của nhà vua. Nếu thường ngày trọn chẳng có dáng vẻ

chúng sanh trong khắp pháp giới đều ngộ thì đối với chúng sanh trong khắp pháp giới, sự dụng công ấy của hành nhân mới chính là “ngoại thược” vậy.

¹¹⁹ Tiền âm và hậu âm ở đây là thuật ngữ thường dùng trong y thư cổ của Trung Hoa để chỉ bộ phận sinh dục và bộ phận bài tiết. Nói hạn hẹp, hậu âm chỉ bao gồm phần bài tiết như hậu môn và lỗ tiểu. Nếu nói rộng, hậu âm bao gồm cả những lỗ hồng trên cơ thể nhằm bài tiết chất thải ra ngoài như miệng, lỗ lệ nơi mắt, lỗ tai, lỗ mũi v.v..

¹²⁰ “Không môn đầy đủ” có nghĩa là cửu khiếu (hay cửu không) đầy đủ. Cửu không còn gọi cửu lậu (chín chỗ rò rỉ), cửu nhập (chín chỗ để phiền não xâm nhập), cửu lưu (chín chỗ để phiền não tuôn chảy), cửu sang (chín chỗ bị ghé gúm). Các tên gọi này đều nhằm thể hiện ý nghĩa chín nơi này là cửa ngõ để phiền não xâm nhập và phát lộ. Chín nơi ấy chính là hai mắt, hai tai, hai mũi, miệng, hậu môn và lỗ tiểu tiện.

¹²¹ Mã âm tàng (kośopagata-vasti-guhya) còn gọi là tướng mã vương ẩn tàng hay tướng thể phong tạng mật, là một trong 32 tướng đại nhân của Như Lai. Âm là dương vật, mã âm tàng có nghĩa là dương vật ẩn kín trong bụng không lộ ra ngoài nên gọi là âm tàng, giống như bộ phận sinh dục của ngựa đực bị ẩn kín không lộ ra. Theo kinh Bảo Nữ Sở Vấn, tướng mã âm tàng là do trong khi tu nhân, chư Phật luôn giữ mình cẩn thận, vĩnh viễn xa lìa sắc dục. Vãng Sanh Yếu Tập, quyển Trung, chép: “Như Lai âm tàng, phẳng như trăng tròn, có ánh sáng vàng, dường như mặt trời.”

¹²² Do A-di-đà Phật có nguyện người sanh về Tây Phương tướng mạo đều giống hệt như Phật. Phật đã có 32 tướng thì suy ra mọi người trong cõi Cực Lạc đều phải có đủ 32 tướng.

nghiêm nghị, trang trọng, lại còn hề hà, hêch hạc với chúng nó thì dù có nổi nóng đến chết uất như thế cũng có ích gì cho chúng nó đâu? Do ông hỏi câu này, tôi biết ông và thầy của ông đều chẳng khéo nêu gương. Nếu không, chắc chắn sẽ chẳng đến nổi giận tức như thế! Huống hồ còn nói “rộng dung cho học trò tự sửa đổi” và nuông chiều dung dưỡng thói gian trá ư?

Một chú tiểu hết sức khinh bạc, quỷ quyệt, coi hết thấy mọi người đều không ra gì. Do vậy thầy nó cậy Quang giáo huấn (thầy nó là bạn rất thân của Quang), Quang nói rõ nguyên do khiến cho thầy ấy trong lúc đó mặt không còn hạt máu, đã sợ hãi khôn cùng. Về sau đưa nó đến, Quang bèn hòa nhã, bảo nó cặn kẽ: “Đừng trái lệnh ta. Hễ trái nghịch, quyết chẳng dễ dãi dung tha.” Tâm nó tuy kinh sợ, nhưng rốt cuộc do chưa từng đích thân thử ném mùi xữ phạt nên chưa đầy hai ngày đã phạm quy củ. Lúc Quang sắp đánh, liền nói trước quy củ với nó: “Không được động đây, không được khóc!” Chưa đánh nó đã né trước, Quang nói: “Đây là lần thứ nhất ta chưa phạt. Còn né nữa sẽ nhất định trừng phạt”, rồi mới đánh, nó đành đứng ngay đơ giống như cái cây được trồng vậy. Từ đấy trở đi, cả nửa năm sau chưa từng phải nói lớn tiếng một lần nào, huống là phải dùng đến kiểu tức giận không thể nguôi như thế ư? Đây là chuyện xảy ra trong năm Quang Tự 12 - 1886 (Nhằm mùa xuân. Đến ngày Rằm tháng 8, Quang xuống núi, sang núi Hồng Loa ở Bắc Kinh. Từ đấy chưa hề trở lại Trường An, đã 38 năm rồi).

Sao ông chuyên môn dùng cách chấp trước chết cứng để bàn luận Phật pháp vậy? Ai bảo ông “*chấp trung vô quyền*” (chấp vào đạo trung dung, chẳng biết quyền biến)¹²³, “chấp trung vô quyền” còn không nên, thế mà trước hết ông đã dốc sức chấp chặt vào một bên, chưa hề có một chút hơi hướng, dáng vẻ trung dung nào hết. Ông thấy Lục tổ giữ lưới phóng sanh¹²⁴ liền cho là ngài đã phạm giới trộm cắp và nói dối. Đây chính là kiến thức “*bất suy kỳ bổn, nhi tế kỳ mạt giả*” (chẳng suy xét tới cái gốc, chỉ lo vun vén cái ngọn) như Mạnh tử đã nói. Ông thật đáng gọi là một gã hủ Nho, sao mà cũng chẳng biết nặng, nhẹ đến mức ấy?

Hãy nên biết rằng, Phật giáo lấy từ bi làm gốc, người thông đạt coi trọng việc thấu hiểu quyền biến. Như lời ông nói thì cha bắt trộm dê, con khen ngợi, đây

¹²³ Đây là một câu nói trích từ thiên Tận Tâm Thượng của sách Mạnh Tử: “*Chấp trung vô quyền, do chấp nhất đã*” (chấp vào đạo trung dung không biết quyền biến thì cũng giống như chấp nhất vậy). Câu này được dịch theo cách diễn giảng trong sách Mạnh Tử Tập Chú của Chu Hy.

¹²⁴ Theo Pháp Bảo Đàn Kinh, khi bị môn nhân của Thần Tú tranh chấp y bát, sợ bị hãm hại, tổ phải bỏ trốn về Ngũ Lĩnh, sống lẫn với đám thợ săn để ẩn thân. Khi được giao giữ lưới vây bắt thú, ngài luôn mở lưới cho thú trốn thoát.

mới là chánh đạo, em trai ngồi nhìn chị dâu chết đuối chẳng chịu cứu mới là chánh đạo! Đã chẳng thể dựa theo đạo giữ vững lẽ thường nhưng thông đạt quyền biến ấy để hành đạo thì ắt sẽ đến mức trèo tường phía Đông nhà hàng xóm để dụ dỗ gái trinh¹²⁵. Vì sao vậy? Do quan niệm rằng chẳng thân cận phi lễ thì đây cũng là phi lễ, sao lại cứ phải chọn lựa ư?¹²⁶ Nói lý như thế, gọi là nói cong vẹo loạn xạ, Phật chẳng chịu đáp!

Do giữ giới không sát sanh liền đến nỗi chẳng chịu xử phạt khi học trò phạm lỗi, không trị bệnh, không ăn cơm. Ông đúng là kẻ chấp nhặt chết cứng, nhai bã của cổ nhân, chẳng thể tiêu hóa được! Như thế thì làm sao tự lợi, lợi người được đây? Huống chi ông nói: “Mèo bắt chuột, rắn nuốt ếch. Cứu con này ắt phải giết con kia.” Nếu theo như lời ông nói thì hề kiêng giết, ắt trước hết phải giết sạch những con vật nào sát sanh! Nhưng trong một đời, con người sát sanh để ăn chẳng biết số tới bao nhiêu, cố nhiên phải giết hết sạch con người đi thì mới đạt được cái quả không sát sanh vậy. Đáng thương lắm thay! Có trí thông minh như vậy mà chẳng thông đạo lý đến mức như thế đấy.

Người trì giới hề gặp người hay gặp thần đều đem luân hồi sanh tử ra khuyên dụ. Dầu cúng cỗ chay, đãi cơm chay, há thần lẫn người sẽ vì đó mà oán hờn ư? Huống chi ta trì giới của đức Phật, những tà quỷ thần ấy dám oán hờn, giáng họa

¹²⁵ Những câu của Mạnh tử được tổ Ấn Quang dẫn trong đoạn này đều trích từ thiên Cáo Tử Hạ sách Mạnh Tử: “Nước Nhậm có kẻ hỏi Ốc Lô Tử: ‘Giữa lễ và đồ ăn, cái nào trọng?’ Đáp: ‘Lễ trọng’. Lại hỏi: ‘Giữa sắc và lễ, cái nào trọng?’ Đáp: ‘Lễ trọng’. Kẻ ấy nói: ‘Phải hợp lễ mới ăn thì sẽ chết đói. Cứ ăn chẳng cần hợp lễ thì sẽ được ăn, cần gì phải quan tâm đến lễ? Hễ tự đón rước thì chẳng cưới được vợ. Không đích thân đón rước vẫn lấy được vợ, cần gì phải tự đón rước?’ Ốc Lô Tử chẳng đáp được, hôm sau sang Trâu Ấp thưa lại với Mạnh tử. Mạnh tử nói: ‘Đáp câu hỏi ấy có gì là khó? Chẳng suy xét tới cái gốc, chỉ lo vun vén cái ngọn, coi khúc gỗ vừa đúng một tấc lại cao hơn ngôi lầu chót vót. Tuy vàng nặng hơn lông, há có thể nói là một cái móc bằng vàng cũng nặng bằng một chiếc xe chở đầy lông ư? Kẻ so đo coi cái ăn là trọng, coi lễ là khinh, nào chỉ phải thấy thức ăn là trọng? Kẻ so đo coi sắc là trọng, coi lễ là khinh, nào chỉ phải thấy sắc là trọng? Hãy nên đáp lời hấn rằng: Vặn tréo cánh tay của anh mình để đoạt lấy miếng ăn thì có cái để ăn, chẳng vặn tay anh mình sẽ không có cái ăn, thì có nên vặn tréo tay anh mình hay chẳng? Trèo tường sang nhà hàng xóm ở phía Đông để dụ dỗ gái trinh của người ta thì sẽ có vợ; chẳng dụ dỗ sẽ không có vợ, há có nên dụ dỗ hay chẳng?’ Chúng tôi dịch đoạn văn này theo cách diễn giải của Tứ Thư Tập Chú (Chu Hy soạn) và Tứ Thư Bạch Thoại Giải (Thường Thục Châu soạn).

¹²⁶ Do câu nói này nếu không chú ý sẽ thấy khó hiểu, nên chúng tôi xin giải thích thô thiển như sau: Do ông Trác Trí Lập chấp nhặt nên không thông hiểu quyền biến, nghe nói “*nam nữ thọ thọ bất tương thân*” (nam nữ trao nhận đồ vật chẳng đụng chạm vào tay nhau) liền chấp nhặt đến nỗi thấy “chị dâu chết đuối, em chồng không dám cứu”, nghe nói con phải nghe lời cha thì tuy cha làm chuyện sai trái như ăn trộm dê, con vẫn tán thành, không can ngăn. Đến khi nghe nói quyền biến thì lại tưởng lầm “quyền biến” là luông tuông, không cần giữ lễ, không gài gữ những kẻ làm chuyện phi lễ thì mình cũng phi lễ, nên cũng luông tuông làm bậy theo bọn họ, chẳng cần phải phân biệt đúng, sai, hành xử cho hợp lý theo lẽ thường hay quyền biến nữa.

ư? Nếu thật sự oán hờn thì vị thần ấy có còn là chánh thần, người ấy có còn là con người chánh trực hay không? Nếu hành vi của chính mình chân thật, người lẫn thần sẽ bị cảm hóa, làm sao oán được? Nếu chính mình lén lút ăn, khi kính thần, đãi khách thì làm ra vẻ tri giới. Như thế thì thần ắt giận, người ắt oán bởi kẻ ấy giả dối. Ngụy quân tử sẽ giống như gái làng chơi hễ gặp người ta bèn khoe mình trinh khiết, có ai tin tưởng đâu.

Ông thật là kẻ chẳng hiểu việc đời. Kinh Phật ý nghĩa vô cùng, dẫu chẳng hiểu rõ ràng, nhưng giống như đặt một vật cực thơm ở trong thân thì thân sẽ tự thơm tho. Ông toan coi hết thấy sách đều cũng giống như thế thì sẽ giống như đem vật hôi thối bỏ trong thân, thân có thơm tho được hay chẳng? Kinh Kim Cang dạy: “Kinh này nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn.” Những sách khác bất luận xấu hay tốt, há có nghĩa ấy hay chẳng? Phàm đọc sách thế gian, tâm liền tán loạn chẳng tịnh. Phàm xem kinh Phật, tâm liền lắng tịnh. Do nghĩa ấy có thể thấy đức Phật là bậc đại thánh nhân, lời ngài nói chính là khuôn phép để chuyển phàm thành thánh. Vì thế kinh Lăng-nghiêm dạy: “Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Đây gọi là hương quang trang nghiêm.” Ông muôn coi hết thấy sách giống như kinh Phật sẽ trở thành kẻ chẳng biết thơm thối, buồn thay!

Tai ương, hoạn nạn xảy đến cũng là do túc nhân, nếu có thể quy mạng Phật Bồ-tát sẽ tự chuyển dời được. Thoạt đầu ông do lòng thành hứa nguyện ăn lạt, ấy là một phen dốc lòng thành vì mọi người. Đến khi khổ cảnh đã qua, tâm lực hơi mệt mỏi liền cảm thấy khôn khó. Người tu hành cố nhiên nên chọn lựa sao cho thích đáng, phô bày hạnh lạ để mê hoặc mọi người chính là điều bị đức Phật răn cấm sâu xa. Hãy nên ăn chay là được rồi, chẳng cần phải tiếp tục không dùng thức ăn để nuốt cho trôi cơm nữa. Chỉ nên thương xót bọn họ vô tri mà thường khuyên dạy ngõ hầu họ gieo thiện căn là được rồi.

Niệm kinh Cao Vương khá có lợi ích, nhưng kinh ấy không thật sự do đức Phật nói. Người thật sự tin Phật cố nhiên nên y theo những điều đã dạy trong phẩm Phổ Môn mà chú trọng khuyên người khác niệm danh hiệu Quán Thế Âm để cầu ngài gia bị. Đối với phương pháp uống nước dạy trong kinh Địa Tạng¹²⁷,

¹²⁷ Theo phẩm 12 của kinh Địa Tạng, khi giảng về sự lợi ích do thấy nghe Địa Tạng Bồ-tát, đức Phật đã dạy Quán Thế Âm Bồ-tát rằng: Nếu có ai ham thích đọc tụng kinh điển Đại thừa nhưng thiếu tánh ghi nhớ, học trước quên sau, hằng năm hằng tháng vẫn không sao đọc tụng được thì để tiêu trừ nghiệp chướng, hãy dốc hết tâm lòng, cung kính giải bày sám hối, cúng dường tượng Bồ-tát, lấy một chén nước trong để trước tượng Bồ-tát suốt một ngày đêm rồi chấp tay ngoảnh mặt về phương Nam, uống cạn chén nước. Kiêng ngũ tân, rượu thịt, tà dâm,

kẻ hờ hững hời hợt sẽ chẳng thể đạt được hiệu quả. Vì thế hãy nên dùng lòng chí thành niệm Phật để làm phương cách tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ.

Trong chú Đại Bi, không cần phải thêm chữ vào phía dưới câu “mạ mạ”¹²⁸, hễ làm vậy sẽ đâm ra trở thành chướng ngại. Cổ đức trì tụng đều không thêm vào. Tuy trong kinh có chép, nhưng câu ấy không thuộc chú văn, cố nhiên không phải là không thể noi theo khuôn phép không dùng như vậy. Chữ la (囉) trong la đa (囉多) đọc như âm lạp (拉)¹²⁹.

Niệm Phật mà còn nhớ nghĩ kèm thêm danh hiệu của hai vị Bồ-tát, lâu ngày chắc tâm lực sẽ bị tổn thương. Niệm Phật tâm nghĩ nhớ tượng Phật và tượng hai vị Bồ-tát, so ra đỡ tổn tâm lực hơn nhớ danh hiệu. Phàm là người học Phật hãy nên y theo ngôn giáo của đức Phật, há nên tự lập chương trình? Sửa bò lấy từ bò, tuy chẳng thương tổn sanh mạng, nhưng vẫn gây tổn hại cho bò, cố nhiên đừng nên dùng. Dầu có dùng cũng chẳng mắc lỗi phạm giới!

Cải, ớt, tiêu, gừng chỉ cay chứ không hôi, há nên bảo chúng đều cay hôi giống như hành, hẹ ư? Há chẳng phải là vô sự sanh sự, nói đạo lý loạn xạ ư? Cải, ớt, tiêu, gừng cay chứ không hôi! Tiêu, gừng, cải thì người ăn chay đều nên dùng, còn ớt thì nên ăn ít đi, bởi ăn nhiều chẳng có ích gì cho con người cả.

Tâm đã tạo được nghiệp thì tâm sẽ chuyển được nghiệp, nhưng tâm phải cực thành khẩn thì mới có hiệu quả thật sự. Phận làm con phải uyển chuyển nương theo lễ nghi thế gian, đối với những gì cha mẹ quy định thì chớ nên không làm theo. Dâng rượu, hiến đồ mặn cho cha mẹ cũng chẳng phải là không được, nhưng trong tâm phải thường sám hối túc nghiệp cho cha mẹ mong họ sẽ hồi tâm. Hễ có dịp bèn thừa cơ dùng lời lẽ mềm mỏng khuyên nhủ, đây là chân hiếu. Nếu chỉ biết thuận theo lễ nghi thế gian, chẳng phát tâm độ cha mẹ, tức là thấy cha mẹ bị té xuống giếng bèn quăng đá theo để mong cho cha mẹ lập tức mất mạng. Vì thế, hễ cha mẹ không có lòng tin thì hãy uyển chuyển làm theo lễ nghi thế gian, còn cha mẹ có lòng tin thì hãy nên theo đúng pháp để tạo ích lợi cho huệ mạng. Hãy nên làm sao cho thích nghi để đôi đàng đều được lợi ích.

vọng ngữ cho đến mọi sự giết hại trong 21 ngày thì sẽ mộng thấy Bồ-tát hiện vô biên thân đến tận chỗ người ấy, làm phép quán đánh khiến cho người ấy thông minh sáng suốt, nghe qua kinh điển đầu một lần vẫn không bao giờ quên mất một câu hay một bài kệ.

¹²⁸ Theo nguyên bản trong Đại tạng kinh, khi đọc đến câu “mạ mạ phạt ma ra” sẽ thêm tên người trì chú vào trước chữ “phạt ma ra”.

¹²⁹ Tức là chữ 囉 (âm Quan Thoại là luò) phải đọc thành âm 拉 (âm Quan Thoại là lá).

Hãy nói rõ về chuyện bột ngọt có chỗ nào chẳng đúng pháp! Họ có địa chỉ, ông hãy nên gửi thư sang đây trình bày cặn kẽ, chứ còn bảo tôi nói lại với họ thì chắc là ông cho rằng tôi suốt ngày không hề có một chuyện gì chẳng? Tôi có rất nhiều chuyện chưa rảnh rang để lo tới, nào còn có thời gian, sức lực để bàn đến chuyện này. Ông bảo là “người hèn, lời nhẹ”, còn người ta vừa cầu được tiếng vừa cầu lợi, há chẳng chịu nghe theo lời nói chánh đáng của ông ư?

Ông lại nên biết rằng: Người ta in ra những tờ hướng dẫn ấy, chẳng biết đã in mấy vạn bản, nếu có sửa đổi thì cũng phải dùng hết những tờ đã in ấy rồi tiếp đó mới dùng bản đã được sửa đổi. Nếu ông thấy tờ hướng dẫn chưa được sửa, liền bảo “họ chẳng nghe lời”, tức là chẳng biết sự vụ rồi. Ông thật sự đáng được coi là người có lòng, nhưng tôi chẳng rảnh rồi để lo tới. Nếu do một lời chẳng được thỏa ý, liền chê là “ôm củi chữa lửa, giúp vua Kiệt¹³⁰ làm ác”, sao mà chẳng khoan dung quá đáng như thế? Nhưng nếu vứt bỏ chuyện này, mặc kệ cho người khác ăn thuần thịt thì lửa có giảm bớt sức mạnh, Kiệt có trở thành nhân hậu hay chẳng?

Vì người chẳng thể ăn chay hoàn toàn mà Phật khai duyên tam tịnh nhục và những ngày lục trai, thập trai, còn ông một chữ cũng chẳng cho nói mà lại có thể khiến cho hết thấy mọi người đều chẳng tham đắm vị thịt được hay không? Còn như Quang dùng một chuyện đau lòng nhất để khiến cho ai đọc đến trong lòng sẽ hồi hộp bất an, ắt sẽ ăn ít đi cho đến dứt hẳn, ông lại bảo là khơi gợi cơ duyên giết chóc rồi bảo hãy tước bỏ đoạn văn ấy đi! Vậy là “giới” của ông nghiêm ngặt hơn giới của Phật nhiều lắm, huống là quan niệm về giới của Quang ư? Sao ông chẳng lường nặng nhẹ đến mức như thế ấy?

Ông gửi thư cho Hoàng Đại Thiện Thư Cục, nhưng chẳng hiểu nguyên do của Hoàng Đại. Nếu biết, sẽ chẳng tốn công vào chuyện ấy, nhưng ý ấy rất có lợi ích. Lá thư ấy nên giữ lại để người in thiện thư đọc, nhưng cũng chớ nên chấp chết cứng. Nếu bỏ hết những loại thuốc có dùng tới những con vật sống để chế thuốc thì các thầy lang chữa bệnh ngoại khoa sẽ khó thể chữa trị được. Chúng ta giữ tâm lòng lợi vật, hãy đừng ăn nói theo cái kiểu “thúc đẩy đến cùng tận nghĩa lý” ấy thì người ta sẽ nghe theo. Nếu không, đâm ra người ta sẽ đem chuyện thúc đẩy đến cùng tận nghĩa lý để trách móc ông đấy!

¹³⁰ Kiệt là vua thứ mười bảy đồng thời là vua cuối cùng của vương triều Hạ (vương triều này do vua Đại Vũ, tên thật là Tụ Văn Mạng thuộc thị tộc Hậu Hạ sáng lập). Vua Kiệt tên thật là Tụ Lý Quý. Do say mê mỹ nhân Muội Hỷ, bỏ mặc chánh sự, tàn sát trung thần. Do vậy, Thương Thang khởi binh chinh phạt, đánh bại Kiệt ở Minh Điều (nay thuộc An Ấp, tỉnh Sơn Tây). Vương triều Hạ bị diệt vong. Kiệt bị đày đi Nam Sào (thuộc tỉnh An Huy). Lúc gần chết có nói: “Ta hối hận trước kia đã không giết Thương Thang tại Hạ Đài, nếu không đâu phải đến nỗi như thế này.” Theo một số nhà nghiên cứu, sau khi vương triều Hạ diệt vong, một chi tộc Hậu Hạ đã bỏ Trung Nguyên ra quan ải sống, trở thành tổ tiên của dân Hung Nô.

Con người sống trong thế gian họa phước dựa dẫm lẫn nhau. Tiêu Sơn¹³¹ do chết dưới tay kẻ quyền gian mà danh được rền khắp vũ trụ. Nếu không mắc cái họa này, hẳn được đặc chỉ, nhất định sẽ diệt Phật thì đối với đất nước, đối với chính mình đều bất lợi lớn lao. Vì sao biết thế? Ông ta làm Điển sứ tại Dịch Đạo¹³² vì dân tạo điều lợi, trừ điều tệ, thói tệ mấy trăm năm đều trừ sạch. Niên Phở của ông ta chép (trong thời gian làm Điển sứ), dân chúng nơi ấy (tức huyện Dịch Đạo) thích lễ Phật, thấp hương, ngay cả kẻ làm quan vẫn có người làm như vậy, bởi thế ông ta bèn nghiêm cấm. Thoạt đầu nài có bất tiện, không lâu sau thì ai nấy đều biết ông ta là kẻ “sùng chánh, ghét tăng”¹³³. Ông ta làm Điển sứ tại Dịch Đạo chưa đầy một năm mà còn như thế, nếu làm Tể tướng há chẳng thế không thực hiện chuyện diệt Phật giáo lớn lao ư?

Chuyện diệt Phật nếu thành sẽ có quan hệ lớn lao đối với xã tắc, chứ không phải chết đi sẽ đọa trong địa ngục A-tỳ mà thôi! Thời Gia Tĩnh, triều đình một mực ưa chuộng Đạo giáo, ghét Phật giáo. Nếu trọng dụng Tiêu Sơn, đích xác ông ta sẽ vì nước, vì dân, hưng khởi điều lợi, trừ mối tệ, nhưng do đã lậm sâu chất độc của Trình - Chu ắt sẽ coi diệt Phật giáo là công đức bậc nhất rồi dốc chí mạnh mẽ thực hiện vậy.

Tiêu Sơn hoàn toàn chưa từng đọc kinh Phật, nhưng trong Niên Phở đã chép khi ông ta thọ hình trọn chẳng biết đến đau khổ. Người thiếp của ông ta là bà X... niệm Quán Âm, chắc là được Quán Âm gia bị mà ra, cho nên bị cực hình mà chẳng đau khổ. Đây cũng là do lương tâm phát hiện. Vợ ông ta cũng chẳng biết Phật pháp, dưng sợ xin chết thay cho chồng, chính mình và hai đứa con đều không nhắc tới niệm Phật một chữ nào. Con người sắp chết, lời nói ắt lành. Nếu dựa trên

¹³¹ Dương Kế Thịnh (1516-1555), tự Trọng Phương, hiệu Tiêu Sơn, người Dung Thành, tỉnh Hà Bắc, làm quan nhà Minh nhằm thời Gia Tĩnh. Ông tánh tình thẳng thắn, cương nghị, không xu nịnh, làm quan đến chức Thị lang Bộ binh. Khi quân Thát Đát (Tartar) xâm nhập biên giới cướp phá, Hàm Ninh Hầu Cừu Loan dâng sớ xin triều đình mở chợ buôn bán ngựa với bọn Thát Đát để xoa dịu quân cướp. Kế Thịnh dâng sớ đàn hặc, nhưng gian thần Nghiêm Tung bênh vực Cừu Loan, sàm tấu với vua, nên Kế Thịnh bị giáng chức làm Điển sứ tại Dịch Đạo. Sau đó, ông lại dâng sớ đàn hặc, xin vua tru diệt gian thần Nghiêm Tung, chỉ đích danh Nghiêm Tung phạm năm tội gian, mười đại tội. Nghiêm Tung bèn giả mạo thánh chỉ, tống giam Kế Thịnh vào ngục, phạt đánh một trăm trượng, cắt đứt gân cốt, bêu xác ngoài chợ. Lúc sắp chết, ông ung dung đọc thơ: “*Hạo khí hoàn thái hư, đan tâm chiếu thiên cổ*” (khí thiêng trả lại hư không, tấm lòng son sắt chiếu ngời ngàn năm). Mười hai năm sau, khi Minh Mục Tông lên ngôi, ông mới được minh oan, được phong thụy hiệu là Trung Mẫn.

¹³² Dịch Đạo là tên cổ của huyện Lâm Thao, tỉnh Cam Túc. Điển sứ là một chức quan văn khá nhỏ được thiết lập từ đời Nguyên, dưới quyền Huyện lệnh, chuyên đảm nhiệm việc truy nã, trông coi nhà giam.

¹³³ Nho gia thường coi đạo Nho là chánh đạo, còn các tôn giáo khác là tà, nên người đề cao đạo tôn đạo Nho thường tự xưng là “sùng chánh” (tôn sùng điều chánh đáng).

tâm hạnh của Tiêu Sơn thì lẽ ra ông ta phải rất ghét người thiếp ngu mê thì mới hợp với tâm ông ta vậy. Ông ta đã cảm kích người thiếp niệm Quán Âm, há đâu lại nghiêm cấm dân chúng thấp hương lễ Phật? Đủ biết là tuy ông ta không tin Phật, nhưng đến khi đại nạn xảy tới, trong lương tâm cũng thốt ra lời tin tưởng. Học thuyết khiến con người bị lầm lạc lắm thay! Bởi lẽ với thiên tư của Tiêu Sơn, nếu nghiên cứu Phật pháp đến mức cùng tận, há lẽ nào chỉ công hiến cho nước, cho dân, cho thân như thế mà thôi!

Ông đã làm thơ, viết kệ khuyên người sao chẳng dùng chánh vận¹³⁴, lại dùng âm vận của đất Mân (Phước Kiến), nhưng vẫn chẳng chịu thay đổi thì gọi cho tôi để làm gì? Hơn nữa, ông lại ghép hai chữ Ấn Quang để làm câu đối, chẳng ngại làm cho thật nhiều là vì muốn gì đây? Ông đem gởi những câu đối ấy cho tôi để biểu thị lòng thành của ông hay là làm trò con nít đùa bỡn vậy? Lấy tên ghép thành câu đối và làm kệ¹³⁵ là thói quen của cội tục trong đời gần đây. Ông hãy nên làm những chuyện chánh đáng theo lẽ thường, chớ đừng không có chuyện gì bèn bới ra chuyện để làm. Há lẽ nào Quang lại vui thích vì được ông tặng bóc như thế ấy?

Tám lòng lợi người lợi vật của ông quả thật là khó có, nhưng chẳng biết sự vụ. Sợ rằng nếu không nói toạc ra, chắc sau này ông sẽ càng thêm chấp trước, ắt sẽ đến nỗi không làm người được nữa. Vì thế, Quang xót cho ông do lòng thành mà chấp trước nên mới nói dài dòng một phen như thế này! Nếu cho là không đúng thì Quang là người đất Tần (Thiểm Tây), ông là người đất Mân, hai nơi cách nhau cả mấy ngàn dặm, mà người cũng chưa từng gặp mặt nhau, ông cứ làm theo chí của ông, từ nay chẳng cần phải gởi thư đến nữa để tôi khỏi phải xung đột với ông. Ông hỏi như vậy, tôi đáp như vậy! Nếu có mấy người giống như ông thì tôi sẽ mệt nhọc đến chết mất! Ông đã có Văn Sao, có sách Tịnh độ, nhưng chẳng bắt

¹³⁴ Chánh vận: âm điệu theo cách phát âm của tiếng Quan Thoại. Do từ thời Minh, phương âm Bắc Kinh đã được triều đình sử dụng làm ngôn ngữ chánh thức để giao thiệp trong toàn quốc, nên tiếng Bắc Kinh được gọi là Quan Thoại, rồi về sau này gọi là tiếng Phổ Thông (Phổ Thông thoại) hoặc Quốc Ngữ.

¹³⁵ Tức là lối thơ hay câu đối mà người Việt thường gọi là khoán thủ. Chẳng hạn câu đối thì chữ đầu trong vế trên là Ấn, chữ đầu trong vế dưới là Quang (hoặc tên người nào khác mình muốn tặng bóc). Khi làm thơ tứ cú thì chữ đầu của mỗi câu sẽ ghép thành tên người được xưng tụng. Thông thường những bài thơ làm theo kiểu này ít khi nào hay được vì gượng ép và chuyên dùng để tặng bóc. Các đàn cầu cơ của ngoại đạo cũng hay dùng lối thơ này để xưng tên khi giáng đàn cầu cơ. Chẳng hạn trong một buổi xoay cơ tại hải ngoại, một linh quỳ giáng đàn mạo danh Thích-ca Mâu-ni Phật đã cho một bài thơ khoán thủ xưng tên như sau: “**Bổn** tánh từ-bi mới trọn lành, **Sư** đệ phảng tầm rõ trược thanh, **Thích** Đạo cũng là chung một gốc, **Ca** tụng đức dày đáng liệt oanh. **Mâu** thuẫn cuộc đời toan cấu xé, **Ni** tăng ngộ giác khá học hành, **Phật** pháp cổ truyền đường chánh-giác, **Giáng** trần miêu tả phép luyện phan.”

chước theo những thứ ấy, cứ hướng về tôi để chọn lấy những lời lẽ ngoài miệng hoặc nơi ngòi bút. Nếu tôi có thể hiện khắp các sắc thân thì cố nhiên không trở ngại gì; nếu không, chắc là ông chưa được lợi ích mà tôi đã chết trước vì nhọc nhằn rồi. Nếu mai sau vẫn cứ lôi thôi như thế này, tôi sẽ không trả lời nữa đâu!

691. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ nhất)

Chuyện buôn bán hương dễ vun bồi phước nhất mà cũng dễ tạo nghiệp nhất! Chế tạo hương không tinh khiết, ganh đua trang hoàng cho mới lạ: Đem hình tượng Phật, Bồ-tát in trên tờ hương dẫn cũng như in trên hộp đựng hương. Lại còn đem hình tượng Phật, Bồ-tát gắn vào chính giữa vòng nhang, kẻ vô tri đua nhau mua sắm. Cái tội khinh nhờn kẻ sao cho xiết? Tờ hương dẫn, hộp đựng hương bị người ta dùng xong tùy tiện vứt đi. Cầu lợi như vậy, tôi sợ là chẳng những con cháu tuyệt diệt mà còn sợ khi kẻ ấy một hơi thở ra không hít vào được sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục A-tỳ, bởi đã phát khởi lòng khinh nhờn hình tượng Phật, Bồ-tát cho cả ta lẫn người, khiến cho người kính Phật cũng mắc đại tội, huống là kẻ chẳng có lòng tin ư?

Bốn mặt một hộp hương nhỏ của tiệm hương X... ở Thượng Hải có in hình năm mươi mấy vị Phật; năm ngoái Quang trông thấy liền gửi thư cho ông chủ, chưa được trả lời. Trong mùa xuân, tiệm hương X... nọ ở Hạ Môn cậy một vị cư sĩ xin Quang viết chữ. Do mục lực lẫn tinh thần không đủ, tôi chỉ đề bốn chữ. Họ nói có gửi hương tới theo đường bưu điện. Thư nhận được mấy hôm rồi hương mới được gửi tới. Hương có tới mấy loại nhưng đều chẳng gửi được! Ấy là vì họ chỉ cốt sao có mùi thơm, chẳng cần biết vật liệu chế tạo hương là sạch hay nhơ. Chớ nên đốt hương Ấn Độ, vì họ bỏ thêm chất xạ¹³⁶ vào hương, chẳng những mùi hương ấy khiến cho người ta ngầy ngật, mà sợ rằng còn khiến cho hoa quả, phụ nữ có thai sẽ do vậy mà bị rụng hoa, đọa thai nữa! Những kẻ buôn bán loại hương ấy gây tội nghiệp lớn lao chẳng thể nào kể xiết. Họ vẫn cứ lấy đó làm điều đắc ý! Trước kia, Quang đã nói đại lược những khuyết điểm ấy với tiệm hương X... ở Hạ Môn, chẳng biết họ có chịu nghe theo hay không? Tuy ông muốn theo đuổi nghề buôn bán ấy, sợ rằng hoàn toàn chẳng biết đến thói tệ đó. Dầu được lợi nhưng sẽ mắc tội xiết bao!

¹³⁶ Xạ (musk deer) là một loại hươu nhỏ có mùi thơm, có tên khoa học là *moschus moschiferus linnaeus*, chủ yếu sống ở vùng Trung Á. Chiều dài từ 80 cm đến một mét, cao từ 50 đến 70 cm, nặng trong khoảng 7 đến 17kg, chân mập và ngắn thích hợp cho việc leo trèo trong địa hình hiểm trở. Chỉ riêng con đực có tuyến tiết ra chất thơm nằm giữa bộ phận sinh dục và rốn, mùi thơm này chủ yếu dùng để thu hút con cái trong mùa giao phối cũng như để đánh dấu lãnh thổ của từng con đực. Mùi thơm này rất nồng, có thể dùng để chế nước hoa và hương liệu (thường gọi là xạ hương) nên hươu xạ bị săn bắt tàn nhẫn, gần như tuyệt chủng.

692. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ hai)

Quả ắt phải có nhân, chớ nên oán trời trách người. Quân tử hành xử theo đúng địa vị, nếu phú quý sẽ sống theo hoàn cảnh phú quý, người phú quý có tài lực lẫn thể lực sẽ dùng tài lực và thể lực của chính mình để lợi người lợi vật. Gặp cảnh nghèo hèn sẽ sống theo cảnh nghèo hèn. Xưa vốn phú quý nay đã nghèo hèn thì cần kiệm, bớt tiêu dùng, giống như từ trước đến giờ vốn là kẻ nghèo hèn. Sống ở nơi Di Địch¹³⁷ thì hành xử theo kiểu Di Địch. Nếu gặp nhằm đời loạn, phải bỏ nhà tỵ nạn, ở nơi xa xôi, hoang vu, cũng sẽ sống như người ở nơi hoang vu. Gặp cảnh hoạn nạn bèn xử sự theo cảnh hoạn nạn. Đã gặp phải những chuyện lo buồn, tai nạn thì vẫn chẳng oán hờn, cứ chấp nhận giống như chính mình đáng phải hứng chịu nỗi lo buồn, tai nạn ấy. Do vậy, quân tử không khi nào chẳng vui theo mạng trời, trong lòng坦然 nhiên.

Ông đã nghèo rồi mà vẫn mong tương làm ra vẻ kẻ cả như trước kia ắt sẽ phải lo lắng, mệt nhọc chẳng kham được! Sợ rằng sẽ do vậy mà trở thành bệnh nặng tàn phế, hoặc đến nỗi mất mạng. Đấy chính là vẫn hiềm nỗi khổ do túc nghiệp cảm thành còn quá nhỏ đấy, chính mình chẳng chịu quên bằng những cảnh tượng xưa kia, oan uổng hứng chịu lo âu nhọc nhằn, khiến cho nỗi khổ càng thêm lớn lao, chẳng những vô ích mà ngược lại còn bị tổn hại to lớn.

Hãy thử nghĩ: Người trong thiên hạ những kẻ khổ hơn ta chẳng biết nhiều gấp mấy ngàn lần? Ta may mắn nửa đời người vẫn còn tốt đẹp, nay tuy chẳng tốt đẹp, nhưng vẫn còn hơn những người cuộc sống chẳng tốt đẹp nhiều lắm. Nam nữ trong thế gian làm tôi tớ cho kẻ khác rất nhiều! Chuyện gì cũng phải đích thân làm, đấy chính là bốn phận trong đời người. Dầu làm tôi tớ cho kẻ khác thì chỉ cần ta chẳng mang bụng dạ xấu, chẳng làm chuyện xấu thì cũng rất có thể diện. Nếu chính mình sử dụng người khác thì cảm thấy rất vinh diệu, còn nếu chính mình phải phục dịch người khác thì lại cảm thấy rất tủi nhục. Đấy chính là suy nghĩ của kẻ trượng phu hèn hạ trong thế gian. Nếu là bậc đại quân tử thì phú quý chẳng dâm dật, tuy nghèo hèn vẫn chẳng thay đổi chí hướng, an vui trong mọi cảnh ngộ, dầu phú quý vẫn giữ bốn phận của kẻ nghèo hèn; dầu nghèo hèn vẫn cảm thấy chẳng thiếu sót, áy náy gì.

Ông là người học Phật may mắn có tiền, vẫn cứ làm lạc muốn được phát tài lớn, bắt chước chế hương Ấn Độ. Loại hương ấy có tội lỗi, Quang trợn chẳng đốt. Điều này cho thấy ông chẳng khéo biết sống trong cảnh giàu. Nay gia cảnh đã nghèo nàn, lại chẳng làm một chuyện gì, cứ làm lạc mơ tưởng cảnh giàu sang

¹³⁷ Từ thời cổ người Trung Hoa tự xưng là Hoa Hạ, gọi những dân tộc sống ở ngoài biên cương phía Đông Trung Hoa là Di, còn những dân sống giáp ranh phía Bắc Trung Hoa là Địch.

thuở trước, điều này cũng cho thấy ông chẳng khéo biết sống trong cảnh nghèo nàn. Nếu ông quên được cảnh giàu thuở trước lẫn cảnh nghèo sau này, Quang bảo đảm ông nhất định sẽ niệm Phật vãng sanh Tây Phương. Nếu không, sẽ khó khỏi đời sau còn khổ sở hơn đời này nữa đấy!

693. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao

Gã X... đến đất Tần (Thiểm Tây) có quan hệ rất lớn, nếu hấn ta bằng thanh ngọc khiết (trong trắng như băng, sạch như ngọc), noi theo quy củ thì quá nửa người đất Tần sẽ bị đoạn mất thiện căn. May mắn là hấn ta đã bộc lộ toàn thể tham sân si, bị người đất Tần miệt thị cho nên không ai chịu tin theo những gì hấn ta nói. Ông gửi thư hỏi những điều hấn chẳng thể biết được nên hấn trọn chẳng thể viết thư trả lời. May là ông gửi thư hỏi, chứ nếu không, hấn sẽ cho rằng đất Tần không có ai. Biết thì không khó, làm được mới là khó! Hấn hoàn toàn tin tưởng Quang, nhưng do hiểu lầm ý nghĩa một lá thư liền trở thành phản đối, đủ biết hấn không có tín tâm chân thật, chưa sanh được nhẫn nhục mà sân hận đã lừng lẫy, chẳng đáng buồn ư?

Quang làm người không có gì là được hay không được, người đến chẳng cự tuyệt, người đi chẳng đuổi theo. Đến hay đi mặc họ, chẳng can dự gì đến tôi. Năm nay công việc hết sức bận bịu, không rảnh rỗi để trở về đất Tần. Bởi lẽ, nếu trở về đất Tần thì Đại Sĩ Tụng, Phổ Đà Sơn Chí đều không có người giáo chánh, đối chiếu, lo toan. Huống chi còn có chuyện chùa Pháp Vân ở Nam Kinh lập thêm viện mồ côi, cụ Phùng Mộng, Vương Nhất Đình v.v. đều lôi Quang gia nhập để góp phần náo nhiệt, nhưng may mắn là Quang không có tâm tham. Nếu hơi có tâm tham danh, chắc danh vị “khai sơn đời thứ nhất” của chùa Pháp Vân há chịu nhường cho người khác! Nhưng Quang xem danh vị ấy hết như tù nhân trong nhà giam, chỉ sợ lỡ bị ràng buộc vào đấy.

Đối với Tướng tông, ông khá thông hiểu, nhưng nhờ vào đấy để chiết phục lũ nông cuồng khiến chúng hồi hướng Tịnh độ thì được, chứ nếu chuyên nhất dụng tâm nơi ấy, đem tín nguyện niệm Phật vớt ra sau óc, sợ sẽ thường làm chủ nhân trong thế giới Sa-bà đấy nhé! Bởi lẽ Sa-bà là do chính mình có, cũng rất có tiếng tăm lớn, nhưng bị Sa-bà trói buộc chẳng được tự tại thì chẳng thà không có còn hay hơn. Vị pháp sư X... học vấn khá cao nhưng tánh tình lại ham cao chuộng xa, chẳng biết tùy thuận kẻ sơ cơ thì người nghe do không lãnh hội được ý nghĩa lời vị pháp sư ấy dạy nên lợi ích sẽ nhỏ nhoi lắm.

Văn Sao đã in ra sách, nghe nói 900 bộ của Hùng Đại Minh đã gửi đi hết rồi (gửi cho một người bạn ở Hà Nam 500 bộ, gửi sang Thiểm Tây 400 bộ), chẳng

biết họ đã nhận được hay chưa? Ông ta có hai ngàn bộ sách, Quang tính khi nào bình yên hơn một chút sẽ gởi hết số sách của ông ta sang Thiểm Tây. Một là để việc pháp thí của Đại Minh được rộng khắp, hai là nhằm tỏ bày tình cảm của Ân Quang đối với quê hương. Nếu ai muốn xem, hãy nên hỏi từ chỗ Đại Minh, sợ rằng trong nhất thời sẽ khó gởi đến được.

Quang chẳng thể can dự vào quy ước ở Chung Nam, bởi lẽ con người hiện thời bất luận chuyện gì cũng đều chỉ coi như một trang quy ước sáo rỗng. Nếu có thể tuân theo được một nửa thì đã là muôn phần may mắn rồi, cố nhiên Quang biết thói tệ hại chẳng dễ trừ sạch nên trọn chẳng can dự vào. Trung Hoa Tân Báo đã muốn đăng kèm thêm Phật học, phàm những truyện tiểu thuyết khôi dân, gọi dối, lẽ ra đừng đăng tải thì quốc dân mới được hưởng ích lợi thật sự. Nếu như chỉ mong thích hợp với thị hiếu của hạng hạ lưu trong xã hội thì tăng thêm một phần báo cố nhiên chẳng bằng giảm đi một phần báo vậy.

Người dân đất Tần chờ đợi được cứu trợ hết sức tha thiết, dầu tiền cứu trợ đến mấy chục vạn vẫn trọn chẳng thể tạo ân huệ thật sự. Dầu cho mọi người đóng góp đôi chút được bao nhiêu đó, há có thể bảo đảm những kẻ lo liệu phát chẩn ai nấy đều phát xuất từ tấm lòng lo cho việc công, chẳng dính dáng thói tệ hay chẳng? Ấy chính là do định nghiệp của người dân đất Tần xui khiến, cũng chẳng đáng buồn sao?

Quang cũng là dân đất Tần, nghe tình trạng thê thảm ấy chẳng thể không đau thương, nay đem món tiền một trăm đồng vốn dùng để lưu thông Văn Sao góp vào chi phí cứu trợ. Xin hãy đem thư này đến chùa Thái Bình ở bên Trần Gia trong thành để nhận tiền từ đại hòa thượng Chân Đạt. Lời tựa cho Trung Hoa Tân Báo sẽ gởi tới trong tuần lễ đầu tiên của tháng 3. Hiện thời do phải giao duyệt Văn Sao nên trọn chẳng có lúc nào rảnh rỗi cả, bản in thử của Văn Sao gởi đến đã hai mươi mấy ngày rồi, nhưng gặp phải kỳ dâng hương công chuyện rất bận bịu nên phải để chậm trễ đến hôm nay.

Đối với lời đề từ cho tập sách kỷ niệm lệnh từ¹³⁸ thì đã có các bậc danh nhân viết rồi, Quang lại đi theo một đường riêng, lời lẽ dường như phù phiếm, nhưng ý khá thiết tha, chân thật, chẳng biết có dùng được hay không, nếu chẳng muốn dùng thì cũng không trở ngại gì. Quang thấy con người hiện thời đối với chuyện phụng sự cha mẹ đều nói suông là đã kể như xong chuyện, chứ thật khó tìm được kẻ nào gắng sức tu trì. Thuở trước, những hành vi của ông đều phạm phải lỗi lầm to lớn, nay hãy nên gắng hết sức tu trì thật sự hòng bù đắp. Nếu chỉ chuộng những

¹³⁸ Đây chính là bài “Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Khang Mậu Vãng Sanh Kỷ Niệm San” trong Ân Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, phần Tập Trước.

lời lẽ bóng bẩy, rỗng tuếch nhằm sưng tấy tai khoái mắt người khác, đâm ra người ta sẽ chê trách lỗi cũ rồi trách tội. Dẫu có lừa được người khác, há có lừa được tự tâm hay chẳng? Chẳng thể lừa tự tâm được, vì thể thiên địa quỷ thần đều chẳng thể lừa, huống là Phật Bồ-tát ư? Vì tự tâm dung nhiếp với Phật Bồ-tát, thiên địa quỷ thần vậy! Từ nay, chuyện gì cũng nên cầu chân thật, tâm tâm tự phản tỉnh thì lòng sẽ ngay thẳng vì đạo, hợp với Như Lai, sẽ tự có thể cảm ứng đạo giao, sống được Phật Bồ-tát gia bị, mất được ngài tiếp dẫn vậy.

694. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hồ thẹn. Những lời Quang nói phần lớn giống như lời lẽ của kẻ bộ hành teo chân, nếu khách đi đường chẳng vì kẻ teo chân ấy không đi được mà chê bỏ, thì chẳng ngại gì theo con đường do kẻ không thể đi được một bước ấy đã chỉ dẫn để được về ngôi yên trong nhà.

Trong đời trước, lệnh từ đã có nhân duyên lớn với Tịnh độ, hãy nên đem sự lý chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh độ để khuyên nhủ ngõ hầu cụ biến hết công đức làm việc từ thiện lẫn công đức tụng kinh thành tư lương vãng sanh, quyết định giã biệt dòng phàm, cao dự thánh hội. Há có sự tôn kính, hiếu thảo với cha mẹ trong cõi đời nào hơn được chuyện này? Thành tựu một người vãng sanh tức là thành tựu một phàm phu làm Phật, há chẳng dốc hết sức khuyên nhủ đáng sanh ra ta để họ ắt được thỏa sở nguyện ư?

Người bạn họ Từ bảm tánh thuần hậu, thành khẩn, tiếc là chưa hiểu rõ về mặt lý nên dùng tri kiến của phàm phu để lầm lạc suy lường trí Phật. Ông ta nói được kim đan, đắc thần thông, thấy mẹ cũng được sanh vào cõi trời hay trong cõi người thì mới chịu cùng với mẹ sanh về Tây Phương! Trong thời khắc ấy, nếu chỉ riêng mình ông ta được vãng sanh thì trong tâm sẽ chẳng thể cam lòng. Ý ấy tuy tốt lành, nhưng xét về mặt sự lại chẳng khác gì chính mình đang chìm dưới giếng lại toan cứu người cho mấy. Một là vì ít xem kinh luận Tịnh độ, hai là chưa qua lại với tri thức Tịnh độ, cho nên mới có ý kiến ngu muội không thông suốt như thế.

Phàm những bậc danh nhân tăng tục xưa nay đã dùng tụng kinh niệm Phật để cứu vớt vong linh những kẻ cô quạnh kẻ sao cho xiết. Chưa chắc ông Từ chẳng hề nghe chuyện ấy. Trong trang 58, 59 của quyển bốn sách Lạc Bang Văn Loại¹³⁹ có đến hai lượt chép chuyện “lâm chung thỉnh tăng niệm Phật liền được vãng

¹³⁹ Lạc Bang Văn Loại gồm năm quyển do Tông Hiểu (1151-1214) soạn xong vào năm Khánh Nguyên thứ sáu (1200) dưới thời Nam Tống. Sách này tổng hợp những đoạn văn trọng yếu từ các kinh luận Tịnh độ, trước tác, thi kệ, truyện ký v.v. của các vị tổ, có đến hơn 220 thiên. Về sau, Tông Hiểu lại soạn tiếp bộ Tục Lạc Bang Di Cảo (hai quyển) để chép tiếp về những kinh sách chưa được nhắc tới trong bộ Lạc Bang Văn Loại.

sinh”. Điều này khiến cho các vị đại lão trong nhà Thiền phát tâm niệm Phật. Đủ biết lòng từ rộng lớn của đức Phật, hễ có nguyện ắt ngài sẽ thuận theo. Vì thế chẳng cần biết là đã tu lâu hay mới tu, Phật đều bình đẳng rủ lòng nhiếp thọ.

Kẻ vãng sanh hạ phẩm hạ sanh trong Quán kinh chính là kẻ trọn đủ ngũ nghịch thập ác, khi lâm chung tướng địa ngục đã hiện, nhưng gặp được thiện tri thức dạy niệm danh hiệu Phật, kẻ ấy bèn niệm mười tiếng hoặc mấy tiếng rồi liền mạng chung nhưng vẫn được vãng sanh. Nay đã sẵn cái tâm thuần hiếu, kính trọng, ngưỡng mộ cha mẹ, nếu có thể phát hoằng thệ nguyện xưng niệm danh hiệu Phật (Trong tứ hoằng thệ nguyện, ắt phải thệ khắp vì chúng sanh trong pháp giới. Nếu chẳng phát cái tâm ấy thì chính là tình kiến phàm phu, chẳng dễ gì cảm thông được). Dùng công đức ấy để tiêu trừ tội nghiệp tăng trưởng phước tuệ cho cha mẹ, cầu Phật từ bi tiếp dẫn vãng sanh thì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, nào cần phải đợi mẹ cùng sanh, hoặc cứ phải đợi mẹ vãng sanh trước rồi ông ta mới vãng sanh sau?

Cần biết rằng, lợi ích của pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tột. Ông Từ là hạng người nào? Chắc là không hiểu biết nên mới nảy sanh ý kiến ngu muội chẳng hợp tình ấy, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Hãy nên bảo ông ta đọc kỹ đoạn này trong Lạc Bang Văn Loại, lại còn bảo ông ta xem các sách như Tịnh Độ Thánh Hiền Lục v.v. thì những suy đoán lầm lạc, mù quáng sẽ bị tiêu diệt hết sạch. Khi niệm Phật chẳng có mấy may cảm ứng nào là vì chẳng biết Phật lực, tâm chẳng khẩn thiết. Chẳng biết tới Phật lực là do chưa nghiên cứu sâu xa các kinh luận Tịnh độ mà ra.

Niệm Quán Thế Âm tự cảm thấy khẩn thiết là do quen nghe nói Bồ-tát tâm thanh cứu khổ. Các hạ bảo ông ta có nghiệp từ đời trước thì nói như vậy cũng khá đích xác. Đối với pháp môn Tịnh độ, nếu ông ta không bị nghiệp chướng đời trước ngăn trở thì vừa nghe sẽ liền hành ngay, đâu phải đợi người khác khuyên nhắc đôi ba lượt mà vẫn cứ coi pháp môn này như chuyện ngoài da, coi luyện đan là chủ thể ư? Nhưng nghiệp do tâm tạo, nghiệp sẽ chuyển theo tâm. Đại trượng phu sống trong thế gian há bỏ mặc cho nghiệp ràng buộc, mỗi mỗi phải nghe theo mệnh lệnh của nó ư? Nếu ông Từ là kẻ như thế thì vừa nghe lời này ắt sẽ như thấy mẹ té vào lửa, nước, sẽ gấp rút cầu vị có đại thế lực là A-di-đà Phật cứu giúp. Há lẽ nào lại chịu thông dong luyện đan, đợi đến khi thành tựu, đầy đủ thần thông rồi mới cầu A-di-đà Phật tiếp dẫn hay chăng?

Pháp niệm Phật thông trên thấu dưới, chứ không phải pháp này chỉ thích hợp cho kẻ hạ căn. Kẻ hạ căn chẳng thể tu pháp khác được, chứ đối với pháp này cố nhiên không một ai chẳng thể tu được, do vậy pháp này là pháp môn phổ độ từ bi

lớn nhất của đức Như Lai. Nhiếp tâm niệm Phật chắc chắn chẳng phải là phương cách dễ dàng, nhưng pháp nhiếp tâm chỉ có xoay cái nghe trở lại quả thật là bậc nhất. Các hạ thiên tư thông minh, mẫn tiệp, chẳng lấy Thiền, Giáo đề tự cao, lại chuyên tâm niệm Phật, đủ thấy trong đời trước đã có đại nhân duyên đối với pháp môn này. Chẳng những các hạ sẽ được lợi ích thật sự ngay trong đời này mà còn khiến cho lệnh từ lần quyền thuộc cả nhà đều được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, đáng gọi là “ưu-đàm vượt ngoài kiếp”¹⁴⁰, hoa sen trong lửa đỏ”, khôn ngăn khâm phục!

Các hạ nói tập khí quá mạnh, Quang chẳng biết là các hạ nói đến thứ nào? Ăn uống, nam nữ là những thứ ham muốn lớn lao con người thường có. Các hạ đã ăn chay trường, dứt ăn mặn, quyết chẳng đến nỗi vương mắc tập khí ăn uống. Đối với nữ sắc, chắc cũng chẳng đến nỗi dính dấp những chuyện trái lẽ. Nếu dục tâm chẳng thể chế ngự được ngay, chỉ nên thường quán bất tịnh thì dục tâm sẽ tự tiêu.

Quán bất tịnh danh tướng thật nhiều, quán cận kề từng thứ một chính là công phu của kẻ chuyên tu pháp quán tưởng này. Chúng ta chẳng chuyên thực hiện công phu ấy thì cứ quán sơ sài cho đỡ tốn sức. Chẳng hạn như khi thấy sắc đẹp, do yêu mến liền nảy sanh lòng dục, thì đối với sắc đẹp gọi lòng yêu mến ấy liền quán chẳng qua là ta bị vẻ tươi đẹp của một lớp da mỏng gạt gẫm, thử bóc lớp da mỏng tươi đẹp ấy đi, dầu tâm yêu thương nồng nàn đến mấy cũng sẽ chuyển thành hoảng sợ, chán ghét. Cái tâm yêu thương trước kia trọn chẳng còn tơ hào gì nữa. Tiến hơn bước nữa là quán những thứ như máu, thịt, phân, tiểu v.v. trọn chẳng khác gì tử thi, nhà xí, tuy đầy đủ trang nghiêm, nhưng nhìn thẳng xuống phía dưới đáy sẽ thấy rất kinh tởm. Quán được như thế sẽ chẳng thấy lớp da mỏng tươi đẹp nữa, chỉ thấy trong ngoài trọn đủ 36 món vật bất tịnh. Cổ nhân nói: “Quán không lâu ngày, chẳng thấy trọn người.” Quang bảo: “Quán được như thế thì sẽ chẳng thấy người, chỉ thấy những món bất tịnh ấy mà thôi!”

¹⁴⁰ Ưu-đàm, gọi đủ là hoa ưu-đàm-bát-la (udumbara), đôi khi còn được phiên là ô-đàm-bát-la, uất-đàm, hoặc hoa đàm. Dịch nghĩa là hoa linh thụ, hoa không khởi, hoa khởi không. Theo Phật Quang Từ Điển, hoa ưu-đàm vốn là hoa của một loại cây thuộc họ sung, có tên khoa học là ficus glomerata, thường thấy mọc ở ven Hy Mã Lạp Sơn, hoặc cao nguyên Deccan. Cây có hai loại hoa đực và cái riêng biệt, mỗi khi hoa nở cánh hoa xòe to bằng bàn tay, mỗi lần trở hoa là trở cả chùm gồm mười mấy đóa, rất hiếm khi thấy; vì thế người ta thường nói: “Cả ngàn năm ưu-đàm mới trở hoa một lần!” Tuy vậy, sách Huệ Lâm Âm Nghĩa cho rằng hoa ưu-đàm được nói trong kinh là một loại hoa cõi trời, trong nhân gian không có. Khi đức Như Lai giảng sanh, hoa ưu-đàm mới nở. Xét ra, hiểu theo cách giải thích của Huệ Lâm Âm Nghĩa hợp lý hơn, chứ nếu hiểu ưu-đàm giống hoa cây sung như vừa mới nói thì hoa ưu-đàm cũng đâu có gì đặc biệt cho lắm để sánh ví với sự ra đời của đức Phật. “Ưu-đàm vượt ngoài kiếp” có nghĩa là hiếm hoi, phải mất một thời gian nhiều hơn một kiếp mới lại được thấy hoa đàm.

Nếu tập khí sân hận quá mạnh, hãy nên thường giữ tâm lòng nghĩ thương hết thầy. Phàm gặp chuyện chẳng vừa ý, thấy đều thông cảm cho người khác, vun bồi sâu xa lòng từ của chính mình thì oán hờn chẳng khởi, nhân ái thường hiện hữu, tập khí sân hận sẽ biến mất chẳng còn nữa. Đây là những tập khí lớn lao của người đời, những tập khí lớn đã chế phục được thì những tập khí nhỏ cũng chẳng có cách nào sanh khởi được. Nhất tâm niệm Phật thì trời trong đất yên, trọn chẳng có hơi hướng bụi bặm gì. Bài thơ đẹp đẽ của ông thanh vận réo rắt, tiếc là đem phàm lạm thánh đến nỗi chẳng phù hợp với đề tài, 40 năm qua Quang đã đoạn tuyệt chuyện này (nhằm dứt thói tệ trong tâm thường cân nhắc chọn lựa từ ngữ vậy). Vì thế chẳng thể họa được.

695. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được thư và tác phẩm Truyền Tâm Vựng Lục của lệnh từ, đọc xong khôn ngăn cảm thán chẳng ngời! Quang thường nói vui lấp, loạn lạc là do trong gia đình thiếu giáo dục mà ra. Dạy con cố nhiên là chuyện khẩn yếu nhưng dạy dỗ con gái lại càng quan trọng hơn. Bởi lẽ, nếu con gái được khéo dạy thì sẽ thành tựu tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh), giúp chồng dạy con, ngõ hầu đứa con nào có thiên tư sẽ thành tựu học vấn, phẩm cách của bậc thánh hiền, ngay cả những đứa không có thiên tư ắt cũng làm một người dân lành giữ trọn bốn phận.

Nếu con gái không được dạy dỗ, chẳng những nó không thể giúp chồng dạy con, mà còn đối với nghĩa, đối với đạo sẽ dạy con làm điều sai trái, dạy con làm ác. Phàm những tên đại gian đại ác xưa nay đều chẳng phải do mẹ hiền sanh ra! Muốn gia đình hưng thịnh, đất nước bình trị thì phải khởi đầu từ nuôi dạy con cái, đây là đạo để giải quyết vấn đề từ căn bản.

Trong mùa xuân, tôi thấy các hạ xuất thân từ nơi phú quý, tuy còn trẻ mà đã già dặn, dầu sống ở Thượng Hải mà chí hăm mộ chân tu, nghĩ rằng sự giáo dục trong gia đình các hạ ắt phải vượt trội những nhà phú quý tầm thường. Nay thấy sự thuần hiếu, tiết tháo khắc khổ của lệnh từ thì há có phải riêng gì các hạ là người được chuyển biến do thân cận ánh sáng tốt lành ấy, mà ngay cả ngàn trăm năm sau, những ai thấy nghe đức đẹp, khuôn mẫu tốt lành của cụ cũng sẽ chuyển biến. Tiếc cho những kẻ bàn bạc, tìm tòi lẽ trị an trong cõi đời cứ vứt bỏ đạo của thánh hiền để tôn sùng pháp của kẻ man di, chẳng biết đến cái gốc, làm sao chữa được cái ngọn, đến nỗi càng muốn trị càng loạn thêm. Dầu thánh hiền xuất thế cũng rốt cuộc chẳng biết làm sao được! Vẫn mong các hạ nói với những người cùng hàng về những điều này thì những điều này cũng chưa hề chẳng giúp cho việc “vun vén cái gốc, đặt nặng luân thường, tề gia trị quốc” vậy. Lệnh từ đã trọn vẹn đức hạnh của phái nữ, điều thiếu sót là chưa được nghe biết pháp môn Tịnh độ mà

thôi. Xin các hạ trong lúc hồi hướng sáng tối, hãy thay cụ hồi hướng cho cụ được vắng sanh thì sẽ đáng gọi là “hiếu thảo lớn lao, tôn kính cha mẹ” vậy.

Sách chú giải kinh Pháp Hoa có mấy loại được lưu truyền, nhưng trong những sách giảng về những nghĩa quan trọng thì nên lấy Pháp Hoa Hội Nghĩa làm đầu, còn giải thích kinh văn thì sách Pháp Hoa Chỉ Chương giảng căn kẽ nhất. Ba bộ Hội Nghĩa, Khoa Chú, Nhập Sớ đều noi theo bộ Pháp Hoa Văn Cú để giảng giải, nhưng những chỗ nêu tỏ của đại sư Ngẫu Ích vượt xa các vị sư khác. Nếu muốn được lợi ích thật sự, hãy nên lấy những lời Quang đã nói trong lần trước làm điều chủ yếu để tuân hành.

Lệnh từ đã khuất, khó thể khuyến khích cụ tu tịnh nghiệp được, chỉ có thể thay mặt hồi hướng cho cụ. Mẹ ruột ông¹⁴¹ đã có tín tâm há chẳng nên thường giảng bàn hằng ngày để mong cho cụ sẽ được cao đẳng phẩm sen hay sao? Làm con báo đáp cha mẹ hay độ sanh đều phải coi cách này là bậc nhất. Xin ông hãy gắng sức thì may mắn lắm thay!

696. Thư trả lời hòa thượng Nhữ Ngu

Nhận được thư từ mấy hôm trước, biết sư đã tu bỏ tháp của đại sư Trí Giả, sai Quang soạn bài ký¹⁴². Quang chữ nghĩa vụng về, chất phác, gom góp được hơn 860 chữ, thật ra là sao lục từ các ghi chép, chứ không phải do tôi soạn ra, vì thế gọi là *thuật*. Cao Tăng Truyện, Thích Thị Kê Cổ Lược đều chép sai là ngài thọ 67 tuổi. Vì thế, niên hiệu hoàng đế, năm, tháng lúc ngài sanh ra, xuất gia, vào núi Thiên Thai, cho đến khi viên tịch, mỗi mỗi đều chép lại đầy đủ để làm chứng cứ hầu dứt trừ lòng nghi. Đại sư hoàng pháp mấy chục năm, làm sao thuật trọn cho được? Vì thế chỉ lược thuật những nghĩa trọng yếu như ngài phán giáo, truyền tâm và hoàng dương Tịnh độ mà thôi.

Hãy nên thỉnh người viết chữ đẹp chép lại bài ký ấy theo lối chữ khải, chớ nên dùng những lối chữ tục thể, phá thể, thiếp thể v.v. để tỏ rõ sự trịnh trọng. Trước hết cần phải tính đếm bao nhiêu chữ, chép thành một bản mẫu, mỗi mặt bao nhiêu hàng, mỗi hàng bao nhiêu chữ, chiếu theo cách đó để viết thì sẽ chẳng đến nỗi viết nhiều hơn hay viết ít đi. Chép xong xuôi, lại phải kiểm kỹ mấy lượt rồi mới cho dán vào đá để khắc. Nếu lỡ viết sai, dấu nhiều hay ít, cũng không cần viết lại bản khác, chỉ xóa giặm chữ sai, còn những chữ khác cứ giữ nguyên. Đây là chữ

¹⁴¹ Lệnh từ được nhắc tới trong đoạn trên là mẹ đích (miền Bắc thường hay gọi là “mẹ già”), tức vợ cả của cha. Còn mẹ ruột ông Lưu Quán Thiện là vợ lẽ, nên tổ Ấn Quang gọi mẹ ruột ông Lưu là “lệnh bốn sanh từ” (mẹ ruột).

¹⁴² Đây chính là “Bài ký về chuyện chùa Thạch Thành ở Tân Xương trùng tu tháp thờ y bát của đại sư Trí Giả” trong phần Bi Ký thuộc quyển 5 sách Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên.

để khắc trên đá chứ không phải để viết trên bình phong hay câu đối mà sợ giẫm xóa sẽ không đẹp mắt. Viết bản mẫu hay viết trên đá đều theo lối “cứ viết một hàng liền kiểm một hàng” ngõ hầu chẳng đến nỗi bị sai sót quá nhiều.

Quang già rồi, tinh thần chẳng đủ, từ nay đừng sai bảo viết lách nữa. “*Nói tiếp tông phái...*” cả 32 chữ là ước trên pháp môn Tịnh độ để nói, tuy chẳng phải là nêu tỏ lớn lao gì, nhưng cũng có thể dùng để đặt pháp danh, chẳng cần phải chú trọng tìm tòi những chữ cung kính, ý nghĩa sâu xa để làm bài kệ đặt pháp danh truyền dòng.

697. Thư trả lời cư sĩ Lý Tế Hoa

Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Thoát, nghĩa là dùng trí tuệ để thoát lìa phiền não, tu trì tịnh nghiệp. Đến khi báo tận sẽ lên thẳng cõi sen, như tù nhân thoát khỏi ngục, trở về quê nhà của chính mình. Em dâu ông là Trương Thị có pháp danh là Trí Huân, nghĩa là dùng hương công đức của Phật để tự xông ướp, lại còn xông ướp cho người khác khiến cho hết thấy những người ấy trong là quyến thuộc, ngoài là thân bằng cũng như kẻ thấy nghe đều cùng được xông ướp. Xông ướp lâu ngày thì phàm phu tục tử ác đều được đầy đủ mùi hương công đức giới định tuệ của Như Lai. Hoàng Bồn Nghiêm pháp danh là Tông Kính, nghiêm là nghiêm túc, tức là lòng cung kính bên trong được biểu lộ ra ngoài. Nay lại do biểu lộ lòng kính nên trong hết thấy chỗ sẽ chẳng đến nỗi có cái tâm phóng túng, tà vạy, xa xỉ. Dùng cái tâm ấy để niệm Phật thì sẽ dễ được tương ứng với Phật, ắt sẽ được vãng sanh. Đây chính là điều đáng hâm mộ vậy.

698. Thư trả lời cư sĩ Hạng Tử Thanh

Lệnh muội đã tu tịnh nghiệp sẵn, khi lâm chung lại được chồng, con và em dâu trợ niệm, cho nên được tướng lành đánh đầu còn ấm sau khi mất. Đáng gọi là đã có thiện căn từ đời trước, nay lại được trợ duyên, may mắn chi hơn? Lại còn cảm được chồng và em dâu đều muốn quy y Phật pháp. Đây đúng là “người theo từng loài mà nhóm lại, vật chia ra thành từng bày” vậy.

699. Thư trả lời cư sĩ Đức Nguyên

Hôm qua nhận được thư của pháp sư Đức Sâm, biết Đức Trinh đã qua đời vào hôm 12. Ngày ấy Phật sự không nhiều nên người trợ niệm đông đảo cũng không trở ngại gì, nếu Phật sự nhiều mà người trợ niệm đông ắt sẽ không có chỗ chứa. Đây cũng là thiện căn của Đức Trinh xui khiến. Dẫu không có tướng lành, nhưng cũng chẳng có tướng khổ, nương theo sức trợ niệm của mọi người, chắc sẽ vãng sanh. Mạng người vô thường, lúc ông 56 tuổi đã khá yếu ớt, còm cõi. Nay đã hơn

mười mấy năm, so ra còn khỏe mạnh hơn trước. Đức Hoàng, Đức Trinh đều đã mất. Ước theo pháp thế gian để luận thì số mạng của ông rất khổ, nhưng nếu ước theo tu pháp Tịnh độ để luận thì chuyện ấy sẽ giúp ích lớn lao cho việc nhất tâm niệm Phật vãng sanh Tây Phương.

Đừng học theo kẻ ngu làm lạc sanh lòng oán hờn, nếu oán hờn sẽ vô ích cho Đức Hoàng, Đức Trinh, mà ông cũng bị tổn hại lớn lao. Phàm những tướng khổ ấy đều nhằm thành tựu cho ông đạo liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này. Dầu quyền thuộc tốt đẹp mà nếu chẳng phải là kẻ chân thật tu hành thì chuyện chướng đạo sẽ nhiều, chuyện trợ đạo ít ỏi. Vì thế, chư Phật do lấy tám sự khổ làm thầy mà được thành Vô thượng đạo. Mong ông đừng sanh lòng bi cảm, dầu gặp cảnh ngộ nào cũng an vui. Trước kia Quang đã hồi hướng cầu cho bà ta lành bệnh, hôm qua đã hồi hướng cho bà ta được vãng sanh.

700. Thư gửi cư sĩ Trác Hoàng Vinh

Gần đây nhận được thư của lệnh lang là Trí Lập, cho biết các hạ đã hai lượt tìm được tượng Đại sĩ Quán Âm. Lần thứ nhất là mua được tượng Đại sĩ bằng đồng sắp bị nung chảy và mộng thấy kỵ binh vũ trang theo kiểu cổ, cùng giặc mộng thấy ăn bánh bao chỉ¹⁴³ của tăng sĩ, và nghe nói: “Hãy nhanh chóng gieo lòng thành tu tập chánh quả, thoát lìa biển khổ để thấy Thế Tôn.” Qua mấy chuyện này, biết các hạ đã có thiện căn từ đời trước, tiếc rằng trong đời này chẳng gặp được thiện tri thức khơi gợi, cho nên đến nay vẫn hờ hững lan man, dường như có, thoát như không, vẫn chẳng khác với trước kia cho mấy, cũng đáng cảm khái than thở lắm thay! Ấy là vì bậc sĩ đại phu nơi quý địa ít người thông hiểu pháp, không được khơi gợi hưởng lợi ích “trông theo nhau bắt chước làm lành”. Nhưng ở Phước Châu gần đây người niệm Phật cũng chẳng ít, do La Khanh Đoan giới thiệu, đã gửi thư xin quy y ba bốn lượt, có đến năm sáu chục người. Huống hồ lại còn có những người xin quy y với những vị cao tăng khác.

Hiện nay các xứ đều phát khởi Niệm Phật xã, Cư sĩ lâm, chỉ riêng một huyện Vô Tích đã có hơn một trăm chỗ lập liên xã Niệm Phật. Kẻ có hiểu biết ai nấy đều gieo lòng thành để tu chánh quả nhằm mong thoát lìa biển khổ, gặp Thế Tôn.

¹⁴³ Bánh bao chỉ (nhu mề từ) là một loại bánh làm bằng gạo nếp đem xôi lên cho chín rồi giã cho quánh thành bột dẻo như bánh dày, nhưng có nhân thường làm bằng đậu hoặc mè đen trộn với đường, rất giống với bánh mochi của Nhật. Tương truyền vào năm Khánh Nguyên thứ hai đời Nam Tống, có Trâu Ứng Long lên kinh đô ứng thí. Dân làng đưa tiền tặng rất nhiều bánh bao chỉ. Trâu Ứng Long đi đường hề đói liền ăn bánh, không tốn kém cho mấy, tới kinh đô vào trường thi, văn chương cuộn cuộn, liền đỗ trạng nguyên. Do vậy, dân gian còn gọi nhu mề từ là trạng nguyên từ (bánh bao chỉ trạng nguyên).

Nhưng những người ấy chắc các hạ cũng chưa thấy nghe, hoặc họ chẳng thể phát khởi lòng tin cho các hạ được.

Nay thỉnh một vị các hạ bội phục nhất đến thuyết pháp cho các hạ, quyết các hạ trọn chẳng thể không sanh lòng kính ngưỡng, bắt chước theo. Người ấy ở ngay nơi làng xưa của các hạ, tức Văn Trung Công Lâm Tắc Từ. Cụ này học vấn, trí thức, chí khí, tiết tháo, trung nghĩa ngay trong thuở ấy cũng như trong đời sau, nếu không phải là kẻ mất trí điên cuồng không ai chẳng ngưỡng vọng kính mộ. Ngay trong lúc cụ bận bịu chánh sự đến tột cùng vẫn chẳng bỏ tu trì, đặc biệt đích thân cung kính chép nắn nót ba kinh Di-đà, Kim Cang, Tâm Kinh, hai bài chú Đại Bi và Vãng Sanh thành một cuốn kinh nhỏ để tiện trì tụng trong khi ngồi kiệu đi lại. Đủ biết một đại nhân vật như vậy, chánh sự hết sức bề bộn, trong lúc ngồi xe đi lại vẫn tụng kinh chú để tu trì tịnh nghiệp. So với cụ, chúng ta muôn phần chẳng sánh kịp một! Há nên chẳng dốc hết lòng nơi chuyện này ư?

Chuyện này là chuyện cả cõi đời không biết, nay do chất của cụ là Vũ, tự là Bích Dư, là em của Đại Nhiệm, đem bản kinh tới, tính in ra, cậy Quang viết lời tựa, Quang mới biết. Sợ các hạ vẫn chưa thể sanh lòng tin tưởng ngay nên nay tôi đem bản thảo bài tựa ấy gởi tới, xin hãy đọc trước. Đợi đến khi kinh được in ra, Bích Dư sẽ gởi mấy chục bản cho Quang, lại gởi cho các hạ mấy bản. Không cần phải sao lục lời tựa này, lời tựa tôi đã gởi cho Bích Dư (người này làm việc trong Tuyên tự bộ (Nha xét duyệt thăng thưởng) thuộc Khảo thí viện¹⁴⁴ Nam Kinh) vẫn còn có những chỗ sửa chữa đại lược. Đợi khi kinh được gởi tới thì sự học Phật, đại hiếu, đại trung, lập đại công, dựng đại nghiệp xưa kia, đạo giúp khắp thuở ấy, đức thấm tới những người học Phật đời sau của Văn Trung Công sẽ đều biết đại lược. Do vậy, lời tựa được đặt tên là Phát Ân (nêu bày những ý nghĩa ân kín). Không phải chỉ nêu bày những công hạnh ân kín của Lâm Văn Trung Công, mà còn nêu bày khắp những điều ân kín của bậc đại nhân thuở xưa, cũng như mong rằng sẽ nêu bày được những hạnh ân kín của các hạ vậy.

701. Thư trả lời bà Bạch Huệ Đạo

¹⁴⁴ Theo quy chế của Trung Hoa Dân Quốc, *Khảo thí viện* không chịu trách nhiệm quản lý công tác thi cử của bộ Giáo dục, mà là một cơ quan đặc trách quản lý các công chức, đặc biệt là khảo hạch nhằm đảm bảo các công chức đạt phẩm chất phù hợp với chức vụ hoặc vai trò họ được bổ nhiệm. Nha Xét duyệt thăng thưởng (Tuyên tự bộ) là một trong bốn nha trực thuộc Khảo thí viện, được thành lập vào ngày 17 tháng 12 năm 1928, đặc trách xét duyệt, thăng thưởng, giáng cấp, hoặc kỷ luật tất cả mọi công chức, cũng như quyết định quyền lợi hưu dưỡng của mọi công chức, hoặc trợ cấp cho cô nhi quả phụ của một công chức nếu ông ta chết đột ngột trong khi thi hành công vụ.

Quảng Tây là nơi Phật pháp không lưu thông, bà mang thân nữ, lại tự tìm được thầy, tu trì tịnh nghiệp, thật là khó có! Hôm 17 tháng 7, Quang xuống núi, 19 đến Thượng Hải, 28 đến Hàng Châu. Hôm 30 tháng 8 trở về Thượng Hải. Thư từ, văn kiện người khác sai viết giùm chắt đóng, suốt ngày chẳng được rảnh rỗi, lại còn bận việc túi bụi. Thư của bà từ núi chuyển tới cũng chẳng rảnh rang để phúc đáp. Hôm mùng 6 tháng 10 trở về núi mới lòi ra trả lời.

Nay gửi qua bưu điện cho bà một gói Quán Âm Bồ Tát Tích Tụng, một gói Văn Sao, một gói Thọ Khang Bảo Giám, xin hãy lắng lòng xem kỹ thì những nghĩa chánh yếu trong Phật pháp, quy củ lớn lao để làm người, pháp môn để liễu sanh tử ngay trong đời này, đạo lý để thất phu cứu giúp thiên hạ sẽ đều biết rõ.

Nay đặt pháp danh cho bà là Huệ Đạo, nghĩa là dùng trí tuệ để tự hướng dẫn và hướng dẫn cha mẹ ruột, bố mẹ chồng, chồng và anh em trai, chị em gái, chị em dâu, thân thích, con cái v.v., để họ cùng được gọi ân Phật, cùng niệm Phật hiệu. Trong đời này làm một người lành chân thật, lâm chung sang thẳng ao báu để thọ sanh. Cổ nhân thường nói: “Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm”, thất phu thất phụ làm sao có thể khiến cho thiên hạ bình trị được?

Cần biết rằng: Cái gốc của thiên hạ là gia đình, cái gốc của gia đình là tâm thân. Gia đình khéo dạy dỗ thì con cái sanh ra sẽ đều hiền thiện. Nhà có con hiền thì đất nước sẽ có hiền tài. Hễ cùng quần thì tự yên, ảnh hưởng đến khắp cả làng xóm. Hễ hiền đạt sẽ làm cho người khác đều cùng được lành, tạo lợi ích cho khắp mọi người dân. Lợi ích như vậy phát xuất từ sự giáo dục trong gia đình. Giáo dục trong gia đình thì sự dạy dỗ của mẹ là quan trọng nhất. Đây chính là lý do vì sao người đời gọi nữ nhân là Thái Thái, do họ có thể giúp chồng dạy con, giữ yên bên trong gia đình. Do vậy sẽ đạt hiệu quả là “chồng ắt sẽ thành tựu đức nghiệp, con cái đều hiền thiện”, giống như Thái Khương, Thái Nhiệm, Thái Tự đời Chu vậy. Nếu bà có thể dựa theo những điều đã được nói trong Văn Sao để tự lợi lợi người, ngõ hầu quý địa cùng được gọi nhuần sự giáo hóa của đức Phật, dùng công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì sẽ lên thẳng sen báu thượng phẩm.

Nói tới đạo “thất phu, thất phụ có thể cứu giúp thiên hạ” thì chớ có hiểu lầm, đây chính là “trọn hết bốn phận của chính mình, dốc lòng vun vén luân thường, cha từ, con hiếu, chẳng phụ bạc thiên chức của chính mình”. Lại còn đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, nhưng giáo dục trong gia đình phải chú trọng nhất nơi nhân quả báo ứng. Làm được như thế thì hết thảy mọi người sẽ tự có thể mong mỗi “đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành”, lại còn “tu trì tịnh nghiệp, lợi khắp các hàm thức”. Đây chính là cứu giúp, chỉ có như vậy mà thôi. Những kẻ cổ động nam nữ bình quyền hiện thời, muốn cho nữ nhân làm

chuyện của nam giới, chẳng biết phát huy chuyện giúp chồng dạy con, đáng thương quá sức.

Năm sau sẽ còn có Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú được in ra, cũng sẽ gởi cho bà chừng đó gói. Văn Sao, Quán Âm Tụng, Thọ Khang Bảo Giám, nếu có ai tin nhận thì cũng sẽ lại gởi chừng đó trong mùa xuân năm sau để mong lợi khắp người nơi quý địa.

Chữ niệm (念) trong “niệm Phật” chớ nên thêm chữ khẩu (口). Chữ niệm hàm nghĩa phát xuất từ nơi tâm, nếu thêm vào chữ khẩu thì niệm (唸) sẽ có nghĩa là rên rỉ, chứ không có nghĩa là ức niệm (nghĩ nhớ) nữa.

Bài thơ của bà hay lắm, nhưng chớ nên thường làm thơ. Bởi lẽ thường làm thơ thì trong tâm sẽ thường chú trọng cân nhắc, chọn lựa từ ngữ, niệm Phật sẽ trở thành chuyện ngoài da, làm thơ trở thành chuyện cốt tủy, làm sao đạt lợi ích chân thật nơi niệm Phật cho được? Hết thấy văn nhân hề muốn đạt được lợi ích thật sự đều phải nên như vậy. Huống chi bà là nữ nhân, há nên dùng thơ ca để được nổi danh ư? Phàm đối với những kinh sách giảng nói Phật pháp đều phải nên cung kính, chớ nên khinh nhờn. Muốn tặng cho người khác thì trước đây phải đem điều này răn nhắc họ, ngõ hầu họ chẳng đến nỗi làm lỗi gây nên tội báo.

702. Thư trả lời cư sĩ Huệ Trung

Trong khi gặp nguy hiểm lớn lao, niệm Phật một tiếng liền không còn nguy hiểm, đủ biết từ trước đến giờ bọn nhà Nho báng Phật là tự làm, làm người, tội vừa sâu lại vừa nặng. Đã vừa niệm liền được gia bị thì khi lâm chung vãng sanh cũng sẽ vô ngại, cố nhiên nên cực lực đề xướng. Những chữ được in màu đỏ trên tờ giấy in lá thư của Quang chỉ nên hơi có màu sắc đôi chút, há nên in màu đỏ thật đậm, ngay cả màu của những chữ in kèm thêm cũng đã quá đỏ, huống hồ tám chữ “*chư ác mạc tác...*” (đừng làm các điều ác...). Đúng là trở thành rối loạn, mắt già quáng lòa, đều chẳng biết là câu văn gì?

Ông in kiểu này đủ biết là chẳng thông cảm cho người khác quá sức! Chính ông đọc được, chứ nếu có ai nhìn chẳng rõ, chắc là sẽ đến nỗi hỏng việc, há nên làm cho lá thư của tôi khiến cho người đọc phải hao tổn tâm lực, mục lực, rốt cuộc có ích gì cho chính mình đâu? Cái thói thông tục ấy vắn muôn phần chớ nên dùng. Hễ dùng sẽ bị tổn phước, lại còn chuốc lấy sự ghét bực, chê trách của người khác.

703. Thư gởi cư sĩ Dương Huệ Thông

Cổ nhân nói: “*Cái quan phương thành định luận*” (Đây nấp quan tài rồi mới bàn luận [công hay tội của một người] chắc chắn được). Bởi lẽ phàm phu đầy dẫy phiền não bị duyên nghiệp xoay chuyển, chưa đến lúc tay chân buông xuôi thì thường phải dè dặt, kinh sợ như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, sợ hãm sợ dọa, đến lúc chân tay buông xuôi mới nói “ta biết nay đã tránh được”. Trong triều đại trước có một vị quan lớn tên X... học vấn, công nghiệp, phẩm hạnh cả cõi đời đều khâm phục; từ 60 tuổi trở đi liền buông lung vô độ, danh dự của ông X... bị tụt xuống vạn trượng. Thật đáng tiếc, đáng thương!

Trong số những người học Phật xưa nay cũng có những kẻ thoát đầu thì tri kiến thật cao, cực lực tự lợi lợi tha, về sau tri kiến tà vạy, sai lầm, lại còn dẫn dắt mọi người học theo tri kiến tà vạy, lầm lạc của chính mình, đáng buồn, đáng đau! Xét đến căn nguyên vì sao mắc phải bệnh ấy thì đều là do thích đội mũ cao đến nỗi những kẻ không hiểu biết đều tạo mũ cao cho kẻ ấy đội. Đội lâu ngày, chánh tri chánh kiến đã mất, hoàn toàn biến thành tà tri tà kiến, dầu muốn cứu giúp thì kẻ ấy sẽ ngược ngao tuốt gươm chống đối, chỉ đành để mặc cho hắn làm sao thì làm! Phàm những ai hảo tâm học Phật đều phải khuyên họ lập chí tự phản tỉnh ngộ hầu chẳng đến nỗi trở thành kết quả giống như thế ấy.

Trước kia gởi mười trang câu đối, nay viết cho ông sáu đôi. Một là Thích-ca, hai là Di-đà, ba là Địa Tạng, bốn đôi câu đối dùng chung cho Tam Thánh. Do tinh thần không đủ nên vẽ dưới trong đôi câu đối này cũng chiếu theo vẽ trên để viết. Xin ông hãy cân nhắc, điều chỉnh để sắp xếp lại. Đôi câu đối này đã được sửa rất hay nên cũng không cần phải viết lại câu khác. Đôi câu đối thứ năm và thứ sáu chính là để treo nơi phòng khách hoặc liêu phòng của người học Phật đều được. Tôi có viết cho người khác ba đôi câu đối nữa, tổng cộng là chín đôi. Có hai câu bị sót mất một chữ nên chẳng thể dùng được, phải bỏ đi, nên chỉ viết chín đôi. Dem gởi sáu đôi bằng thư bảo đảm, xin hãy thu nhận!

Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực không đủ, từ nay nếu có ai cậy ông nhờ tôi viết câu đối giùm thì xin hãy mềm mỏng từ chối, đừng đáp ứng. Nghe nói trước kia ở Thương Vụ Ấn Thư Quán, ông Phí Phạm Cử đã đem bức vẽ Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Âm và hình Quán Âm do ông Diêm Lập Bản vẽ, thêm vào đôi câu đối của sư Hoàng Nhất và câu đối của Quang, cùng bán với giá mỗi bức một đồng. Thầy Diệu Chân do thấy câu đối không phù hợp với tượng, xin Quang soạn hai đôi câu đối khác. Câu đối cho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân là:

*Đại sĩ hiện thiên thủ nhãn, biến huê phổ chiếu,
Chúng sanh đương nhất tâm niệm, quy mạng đầu thành.*

(Đại sĩ hiện ngàn mắt, ngàn tay, nâng đỡ, chiếu soi trọn khắp,

Chúng sanh hãy một lòng tâm niệm, quy mạng, gieo hết lòng thành.)

Câu đối dành cho tượng Quán Âm vẽ bởi ông Diêm là:

*Diệu tướng trang nghiêm, biến nhiếp thứ loại,
Bi tâm trắc đất, phổ độ quần manh.*

(Diệu tướng trang nghiêm, nhiếp khắp các loài,
Bi tâm lòng rộng, độ trọn quần manh.)

Tôi nhớ không rõ ràng, nhưng ý nghĩa cố nhiên không trái nghịch. Ông Phí Phạm Cửu in một vạt tâm cho người ta thỉnh chỉ tốn một đồng, muốn xin Quang viết chữ thì hãy thỉnh hai tượng ấy hòng có được hai đôi câu đối ấy để thờ khiến cho kẻ thấy nghe sanh lòng chánh tín.

704. Thư trả lời cư sĩ Vương Thủ Thiện

Ông phát tâm trông giữ mộ phần để mong lệnh từ hể chưa vãng sanh sẽ được vãng sanh, đã vãng sanh liền tăng cao phẩm sen thì hãy nên niệm Phật hiệu. Mỗi ngày chia ra làm hai thời đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh. Kinh Kim Cang công đức tuy lớn, nhưng chưa nêu tỏ được pháp môn Tịnh độ nên chẳng bằng xem Tịnh Độ Ngũ Kinh thì người mất lẫn kẻ còn đều có lợi ích thật sự. Niệm chú Đại Bi thì cũng dành ra một thời, ngoài ra hãy chuyên nhất niệm Phật. Khi niệm, từng câu từng chữ ắt phải nghe cho rõ ràng rành rẽ, dấu niệm thâm trong tâm cũng phải nghe cho rõ ràng.

705. Thư trả lời cư sĩ Triệu Dung

Đọc thư ông, có thể nói là “đã khổ còn chồng thêm khổ”! Cần phải sanh lòng cảm kích, chớ nên bảo “tu trì chẳng có ích gì”, rồi sanh lòng lui sụt, biếng nhác cũng như oán trời hờn người. Hãy nên biết rằng: Do túc nghiệp, ông đáng phải gánh chịu nỗi khổ lớn lao, do tu trì nên đã biến khổ nặng thành nhẹ. Từ nay trở đi, chuyện gì cũng lợi người, tâm luôn tự phản tỉnh thì cảnh ngộ mai sau sẽ có thể chuyển thành tốt đẹp.

Cần biết rằng: Nghiệp của chúng ta trong đời trước sâu như biển cả, tội cao tày Tu-di, tuy cảnh ngộ không tốt nhưng vẫn chưa đến nỗi quá đáng. Hãy nghĩ lại bao nhiêu kẻ đại phú đại quý nhà tan người chết, hưởng chi ta đời trước không có phước, nay vẫn chưa đến nỗi đói rét, so với những tình cảnh khổ sở của họ vẫn còn tốt đẹp hơn vạn lần! Hãy lấy “khuyến người niệm Phật cầu sanh Tây Phương” làm pháp tự lợi lợi người. Nếu tâm chân thành thì nghiệp tiêu, phước tăng, sẽ dần dần yên vui, thanh thoi vậy.

706. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh¹⁴⁵ (thư thứ nhất)

Thưa ông Đức Minh,

Thư của ông và 40 đồng tôi đều nhận được. Lòng thành vì mẹ của ông có thể nói là chí thành không chi hơn được, nhưng phải dùng lòng chí thành ấy khuyên mẹ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì mới là lòng hiếu hữu ích rốt ráo. Những kẻ mưu tính tỏ lòng hiếu thảo với cha mẹ theo thói tục của thế gian đều là chú trọng bề ngoài, còn tăng thêm tội cho cha mẹ (như coi dùng món ăn có thịt để phụng dưỡng cha mẹ là hiếu thảo), ngược ngạo khiến cho cha mẹ bị đọa lạc (như lúc lâm chung, tắm rửa, thay quần áo sẵn, chuyện gẫu, an ủi và khóc lóc cũng như dùng rượu thịt để cúng tế, đãi khách v.v.). Thử sự lý ấy là do tục nhân chẳng biết, nên cố nhiên chẳng đáng trách, nhưng nếu là đệ tử Phật mà vẫn khẳng khái noi theo tập tục ấy tức là muốn mượn những chuyện đó để chuốc lấy cái tiếng hiếu thảo với cha mẹ, chứ thật ra đã phá hoại nẻo thoát khổ của cha mẹ, thành tựu phương hướng đọa lạc cho cha mẹ. Lòng hiếu ấy khác gì tình yêu của la-sát nữ! (La-sát nữ bắt lấy người, sắp ăn thịt bèn nói: “Ta yêu người nên ăn thịt người.” Những đứa con hiếu của thế gian theo kiểu đó, trong một vạn kẻ có đến hơn chín ngàn chín trăm kẻ, chắc có một hai kẻ chẳng giống như vậy cũng chưa biết chừng.)

Nay gởi cho ông Sứ Chung Tân Lương và Tang Tế Tu Tri, lại gởi ba gói sách khác để đáp tạ năm đồng hương kính của ông. Đọc rồi sẽ chẳng tự đến nỗi vì lòng hiếu thảo mà gây lụy cho cha mẹ bị đọa lạc. Sau khi thư ông được gởi tới, có người đến Linh Nham giao 30 đồng và thư của ông. Tôi đã bảo thầy đương gia đối trước đại chúng đọc lá thư ấy và giải thích, bảo họ sắp đặt cỗ chay hiến cúng nhằm cúng Phật và tăng và phân phát tiền cúng dường. Lại tụng kinh niệm Phật một buổi, đấy chính là vì lòng thành của ông, chứ không phải đã thành lệ.

Tại Báo Quốc, trưa hôm 17 cúng mì, tăng chỉ có năm vị, có hai vị ra ngoài chưa về, nhằm đúng lúc có bốn vị khách tăng bèn biếu tặng mỗi vị hai cắc, bảy vị tại gia làm công quả trong chùa cũng được biếu tặng như thế để họ sanh lòng hoan hỷ. Lúc sắp ăn xong, có bốn vị đệ tử từ Thượng Hải tới, khá là hữu duyên. Gần đây, công việc bận bịu quá mức nên phúc đáp chậm trễ. Mong ông hãy sáng suốt soi xét!

Ấn Quang viết trong ngày 19 tháng 8.

¹⁴⁵ Vị này chính là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Theo Tuyết Lư Lão Nhân Sự Lược, cụ Lý Bình Nam tên thật là Lý Diễm, tự là Bình Nam, hiệu Tuyết Lư, pháp hiệu Đức Minh, biệt hiệu là Tuyết Tăng, hay Tuyết Tầu, quê ở huyện Tế Nam, tỉnh Sơn Đông.

707. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ hai)

Thưa ông Đức Minh,

Lòng người vốn lành, bị tập khí xoay chuyển, dễ gặp phải kẻ không có lòng tin sẽ thành hủy báng Phật pháp, còn gặp kẻ có lòng chánh tín sẽ liên tu trì tịnh nghiệp. Xã hội nước nhà hưng vong hay suy bại thì nhìn vào tư cách của vị thủ lãnh như thế nào sẽ biết. Hiện thời đã loạn đến cùng cực, hãy nên dùng sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi để cứu vãn. Đối với những kẻ chịu nghe theo, sẽ lại vì họ nói pháp môn Tịnh độ ngõ hầu họ cùng niệm Phật hiệu, cùng sanh về Tây Phương, đây là điều trọng yếu nhất.

Ông Lưu viết thư giùm mọi người, họ đã muốn quy y, nay đặt pháp danh cho mỗi người, viết riêng trong một tờ giấy khác. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể khai thị căn kẽ, nay dùng 65 đồng hương nghi (tức tiền hương kính) của bọn họ để gởi 48 gói sách, mỗi thứ đều chia cho tám người ấy mỗi người một bộ. Để còn dư thì tặng cho kẻ có tín tâm, thông văn lý, biết cung kính. Sau này dễ đọc kỹ các thứ sách ấy thì không mỗi nghi nào chẳng coi gỡ, cũng chẳng cần phải gởi thư hỏi han. Hãy nên bảo bọn họ giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tám lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt, ngõ hầu chẳng phụ chí hướng trong sạch xin cầu quy y trong ngày hôm nay. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ở đây chẳng viết căn kẽ, xin hãy sáng suốt suy xét để nói với bọn họ.

Ấn Quang kính cẩn phúc đáp vào ngày mùng 1 tháng 11.

Gần đây nghe nói có một toa thuốc cai thuốc phiện rất hay: Dùng một tấm vải Tây đỏ vuông một thước, cắt thành hai mươi bốn miếng. Mỗi lần trước khi hút, trước hết lấy que tiêm thuốc găm vào đầu một miếng vải, để một cái chén ở phía dưới. Đốt miếng vải ấy cho tro rớt vào chén, dùng nước sôi hòa tro để uống rồi mới hút. Chẳng đợi đến uống hết những miếng vải ấy thì bệnh ghiền đã hết (xin hãy thử xem). Nếu linh nghiệm thì hãy nên truyền bá rộng rãi để cứu cái họa nghiện ngập thuốc phiện.

Chứng đại ma phong (bệnh cùi) là bệnh xưa nay trong ngoài nước không thể chữa lành, nay đã có phương pháp trị lành, cuối cuốn Sơ Cơ Tiên Đạo có in kèm, xin hãy đọc kỹ. Sau toa cai thuốc phiện lại có toa trị bệnh sốt rét, linh nghiệm cùng cực, không ai chẳng được trị lành. Có người bệnh đã một, hai, ba năm cũng trị một lần là lành. Cũng mong ông hãy nói với khắp hết thầy mọi người. Từ nay

bất luận là ai, đừng nên gởi thư tới nữa. Nếu thỉnh kinh sách, hãy nên tiếp xúc thẳng với Hoàng Hóa Xã, chẳng cần phải bảo Quang chuyển. Tái bút.

708. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ ba)

Thưa cư sĩ Đức Minh,

Lý Viên Tịnh giáo chánh cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy lần đầu, phạm những chữ viết theo lối tục thể đều nêu ra đại lược để sửa chữa; cũng có đôi ba chỗ cần phải sửa chữa đôi chút, nay đem gởi đến xin hãy điều chỉnh. Quang lại đọc kỹ một lần nữa, hễ có chỗ nào ngữ ý chưa được trọn vẹn liền bỏ túc. Thầy Đức Sâm lại đọc một lần nữa, đổi sang dùng ký hiệu O trước những câu hỏi đáp nhằm giản lược lời văn, cũng có chỗ thì thêm vào. Phạm những chữ khó nhận dạng trong tiếng địa phương, Quang đều đổi thành những chữ dễ đọc. Phần chương trình cũng đổi thành thực hành để mong đỡ tốn giấy. Phạm trước những câu hỏi đều thêm một chấm tròn đen, còn trước câu đáp thì thêm một chấm tròn trắng, sắp chữ từng hàng sát sao. Mở đầu câu hỏi, câu đáp đều tách thành từng dòng riêng.

Trước lời dẫn nhập, Quang và thầy Đức Sâm mỗi người đều viết một lời tựa, cuối sách đính kèm lời một vị lão Nho ở Tân An tỉnh Cam Túc, vị ấy thoát đầu báng Phật mắc quả báo, về sau học Phật liền soạn văn sám hối, bài văn ấy được in kèm vào sách này. Ông ta xin Quang viết lời bạt, tôi cũng cho đăng kèm lời bạt ấy vào sau bài văn đó để làm chỗ chỉ quy cho người đọc sách. Đã giao qua Sở Huấn Luyện Nghề Nghiệp Cho Dân Lang Thang sắp chữ, sắp chữ xong xuôi sẽ cho làm ba bốn bức chỉ bản, tính giao cho Đạo Đức Thư Cục một bức chỉ bản, thu hồi bản lần trước về đốt đi. Xin hãy nói với thư cục điều này, ngõ hầu họ chẳng đến nỗi không bằng lòng.

Sách này lần đầu in trước hai vạn cuốn, sau đây in tiếp, chắc sẽ đến mấy chục vạn cũng không chừng. Đợi in ra xong sẽ gởi cho ông mấy gói, đọc rồi sẽ biết dụng ý. Phạm in sách gì Quang đều chẳng dám sử dụng giấy phung phí, hễ một bộ sách bớt được một trang thì mười vạn bộ sẽ bớt được mười vạn trang, giảm được chi phí khá nhiều. Hiện thời nhân dân khốn khổ, chúng ta tuy muốn lợi người cũng chẳng nên chỉ mong sao cho dễ coi, chẳng tính đến vật lực khó khăn vậy. Xin hãy sáng suốt suy xét!

Ấn Quang kính trình, viết một nửa vào ban ngày hôm 21 tháng Giêng, đến đêm viết tiếp.

709. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ tư)

Thưa ông Đức Minh,

Mười mấy hôm trước Tôn Hạc Niên đến đây, cầm theo các món thức ăn, tôi đều cho đại chúng cùng hưởng, còn hoa sâm thì cho thầy Đức Sâm, bởi Quang một mực chẳng thích đa sự, món ấy dù cất hoặc dùng đều rất lồi thoi. Con người Hạc Niên khá thành thật, hiện đã cho ở tại Báo Quốc, đợi có vị thầy nào thích hợp, sẽ cho anh ta quy y thể độ, chuyện này không thể gấp được! Quang cả đời thề chẳng thu nhận đồ đệ, cần phải đợi có vị nào thích hợp cho anh ta bái sư thì mới cho anh ta xin thể độ với vị ấy. Thư này vốn phải nên trả lời ngay, nhưng do công việc dồn dập, mà mục lục lần tinh thần đều chẳng đủ nên chậm trễ đến nay. Hiện thời sắp in cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy, in xong sẽ dùng hết 240 đồng làm tiền gởi sách. Xin hãy sáng suốt suy xét!

Ấn Quang kính cẩn phúc đáp vào ngày 28 tháng 2.

710. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ năm)

Thưa ông Đức Minh,

Lệnh từ tuổi già hãy nên nói với quyến thuộc về lợi ích trợ niệm khi lâm chung và những họa hại do lau chùi thân thể, thay áo, khóc lóc trước khi cụ mất, khiến cho bọn họ luyện tập nhuần nhuyễn, hiểu rõ lợi hại. Nếu đến khi lâm chung, chắc chắn cụ sẽ vắng sanh Tây Phương. Nếu chẳng luyện tập và chẳng nói lợi hại thì mười người hết chín kẻ bị quyến thuộc vì lòng hiếu mà phá hoại chánh niệm, khiến cho người ấy vẫn phải bị sanh tử trong lục đạo luân hồi. Hãy đọc kỹ Súc Chung Tân Lương sẽ tự biết.

Pháp danh của bảy người đều đã ghi ra, gởi cho mỗi người ba gói sách như Ngũ Kinh, Thập Yếu v.v. để giúp tu trì. Đứa hậu sinh lần trước đã tới đây thì trong tuần đầu của tháng nhuận đã có vị tăng từ chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai đến đem nó đi rồi. Nó sẽ được vị trụ trì thu nhận làm đệ tử hoặc do người khác thu nhận đều được. Do trụ trì chùa Quốc Thanh cũng là trụ trì chùa Linh Nham ở Tô Châu, tôi biết rõ là người như thế nào nên bảo dẫn đi. Xin đừng lo!

Không lâu nữa sẽ gởi sách Kỹ Lộ Chỉ Quy đến, lại còn có Tịnh Độ Ngũ Kinh không lâu nữa cũng sẽ gởi tới. Ước chừng tháng 6, tháng 7 sẽ có thể gởi sách Vật Do Như Thử tới. Còn sách của huyện Cử bèn giao về cho họ, xin hãy sáng suốt soi xét!

Đã cho làm năm bức chỉ bản của sách Kỹ Lộ Chỉ Quy, một bản gởi cho Đạo Đức Thư Cục ở Thượng Hải, một bản giao sang Bắc Bình Khắc Kinh Viện. Sách Vật Do Như Thử cũng làm như thế. Hiện thời đã cho sắp chữ, đổi thành cỡ chữ Tam Hiệu Tự để người già dễ đọc, cũng tính in ba vạn bản.

Ấn Quang kính cẩn trả lời vào ngày mồng 3 tháng 4.

711. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ sáu)

Thưa ông Đức Minh,

Chuyện thế gian muốn làm cho không phạm lỗi thì đều phải tận hết một phen tâm lực, nếu chẳng chú tâm thì công ít, lỗi nhiều. Vào mùa thu năm ngoái, Quang mới biết nỗi thảm của sữa độc giết chết trẻ con, vì thế đã nói tới trong dịp khai thị cho pháp hội Túc Tai. Như sau khi người mẹ nổi nóng dùng đòn roi, phải sau một ngày, đợi cho tới khi độc tách của sữa đã hết mới cho con bú được. Mùa xuân năm nay nghe nói người chết lẫn người bệnh nhiều lắm, do vậy soạn một tờ thông báo rộng rãi về chuyện sữa độc giết trẻ, khuyên ba ngày sau khi nóng giận mới cho bú.

Thư ấy được in ra gửi cho một đệ tử ở Nam Kinh, ông ta đem thư ấy kể với vợ. Vợ ông ta vốn là người Tây Dương, bảo: “Đấy gọi là sữa bị nung nóng vì lửa giận. Hễ nóng giận, phải đợi tâm bình khí hòa. Nếu không, lòng ôm mới hận, sữa khó thể chuyển thành tốt được! Nửa ngày sau khi đã bình tâm rồi mới có thể cho bú. Lúc cho bú, trước hết phải nặn sữa ra độ nửa chén trà đổ đi, rồi mới cho trẻ bú thì sẽ không bị họa hoạn gì. Nếu để sau ba ngày, vú sẽ bị căng nhức, đâm ra chẳng tốt đẹp gì.” Vì thế, cho thay đổi chỉ bản để in lần thứ hai ba vạn cuốn Ấn Quang Văn Sao Tục Biên sẽ không bị sai.

Lại nói: “Khi có kinh nguyệt cũng chớ nên nóng giận, hễ nóng giận sẽ bật kinh.” Vì thế, phụ nữ chưa lấy chồng cũng có người bị kinh nguyệt không điều hòa, trộm cho rằng là vì chuyện này. Đối với giáo dục trong gia đình và nước nhà nhân dân thì chuyện này đều có quan hệ, bởi lẽ phụ nữ từ nhỏ phải nên tập thành tánh nhu hòa thì sẽ không bị họa hoạn “kinh nguyệt chẳng điều hòa và nóng giận dùng đòn roi đến nỗi con bị chết, nóng giận nhỏ nhỏ khiến con bệnh tật”. Tánh nhu hòa thì sẽ không khẩu thiệt, thị phi, gia đình êm ấm, hòa thuận. Xin hãy đem ý này nói với hết thầy mọi người. Tất cả khai thị trong pháp hội Túc Tai và tờ thông cáo rộng khắp về chuyện sữa độc giết chết trẻ thơ đều phê rõ cao lên một dòng, phía dưới thì bôi bỏ chữ “sau ba ngày” để tránh hậu hoạn.

Thư ông và 33 đồng đều nhận được, pháp danh của 17 người xin quy y được viết trong một tờ giấy khác. Kể từ khi nhà Nho đã phá bài xích nhân quả, những kẻ cuồng ngu trong cõi đời đều được dịp phô trương lớn lao chí họ. Những kẻ mù quáng bịa đặt đồn thổi, lập ra một giáo môn dẫn dụ kẻ vô tri theo tà đảng của bọn chúng, lại còn giữ bí mật chẳng tiết lộ chút nào, do vậy đến nỗi người trong cả nước quá nửa theo vào đường tà. Những kẻ phạm đại vọng ngữ chưa đắc nói đã

đắc, chưa chứng nói đã chứng, không kiêng sợ, đều do Tống Nho đã phá nhân quả luân hồi khiến cho bọn chúng càng to gan gây nghiệp.

Nay gởi cho ông 20 bộ Văn Sao, tức mười gói, ba gói Gia Ngôn Lục, hai gói Liễu Phàm Tứ Huấn, những kẻ quy y ai đọc được thì tặng, chẳng xem được thì không cần phải tặng, hãy tặng cho người có tín tâm, thông văn lý, biết cung kính. Xin hãy sáng suốt suy xét!

Ấn Quang kính cẩn trả lời vào ngày 27 tháng 5.

712. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ bảy)

“Thanh văn bị hôn ám khi cách ẩm, Bồ-tát mê khi ra khỏi thai.” Đây là nói về những vị thuộc Sơ, Nhị, Tam quả chưa đoạn sạch tư hoặc, còn A-la-hán đã đoạn sạch tư hoặc sẽ không có chuyện này. Chữ Bồ-tát trong câu trên đây cũng chỉ cho những vị Bồ-tát chưa đoạn sạch tư hoặc, chứ hễ hết sạch tư hoặc sẽ không bị mê.

Vãng sanh Tây Phương tư hoặc đã đoạn, nương theo nguyện tái lai, hoặc hóa hiện, hoặc nhập thai, đều tùy cơ thị hiện. Khi nhập thai, thị hiện giống như người thường, trước hết cũng cần phải hiện tướng mê, chứ thật sự chẳng có mê tình. Giống như diễn tuồng, khổ sướng, buồn vui cố nhiên phải diễn cho thật giống, nhưng trong tâm hoàn toàn không có những tình niệm thật sự. Do ông không biết địa vị của Thanh văn, Bồ-tát nên mới coi họ giống như kẻ đoạn hoặc thì làm to quá rồi! Bồ-tát có nhiều loại, nói chung lấy kẻ chưa đoạn sạch tư hoặc làm chuẩn, chớ nên lẫn lộn mà bảo “tất cả đều là hôn mê”. Xin hãy đọc những thư đã gởi tới trước đây.

II. TỰ (lời tựa)

1. Lời tựa cho sách Danh Sơn Du Phỏng Ký

Trí thức của con người không nhờ vào học vấn, lịch duyệt sẽ không thể nào khai thông được. Nhưng những cuộc đất thánh đạo tràng nơi danh sơn trong thiên hạ sẽ dễ gây xúc động, phát khởi chí hướng “mong thành thánh thành hiền” nơi con người nhất, có quan hệ đối với chuyện lập thân, tu nghiệp, thành đức, đạt tài cũng lớn lắm. Vì thế, xưa nay những người nhiệt tâm sẵn chí “tự lập lập người, tự lợi lợi tha” thường chẳng ngại nhọc nhằn bươn bả tới thăm để mong những cảnh mình được trông thấy, những gì mình ngộ nhập sẽ bồi bổ thân tâm, mở mang, phát khởi trí thức của chính mình.

Trong số những vị đi khắp nơi thời cổ thì có hòa thượng Thiên Tuế Bảo Chương¹⁴⁶ vốn là người Trung Thiên Trúc, sống tại Thiên Trúc khoảng 500 năm, vào cuối đời Hán mới đến phương này. Trải qua các thời Tam Quốc, hai triều Tấn (Tây Tấn và Đông Tấn), Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy cho đến năm Hiên Khánh thứ hai (657) đời Đường Cao Tông, ngài 1.072 tuổi mới nhập diệt. Vì thế, phàm là những danh sơn, thánh đạo tràng khắp Nam - Bắc Trung Hoa, không đâu ngài chẳng đích thân đến thăm viếng và ở lại nơi ấy. Đến cuối đời Minh, tôn giả Tử Bách cũng đi thăm khắp các danh sơn, do sự mệt mỏi đi được hơn 300 dặm nên tuy không thọ bằng ngài Bảo Chương nhưng những nơi sư đến thăm cũng gần bằng ngài Bảo Chương.

Trong giới tăng tục gần đây chỉ có cư sĩ Cao Hạc Niên là đi du lịch rộng xa nhất, phàm tứ đại danh sơn, Ngũ Nhạc, Chung Nam, Thiên Thai, Nhạn Đãng, La Phù, Kê Túc, Võ Đang, Vân Cư, Lô Nhạc, Hoàng Sơn đều đã từng tới một lần hoặc tới đôi ba lần. Phàm địa thế, tình hình nhân sự cùng những di tích cổ xưa, thắng cảnh, đạo tràng, chùa miếu, cũng như tất cả những sự tích của các bậc cao tăng, danh sĩ ở những nơi ông ta đã đi qua đều chép lại đầy đủ dựa trên những điều thừa hỏi được. Một là nhằm để an ủi những kẻ do chẳng thể hành cước nên

¹⁴⁶ Ngài Bảo Chương (?-657) là người Trung Ấn Độ, được cõi đời xưng tụng là hòa thượng Bảo Chương Thiên Tuế (vị hòa thượng tay sáu ngàn tuổi). Theo truyền thuyết, lúc ngài sanh ra tay trái nắm chặt mãi đến 7 tuổi mới mở ra, nên có tên là Bảo Chương. Ngài đến Trung Hoa vào đầu thời Tam Quốc (khi Tào Tháo còn chưa phế vua Hán), vào đất Thục (Tứ Xuyên) tham lễ Phổ Hiền Bồ-tát. Sư thường nhịn ăn, hằng ngày tụng kinh Bát-nhã đến hơn một ngàn quyển. Một bữa, đột nhiên bảo đại chúng: “Ta nguyện trụ thế 1.000 năm, nay đã 626 năm rồi!” Vì thế, có danh xưng là Thiên Tuế. Sư từng tham phỏng Ngũ Đài, Lô Sơn v.v.. Không lâu sau, tổ Đạt-ma sang Trung Hoa, sư bèn đến hỏi đạo, được khai ngộ. Từ năm Trinh Quán 15 (641), sư ở lại chùa Bảo Nghiêm tại Bồ Giang, chơi thân với thiền sư Lăng, thường sai một con chó trắng đưa thư, sư Lăng sai con vượn xanh đưa thư đáp lời.

không cách nào biết được những dấu tích thù thắng tại các thánh đạo tràng, hai là có thể dùng làm một tài liệu hướng dẫn lớn lao cho hàng sơ cơ học Phật biết lối tìm thầy hỏi bạn.

Vì thế, trong Dân Quốc nguyên niên (1912), Phật Học Tùng Báo từng sao lục và đăng tải những bài ghi chép này để dâng tặng những người có cùng chí hướng. Đến nay các vị cư sĩ Vương Nhất Đình, Hứa Chỉ Tịnh, Nhiếp Vân Đài, Dịch Sở Thanh, Giản Ngọc Giai lại muốn tập hợp những bài viết ấy thành một cuốn sách để độc giả được đọc toàn bộ. Điều này cũng chưa bao giờ chẳng phải là sự hướng dẫn ban đầu để dẫn người khác vào được biển Phật vậy.

2. Lời tựa tái bản kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bốn Nguyên Công Đức

Tâm thể của Phật và chúng sanh... *(cho đến)* chỉ mong họ biết được nguyên do mà thôi *(đoạn này hoàn toàn giống với bài tựa tái bản Dược Sư Như Lai Bốn Nguyên Công Đức Kinh trong Tăng Quảng Văn Sao, quyển ba)*. Đoạn văn trên đây chính là lời tựa do tôi viết cho ông Trương Thụy Tăng ở Dương Châu, khi ông ta tái bản cuốn kinh này vào giữa hè năm Nhâm Tuất, tức năm Dân Quốc 11 (1922), ý nghĩa tổng quát của kinh cũng như nguyên ủy lưu thông đã được trình bày đại lược qua đoạn văn ấy.

Nay có một đệ tử ở Thiểm Tây là Mã Côn Sơn cùng với một đệ tử ẩn danh ở Lan Châu phát tâm lưu thông kinh này. Món tiền do Côn Sơn tự bỏ ra và bạn bè giúp đỡ tổng cộng là 700 đồng; món tiền do cư sĩ ẩn danh tự bỏ ra và bạn bè giúp đỡ gộp chung thành 300 đồng. Họ đem 1.000 đồng này gửi đến Tô Châu, cậy Quang thay họ lo liệu ấn tống.

Côn Sơn chuyên sản xuất thuốc lá theo kiểu Tây Dương tại Lan Châu nhiều năm, là người cực chân thành, chuyên dốc, nhưng chưa biết Phật pháp. Bốn năm trước, do một đồng nghiệp người Thiểm Tây là Lý Tiên Đào khuyên chỉ, bèn quy y tam bảo, ăn chay niệm Phật. Mùa thu năm trước, xưởng chế tạo đạn dược ở Lan Châu phát nổ. Hôm ấy, những người cùng làm nghề sản xuất thuốc lá tổ chức diễu tuồng ở lầu Minh Thủy để cúng thần, hơn một trăm người thuộc xưởng của Lý Tiên Đào đều đi xem, chỉ có mình đưa con của viên Phó Kinh Lý ở lại xưởng. Hơn một trăm người thuộc xưởng Côn Sơn cũng đều đi vắng hết. Chuyện này cũng không biết rõ nguyên do ra sao. Họ đi khỏi không lâu, xưởng chế tạo đạn dược ở ngoài thành phát nổ, nhà cửa trên mấy con đường ở ngoài thành đều bị chấn động, đổ nát, vô số người bị thương. Trong xưởng của Tiên Đào chỉ có căn phòng nơi người con của viên Phó Kinh Lý đang ở là không bị sụp đổ. Trong

xưởng của Côn Sơn, chỉ có gian phòng thờ Phật là vẫn đứng vững sừng sững, kiếng cũng không nứt vỡ, những nơi khác đều sụp đổ hết. Do nhân duyên này, nhân sĩ Lan Châu dần dần sanh lòng tin tưởng, Côn Sơn càng thêm tăng trưởng tín tâm.

Trong năm ngoái, những cuộc đảo chánh quân sự nhiều nhưong liên tiếp xảy ra, nhân dân khôn khổ không thể nào diễn tả được. Do vậy, Côn Sơn và vị cư sĩ ẩn danh phát tâm lưu thông kinh này, mong rằng những người đọc kinh này ắt sẽ chú trọng lòng kính, giữ lòng thành, tay sạch, bàn sạch, ngồi ngay ngắn chẳng lười nhác, dễ người chút nào, như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm. Lại phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, ngăn giận, chặn dục, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì lợi ích ấy chẳng thể nào diễn tả được.

Nếu chẳng chí thành và chẳng trọn hết bốn phận thì sẽ được cảm ứng nhỏ nhoi, chứ không phải là lòng từ của đức Phật chẳng trọn khắp, nguyên nhân là vì tâm chẳng tương ứng với Phật vậy! Đạo cảm ứng giống như gõ chuông, gõ mạnh thì chuông kêu to, gõ nhẹ thì chuông kêu nhỏ. Trong đời thường có những kẻ do tiểu cảm mà được đại ứng chính là vì công đức tu trì trong đời trước cảm nên. Tán rằng:

Dược Sư Như Lai Lưu Ly Quang,
Thệ nguyện rộng sâu chẳng thể lường,
Hiển là sanh thiện, nhóm phước khánh,
Mật là diệt ác, tiêu họa ương.
Dẹp khổ ắt mong sạch nhị tử,
Ban vui muôn đức trọn phô bày,
Pháp giới thánh phàm cùng quy mạng,
Nhờ ân mau chứng được chân thường.

(Cuối xuân năm Đinh Sửu, tức năm Dân Quốc 26 - 1937)

3. Lời tựa cho tác phẩm Quảng Trường Thiệt

Pháp không có tướng nhất định, hễ hợp căn cơ thì là tốt đẹp; cùng là một pháp nhất vị, nhưng đức Như Lai giảng nói bằng nhiều phương cách. Giống như cỗ ngon quý báu của bậc Đại sĩ, nếu gặp được người trưởng thành liền dọn hết cả ra để họ được ăn no. Nếu gặp trẻ thơ, do chúng chẳng thể tự cắn nuốt được, ắt phải thay chúng cắn xé nhỏ ra, mớm cho chúng, ngõ hầu làm lợi cho thân tâm của chúng để chúng mau được trưởng thành.

Cư sĩ Khô Hạnh đã dùng những lời rõ ràng gần gũi để diễn tả đại lược về pháp môn Tịnh độ phổ độ chúng sanh của Như Lai với ước mong làm cho những kẻ

chưa phát tâm sẽ nhanh chóng sanh lòng tin, để sau đó họ nghiên cứu các kinh luận, trước thuật của Tịnh độ sẽ được hưởng lợi ích thật sự. Hơn nữa, những lời đơn giản, rõ ràng như thế thật ra đã được tuyên dương bởi tướng lưỡi rộng dài của Như Lai, là đại pháp môn vô thượng viên đôn thành thủy thành chung để mười phương chư Phật phổ độ chúng sanh và chúng sanh trong chín giới viên thành Phật đạo. Vì thế, lấy từ ngữ *quảng trường thiết* (lưỡi rộng dài) làm tựa đề nhằm mong những ai chưa phát tâm sẽ đọc đến sẽ liền phát tâm. Cố nhiên người đã nhập môn sẽ chẳng cần đến, nhưng cách thức cần ăn hay mớm cho trẻ thơ thì người nuôi nấng trẻ thơ vẫn cần phải tìm hiểu, suy xét. Tuy chính mình chẳng cần đến, nhưng cũng không thể chẳng chuẩn bị cho người sơ cơ.

(Tháng 10 năm Quý Hợi, tức năm Dân Quốc 12 - 1923)

4. Lời tựa ấn hành tác phẩm Tư Quy Tập

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài được, như trời che khắp, đường đất chổ đều, trên là bậc Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra khỏi pháp này, dưới là tội nhân nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy, thật đáng gọi là “pháp môn tổng trì của ba đời chư Phật, là đạo đặc biệt màu nhiệm trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai”. Pháp môn này lớn lao, thâm nhiếp căn cơ rộng rãi, dùng sức ít mà đạt hiệu quả nhanh chóng, nhưng thường bị những kẻ hơi thông hiểu Tông - Giáo xem nhẹ, coi là pháp môn dành cho lũ ngu phu ngu phụ tu trì, chẳng biết sự lớn nhỏ, khó dễ giữa Phật lực và tự lực chẳng thể dùng ngôn ngữ, văn tự để hình dung được. Bởi lẽ hết thảy các pháp môn đều phải nương vào sức giới định tuệ để tu tới địa vị “nghiệp tận tình không” thì mới có phần liễu sanh tử. Nghiệp tận tình không há nói dễ dàng ư? Đoạn kiến hoặc giống như cắt đứt dòng nước chảy xiết rộng bốn mươi dặm, hướng là tư hoặc ư? Dầu cho kiến địa cao sâu, hễ phiền hoặc chưa đoạn thì vẫn luân hồi y như cũ. Nếu thọ sanh lần nữa thì người lui sụt trong vạn kẻ có đến mười ngàn, người tăng tấn trong ức kẻ hiếm khi có tới ba bốn người. Tự lực chẳng đủ để nương tựa, dám khoe khoang trí mình, chẳng tùy thuận đạo thể nguyện nhiếp thọ của Như Lai ư?

Người tu pháp môn Tịnh độ chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết, như con nhớ mẹ mà niệm, những hành vi trong thường nhật đều chẳng trái nghịch Phật pháp lẫn tình nghĩa thế gian thì lúc lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Dầu là kẻ chưa đoạn được hoặc nghiệp mảy may nào, hễ được mang nghiệp vãng sanh thì sở đắc của kẻ ấy còn cao trời hơn bậc A-la-hán nghiệp tận tình không, vì chúng tánh bất đồng vậy. Hướng hồ bậc đã đoạn được hoặc nghiệp thì cần gì phải nói nữa! Bởi lẽ Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn. Hai

sức chẳng thể nghĩ bàn là Phật lực và pháp lực cùng hợp lại khiến cho tự tâm lực được hiển hiện trọn vẹn (loại tự lực này rất khác với loại tự lực chẳng cậy vào Phật lực và pháp lực), cho nên so với kẻ chuyên cậy vào tự lực sẽ giống như hăng hà sa số lần sự khác biệt vời vợi giữa trời và vực. Do vậy biết, chẳng thể đem đạo lý của hết thầy pháp môn thông thường để bàn luận pháp môn này được, bởi nó là pháp môn đặc biệt. Tôi thường có một cặp câu đối như sau:

Pháp môn quảng đại, phổ bị tam căn, nhân tư cứu giới đồng quy, thập phương cộng tán.

Phật nguyện hồng thâm, bất di nhất vật, cố đắc thiên kinh tịnh xiển, vạn luận quân tuyên.

(Pháp môn rộng lớn, độ khắp ba căn, do vậy chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi.

Phật nguyện to sâu, chẳng sót một ai, nên được ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói.)

Theo phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm, trọn hết các bậc Pháp thân đại sĩ trong Hoa Nghiêm thế giới hải như Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, 41 địa vị đều nhất trí tiến hành, vâng theo lời Phổ Hiền Bồ-tát dạy, dùng công đức của mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương nhằm mong viên mãn Phật quả. Những kẻ khoe khoang trí mình, miệt thị Tịnh độ, tưởng chính mình vượt trội những vị Bồ-tát ấy, chính là mất trí điên cuồng, cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng!

Những kinh sách hoằng dương Tịnh độ nhiều khôn kể xiết, đại sư Như Sầm tập hợp những ngôn luận của chư Phật Bồ-tát, tổ sư và những học nhân tịnh nghiệp trong thời gần đây (những vị tri thức trong đời gần đây xưng là “học nhân”, vì trước đây đã có Phật Bồ-tát, các vị tổ sư, xin đừng nghi ngại, kinh ngạc), đặt tên là Tư Quy Tập, cậy Quang viết lời tựa. Quang lúc bé chẳng nỗ lực, về già chẳng làm được gì, chỉ đành viết ra những nghĩa lý chính mình đã tin tưởng trong suốt 59 năm cho xong trách nhiệm, nhằm giải bày lòng ngu thành, mong cho những người cùng hàng đều được sanh về Tây Phương, dầu bị những vị đại trí tuệ chê bai, thóa mạ đều chẳng bận lòng. Do vậy bèn ca rằng:

*Ứng đương phát nguyện, nguyện vãng sanh,
Khách lộ, kê sơn, nhậm bỉ luyện,
Tự thị bất quy, quy tiện đắc,
Cố hương phong nguyệt hữu thù tranh?*

(Nẻo khách, suôi non mặc người luyện,

Hãy nên phát nguyện, nguyện vãng sanh,
Tự mình chẳng về, về liền được,
Gió trăng quê cũ há ai giành?)

Xin những vị mong nghĩ trở về quê cũ đều chú ý!

(Ba ngày trước tiết Đông Chí năm Kỷ Mão, tức năm Dân Quốc 28 - 1939)

5. Lời tựa cho sự việc kính cẩn chép đại kinh Hoa Nghiêm nhằm trọn hết lòng hiếu thảo

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm chính là do đức Như Lai khi mới thành Chánh giác đã xưng theo pháp giới tánh và hết thấy các vị Pháp thân đại sĩ phá vô minh chứng pháp tánh thuộc 41 địa vị nói ra sở chứng của đức Như Lai và Bồ-đề giác đạo tự sẵn có trong bản tánh của hết thấy chúng sanh. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm là vua trong Tam tạng, hết thấy các kinh đều lưu xuất từ kinh này. Hàng phàm phu và Nhị thừa tuy cùng hiện diện trong đạo tràng Bồ-đề, rốt cuộc chẳng thấy, chẳng nghe, vì đầy chẳng phải là cảnh giới của họ. Tuy phàm phu và Nhị thừa chẳng thấy chẳng nghe, nhưng đây quả thật là pháp luân căn bản để độ khắp trời người lẫn chúng sanh trong sáu nẻo. Vì sao vậy? Hết thấy pháp môn đều cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân thì mới liễu sanh tử, còn pháp môn niệm Phật chỉ cần trọn đủ lòng tín nguyện, trì danh hiệu Phật liền được cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Chúng sanh đời mạt chẳng dễ gì đạt tới mức đoạn hoặc chứng chân, bỏ một pháp môn này thì đông đảo chúng sanh sẽ chẳng có dịp thoát khổ!

Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh này, Thiện Tài đã viên mãn tâm Thập tín, nghe theo lời đức Văn-thù dạy, tham học với khắp các tri thức. Thoạt đầu ở dưới tòa của ngài Đức Vân bèn nghe pháp môn niệm Phật. Đến cuối cùng, tới chỗ Phổ Hiền Bồ-tát, đức Phổ Hiền liền dùng oai thần gia bị khiến cho sở chứng của Thiện Tài bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, đầy gọi là Đẳng giác Bồ-tát. Đức Phổ Hiền bèn khen ngợi công đức thù thắng nhiệm mầu của Như Lai khiến cho Thiện Tài sanh lòng vui mừng, liền đó ngài dạy Thiện Tài phát mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả, và khuyên hết thấy các vị Pháp thân đại sĩ trong Hoa Nghiêm hải chúng. Phàm những vị thuộc về Hoa Tạng hải chúng đều là các đại Bồ-tát thuộc những địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác v.v. mà vẫn phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì mới có thể đích thân chứng được Bồ-đề giác đạo sẵn có trong cái tâm này, huống là những kẻ thấp kém hơn ư?

Nhưng theo chương Hạ Phẩm Hạ Sanh của Quán kinh, kẻ ngu nghịch thập ác lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, được thiện tri thức dạy niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc chỉ mấy tiếng cũng đều có thể vãng sanh Tây Phương, được dự vào phẩm cuối. Chẳng phải là kinh Hoa Nghiêm giảng về pháp “thành Phật trong một đời” mà chỗ quy tông cuối cùng lại gom về vãng sanh Tây Phương đó sao? Các tri thức Thiền - Giáo trong cõi đời há nên coi pháp môn niệm Phật là pháp quyền biến, Tiểu thừa, phương tiện, chẳng phải là đạo cứu cánh ư?

“Hết thấy chúng sanh đều sẵn đủ trí tuệ của đức Như Lai, nhưng do vọng tưởng chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì nhất thiết trí, vô sư trí liền được hiện tiền.” Do nghe nghĩa này nên hết thấy phàm phu sẽ chẳng đến nỗi đề cao thánh cảnh, nhưng lại cam phận phàm ngu. Do vậy biết kinh này chính là pháp môn rốt ráo thành thủy thành chung để mười phương ba đời chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Bất luận căn tánh như thế nào đều phải nương theo đây để tu tập, nhưng chỗ thiết yếu nhất chỉ là một môn niệm Phật. Ấy là vì “toàn thể tánh trở thành tu” nên bậc thượng thượng căn chẳng thể vượt khỏi khuôn khổ này, do “toàn thể sự chính là lý” nên phương hạ hạ căn cũng có thể đạt tới được.

Kinh này chính là cội nguồn của giáo pháp trong toàn bộ Đại tạng, là chỗ quy túc của hết thấy pháp môn. Cư sĩ Vuơng Dưỡng Hòa ở Tô Châu tuy xuất thân từ gia đình phú quý, nhưng trọn chẳng có tập khí của bọn mặc quần lụa nỡn¹⁴⁷, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, nghiêm túc trọn hết đạo hiếu. Mẹ ông ta sợ con bị tập tục xoay chuyển, nên khi bị bệnh nặng sắp mất đã dặn con phải cung kính chép kinh Hoa Nghiêm để mong con được huân tập, tiêm nhiễm thành chủng tử, vĩnh viễn trở thành gốc đạo, đồng thời là để trên báo đáp tứ ân, dưới giúp cho tam hữu (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới). Mẹ ông ta đáng gọi là “khéo dùng lòng từ”! Trong thời kỳ cư tang, hằng ngày ông ta cẩn thận chép kinh để mong từ mẫu được tăng cao phẩm sen và tiêu trừ ác nghiệp của bản thân. Nếu chẳng phải là đã có thiện căn từ đời trước thì làm sao như thế được?

¹⁴⁷ Nguyên văn “hoàn khổ” (紈袴: quần may bằng lụa nỡn). Đây là một thành ngữ ngụ ý chê bai con em những gia đình phú quý chỉ biết hưởng thụ, xa xỉ, phù phiếm, rỗng tuếch, vô tích sự. Thành ngữ này vốn phát xuất từ một câu nói trong thiên Tự Truyện của Hán Thư: “*Xuất dĩ vương, hứa tử đệ ư quần, tại vu ý nhu hoàn khổ chi gian, phi kỳ hảo dã*” (Đi ra ngoài cùng với vua bao nhiêu là con em xúm xít, ở trong đám áo thêu rực rỡ, quần lụa nỡn ấy, có hay ho chi đâu?) “Hoàn” vốn là một thứ lụa mỏng mịn mặt, rất đắt tiền, những kẻ trẻ tuổi chuộng xa hoa, bóng bẩy thường ưa mặc loại lụa này.

Nay kinh đã chép xong, bèn cậy bạn phương ngoại¹⁴⁸ là đại sư Văn Đào xin Quang viết lời nêu rõ ý nghĩa bộ kinh để mong sau này những ai xem đến đều cùng sanh lòng chánh tín. Trộm nghĩ: Ý nghĩa của kinh Hoa Nghiêm dẫu dùng mực nhiều như biển cả, đến tận cùng đời vị lai tuyên dương ý nghĩa của từng câu, từng chữ vẫn chẳng thể trọn hết được! Huống chi Quang là kẻ hời hợt, nông cạn, vô tri, làm sao có thể tán dương một hai điều cho được? Nhưng vẫn chẳng nên cô phụ ý ông ta nghĩ đến, do vậy bèn viết sơ lược đại ý những điều cương yếu và lợi ích để trao lại. Nếu có thể nương theo đó để tu hành thì rốt ráo thành Phật còn đạt được, huống là những văn nghĩa khác ư?

(Mùng 1 tháng 6 năm Mậu Thìn, tức năm Dân Quốc 17 - 1928)

6. Lời tựa lưu thông phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm

Nêu lên những tông lớn trong các pháp do đức Như Lai đã giảng trong suốt một đời ngài thì có năm tông là Luật, Giáo, Thiền, Mật và Tịnh. Năm tông này đều cùng hiển thị tam nghiệp thân - khẩu - ý, tam học giới - định - tuệ của đức Phật cũng như hết thảy tam-muội, vạn đức. Vì thế, chẳng thể đề cao hay hạ thấp, so sánh hơn kém được, hoặc chọn lọc, lấy bỏ được! Nhưng đối với sự tu tập của từng người học thì phải xét kỹ pháp nào khế hợp với căn tánh của chính mình để tu. Thâm nhập một môn so ra đỡ tốn sức hơn! Nhưng trong năm tông ấy, không tông nào chẳng lấy Luật làm căn bản, lấy Tịnh làm chỗ quy túc. Trong thời đức Phật tại thế đã như vậy, huống nay đang là thời đại mật pháp ư?

Do pháp môn Tịnh độ thông trên thấu dưới, thích hợp khắp ba căn, phạm thánh cùng nương về, trên là Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài được, dưới là tội nhân ngũ nghịch cũng có thể dự vào trong. Ấy là vì hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, nếu chưa đạt đến mức nghiệp tận tình không sẽ chẳng thể liễu sanh thoát tử. Còn pháp môn Tịnh độ kiêm cậy vào Phật lực, nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha thì sẽ có thể mang nghiệp vãng sanh. So sánh giữa hai pháp thì sự khó dễ khác biệt vời vợi một trời một vực! Xét đến duyên khởi của pháp này, quả thật là từ trong kinh Hoa Nghiêm. Do kinh chưa dạy rõ về nhân hạnh quả đức của Phật Di-đà, sự trang nghiêm thù thắng của Tịnh độ, sự tu nhân chứng quả của hành nhân nên nhiều người xem thường Tịnh độ, chẳng chịu đề xướng.

¹⁴⁸ Phương ngoại: Người xuất gia làm bạn với người thế tục thường tự xưng là “phương ngoại”, ngụ ý mình đã xa lánh cõi trần, không còn dính dấp vào thế tục nữa.

Xưa kia, lúc đức Như Lai mới thành Chánh giác, đã cùng các vị đại Bồ-tát trong Hoa Tạng thế giới hải hải đáp, nói ra các pháp nhân quả của Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác. Những vị dự hội đều là các vị Pháp thân đại sĩ đã phá vô minh, chứng pháp tánh thuộc 41 địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác. Tuy nói đến pháp môn Thập tín, nhưng địa vị Thập tín chưa phá vô minh, chưa chứng pháp tánh, nên chẳng thể dự hội được, huống là phàm phu, Nhị thừa ư? Cho đến hội cuối cùng, tức phẩm Nhập Pháp Giới, Thiện Tài sau khi viên mãn tâm Thập tín, nghe lời ngài Văn-thù dạy, liền tham học với khắp các tri thức.

Thoạt đầu, ở nơi tỳ-kheo Đức Vân nghe giảng pháp môn niệm Phật liền chứng Sơ trụ, trở thành Pháp thân đại sĩ. Từ đấy tham học khắp các tri thức, ở chỗ vị nào cũng có sở chứng. Cuối cùng đến chỗ Phổ Hiền Bồ-tát, được ngài Phổ Hiền khai thị và được sức oai thần của ngài Phổ Hiền gia bị, sở chứng bằng với Phổ Hiền và bằng với chư Phật, trở thành Đẳng giác Bồ-tát. Đức Phổ Hiền bèn nói kệ xưng tán công đức thù thắng nhiệm màu của Như Lai, khuyến khích Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương để nhất trí tiến hành hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhằm mong viên mãn Phật quả. Nhưng kinh Hoa Nghiêm trọn chẳng nói đến thệ nguyện của đức Di-đà và sự trang nghiêm trong Tịnh độ, cũng như nhân quả vãng sanh, bởi lẽ các vị Đại sĩ ấy đều đã biết rõ, không cần phải nhắc lại nữa.

Hơn nữa, kinh Hoa Nghiêm được dịch lần đầu dưới đời Tấn chỉ có 60 quyển; lần dịch kế tiếp là vào đời Đường nhằm thời Võ Tắc Thiên, gồm 80 quyển. Hai lần dịch này đều chưa trọn hết kinh văn, sau khi ngài Phổ Hiền nói kệ tán Phật, pháp hội chưa kết thúc mà kinh văn đã hết (Trước kia không có giấy, kinh ở Tây Vực đều chép trên lá cây bối-đa¹⁴⁹. Do vậy chẳng chép dễ dàng, hoặc có khi bị lược bớt. Hơn nữa, lá bối dùng dây khâu lại có thể bị lạc mất. Do vì lẽ này mà kinh văn chưa truyền trọn hết sang Trung Hoa. Nếu được đóng thành một quyển giống như kinh sách ngày nay thì không mắc khuyết điểm này).

Đến năm Trinh Nguyên 11 (799) đời Đường Đức Tông, quốc vương Ô-đô¹⁵⁰ tại Nam Thiên Trúc tiến cống toàn văn phẩm Nhập Bát Tư Nghị Giải Thoát Cảnh

¹⁴⁹ Bối-đa, gọi đủ là bối-đa-la (pattrā) là một loại thực vật có lá to, thường được dùng để chép kinh (thường gọi là kinh lá bối). Cây pattrā có tên khoa học là *laurus oassia*, gồm nhiều loại, loại cây có lá được dùng phổ biến nhất là cây đa-la (tāla). Cây đa-la thân cứng, lá dài, chất lá dày. Để chép kinh, người ta đem lá phơi khô, cắt thành từng miếng vuông vức, hai bên khoét lỗ để buộc dây khâu lại cho khỏi thất lạc, dùng kim trổ chữ trên lá rồi dùng mực bôi lên để hiện chữ.

¹⁵⁰ Ô-đô (Odra), đôi khi còn phiên là Ô-trà, là một vương quốc cổ ở Đông Ấn Độ, nay thuộc vùng Orissa. Sử Trung Hoa thường chép sai thành nước Ô-trành. Theo Đại Đường Tây Vực

Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, gồm 40 quyển. Ba mươi chín quyển đầu chính là phẩm Nhập Pháp Giới trong bản Hoa Nghiêm 80 quyển, nhưng văn nghĩa tường tận hơn. Quyển thứ 40 thì trong hai bản dịch đời Tấn và Đường đều không có, phần này chính là phần kinh văn nêu rõ sau khi ngài Phổ Hiền khen ngợi công đức của Phật xong bèn khuyến tấn vãng sanh Tây Phương. Khi ấy, quốc sư Thanh Lương cũng tham dự trong dịch trường, trước đây ngài đã sớm đích thân soạn số sao cho bản 80 quyển để lưu truyền, ngài bèn đặc biệt soạn riêng một bản số cho quyển kinh này để lưu truyền riêng. Ngài Khuê Phong viết lời sao để xiển dương rộng rãi thêm. Ngài lại soạn số cho toàn bộ kinh văn trong 40 quyển. Trải qua nhiều cuộc tang thương bị thất truyền đã lâu. Gần đây, bản số giải ấy được đưa từ Đông Doanh (Nhật Bản) về lại Trung Hoa.

Cho nên biết một quyển kinh này chính là phần quy túc của toàn bộ kinh Hoa Nghiêm. Trong Hoa Nghiêm thế giới hải¹⁵¹ có vô lượng vô biên cõi Tịnh độ, nhưng ắt phải lấy cầu sanh về Tây Phương làm hạnh để viên mãn Phật quả; đủ biết một pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương vốn bắt nguồn từ hội Hoa Nghiêm. Nhưng do phạm phu, Nhị thừa chẳng dự hội này, không cách chi vãng nhận được,

Ký, xứ ấy khí hậu ôn hòa, con người đáng vẻ khôi ngô, ham học, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, sùng phụng Phật giáo Đại thừa.

¹⁵¹ Kinh Hoa Nghiêm chia các cõi Phật thành hai thứ: Quốc độ hải và thế giới hải.

1. Quốc độ hải là cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn, là y báo để tự thể của chính đức Phật hưởng dụng trên Phật quả, tức là cảnh giới viên dung tự tại không cách nào hình dung được. Chỉ có mình đức Phật thấu hiểu, cảm nhận được, ai chưa thành Phật sẽ không cách nào nhận biết được.

2. Đối lập với quốc độ hải là thế giới hải, tức là các cảnh giới, cõi nước dành cho những đối tượng đức Phật giáo hóa. Do nhìn về phương diện chưa giác ngộ viên mãn sẽ có mười pháp giới nên thế giới hải còn gọi là *thập Phật niếp hóa chư thế giới chủng*, tức là cùng một cõi Phật, nhưng do trình độ chứng ngộ sai khác sẽ thấy khác nhau, cảm nhận khác nhau. Mức độ nhận thức về Phật trong mười pháp giới ấy khác nhau nên nhìn về mặt hình tướng dường như có đến quả vị Phật nơi mười pháp giới khác nhau. Vì thế, gọi là thập Phật. Thế giới hải lại được chia thành ba loại lớn:

a) Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm thế giới hải (còn gọi gọn là Liên Hoa Tạng thế giới, Hoa Tạng giới), là cảnh giới sở chứng của bậc Chứng nhập sanh, tuy có thể diễn nói được, nhưng cũng chỉ là hình dung đại lược đôi phần. Các hình tướng trong thế giới ấy trùng trùng duyên khởi vô cùng vô hạn giống như những hạt châu trong lưới Thiên để phản chiếu lẫn nhau.

b) Thập Chủng thế giới hải, gồm mười thứ ở ngoài tam thiên đại thiên thế giới, tức thế giới tánh, thế giới hải, thế giới luân, thế giới viên mãn, thế giới phân biệt, thế giới toàn, thế giới chuyển, thế giới liên hoa, thế giới tu-di, thế giới tướng. Tức là những cảnh giới được thấy bởi bậc Thập địa Bồ-tát.

c) Vô Lượng Tạp Loại thế giới hải, nói về hình trạng của các thế giới giống như núi Tu-di, như bánh xe, như sông ngòi, như lầu, đài v.v..

Nói chung, tùy theo mức độ chứng ngộ mà thấy đủ mọi loại thế giới, nhưng các thế giới ấy đều viên dung vô ngại. Do vậy, gọi chung là Hoa Nghiêm thế giới, tức là khu vực được giáo hóa bởi đức Tỳ-lô-giá-na.

cho nên trong hội Phương Đăng, đức Phật mới vì khắp hết thầy phàm phu, Nhị thừa và các Bồ-tát, tuyên nói kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh A-di-đà, khiến cho họ đều biết nhân hạnh quả đức của Phật Di-đà, sự trang nghiêm thù thắng của Tịnh độ, sự tu nhân chứng quả của hành nhân, ngõ hầu hết thầy phàm phu đầy đầy triển phược và hàng Nhị thừa đã đoạn kiến hoặc, tư hoặc cùng với bậc Pháp thân đại sĩ đã phá vô minh hoặc đều cùng thoát khỏi cõi ngũ trược này, sanh lên chín phẩm sen trong cõi kia ngay trong đời này để tấn tu dần dần mãi cho đến khi viên mãn Bồ-đề mới thôi.

Pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh độ lớn lao thay! Mười phương ba đời hết thầy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành thủy thành chung đều nhờ vào đây, dầu muốn tán dương trọn hết kiếp cũng chẳng thể cùng tận. Bạn tôi là Dật Nhân¹⁵² thường tụng kinh này, muốn in ra rộng rãi, Quang khuyên nên in toàn bộ Tịnh độ ngũ kinh để cho người ta hiểu rõ nguyên do của việc hồi hướng vãng sanh dạy trong kinh này, có vậy thì dù sự hay lý, dù nhân hay quả mỗi mỗi đều rõ ràng, trọn chẳng áy náy gì nữa. Do sư đã trót phát nguyện, cho nên in trước một vạn cuốn, sau đây sẽ chuyên in Tịnh độ ngũ kinh. Bởi vậy, tôi thuật bày duyên khởi của kinh này và Tịnh độ ngũ kinh như thế đó!

*(Ngày Rằm giữa xuân năm Bính Tý âm lịch,
tức năm Dân Quốc 25 - 1936)*

7. Lời tựa cho tác phẩm Hám Sơn Đại Sư Niên Phổ Sơ

Mạnh tử nói: “*Cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên hạ*” (Hễ còn nghèo cùng thì giữ cho riêng mình thiện, hễ hiển đạt thì sẽ làm cho thiên hạ cùng thiện), đây là lời luận định dựa theo pháp thế gian. Nếu luận theo Phật pháp, khi hiển đạt, cố nhiên nên làm cho người khác cùng được thiện, nhưng trong khi nghèo cùng vẫn có thể làm cho người khác được thiện. Nghiêm trì giới luật, đôn đốc luân thường, lấy thân làm gương để đốc thúc người khác, khiến cho hết thầy mọi loài đều nhìn theo bắt chước làm lành. Đợi khi cái tâm vui sướng hướng theo đã đầy lên rồi, bèn dạy cho họ biết sự lý “nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, tâm vốn là Phật nhưng phải do nhân duyên niệm Phật vãng sanh thì mới đích thân chứng được”. Phàm những kẻ hữu tâm, không ai chẳng vui vẻ thuận theo. Vì thế các bậc cao tăng đời trước đi đến đâu cũng thường có nhiều người quy y, so với sự giáo hóa cai trị của nhà vua còn tạo lợi ích sâu đậm hơn.

Vào cuối đời Minh, kỷ cương của vương triều suy đồi, đại thần không có quyền hành, những kẻ nắm quyền đều là bọn thái giám vô tri vô thức. Kẻ gian ác

¹⁵² Dật Nhân chính là biệt hiệu của hòa thượng Chân Đạt.

ý quyền làm chuyện tệ hại, kẻ mang ý nguyện chân thật thì thiếu tài trí để lập phương cách cứu vãn đến nỗi dân khốn đói, nước nguy ngập, hết cả thuốc chữa. Hám Sơn, Tử Bách, Liên Trì, Diệu Phong cùng xuất hiện trong thời ấy, ngầm giúp cho đạo bình trị, thậm cải thiện cuộc sống nhân dân rất lớn. Vì hoàng pháp, ngài Hám Sơn bị vu cáo, bị đày đi làm lính thú¹⁵³ ở Quảng Châu. Ngài đã cứu nhân dân đất Việt (Quảng Đông), giữ cho xã tắc tồn tại lâu dài vừa sâu vừa xa. Nếu ngài Hám Sơn chẳng bị đày đi làm lính thú ở Quảng Châu, dân Quảng châu đã sớm lâm vào cảnh hiểm, tạo thành mối lo cho nước nhà. Những chuyện như dẹp bỏ thuyền chặn xét thu thuế, dẹp yên sự nổi loạn của dân chúng, đem lại hòa bình cho Khâm Châu v.v. đều do sự khuyên nhủ một buổi mà giải quyết xong. Nếu chẳng phải là bậc thừa nguyện thì hiện giảng sanh cứu dân trong cơn nước lửa thì làm sao đạt được như thế? Các vị cư sĩ như Diệp Ngọc Phủ v.v. lập chùa Trạm Sơn ở Thanh Đảo, đây chính là chỗ ngài Hám Sơn do hoàng pháp mà bị vu báng. Nghĩ đến đức sâu của ngài Hám Sơn, bèn đặc biệt in bộ Niên Phổ Sớ, ngõ hầu sau này ai đọc đến sẽ đều nức lòng vậy!

8. Lời tựa cho tập sách Khuyên Giới Sát Phóng Sanh Văn

Sự tình sát sanh ăn thịt thê thảm lắm thay, lại còn di họa vừa sâu vừa xa! Con người và loài vật đều cùng bẩm thụ sự sanh thành trưởng dưỡng của trời đất mà sống, cùng được hưởng cái thân huyết nhục, cùng có tánh linh tri, cùng biết tham sống sợ chết, hướng lành tránh dữ, quyến thuộc đoàn tụ thì vui sướng, ly tán bèn đau xót, được ban ân thì cảm ơn, bị làm khổ thì ôm lòng oán hận, mỗi một điều đều giống như nhau. Hiềm rằng loài vật do sức ác nghiệp đời trước phải đọa làm súc sanh, hình thể khác biệt, miệng chẳng thể nói được. Lẽ ra con người phải thương chúng nó bị đọa lạc, mong cho chúng nó đều được sống yên vui. Sao lại nỡ lòng vì chúng nó hình dạng khác biệt, trí lực thấp kém, bèn xem chúng như thức ăn, cạy vào trí lực, tài lực của chính mình để vây bắt khiến chúng nó chịu nỗi khổ cùng cực “dao chặt, nung nấu” nhằm sướng miệng, thỏa bụng ta trong chốc lát vậy thay?

¹⁵³ Lính canh giữ biên phòng gọi là thú. Phạm tội bị đày ra biên cương làm lính canh thì gọi là “trích thú”. Do ngài Hám Sơn được Thái hậu nhà Minh đặc biệt tôn sùng, kính ngưỡng, cúng dường sự rất trọng hậu, Minh Thần Tông vốn hâm mộ Đạo giáo, lại bức bối vì Thái hậu đã dùng khá nhiều tiền để cúng dường Phật giáo cũng như hỗ trợ sự trong công cuộc hoàng pháp nên khi bọn đạo sĩ ở Lao Sơn vu cáo sư tu bổ chùa Hải Ấn đã chiếm đoạt đạo quán, vua liền thừa cơ khép tội sư lên lút tu bổ chùa, tự tiện xây dựng chùa Trạm Sơn, chiếm đoạt điền sản của đạo sĩ, đày sư đi làm lính thú ở Lôi Châu (Quảng Châu) vào năm Vạn Lịch 23 (1595). Trong suốt thời gian bị đi đày ở Quảng Đông, sư dùng thân phận tù nhân hoàng dương giáo pháp, đạo phong ảnh hưởng rất lớn. Mãi tới năm Vạn Lịch 42 (1614), Thái hậu mất, vua mới xuống chiếu cho sư được mặc lại tăng phục.

Kinh dạy: “Hết thấy những loài có mạng sống, không một loài nào chẳng yêu mến thọ mạng.” Cứ từ ta suy ra, ắt sẽ hiểu, đừng giết, đừng đánh đập. Ông Hoàng Sơn Cốc nói:

Thịt ta, thịt chúng sanh,
Tên khác, thể vốn đồng,
Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ thân xác khác nhau,
Khổ não bọn chúng chịu,
Béo ngọt ta hưởng riêng,
Chớ đợi Diêm vương xử,
Tự suy ắt biết mà!

Chỉ vì con người chẳng biết đặt mình vào hoàn cảnh ấy để xét lại, đến nỗi đem chuyện khổ sở cùng cực, thảm thiết cùng cực giáng xuống thân loài vật mà lòng vui sướng, tự bảo mình có phước, chẳng biết phước thọ đã vun bồi từ đời trước sẽ bởi đây mà dần dần bị tiêu diệt, trong vị lai sẽ đời đời phải hứng chịu những nỗi khổ độc chẳng có lúc nào xong. Nếu trong lúc sát sanh ăn thịt mà nghĩ đến chuyện này, dầu có kẻ đem cái chết uy hiếp buộc phải sát sanh ăn thịt, vẫn chẳng dám làm.

Trong niên hiệu Đồng Trị - Quang Tự nhà Thanh, tiên sinh Lương Kính Thúc ở Phước Châu đã soạn Khuyên Giới Lục, ghi chép những quả báo nhãn tiền do sát sanh. [Trong sách ấy có chép truyện] huyện lệnh Bồ Thành là ông X... kiêng sát sanh đã lâu, nhưng bà vợ tánh nết bạo ngược, hung hăng, lại tham ăn tục uống, hằng ngày lấy chuyện giết mổ chúng sanh làm điều khoái trá. Gặp ngày sinh nhật, sai đầu bếp chuẩn bị đầy đủ sẵn. Dưới bếp, lợn dê lủ khủ, gà ngỗng cả bày, vườn cỏ kêu ai oán, sẽ đều bị giết sạch. Ông ta trông thấy thương xót, bảo vợ: “Đúng hôm sinh nhật bà, chúng nó sẽ lâm vào tử địa, lẽ ra nên phóng sanh để cầu phước thọ.” Bà vợ trả treo: “Nếu tuân theo lời dạy, cấm nam nữ chung đụng, kiêng sát sanh thì mấy chục năm sau nhân loại tuyệt diệt, khắp thiên hạ đều là cầm thú. Ông đừng thốt lời lắm cảm ấy nữa, tôi chẳng bị kẻ khác gạt đâu!” Ông ta biết không thể khuyên răn được, thở dài bỏ đi.

Đêm hôm ấy bà vợ ngủ say, bất giác mộng thấy thân đi xuống bếp, thấy đầu bếp mài dao xoèn xoẹt, bọn tôi trai tớ gái đứng vây quanh xem. Chợt thấy hồn mình hợp làm một với thân lợn, gã đầu bếp trước hết trói chặt bốn vó lợn, đặt lên một cái ghế gỗ to, chẹn đầu lợn, cầm dao bén chọc vào yết hầu lợn, đau thấu tâm can. Lại nhúng vào nước sôi sùng sục, cạo lông khắp thân, đau khắp mình mẩy. Lại xẻ từ cổ xuống đến bụng, đau đớn cùng cực khó chịu đựng được. Hồn bèn

cùng với ruột gan tan nát, cảm thấy bồng bênh không nơi nương tựa. Một lúc lâu sau lại thấy gá vào thân dê, sợ hãi tột cùng, gào lên cuồng loạn, nhưng bọn tôi trai tớ gái vẫn ngây ngô cười hềnh hếch như thể không một đứa nào thấy nghe gì. Nỗi thảm do bị cắt xẻ nơi thân dê ấy còn gấp bội lần thân lợn. Rồi lại cắt cổ gà, mổ vịt, không con nào bị làm thịt mà bà ta chẳng đích thân hứng chịu nỗi khổ.

Mổ xẻ khắp loạt rồi, vừa mới hơi hoàn hồn thì một người đầy tớ già cầm một con cá chép vàng óng ánh đến, hôn bà ta lại nhập vào thân cá, nghe một đứa tớ gái vui vẻ hô: “Phu nhân khoái ăn món này lắm, bà ta đang ngủ say. Hãy mau giao cho nhà bếp làm món canh cá viên để làm món điểm tâm.” Liền có người cạo vảy, lột mật, chặt đầu, vạt đuôi. Khi cạo vảy thì giống như bị từng xẻo, khi cắt bỏ mật thì như bị mổ bụng. Rồi lại bị đặt lên thớt, phạm pháp băm vụn ra. Khi ấy, cứ mỗi nhát dao là một lần đau đớn, giống như đã hóa thành trăm ngàn vạn ức thân hứng chịu hình phạt lăng trì vậy. Tận hết sức hét lên như điên cuồng mới tỉnh ngủ, con hầu bé bước vào thưa: “Món cá viên đã nấu xong, mời phu nhân dùng điểm tâm.” Liền lập tức bảo bỏ đi. Hồi tưởng lại cảnh sợ hãi, mồ hôi đầm như mưa, do vậy dạn đầy tớ bãi bỏ tiệc tùng. Ông cất ván cặn kẽ, bà bèn thuật chuyện đầy đủ, ông cười nói: “Bà một mực không chịu tin Phật, nếu chẳng hứng chịu các nỗi khổ não, làm sao có thể buông dao đồ tể xuống được?” Bà vợ chỉ lắc đầu không nói. Từ đây thôi ăn mặn mà ăn chay cùng giữ giới kiêng sát sanh. Đây là chuyện trong niên hiệu Gia Khánh.

Hình thể giữa người và vật do tội hay phước mà sai khác, đã may mắn được làm người thì phải nên thương xót loài vật cùng mang cái thân máu thịt này, cùng có tánh linh tri này mà tìm cách cứu vớt, che chở để bọn chúng thoát lìa sự giết chóc thì người ấy đời đời sẽ được làm người. Nếu lại còn có thể tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì sẽ cựa vào sức từ tâm không giết ấy mà sẽ từ tạ Sa-bà mãi mãi, mau thoát nỗi khổ luân hồi, cao đăng An Dưỡng, vĩnh viễn hưởng niềm vui chân thường. Nếu coi loài vật là thức ăn rồi mặc tình tàn sát thì khi một hơi thở ra không hít vào được nữa, thần thức sẽ đọa trong loài ấy, dầu có hối cũng chẳng ích gì!

Hơn nữa, vị phu nhân được nhắc đến trong câu chuyện trên đây tánh tình tàn nhẫn hung ác, trọn chẳng thể đem tình lý khuyên nhủ được, nhưng do một đêm nằm mộng liền thôi ăn mặn mà ăn chay, kiêng giết, phóng sanh. Do vậy biết rằng con người và loài vật vốn không hai. Đời sống giống như giấc mộng, sự lý tương đồng. Nếu chẳng mau chóng sửa đổi tâm trước, khó khỏi hứng chịu quả báo sau này. Hễ sanh làm dị loại thì đời đời kiếp kiếp thường bị giết chóc, muốn lại được làm thân người, trọn chẳng có lúc nào. Vì thế sau khi nằm mộng bèn liền giác

ngộ. Do đích thân cảm nhận nỗi khổ thảm khốc, chỉ sợ đời sau phải chịu đựng lần nữa. Nhưng vị phu nhân ấy trong đời trước vốn có thiện căn lớn lao nên mới lấy được người chồng từ thiện, nhưng vì mê muội sâu nặng nên trải qua mấy chục năm hun đúc vẫn chẳng thể cảm hóa được bà ta. Nếu chẳng nằm mộng thấy như thế thì nỗi khổ trong tương lai sẽ chẳng thể nào nói được nổi.

Kính khuyên người đời ai nảy đều nghĩ đến điều này thì sẽ thấy hết thấy các thứ thịt giống như thịt của chính mình. Dầu bị uy hiếp, dùng cực hình không chế vẫn chẳng dám ăn, huống hồ chẳng bị ai sai khiến ư? Quan Đạo doãn xứ Côi Kê là Hoàng Hàm Chi bảm tánh nhân từ, ăn chay thờ Phật, do thấy gần đây thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra, nguyên do phần lớn là do sát sanh ăn thịt mà khởi. Do vậy, liền viết cuốn Khuyển Giới Sát Phóng Sanh Văn (văn khuyên kiêng giết, phóng sanh) bằng thể văn bạch thoại, cho đúc bản kẽm để lưu truyền nhằm mong độc giả đều cùng phát khởi tấm lòng trung hậu, khoan dung, trắc ẩn, không nghĩa nào chẳng rõ, không điều nghi chẳng cởi gỡ. Lại còn được pháp sư Đế Nhân thuộc chùa Quán Tông ước theo nghĩa “đồng thể duyên sanh” và ý chỉ của các kinh Phạm Võng, Lăng-nghiêm, Lăng-già v.v. để viết lời tựa, còn Quang thì dựa theo tình lý và những sự thực trong cõi đời gần đây để phụ họa thêm, ngõ hầu những ai biết yêu thương chính mình sẽ đều cùng yêu thương loài vật

(Mùa xuân năm Dân Quốc 13 - 1924)

9. Lời tựa quyển mộ lập hội Một Vạn Người Kết Duyên Cùng Sanh Tây Phương của chùa Kim Đài tại Đan Dương

Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi lục đạo trải kiếp lâu xa, không được cứu vớt, không chỗ quay về, chịu các thứ khổ sở, cay đắng không thể thoát khỏi. Do vậy, dấy lòng vô duyên từ, vận lòng đồng thể bi, thị hiện giảng sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, thuyết pháp 49 năm, giảng kinh hơn 300 hội. Trong thời gian ấy, do tùy theo căn cơ mà lập giáo sai khác, do duyên mà pháp khác biệt. Đại, Tiểu, Thiên, Viên, Quyền, Thật, Đốn, Tiệm, thấy đều thuận theo cơ duyên khiến cho mỗi căn cơ đều được lợi ích. Nhưng trong số ấy, tìm lấy một pháp thích hợp cả ba căn, thấu tóm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít mà đạt hiệu quả nhanh chóng, chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào hải hội, nhất định ra khỏi luân hồi ngay trong một đời này thì không gì thù thắng siêu tuyệt bằng “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương”. Vì thế các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v., các vị đại Bồ-tát như Văn-thù, Phổ Hiền v.v., các vị đại tổ sư như Mã Minh, Long Thọ v.v., đều cùng cực lực tán thán, khuyên khắp hết thấy mọi người tu trì.

Tới khi đại giáo được truyền sang Đông, đại sư Viễn công ẩn cư tại Lô Sơn, sáng lập liên xã, hoằng dương, lưu truyền rộng rãi pháp này. Lúc kết xã lần đầu tiên, cao tăng, đại Nho dự hội gồm 123 vị. Nếu tính suốt đời ngài, trong ba mươi mấy năm, những người tham dự liên xã niệm danh hiệu Phật, được tiếp dẫn vãng sanh nhiều khôn kể xiết. Từ đây về sau, đời nào cũng có cao nhân hoằng dương Liên tông, hướng dẫn làm lợi hàm thức. Trong thời hai vua Tống Thái Tông và Tống Chân Tông, pháp sư Tịnh Thường trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ, tỉnh Chiết Giang, hâm mộ di phong Lô Sơn, kết liên xã Tịnh Hạnh. Văn Chánh Công Vương Đán là người quy y đầu tiên, trở thành người xướng suất hướng dẫn. Phạm là những vị quan to, hạng quyền thế, học sĩ đại phu xưng là đệ tử dự vào liên xã cũng được một trăm hai mươi mấy vị, hàng sa-môn lên đến mấy ngàn, còn thường dân khó lòng kể xiết.

Sau này có Lộ Công Văn Ngạn Bác làm quan trải bốn đời vua Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông nhà Tống ra vào làm quan, làm tướng năm mươi mấy năm, làm quan đến chức Thái sư, được phong là Lộ Quốc Công, bình sinh dốc lòng tin tưởng Phật pháp. Tuổi già càng dốc sức hướng về đạo, chuyên tâm niệm Phật chưa từng lười nhác chút nào, cùng pháp sư Tịnh Nghiêm ở kinh đô lập hội mười vạn người cầu sanh Tịnh độ. Trong thời ấy, đa số hàng sĩ đại phu được ông giáo hóa; ông thọ đến 92 tuổi, niệm Phật qua đời. Ông có làm một bài tụng như sau:

*Tri quân đảm khí đại như thiên,
Nguyện kết Tây Phương thập vạn duyên,
Bất vị tự thân cầu kế hoạt,
Đại gia tể thượng độ đầu thuyền.*

(Biết anh gan lớn bằng trời,
Tây Phương xin hãy kết mười vạn duyên,
Chẳng nhằm tính kế sống riêng,
Mọi người đều đã bước lên đầu thuyền.)

Chùa Kim Đài là chốn thù thắng ở Đan Dương, là đạo tràng Tịnh độ. Thoạt đầu là đạo quán¹⁵⁴, chính là chỗ Thâm Mẫu¹⁵⁵ đời Tấn tu luyện bay lên vậy. Đến

¹⁵⁴ Đạo quán: Miếu thờ và đạo tràng tu tập của đạo sĩ, còn gọi là đạo viện.

¹⁵⁵ Thâm Mẫu tức Thâm Anh, là người nước Ngô thời Tam Quốc. Theo Thái Thượng Linh Bảo Tịnh Minh Tông Giáo Lục, Thâm Mẫu vốn là người xứ Hoàng Đường, quận Đan Dương, tu tiên, tóc bạc phơ, mặt như trẻ thơ, răng tóc không rụng, nên người đời gọi là Anh Mỗ (bà cụ già có vẻ mặt như trẻ con), dân gian liền đồn đại bà ta đã đắc đạo. Sách Thanh Vi Tiên Phổ ghi: “Thượng Thanh Nguyên Quân Tây Hóa Thánh Mẫu, còn có hiệu là Linh Bảo Tịnh Minh Hoàng Tổ Thiên Tôn, chính là nữ chân nhân Thâm Mẫu vậy, được bậc cao tiên cõi trời Thượng Thanh

đời Tống đổi tên thành Tiên Đài Quán. Từ đời Tống đến đời Thanh có lúc hưng, lúc suy khác nhau. Trong niên hiệu Hàm Phong, bị đốt trụi trong chiến tranh, trở thành khoảng đất trống. Đến giữa niên hiệu Đồng Trị, đại sư Bảo Lâm và bốn người cùng chí hướng vân du đến nơi đây bèn kết lều tranh để ở, dần dần lập liên xã, tiếp đãi người lui tới tu tập. Đến năm Quang Tự 23 (1897), xây dựng đại điện. Do vậy điện đường, liêu xá mới hơi hoàn bị, kham làm nơi cho tăng chúng an trụ tu hành; tông chỉ của họ là chuyên tu tịnh nghiệp cầu lên thượng phẩm, vì thế đặt tên chùa là Kim Đài (đài vàng).

Năm Dân Quốc thứ năm (1926) đặc biệt lập ra quy ước, vĩnh viễn biến chùa thành thập phương thường trụ, sai pháp đồ là Huệ Môn, Tâm An, Học Tài, Bồi Căn v.v. nối tiếp làm trụ trì. Học trò sư là Phổ Đạo, sau khi xuất gia, tham yết khắp các danh sơn, đến tận Ấn Độ. Phàm những nơi thánh tích rành rành của đức Thích-ca đều đến lễ bái, gặp gỡ cao nhân thật nhiều. Lúc trở về thỉnh được một bức tượng Phật bằng ngọc, mấy viên chân thân xá-lợi của Như Lai, đáng gọi là “mộ đạo, trọng pháp”, chẳng sợ gian nan, cay đắng.

Trụ trì hiện thời là Bồi Căn, muốn lập mấy gian niệm Phật đường để làm chỗ tinh tấn tu trì tịnh nghiệp quanh năm. Lại lo chùa không có tài sản cố định, sau này sẽ khó lòng duy trì vĩnh viễn, cũng như muốn cho khắp những ai hữu duyên đều được thâm nhuần pháp lợi, thẹn chẳng có đạo phong như Lô Sơn, Chiêu Khánh, lại chẳng có sức của một vị thầy nghiêm túc như Lộ Công. Do vậy bèn châm chước, lập ra hội Một Vạn Người Kết Duyên. Phàm những ai gia nhập hội đều bỏ ra một đồng, dùng công đức của một vạn người để tậu hết ruộng đất, lấy hoa lợi thu được hằng năm để cung cấp chi phí cơm áo cho các vị sư niệm Phật, ngõ hầu có cái vốn để tu trì, hành đạo không bị trở ngại, suốt đời quy mạng, dốc lòng thành cho đến hết báo thân, thoát Sa-bà, sanh về Cực Lạc, vượt dòng phàm, dự vào hội thánh, đều do một vạn người thành tựu.

Chế ra một tấm bảng hình hoa sen ghi tên hết những người bỏ tiền ra, treo hai bên vách của niệm Phật đường để mong họ vĩnh viễn được hưởng Phật quang, thường nghe Phật hiệu. Do Phật lực, pháp lực, sức tu trì cầu nguyện khẩn thiết của chúng tăng mà trong đời hiện tại tội chướng sẽ ngầm tiêu, các duyên thuận thảo, thích hợp, sẽ hưởng năm điều phước như Cơ Tử đã luận, trọn đủ tam đa như người được sắc phong ở đất Hoa đã chúc tụng¹⁵⁶. Lâm chung sẽ được Phật tiếp

truyền cho ba chương Thượng Minh Ngọc Thư, ngâm tu đạo màu, cảm được ngọc phù (ấn bùa bằng ngọc), sanh lên cung Tây Hóa Tịnh Quang trên cõi trời.”

¹⁵⁶ Tam đa là đa phước, đa thọ, đa tử (nhiều phước, lắm thọ, đông con cháu). Đây là một điển tích thường được biết đến bằng từ ngữ “Hoa phong tam chúc”. Điển tích này xuất phát từ đoạn văn sau đây trong thiên Thiên Địa sách Trang Tử: “*Nghiêu quán vu Hoa, Hoa phong nhân đối:*

dẫn vãng sanh Tây Phương, già biệt tám sự khổ trong nhân gian, lìa năm thứ suy trong đường trời¹⁵⁷. Từ đây thường hầu Phật Di-đà, hằng dự vào hải chúng, nghe viên âm mau thấu hiểu tự tánh, thấy diệu cảnh triệt chứng duy tâm. Niềm vui ấy chẳng thể nào ví dụ được! Những người giúp cho kẻ khác được thành tựu bằng cách bỏ ra một bữa ăn của chính mình để giúp cho người khác thành tựu sẽ hưởng quả báo đến tận đời vị lai trọn chẳng có lúc nào hết. Có ai muốn siêu độ tiên vong và tự cầu vãng sanh thì xin hãy ghi phương danh, cùng đăng tên trên bảng sen.

10. Lời tựa cho lưu thông bộ Phật giáo Tịnh nghiệp xã (bộ phận phát hành kinh sách của Phật giáo Tịnh nghiệp xã)

Phật pháp là đèn đuốc cho đêm dài vô minh, là thuyền bè trong biển khổ sanh tử. Giữ thân xử thế, mong thành thánh thành hiền, cùng lý tận tánh, liễu sanh thoát tử, không gì chẳng được Phật pháp giúp cho thành tựu từ đầu cho đến cuối. Ấy là vì đức Như Lai thuyết pháp tùy thuận căn cơ của chúng sanh, đối với kẻ căn cơ nông cạn thì ngài dạy giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thâm nhập sâu dần ắt sẽ có thể đạt đến mức tam nghiệp thanh tịnh, nhất tâm viên minh; đối với kẻ căn cơ sâu thì ngài liền giảng diệu lý tâm tánh khiến cho họ lập tức ngộ nhập, nhưng công phu tu trì vẫn chẳng rời những chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận v.v.. Đây gọi là: “Pháp không cạn sâu, cạn hay sâu do người. Người căn tánh viên đôn nhận lãnh pháp thì không pháp nào chẳng viên.”

Những kẻ chỉ chú trọng bàn nói điều huyền lẽ diệu, miệt thị sự tướng nhân quả và pháp môn niệm Phật đều là vì chưa thể thấu hiểu căn cơ: Đức Như Lai chứng đắc triệt đề tâm tánh, thành đạo Bồ-đề đều do trải bao kiếp tu các điều lành, tích công lũy đức mà ra! Muốn chứng tâm tánh để thành giác đạo, nếu chẳng thực hiện từ “giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng

‘Thỉnh chúc thánh nhân, sử thánh nhân phú, sử thánh nhân thủ thọ, sử thánh nhân đa nam tử’ (Vua Nghiêu đến thăm đất Hoa, người được sắc phong ở đất Hoa thưa: ‘Xin chúc thánh nhân, mong cho thánh nhân giàu có, mong cho thánh nhân sống thọ, mong cho thánh nhân nhiều con trai).

¹⁵⁷ Ngũ suy: Năm tướng trạng hoặc dấu hiệu chứng tỏ một vị trời sắp hết tuổi thọ. Nếu nói chi tiết thì theo như kinh Tăng Nhất A-hàm, quyển 24, có hai loại:

1. Tướng đại ngũ suy gồm y phục dơ bẩn (y phục chư thiên luôn thơm sạch, sáng láng, lúc tuổi thọ sắp hết tự nhiên sanh dơ bẩn), hoa trên mão tự nhiên bị héo, dưới nách toát mồ hôi, thân thể bốc mùi hôi hám, chẳng còn ưa thích tòa ngồi của chính mình.

2. Tướng tiểu ngũ suy: Tiếng nhạc không còn trỗi lên (do phước báo, cõi trời thường tấu âm nhạc, nhưng đến lúc một vị trời sắp hết thọ mạng, tự nhiên không còn nghe thấy tiếng nhạc), ánh sáng nơi thân bị tắt mất, nước tắm dính vào thân, sanh lòng tham đắm vào cảnh bên ngoài không buông bỏ được, mắt chớp lia lịa.

làm các điều ác, vâng giữ các điều lành” thì có khác nào chim không cánh lại muốn bay, cây không rễ lại muốn sum suê đó ư?

Quang lam dự vào tăng chúng đã 50 năm, chẳng có ích gì thể gian lẫn xuất thể gian, thường nghĩ thể đạo, nhân tâm ngày càng đi xuống, tính lưu thông thiện thư và những sách Phật đơn giản, gần gũi để mong văn hồi. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), bèn khắc in An Sĩ Toàn Thư. Sách này dựa ngay trên nhân quả trong thể gian để làm sáng tỏ chân lý của đạo Nho, đạo Thích, người trí đọc đến sẽ lên thẳng bờ giác, kẻ ngu xem tới cũng thoát đường mê. Đến năm Dân Quốc thứ mười (1921), có người bạn khuyên nên in theo dạng rút nhỏ để lưu truyền khắp cả nước; nhưng do người hèn kém, đức mỏng manh, chỉ quyên mộ in được năm sáu vạn bộ. Sau đây lại có người tiếp tục in ra, cũng được năm sáu vạn bộ. Ấn Quang Văn Sao cũng in mấy vạn.

Ngoài ra những loại sách chỉ có một cuốn thì cũng có tới mười mấy thứ tùy duyên in ra để biếu tặng. Cuốn Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú của ông Hoàng Hàm Chi đã in mấy vạn bản. Tâm Kinh và Triêu Mộ Công Khóa Bạch Thoại Chú (chú giải khóa tụng sáng tối bằng thể văn bạch thoại) cũng là những sách được người học Phật thích xem. Cuốn Quán Âm Bồ Tát Tụng của Hứa Chỉ Tịnh đã in được tám vạn bản. Lịch Sử Cảm Ứng Thông Kỳ đã in sáu vạn bản. Về sau này, bộ sách này sẽ được in ra đến mấy chục trăm vạn bản, quả thật là một bộ sách sẽ tạo căn cứ lớn lao cho sự văn hồi thể đạo nhân tâm. Các loại sách ấy đều có lưu lại chỉ bản, hoặc hai ba bốn bức khác nhau, để mong sau này sẽ được tiếp tục in. Quang già rồi, muốn diệt tung tích, ẩn nấu lâu dài để đợi lúc lâm chung, nhưng các vị Vương Nhất Đình, Thí Tịnh Chi, Nhiếp Vân Đài, Trầm Tinh Thúc, Quan Quýnh Chi, Hoàng Hàm Chi v.v. và thầy Minh Đạo bàn định thiết lập bộ phận lưu thông trong Tịnh nghiệp xã, cử một hai vị chân tâm thật hạnh, tự lợi lợi tha để lo liệu chuyện ấn hành, biếu tặng, vậy thì kinh sách sẽ được cuộn cuộn nối tiếp lưu thông không ngớt.

Trừ những loại sách này ra, nếu có những sách nào hợp căn cơ ích lợi cho cõi đời cũng sẽ sắp chữ, ấn loát, lưu thông, chỉ không chấp nhận những thứ sách thu thập tràn lan, tà chánh xen tạp v.v., đến nỗi hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh nghi ngờ, lầm lạc, ngộ hầu hết thấy những người cùng hàng trong hiện tại và vị lai đều cùng mở mang chánh kiến, đều cùng gọi ân Phật. Từ đây biết nhân quả, cẩn thận đối với tội phước, dứt cạnh tranh, đề cao lễ nghĩa, nhân nhượng, thay đổi phong tục, cõi đời sẽ lại được giống như thuở Đường Ngu, vật sung túc, dân bình yên, tự cùng hưởng thái bình nào có khó chi?

11. Lời tựa cho tờ niên san số thứ hai của Phật giáo Tịnh nghiệp xã ở Vô Tích

Hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng ra ngoài nhân quả, có kẻ chẳng tin chê là mờ mịt, chẳng thể truy cứu, nên thành ra bỏ thiện nhân, thiện quả, để chọn lấy ác nhân, ác quả. Bởi lẽ, tin nhân quả thì sẽ dè dặt, kính sợ, răn dè, cẩn thận ngay trong những nơi không ai thấy được, kiêng nể ngay trong chỗ không ai nghe được, tu sửa đức mình. Không tin nhân quả thì sẽ phóng túng, tà vạy, xa xỉ, trợn chẳng kính sợ mạng trời, khinh miệt ngôn giáo của thánh hiền, buông tuồng không nề nang. Vì thế kinh Thư nói: *“Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương”* (Làm lành thì trăm điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành thì trăm nỗi tai ương giáng xuống). Kinh Dịch chép: *“Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương”* (Nhà chất chứa điều lành ắt sự vui có thừa, nhà chất chứa chuyện chẳng lành ắt tai ương có thừa). Gia đình hưng thịnh hay suy sụp, đất nước bình yên hay loạn lạc không gì chẳng do vì lẽ này gây nên.

Vì thế Khổng tử muốn làm sáng tỏ minh đức phải lấy “cách vật” (trừ khử vật dục) làm gốc. “Vật” (物) là gì? Chính là những thứ tư dục chẳng hợp lẽ trong tự tâm. “Cách” (格) là gì? Như người mạnh mẽ chiến đấu với giặc, ắt mong sao tư dục phải tháo chạy ra xa. Tư dục trong tự tâm đã bị trừ khử rồi thì chánh tri sẵn có sẽ tự hiển lộ, đúng đúng sai sai đều rõ ràng, ý thành, tâm chánh, thân tu. Như vậy thì “cách vật” chính là căn bản để “làm sáng tỏ minh đức”. Đã có thể trừ khử món vật tư dục thì trọn chẳng đến nỗi có những tri kiến tà vạy, sai bậy không hợp lý. Do vậy sẽ tấn tu không ngừng, muốn chẳng đạt đến địa vị thánh hiền cũng không thể được! Tiếc cho cõi đời phần nhiều chẳng suy xét lẽ này, đều coi việc thúc đẩy tri thức của chính mình đến mức cùng cực nhằm thấu hiểu cùng tận nguyên lý của mọi sự vật trong thiên hạ là “trí tri cách vật”. Đây là coi cành nhánh như cội gốc, coi cội gốc là cành nhánh, mất mát lớn lắm!

Chỉ vì thánh mất niệm mà thành cuồng, do cuồng khắc chế được ý niệm mà thành thánh. Bước đầu tiên chỉ là có “cách vật” được hay không mà thôi! Hễ “cách vật” được thì sẽ cao đẳng địa vị thánh hiền, chẳng “cách vật” được thì sẽ rớt vào loài cầm thú. Người học Phật tu giới định tuệ, đoạn tham sân si, cũng chính là thể hiện ý “cách vật trí tri” vậy. Ất phải giữ vện luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để dốc sức tu thiện pháp thế gian; lại hằng ngày còn thương xung niệm vạn đức hồng danh của A-di-đà Phật thì lâu ngày chầy tháng sẽ hợp với khí phận của

Phật, khi còn sống sẽ tự giống như bậc hiền thánh, lúc mất liền sanh về cõi nước Như Lai.

Ông Viên Lê Đình ở Vô Tích xưa kia là một gã nông cuồng, do nghe Phật pháp, biết nhân quả báo ứng đều do tự tâm cảm vời, muốn bỏ ác quả để tận lực tu thiện nhân. Do thấy chính mình may mắn đã được biết tới những điều trên đây, bèn thương xót những kẻ khác chưa ngộ, liền tập hợp những người cùng chí hướng, lập ra Tịnh nghiệp xã. Phàm những ai gia nhập đều tùy theo khả năng của chính mình mà sốt sắng hành điều lành thế gian để mong chẳng phụ bạc cái đạo làm người, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, ăn chay, niệm Phật, ngõ hầu cùng sanh về cõi Cực Lạc. Nay đã hơn ba năm rồi, đem những ý nghĩa trọng yếu đã được đề xướng trong liên xã, những hành trạng tu trì của đại chúng trong liên xã và những lợi ích đạt được, cũng như những sự nghiệp đã thực hiện, những kinh phí đã dùng trong hai năm gần đây nhất, mỗi mỗi đều ghi chép đầy đủ kể từ ngày thành lập đến nay để tạo thành tờ niên san kỳ thứ hai. Ông Viên muốn đem in ra, yêu cầu tôi viết lời tựa. Do vậy bèn lược thuật đại ý của nhân quả, cách vật trí tri để trình bày. Đối với nguyên do của sự tu trì tịnh nghiệp thì đã có những kinh luận và trước thuật Tịnh độ nên không cần phải nhắc đến ở đây.

12. Lời tựa cho Hoằng Hóa Nhật Ký

Chuyện trong thiên hạ lúc thoát đầu đều do một hai người phát khởi; rồi cuộc một người xướng, trăm người họa, cỏ rạp theo gió đùa. Huống chi đại pháp của đức Như Lai chính là đạo sẵn có trong cái tâm của chúng sanh, nhưng do mê chưa ngộ nên ai nấy đều tự trái nghịch. Một mai có bậc tiên giác bảo ban, sẽ như đến trước gương báu đích thân thấy được diện mục sẵn có của chính mình, mới biết từ trước tới nay luôn là kẻ chẳng tự biết. Do vậy buồn vui chen lẫn, tâm tình bồi hồi, đem những điều mình đã biết thừa khắp với những kẻ cùng hàng, nguyện cho khắp mọi người cùng chứng được Phật tánh sẵn có để thoát khỏi luân hồi huyền vọng, ngõ hầu chẳng phụ danh xưng con người sánh cùng trời đất thành ba ngôi, sẵn có cái tâm bình đẳng không hai với Như Lai.

Từ khi đại pháp được truyền sang phương Đông, những bậc vua thánh tôi hiền các đời đa số đều hộ trì, lưu thông. Trong số ấy có một hai tên vua bạo ngược, dâm kẻ sĩ thiên chấp làm lạc hủy diệt, hoặc chê bai xằng bậy, như ngựa mất nhốt lên trời, gươm tay che mặt trời, trợn chẳng gây tổn hại gì cho bầu trời hay mặt trời được, chỉ khiến cho bọn vô tri bất chước tạo nghiệp và bậc có trí sanh lòng thương xót sâu xa! Những nhà Nho đời sau chưa hề đọc kinh Phật, thường dựa theo những lời lẽ của bọn Hàn - Âu - Trình - Chu xúm nhau gièm báng, chẳng biết họ Hàn, họ Âu trợn chẳng hiểu gì về Phật pháp mà cứ xằng bậy chê bai những hình tích

khác với thế gian. Bọn Trình - Chu do tri kiến môn đình quá nặng, ngấm ngấm sùng phụng Phật pháp, nhưng mặt ngoài chống trái, muốn cho thiên hạ đời sau đều tưởng bọn họ đã đích thân chứng đắc tâm pháp của thánh nhân, nên thường thốt ra những lời “bịt tai trộm linh” để ngăn lấp kẻ hậu học khiến họ không học theo Phật pháp được. Nếu là kẻ tầm thường kém cỏi, ắt sẽ suốt đời chẳng thể được nhuần gội pháp trạch của Phật, hiểu biết tự tâm. Nếu là bậc đặc biệt thông đạt thì thoát đầu bị những thuyết ấy mê hoặc, rốt cuộc ắt sẽ tin nhận Phật giáo. Như các vị Trương Quý Trục, Sa Kiện An v.v. trong đời gần đây đều đọc kỹ cang kinh Phật, thấu hiểu sâu xa lý ấy, dùng kinh để làm chứng, dùng tâm để ấn, chẳng bị chướng ngại bởi những lời ngăn chặn của bọn chúng, tiến thẳng đến pháp bình đẳng, đại đạo Bồ-đề không có cao thấp ấy của đức Như Lai.

Cư sĩ Giang Dịch Viên ở Vụ Nguyên, tỉnh An Huy, phẩm đức lẫn học vấn đều ưu tú, chí hạnh cao thượng, đảm nhiệm vai trò giáo chức đã lâu, tận tâm giảng dạy. Do quá sức mệt nhọc nên trong năm Dân Quốc thứ 10 (1921) bèn ngã bệnh nặng, các thầy thuốc ở Thượng Hải đều không chữa trị được. Ông ta vốn chẳng tin tưởng chút nào vào Phật pháp, một người bạn thương ông ta bệnh khổ, khuyên ông ta hãy ăn chay niệm Phật và niệm kinh Kim Cang, lược thuật lợi ích do niệm Phật, niệm kinh. Dịch Viên tin nhận, vâng làm, chẳng thuốc men gì mà bệnh tự lành. Cảm kích tột bậc, lắng lòng nghiên cứu mới biết Phật là đại thánh nhân, giáo pháp của ngài có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Từ đây mới biết tâm pháp của thánh nhân Nho giáo phần nhiều đã bị vùi lấp bởi những thứ văn tự mang nặng tánh chất tri kiến môn đình của tiên Nho, liền chọn lấy pháp môn Tịnh độ là pháp “thực hiện dễ, thành công cao” để cực lực đề xướng trong làng. Do pháp này thích hợp khắp ba căn, dạy cho ai nấy đều giữ vẹn luân thường, đều trọn hết bốn phận, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Vì thế được hết thảy mọi người tin tưởng.

Ba bốn năm qua, người sanh lòng tin niệm Phật rất đông. Có người mắt đã lòa lại được sáng, có kẻ bệnh ngặt liền lành, có người biết trước lúc mất, ngời niệm Phật qua đời. Năm trước Vụ Nguyên bị hạn hán, kỳ đảo không linh nghiệm, ông ta bèn suất lãnh mọi người niệm Phật, mưa ngọt liền trút xuống. Do vậy, bèn lập Phật Quang Xã nhằm tuyên truyền xa gần. Người cùng ấp là Trình Tiểu Bằng, sáng suốt mãi tiếp, chuyên dốc thành thật, là giáo viên, rất ngưỡng mộ học thức và phẩm hạnh của Dịch Viên, nhưng hơi nghi ngờ sự tu trì gần đây của ông ta, chẳng biết ông Giang có bị trở thành mê tín hay không, hay là chân chánh thấy được đạo cả, do vậy liền tìm đến thân cận để giải quyết lòng ngờ.

Ông ta được Dịch Viên gần là lấy chính bản thân mình, xa là lấy muôn loài, chứng bằng kinh, ấn bằng tâm, chẳng tiếc sức thừa, uyển chuyển dạy dỗ. Ông Trình liền giống như được nhuần thấm bởi mưa đúng thời, như ngồi hưởng gió xuân, bèn dốc trọn lòng nghiên cứu, cực lực khuyến hóa. Từ Vụ Nguyên đến Hưu Ninh, cho tới Hấp Huyện, Y Huyện, cho đến Kỳ Môn, thăm viếng khắp những vị cao minh, thông đạt, sẵn lòng tin tưởng, hướng về Phật pháp để lần lượt khuyến dạy. Sau thời gian hơn nửa năm đã giới thiệu hơn 400 người tham dự Phật Quang Xã. Phàm với những nơi đi qua, những người gặp gỡ, những cảnh ngộ từng trải, gặp phải chiến tranh hay không, những chuyện phát khởi lòng tin chân thật tu trì và những lời vấn đáp giữa đôi bên, sự xướng họa giữa chủ và khách, đều chọn lấy những điều trọng yếu để ghi chép đại lược, đặt tên là Hoằng Hóa Nhật Ký.

Bản ghi chép này bắt quá tùy nơi chốn, tùy duyên mà ghi chép những điều thấy nghe, tuyên nói, để mong báo cáo với Dịch Viên nhằm chứng tỏ tấm lòng vui sướng, thật sự tin phục, tận lực hoằng hóa đạo này cũng như tình cảnh: Do “con người có cùng tâm này, tâm cùng một lý này” nên vừa đề xướng đều sanh lòng chánh tín tu trì mà thôi. Thoạt đầu, ông ta không có ý định truyền bá để mong xa gần đều biết tới. Dịch Viên đọc xong, vui mừng vì thấy ông ta vừa mới nghe Phật pháp liền có được nhiệt tâm, nghị lực ấy. Các nơi trong tỉnh An Huy phong khí Tịnh độ chưa được mở mang, thế mà Tiểu Bàng xướng suất, hướng dẫn trong vòng nửa năm đã khiến cho đa số người đời sanh lòng chánh tín, tu trì tịnh nghiệp. Nếu chẳng phải ai nấy sẵn có Phật tánh, từng được thọ ân Phật từ đời trước, làm sao có thể đạt được như vậy? Do đó bèn viết lời tựa, giao phó cho thợ in khắc ván để truyền bá bốn phương nhằm mong tạo thành một căn cứ hòng cứu vãn thế đạo nhân tâm. Bất Huệ cùng Dịch Viên giao du thuận thảo, cũng như được mang tiếng kè là một thành viên của Phật Quang Xã, nên cũng gắng soạn một bài tựa để giải bày nỗi lòng ngu thành của tôi, mong người thấy nghe đều cùng sanh lòng chánh tín, cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh độ, cùng thành Phật đạo đó thôi!

13. Lời tựa cho sách Gia Đình Bảo Giám

Xem khắp cỏ kim, dù nhà hay nước, hưng thịnh, suy vong, bình yên, loạn lạc, chưa bao giờ chẳng lấy cái thân của cá nhân đang cầm quyền để làm cội gốc. Vì thế nói: “Cái gốc của thiên hạ là đất nước, cái gốc đất nước là gia đình, cái gốc của gia đình là thân.” Nhưng muốn nước nhà quật khởi, hưng thịnh, lại cần phải biết cái gốc để lập thân. “Cội gốc để lập thân” như tôi vừa nhắc đến chính là “dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đôn đốc luân thường, tin sâu nhân quả, dè dặt kiêng sợ, chỉ sợ trái vọt”.

Làm được như thế thì sẽ có thể tỏa rạng được minh đức, ở yên nơi cảnh giới tốt đẹp tột cùng.

Lý ấy sự ấy, phàm những ai có hiểu biết đều có thể thực hiện được; nhưng chẳng phải là lạ lùng, đặc biệt, huyền diệu đến nỗi muốn cầu mà không được. Bởi lẽ đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là hiểu để mà thôi. Chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh. Thất phu thất phụ nếu thực hiện được như thế thì gần là con cái và anh em trai, chị em gái, chị em dâu đều cùng nhìn theo bắt chước nhau làm lành. Lâu ngày, phong thái ấy sẽ lan ra cả làng, cả ấp. Do vậy, kinh Thi khen ngợi Văn Vương là “*hình ư quả thê, chí ư huynh đệ, dĩ ngự ư gia bang*” (làm gương cho vợ của chính mình, rồi đến anh em, cho đến khắp cả nước nhà) chính là do ý nghĩa này.

Nhưng thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Bởi lẽ, gia đình chính là nơi phát sanh hiền tài trong thiên hạ; cha mẹ chính là những người để bậc hiền tài trong trời đất noi gương. Giáo dục trong gia đình nghiêm ngặt, chánh đáng thì những đứa con có thiên tư sẽ có thể tỏa rạng minh đức, ở yên nơi tốt lành tột cùng, hễ cùng quần thì riêng mình thiện mà cũng nêu gương trong làng, trong ấp, hễ hiền đạt bèn làm cho cả thiên hạ cùng được thiện, lập đại công, dựng đại nghiệp, ân trùm hoàn vũ, thấm nhuần không ngần mé. Con gái thì giúp chồng dạy con, giữ vững chức phận phụ nữ, làm bậc mẫu nghi trong chôn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới. Lệ trạch¹⁵⁸ tạo lợi ích cho lẫn nhau như thế, đức đẹp càng tỏa rạng; há chẳng thể nào thuần phong mỹ tục, thiên hạ thái bình ư?

Những điều vừa nói trên đây chính là luận theo phía những kẻ có thiên tư thượng đẳng. Dầu những kẻ thiên tư thuộc loại trung hạ cũng biết tôn kính lễ nghĩa, vâng giữ phép tắc, biết giữ yên bốn phận, quyết chẳng đến nỗi trở thành hạng ương bướng, hèn hạ, chống đối. Trong cõi đời, muốn cho gia đình lẫn đất nước được quật khởi hưng thịnh, thì cố nhiên phải nên chú trọng nơi đường lối giáo dục trong gia đình. Một người bạn tôi sẵn lòng lo toan cho đời, đau đớn nghĩ thiên tai nhân họa thường xuyên giáng xuống, nhân dân khốn khổ chẳng thể kêu gào nơi đâu, bèn đem mười thiên giáo huấn về vâng giữ luân thường, vốn là của báu gia truyền của nhà ông Thạch Thành Kim và tác phẩm Chu Tử Gia Huấn Giải

¹⁵⁸ Lệ trạch (麗澤): Giúp đỡ lẫn nhau, dồi mài lẫn nhau. Từ ngữ này vốn phát xuất từ một câu trích từ phần giải thích ý nghĩa quẻ Đoài trong chương Tượng Truyện của sách Chu Dịch: “Lệ trạch, Đoài, quân tử dĩ bằng hữu giảng tập.” Theo đó, “lệ trạch” có nghĩa là hai cái đầm thông với nhau, nước được thông thương từ đầm này qua đầm kia, giống như bạn bè trao đổi bồi đắp kiến thức, học thuyết cho nhau. Do vậy, câu trên thường được giảng là: “Quẻ Đoài giống như hai cái đầm thông với nhau [đáp đối nước cho nhau], quân tử do kết giao với bạn bè tốt mà giảng giải, nghiên cứu, luyện tập đạo lý với nhau.”

của Chu Phụng Minh ghép chung lại, đặt tên là Gia Đình Bảo Giám, tính ẩn hành để lưu truyền rộng rãi, ngõ hầu những người muốn hưng khởi nước nhà trong cõi đời đều có cái để làm vốn.

Toan tính xong xuôi bèn sai Quang cát bút trần thuật những nét chánh yếu để tạo thành lời tựa. Tuy lời lẽ trong lời tựa này không phù hợp sát sao cho lắm, nhưng ý nghĩa quả thật đích xác, không dối trá. Nguyên những người yêu nước thương nòi, thương yêu con cái trong cõi đời, mỗi người đều giữ lấy một cuốn để giáo hóa, chỉ dạy con cái thì thành tích chắc sẽ vượt ngoài những điều mong mỏi vậy. Ví như đang khát mà có được nước cam lộ, chẳng những hết khát mà còn nhanh chóng trừ được nhiệt nã, thân tâm thanh lương.

Sách này văn chương tuy nông cạn, thông tục, nhưng quả thật là cửa ngõ để mong thành thánh, thành hiền. Đến khi đã thâm nhập thì sẽ lên thẳng chỗ huyền diệu, sâu thẳm, ai có thể cự lại được? Vua Thuấn là bậc đại thánh nhân mà vẫn còn thích suy xét những lời nông cạn, huống là những lời lẽ tinh thâm, thuần túy tốt bậc thiết thực đối với thân tâm này ư? Nguyên ai nấy quý trọng, gìn giữ để làm tấm gương soi sáng tương lai thì gia đình may mắn lắm, mà thiên hạ cũng may mắn lắm thay!

14. Lời đề từ và bài tựa cho sách Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận Giảng Nghĩa

Thế pháp, xuất thế pháp,
Chỉ do một tâm tạo.
Tâm sanh thì pháp sanh,
Tâm diệt, pháp bèn diệt.
Muốn hiểu cách diệt tâm,
Phải biết cội nguồn pháp.
Hễ hiểu cội nguồn pháp,
Pháp diệt, tâm chẳng còn.
Ngũ uẩn đã không tịch,
Nhất chân cũng chẳng lập.
Viên mãn đạo Bồ-đề,
Độ hết thấy khổ ách.

*Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận*¹⁵⁹ là do Thiên Thân Bồ-tát muốn cho người đời đều biết bản thể bất sanh bất diệt, thường trụ bất biến của cái tâm, nên

¹⁵⁹ Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận (Mahāyāna-śatadharma-prakāśamukha-śāstra) còn gọi là Bách Pháp Minh Môn Luận, Bách Pháp Luận v.v., được soạn bởi Thiên Thân Bồ-tát,

tạo ra luận này nhằm giảng rõ: “Tất cả các pháp thể gian hay xuất thể gian nếu gom về số mục đại cương thì có một trăm pháp.” Trong một trăm pháp ấy, chỉ có một pháp chân như là chủ thể, những pháp khác đều nương theo chân như mà lập. Nếu hiểu rõ hết thấy các pháp vốn tự bất sanh thì hết thấy các pháp đều là chân như. Như vậy thì pháp nào cũng viên thông, sự gì cũng là đạo; tịch chiếu cùng dung thông, đâu đâu cũng gặp nguồn. Nếu tùy theo căn cơ để lợi sanh thì vạn đức phô bày trọn vẹn, nếu tâm ngầm khế lý thì một pháp chẳng lập.

Quán Thế Âm Bồ-tát dùng bát-nhã sâu xa để soi thấy ngũ uẩn đều không. Ngũ uẩn là danh xưng đại lược của trăm pháp, đã thấy chúng đều là không thì ngũ uẩn đều trở thành bát-nhã sâu xa. Như Phật quang vừa chiếu đến thì mọi tối tăm đều tiêu, không một tí tẹo đen tối nào còn lưu lại được. Người học đạo hiểu được chỗ quan yếu này thì tánh hay tướng, Hiển hay Mật đều hết như nhau. Nếu không, sẽ chấp vào lời lẽ, trọn chẳng có chỗ chỉ quy; vào biển đếm cát, uổng công nhọc nhằn! Cư sĩ Quý Thánh Nhất tức căn sâu dày, quyết chí siêng học, thân cận pháp sư Đế Nhàn chùa Quán Tông đã lâu, đã hiểu được tâm yếu của tông Thiên Thai, lại còn đọc rộng rãi các kinh luận thuộc tánh - tướng, hiểu trọn vẹn các đế lý chân và tục. Khi trước đã chú giải Tâm Kinh, nay lại chú giải luận này để mong sao Tánh tông lẫn Tướng tông đều như nước hòa với sữa, tu trì đơn hay kép tùy theo ý mình ưa thích. Ông ta dùng những từ rõ ràng dễ hiểu để xiển dương khiến cho người đọc có thể hiểu được lý sâu.

Ấy là vì muốn cho người đọc đều cùng mở mang tri kiến chân chánh, cùng ngộ pháp môn duy tâm, cùng chứng được chân như sẵn có trong trăm pháp, cùng thấy được tướng không của các pháp nơi ngũ uẩn. Nếu người học từ chỗ rộng rãi thấy được chỗ ước lược, biết được cái chủ yếu trong mọi điều thì chẳng những các pháp chẳng thể đạt được mà ngay cả chân như, tướng không cũng chẳng thể đạt được. Có như vậy thì mới vui sướng cuộc đời, không còn có chuyện gì phải vương mắc nữa! Nếu như căn cơ kém hèn, chẳng thể đạt được như vậy, cố nhiên hãy nên sanh lòng tin phát nguyện, niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, như ngài Vĩnh Minh đã dạy: “*Nhược đắc kiến Di-đà, hà sàu bất khai ngộ*” (Nếu được thấy Di-đà, lo chi chẳng khai ngộ), chính là vì ý này. Do Quang mong trở

ngài Huyền Trang dịch sang tiếng Hán. Bộ luận này xoay quanh phần Bách Pháp Danh Số trong Du-già Sư Địa Luận, được coi là một bộ luận trọng yếu của Pháp Tướng tông. Luận này phân loại hết thấy các pháp trong thể gian thành năm vị, một trăm loại lớn (ngũ vị bách pháp). Bộ luận này được chú giải rất nhiều bởi những vị đại đức nổi danh thuộc nhiều tông phái khác nhau như Khuy Cơ, Đại Thừa Quang, Đàm Khoáng, Hám Sơn Đức Thanh, Ngẫu Ích Trí Húc v.v..

về mà chưa được, thường nghĩ đến những ai đang còn rong ruổi nên mới nói lời này, đừng trách là “ăn nói dây cà ra dây muống” thì may mắn lắm thay!

(Ngày mồng 8 tháng Chạp năm Quý Dậu, tức năm Dân Quốc 22 - 1933)

15. Lời tựa cho tác phẩm Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh Tân Sớ

Chân như Phật tánh, chúng sanh và Phật trọn không hai, do tu trì nghịch hay thuận mà thánh phàm khác biệt vời vợi một trời một vực. Ấy là vì chúng sanh tuy sẵn có tánh đức, nhưng trọn chẳng có tu đức. Dầu có tu tập vẫn đều trái nghịch tánh đức, nên gọi là “nghịch tu”. Bởi vậy tánh đức không có cách nào hiển hiện để thọ dụng được. Phật thì từ nơi lý thể của tánh đức sẵn có bèn dụng công tu đức về mặt sự, do vậy tam hoặc¹⁶⁰ đều hết sạch, bởi đó nhị nghiêm¹⁶¹ đều viên mãn. Công tu đức đến cùng cực thì tánh đức phô bày trọn vẹn, thường trụ Tịch quang, hưởng thụ pháp lạc; nhưng do bị tâm vô tận, đức Phật lại thị hiện giảng sanh trong thế gian, thị hiện thành Chánh giác, tùy thuận cơ nghi nói đủ mọi pháp khiến cho ai nấy đều biết lấy “hạt châu trong chéo áo”, theo đường trở về nhà.

Lại do chúng sanh đời mạt pháp chướng sâu, tuệ cạn, nếu cậy vào tự lực quyết khó thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Do vậy, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khiến cho hàng phàm phu sát đất và các vị Bồ-tát tín giải tu chứng đều cùng nương theo hoằng thệ nguyện lực của A-di-đà Phật vãng sanh Tây Phương để mong triệt chứng Tánh Đức trọn chẳng tiếc nuôi gì. Đây chính là khuôn phép lớn lao xuất thế độ sanh của đức Như Lai. Đức Phật thị hiện giảng thế tại Ấn Độ vào năm thứ 26 (969 trước Công Nguyên) đời Chu Chiêu Vương. Trải qua một ngàn năm đến năm Vĩnh Bình thứ mười (67) đời Hán Minh Đế, vua mới thỉnh hai vị Phạm tăng là tôn giả Ca-diếp-ma-đăng (Kāśyapa Mātanga) và tôn giả Trúc Pháp Lan (Dharmaratna) mang kinh Phật, tượng Phật tới Lạc Dương. Hai vị tôn giả do thấy người Hoa mới nghe Phật pháp, nếu đem kinh viên đốn sâu xa chỉ dạy thì giáo pháp chẳng phù hợp căn cơ, khó

¹⁶⁰ Tam hoặc là ba loại phiền não căn bản tức kiến tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc.

¹⁶¹ Nhị nghiêm: Gọi đủ là “nhị chủng trang nghiêm”, có hai cách hiểu:

1. Trí tuệ trang nghiêm và phước đức trang nghiêm. Kinh Đại Bát Niết-bàn, quyển 27, giảng: “Nhị chủng trang nghiêm, một là trí tuệ, hai là phước đức. Nếu có Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm ấy thì sẽ hiểu biết Phật tánh.” Cách hiểu này thông dụng nhất.

2. Nhị nghiêm là hình tướng trang nghiêm và đệ nhất nghĩa trang nghiêm. Kim Cang Kinh Toàn Yếu Sớ giảng:

a. Hình tướng trang nghiêm: Con người nhận biết cõi Phật có đủ mọi thứ hình tướng trang nghiêm, nhưng biết đây chưa phải là trang nghiêm chân thật.

b. Đệ nhất nghĩa trang nghiêm: Tâm thanh tịnh không chấp trước, nương theo trí tuệ chân thật, thông đạt cõi Phật nơi tự tánh, duy tâm hiển hiện.

thể được lợi ích! Do thấy kinh Tứ Thập Nhị Chương văn lần nghĩa rõ ràng, con người dễ lãnh hội, nên dịch ra tiếng Hán trước.

Thế nhưng, Phật trí viên diệu, tuy cạn mà sâu, giáo lý viên đốn vẫn trọn đủ trong bản kinh ấy. Kẻ nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí, tùy theo trí thức của đương sự mà thôi. Chú giải kinh này chỉ có bản của ngài Ngẫu Ích là nêu bật được tông chỉ, những bản chú giải khác cũng đều có lợi cho căn cơ một thời. Cư sĩ Quý Thánh Nhất đã có huệ căn từ đời trước, quy y với bậc trí thức của tông Thiên Thai là pháp sư Đế Nhân, đích thân được nghe diễn giảng, khá có tâm đắc. Do vậy bèn tùy duyên diễn nói, nhưng vẫn luôn chú trọng hướng dẫn về Cực Lạc. Đây chính là tuân theo chỗ kết đàn cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, cũng giống như điều được đề xướng trong Thập Nghi Luận của đại sư Thiên Thai (đại sư Trí Giả). Bởi lẽ pháp môn Tịnh độ chính là chỗ quy túc của hết thảy các pháp môn. Hoa Nghiêm còn như thế, hậu học dám chẳng vâng theo ư?

Gần đây, do có người thỉnh giảng kinh này, cư sĩ bèn thuận theo thời nghi, đặc biệt viết lời sớ giải mới, lập ra cách thức hồng để dẫn dắt kẻ mới học sẽ được nhờ vào đây mà tiến đến chỗ cao hơn; do đây mà người ta sanh được lòng tin, ắt sẽ xoay vần khuyến hóa rộng rãi hơn. Bởi vậy chẳng tiếc lời giảng giải tường tận để không một nghĩa nào bị ẩn kín. Một bữa, đưa cho Quang xem bản thảo, lại cậy viết lời tựa. Quang vừa sanh ra được sáu tháng liền bị bệnh mắt, trong suốt sáu tháng chưa từng mở mắt, nên mục lực kém xa người khác. Nay tuổi đã 75, mục lực càng suy yếu, chẳng thể xem kỹ ý nghĩa, đành nêu lên những điểm chánh yếu cho xong trách nhiệm. Mong sao những ai đọc kinh này và bản sớ giải này đều chú trọng hiểu tâm rõ gốc, hiểu rõ pháp vô vi và xa lìa tài sắc, kiên quyết, dừng mãnh tu trì để mong đích thân chứng được vô thượng giác đạo “vô niệm, vô tác, phi tu, phi chứng”.

16. Lời tựa ấn hành sách Tịnh độ Sanh Vô Sanh Luận Giảng Nghĩa

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài được, hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này; hết thảy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này, thật sự là đạo thành thủy thành chung để chư Phật viên mãn Bồ-đề, mà cũng là pháp để chúng sanh cậy vào Phật từ lực hồng liễu thoát ngay trong đời này. Lý ấy rất sâu, sự ấy cực dễ. Vì thế con người phần nhiều chẳng thể thấu hiểu những chỗ ẩn kín, nên hoặc cầu phước báo trời người, chẳng dám gánh vác ngay, hoặc bỏ tín nguyện cầu sanh để chuyên khán câu “người niệm Phật là ai”, khiến cho pháp do đức Như Lai đặc biệt lập ra để khắp hết thảy thượng thánh hạ phàm sẽ cậy vào Phật từ lực được cao dự Liên Trì hải hội ngay trong đời này bị trở thành pháp tự lực.

Do đã không có tín nguyện, dẫu có đích thân thấy được người niệm Phật là ai thì cũng chỉ là đại triệt đại ngộ mà thôi! Nếu phiền hoặc chưa hết thì vẫn luân hồi y như cũ. Do cảnh duyên trước ác, kẻ mê mất đông đảo, muốn liễu sanh thoát tử ắt phải đợi đến năm con lừa. Chẳng đáng buồn sao? Đại sư U Khê¹⁶² nương theo bốn nguyện, thị hiện giảng sanh, hiểu trọn vẹn giáo, ngộ tự tâm nơi thiền, dốc lòng tu tịnh nghiệp, lợi khắp trời người, thương những kẻ mê muội trong cõi đời, chẳng biết “thế giới Tây Phương Cực Lạc vốn là duy tâm Tịnh độ; đạo sư A-di-đà Phật vốn là tự tánh Di-đà”, bèn bỏ sự thực để chấp lấy lý không rồi dạy người khác niệm “tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ”. Rốt cuộc cho rằng “đạo lợi khắp thánh phàm của đức Như Lai chỉ nhằm biểu thị pháp hoặc là chuyện ngu ngôn”, chỉ mong khai ngộ, mặc kệ những điều khác, đến nỗi kẻ cao minh đâm ra chẳng bằng phường ngu phu ngu phụ cấm cú niệm Phật mà có thể ngầm thông Phật trí, thâm hợp diệu đạo, cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn liền được vãng sanh. Căn bệnh là do ham cao chuộng xa, chứ chưa thật sự hiểu sâu xa nguồn cội của sự cao xa. Rốt cuộc biến khéo thành vụng, cầu thăng lên đâm ra bị dọa xuống, thật đáng buồn thương! Đại sư buồn xót khôn cùng, riêng soạn bộ Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận nhằm chỉ thẳng tâm tánh của ba thứ tâm - Phật - chúng sanh không sai biệt.

Tâm tánh ấy có đủ vô lượng đức, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Do mê hay ngộ khác nhau đến nỗi có mười giới sai biệt. Nhưng ngay trong mười giới ấy, mỗi mỗi không gì chẳng phải là “tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là”. Cầu sanh Tây Phương chính là chân vô sanh, do sanh về cõi Tây Phương “tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là”; không phải như kẻ chấp lý phế sự chỉ có cái danh suông, chứ thật sự chẳng có cảnh Tây Phương! Ấy chính là “quyết định sanh nhưng không có tướng sanh, quyết định vô sanh nhưng không có tướng vô sanh”, sanh mà vô sanh vậy. Lấy tín nguyện

¹⁶² Đại sư U Khê chính là ngài Truyền Đăng (không rõ năm sanh và năm mất), ngài họ Diệp, hiệu là Vô Tận. Xuất gia từ nhỏ với ngài Tiên Hiền Ảnh Am, sau theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Bách Tùng. Năm Vạn Lịch thứ mười (1582) đời Minh, do hỏi ngài Bách Tùng về ý chỉ của Lăng-nghiêm đại định, bị ngài Bách Tùng trừng mắt nhìn trần trối, sư đột nhiên khê nhập. Năm Vạn Lịch 15 (1587), sư sang chùa Cao Minh ở U Khê dạy dỗ đồ chúng, nghiên cứu Thiên lẫn Tịnh. Cuốn Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận được hoàn thành trong thời gian này, điểm đặc sắc là vận dụng ý chỉ tam quán của tông Thiên Thai để xiển dương pháp môn Tịnh độ. Năm Vạn Lịch 25 (1597), sư lại soạn những tác phẩm A-di-đà Kinh Lược Viên Trung Sao, Lăng-nghiêm Kinh Huyền Nghĩa, Tục Xuất Thiên Thai Sơn Phương Ngoại Chí, Lăng-nghiêm Kinh Viên Thông Sớ, Tánh Thiện Ác Luận, Duy-ma Kinh Vô Ngã Sớ, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Chú. Sư thường tu các sám pháp Pháp Hoa, Đại Từ, Quang Minh, Di-đà, Lăng-nghiêm v.v., mỗi năm hành bốn thứ tam-muội. Khi lâm chung, sư viết năm chữ *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, cao giọng xưng đề kinh hai lượt, rồi thanh thản qua đời.

niệm Phật để cầu sanh vào cõi Tây Phương “tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là” của chính mình, cho nên tuy sanh mà không có tướng sanh, tuy không sanh nhưng chẳng trụ vào tướng vô sanh. Đây chính là ý chỉ tổng quát của Sanh Vô Sanh Luận.

Hiểu rõ điều này thì ai chịu trái nghịch tánh để tạo nhân quả trong tam đồ lục đạo nữa ư? Ngay cả nhân quả xuất thế trong tam thừa cũng chẳng coi là cao tột, tiến thẳng vào nhân quả Bồ-đề vô thượng vậy. Luận này gồm có mười chương, mỗi mỗi đều lấy ý chỉ “tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là”, tam đế tam quán để giảng rõ ý nghĩa khiến cho đứa con cùng quần lê la ăn xin đích thân thấy được hạt minh châu nơi chéo áo, gã lữ khách cô đơn lên đênh trở về quê nhà sẵn có, trên khế hợp Phật tâm, dưới khế hợp thời cơ. Vì thế khi ngài soạn luận xong, đem giảng diễn, nhạc trời vang rền khắp hư không để tạo chứng cứ rõ rệt.

Từ đời Minh cho đến nay, đã hơn 300 năm, đời nào cũng có người lưu thông truyền bá bộ luận này. Gần đây thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, người có lòng lo toan muốn vẫn hỏi biết rằng nếu chẳng nhờ vào sự lý “nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo” như đức Phật đã dạy thì chẳng thể biến đổi lòng người được. Nếu chẳng nhờ vào pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ chẳng thể liễu sanh tử. Do vậy, họ đều nghiên cứu Phật học, nhưng vẫn riêng dốt sức nơi pháp môn Tịnh độ. Cư sĩ Quý Tân Ích¹⁶³ ở Hải Môn đã có huệ căn từ đời trước, dốt lòng tin tưởng Phật thừa, từng được đích thân theo học giảng kinh dưới tòa của ngài Đế Nhàn. Đối với ý chỉ tam đế tam quán của tông Thiên Thai đã hiểu chắc chắn không còn sót gì. Do vậy các cư sĩ nơi thành Tô Châu thỉnh ông giảng giải luận này, ghi lại những lời giảng thành sách, đặt tựa đề là Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận Giảng Nghĩa, sai Quang viết lời tựa. Do vậy, tôi bèn đọc văn ấy, đáng gọi là “nêu tỏ được lý, phù hợp thật tướng sâu xa, lời lẽ hay khéo như hoa trời”. Nguyên những độc giả cùng vâng lãnh ý nghĩa “tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là” để rời chân tín nguyện thiết, chí thành niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ ngài U Khê một phen khổ tâm tạo luận cũng như ông Quý giảng nghĩa vậy!

17. Lời tựa mừng thọ vợ chồng tiên sinh Lý Phụng Kỳ

Con người sống trong thế gian thọ hay yếu, cùng quần hay hanh thông, đều có nhất định hoặc không nhất định. Hễ nhất định thì Nho gia gọi là mạng, gọi là “thiên tích” (trời ban cho). Nhưng trời đại công vô tư, há lẽ nào lại ban phát cao

¹⁶³ Tức cư sĩ Quý Thánh Nhất đã được tổ nhắc đến trong hai bài trên, Tân Ích là tên thật, còn Thánh Nhất là pháp danh.

thấp khác xa nhau, muôn phần chẳng bình đẳng ư? Há lẽ nào trời cũng có tư dục đối xử nồng hậu hay lơ lạt, khinh trọng ư? Nhà Nho chẳng nói đến ba đời, vì thế coi cái nhân đời trước là “mạng trời” (thiên mạng), chẳng biết nhà Phật gọi cái thiên mạng vừa được nhắc đến ấy là quả báo. Đức Phật gọi thân này là báo thân, “báo” có nghĩa là do cái nhân gồm những điều thiện, sự ác đã tạo trong đời trước nên cảm lấy cái quả phải hứng chịu thọ - yếu, cùng quần - hanh thông trong đời này. Những điều ấy có nhất định.

Còn bất định là độc chí tu trì, tích lũy điều lành và công đức, mong thành thánh, thành hiền, hay mặc sức phóng túng, buông lung không kiểm điểm, lười nhác quá mức, tự ruồng rẫy, tự phụ bạc chính mình. Ấy là vì sức của những điều thiện sự ác đã làm trong đời này mạnh mẽ nên chuyển biến những nghiệp báo trong đời trước khiến cho chúng sanh trở thành tốt đẹp hơn hay kém cỏi hẳn đi. Điều này thường được gọi là: “Trời định thắng người, nhưng người định cũng thắng được trời.” Kinh Thi ghi: *“Vĩnh ngôn phối mạng, tự cầu đa phước”* (Thường suy nghĩ xem hành vi của chính mình có hợp với lẽ trời hay không để mong cầu cuộc sống được hưởng nhiều điều tốt đẹp). Kinh Thư chép: *“Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương”* (Làm điều lành thì trăm điều tốt đẹp giáng xuống, làm điều bất thiện, trăm tai ương sẽ giáng xuống). Kinh Dịch chép: *“Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương.”* Lễ Ký chép: *“Cố đại đức tất đắc kỳ lộc, tất đắc kỳ vị, tất đắc kỳ danh, tất đắc kỳ thọ”* (Vì thế, những người có đức lớn lao ắt sẽ được hưởng lộc, ắt sẽ có địa vị, ắt sẽ có danh tiếng, ắt sẽ sống lâu). Những lời ấy đều là ước theo những gì cảm được bởi sự tu trì trong đời này để nói. Do vậy biết: “Mạng do chính ta làm chủ, phước do chính ta cầu”, quyền hưởng nhận “thọ, giàu, mạnh khỏe, bình yên” do ta thao túng; chẳng qua trời do thấy ta tu trì bèn soi xét ban tặng mà thôi, chứ chẳng hề có chuyện hậu đãi hay lơ lạt, khinh hay trọng trong ấy.

Tiên sinh Phụng Kỳ có chí nơi ấy, vì thế khi còn đang dốc chí học hành, do gia đạo bần hàn, con cái đông đúc, sợ cao đường (mẹ) chắc phải ưu tư, bèn lo buôn bán ở Thượng Hải, mong sẽ thỏa chí phụng dưỡng. Nào ngờ chọn lầm kẻ quản lý, chưa đầy ba năm mà đã hụt vốn quá nửa. Ông bèn dốc chí xét đoán thời cơ, chuyên tâm tự quản lý. Mới được một năm đã được lời to, do vậy buôn bán phát đạt, ngày càng hưng thịnh, bèn vừa phụng dưỡng cha mẹ, anh em êm ấm, giúp đỡ kẻ nghèo khó, mở trường học để làm cái gốc tạo lập lớn lao hòng “kế thừa người trước, mở mang cho người sau”, thực hiện rộng rãi hoài bão “dân là ruột thịt, loài vật giống như ta”.

Bà vợ đức hạnh của ông ta là phu nhân Hoàng, bẩm tánh hiền thực, ôn hòa, cung kính, đoan trang, thận trọng, nên được bố mẹ chồng, chị em dâu, vợ lẽ v.v. yêu mến. Gia đình thuận thảo, không ai kèn cựa. Đối với chuyện nuôi dạy con cái thì áp dụng cách giáo hóa vừa từ vừa nghiêm, khoan dung lẫn nghiêm khắc. Dẫu không phải là con do chính mình đẻ ra vẫn chăm chút còn hơn con đẻ. Đức đẹp ấy thật đáng làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, làm bậc thầy nêu gương cho nữ giới. Vì thế con cái đều thành tài. Liêu Tường thành thật, đáng tin, không dối trá, kế nghiệp buôn bán rất thành công. Vinh Tường thì an cư lạc đạo, hoằng dương Phật pháp. Cháu trai, cháu gái đều sẵn tánh thuần hậu, tương lai sẽ thành tài lập đức là điều có thể đoán trước được. Phàm những điều này đều do tiên sinh và phu nhân đức dày, lòng nhân sâu đậm vun bồi mà ra.

Ôi, ngũ phước được nói trong sách Hồng Phạm, không một điều nào hai vợ chồng tiên sinh chẳng có đủ. Đang trong lúc hai vị cùng thọ đến tuổi cổ hy (70 tuổi) này, nếu chẳng dâng lời chúc tụng, ắt sẽ tự khuất, khuất người. Than ôi, Quang là đệ tử Phật, Phật sẵn lòng mong cho hết thảy chúng sanh đều được thành Phật, bởi vì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Phật thọ vô lượng giống như mười phương, chúng sanh đã sẵn đủ Phật tánh thì có sao tuổi thọ lại khác biệt? Chỉ vì chúng sanh mê chưa ngộ, trái nghịch giác, xuôi theo trần lao, do tình sanh nên trí bị cách ngăn, do tâm tướng biến đổi nên hình thể khác biệt. Do vậy mới có tam giới lục đạo, đủ mọi hiện tượng khổ vui. Thọ mạng trong nhân gian cao lắm cũng không ngoài trăm năm, dẫu cõi trời Phi Phi Tưởng thọ đến tám vạn bốn ngàn đại kiếp, nhưng đến khi hết tuổi thọ vẫn phải đọa xuống dưới. Rốt cuộc so với con phù du (con vò) sáng sanh tối chết nào có khác gì!

A-di-đà Phật phổ độ chúng sanh, chỉ cần có lòng tín nguyện trì danh hiệu Phật, chắc chắn lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh Tây Phương thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, thân cận Di-đà, kẻ cận hải chúng, chứng Vô sanh nhẫn, lên địa vị Bất thoái, ngay trong một đời này liền viên thành Phật đạo. Lợi ích ấy dù hết cả kiếp vẫn khó nói trọn! So với những gã câu nệ hẹp hòi, tự xưng là thông gia, nhưng lại mua rương trả châu, bỏ vàng gánh gai thì nào phải chỉ khác biệt vời vợi một trời một vực ư? Đây là pháp dễ tu trì nhất, dễ thành tựu nhất trong Phật pháp, lợi ích ấy lại vượt trội hết thảy các pháp khác, bởi đã lấy quả địa giác làm nhân địa tâm, cho nên nhân trù biến quả, quả tốt nguồn nhân. Tiên sinh và phu nhân nếu chẳng vì thấy con người Quang kém hèn mà vứt bỏ lời này thì trong ao bầy báu nơi cõi Tây Phương sẽ lại lập tức thấy trở hai đóa sen tử kim. Xin hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu đậm vậy!

18. Lời tựa cho cuốn Văn Sao Trích Yếu

Thuốc không sang hèn, thuốc chữa được bệnh là thuốc hay; pháp không tinh thô, pháp hợp căn cơ là pháp diệu. Pháp môn tu trì vô lượng vô biên, bọn độn căn đời mạt thật khó thể thông hiểu trọn khắp. Huống hồ đã không chứng nhập thì làm sao có thể đạt lợi ích cho được? Quang tức nghiệp sâu nặng, hạnh trong hiện đời nhỏ yếu, lạm dự vào tăng chúng đã 50 năm. Một câu Phật hiệu vẫn chưa trì đến mức “tâm và Phật tương ứng”, nói gì các thứ pháp môn khác! Mười mấy năm qua thường có những người lầm nghe lời kẻ khác ngỡ Quang là tri thức đến nỗi gửi thư từ qua lại để cầu khai thị. Cố nhiên Quang nghiêm túc giữ bốn phận, đem những gì chính mình biết được và chính mình tu tập thưa trình. Nếu người hỏi kiến thức cao minh, trí tuệ rộng lớn, liền xin người ấy hãy chuyển sang hỏi bậc cao nhân, quyết chẳng dám đem sự hèn tẻ của chính mình để ngăn giữ người, đến nỗi họ chẳng thể đạt đến chỗ cao minh, khuất lấp thiên tư, tài đức của họ.

Có kẻ bảo Quang nghiêm cấm người khác đọc tụng, nghiên cứu kinh luận Đại thừa, chẳng biết phạm ai đến chỗ Quang xin dạy bảo, nếu như người thưa hỏi ấy thân vướng vít trong lưới tục, hoặc tuổi tác đã cao; đối với những kẻ bận bịu công việc, tháng ngày chẳng còn mấy, mà vẫn dạy họ xem đọc, nghiên cứu tràn lan, trước hết chẳng dạy họ hiểu rõ rệt thấu triệt nguyên do của pháp môn Tịnh độ, chắc họ sẽ có phần gieo thiện căn, hiểu giáo lý, đối với chuyện liễu sanh thoát tử, sợ sẽ chẳng có hy vọng gì bởi chỉ chú trọng đọc tụng, nghiên cứu để mong khai ngộ tự chứng, chẳng còn chú trọng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Họ chẳng biết phạm phu đầy dẫy hoặc nghiệp, muốn cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử ngay trong đời này còn khó hơn lên trời. Vì vậy, Quang chẳng nề hà bị chê bai, giải tâm lòng thành bảo ban.

Có những kẻ chẳng hiềm lời lẽ hủ bại của Quang là ô uế bèn lưu truyền, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao. Lại có người chọn lấy những ý cốt yếu, phân loại, biên tập đặt tên là Gia Ngôn Lục. Cư sĩ Lý Huệ Thực ở huyện Thái lại muốn trích lấy những lời phù hợp kẻ sơ cơ để dẫn dắt những ai từng đọc sách Nho nhưng không hiểu rõ nguyên do vì sao Nho và Thích “đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng” sẽ học Phật, tổng cộng là bảy nhiều bài đó, tính in ra để lưu truyền rộng khắp, cậy tôi viết lời tựa. Tôi nói: “Đã có Gia Ngôn Lục, cần gì lại phải in trích yếu?” Ông ta đem những ý trên đây để cố thỉnh, đành thuật những điều chánh yếu vậy.

19. Lời tựa tái bản cuốn Bát-nhã Dung Tâm Luận

Kinh Kim Cang chính là khuôn mẫu do đức Phật dạy con người phát tâm Bồ-đề, hành đạo Bồ-tát, xa lìa trọn vẹn phàm tình - thánh kiến để hành lục độ vạn hạnh. Vì thế nói: “*Ngã ưng diệt độ nhất thiết chúng sanh, diệt độ nhất thiết chúng sanh dĩ, thực vô chúng sanh đắc diệt độ giả*” (Ta hãy nên độ hết thảy chúng sanh, diệt độ hết thảy chúng sanh rồi mà thật ra chẳng có chúng sanh nào được diệt độ cả). Ấy là vì: Trong chẳng thấy tướng ta là người hóa độ; ngoài thì chẳng thấy tướng người được độ và tướng chúng sanh; giữa là chẳng thấy có tướng thọ giả¹⁶⁴ chứng đắc Vô dư Niết-bàn. Xa lìa trọn vẹn bốn tướng, chẳng vướng vào sáu trần, nên được xứng tánh tu trọn khắp lục độ vạn hạnh để trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Đây gọi là “không trụ vào đâu để sanh tâm, sanh tâm nhưng không trụ vào đâu”. Nếu có trụ thì cái tâm được sanh ấy sẽ đọa trong phàm tình thánh kiến, sẽ trái nghịch với nghĩa “tam luân thể không¹⁶⁵, nhất đạo thanh tịnh”. Do vậy, một câu “hãy nên không trụ vào đâu để sanh tâm” quả thật là cương yếu của bài kinh này, mà cũng là kim chỉ nam cho hết thảy những người hành đạo Bồ-tát.

Dung Tâm Luận của đại sư U Khê đã ước theo tứ giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên) để giải thích, nhưng hội quy về Viên giáo ngộ hầu người tu trì rốt ráo đạt được lợi ích thật sự, quả thật đã khế hợp sâu xa Phật tâm, hữu ích cho pháp đạo. Tiếc là chưa được lưu thông, khá đáng tiếc nuối! Đại sư Thiện Pháp sao được một bản, cư sĩ Vương Mưu Phụng trông thấy nguyện khắc ván, cày Quang giáo chánh những chỗ sao chép sai lầm. Do vậy tôi bèn đại lược chọn lấy những nghĩa trọng yếu của kinh Kim Cang để ghép vào đầu sách, nhằm mong người đọc luận này sẽ có cái để hướng dẫn.

(Cuối thu năm Đinh Mão, tức năm Dân Quốc 16 - 1927)

20. Lời tựa cho sách Phổ Khuyến Học Phật Đàm

¹⁶⁴ Tướng thọ giả (jīvasamjñā): Theo quan điểm thông tục, mỗi cá thể sẽ có một linh hồn hoặc nhân cách, linh hồn ấy sẽ luân chuyển thọ sanh, tồn tại thật sự. Đó gọi là tướng thọ giả. Trong Kim Cang Bát-nhã Sớ, quyển 3, ngài Cát Tạng đã viết: “Ngoại đạo chấp có thân ngã, chết đây sanh kia, trải khắp sáu đường nên gọi là thọ giả.” Ngoài ra, theo quyển 2 của kinh Đại Phẩm Bát-nhã thì thọ giả chính là một trong mười sáu tên gọi khác của ngã.

¹⁶⁵ “Tam luân thể không” là lúc bố thí thì người bố thí, kẻ tiếp nhận và vật bố thí đều vốn là không, phá sạch tướng chấp trước. Nói chi tiết hơn thì:

1. Thí không: Đối với người bố thí thì thân ta vốn là không, đã biết là vô ngã, sẽ không còn có cái tâm mong cầu phước báo, nên gọi là thí không.

2. Thọ không: Đã thấu hiểu không có người bố thí thì cũng không có người nhận, nên chẳng khởi lên ý tưởng ngạo mạn, nên gọi là thọ không.

3. Thí vật không: Chữ vật chỉ cho những của cải, vật chất. Đã thấu hiểu hết thảy là không thì dù có được thí cũng thấy như không thí, chẳng khởi ý tưởng tham cầu nên gọi là thí vật không.

Phật pháp lớn lao không gì chẳng bao trùm, không gì nhỏ nhất chẳng được nêu lên, phàm ai muốn học thì phải nên chú trọng thực hành. Nếu không, sẽ như đọc toa thuốc nhưng chẳng uống thuốc, muốn cầu lành bệnh há có được chẳng? Do vậy, người niệm Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết chức phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, biết nhân hiền quả, mong thành thánh thành hiền, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Lại còn phải thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, quyết định cầu sanh thế giới Cực Lạc. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dùng để dạy người, khiến cho trong là gia đình, ngoài là người đời đều cùng được thấm nhuần sự giáo hóa của Phật, cùng sanh Tịnh độ, ngõ hầu chẳng cô phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ tánh linh của chính mình.

Nếu hờ hững nghiên cứu tràn lan các thứ pháp môn và cũng nương theo đó tu trì thì sẽ có phần làm một vị đại thông gia và hưởng phước báo trời người trong đời sau, chứ muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh sợ khó thể mong được. Vì sao vậy? Do hết thấy các pháp môn đều phải đoạn hoặc chứng chân thì mới hòng liễu sanh thoát tử, chứ không như pháp môn Tịnh độ: Cậy vào Phật từ lực sẽ có thể mang nghiệp vãng sanh. Phật lực, tự lực khác biệt hết như một trời một vực! Hiểu rõ điều này sẽ chẳng dám cậy vào tự lực, vứt bỏ Phật lực để kéo dài kỳ hạn liễu sanh tử tới bao nhiêu số kiếp trong vị lai.

Cư sĩ Lưu Đạt Huyền do thấy đại kiếp tràn ngập, chẳng có lúc nào thái bình, bèn lắng lòng nghiên cứu kinh Phật, mới biết “Phật pháp là cái gốc của hết thấy pháp”. Nếu có thể y theo lời Phật dạy để hành thì trên là đoạn hoặc chứng chân hòng khôi phục bản tánh, dưới là đối ác hướng lành để làm hiền nhân. Hiền nhân có thể dùng thân để hướng dẫn người khác, trong là gia đình, ngoài là người đời đều sẽ nhìn theo bắt chước làm lành, thay đổi phong tục nhưng chẳng hay chẳng biết. Mạnh tử nói: “*Cùng tắc độc thiện kỳ thân*” (Hễ cùng quần thì riêng mình thiện). Nếu làm được những điều như vừa nói trên đây thì dầu cùng quần vẫn có thể làm cho làng ấp đều cùng được thiện đâu có khó chi? Do vậy bèn dùng lời văn thông tục để soạn thành mấy chục thiên Phổ Khuyến Học Phật Đàm (những lời bàn luận nhằm khuyên khắp mọi người đều học Phật) để mong người trí lẫn kẻ ngu đều cùng hiểu, ai nấy đều tu trì thì thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui chắc sẽ đích thân thấy được. Trong lời tựa cho sách này, cư sĩ Phạm Cổ Nông đã nêu bày những điều ẩn kín, Bất Huệ chỉ nói đến sự thực hành trong khi học Phật và đường nhanh tắt để liễu sanh tử nhằm làm cho ai nấy đều cùng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. So với cậy vào tự lực để tu trì hết thấy các pháp khác thì sự khó dễ còn gấp mấy lần sự khác biệt giữa ngày và kiếp vậy!

(Đầu thu năm Canh Ngọ (1930) thời Dân Quốc)

21. Lời tựa sách Nhân Quả Thực Chứng

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Khổng tử khen ngợi Chu Dịch, vừa mở đầu liền nói: “*Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương*” (Nhà nào tích thiện điều vui có thừa, nhà nào tích điều bất thiện tai ương có thừa). Nhìn từ bề mặt, câu nói này luận về sự vui mừng, tai ương ảnh hưởng tới con cháu; chứ nếu luận trên thực tế, sự vui mừng hay tai ương quy về bản thân người ấy càng lớn hơn gây ảnh hưởng đến con cháu nhiều lắm. Cơ Tử trần thuật sách Hồng Phạm, cuối cùng mới nói: “*Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực*” (Thuận theo lẽ phải thì sẽ được hưởng năm điều phước, hễ trái nghịch thì sẽ hứng chịu sáu điều khổ cực). Dụng (用) nghĩa là sẽ, cực (極) là khôn cùng, khổ sở, đau đớn. Trên thực tế, ngũ phước lục cực đã thể hiện cái nhân thiện hay ác trong đời trước và quả báo thiện hay ác trong đời này. Trong kinh điển Nho gia khi nói về tiền nhân hiện quả (nhân đời trước, quả đời này) và hiện nhân hậu quả (nhân đời này, quả đời sau) thì hai câu nói ấy của Khổng tử và Cơ Tử rõ ràng nhất.

Kinh Phật nói nhân quả ba đời tương tận, chu đáo nhất. Nói toát yếu là: “*Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*” (Muốn biết cái nhân đời trước thì những gì phải hứng chịu trong đời này chính là nó đấy; muốn biết quả đời sau thì hãy nhìn vào những gì đã làm trong đời này). Con người thường gọi khổ sướng, hên xui phải hưởng chịu trong đời này là mạng, cho đó là mệnh lệnh từ cõi trời, nào biết đấy chính là quả báo của những điều thiện ác do chính mình đã làm trong đời trước. Trời đâu có hạ lệnh hậu đãi người kia, bạc đãi kẻ này? Vì thế sách Cảm Ứng Thiên chép: “*Họa phước vô môn, duy nhân tự chiêu*” (Họa phước không có cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy).

Quả báo thiện ác như bóng theo hình. Nếu biết được lý này thì trên chẳng oán trời, dưới chẳng hờn người, dè dặt kiêng nể, kinh sợ tu tỉnh, trừ khử những món vật tư dục trong tâm chính mình thì chánh tri sẵn có trong tự tâm sẽ phát hiện. Do vậy, kẻ mất niệm thành cuồng sẽ đều khắc chế được ý niệm mà trở thành thánh. Đấy chính là loại nhân quả được nói bởi Nho giáo mà còn có lợi ích lớn lao như thế, huống hồ đức Phật dạy con người tu giới định tuệ, đoạn tham sân si, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Thoạt đầu là đoạn sạch phiền hoặc thế gian, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Tiếp đến là dần dần tấn tu cho đến khi chân cùng, hoặc tận, huệ mãn, phước trọn, triệt chứng tự tâm, thành đạo Bồ-đề, đều chẳng ra ngoài nhân quả. Do vậy nói: “Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh.”

Tổng Nho cho Phật nói nhân quả ba đời, luân hồi trong lục đạo chính là căn cứ để gạt gẫm hạng ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của ngài, chứ thật ra không có chuyện ấy. Hơn nữa, con người chết rồi thì hình hài sẽ hư mất, thần thức cũng phiêu tán, đâu bị chặt - chém - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần hồn đã tán mất rồi, lấy ai để thọ sanh? Họ đả phá, bài xích nhân quả khiến cho con người không có cái để e sợ, không có gì để mong mỏi thì thiện không có gì để khuyến, ác không có gì để trừng phạt. Do thiện hay ác đều không có nhân quả, Nghiêu hay Kiệt thì cũng đều chết sạch, kẻ không có chí hướng cao xa ai lại chịu khăng khăng làm lành, dè dặt kiêng ác để cầu cái hư danh sau khi đã chết ư? Đả phá, bài xích nhân quả luân hồi, hiểu sai be bét “cách vật trí tri”, chỉ lấy “thành ý chánh tâm, trọn hết tình nghĩa, bốn phận” để làm pháp giác ngộ cõi đời, giáo hóa dân chúng, sáng tỏ đạo, đạt đến bình tri, chẳng biết đôn đốc nơi “trừ khử món vật tư dục trong tự tâm để thấy được chánh tri sẵn có trong tự tâm, chỉ bày nhân quả báo ứng trong đời trước đời này, đời này đời sau” thì có khác gì xoi thùng để mong nước đừng chảy tràn lan, bỏ thức ăn mà mong dân chẳng bị chết đói, há có được chăng?

May mắn là ai nấy sẵn có cái tâm có thể làm Nghiêu - Thuấn, có thể thành Phật. Bất hạnh là chẳng được dạy đúng pháp đến nỗi không tránh khỏi làm hạng dân quê, làm hạng chúng sanh chẳng biết quay về cội, trở lại nguồn. Ông Chu Quần Tranh ở Vĩnh Gia từ thời thơ ấu đến lúc nhược quan (20 tuổi) chẳng biết nhân quả, đã lâm vào tình thế “thánh mất niệm thành cuồng”. Đến đầu thời Dân Quốc, do được nghe Phật pháp từ các bậc tiên triết và thiện tri thức trong làng, mới biết nhân quả, mong mỗi được là hạng người “khắc chế ý niệm, trở thành thánh”, khôn ngoan xót mình xót người, thương mình thương người, liền đem những sự tích nhân quả xác đáng, thiết thực do chính mình đã thấy nghe chép lại thành một cuốn sách, đặt tên là Nhân Quả Thực Chứng. Tính đem in ra để mong ai nấy đều biết nhân rõ quả, siêu phàm nhập thánh, xin tôi viết lời tựa dẫn khởi, tôi bèn viết lời tựa này để nêu rõ những điều chánh yếu.

(Đầu hè năm Kỷ Mão, tức năm Dân Quốc 28 - 1939)

22. Lời tựa sách Triều Mộ Khóa Tụng Bạch Thoại Giải Thích

Đại giáo truyền sang phương Đông gần hai ngàn năm, dù tăng hay tục ai nấy đều tùy theo pháp nào gần gũi với tánh mình mà tu trì. Tuy pháp môn tu trì có đủ mọi thứ sai khác, nhưng tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối, siêu độ cô hồn, cầu sanh Tịnh độ thật sự là những điều chánh yếu. Vì thế, từ các kinh chú, các pháp môn, cổ đức đã chọn lọc lấy những phần chánh yếu, soạn thành hai thời công khóa sáng tối để các hành nhân y theo đó tu trì nhằm tiêu trừ nghiệp chướng, tăng

trưởng phước tuệ, báo đáp tứ ân, siêu độ cô hồn. Do lòng từ rộng lớn của đức Phật, do tận hết lòng thành của chính mình, cố nhiên đạo ấy thông trên, thấu dưới, ích lợi ấy dù cõi âm hay dương gian đều chẳng hề thiếu sót. Do vậy, đạo tràng trong thiên hạ dù Tông hay Giáo, dù Luật hay Tịnh, không đâu chẳng kính vâng lấy đó làm chương trình tụng niệm nhất định.

Đầu đời Thanh đã có người soạn cuốn Nhật Khóa Tiệm Mông¹⁶⁶ nhưng chỉ giải thích đại lược câu chữ mà thôi. Gần đây có pháp sư Hưng Từ soạn cuốn Nhị Khóa Hiệp Giải khá tường tận rõ ràng, nhưng do văn tự hơi sâu nên kẻ sơ cơ chưa được lợi lạc cho lắm. Cư sĩ Hoàng Hàm Chi trong mấy năm trước đã từng soạn cuốn Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam và Di-đà Bạch Thoại Giải Thích in tới hơn mấy chục vạn bản. Những người đề xướng học Phật ở những nơi khác đều tiếp tục thỉnh sách. Cố nhiên, Hoàng Hàm Chi biết văn bạch thoại chẳng thể nào súc tích, trang trọng như văn ngôn được, nhưng do nó có thể giúp cho người kém học vẫn sẽ nhờ vào đấy để lãnh hội được, nên ông hoàn toàn dùng thể văn bạch thoại để giải thích khóa tụng sáng tối. Ông rất sợ kiến giải của chính mình không chừng sẽ có những chỗ chưa thấu đáo nên mỗi mỗi đều cậy người bạn là cư sĩ Cổ Hiên Vi sửa chữa. Lại do thấy những ý nghĩa tốt cùng của những danh tướng được nói đến trong sách ấy có lẽ độc giả chưa hoàn toàn hiểu trọn, nên trước đây đã viết các tập sách Phật Pháp Đại Ý, Tâm Kinh Bạch Thoại Giải Thích và Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích, khá nhiều tác phẩm đều được đề xuất lưu hành riêng.

Hai thời khóa tụng có được bản giải thích này thì kẻ sơ cơ sẽ nối tiếp nhau hưởng các thứ lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, trì tụng kinh chú quý tại chí thành, dẫu trọn chẳng biết nghĩa, mà nếu có thể hết lòng thành, cạn lòng kính, kiên thành, khẩn thiết thọ trì thì lâu ngày chầy tháng tự nhiên sẽ nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, tâm minh, còn có thể thấu hiểu trực tiếp ý Phật, hướng là những giải thích về mặt văn tự và ý nghĩa của chúng ư? Nếu không, dẫu có thấu hiểu thông suốt, nhưng do chẳng chí thành thì chỉ trở thành tình kiến phàm phu, dò đoán suy lường mà thôi; chứ không có cách nào đạt được lợi ích chân thật và sự cảm ứng chân thật của kinh. Do hoàn toàn là thức tâm¹⁶⁷ phân biệt suy lường thì làm sao có thể ngậm thông Phật trí, thâm hợp diệu đạo, hễ vừa vượt thoát liền chứng nhập trực tiếp, mau chóng đạt lợi ích thù thắng?

Thường thấy ngu phu ngu phụ cầm cúi tu trì đạt được lợi ích hơn hẳn kẻ thông minh nhiều lắm. Ấy là vì một đằng hết lòng thành, cạn lòng kính, chuyên tâm

¹⁶⁶ Cuốn sách này do ngài Thích Hải Khoan biên soạn dưới đời vua Ung Chánh.

¹⁶⁷ Thức tâm (còn gọi là *tâm sở pháp*), tức cái tâm bị chi phối bởi tác dụng của sáu thức hay tám thức; gọi như vậy để phân biệt với chân tâm.

nhất chí, còn một đấng thì hờ hững, lộn lộn, tán loạn, hư vọng suy lường mà ra. Xin các độc giả đều biết ý này, đây chính là đã hiểu trọn ý nghĩa của kinh, khi trì tụng sẽ chẳng còn sanh phân biệt nữa, sẽ như đối trước thánh dung đích thân lắng nghe viên âm, trọn không thấy có một niệm nào để được thì lợi ích ấy chẳng thể dùng ngòi bút để hình dung được đâu. Đây chính là bí quyết trì tụng. Nguyên khắp các đồng nhân đừng coi thường lời này thì may mắn lắm thay!

(Giữa xuân năm Canh Ngọ, tức năm Dân Quốc 19 - 1930)

23. Lời tựa cho lễ truyền giới tại Viên Giác thiền viện ở Ngự Sơn, huyện Sào

Đức Như Lai dùng ba sự để giữ cho chánh pháp tồn tại lâu dài trong thế gian khiến cho chúng sanh đều được độ thoát. Ba sự ấy là gì? Chính là giới định tuệ. Do chúng sanh một mực trái nghịch đạo giác, xuôi theo trần lao, luân hồi trong lục đạo, nên nay đức Phật muốn làm cho họ bỏ trần lao thuận theo đạo giác, hướng tới chứng được Niết-bàn. Nếu không có giới thì chẳng có gì trói buộc, ắt sẽ đến nổi đuổi theo trần cảnh, khởi hoặc, tạo nghiệp. Không có định thì sóng thức cuộn cuộn, làm sao tâm không trụ vào đâu cho được. Không có tuệ sẽ do đâu triệt chứng được chân tâm sẵn có? Vọng hoặc huyền khởi sẽ do đâu mà nhanh chóng diệt mất? Vì thế kinh Lăng-nghiêm dạy: “Nhiếp tâm là giới, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ. Đây gọi là tam vô lậu học.”

Hãy nên biết, cả ba điều này chính là một, tuy một nhưng là ba. Đừng cho rằng giới chỉ là nền tảng ban đầu của định và tuệ mà thôi! Phạm *luật nghi giới* giữ cho thân chẳng làm những điều ác thì có thể gọi là nền tảng ban đầu, nhưng *định cộng giới* giữ cho tâm chẳng khởi những vọng niệm, và *đạo cộng giới*¹⁶⁸ nghiệp tận tình không, chân cùng, trí rạng, há chẳng phải là toàn thể đại dụng của định và tuệ ư? Há nên chỉ coi là nền tảng ban đầu ư? Nhưng định cộng giới và đạo cộng giới lấy luật nghi giới làm bản thể, chỉ do công dụng trì giới sâu hay cạn mà lập ra hai cái tên ấy, chứ chẳng phải là nói đến thứ giới bổn nào khác cả. Người đời thường lấy luật nghi để bàn luận, đến nỗi chẳng biết hoặc coi thường

¹⁶⁸ Luật nghi giới: Những giới luật do đức Phật chế định nhằm giữ cho ba nghiệp thân miệng ý của hành giả được thanh tịnh, ngăn ngừa những vọng niệm nảy sanh, có tác dụng “*phòng phi, chỉ ác*” (ngăn ngừa những điều sai trái, dứt các điều ác). Định cộng giới: Giới đạt được do đạt đến mức tinh thuần nơi định, tức là do định tâm bất tán nên luôn giữ được giới thể, giới tướng thanh tịnh. Tâm thường an trụ trong định nên tất cả hành vi, tạo tác, tâm niệm tương ứng với định, không còn rong ruổi theo trần cảnh nên tuy không chú tâm giữ gìn giới tướng mà không trái phạm giới. Đạo cộng giới cũng tương tự, nhưng là sự giữ giới tinh thuần do tác dụng của tuệ học.

ý nghĩa chế giới lớn lao của đức Như Lai. Chẳng khởi sự từ văn huân¹⁶⁹ mà mong đạt được chân giới, chân định, chân tuệ, đáng than lắm thay!

Pháp đạo của đức Như Lai có phạm vi rộng khắp mười cõi, tuy các bậc đại sĩ hoằng pháp ai nấy đều tam học viên minh, nhưng do kiến lập môn đình, mỗi vị chẳng thể không chuyên chú trọng nơi một môn. Hoặc chuyên chú nơi “chỉ tác trì phạm”¹⁷⁰ thì thành Luật, hoặc chuyên chú nơi tu quán giảng diễn thì thành Giáo, hoặc chuyên chú nơi tham cứu bồn lai để mong triệt ngộ thì thành Tông (Thiền). Tông mang tên là “*giáo ngoại biệt truyền*” (truyền riêng ngoài giáo) còn Luật là “*giáo nội chân truyền*” (chân truyền bên trong giáo). Nói “biệt truyền” là muốn cho con người thấy được bản thể ở ngoài ngôn ngữ, chứ không có nghĩa là Tông vượt xa hẳn ra ngoài giáo lý.

Hãy thử nghĩ xem, lúc đức Thế Tôn cầm cành hoa giơ lên, ngài Ca-diếp mỉm cười, bồn địa phóng quang, triệt để hiển lộ. Hiểu rõ điều ấy thì tất cả hình sắc trọn khắp thế gian, không gì chẳng phải là đóa hoa đang được đức Thế Tôn cầm, không gì chẳng làm cho con người thấy được triệt để diện mục sẵn có của chính mình trước khi được cha mẹ sanh ra. Huống chi vô thượng diệu pháp được nói bởi chính kim khẩu của đức Như Lai lại chẳng phải là đóa hoa ấy hay sao, chẳng thể làm cho con người đích thân thấy được bản lai diện mục ư?

Nhưng trăm vạn trời người đâu thấy đức Thế Tôn cầm cành hoa giơ lên thấy đều ngơ ngác, cũng như đang cười lừa lại đi tìm lừa, trọn chẳng thể lãnh hội được. Nếu biết bản lai diện mục chính là ở ngay nơi đây thì bao nhiêu người sẽ thành tựu ngay trong đời hiện tại, đỡ tốn sức biết bao nhiêu. Do mê nên chẳng biết quay trở lại, giống như chàng Diễn-nhã [trong kinh Lăng-nghiêm nhìn vào gương] trông thấy đầu mình, vô cớ phát cuồng chạy quàng lên; hạt châu trong chéو áo mà oan uổng chịu bần cùng, thật đáng buồn thay! Cần biết rằng Luật, hay Giáo, hay Tông, phải trọn vẹn cả ba thứ này thì mới có thể tiếp nối huệ mạng, truyền pháp đạo của đức Phật được. Nếu bị thiếu khuyết sẽ chẳng đủ để trên là chứng A-nậu Bồ-đề, dưới là độ hết thảy hàm thức.

Lô-xá-na Phật lấy giới làm thể, do không điều ác nào chẳng hết sạch nên gọi là tịnh, không điều thiện nào chẳng trọn vẹn nên gọi là mãn¹⁷¹. Đoạn ác tu thiện chính là cùng vâng giữ chỉ và tác. Do vậy, Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ,

¹⁶⁹ Văn huân: Do nghe pháp mà tâm thức được huân tập.

¹⁷⁰ Chỉ tác trì phạm: Gọi đúng ra là “chỉ trì, tác phạm”, tức là những giới hể ngăn dứt không làm thì là trì giới (nên gọi là chỉ trì), còn hể làm thì bị coi là phạm giới (nên gọi là tác phạm). Hiểu rộng hơn thì chỉ tác trì phạm chỉ chung cho mọi giới tướng.

¹⁷¹ Lô-xá-na Phật (Rocana) chính là báo thân Phật. Danh hiệu Lô-xá-na gồm hai nghĩa *tịnh* và *mãn*.

Tông là Phật tâm. Ba thứ tâm - ngữ - thân quyết chẳng thể tách rời, quyết khó thể thiếu sót. Nếu không thì một cánh khó bay, một bánh xe chẳng thể di chuyển được, muốn tự lợi lợi tha sẽ khó thể như nguyện.

Viên Giác Am ở Ngự Sơn sáng lập từ đời Minh, tồn tại cho đến ngày nay tuy có lúc chìm lúc nổi, hoặc suy hoặc thịnh khác nhau. Đến năm Dân Quốc thứ tám (1919), trụ trì là hòa thượng Cảnh Công phát tứ hoàng thệ quyên mộ tu bổ, đến năm Dân Quốc 15 (1926), điện vũ phòng ốc đều mới mẻ rạng ngời. Do điện vũ đã thành, lại muốn truyền giới bởi kiến tạo từng lâm chính là vì để thực hiện việc truyền giới này. Do vậy, từ ngàn dặm gửi thư yêu cầu tôi viết lời tựa nhằm nêu bật ý nghĩa này. Vì thấy hoàng truyền giới pháp chính là một chánh điện (nghĩ lễ chánh yếu) trong pháp môn nên tôi chẳng thể từ tạ được. Hiềm rằng Quang đối với Tông, với Luật, với Giáo đều chẳng có tâm đắc gì, làm sao có thể chẳng phụ lòng sư giao phó cho được? Chỉ đành thuật tóm tắt những điều mà tri kiến hèn tẻ của chính mình có thể lãnh hội được từ những gì Phật, tổ, cổ đức đã nói cho xong trách nhiệm.

Kinh Di Giáo dạy: “Này các thầy tỷ-kheo! Sau khi ta diệt độ, hãy nên tôn trọng, quý trọng, cung kính ba-la-đề-mộc-xoa¹⁷² như trong tôi tắm gội được ánh sáng, như kẻ nghèo được báu vật. Hãy nên biết đây chính là đại sư của các thầy giống như ta trụ thế, trọn chẳng khác gì!” Kinh Phạm Võng dạy: “Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành, nếu tin được như thế thì giới phẩm đã trọn đủ.” Lại nói: “Chúng sanh nhận lãnh giới nhà Phật liền dự vào địa vị Phật, địa vị giống với bậc Đại Giác, đúng là con của chư Phật.” Nguyện các Phật tử thọ giới ai nấy đều tự biết chính mình vốn sẵn là Phật, nhưng do mê trái nên ngược ngạo nhờ vào sức công đức Phật tánh ấy mà luân hồi trong lục đạo, chịu các sự khổ cùng cực.

Như Chuyển Luân Thánh Vương mộng thấy mình là con kiến, lần theo mùi tanh bò ở dưới thềm, tự thấy mình hèn nhỏ, nhưng thân vua nằm ở trên giường vẫn y nguyên như cũ chẳng mất. Đến khi tỉnh giấc mới biết huyền hoặc biến thành kiến, chứ trọn chẳng có thực thể. Hết thấy chúng sanh cũng giống như thế. Phật vốn là chưa thành, nghiệp vốn là không nhưng làm lạc tạo dựng, đề cao thánh cảnh, cam phạm phạm ngu, nhường cho mình đức Thích-ca Thế Tôn làm một vị

¹⁷² Ba-la-đề-mộc-xoa (prātimoksa) chính là giới luật để bảy chúng đệ tử Phật ngăn ngừa tội lỗi nơi thân khẩu ý, xa lìa các phiền não hoặc nghiệp hồng được giải thoát. Ba-la-đề-mộc-xoa thường được dịch nghĩa là tùy thuận giải thoát, xú xú giải thoát, biệt biệt giải thoát, biệt giải thoát, tối thắng, vô đẳng học v.v.. Nếu hiểu theo nghĩa hẹp thì ba-la-đề-mộc-xoa thường chỉ cho giới luật của hàng xuất gia, được chia thành tám tiểu loại: ba-la-di, tăng-tàn, bất định, xả đạo, đơn đạo, ba-la-đề-đề-xá-ni, chúng học, diệt tránh pháp.

trượng phu hùng mãnh, há chẳng đáng buồn quá đời ư? Nếu các Phật tử thọ giới ai nấy đều gắng sức thì chẳng những không phụ một phen nhọc lòng truyền giới của hòa thượng Cảnh Công, mà còn an ủi được một phen thánh ý xuất thế chế giới của đức Như Lai vậy.

24. Lời tựa ấn hành bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài phạm vi của nó được, như trời che khắp, như đất nâng đều. Không một pháp nào chẳng được kiến lập từ pháp này, không một ai chẳng được pháp này un đúc. Do hết thấy các pháp Đại, Tiểu thừa đức Như Lai đã nói trong suốt một đời đều là tùy theo căn tánh của chúng sanh mà nói, hoặc khế lý nhưng chẳng thể khế hợp khắp mọi căn cơ; hoặc khế cơ nhưng chẳng thể khế hợp chí lý (lý tốt cùng) một cách triệt để. Vì thế, bản hoài xuất thế độ sanh của đức Như Lai bị khuất lấp chưa được thông suốt, đại pháp khiến cho chúng sanh được liễu thoát ngay trong đời này còn bị ẩn kín chưa được tỏ bày. Pháp hội Hoa Nghiêm tuy đã hướng dẫn về Tây Phương, nhưng hàng Nhân, Thiên, Quyền thừa Bồ-tát chưa được nghe. Các kinh cũng nhiều phen nói đại lược những đầu mối tốt lành, nhưng cương yếu của pháp môn chưa được đặt để.

Do vậy, đức Như Lai khởi lòng vô duyên từ, vận tâm đồng thể bi, trong hội Phương Đẳng đặc biệt nói ba kinh Tịnh độ Di-đà, độ khắp ba căn, thâm trọn chín giới, xiển dương đạo màu thành thủy thành chung của Như Lai, dạy cho chúng sanh quy mô vĩ đại “tâm làm, tâm là”. Cơ lẫn lý đều khế hợp, phàm lẫn thánh đều được nhờ, như thuốc a-già-đà trị chung vạn bệnh, như mười phương hư không bao hàm trọn muôn hình tượng, khiến cho khắp thánh phàm đều thành tựu đạo nghiệp trong đời hiện tại, tỏ bày thông suốt bản hoài xuất thế độ sanh của Như Lai. Nếu đức Như Lai chẳng nói pháp này thì chúng sanh đời mạt pháp không một ai có thể liễu thoát sanh tử ngay trong một đời này được.

Quang túc nghiệp sâu nặng, sanh nhằm làng quê đoạn diệt Phật pháp, mới sanh được nửa năm, lại đau khổ vì mắt nhắm nghiền sáu tháng. Đến tuổi đi học, bao lượt gặp cảnh giặc cướp, binh đao quấy nhiễu. Vừa có chút hiểu biết, lại trúng phải chất độc báng Phật của bọn Trình - Chu. May là học thức hoàn toàn chẳng có gì, chẳng thể tạo nghiệp hãm trong A-tỳ ngay trong khi còn sống. Nếu tài trí được như bọn họ, ắt sẽ đến nỗi tạo tội khiến mười phương hư không chẳng thể dung. Do ý ác ấy, mắc bệnh khổ lâu dài, suốt mấy năm hết như phế nhân. Một ngày nọ mới biết mình lầm lạc, bèn xuất gia làm tăng mong diệt tội lỗi. Tông - Giáo lý sâu không có sức nghiên cứu, Tịnh độ đạo lớn quyết chí tuân hành, toan làm một ông tăng chỉ biết cơm cháo, chỉ lo tự độ, chẳng mơ hoàng pháp lợi sanh.

Năm 33 tuổi đến chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, trụ trì là hòa thượng Hóa Văn biết Quang chỉ biết ăn cơm, không làm chuyện chi khác được, bèn cho làm thực khách thường xuyên, chẳng giao phó chút việc cón con gì. Hơn 20 năm cũng khá được an lạc, suốt năm không một ai đến thăm, không nhận được một lá thư nào.

Năm Tuyên Thống thứ ba (1911), tờ Phật Học Tùng Báo được phát hành tại Thượng Hải, ông Cao Hạc Niên mấy lần gửi báo qua bưu điện cho xem. Thấy những văn tự được in trong báo ấy phần nhiều hợp công đạo, nhưng những điều lạm bàn về chánh trị trong báo có chỗ hơi thiên vị, tôi trộm sợ rằng có người sẽ viện vào chuyện ấy để chê cười Phật pháp, bèn dùng cái tên Vân Thủy Tăng Thường Tàm để gửi thư xin nhà báo hãy lập luận cho công bằng, đừng để ngọc đẹp có vết, nhưng những vị biên tập trợn chẳng thèm để mắt đến. Về sau ông Hạc Niên lên núi này, tôi kể đầu đuôi; ông ta bèn đem mấy thiên cáo văn đăng báo, ký tên là Thường Tàm, chẳng một ai biết đến.

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ông Từ Ủy Như nhận được ba lá thư từ bạn hữu, bèn in ra năm ngàn bản, đặt tựa là Ấn Quang Pháp Sư Tín Cảo (bản thảo thư từ của pháp sư Ấn Quang) tặng cho mọi người. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), ông thu thập được hơn 20 bức thư nữa, đem in tại Bắc Kinh, đặt tựa là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, đem sách ấy đến Phổ Đà xin quy y. Quang bảo ông ta quy y với ngài Đế Nhân. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), lại in bộ Tục Biên.

Mùa thu năm ấy, mẹ ông mất tại nơi cư ngụ ở đất Thân (Thượng Hải). Tang ma xong xuôi, bèn nhờ Thương Vụ Ấn Thư Quán ghép bộ Sơ Biên và Tục Biên thành một bộ, in thành một tập. Năm Dân Quốc 12 (1923), Quang bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán in riêng bản Tăng Đỉnh, chia làm bốn quyển, lưu bản¹⁷³. Lần đầu, in hai vạn bộ. Năm Dân Quốc 14 (1925), lại cho Trung Hoa Thư Cục in bản Tăng Quảng, vẫn chia thành bốn quyển. Từ đấy, bất luận văn tự gì cũng đều nhất loạt không lưu lại bản nháp nữa, một là để khỏi lãng phí tiền tài thí chủ, hai là chẳng đến nỗi làm gai mắt huệ của người thông sáng.

Năm Dân Quốc 19 (1930), tôi yểm quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu, vị đương gia¹⁷⁴ chùa ấy là thầy Minh Đạo cho người sao trộm. Năm Dân Quốc 24 (1935), thầy ấy qua đời mới thôi. Năm Dân Quốc 26 (1937), Quang tỵ nạn tại núi Linh Nham, người sao chép bèn giao bản cáo cho vị đương gia [chùa Linh Nham]

¹⁷³ Bản Tăng Đỉnh về sau được bổ sung thêm một số bài nữa nên gọi là Tăng Quảng Chánh Biên, hay Ấn Quang Văn Sao Sơ Biên. “Lưu bản” là giữ lại bản in. Thuở ấy, thường in theo lối mộc bản, bản gỗ khắc chữ để in rất công kênh nên nếu không yêu cầu, nhà in sẽ không giữ lại mộc bản.

¹⁷⁴ Đương gia theo nghĩa gốc là vị quản gia của một dinh thự hoặc một phủ viện. Nhà chùa cũng dùng chữ đương gia để chỉ vị tăng quản trị một ngôi chùa.

là thầy Diệu Chân. Thầy Diệu Chân lại cho sao lục những bài viết từ các tờ bán nguyệt san. Quang biết, nhưng lọt vào thế không làm gì được, chỉ đành giáo duyệt kỹ càng để in, hồng mẫn nguyện thầy ấy.

Quang lúc nhỏ kém học vấn, lớn lên chẳng biết gì, văn cực vụng về, chất phác, chẳng đáng lọt vào mắt. Nhưng những điều Quang nói đều dựa theo ý kinh Phật, lời tỏ rồi tùy cơ nói giản lược đó thôi, chẳng dám vọng sanh ý kiến khác gây làm lạc cho người khác, lại thêm vào đó những gì mình đã từng trải hơn 50 năm. Nếu chịu bỏ qua văn để nắm lấy ý nghĩa, ắt có thể coi Văn Sao như một cột mốc gỗ¹⁷⁵ để chỉ thẳng chuyện Tây quy cũng chẳng ngại gì! Xin hãy dốc sức về Tây, đừng mãi tiến thẳng lên phía trước. Chớ vì cột mốc gỗ này xấu hèn mà chẳng muốn thấy lộ trình về Tây thì người dựng mốc lẫn người quy Tây đều cùng chẳng tiếc nuôi.

Thêm nữa, bộ Sơ Biên tuy đã in hơn mười vạn bộ, nhưng bậc đại thông gia thấy sách này chỉ chuyên nói đến chuyện “tín nguyện niệm Phật, nhân quả báo ứng, giữ vẹn luân thường, tận hết bốn phần, giáo dục gia đình”, toàn là những lời văn nô nê khuyên đời, trọn chẳng phải là những lời lẽ “vén mây thấy trăng, mở cửa thấy núi” mở rộng tâm mục cho người, tỏ bày thông suốt bản hoài của Phật, cho nên coi như đồ bỏ. Cũng có những người cùng một căn tánh như Quang, xem bộ sách này như diệp báo. Do đây mà người bỏ mê theo ngộ, bỏ tà về chánh, sống giữ vẹn luân thường, mất sanh về Cực Lạc đông lắm!

Bộ Tục Biên ngoài những điều đã nói như trong bộ Sơ Biên, còn thêm những chuyện như “khuyên sản phụ niệm Quán Âm, sữa hóa thành chất độc do người mẹ nóng giận giết chết con cái”. Đây đều là những điều cao tăng, thầy thuốc xưa nay chưa hề nói đến mà Quang cứ nhắc đi nhắc lại.

Cổ nhân nếu chẳng phải là tướng giỏi thì cũng là lương y, chỉ mong giúp đời, cứu sống người. Quang là ông tăng vô tri vô thức chỉ biết đến cơm cháo, do một mình ông Từ Úy Như lan truyền cái hư danh, rớt cuộc muôn người nhận tiếng hư, đón tiếng vang, ngỡ là thật, xem như thiện tri thức. Họ đã “đem sai ngoa truyền sai ngoa”, Quang chẳng ngại “dùng làm lạc đáp tạ làm lạc”, dạy người sống có nơi nương tựa, lúc mất có chỗ quy túc, sanh nở không gặp ách nạn, con chẳng bị

¹⁷⁵ Trong lời tựa bộ Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, thấy ghi là “mộc tiêu” (cái cột mốc bằng gỗ), còn ở đây ghi là “mục tiêu”. Mạt nhân cho rằng “mộc tiêu” hợp lý hơn, vì tỏ coi những lời dạy của mình như cái mốc đánh dấu đường bằng gỗ tâm thường. Chứ còn “mục tiêu” thì lại là mục đích để nhằm đạt đến, không thích hợp với ngữ khí hết sức khiêm nhường của tỏ trong bài tựa này. Hơn nữa, đoạn sau vẫn dùng chữ “mộc tiêu”, khiến chúng tôi càng tin chắc chữ “mục tiêu” đã bị chép lầm. Do vậy, chúng tôi mạo muội sửa thành “mộc tiêu” cho đoạn trước phù hợp với đoạn sau.

chết đột ngột để tận hết tấm lòng tôi. Dầu gai con mắt huệ của bậc thông hiểu, nhưng vì có ích cho người, không gây hại cho đời, nên bèn tùy thuận ý của hai thầy Minh Đạo, Diệu Chân cho lưu thông sách này và lược thuật duyên khởi. Hiểu tôi hay bắt tội tôi, đều không màng đến vậy!

25. Lời nói đầu dành cho bản báo cáo kết toán thu nhập lần thứ sáu của Hoằng Hóa Xã ở Tô Châu

Nhân quả báo ứng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Pháp môn Tịnh độ là đạo để hết thảy lục đạo tam thừa đạt đến mục đích liễu sanh thoát tử, viên chứng Bồ-đề. Kể từ sau khi Tống Nho bài xích nhân quả, pháp “trị quốc, trị gia, trị thân, trị tâm” chỉ còn là cành lá, trợn chẳng có cội gốc, dẫn đến những thói cuồng loạn không cứu vãn được, hết cả thuốc chữa! Dầu học Phật chẳng tu Tịnh độ vẫn có thể triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, nhưng nếu chưa đạt đến địa vị “nghiệp tận tình không” thì vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ. Biển sanh tử sâu thăm thẳm, đường Bồ-đề xa vời vợi, muốn cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử sẽ khó như lên trời!

Bất Huệ nghiệp nặng phước nhẹ, nghiệp sâu huệ cạn, tuy có lòng cứu nước cứu dân, tự lợi lợi tha, nhưng không có đạo để hoằng pháp cứu vớt mọi người, tự lập lập người, chỉ đành lượng theo sức mình ấn hành lưu truyền đôi chút những kinh sách thiết yếu, khế cơ tuyên nói về nhân quả và Tịnh độ để mong kẻ thấy người nghe đều cùng sanh chánh tín, cùng tu tịnh nghiệp, đều cùng giữ vey luân thường, trọn hết bốn phần, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành nhằm trọn hết tấm lòng tôi mà thôi.

Mùa xuân năm Canh Ngọ, tức năm Dân Quốc 19 (1930), thầy Minh Đạo tính lập ra Hoằng Hóa Xã tại Tịnh nghiệp xã Thượng Hải để lưu thông các kinh sách đã ấn tống trong mấy năm trước, được các vị cư sĩ tán trợ, đã bắt đầu hoạt động. Vào đầu hạ, Bất Huệ bế quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu nhất loạt không hỏi đến. Năm sau, Hoằng Hóa Xã dời về chùa Báo Quốc, khá phát đạt. Đến tháng 10 năm nay, sư Minh Đạo mất, chuyện Hoằng Hóa Xã không giao được cho ai, chỉ đành tự đảm nhiệm. Nhưng tôi là một tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo đã 76 tuổi lại thù tiếp vụng về, nếu các đại cư sĩ có lòng Bồ-đề vì pháp, vì người vẫn duy trì như cũ thì kinh sách của Hoằng Hóa Xã sẽ có thể lưu truyền xa gần, chẳng đến nỗi do vì Bất Huệ lo liệu mà bị bỏ phế, hoạt động rời rạc vậy. Viết những điều này để mong các đại cư sĩ sáng soi.

(Giữa xuân năm Bính Tý, tức năm Dân Quốc 25 - 1936)

26. Duyên khởi niệm Phật bốn mươi chín ngày của lan-nhã Thường Tịch Quang núi Vân Cư, Hàng Châu

Pháp niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt để phổ độ chúng sanh của đức Như Lai. Thích hợp khắp ba căn, thâm tóm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, trên là bậc Đăng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài được, dưới là tội nhân nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào hải hội, hề được vắng sanh nhất định chứng Bồ-đề. Huống chi chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn, chẳng nương theo pháp này thì làm sao yên được?

Lão hòa thượng Vi Quân đã xét nghĩ điều này, bèn lập một lan-nhã ở núi Vân Cư thuộc châu thành đất Hàng, đặt tên là Thường Tịch Quang, ý muốn để cho mình cùng người đều niệm danh hiệu Phật, cùng sanh về cõi Phật, dần dần tấn tu hòng cùng được viên mãn Phật quả. Kể từ khi ngài Vi Quân qua đời, học trò ngài đều nghiêm túc tuân theo lệnh thầy, vĩnh viễn giữ gìn quy củ đã thành nề nếp. Nay đại sư Diệu Đăng thấy một pháp niệm Phật nhiếp khắp kẻ định tâm lẫn tán tâm, nhưng cần phải chuyên ròng dụng công để mong đắc nhất tâm ngũ hầu lên thẳng thượng phẩm, mau chứng Tịch quang, liền tính mỗi năm vào cuối mùa đông sẽ lập một kỳ hạn nhất định chuyên niệm Phật trong 49 ngày để mong tâm khế hợp với Phật, hòng chứng được nghĩa “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, cảm ứng đạo giao, chẳng phụ lòng thành như mẹ mong con, như con nhớ mẹ.

Pháp hội đã mở ra, chỉ mong lợi lạc trọn khắp. Phàm kẻ tại gia thiện sĩ muốn tùy hỷ tu trì đều chấp thuận hết. Chỉ có những vị anh hiền chốn khuê các cố nhiên nên ở yên trong nhà, nhất tâm niệm Phật, chẳng cần phải đến dự hội để mong đích thân được hưởng lợi ích chân thật, không vướng phải các hiềm nghi, khiến cho người khác sanh lòng ngưỡng mộ, vĩnh viễn dứt hết các nghi báng, ai nấy tùy theo phận mình gắng sức tu trì, quả thật là nhiệm vụ trọng yếu. Nguyên khắp những ai thấy nghe đều cùng sanh lòng tin, cùng tu tịnh nghiệp ngũ hầu cùng sanh về Tịnh độ, cùng chứng Bồ-đề, hưởng các pháp lạc đến tột cùng đời vị lai.

(Giữa hạ năm Giáp Tý, tức năm Dân Quốc 13 - 1924)

27. Duyên khởi của liên xã Hải Môn tại Phước Châu

Chân như tánh hải tịch chiếu viên dung, vô năng vô sở, chẳng dời chẳng biến, ngay cả cái tên Niết-bàn còn chẳng có thì làm sao có chuyện sanh tử? Nhưng vì chúng sanh mê muội, chôn vùi toàn thể, chẳng hiểu tự tâm, lầm lạc đuổi theo huyền cảnh. Do vậy, đối với những cảnh thuận, nghịch, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, từ kiếp này sang kiếp khác luân hồi trong lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra, ngược ngạo nương vào sức tịch chiếu viên dung của chân như Phật tánh

ấy để làm cái gốc khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi sanh tử, há chẳng đáng buồn quá đời ư? Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, tùy cơ chỉ dạy, nói đủ mọi pháp, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, đích thân thấy được Phật tánh. Hiềm rằng chúng sanh căn khí bất nhất, liễu thoát ngay trong đời này chẳng được mấy kẻ. Do vậy, đức Phật liền đặc biệt mở ra một môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ để mong sao bọn họ dù thánh hay phàm đều cùng được giải thoát ngay trong đời này. Ấy là vì “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” chứ chẳng phải có một Phật quả ở riêng ngoài tâm để đạt được. Do Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực cũng chẳng thể nghĩ bàn; chúng sanh và Phật dung nhiếp nhau, cảm ứng đạo giao, nên dễ được thành tựu.

Cư sĩ La Vũ Tăng ở Hải Môn xưa đã trông coi đức, bảm tánh nhân từ tốt lành, đề xướng Tịnh độ chẳng tiếc sức thừa, muốn cho hết thảy những người cùng hàng đều chứng Phật tánh sẵn có. Vì thế khi lâm chung cụ được toại nguyện. Con cụ là Khanh Doan, Ngạn Tuấn gắng sức tiếp nối chí cha, lập ra chỗ lưu thông kinh Phật trong nhà, muốn cho những tịnh lữ trong vùng phụ cận tùy thời niệm Phật; cho nên tại chỗ lưu thông, lập một liên xã, đặt biển ghi tên là Hải Môn. Do biển pháp của chư Phật chỉ có niệm Phật là dễ vào nhất, chân như tánh hải chỉ có niệm Phật là dễ đích thân chứng được nhất. Do vậy, pháp môn niệm Phật này chính là cửa ngõ để vào biển pháp của chư Phật, để chứng chân như tánh hải. Vì thế đặt tên là Hải Môn.

Đây là ước theo lý mà luận, chứ nếu ước theo sự để nói thì do cha họ là cư sĩ Hải Môn đề xướng niệm Phật, hết thảy đại chúng mới biết: Trong cõi đời có pháp môn Tịnh độ tốt bậc rộng lớn, tốt bậc viên đốn, tốt bậc sâu mầu, tốt bậc giản tiện! Phàm những ai đến đây niệm Phật, ắt phải giữ vey luân thường, nghiêm túc trọn hết bốn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, cứu giúp người đang gặp nạn ngặt nghèo, dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để dạy người. Người làm được như thế thì tâm sẽ hợp với Phật, tâm sẽ hợp với đạo. Lúc còn sống liền dự vào địa vị thánh hiền, khi lâm chung lên thẳng cõi Cực Lạc, ngõ hầu thỏa mãn bốn nguyện đề xướng của cư sĩ Hải Môn. Nơi nơi đều lập liên xã, mỗi mỗi đều phụng theo Hải Môn, sẽ thấy Phật pháp hưng thịnh, tai ương tiêu diệt, mưa hòa gió thuận, cùng nhau đạt đến cõi đời đại đồng¹⁷⁶, dân khỏe mạnh, vật sanh sôi, cùng vui hưởng cuộc sống tươi vui, tốt đẹp vậy.

¹⁷⁶ Theo Nho gia, đại đồng (大同) là một thế giới toàn hảo, trong đó con người không có lòng vật dục riêng tư. Khái niệm này bắt nguồn từ thiên Lễ Vận sách Lễ Ký. Theo đó, Khổng tử do

28. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Lạc Thanh

Đức Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê mất cái tâm màu nhiệm vốn có nên luân hồi trong sanh tử, bèn thị hiện giảng sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, tùy thuận căn cơ của chúng sanh nói đủ mọi pháp. Tuy Đại, Tiểu, Quyền, Thật bất đồng, dầu Thiên, Viên, Đốn, Tiệm mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều là nhằm khai - thị - ngộ - nhập tri kiến của đức Phật cho chúng sanh khiến họ rốt ráo thành Phật mới thôi. Nhưng căn cơ chúng sanh có lớn nhỏ, mê có cạn sâu, chẳng thể thỏa thích bồn hoai của Phật ngay được; lại vì chúng sanh đời mạt nghiệp chướng sâu nặng, trí tuệ cạn mỏng, thọ mạng ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, nếu chẳng cậy vào Phật lực quyết khó thể liễu thoát. Do vậy, đặc biệt lập ra một pháp môn Tịnh độ nhiếp trọn các pháp sơ - trung - hậu, thích hợp khắp cả ba căn thượng - trung - hạ, ngộ hầu những vị đã chứng pháp thân sẽ mau thành Phật đạo, kẻ chưa đoạn phiền hoặc cũng thoát khỏi luân hồi. Lợi ích ấy vượt trội những giáo pháp trong suốt một đời giáo hóa của đức Phật, vì một đẳng chuyên cậy vào tự lực, một đẳng kiêm nhờ vào Phật lực.

Ví như gã chân teo suốt ngày chỉ đi được mấy dặm, nếu ngồi luân bảo¹⁷⁷ của Chuyển Luân Thánh Vương thì trong một ngày liền đến khắp bốn châu. Vì thế, pháp này được chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói, là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn công là vị mở liên xã đầu tiên, đương thời bậc cao tăng đại nho dự vào hội có tới 123 người.

có việc phải sang Lạp Tân, xong việc, đi du ngoạn, chợt thở dài vì cảm thán cho tình hình nước Lỗ. Ngôn Yên bèn hỏi nguyên cớ, Khổng tử đáp: “Đại đạo được thực hành bởi ba vị thánh quân anh minh thời Tam Đại, Khâu tôi chưa đạt đến, nhưng sẵn chí mong mỏi. Hễ đại đạo được lưu hành thì thiên hạ đều là của chung. Chọn lựa người hiền, cử người tài năng, thành tín, hòa thuận. Cho nên con người chẳng chỉ lo phụng dưỡng cha mẹ của chính mình, chẳng lo nuôi dạy con cái của riêng mình, mà ắt sẽ khiến cho người già được chết an lành, kẻ trẻ khỏe được sử dụng đúng tài năng, trẻ thơ được trưởng thành, cứu giúp người góa bụa, những kẻ mồ côi, lẻ loi, tàn tật đều được giúp đỡ. Nam tròn bổn phận, nữ có nơi nương tựa. Vật dụng không bị vứt bỏ trên đất, nhưng chẳng giấu giếm cho riêng mình. Chẳng ngại ngần ra sức làm lưng, nhưng chẳng cậy công. Vì thế, những mưu mẹo bị ngăn chặn, không thể dấy lên được, trộm cắp, loạn tặc chẳng thể xảy ra. Do vậy công ngộ chẳng cần phải đóng. Đó gọi là đại đồng.”

¹⁷⁷ Luân bảo (cakra-ratna) là bánh xe bằng chất báu, chính là một trong bảy món báu của Chuyển Luân Thánh Vương (Cakravartī-rāja) được cảm thụ bởi sức phước báo của vua, giúp vua có thể đi tới khắp mọi nơi, không ai ngăn trở được. Luân bảo có bốn loại vàng, bạc, đồng, sắt, riêng luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương (Kim Luân Vương) có đến một ngàn cậm. Chuyển Luân Thánh Vương dùng luân bảo ấy để bay đi khắp mọi nơi, chinh phục khắp bốn đại châu.

Từ đây trở đi, đời nào cũng có cao nhân tục diệm truyền đăng trọn khắp trong ngoài nước.

Đại pháp của Như Lai có năm thứ là Luật, Giáo, Tông, Mật, Tịnh, nhưng chỉ có một pháp Tịnh độ là dễ tu trì nhất, dễ thành tựu nhất, là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Tông, Mật. Vì thế, các vị tri thức Luật, Giáo, Tông, Mật xưa nay đều chú trọng ngâm tu, rất nhiều vị cực lực công khai giáo hóa đại chúng bằng pháp môn này. Pháp này chân lẫn tục cùng viên dung, cơ và lý cùng khế hợp, chẳng những là pháp để người học đạo lập tức thoát khỏi luân hồi mà còn là nền tảng để bậc cai trị đất nước ngồi hưởng thái bình. Vì thế vãng thánh tiên hiền, người thông đạt, bậc trí tuệ đều cùng tu trì giống như mọi ngôi sao châu về Bắc Đẩu, như các dòng nước chảy xuôi vào biển Đông.

Gần đây, lòng người kém hơn xưa, bỏ gốc chạy theo ngọn, gió Âu dần dần thổi sang Đông, đua nhau đề cao duy tân, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ hiếu vút then, đến nỗi hùa theo nhau ầm ĩ đề xướng giết cha giết mẹ. Người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm trông thấy hiện tượng ấy, sợ đạo làm người gần như bị diệt mất, đua nhau lập cách cứu vãn. Do vậy, các xứ đều lập Tịnh nghiệp xã, Cư sĩ lâm, đề xướng Phật học, nêu tỏ nhân quả ba đời, chỉ rõ luân hồi trong lục đạo, khiến cho hết thảy mọi người đều giữ tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ”, hành tám sự “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, ắt sẽ ngăn giận, chặn dục, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành để thành người hiền, người thiện trong thế gian, phát tâm Bồ-đề, tự hành dạy người, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Đến khi lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương, trở thành thượng thiện nhân xuất thế gian. Đây là đại ý vì sao các xứ lập Tịnh nghiệp xã.

Từ xa xưa, Ôn Châu là cuộc đất Phật giáo hưng thịnh. Trước kia đã có Ngô Bích Hoa cực lực đề xướng, do vậy Lạc Thanh, Hồng Kiều đã thiết lập Cư sĩ lâm. Nay Ngô Trí Hình, Lâm Trí Minh tập hợp các tín sĩ, lập ra một Tịnh nghiệp xã ở huyện thành để mong chuyển đổi lòng người, giúp đỡ cho nền chánh trị của nước nhà, họ rất sợ kẻ chưa am hiểu Phật lý sẽ không thể nào hiểu rõ được lợi ích rộng lớn sâu xa ấy nên đặc biệt xin Quang soạn bài ký nêu tỏ ý nghĩa ấy ngõ hầu ai nấy đều có thể thật sự đích thân chứng được diệu đạo sẵn có ở ngay nơi cái tâm. Đối với sự kiến lập Tịnh nghiệp xã và sự tu trì trong liên xã ấy thì đã có người ghi chép riêng nên ở đây tôi không viết cặn kẽ.

(Đầu thu năm Quý Dậu, tức năm Dân Quốc 22 - 1933)

29. Duyên khởi của phân xã Đường Ấp thuộc Phật giáo Cư sĩ lâm Nam Thông

Đức Đại Giác Thế Tôn... *(cho đến)* Đây là đại ý vì sao các xứ lập Tịnh nghiệp xã *(Hoàn toàn giống với bài duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Lạc Thanh)*. Giang Tô là nơi Phật pháp được khởi xướng đầu tiên ở phương Nam. Nam Thông rất gần Tô Châu, vốn xưa kia là chỗ “nhà nhà Quán Thế Âm, chôn chôn Di-đà Phật”. Cuối đời Thanh, vận nước ngày một suy, pháp vận cũng suy theo, đèn nổi tiếng tụng kinh, giọng niệm Phật hiệu gần như im bật. Gần đây cõi đời loạn lạc đến cùng cực, dân không lẽ sống, những ai có lòng đều đề xướng Phật học, nơi nơi đều lập ra Cư sĩ lâm, Tịnh nghiệp xã v.v. được lập ra đông đảo như rừng.

Cư sĩ Trần Huệ Cung nhóm họp mấy chục người cùng chí hướng thành lập Cư sĩ lâm tại Đường Ấp, mỗi Chủ Nhật hằng tháng phàm những lâm hữu đã gia nhập hội và những thiện tín tùy hỷ đều cùng đến niệm Phật một lượt. Hễ rảnh rang thì bèn thừa dịp thuận tiện diễn nói phương pháp tu trì và lợi ích của pháp môn Tịnh độ, cũng như nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, tam cương, ngũ thường, thập thiện, bát đức, để hết thảy chúng sanh đều cùng biết đạo đẹp loạn nhằm đạt bình trị và pháp siêu phàm nhập thánh, ngõ hầu chẳng đến nỗi uổng sẵn đủ Phật tánh có thể làm Phật mà vĩnh viễn luân hồi trong tam đồ lục đạo suốt kiếp, chẳng thể hưởng dùng được. Các lâm hữu xin chỉ dạy cương yếu, do vậy tôi lược thuật những nét chánh yếu trong pháp môn Tịnh độ và duyên khởi thành lập Cư sĩ lâm. Nguyên người thấy nghe đều cùng chú ý, được như vậy thì sẽ chẳng uổng cuộc sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này, sẽ noi dấu các bậc thánh đời trước trọn chẳng áy náy gì.

(Đầu hạ năm Giáp Tuất - 1934)

30. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Nam Kinh

Đức Đại Giác Thế Tôn... *(cho đến)* Đây là đại ý vì sao các xứ lập Tịnh nghiệp xã *(Hoàn toàn giống với bài duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Lạc Thanh)*. Nam Kinh là cuộc đất Phật giáo hưng thịnh từ thời cổ, nay lại được lập làm thủ đô. Phàm những bậc vĩ nhân, kiệt sĩ, học rộng, trí sâu đều tụ họp về đây. Không có tịnh xã sẽ chẳng dễ tu thật hạnh hòng chứng tịnh quả. Hơn nữa, năm phương cùng tụ lại một chỗ, rần rờn hỗn tạp, nếu không có tịnh xã thì làm sao thoát khỏi hàng tối để vượt lên cây cao chót vót.

Do vậy, các vị cư sĩ Dương Tiên Phân, Ngụy Ngưỡng Sơn v.v. vào những lúc công việc rảnh rỗi đã suất lãnh những người cùng chí hướng tu trì tịnh nghiệp.

Do những người nghe tiếng liền tùy hỷ đông đảo, nên tạm thời thuê am Diệu Phong để làm cơ sở. Lại sợ những người thấy nghe và xã hữu chẳng biết lợi ích của pháp môn bèn cậy Quang viết duyên khởi nhằm nêu rõ cái đạo sẵn có ngay trong cái tâm này, pháp tu chân ngay trong cõi tục, cũng như lợi ích do dùng chính niệm Phật để bảo vệ đất nước, do ngàm tu mà giúp đỡ cõi đời khiến cho những ai thấy nghe đều được biết rõ.

(Cuối hạ năm Ất Hợi, tức năm Dân Quốc 24 - 1935)

31. Duyên khởi của Niệm Phật xã Hồ Tây

Đức Đại Giác Thế Tôn điều ngự chúng sanh tùy cơ thuyết pháp, tuy Đại, Tiểu, Thiên, Viên bất đồng, dầu Quyền, Thật, Đốn, Tiệm mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều là muốn làm cho chúng sanh đích thân chứng được chân như Phật tánh sẵn có ngay trong tự tâm mà thôi. Nhưng Phật tánh ấy sẵn có trong cái tâm, chứ chẳng phải là vật từ bên ngoài đến, như lấy của báu trong nhà sẽ được thụ dụng ngay trong hiện tại. Do vậy chúng Phật tánh ấy là chuyện cực dễ dàng! Hiềm rằng chúng sanh ở trong sanh tử đã lâu, mê hoặc rất sâu, ví như gương báu bị bụi phủ cả kiếp, muốn khôi phục bản thể quang minh chiếu trời soi đất của nó cố nhiên chẳng thể đồ công lau chùi một hai ngày sẽ liền đạt ngay được. Đức Như Lai bi tâm chân thật, thiết tha, biết chúng sanh đích thân chứng đắc bằng tự lực sẽ khó khăn; dầu có tu trì nhưng vì chưa đoạn phiền hoặc, hễ thọ sanh lần nữa sẽ chẳng khỏi lại mê. Từ đây kẻ đọa lạc thì đông, người siêu thăng ít ỏi. Do vậy, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật để những vị đã chứng pháp thân sẽ mau thành Phật đạo, kẻ chưa đoạn phiền hoặc cũng thoát khỏi luân hồi.

So với những kẻ chỉ cậy vào tự lực tu giới định tuệ hòng liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, thì sự khó dễ khác biệt vơi vơi một trời một vực. Bởi lẽ, một đẳng chuyên cậy vào tự lực, một đẳng kiêm nhờ vào Phật lực. Ví như gã teo chân suốt ngày chỉ đi được mấy dặm, nhưng nếu cưỡi luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương trong một ngày sẽ đến khắp bốn châu. Vì thế pháp này được chín giới cùng hướng về, mười phương chung xưng tán, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói. Do vậy, pháp này là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Xét từ khi đại giáo truyền sang phương Đông, Viễn công sáng lập liên xã đầu tiên, đương thời có đến 123 vị cao tăng, đại Nho tham dự. Từ đây trở đi, tất cả Luật, Giáo, Thiên, Mật, không ai chẳng lấy cầu sanh Tịnh độ để làm bước cuối cùng nhằm trở về cội, quay lại nguồn. Bởi thế, gió sen thổi khắp trong ngoài nước, pháp lợi trọn khắp xưa nay!

Gần đây lòng người kém xưa, vút bỏ gốc, đuổi theo ngọn, gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, đua nhau đề cao duy tân, phé kinh điển, phé luân thường, phé bỏ lòng hiếu, vút bỏ lòng thẹn, hòa nhau đề xướng những ác hạnh giết cha, giết mẹ v.v.. Người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm trông thấy hiện tượng ấy, sợ đạo làm người gần như bị diệt mất, đua nhau lập cách cứu vãn. Do vậy, các xứ lập Tịnh nghiệp xã, Cư sĩ lâm, Niệm Phật xã hòng đề xướng Phật pháp, tỏ rõ nhân quả ba đời, chỉ ra luân hồi trong lục đạo, nêu bày Phật tánh chân thường, khen ngợi Tịnh độ cao siêu thù thắng, khiến cho hết thảy mọi người giữ gìn tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ”, hành tám sự “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, ắt sẽ ngăn giận, chặn dục, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để thành hiền nhân, thiện nhân trong thế gian, phát tâm Bồ-đề, tự hành dạy người, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, để đến khi lâm chung, Phật và thánh chúng đích thân rủ lòng tiếp dẫn hòng được vãng sanh, trở thành bậc thượng thiện nhân xuất thế gian. Đây chính là ý nghĩa lớn lao của việc các nơi lập xã, dựng lâm vậy.

Vùng Hồ Đức (Thượng Hải) là vùng đất Phật giáo hưng thịnh từ thời cổ, nay trở thành bến cảng thông thương lớn nhất. Trong năm Dân Quốc thứ mười (1921), đã do các vị cư sĩ như Vương Nhất Đình v.v. sáng lập Phật giáo Tịnh nghiệp xã, Phật giáo Cư sĩ lâm, ước định chương trình quy củ, chú trọng tu trì thực tiễn, nhưng một giải phía tây đất Hồ vẫn còn thiếu khuyết. Nhờ các vị cư sĩ như Kiều Tuân Như, Kim Thiện Sanh v.v. sáng lập Niệm Phật xã tại miếu Điện Tử thuộc trấn Tào Hành. Ngày mùng 1 mỗi tháng, suất lãnh những người cùng chí hướng kiên thành trì niệm thánh hiệu, hồi hướng Tây Phương, còn kèm thêm diễn thuyết lợi ích tu trì. Họ sợ người thấy nghe và những người tham dự liên xã chưa biết nguyên do, bèn cậy Quang soạn lời duyên khởi, do vậy tôi bèn thuật đại ý.

Cần biết rằng: Những hạnh như vừa nói trên đây chính là do niệm Phật mà hộ quốc, tuy ngằm tu mà phù tá cõi đời. Những kẻ câu nệ hẹp hòi do không có trí nhãn, cho là Phật giáo diệt luân lý, vô ích cho con người, cho đất nước. Như vậy thì có khác gì kẻ mù từ lúc mới lọt lòng, tuy được hưởng ân che chở, chiếu soi của mặt trời, được làm người, nhưng vì chẳng thấy bèn bảo là không có! Há chẳng đáng buồn quá đời ư?

(Đầu đông năm Bính Tý, tức năm Dân Quốc 25 - 1936)

32. Duyên khởi của liên xã Phổ Tế thuộc am Quán Âm, Hoài An

Đức Đại Giác Thế Tôn... *(cho đến)* Đây là đại ý vì sao các xứ lập Tịnh nghiệp xã *(Hoàn toàn giống với bài duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Lạc Thanh)*. Xưa kia, Hoài An cũng là vùng đất Phật giáo hưng thịnh, sau này bèn lặng ngắt không nghe nói tới nữa. Gần đây, phong tục trong cõi đời ngày một đi xuống, những vị có lòng lo cho con người bèn cùng nhau đứng lên cứu vãn. Do vậy, tại am Quán Âm trong thành đã lập ra liên xã Phổ Tế để mong sao ai nấy đều sốt sắng giữ luân thường, chánh lý, tu trì pháp môn Tịnh độ. Trụ trì là ngài Vô Vi cũng sẵn tâm cứu vớt rộng khắp sâu xa, tăng tục cũng một lòng cùng hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật.

Có ông Dương Bội Văn bình sinh theo đuổi Nho học, nhưng chẳng biết đức Phật là người như thế nào. Do đứa cháu nội chưa đầy năm đã chết, hết sức đau buồn, tiếc nuối. Cư sĩ X... khuyên tham dự liên xã niệm Phật, và đọc các kinh sách Tịnh độ, ông ta liền tinh tấn thường niệm. Chưa đầy ba tháng, từ hoa đèn¹⁷⁸ trước bàn thờ Phật kết thành một đóa sen, trong ấy có xá-lợi to bằng hạt kê, có màu như màu ngọc phi thúy. Đây là do lòng tinh thành của ông ta cảm vời cho nên Phật hiện ra tướng lành ấy để lòng tin của mọi người được vững chắc. Nguyên những ai đọc bài văn này sẽ cùng sanh lòng chánh tín, đều cùng chăm chú tu tập thật sự thì trong hiện tại sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ, cao dự vào bậc thánh hiền, lâm chung được Phật từ bi đích thân rủ lòng tiếp dẫn, cao đăng cõi Cực Lạc. Chỉ nguyện những người cùng hàng ai nấy đều cố gắng!

(Ngày đông chí năm Quý Dậu, tức năm Dân Quốc 22 - 1933)

33. Duyên khởi của Phật giáo Cư sĩ lâm Tĩnh Giang

Trong thánh giáo của Như Lai có vô lượng pháp môn, y theo bất cứ một pháp nào, dùng tâm Bồ-đề để tu thì sẽ đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo; nhưng khi đang tu còn chưa chứng thì không gì là chẳng khó dễ, nhanh chậm khác biệt. Cầu lấy một pháp chí viên chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, vừa khế lý lẫn khế cơ, vừa là tu, vừa là tánh, thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp lợi căn lẫn độn căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt cho trời người, phàm thánh chứng chân thì không gì bằng một pháp “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương”! Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải cậy vào tự lực, còn pháp môn niệm Phật kiêm cậy vào Phật lực. Cậy vào tự lực mà chưa đoạn sạch phiền hoặc sẽ chẳng thể vượt khỏi tam giới. Cậy vào Phật lực thì nếu tín nguyện chân thật thiết tha, sẽ liền có thể cao đăng chín phẩm sen. Con người

¹⁷⁸ Hoa đèn là phần bắc (tim) đèn cháy còn sót lại có hình tựa tựa như cái hoa nên gọi là “hoa đèn”. Cổ nhân thường cho rằng khi thắp đèn mà bắc đèn cháy để lại hoa đèn sẽ có điềm lành.

hiện thời muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này thì sẽ trọn chẳng có hy vọng gì hết!

Cần biết rằng, pháp môn Tịnh độ pháp nào cũng viên thông, như mặt trăng sáng vằng vặc giữa trời, dòng sông nào cũng hiện bóng; thủy ngân rót xuống đất, hạt nào cũng đều tròn xoe. Chẳng những có lợi ích lớn lao cho cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thể, yên dân, trị quốc, an bang, mà ngay cả sĩ, nông, công, thương muốn phát triển sự nghiệp, già, trẻ, trai, gái muốn tiêu diệt bệnh tật khổ sở, không ai chẳng vừa cảm liền ứng, thỏa lòng mãn nguyện.

Hiện thời lòng người yếu hèn, chìm đắm, đời đã loạn đến tột cùng, phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu vút thẹn, đủ mọi thứ tà thuyết bạo hành nhằm thực hành cầm thú hóa con người được cực lực đề xướng. Nếu chẳng cứu vãn thì đạo làm người sẽ gần như bị đứt mất. Do vậy, những vị hữu tâm các xứ cùng nhau đứng dậy đề xướng Phật pháp, giảng rõ nhân quả ba đời, nêu rõ lục đạo luân hồi, chỉ ra Sa-bà trước ác, nêu bày Cực Lạc nghiêm tịnh nhằm mong người trong cõi đời này sẽ đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình, khôi phục lễ nghĩa, sống thì dựa vào bậc thánh hiền, liễu sanh thoát tử, chết sẽ về cõi Cực Lạc.

Các vị cư sĩ Ân Đức Tăng, Chu Huệ Siêu, Hoàng Huệ Chân v.v. ở Tỉnh Giang là những bậc thân sĩ trong ấp đã lập ra Phật giáo Cư sĩ lâm ở huyện thành. Mồng 1, ngày Rằm mỗi tháng và những ngày vía Phật Bồ-tát, nhóm họp mọi người niệm Phật. Buổi chiều sau khi niệm Phật xong, thỉnh những vị tăng hay tục thông văn lý, diễn thuyết đường lối “học đạo ngay trong cõi trần, sống ở rầy bái mà bảo vệ đất nước, giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành” và pháp “thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu khắp mọi người cùng hàng đều vượt thoát biển khổ”, khiến cho hết thảy mọi người đều biết nguyên do “ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai nấy đều có thể thành Phật”, thực hành tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ”, tận lực thực hiện rốt ráo tám sự “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ sẽ đều chú trọng mong thành thánh học Phật. Đây thật sự là pháp môn đại phương tiện “chẳng giữ địa vị gì mà lại bảo vệ đất nước, cứu dân, thay đổi phong tục nhưng chẳng để lộ dấu vết” vậy.

Lâm hữu đều cho rằng Cư sĩ lâm đã thành lập, hãy nên đem ý nghĩa lớn lao này bảo khắp những người thông sáng tìm đến Cư sĩ lâm, ngõ hầu dù thấy hay nghe đều phát tín tâm, cùng hoằng dương đạo này thì thiên hạ sẽ có thể tự thái bình, nhân dân yên vui. Họ gửi thư cho Bất Huệ xin viết lời tựa nêu duyên khởi, tôi bèn viết bài này cho xong trách nhiệm!

(Cuối thu năm Ất Mão, tức năm Dân Quốc 28 - 1939)

34. Duyên khởi của Phật học liên xã Cao Đông

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài, là chỗ quy túc của Phật pháp mà cũng là nguồn cội của pháp thế gian. Ước theo tục để để luận thì chẳng hạn như tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si”, tám sự “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, hề lìa khỏi pháp này thì chẳng thể nào rốt ráo viên mãn được. Ước theo chân để để luận thì chẳng hạn như diệu đạo “đoạn hoặc, chứng chân, siêu phàm nhập thánh”, chân tâm “mây trần chẳng lập, vạn đức trọn đủ” mà lìa pháp này thì không thể nào đích thân chứng ngay được. Huống hồ đang nhằm thời mạt pháp, căn tánh con người kém cõi hèn tẻ, thế đạo chìm đắm, phá tan hoang kỷ cương, phế kinh điển, phế luân thường, thế giới sắp biến thành nơi chốn của loài cầm thú, cùng nhau phô diễn những hành vi tham tàn, bạc ác, bất hiếu¹⁷⁹ giết cha, giết mẹ. Nếu chẳng lấy nhân quả ba đời, sự lý lục đạo luân hồi và pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để cứu vãn thì đạo làm người gần như bị diệt mất. Do vậy những người có tâm lo cho thế đạo, đua nhau đứng ra duy trì.

Các vị thiện sĩ ở bến Đông Song huyện Như Cao lập ra Phật học liên xã trong điện thờ Hỏa Tinh (thần lửa)¹⁸⁰ đã bỏ hoang, đề xướng các pháp thế gian như giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để lập cơ sở sâu xa cho lòng mong mỏi thành thánh thành hiền và pháp xuất thế gian “thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương”, nhằm mong thật sự chứng được liễu sanh thoát tử, khiến cho người đời đều cùng biết ai nấy sẵn có Phật tánh, đều cùng đau đáu vì đã “mất niệm mà thành cuồng” liền cùng bảo ban nhau đạo trọng yếu để thoát khổ, cùng nghĩ “khắc chế ý niệm để thành thánh”, tu đạo hiếu đễ trong gia đình, thực hiện đạo niệm Phật đầy khắp các nẻo đường.

Sĩ, nông, công, thương đều chẳng bỏ nghề nghiệp của chính mình, nhưng tâm con người dần dần biến thành tâm Phật. Già, trẻ, trai, gái ai nấy cũng đều tận hết thiên chức thì đời loạn sẽ biến thành đời bình trị nào có khó khăn chi? Cội gốc bồi đắp đã sâu, cành nhánh sẽ tự vươn dài, rậm rạp. Quân tử chú trọng nơi cái gốc, gốc đã lập, đạo bèn sanh. Muốn cho tiếng tăm gia đình được rạng rỡ, con cháu hiền thiện, vận nước tốt đẹp, hưng thịnh, nhân tài đầy lên đông đảo thì ai

¹⁷⁹ Nguyên văn “kiêu kính chi hành vi”. Kiêu (梟) là loài cú vọ, thường được dùng để sánh ví cho sự tham lam tàn nhẫn. Kính (獍) là một loài thú theo truyền thuyết vừa lột lòng liền ăn thịt mẹ, nên những đứa con bạc ác bất hiếu thường bị gọi là “kính nhi” (獍兒).

¹⁸⁰ Hỏa Tinh chính là Hỏa Đức Tinh Quân, tức thần lửa.

này hãy nên dốc lòng nơi những điều này. Các phương pháp nghiên cứu, tu trì thì đã có những trước thuật xưa nay, ở đây tôi chỉ đặc biệt nêu bày đại lược nguyên do mà thôi.

35. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp liên xã tại miếu Viên Gia thuộc Dư Đông, Nam Thông

Phật pháp là mặt trời trí tuệ trong đêm dài, là gạo thóc trong đời đói kém, là người dẫn đường nơi đường hiểm, là thuyền từ trong biển khổ. Gần đây lòng người suy hãm, chìm đắm, đua nhau toan tính những chuyện kỳ quái. Phàm đối với những cương thường luân lý do bậc thánh nhân đã lập vào thời cổ họ đều muốn xô đổ, rớt cuộc trở thành tình thế vô pháp vô thiên, phát cao ngọn cờ biến con người thành cảm thú, đem những tà thuyết ấy dụ dỗ những kẻ vô tri vô thức phóng túng làm càn, trợn chẳng kiêng nể, ràng buộc gì. Chẳng biết đã tự diệt tuyệt nhân loại, vĩnh viễn thường đọa trong ác đạo. Tánh tình con người như thế, nếu chẳng lập cách cứu vãn thì tình cảnh mai sau sẽ chẳng thể nào tưởng tượng được. Vì vậy, những vị có trí bèn hòa nhau đề xướng Phật học để mong ai nấy do biết sự lý nhân quả ba đời và luân hồi trong lục đạo sẽ gắng sức làm lành, chẳng dám làm ác, khi còn sống sẽ là học trò của bậc thánh bậc hiền. Lại còn dạy họ tu pháp môn “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương”, để họ cậy vào Phật từ lực, vượt khỏi đời ác trược này, được dự vào Liên Trì hải hội.

Vì thế các vị thiện sĩ Thịnh Trung Phủ, Giang Cảnh Xuân v.v. ở Dư Đông và trụ trì của ngôi miếu nơi ấy là đại sư Từ Huy tổ chức Tịnh nghiệp xã Dư Đông để đề xướng, ngõ hầu hết thấy mọi người đều biết Phật pháp, không chỉ xiển minh diệu lý “duy tâm tự tánh” mà còn xiển minh nghĩa sâu nhân quả luân hồi. Ngay cả đối với cương thường luân lý, Phật giáo xiển dương còn thân thiết hơn Nho giáo. Vì thế gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh kính em nhường, chồng hòa vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy đều trọn hết thiên chức của chính mình; lại còn phụ trợ bằng thuyết nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi. Dẫu là kẻ ương bướng, kém hèn cùng cực thì cuồng tâm cũng sẽ bớt đi đôi chút, tuân hành chánh đạo để mong chẳng chuốc lấy ác quả, sẽ hưởng thiện quả, hưởng hồ những pháp đoạn hoặc chứng chân ư?

Cần biết rằng, trong Phật pháp thì pháp môn vô lượng, hễ tu bất cứ một pháp môn nào đến cùng cực cũng đều có thể liễu sanh thoát tử, nhưng để có thể quyết định liễu sanh thoát tử ngay trong đời này thì chỉ có một môn Tịnh độ. Những pháp môn khác dẫu tu tập suốt nhiều đời nhiều kiếp vẫn chưa chắc chắn đã liễu sanh thoát tử được. Bởi lẽ hết thấy các pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực và kiêm thêm tự lực. Do cậy vào Phật

lực nên dễ hơn cây vào tự lực trăm ngàn Hằng hà sa lần. Lại còn phải nên biết rằng, pháp môn niệm Phật thật sự là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Do vậy, chúng sanh trong chín giới hễ lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể phổ độ quần sanh. Nếu chẳng đã gieo thiện căn từ đời trước, làm sao được nghe tới pháp này?

Nghe mà chẳng tu, hoặc tu mà không đặc lực thì đáng đau tiếc lắm thay! Đã tu trì lại còn tận lực giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bốn phần của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, giúp đỡ người nghèo, cứu vớt kẻ khốn khó, tận tụy thực hành, lấy thân làm gương, giữ tâm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm việc tốt lành thì sống sẽ có tiếng tăm, mất lên cõi Phật, tấn tu dần dần theo thứ tự cho đến khi thành Phật mới hòng chẳng phụ Phật tánh mà chính mình vốn sẵn có trong cái tâm này và tâm lòng đau đáu thuyết pháp độ sanh của đức Như Lai.

Nếu ai nấy đều được như thế thì lẽ nào còn có thói xấu xa “ngươi dối gạt, ta mắc lừa, cạnh tranh tàn hại lẫn nhau”, lẽ nghĩa, nhân nhượng sẽ được hưng khởi, can qua chấm dứt, nhân họa đã không còn, quyền thuộc cõi trời sẽ thường giáng xuống, cõi đời trở lại thuở Đường Ngu, con người vui hưởng thái bình sẽ chẳng trở thành hiện thực ư? Dẫu cho khắp cõi đời đều chẳng thể làm được như thế thì một người làm được, chính người ấy sẽ được hưởng lợi ích. Như từ một truyền thành trăm, cho đến ngàn, đến vạn, đến vô lượng vô biên, cũng chỉ do người đề xướng, khuyến lơn, khích lệ siêng năng hay lười biếng mà thôi!

Thế đạo đang buổi suy hoại là do một hai kẻ phát khởi đến nỗi bại hoại hết thuốc chữa. Nay muốn cho thế đạo được tốt đẹp, há có thể nào đã biết đến ý này mà lại gác bỏ ra ngoài ư? Vì thế, “do đất mà ngã thì cũng do đất mà đứng dậy; rời khỏi đất mà mong đứng dậy, quyết chẳng có lẽ ấy!” Nguyên những ai nhập hội và những ai thấy nghe đều cùng biết nghĩa này thì may mắn chi hơn. Đối với pháp tắc tu trì Tịnh độ, đã có các kinh luận trước thuật của Tịnh tông, do vậy tôi không nêu tường tận ở đây, chỉ đặc biệt nêu ra những nét chánh yếu mà thôi.

36. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Nghi Hưng

Phật pháp là tâm pháp, tâm pháp ấy ai nấy đều sẵn đủ, không ai chẳng có; là gốc của hết thấy các pháp thế gian hay xuất thế gian, chỉ mình đức Thích-ca Thế Tôn ta triệt ngộ, triệt chứng. Do thương xót sâu xa chúng sanh mê muội nên đức Phật tùy thuận căn cơ của chúng sanh, giảng những pháp nói về tự tánh của chính

cái tâm này và ngũ giới thập thiện, lục độ vạn hạnh, cũng như nhân quả ba đời, luân hồi trong lục đạo, cùng với tín nguyện niệm Phật, vượt thoát tam giới theo chiều ngang v.v..

Phật pháp được truyền vào Trung Quốc từ thời Đông Hán hai ngàn năm qua, vua, quan, vĩ nhân, bậc trí tuệ các đời phần nhiều đều sùng phụng tu trì, lưu thông rộng rãi. Thử đọc các sách vở, chỉ qua một chuyện tạo dựng chùa tháp trong các đời, ta đã có thể hình dung được Phật pháp trong thuở trước hưng thịnh như thế nào. Từ cuối đời Thanh đến nay, vận nước ngày một suy, chiến tranh liên tiếp nổ ra, bậc triết nhân mất đi, bọn tầm thường ngày một đông đảo, tất cả tầng chúng đại đa số đều chẳng tự chấn chỉnh, hưng khởi, tự ruồng rẫy, tự vứt bỏ, đến nỗi Phật pháp bại hoại sát đất. Tầng chúng đã thiếu người đề xướng, Nho sĩ trọn chưa hề đọc kinh Phật, chẳng hề một lần thân cận bậc cao tăng, chỉ vâng giữ những lời lẽ cong vạy của gã Xương Lê (Hàn Dũ), coi Phật pháp là dị đoan, hại đời hại đạo, đến nỗi những kẻ tầm thường trong xã hội đồng thanh phụ họa, trở thành hiện tượng xấu ác “đuổi tăng, chiếm đoạt tài sản, hủy Phật, diệt pháp”, đạo đức đắm chìm chôn vùi, cũng như có lắm hành động trái nghịch, vượt phạm vi đạo đức của Nho giáo hết sức băng nhắng trong cõi trần.

Nếu hết thấy mọi người ai nấy đều tuân thủ ngũ giới thập thiện, biết rõ sự lý nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi thì lẽ đâu có những hiện tượng còn thua cầm thú ấy! Truy cứu đến cái gốc họa, chẳng thể không quy tội cho những lời lẽ cong vẹo của gã Xương Lê. Lại có những kẻ ngu phu ngu phụ tuy có tâm chuộng điều lành, nhưng chẳng được biết tới Phật pháp chân thật, thường tưởng luyện đan vận khí là Phật pháp. Tuy có lòng tốt nhưng chỉ bồi đắp được chút phước thế gian hoặc lọt vào ma đạo, đáng cảm khái, than thở sâu xa lắm thay! Do mỗi nơi có nhân duyên riêng biệt mà có chỗ trước kia Phật pháp được hưng khởi lớn lao rồi rút cuộc trọn chẳng còn tiếng tăm, dấu vết, hoặc chỉ còn đôi chút hình tướng đến nỗi đại đa số mọi người như đang ở trong đêm dài chẳng thấy được mặt trời, há có phải là Phật pháp bất hạnh hay là lũ chúng ta đại bất hạnh vậy?

Cần biết rằng, Phật pháp chính là pháp tận lực giữ vẹn luân thường, là pháp ngằm giúp đạt đến bình trị tốt bậc, là tin tưởng một cách trí tuệ, chẳng phải là mê tín, là tích cực, chứ không phải tiêu cực, là cứu thế, chứ không phải yếm thế, là làm cho người khác cùng được tốt lành, chứ không chỉ nhằm tốt lành cho riêng mình, là hợp với nhân sanh, chứ không phải trái nghịch nhân sanh. Do người đời chẳng biết chân tướng của Phật pháp nên đến nỗi đối với pháp “có ích lớn lao cho quốc gia, xã hội, cũng như hữu ích cho thân tâm, tánh mạng của mỗi người” này, lại gán cho đủ mọi cái tên xấu xa để chê bai bài xích, khiến tự làm làm người,

chẳng đáng buồn ư? Tri kiến của những kẻ cùng hàng thật nông cạn. Lúc thoát đầu do chưa từng nghiên cứu nên cũng ôm giữ những thứ tri kiến như trên. Nếu hơi nghiên cứu một chút thì mới biết vua, quan, vĩ nhân, bậc trí trong các đời đều phụng hành tu trì, lưu truyền rộng rãi ngõ hầu có thể thấu hiểu tận cùng chân lý trong vũ trụ, giải quyết được nguyên do của nhân sanh, cải cách được lề thói xã hội, củng cố nền tảng nước nhà, thúc đẩy nền văn minh trên thế giới, hiểu rõ trọn khắp cội nguồn của các pháp.

Than ôi, thế giới ngày nay chẳng phải là một thế giới đáng sợ hãi lớn lao ư? Trung Quốc ngày nay chẳng phải là Trung Quốc đang theo kiểu mẫu địa ngục ư? Lòng người ngày nay chẳng phải là lòng người theo lẽ thói ma thuật ư? Chúng ta ở trong hoàn cảnh hiểm ác này, nếu chẳng cực lực đề xướng ngũ giới thập thiện, giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, tỏ rõ sự lý luân hồi lực đạo do đức Phật đã nói thì con người sẽ chẳng khác gì cầm thú. Dùng những điều này để tụ tập những người cùng chí hướng, tùy phần tùy sức đề xướng tu trì. Nhưng trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, chỉ có một pháp “đốc lòng tu điều lành thế gian, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương” là thiết yếu nhất, là phổ thông nhất, thực hiện dễ nhất mà lại đạt thành tựu dễ nhất. Ấy là vì nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận thì còn là tội nhân trong thế gian, làm sao mong được Phật gia hộ? Nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ai có thể đoạn sạch phiền hoặc, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này?

Do vậy, đức Phật ta nghĩ thương những kẻ chẳng thể nhanh chóng đoạn phiền hoặc, đặc biệt nói ra pháp “cậy vào Phật từ lực để liễu sanh tử” này, ngõ hầu hết thảy dù phàm hay thánh đều cùng có thể hoàn tất đạo nghiệp ngay trong đời này. Viễn công đại sư đời Tấn tận lực hoằng dương pháp này. Từ đời Tấn tới nay, hơn 1.500 năm, những bậc cao nhân tăng tục kế tiếp nhau hoằng dương. Cho đến ngày nay chúng ta đều cùng được văn huân tu trì, may mắn chi hơn?

37. Duyên khởi của duyệt kinh thất Huệ Tế Cư

Phật pháp chính là pháp chung của hết thảy tứ thánh lục phàm trong mười pháp giới, không ai chẳng nên học, mà cũng không một ai chẳng thể học được, bởi vì Phật pháp chính là tâm pháp. Con người ai không có tâm? Nhưng ai là kẻ nhận biết cái tâm? Trong cõi đời cố nhiên chẳng thiếu kẻ thông minh, thấu hiểu rộng rãi, nhưng do họ chuyên chú trọng rong ruổi tìm cầu bên ngoài, chẳng biết xoay lại chiếu soi bên trong, dẫu suốt ngày sử dụng cái tâm, suốt ngày nói tới cái tâm, nhưng rốt cuộc chẳng biết tâm là vật gì. Vì sao vậy? Vì chỉ có tri thức biện định sự vật, chứ trọn chẳng có trí tuệ thấu hiểu tận cùng tâm tánh. Thiên hạ ngày nay đã loạn lạc đến tận cùng, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, vứt

lòng then, đúng là muốn cho con người trong khắp cả cõi đời trọn chẳng khác gì các loài cầm thú mới thôi. Ôi, đáng than thay!

Xét kỹ nguyên do bình trị hay loạn lạc từ xưa đến nay, không lúc nào chẳng lấy gia đình làm căn cứ. Nếu mọi người dân đều dốc lòng hành hiếu hữu, nghiêm túc trọn hết bốn phận của chính mình, biết nhân rõ quả, sửa ác hướng lành, như vậy thì cõi đời nào chẳng bình trị, gia đình nào chẳng được hưng thịnh, có khi nào nhân tài chẳng dấy lên đông đảo, có lẽ đâu thiên hạ chẳng hưởng thái bình ư? Hiện thời, thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra đều là vì những gã theo Lý học đả phá, bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, khiến cho bậc thượng chẳng gắng sức, biếng làm lành, bậc hạ không có gì để kiêng sợ, dám làm chuyện ác. Kéo dài đã lâu gần như đã tan nát, đến khi gió Âu vừa thổi đến thì cái đạo làm người hầu như chấm dứt. Xét đến cội nguồn chính là vì bọn Lý học bàn suông lý tánh, vứt bỏ nhân quả mà ra. Học thuyết gây lầm lạc đến mức như thế, chẳng đáng sợ hay sao?

Nay muốn vấn hồi thế đạo nhân tâm để thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui, mà bỏ đạo “tu chân ngay trong cõi tục, hiểu nhân rõ quả” của đức Như Lai thì làm sao yên được? Ấy là vì đức Như Lai gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường em kính, chồng hòa vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, đối với mỗi người đều dạy trọn hết chức phận của chính mình thì gia đình hết sức hòa thuận, con người quen thói lễ nghĩa, nhân nhượng. Tiến hơn bước nữa là tu pháp môn Tịnh độ thì chính là dùng pháp thế gian để tu pháp xuất thế gian, chẳng lìa những xử sự luân thường trong hằng ngày mà vào thẳng biển pháp của Như Lai. Dầu cho căn cơ kém hèn cũng có thể cậy vào Phật từ lực để được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này.

Cư sĩ Ngô Huệ Tế sau khi được nghe Phật pháp, buồn thương sâu đậm vì hết thấy những người cùng hàng chưa được thấm gội ân Phật giáo hóa. Do vậy, đặc biệt thỉnh các loại sách Phật đơn giản, gài gửi để tặng cho hàng sơ cơ nhằm mong họ sẽ từ cạn mà tiến vào sâu, do học phép bậc hạ mà sẽ thấu đạt những pháp bậc thượng. Lại tính cất riêng một gian nhà ở trong nhà của chính mình, đề biển là Huệ Tế Cư, tích tập các thiện thư chánh tri kiến và những sách Phật kệ lý kệ cơ nhằm mong những người cùng họ, cùng thôn đều cùng được xem đọc, sẽ cùng sốt sắng giữ vẹn hạnh hiếu hữu, cùng tu tịnh nghiệp, ngõ hầu khi sống sẽ dự vào bậc thánh, bậc hiền, khi mất sẽ về cõi Cực Lạc. Dụng tâm đáng gọi là khẩn thiết, chu đáo, thiết tha!

Mong sao các thiện sĩ đến đây xem kinh ai nấy đều sanh lòng cung kính, sanh ý tưởng khó gặp gỡ, đối với những pháp nên vâng giữ ắt sẽ tận tụy thực hành, đối

với những điều nên kiêng dè ắt sẽ đoạn trừ hết sạch. Do vậy những chuyện như mong thành thánh thành hiền, liễu sanh thoát tử, trong thân hiện tại sẽ vĩnh viễn hưởng lâm phước, con cháu được hưởng tốt lành lâu dài sẽ đều đạt được. Ấy là vì dùng chánh trí tuệ để tu hành đại đạo luân thường của thế gian và diệu pháp Tịnh độ xuất thế gian viên đốn nhất, giản tiện nhất. Do vậy đối với thân, đối với nhà, đối với mọi người, đối với sanh tử đều giúp đỡ trọn khắp. Ý nghĩa của tên gọi Huệ Tế Cư là như vậy đây, chứ không phải ông ta xằng bậy dùng pháp danh của mình để đặt tên cho duyệt kinh thất, muốn cho người khác nhớ mãi chẳng quên đâu! Vì vậy, tôi nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín này để thừa cùng những bậc thông sáng mai sau.

(Tháng 6 mùa hạ năm Kỷ Ty, tức năm Dân Quốc 18 - 1929)

38. Lời tựa nhỏ cho một trăm bài kệ ca ngợi A-di-đà Phật

Xưa kia, ngài thiền sư Triệt Ngộ dùng các giáo nghĩa, tông thừa viết ra một trăm bài kệ niệm Phật, văn từ và nghĩa lý đều viên diệu, khiến cho tâm mục của mọi người được mở rộng. Bạn tôi là hòa thượng Dật Nhân (tức hòa thượng Chân Đạt) khi sưu tập các pháp ngữ Tịnh độ xưa nay để biên tập quyển Tây Phương Công Cứ, lại căn cứ vào các nghĩa trọng yếu trong nhân địa, quả vị của đức Phật A-di-đà để soạn thành tất cả một trăm bài tụng, mỗi bài bắt đầu bằng câu A-di-đà Phật, ngõ hầu tạo lợi lạc cho kẻ sơ cơ. Những bài tụng này khen ngợi đức A-di-đà trong lúc tu nhân đã bỏ nước xuất gia, phát ra 48 nguyện (trong mỗi bài kệ đối với hai câu kệ tiếp theo câu kệ thuật bày, mỗi nguyện đều dựa theo cách đặt tên để phân chia khoa mục các nguyện trong bộ Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ của pháp sư Huệ Viễn, lấy mỗi nguyện làm câu chủ yếu), tu trọn lục độ vạn hạnh cho đến khi viên mãn ba giác, chứng được mười ba danh hiệu¹⁸¹. Sau đấy, còn khen ngợi sơ lược về sự trang nghiêm của cõi nước, lòng từ độ khắp của đức Phật, lợi ích của pháp môn Tịnh độ. Dẫu văn từ nghĩa lý kém xa [một trăm bài kệ niệm Phật của] ngài Triệt Ngộ, nhưng những lời nguyện và danh hiệu trong những bài tụng này rất có ích cho kẻ sơ cơ dễ bề ghi nhớ. Nay tôi đem một trăm bài kệ này in vào phía trong bìa sách và viết lời tựa nhỏ để in trong lòng sách ngõ hầu người đọc biết được nguyên do vậy.

¹⁸¹ Theo kinh Vô Lượng Thọ (bản dịch của ngài Khang Tăng Khải đời Ngụy), đức Phật A-di-đà ngoài danh hiệu Vô Lượng Thọ, còn có 12 danh hiệu như sau: Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Viêm Vương Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật, Trí Tuệ Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Vô Xúng Quang Phật, Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật.

39. Lời tựa nhỏ cho một trăm bài kệ luận về Niệm Phật Già Đà Giáo Nghĩa của thiền sư Triệt Ngộ

Thiền sư Triệt Ngộ thấu hiểu giáo nghĩa sâu xa, triệt ngộ tông thừa. Tuổi già hướng lòng nơi Tịnh độ, tự hành dạy người, một mực lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chủ yếu. Những điều được ngài nêu tỏ quả thật hiếm thấy trong đời gần đây. Nay sao lục một trăm bài kệ giáo nghĩa để tạo một hướng dẫn tốt lành cho người tu tịnh nghiệp vậy.

40. Tiểu dẫn (lời dẫn giải ngắn) về hai điều lợi ích do vẽ tượng Phật

Quán kinh dạy: “Tâm này làm Phật, tâm này là Phật.” Phàm nhớ Phật, niệm Phật, quán Phật, lễ Phật, vẽ hình Phật đều gọi là “làm Phật”. Do tâm nghĩ đến đức Phật nên trong tâm liền hiện tướng hảo trang nghiêm, công đức, oai thần của Phật, cho nên nói “tâm này là Phật”. Kẻ làm đệ tử Phật sao chẳng dốc sức nơi đây? Trong những việc ấy, chỉ có vẽ hình Phật lại càng thân thiết, bởi lẽ chẳng dốc trọn hết tinh thần sẽ chẳng thể diễn tả được tướng hảo, thái độ trang nghiêm, từ bi được. Học trò tôi là Lý Trọng Hòa khá thích vẽ vờ, vẽ khá đẹp. Gần đây, ông ta quy y tam bảo, muốn chuyên vẽ hình Phật để lợi mình lẫn người. Hơn nữa, do nhà nghèo chẳng thể tùy ý thực hiện các công đức, vì vậy bèn phát tâm vẽ hình Phật, định giá cho người khác thỉnh. Đối với món tiền trả công vẽ tranh ấy, ngoài khoản chi phí dành cho giấy, bút, màu vẽ, hương, đuốc ra, đều dùng để cúng dường hết cho tam bảo và làm chuyện công ích, quyết chẳng để dùng riêng cho chính mình. Nếu dùng, sẽ mắc tội ăn trộm đồ vật của tam bảo cũng như tội khinh Phật, dối người! Ông ta thực hiện như thế để mong mình lẫn người đều cùng gieo thiện căn, cùng tiêu ác nghiệp, trong đời này phước tăng, tuệ rạng, khi báo thân đã hết bèn về thẳng Tây Phương làm đệ tử Phật Di-đà, làm bạn lành trong hải hội. Do vậy tôi bèn viết hai điều lợi ích do vẽ hình Phật và lược thuật đại ý vậy.

41. Tiểu dẫn về việc quyên mộ để kiến lập đạo tràng Siêu Độ Cô Hồn Tiêu Tai Phật Thất ở Như Cao

Tam giới không yên giống như nhà lửa, các nỗi khổ đầy dẫy, thật đáng kinh sợ! Trong hội Pháp Hoa, đức Như Lai đã sớm nói đến điều này. Nỗi thảm đao binh trong cõi đời gần đây quả thật từ ngàn xưa chưa hề nghe tới. Phương cách giết người không kiểu kỳ lạ nào chẳng có, đến nỗi vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Xét đến nguyên do, đều là vì chúng sanh đang mê, chẳng hiểu ngã không, cho nên đối với những cảnh nghịch hay thuận đều khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm mà ra. Nhưng với hai chuyện dâm và trộm thì người hiền dùng lễ để tự ngăn ngừa, kẻ ngu do bị luật pháp không chế nên hai nghiệp này vẫn chẳng đến nỗi

quá mức. Chỉ có chuyện sát sanh ăn thịt là do quen thói nên thế tục coi như chuyện đương nhiên, điềm nhiên chẳng để ý tới, đến nỗi đây kia đời đời kiếp kiếp báo thù lẫn nhau, uơ thành tai kiếp cực thảm như thế này, chẳng đáng buồn sao?

Những người cùng hàng sẵn tâm cứu thế, nhưng không có sức để dứt tai kiếp, trộm thấy hết thấy cô hồn bị sát thương bởi đao binh ôm hờn nơi chín suối, lâu ngày ắt sẽ thành tai ương dữ dội. Do vậy, sau những trận chiến lớn, ắt sẽ có bệnh dịch và hung niên¹⁸². Nếu chẳng nương theo Phật pháp để cầu siêu thì chẳng những linh hồn thần thức của người chết không chỗ nương về, mà còn khiến cho kẻ sống đau lòng buốt gan. Chắc là tật dịch, hung niên sẽ như nước càng sâu, như lửa càng nóng! Nhưng trong Phật pháp, pháp môn rộng lớn, vô lượng vô biên, chỉ có pháp môn niệm Phật thật là bậc nhất. Bởi lẽ, đức Di-đà trong khi tu nhân đã phát thệ nguyện to lớn: “Nếu có chúng sanh nào tín nguyện niệm Phật, ta nhất định sẽ rủ lòng từ tiếp dẫn khiến cho kẻ ấy vãng sanh Tây Phương.” Nay ước định vào ngày... trong tháng... ở chỗ... sẽ mở đạo tràng niệm Phật bảy ngày. Phàm những vị thiện tín ai nấy đều nên phát tâm Bồ-đề, đến niệm Phật trong hội để cầu cho các cô hồn đều được siêu thăng, tai chướng đều được tiêu diệt. Nếu chẳng tiện đến thì cũng nên kiên thành niệm Phật tại nhà.

Nhưng phí tổn trong bảy ngày để lo liệu tất cả những thứ hương đèn, trái cây, thực phẩm cúng Phật, trà, cơm, điềm tâm cho đại chúng, hương, đèn, giấy vàng bạc cúng cô hồn sẽ rất lớn, khẩn thiết mong hết thấy những vị thiện tín ai nấy hãy tùy theo tâm lực mà tán trợ để những vị đến tham dự niệm Phật trong suốt bảy ngày được nhờ vào tài lực do mọi người dốc hết lòng thành cúng dường sẽ chẳng phải nhọc nhằn đến đi, rong ruổi tìm cầu những thứ cần dùng, sẽ nhất tâm bất loạn niệm Phật, ngõ hầu những cô hồn được cầu siêu ấy sẽ cậy vào Phật lực về thẳng Tây Phương, cả ấp nơi đất Như (Như Cao) sẽ được tiêu tai chướng, hưởng mãi những điều tốt lành, tổ tông của mọi dòng họ ở nơi tổ chức đạo tràng ấy sẽ đều được gởi thân nơi Liên Trì, tất cả chúng sanh pháp giới sẽ đều được gá thân thức nơi An Dưỡng. Trong thế giới sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, điều phước ủa tới, thời thế an hòa, mùa màng sung túc, dân khỏe mạnh, vật sanh sôi nảy nở, cảnh tượng đại đồng trong thuở Đường Ngu sẽ được thấy trong ngày nay. Chỉ mong ai nấy chẳng tiếc tâm lực nghĩ nhớ, chẳng tiếc tài lực giúp đỡ thì lợi ích ấy sẽ chẳng thể nào diễn tả được.

42. Lời tiểu dẫn cho Phật học hội Như Cao

¹⁸² Năm đói kém, thiên tai dữ dội.

Chuyện thế gian hay xuất thế gian hễ nếu sẵn đủ nhiệt tâm và nghị lực thì nhất định không chuyện gì chẳng thành. Ông Đặng Tử Phác trước kia từng quyên mộ xây dựng đại điện chùa Pháp Vân ở Kim Lăng, lập ra sổ quyên mộ 48 nguyện, đề tựa là “*hữu nguyện tất thành*” (có nguyện ắt thành), lại còn trần thuật đại ý. Không lâu sau, quả nhiên những nguyện ấy được thỏa mãn. Cụ Lục Tây Lâm ở Tô Châu, tuổi ngoài tám mươi, tuy nhà cửa chẳng giàu có lắm, vẫn khẳng khái đảm nhiệm quyên tặng một nguyện, liền giao trọn số tiền ngay lập tức, quả thật đáng nêu gương để thành tựu thiện cử (hành vi tốt lành) vậy. Nay đọc chương trình của Phật học hội Mã Đường ở Như Cao và nghe nói những người lo toan như cư sĩ Châu Quý v.v. đều là những vị sốt sắng tu hành trong sạch, lại còn tận lực mong giữ đúng lễ tiết. Kinh phí cho mỗi năm chỉ cần 500 đồng.

Hiện thời, tuy người nhập hội mới chỉ được mấy chục người, nhưng nếu kêu gọi rộng rãi hội viên thì mỗi người bỏ ra 2 đồng thì sẽ không còn phải lo âu gì. Huống chi nghe nói còn có những người đóng góp 8 đồng, 6 đồng, 4 đồng ư? Mỗi một nguyện xây dựng đại điện chùa Pháp Vân là 2.000 đồng mà còn được miễn nguyện ngay, huống chi là mấy đồng nhỏ nhoi này! Lại còn có sổ sách tổng kết, báo cáo cuối năm để tạo sự tin tưởng, ai chẳng thích nhập hội để mong đích thân được nhuần gội sự giáo hóa của đức Phật, trong đời hiện tại làm người lành ba nghiệp thanh tịnh, khi lâm chung sẽ là thánh chúng cao đẳng chín phẩm. Có nguyện ắt thành, tôi dám bảo đảm với người sáng lập và tu trì vậy!

43. Lời tiểu dẫn cho tập sách Danh Hiền Đề Vịnh (*viết thay cho thường trụ Linh Nham*)

Quý khách đến ở, chùa cổ sáng ngời. Riêng soạn sách vụng, cầu đề lời hay, để trần tam quan, kết hương liên xã. Trăm năm mãn thọ, cùng về Tây Phương.